

NHIỀU TÁC GIẢ

Người Đàn bà làm

ĐIỂM

TUYỂN TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **vh**

NGƯỜI ĐÀN BÀ LÀM ĐIỂM

Tuyển truyện ngắn thế giới
NHIỀU DỊCH GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Các tác giả:

Chu Tiên Quy, Nhiếp Hâm Sâm, Horacio Quiroga, Judith Hermann, Jean - Claude Mfou'ou, Katia Toure, Mohamed Berrada, Cầu Sơn Sơn, Nhiếp Đạt Giáp, Lữ Tân Kiến, Nhất Doanh, Clare Boylan, Alaberto Buitrago, N. Đumbatze, Lion Izmailov, A.I. Cupin, F.S. Fitzgerald, Alberto Morava, Jean - Pierre Chabrol, Roger Grenier, J. Galsworthy, Trần Xương Bình, Lưu Sĩ Sương, Trịnh Ngạn Anh, Hà Sơn Thụ, Andre Dubus, Maxine Clair, Ray Bradbury.

Các dịch giả:

Trà Ly, Nguyễn Trung Đức, Hoàng Đình Trục, Lê Quang, Trần Việt, Đức Thảo, Trần Quỳnh Hương, Hà Việt Anh, Đào Minh Hiệp, Tô Đức Huy

BẠN BÈ CHÍ CỐT

Chu Tiên Quy

Giám đốc trẻ Tiểu Hạ mới nhậm chức ở một xí nghiệp nọ vốn là bạn vong niên của nhà văn Lão Thượng, hơn nữa, có thể coi hai người là bạn chí cốt của nhau. Tuy tuổi tác chênh lệch, song họ rất hay đến với nhau để uống rượu và nói chuyện phiếm. Mỗi khi ở xí nghiệp có những chuyện khó xử, Tiểu Hạ thường tìm đến Lão Thượng tham khảo ý kiến; Lão Thượng cũng coi đó là chuyện của mình, góp ý rất chân thành, không hề né tránh.

Có lần, sau khi rà soát lại đội ngũ cán bộ, viên chức của xí nghiệp, Tiểu Hạ định làm một cuộc điều chỉnh lớn về cán bộ lãnh đạo. Tư tưởng chỉ đạo là phải trẻ hóa đội ngũ, thay hết những người từ năm mươi tuổi trở lên bằng những người trẻ.

Trước khi công bố phương án sắp xếp lại cán bộ lãnh đạo, Tiểu Hạ tìm đến Lão Thượng tham khảo ý kiến. Lão Thượng như thường lệ, đem lạc rang, đậu phụ chiên, trứng rán, thịt bò hầm tương và rượu ra tiếp đãi. Cũng như thường lệ, hai người vừa uống rượu vừa nói chuyện. Cuối buổi, Lão Thượng kể một câu chuyện như sau:

“Ngày trước, ở Thành Tây có một người tên là Tân Sinh Tài chuyên sống bằng nghề nuôi dê. Lúc đầu, bầy dê thường bị thú dữ tấn công. Về sau, Tân Sinh Tài bèn nuôi một con chó săn để giữ dê. Con chó săn này dữ lắm, mấy



lần rượt đuổi bầy thú dữ chạy biến. Từ đó, chỉ cần có con chó săn đi theo là bầy dê được bảo vệ an toàn. Nhiều năm trôi qua, con chó săn đã già đến mức không còn lên núi được nữa. Tần Sinh Tài phải nhốt nó ở nhà, cho một con chó non theo bầy dê lên núi. Con chó non này cũng dữ lắm, nhe nanh múa vuốt, sủa nặng xì cả lên song vẫn không ngăn được bầy thú dữ tấn công đàn dê. Không còn cách nào khác, hàng ngày Tần Sinh Tài nhốt con chó già vào cũi rồi khiêng lên núi, đặt gần đàn dê, con chó già thỉnh thoảng sủa vài tiếng, vậy mà đàn thú dữ không dám bén mảng đến gần bầy dê nữa!”.

Nghe xong chuyện ấy, Tiểu Hạ thay đổi chủ kiến của mình. Khi điều chỉnh, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, anh ta vừa chú ý đến tuổi tác vừa coi trọng tài năng, đạo đức; những ai có khả năng làm việc thì giữ lại, trường hợp đặc biệt không thể giữ lại được thì bố trí làm trợ lý giám đốc, cố vấn kinh doanh...khiến cho tính tích cực của mọi người đều được phát huy. Năm đó dù sức mua của thị trường bị suy giảm nhưng lợi ích kinh tế của xí nghiệp lại tăng cao chưa từng thấy.

Năm sau, Tiểu Hạ cho thử nghiệm một phương án sản xuất mới, song chẳng bao lâu đã thấy xuất hiện những hiện tượng tiêu cực. Cán bộ, công nhân xí nghiệp tỏ ra uể oải, tinh thần sản xuất giảm sút. Tiểu Hạ rất bức, mấy lần mở hội nghị công khai phê phán các hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong xí nghiệp nhưng mọi chuyện vẫn dẫu vào đấy.

Tiểu Hạ rất khổ tâm, anh lại đến với Lão Thượng để trao đổi, tìm cách khắc phục. Lão Thượng lại đem các món

lạc rang, đậu phụ chiên, trứng rán, thịt bò hầm tương và rượu ra tiếp đãi. Hai người cùng uống, cùng nói chuyện. Cuối cùng, Lão Thượng kể:

“Ngày xưa, có người nuôi một con mèo để nó canh giữ kho thóc. Con mèo ngày đêm canh giữ kho thóc rất tận tình, mẫn cán. Lũ chuột vì vậy không có cách gì đến gần kho thóc được, đói quá gầy trơ xương. Một con chuột già ốm đói liều mạng bò đến kho thóc, chưa kịp ăn hột nào đã bị mèo chộp cổ. Mèo ta mang con chuột già ốm tong teo đến cho chủ, nghĩ bụng thế nào cũng được trọng thưởng. Không ngờ, lão chủ chê con chuột gầy quá, chỉ thưởng cho mèo một chiếc xương cá! Từ đó mèo thay đổi chủ định: Không thèm canh giữ kho thóc nữa. Hàng đêm, mèo ăn no và đánh đầy giấc. Chờ đến khi lũ chuột vừa to vừa béo, mèo ta mới tóm cổ một chú nung núc những thịt là thịt mang đến cho chủ. Lần này, thấy con chuột to béo quá, lão chủ thưởng cho mèo một con cá rô to!...”

Tiểu Hạ nghe xong câu chuyện của Lão Thượng, liền nhận ra một điều: Làm lãnh đạo không thể chỉ trách những người thuộc quyền lợi dụng kẽ hở của cơ chế, chính sách mà còn phải suy nghĩ về những quy định của mình đã thực sự hợp lý và chặt chẽ chưa? Con mèo bắt được chuột nhỏ, thưởng nhỏ, bắt được chuột lớn, thưởng lớn, liệu đã thật chính xác hay chưa?

Tiểu Hạ liền tổ chức lấy ý kiến mọi người, bổ sung hoàn thiện phương án, không những ngăn được các hiện tượng tiêu cực mà cuối năm lợi nhuận của xí nghiệp lại được tăng lên...



Trước những thành công của phương án sản xuất mới, Tiểu Hạ biết ơn Lão Thượng, muốn bày tỏ tình cảm chân thành của mình đối với ông. Một tối cuối năm, Tiểu Hạ và mấy vị lãnh đạo chủ chốt của xí nghiệp mời Lão Thượng đến “Hoàng Gia tửu lầu” để chiêu đãi mừng thắng lợi. Tiểu Hạ nói: “Thưa Lão Thượng tiên sinh, anh đã có nhiều ý kiến quý báu giúp xí nghiệp phát triển. Chúng tôi rất cảm ơn anh. Hôm nay chúng ta có quyền tự chiêu đãi mình một bữa ra trò, xin mời thực lòng cho!”

Lão Thượng nhìn thấy la liệt sơn hào hải vị trên bàn tiệc, khôì hài nói:

- Đã là chỗ thân tình, hà tất phải khách sáo. Tôi nói thực nhé. Những thứ của ngon vật lạ này, ngay cả bọn *muối ở nhà quê* chúng cũng đã nếm cả rồi! Và, ông kể:

“ Muối nhà quê và muối thành phố kết bạn với nhau, hai bên đều bày tiệc lớn để đãi bạn. Đầu tiên là tiệc của muối nhà quê đãi muối thành phố. Muối quê mời muối phố đến nhà một nông dân, chọn cô con gái ông chủ làm món cao lương mỹ vị đãi khách. Xong tiệc, muối quê hỏi muối phố cảm tưởng về bữa tiệc. Muối phố tỏ ra rất hài lòng, nói:

- Tuyệt vời! Vị người thật điển hình!

Muối quê liền giải thích:

- Cô gái này toàn ăn ngũ cốc, hoa quả...thành thử có vị người đặc trưng.

Hôm sau, muối phố mở tiệc đãi muối quê. Muối phố nghĩ không thể thất lễ với bạn, phải để cho bạn thật ngon miệng mới được! Nghĩ thế, muối phố liền chọn một vị giám đốc trắng trẻo, phương phi, béo tốt để đãi muối quê. Nhưng

nếm mãi mà muối quê vẫn không nhận ra vị người, bèn hỏi thẳng muối phố tại sao lại như vậy. Muối phố vô cùng áy náy, đáp:

- Xin lỗi, chúng tôi rất muốn các bạn được ngon miệng, không ngờ, loại người này họ ăn đủ thứ rắn rết...thành thử họ không còn vị người thuần khiết nữa! Thành thật xin lỗi các bạn!”

Tiểu Hạ và mấy vị phó giám đốc xí nghiệp cười vang. Cười chán, bèn gọi người phục vụ dọn lạc rang, đậu phụ chiên, trứng rán, thịt bò hầm tương và rượu...

Trà Ly dịch

NGƯỜI VỀ ĐÊM GIÓ TUYẾT

Nhiếp Hâm Sâm

Soạn xong tập tài liệu lịch sử Đảng, khi chấm dấu chấm tròn vào câu cuối cùng của bài viết, Ngu Thỉnh thở phào nhẹ nhõm. Nhìn đồng hồ, 12 giờ kém 5, vậy là, từ sau bữa cơm tối cho tới lúc này, cô đã mất gần 6 tiếng đồng hồ cho tập tài liệu. Ngu Thỉnh dự định sau giờ làm việc buổi chiều sẽ đến dùng cơm ở nhà ăn Thành ủy rồi đi siêu thị, năm mới sắp đến rồi phải mua quần áo mới và vài thứ mĩ phẩm. Tốt nghiệp khoa triết của trường đại học, Ngu Thỉnh được phân công về ban nghiên cứu lịch sử Đảng của Thành ủy, thoảng chốc đã mấy năm. Sinh hoạt ở cơ quan này vốn rất đơn điệu hướng hồ lại là cơ quan đầu não của thành phố, suốt ngày chìm trong núi tài liệu, con người cũng dần dần khô khan. Cô ít có dịp ăn mặc cho hợp thời trang, cũng không dám son phấn trang điểm gì; ngay chuyện nói cười cũng phải kiềm chế bớt, cái không khí trang nghiêm của toà nhà đồ sộ này đã dần dần làm cho cô khác trước. Hồi còn học Đại học, Ngu Thỉnh không như vậy, nhiệt tình sôi nổi, nói cười hồn nhiên cởi mở, tất cả các cuộc biểu diễn thời trang, những đêm thơ, đêm nhạc, các hội thảo chuyên đề...cô đều tham gia. Hồi ấy Ngu Thỉnh là mục tiêu chú ý của nhiều chàng trai khiến cho các cô gái vừa ghen tị vừa mến yêu cô. Vậy mà bây giờ cô có cảm giác mình “già” đi nhiều, 28 tuổi, cả ngày giam mình trong phòng làm việc, xử lý hàng đống báo cáo, tài liệu không bao giờ hết, ngay cả việc nói chuyện yêu đương cũng không còn thú nữa. Hôm nay, hết giờ làm việc, Ngu Thỉnh nghĩ bụng sẽ có một

buổi tối thú vị, không ngờ đồng chí Chủ nhiệm bảo, tối nay cô phải hoàn thành tài liệu để ngày mai Thành ủy thảo luận xác định vấn đề giáo dục chủ nghĩa yêu nước. Câu nói nhẹ nhàng ấy đã “đốt cháy” của cô cả một buổi tối! Thoạt đầu cô định nói: “cháu có việc bận”, nhưng rồi lại thôi, bởi lẽ cô vừa được kết nạp Đảng lại được cử đi học lớp Đảng viên mới do Trường Đảng thành phố tổ chức. Ngu Thịnh phát hiện mình “già” là do, một hôm cô gặp cô bạn thời trung học, cô bạn xinh đẹp nhanh nhẩu nói: “Chà chà Ngu Thịnh, người đẹp của chúng ta sao chóng già thế?” và đưa mắt đảo qua đảo lại trên khuôn mặt Ngu Thịnh, ra vẻ lạ lùng lắm “Cậu có bạn trai chưa?” Ngu Thịnh lắc đầu, “Đừng biến mình thành nữ quan chức đấy nhé, các chàng trai sợ cái đó lắm đấy!”. Lúc đó mặt Ngu Thịnh chợt nóng bừng, chẳng nói được gì.

Ngu Thịnh thu xếp các thứ trên bàn làm việc, lấy chiếc gương nhỏ ra soi và nhận thấy mình rất gầy, gương mặt xanh xao, trong đáy mắt lại xuất hiện vài tia máu nhỏ li ti, hoảng quá cô liền cất gương đi. Phải về thôi, có lẽ trong tòa “hồng cung” 15 tầng này, chẳng còn ai khác, ngoài cô. Nghĩ tới đó Ngu Thịnh thấy rờn rợn, thực ra cô không sợ ma, cũng không sợ kẻ xấu mà chỉ là một nỗi sợ mơ hồ xâm chiếm tâm hồn cô trong cảnh tĩnh mịch, cô vội vàng rời khỏi tòa nhà. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng nằm ở tầng 14, đi thang máy xuống rồi đi thêm khoảng mấy trăm mét là tới phòng ở. Phòng ở cũng chỉ có một mình. Trong cái đêm mùa đông vắng vẻ và lạnh lẽo này, không có lấy một ấm trà nóng, Ngu Thịnh cảm thấy mình thật tội nghiệp! Khi đứng dậy chuẩn bị ra về, Ngu Thịnh chợt nghe bên ngoài

của kính một thứ âm thanh thật khẽ. Cô bước đến cạnh cửa sổ nhìn ra ngoài. Ôi! Tuyết rơi đầy trời, những sợi tuyết mỏng tang bám vào khung cửa kính. Cô áp mặt vào cửa kính dăm dăm nhìn tuyết rơi. Kính rất ấm (vì trong phòng có máy điều hòa nhiệt độ) như thể đang áp má mình vào khuôn mặt ai đó, rất lâu.

Ngu Thỉnh tắt đèn, bước ra ngoài, đóng cửa lại. Tiếng đóng cửa dù thật nhẹ nhưng trong đêm vắng lặng của tòa nhà rộng mênh mông này vẫn vang lên thật to. Đèn trần hành lang rải ánh sáng màu trắng đục như sữa. Ngu Thỉnh từ phía đông đi về cầu thang máy giữa hành lang. Vừa đi được mấy bước, chợt nghe có tiếng sập cửa từ phía tây hành lang vọng lại, cô giật mình, nghĩ bụng: “Có trộm!”. Rồi cô trấn tĩnh ngay “không thể thế được, ở đây có người trực suốt đêm; ở cổng còn có công an bảo vệ, ai dám vào đây?”. Thế thì chắc là có ai đó cũng làm việc ban đêm như cô thôi. Trong lòng Ngu Thỉnh tự nhiên thấy ấm áp hơn, “Minh không cô độc rồi!”. Trong toà nhà này có bao nhiêu cơ quan, ngay như ở tầng 14 này có bao nhiêu bộ phận cô cũng không rõ nữa. Cô nghe tiếng bước chân nặng nề từ phía tây hành lang tiến lại, chắc là của một người đàn ông còn trẻ. Tiếng bước chân của người già và phụ nữ thì không như thế. Người đó tiến đến gần, quả nhiên là một thanh niên chưa tới ba mươi, cao khoảng 1 mét 8, đeo kính gang đổi mỗi to bản, khoác chiếc áo bành tô bằng nỉ đen. Trông anh ta giống một nhân vật trong phim “Đuổi bắt” của Nhật Bản. Ngu Thỉnh chợt đỏ mặt, bước tiếp đến cầu thang máy.

Người thanh niên rất nhanh đi đến cầu thang máy, bấm vào tấm biển cạnh cửa gọi thang máy tới. Trong khi chờ đợi, anh ta quay lại mỉm cười với Ngu Thỉnh. Trong một thoáng, Ngu Thỉnh cảm thấy hối hận vì mình đã đi nhanh quá, sao không chờ anh ta đi trước, mình sẽ đi chuyến sau, dù đã quá khuya? Cô không kịp nghĩ, liệu trong lúc này anh ta sẽ làm gì, ai mà biết được. Vừa lúc đó anh thanh niên lên tiếng “Cô cũng làm việc đêm à? Vậy mà tôi cứ tưởng là chỉ có một mình tôi thôi đấy”. Vừa nói anh vừa huơ tay rất lịch sự. Giọng nói trầm ấm và cử chỉ thân mật ấy trông thật hấp dẫn. Thế mà Ngu Thỉnh không quay trở lại nữa, cô bước tới gật đầu nói: “Bên ngoài tuyết rơi nhiều quá!”.

Anh thanh niên nói: “Chắc là cô đang nghĩ tới trò chơi đắp hình người bằng tuyết rất thú vị hồi nhỏ, nếu không thì sao lại vui đến thế, đúng không?...Chắc không sai rồi. Những người trong tòa nhà này có ai còn chú ý đến chuyện tuyết rơi như cô đâu. Họ hình như đều tê liệt cả”. Ngu Thỉnh cảm thấy hài lòng, mỉm cười và nghĩ: “Anh chàng vui tính thật, giọng nói cũng chân thành, có ý khen mình đây!” “Thế anh cũng thích tuyết rơi chứ?”. “Thích. Khi những bông tuyết đầu tiên chạm vào cửa kính, tôi nhận ra ngay và tôi cũng nhớ ngay đến trò chơi ném tuyết, trò nặn hình người bằng tuyết; nghĩ đến thời đại học rủ nhau đi tìm hoa mai, mùi thơm của hoa mai thật dịu dàng tinh khiết dường như đến cùng với những bông tuyết rơi từ trên không”. Giọng nói của anh thật gọi cảm như thể anh đang đọc thơ khiến Ngu Thỉnh có cảm giác cô cũng đang đắm mình trong mùi hương hoa mai lan toả cùng với những

bông tuyết rơi rơi. Và trái tim cô đột nhiên đập mạnh. Đã khá lâu rồi cô không còn cảm giác ấy.

Tiếng chuông vang lên, thang máy đã tới, cửa thang máy từ từ ở ra. Anh thanh niên khoát tay ra hiệu mời cô vào trước, còn mình vẫn đứng cạnh cửa ấn tay vào nút bấm giữ cho cửa không đóng lại đột ngột. Ngu Thỉnh cảm động nhìn anh mỉm cười rồi bước vào thang máy. Anh thanh niên vào theo, cửa thang máy đóng lại. Anh ấn vào nút số “1”. Thang máy bắt đầu chuyển động đi xuống. Bốn bức tường của buồng thang máy làm bằng hợp kim bóng loáng, có thể soi gương được. Đèn trần 16w chiếu ánh sáng dịu dịu. Hai người tựa vào hai bên tương đối diện nhau, ở giữa là một khoảng trống. Thảm lót sàn màu đỏ, rất sạch. Anh thanh niên cười cười, cúi nhìn tâm thắm, còn cô gái lại ngửa mặt nhìn ngọn đèn trần. Tự nhiên cô gái thêm được nói chuyện, thậm chí còn có ý trách anh ta chẳng nói gì cả. Anh thanh niên vẫn nhìn xuống chân mình. Ngu Thỉnh hỏi:

- Anh ở bộ phận nào ạ?

Anh thanh niên nhìn cô đáp:

- Ban nghiên cứu chính sách. Còn cô?

- Em ở ban nghiên cứu lịch sử Đảng. Em tên là Ngu Thỉnh. Tên anh là...?

- Tên khai sinh. Ngải Tiệp, còn tên hồi nhỏ là Răng Sún.

Ngu Thỉnh cười khanh khách, rung cả lồng ngực. “Quả là một người vui tính” - cô nghĩ. Anh thanh niên lại nói:

- Tiếng cười của cô sao giống tiếng cười của cô bạn gái hồi học đại học của tôi thế?

- Anh Ngải Tiệp, em đoán...người bạn gái ấy có mối quan hệ đặc biệt lắm đối với anh? Nếu không, sao ra trường mấy năm rồi mà anh vẫn còn nhớ tiếng cười của chị ấy?

Ngải Tiệp không trả lời, chỉ thở dài nhẹ nhẹ. Anh đưa mắt nhìn các chữ số đang thay đổi trên bảng hiển thị 13 – 12 – 11 – 10 – 9. Con số 9 vừa hiện ra thì đột nhiên đèn trần vụt tắt, thang máy rung lên một cái rồi dừng hẳn. Ngu Thình kinh ngạc:

- Mất điện à?

- Mất điện rồi.

- Thế thì chúng ta không ra khỏi đây được sao?

- Chắc chắn là như thế. Nó không muốn cho chúng ta xem tuyệt rơi, sợ chúng ta bị lạnh.

- Thế này mà anh còn đùa được à?

- Không đùa thì làm gì nào? Thang máy không sợ nước mất đâu, cô khóc thì cũng chẳng được ích gì.

Ngu Thình giẫm chân:

- Sao lại nhằm vào lúc này mà mất điện chứ?

- Chắc cô muốn nói, sao lại nhằm vào lúc đêm khuya chỉ có một đôi nam nữ trong thang máy mà mất điện, phải không?

Ngu Thình im lặng. “Anh chàng này không đơn giản chút nào, anh ta đọc được ý nghĩ của mình”. Cô nói:

- Anh Ngải Tiệp gọi điện thoại cấp cứu đi.

- Loại thang máy này không có điện thoại, nó là kiểu cũ mà. Chúng ta đành phải đợi thôi.

Ngu Thỉnh kêu lên:

- Đợi điện cứu chúng ta à?

- Chúng ta đâu phải đã rơi vào hoàn cảnh cận kề cái chết, chẳng qua là phải chờ đợi một thời gian thôi mà.

- Nếu cả đêm vẫn không có điện?

- Vào giờ làm việc sáng mai chắc chắn sẽ có điện.

Ngu Thỉnh giật thót tim, đến giờ làm việc sáng mai, mọi người sẽ trông thấy họ với gương mặt vô cùng mệt mỏi từ buồng thang máy đi ra, đó sẽ là một tin "động trời". Cô không nói gì, mím môi lại, nhưng Ngải Tiệp không nhìn thấy. Bóng tối, không khí vắng lặng và lạnh lẽo như đè nặng lên ngực Ngu Thỉnh khiến cô khó chịu. Cuối cùng không đứng được, cô nói:

- Tại anh đấy. Nếu không em sẽ đi chuyển sau. Một mình anh đi thang máy, còn em, khi mất điện em sẽ đi cầu thang thường.

- À. Thượng đế thương tôi cô đơn lạnh lẽo nên muốn để em đi cùng cho có bạn đó mà, em thấy đúng không?

Ngu Thỉnh "xì" một tiếng. Dù nói gì đi nữa, mất điện cũng là một chuyện nghiêm trọng, nhất là khi trong buồng thang máy tối mò mò như thế này lại chỉ có một nam một nữ! Mà Ngu Thỉnh có cảm giác mỗi lúc một lạnh hơn, không có điện, máy điều hòa nhiệt độ không hoạt động được. Cô nói:

- Thật là xúi quẩy!

- Suyt!

“Chắc Ngải Tiệp đang trề môi nên âm thanh mới phát ra như thế -- Ngu Thỉnh nghĩ – chắc là anh ta đang khoái chí đấy chẳng khác nào một cậu bé chưa am hiểu gì về cuộc đời”. Cô bực dọc lặp lại, “Thật là xúi quẩy!”

- Thôi đi mà, đừng nói lung tung nữa. Em nghe kìa, tiếng tuyết rơi đấy, thấy không, rất xa mà cũng rất gần, lạo xạo lạo xạo...như tằm ăn lá dâu, và, ...như tiếng mưa xuân rơi trên cành là non tơ. Đấy em nghe thấy chưa?

Ngu Thỉnh im lặng lắng nghe tiếng tuyết rơi.

- Ngu Thỉnh, em nghe thấy không?

- Em nghe thấy rồi, thật dịu dàng phải không anh?... Thực ra tuyết rơi làm gì có âm thanh, đó là âm thanh trong lòng ta thôi!

Ngải Tiệp vui vẻ nói:

- Em không phải là một cô gái bình thường, thật đấy. Anh cảm ơn em, em đã hiểu anh. Mấy người lớn tuổi ở cơ quan, họ bảo anh là người hâm hâm, lúc nào cũng mơ mơ màng màng, không giống một cán bộ Đảng. Ngay cả vợ anh cũng nghĩ vậy và bọn anh đã phải chia tay. Quả thật, tuyết rơi đẹp lắm. Anh chợt nhớ đến một đoạn thơ của cổ nhân, em có muốn nghe không?

- Muốn.

- Thiên công tiền thuỷ, vũ trụ phiêu hoa, phẩm chi hữu tứ mĩ yên; lạc địa vô thanh, tinh dã; triêm y bất nhiễm, khiết dã; cao hạ bình phô, vân dã; động song huy ánh, minh dã...

Chờ Ngải Tiệp đọc xong, Ngu Thỉnh hỏi:

- Anh được phân công về công tác ở Thành ủy như thế nào? Không phải họ bắt buộc anh đấy chứ?

- Số phận đã được sắp xếp đâu vào đó rồi. Anh học văn, thích làm thơ, viết truyện nhưng lại được phân công về đây. Thật ra anh làm việc gì ở đây cũng không thích hợp cả. Mọi người ở đây rất cứng nhắc, hình như ai cũng, đạo mạo, nói năng như nhau, thậm chí tư thế đi đứng cũng giống nhau, từ tốn, chững chạc. Anh làm việc ở đây mấy năm nữa chắc cũng thế thôi. Ngày nào cũng như ngày nào, chán thật!

Ngu Thịnh đỏ mặt lẩm nhẩm: “ Em cũng có cảm giác ấy” – Ngừng một lát cô nói tiếp:

- Anh Ngải Tiệp này, anh vừa nói đến người bạn gái, em đoán chị ấy không phải là vợ anh, đúng không?

- Đúng vậy. Trước khi tốt nghiệp cô ấy bị bệnh máu trắng. Về sau không cứu được...đó là một cô gái rất tài hoa, bọn anh thân nhau lắm. Khi cười, trông cô ấy rất xinh đẹp. Đặc biệt là tiếng cười, nó giống như những hạt thủy tinh rơi trên một chiếc mâm ngọc cho ta cảm giác thật mượt mà và thật vui tai. Sau, anh ra công tác rồi lấy vợ. Vợ anh là con gái một người bạn đồng liêu của cha anh, cũng là do hai bên cha mẹ hợp tác vậy mà. Bọn anh chẳng có gì giống nhau. Cô ấy oán trách anh đường công danh chẳng có vị thế gì, chỉ là một anh phó phòng quen. Nhiều khi anh muốn nói chuyện về thơ ca, âm nhạc, hội họa...cô ấy bảo đó là chuyện tào lao của mấy ông văn nghệ sỹ điên điên khùng khùng. Cải nhau suốt, chẳng ai cải tạo được ai, cuối cùng đành phải nói lời chia tay, ai đi đường nấy.

- Chia tay thật rồi sao?

- Chia tay hai năm rồi.

Không hiểu sao Ngu Thỉnh cảm thấy vui vui, không còn bực bội nữa. Cô dường như đang trở thành người bạn gái ngày xưa của Ngải Tiệp. Cô hỏi:

- Chia tay hai năm rồi, thế anh đã tìm được người thích hợp chưa?

- Chưa. Cả ngày giam mình trong toà nhà này, có đi đâu mà tìm?

- Thế ở cơ quan anh không có phụ nữ à?

- Người lớn tuổi thì đã có gia đình, số còn trẻ thì cứ như là con trai, tính khí mạnh mẽ, ai cũng chỉ chăm lo việc tiến thân bằng con đường hoạn lộ.

- Thế là anh không để ý đến họ nữa?

- Đương nhiên rồi.

Trong bóng tối, Ngải Tiệp lục túi lấy gói thuốc lá và chiếc bật lửa:

- Em không phiền chứ. Anh muốn hút điếu thuốc?

- Đừng hút anh, hút có hại cho sức khỏe.

- Thôi vậy.

- Nhưng anh cứ bật lửa lên xem mấy giờ rồi.

ánh lửa sáng lên, Ngải Tiệp nhìn đồng hồ:

- Sắp 1 giờ sáng rồi – Anh giờ cao chiếc bật lửa soi vào Ngu Thỉnh. Trông gương mặt em có vẻ mệt mỏi lắm, em nghỉ một lát đi. Và anh rút tờ báo trong túi áo bành tô đưa cho Ngu Thỉnh – Em trải ra mà ngồi, chả biết lúc nào mới có điện?

Ngu Thỉnh cầm tờ báo, trải xuống sàn, ngồi tựa vào tường. Máy điều hoà nhiệt độ không hoạt động được, không khí mỗi lúc một lạnh thêm, cái lạnh thấm dần vào da thịt, các ngón tay bắt đầu tê cóng. Ngu Thỉnh “ơ” lên một tiếng, hai hàm răng va lập cập vào nhau.

- Em lạnh lắm phải không? Không hiểu sao anh lại thấy hơi nóng, anh đưa áo ấm của anh cho em nhé, em khoác vào sẽ đỡ lạnh đấy.

Ngu Thỉnh định nói “không cần đâu anh” thì từ trong bóng tối một vật gì đó bay về phía cô. Đó là chiếc áo bành tô vẫn còn hơi ấm và cả hơi hương của người đàn ông nữa. Ngu Thỉnh cẩn thận mở chiếc áo ra, khoác vào người. Cô lập tức thấy ấm lên một chút, có cảm giác như đang trên giường, cái áo gần như một tấm chăn nhỏ. Người đàn ông này thật tinh tế và biết quan tâm đến người khác, nói năng rất có duyên, vợ anh ta đúng là kẻ có mắt như mù, người như anh khó tìm lắm đấy!

- Em vẫn còn lạnh lắm à, Ngu Thỉnh?

- Em hết lạnh rồi anh ạ.

- Chiếc áo là do cô bạn anh mua cho đấy. Hôm đó tuyết rơi dày, cô ấy đưa anh đến cửa hàng và chọn cho anh, còn giành trả tiền nữa. Tội nghiệp, cha mẹ cô ấy là công nhân, sau cô còn mấy người em, tiền nhà gửi cho hàng tháng không nhiều, vậy mà cô ấy một mực giành trả tiền cho bằng được. Về sau, nhân lúc cô ấy không chú ý, anh kẹp tiền vào sách học của cô ấy. Cô ấy phát hiện ra, hỏi, tiền của anh phải không? Anh một mực chối “Có lẽ là em quên đó thôi”. Nói xong Ngải Tiệp cười đắc ý.

- Rồi anh mặc chiếc áo đó cho đến tận bây giờ?

- Ồ.

- Anh Ngải Tiệp này, bạn gái của anh là một người thật hạnh phúc.

- Rất tiếc là cô ấy không còn nữa.

- Nếu chị ấy còn, chắc anh sẽ đi tìm chị ấy chứ?

- Đương nhiên rồi.

Trái tim Ngu Thỉnh chợt nóng lên, ngay cả cô cũng không hiểu tại sao mình lại quá quan tâm đến chuyện này như vậy.

- Ngải Tiệp, anh muốn hút thuốc phải không? Anh hút đi.

- Không hút nữa, nói chuyện thích hợp hơn.

- Thế thì anh nói chuyện gì vui vui đi. Hay là...anh nói xem, anh muốn tìm bạn gái như thế nào? Chắc là anh sẽ tìm một cô gái đẹp, đúng không?

- Ngày nay tìm đâu ra con gái đẹp chứ? Em chưa nghe dân gian nói gì sao? Con gái đẹp loại 1 lấy Mỹ quân; loại 2 lấy Hoàng quân; loại 3 lấy Quốc quân; loại 4 lấy Phỉ quân; loại 5 lấy Ngụy quân; loại 6 lấy Cộng quân, mở ngoặc, từ cán bộ trung cao trở lên!

Ngu Thỉnh bật cười:

- Anh giải thích xem nào, mấy từ “quân, quân” đó là gì vậy, em không hiểu.

- Mỹ quân chỉ người Mỹ, người châu Âu, nói chung là người da trắng; Hoàng quân chỉ người Nhật; Quốc quân là người Đài Loan, Hồng Kông; Phỉ quân là những công chức triệu phú; Ngụy quân là loại công chức cao cấp người Hoa

trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài; Cộng quân là cán bộ Đảng nhưng phải là loại trung cấp trở lên. Cỗ phó phòng như anh đầy đất chật bãi, may ra chỉ lấy được mấy người khuyết tật.

Ngư Thịnh cười thoải mái, nói:

- Em thấy người tốt như anh, chỉ sợ yêu cầu quá cao, không ai với tới được thôi.

Ngải Tiệp đột ngột chuyển giọng, hỏi:

- Em có bạn trai chưa?

- Có rồi!

- Bạn trai của em chắc chắn là một người rất tốt?

- Vâng.

Hai người im lặng, Ngư Thịnh im lặng là vì cô vừa nói dối, tại sao lại nói là có bạn trai, kỳ lạ thật! Do tự trọng ư, hay là vì cái gì khác, ngay lúc này cô cũng không hiểu rõ. Còn Ngải Tiệp im lặng là bởi anh lấy làm tiếc, một cô gái xinh đẹp, dễ mến như vậy sao lại có bạn trai rồi? Anh lặng lẽ rút thuốc châm lửa hút, phả ra một làn khói mỏng. Ngay lúc đó anh chợt thấy lạnh. Bỏ áo bành tô ra rồi, trên người anh chỉ còn chiếc áo sơ mi mỏng mà nhiệt độ trong không khí lại đang xuống thấp dần. Anh bắt đầu run và bức tường buồng thang máy truyền chấn động đến với Ngư Thịnh. Cô hỏi:

- Ngải Tiệp, anh lạnh phải không? Đừng làm ra vẻ nữa, anh ngồi sát lại đây, đắp chiếc áo này có lẽ ấm hơn một chút đấy.

- Đừng...như thế, một nam một nữ...anh thì không sao, nhưng còn em là con gái... Anh không lạnh đâu.

Ngu Thỉnh đột ngột đứng lên:

- Thời đại nào rồi, anh vẫn còn ý nghĩ cổ hủ thế! Và lại, quá nửa đêm rồi, một nam một nữ trong thang máy, có nói cũng không sao nói rõ được. Vấn đề là đừng để bị ốm, sức khoẻ mới là điều quan trọng nhất.

Cô nắm tay Ngải Tiệp, kéo anh sát lại rồi khoác chiếc áo bành tô cho cả hai người. Ngải Tiệp đang rất lạnh, hai hàm răng va vào nhau cắn cập, toàn thân lạnh ngắt.

- Ngải Tiệp anh vẫn còn lạnh sao?

- Ừ.

- Anh...ôm em đi, anh sẽ ấm thôi.

Ngải Tiệp bất động. Ngu Thỉnh nắm tay anh choàng qua lưng cô nói: “Em lạnh, em lạnh, anh ôm em đi!”

Ngải Tiệp ôm Ngu Thỉnh vào lòng và cảm thấy hơi ấm truyền qua người anh. Anh thì cầm mình vào mái tóc Ngu Thỉnh và cảm nhận một mùi hương thật tinh khiết tỏa ra từ mái tóc người con gái. Người Ngu Thỉnh mỗi lúc như một mềm ra, cuộn tròn lại trong lòng Ngải Tiệp. Anh hỏi:

- Em vẫn lạnh à?

- Em vẫn lạnh. Anh ôm chặt nữa đi.

Ngải Tiệp ôm chặt toàn thân cô gái, kéo chiếc áo choàng vào người. Chợt Ngu Thỉnh đưa tay xoa xoa vào ngực Ngải Tiệp. Anh hỏi:

- Anh kể chuyện cho em nghe nhé?

- Không nghe.

- Vậy anh đọc em nghe mấy bài cổ thi viết về tuyết và hoa mai nhé?

- Không cần, không cần.

Ngu Thỉnh bỗng chốc như trở thành một cô gái bé bỏng dán chặt người vào lòng Ngải Tiệp.

- Thôi, không nói nữa, không nói nữa.

Ngải Tiệp ôm Ngu Thỉnh chặt hơn và anh nghe cô nói trong hơi thở gấp: “Anh ơi...em muốn...”, máu trong người Ngải Tiệp như dồn hết lên mặt, anh thở hổn hển và đưa tay lần mở cúc áo Ngu Thỉnh, nhưng mãi vẫn không mở được. Ngu Thỉnh lăm bắm: “Sao anh lóng ngóng thế?”

Đèn trần bỗng sáng lên.

Bàn tay của Ngải Tiệp chợt dừng lại như chạm phải điện. Ngu Thỉnh toàn thân đang co rụt trong chiếc áo bành tô, vụt hỏi: “Sao vậy anh?”

Ngải Tiệp vừa mừng vừa thất vọng, đáp: “Có điện rồi!”

Tiếng nói vừa phát ra, Ngu Thỉnh như chợt tỉnh mộng, tuột khỏi vòng tay Ngải Tiệp, gạt chiếc áo bành tô ra. Buồng thang máy sáng trưng. Đúng là có điện rồi. Mặt cô đỏ lựng, xấu hổ nói:

- Chúng ta...thế nào nhỉ?...Chúng mình chưa làm gì phải không anh?

- Mọi chuyện đều tốt, chẳng có việc gì xảy ra...Em không ân hận chứ?

Anh vừa nói vừa mặc áo bành tô vào người.

Ngu Thỉnh cảm nhận rất rõ ánh mắt điểm tĩnh của Ngải Tiệp.

Cô thấy xấu hổ vì đã nói một câu thật vô duyên. Cô đến cạnh Ngải Tiệp, tựa sát vào người anh, nói: “Em không ân hận, mà chẳng có gì phải ân hận, phải không anh?”

Ngải Tiệp hôn lên má Ngu Thỉnh. Thang máy xuống nhanh. Ngu Thỉnh hỏi:

- Sao lại có điện nhỉ?

- 5 giờ sáng rồi còn gì?

Thang máy dừng lại ở lầu 1, cửa mở, họ cùng đi ra. Người gác cửa toà nhà là một ông già, ông quen tất cả mọi người ở đây. Ông nói: “Là các cậu à? Tiểu Ngải, Tiểu Ngu, ra là hai cô cậu”. Giọng nói của ông đầy vẻ nghi ngờ. Ngu Thỉnh hỏi:

- Vâng, là hai chúng cháu đấy, bác thấy còn ít sao? – Nói xong, cô cười rất thoải mái. Ngải Tiệp tinh nghịch nói:

- Chào lão đồng chí, chúc bác một buổi sáng tốt lành.

Họ ra khỏi toà nhà. Tuyết vẫn rơi đầy trời. Bên ngoài khuôn viên Thành ủy là quảng trường lớn nhất thành phố, im ắng không một bóng người. Chẳng cần trao đổi gì với nhau, hai người đi thẳng đến quảng trường. Họ muốn nặn hình người bằng tuyết hay chỉ đơn thuần là để được đi trong mưa tuyết, thế thôi? Lâu lắm rồi họ chưa có được niềm vui như thế. Có lẽ, đến giờ làm việc, cả toà nhà trang nghiêm, yên tĩnh của Thành ủy sẽ sôi lên bởi chuyện của hai người. Mọi người sẽ làm gì đối với họ. Mà hai người đã làm gì kia chứ? Có đụng chạm gì đến ai đâu?

Hai người đến quảng trường, mệnh mông một màu tuyết trắng, ngan ngát trong không gian, từ hướng tây bắc của quảng trường đưa lại mùi thơm thanh nhã của hoa

mai. Đúng vậy, ở đó có mấy gốc mai già, trong những ngày tuyết giá chắc chắn những nụ hoa đã nở chi chít. Mùa xuân sắp đến rồi!

Quảng trường lúc này như một hồ nước mênh mông, khán đài có mái che nổi bật lên như một ngôi đền giữa lòng hồ, hàng lan can quanh quảng trường như bức tường thành vững chãi. Ngải Tiệp nói:

- Khung cảnh nơi đây vào lúc này thật đẹp, thật đúng như Trương Đại đã viết trong “Giữa lòng hồ ngắm tuyết rơi”.

- Anh đọc đi.

- Em không muốn nghe, em không muốn nghe mà.

Ngải Tiệp háng giọng và bằng âm thanh trầm ấm của giọng nam trung truyền cảm, anh vừa đọc vừa choàng tay qua vai Ngu Thỉnh, hai người cùng đi về hướng tây bắc quảng trường: “Ngày mùng 3 tuyết rơi đầy trời, trong lòng hồ yên tĩnh không một tiếng chim. Tôi mặc áo lông, mang theo một lò than nhỏ với chiếc thuyền con một mình ra giữa hồ ngắm tuyết rơi. Nước hồ dâng cao, dãy núi xa xa nổi lên bầu trời và mặt đất, mây cũng mang màu tuyết trắng ngần...Giữa lòng hồ nổi lên một chấm nhỏ, đó là chiếc thuyền đơn độc, trong lòng thuyền những bông tuyết lượn lơ bay...”

Mùi hương của hoa mai càng lúc càng nồng...

Trà Ly dịch

NHỮNG CON THÚ ĐỒNG MƯU

HORACIO QUIROGA

1

Một đêm tháng bảy trời nổi gió lớn. Có một người đàn ông vội vã đi trên con đường mòn len lỏi trong rừng già Mátô Grôtxô. Đêm đen như mực. Sấm nổ rền tiếng nọ nổi tiếng kia và rừng già từng chập từng chập trả lời bầu trời đang vùn vù bằng tiếng cây rừng gầm gào trong bão cuốn. Thỉnh thoảng ánh chớp rạch sáng bầu trời. Và rừng lại hiện ra trong ánh sáng xanh lét vẻ mê quái để rồi ngay đó lại nấp mình trong màn đêm dày đặc.

Với những cạm bẫy bất ngờ rừng già bao giờ cũng đáng sợ ngay cả lúc ban ngày. Huống chi vào giờ này trong không gian hoang vắng đến rợn người này, rừng già lại càng đáng sợ hơn, càng khiến cho lòng người đầy lo âu hồi hộp hơn. Một người sống ở thành phố và đang trong tâm trạng lo âu hồi hộp, cũng sẽ chẳng bao giờ cảm thấy mình cô quạnh. Cuộc sống sôi động ngay ở bên cạnh anh dùm bọc an ủi anh. Nhưng ở rừng thì khác hẳn. Ở đây tất cả dường như đang mưu phản lại anh: không khí ngưng đọng và nặng nề, cái không khí vắng lặng rình rập, những thú dữ nấp mình sau thân cây, những con rắn hổ mang, tất cả những thứ đó ở trong rừng già tập trung lại để làm hại con người, biến rừng thành địa ngục.

Tuy nhiên, vị khách bộ hành của chúng ta hầu như không hề sợ hãi mặc dù ông ta đang đi trong rừng già vào một đêm giông bão, không có gì hộ thân ngoài lòng dũng cảm của mình. Bước đi thận trọng của ông ta để lộ nỗi lo lắng, cả

những dự tính của ông, nhưng tuyệt nhiên không để lộ nỗi sợ hãi. Đối với con mắt thạo đời, trong dáng đi của ông toát ra phong độ của người quen sống trong rừng già. Ông đi mà chân nhấc cao lên quá mức cần thiết. Bởi vì đường đất nơi đây gồ ghề đã đành, đôi lúc lại có một thân cây đổ vắt ngang qua, đã buộc người đi phải cất bước cho cao để phòng vấp ngã. Cách đi này thoạt đầu khiến cho người ta mệt mỏi, nhưng rồi thành quen và khi đã thành thạo còn giúp ta đi nhanh nhẹn hoạt bát. Bởi lẽ đó người ta dễ dàng nhận ra cái hoàn cảnh sống của vị khách đang đi bộ.

Vậy, nhân vật của chúng ta là một người sống ở vùng núi. Chớp với ánh sáng chói loà của nó giúp chúng ta nhận biết thêm nhiều điều nữa về ông ta.

Sau ánh chớp loé lên kéo theo tiếng sấm, người ta có thể nhìn thấy vị khách bộ hành của chúng ta đội chiếc mũ cao su, mặc quần áo màu xanh lam và đi ủng thô. Cái mũ nói cho chúng ta biết người đi bộ đây không phải là phu thợ; nhưng ngược lại, cái thái độ không lo lắng của ông ta trước rừng già trong giông bão, lại là một dấu hiệu rất lạ ở một ông chủ.

Vậy ông ta là ai? Ông chủ đồn điền ư? Và ông ta có thể làm gì trong đêm giông bão ở giữa rừng già mà đi với dáng vẻ của người đang theo dõi việc gì, hơn nữa lại không mang theo khẩu súng săn? Đó là điều chúng ta sẽ biết ngay.

Chớp, dường như đã mệt mỏi suốt từ tối đến giờ, bắt đầu yếu dần. Nhưng lúc này, mưa bắt đầu như gội nước và rừng già bị những hạt mưa phủ phàng ném xuống đang quần quai.

- Mẹ kiếp – người đi đường lắm bầm nói rồi đứng lại – chỉ có những con paca⁽¹⁾ mới có đủ khả năng đi trong lúc này.

Ông ta nói điều này bằng tiếng Tây Ban Nha pha giọng ý. Ông ta ngẩng đầu, với tính tò mò chột đến để nhìn trời trong lúc mưa đang trút nước dữ dội. Ngay lúc này, một ánh chớp chói lòe chụp lên đầu ông ta. Vị khách bộ hành của chúng ta, vì chói, nhắm nghiền mắt lại. Ông ta nhắm mắt như thế trong khoảng một phút cho đỡ quá. Khi mở mắt, mắt ông ta đã trở lại bình thường. Ông dõi mắt nhìn vào đêm tối.

- Thằng cha ấy lại không đến rồi - Ông ta lại lắm bầm – Hẹn với hò đến là lạ? – Vị khách bộ hành lại đứng im, có lẽ ông sẽ ướt thêm nữa nếu trời mưa to hơn, vì nước trên mũ ông chảy thành dòng.¹

Tuy nhiên, dù im lặng nhưng ông ta vẫn không nghe thấy phía sau mình có động tĩnh gì. Một tiếng sấm gầm trong lúc ấy và khi tiếng sấm dứt thì tiếng động cũng ngừng bật.

Cành cây, khế rụng đưa, cũng hoàn toàn im lặng. Nhưng một cái gì đó đã mách bảo cho vị khách bộ hành của chúng ta: một cái gì đó vừa xảy ra. Một nỗi lo chột đến chẳng? Nó là một dự cảm về nỗi nguy hiểm trong những người miền núi từng quen với cuộc sống nhiều biến động chẳng? Trước hết chúng ta thấy rằng cái nhìn sợ hãi trước rừng già trong những đêm tương tự thường gây ra nỗi lo thống trị trong chúng ta đã không làm cho vị khách nao

¹ Paca:

núng. Ông ta nhanh chóng quay đầu lại, dõi con mắt chim ưng vào rừng tranh ngay ở sau lưng và rồi ông ta đứng im một lát mà tập trung cao độ các cảm giác để lắng tai nghe ngóng. Chính trong lúc ấy, người thợ săn sống với tất cả tâm hồn mình, vì cuộc đời vốn căng thẳng như sợi chỉ căng.

Ông ta không cảm nhận được gì hết. Ông ta quay lại, đi sâu vào đêm tối và tiếp tục tiến lên. Giữa lúc ấy, có hai đốm sáng xanh lạnh lẽo bùng sáng ở phía bên kia rừng tranh. Hai đốm sáng ấy chậm chạp tiến gần lại rồi nó lại đứng yên. Sau đó hai đốm sáng xanh ấy bắt đầu di chuyển về phía vị khách bộ hành.

Giữa lúc vị khách bí hiểm của chúng ta đang tiếp tục cuộc hành trình thận trọng của mình, bỗng vang lên một tiếng kêu dài, vang vọng, đơn độc. Tiếng gầm ấy đã dìm tắt tiếng gầm rú của giông bão. Tiếng kêu ấy từ trong lòng rừng sâu vọng đến. Khi nghe tiếng nó, vị khách bộ hành của chúng ta dừng chân lại. Nhưng đáng lý phải hoảng sợ thì vị khách bộ hành lại vui. Niềm vui bùng nóng trên khuôn mặt ông.

- Đây rồi! - Ông ta nói gần như gào rồi chạy. Nhưng ngay sau đó ông ta dừng lại, lòng đầy háo hức.

- Cứ như thể mình bị lôi sên sệt trên mặt đất. Ông ta thì thầm nói trong lúc so hai vai lại.

Ông ta đứng yên lặng hồi lâu. Cuối cùng, do đã quyết chí, ông ót hai bàn tay làm loa đưa lên miệng rồi phóng vào đêm mênh mông một tiếng kêu dài, như chính cái tiếng kêu trước đây vọng đến. Ngay sau đó, một tiếng kêu làm hiệu lại vang gần kề. Thế là vị khách bộ hành của chúng ta thở phào nhẹ nhõm.

- Mình phải nói để hấn biết rằng hấn bắt chước không được giống lắm - Ông ta lẩm bẩm nói rồi tươi cười tiến lên phía trước.

Tiếng kêu đau đớn mà cả hai người vừa phát ra trong đêm đen là sự bắt chước chính xác tiếng kêu của con gấu vằn trong đêm đông rét mướt, và có thể bắt chước cái tiếng a – u! a – u! au! au!!! của nó.

Sau đó một cái bóng xuất hiện ngay bên cạnh vị khách bộ hành của chúng ta.

Người mới đến, nhờ có ánh chớp nhấp nháy mà thấy được, đội một chiếc mũ rơm rộng vành có quai đỏ. Anh ta vận một chiếc áo lao động có áo dài áo thay cho các cúc để giữ kín ngực. Phía dưới là một tấm vải quần quanh và có dải cài hẹp chít đáy lại, giữ kín lấy cái hạ bộ của anh ta. Dùi và chân anh ta để trần.

- Vì sao đến muộn thế? – Vị khách bộ hành ân cần hỏi.
– Hơn một giờ nay, ta ướt sũng, rét thấu tận xương.

- Không sao hết? – Người mới đến trả lời. Lão đại diện gọi con đến để xem lại sổ sách. Ông ta bảo rằng ông ta mệt bã người để giải quyết mọi việc trong ngày thứ bảy.

Vị khách bộ hành mỉm cười.

- Candâyra phải không?

- Thưa vâng! Người ta bảo rằng kể từ khi ngài đi khỏi mọi cái đều tốt đẹp hơn, ông chủ ạ!

Vị khách bộ hành lại mỉm cười mà không nói năng gì. Nhưng ngay sau đó ông lại lẩm bẩm :

- Thật đáng thương cho Candâyra! Ta nghĩ rằng nàng cũng rất muốn được nhìn nó.



Khi nghe thấy nói nàng, anh chàng người Anhdìêng kia, vâng đúng người mới đến là người Anhdìêng, cũng rùng mình.

- Đã vài ngày nay ta không nhìn thấy nàng - Ông nói.
- Không thấy ai?
- Mày có thấy nàng không?
- Thưa ông chủ, nàng rất khoẻ mạnh ạ!

Người Anhdìêng nhìn vị khách bộ hành với cái nhìn vừa kính trọng vừa sợ hãi.

- Thưa ông chủ, xin ngài cẩn thận cho...

Vị khách bộ hành lại mỉm cười.

- Thưa ông chủ, con thấy hình như ngài quá...- Người Anhdìêng hạ thấp giọng nói.

Vị khách bộ hành đặt tay lên vai anh ta và chiếu vào mắt anh ta một cái nhìn thông cảm và hài hước:

- Ôi Goaycuru đáng thương - Ông ta thông thả nói. - Ôi, thật đáng thương người Anhdìêng - Ông ta nhắc lại.

Hiển nhiên là câu nói giản dị chân thành ấy đã gợi lại bao chuyện buồn thương trong lòng người Anhdìêng vì anh ta cúi đầu xuống như thể đang chịu một sức nặng ghê gớm của ký ức sôi động.

- Tất cả đều đã qua rồi phải không? - Vị khách bộ hành âu yếm hỏi.

- Thưa ngài, đúng thế ạ! - Kẻ kia đáp và nói thêm - Khi trời sáng con thấy người mình như bị lửa châm. Trong máu con có nọc độc, ngài ạ!

Ông ta nhướn mắt về phía người Anhdiêng: giữa lúc ấy một tia chớp bùng sáng trên bầu trời. Vị khách bộ hành bỗng nhảy giật lùi lại phía sau.

- Trời ơi! - Ông ta nói mà người tái đi - Không còn là mặt người nữa.

Quả vậy, khuôn mặt ấy không còn là mặt người nữa, nó sưng vù lên, nhì nhằng những vết sẹo rạch ngang rạch dọc. Vầng trán, cái cổ, bộ ngực, tất cả những gì mà cơ thể người Anhdiêng lộ ra cho ta thấy, đều mang cái hình thù quái đản ấy.

Vị khách bộ hành nhìn người Anhdiêng hồi lâu bằng một cái nhìn rùng rục lửa hờn đòi phải trả thù.

- Anvết đã nhìn thấy chú mày như thế này rồi chứ?

Ông ta hỏi.

- Vâng ạ.

- Hấn có bảo gì chú mày không?

Ông ta cười. Sáng hôm kia, khi con đến cửa hàng để mua mõ, ông ta cười ngặt nghẽo mà gào lên gọi con...

Anh ta ghen ngào không nói nên lời và một tiếng gầm rên từ bộ ngực sâu của anh ta phát ra. Vị khách bộ hành rùng mình mà mủi lòng.

- Hấn ta nói gì với chú em? - ông ta gắng hỏi.

- Rằng ông ta rất vui lòng về bài học đã dạy cho con, và rằng ông ta sẽ dạy cho con một bài học khác nữa... - anh ta kết thúc mà giọng nói cứ đuối dần đuối dần.

Chỉ trong lúc giọng nói của anh ta đuối dần đi cho đến khi tất hấn ấy đã hiện ra cả một thế giới những đau

thương, những ký ức hải hùng và nặng nề, những nỗi đau âm ỉ.

- Chân chú mày còn đau nữa không? – Vị khách bộ hành hỏi - Chú mày đi lại bình thường được rồi chứ?

- Thưa ông chủ, ở chân con không nhức nhối nhiều ạ.

- Có vài lần ta nghe nói về điều đó ở châu Phi - Ông ta lại lẩm bẩm nói như thể nói với chính mình – nhưng chưa bao giờ ta nghĩ sẽ xảy ra như thế trong cuộc đời... Vậy thì - Ông ta nói sau một lúc lặng thinh - Ăn miếng phải trả miếng, Goaycuru ạ. Ta tin rằng ngày mai chú em sẽ được trả thù.

- Thế còn ngài, thưa ông chủ?

- Về ta hả...? Không cần. Ta chỉ có thế này thôi - ông ta lại mỉm cười và chìa bàn tay phải ra. Nó cụt mất ba ngón – và thân ta vẫn còn đó nguyên.

- Nhưng ở ngực ngài cũng thế ạ, phải không?

- Đúng thế, chỉ một tí thôi. Một xương sườn bị gãy. Nhưng lẽ nào bọn nó không bàn tán gì về ta?

- Có một hôm, Hoan nghe thấy tiếng súng ngài nhưng ông chủ Anvết không tin rằng đó là tiếng súng của ngài. Ông chủ bảo có thể hổ đã vỗ ngài rồi. Tuần trước có một con chó tha từ trong rừng về một mẫu giẻ dầm dĩa máu. Viên quản lý tưởng rằng mẫu giẻ ấy bị xé từ chiếc áo sơ mi của ngài.

- Bọn nó không biết gì nữa về ta phải không?

- Thưa ngài không ạ.

- Thế còn về nàng?

...Người Anhdiêng lại rùng mình.

- Thưa ngài, họ không biết gì ạ.

Vị khách bộ hành định nói và hiển nhiên họ đã biết về nàng, cái con người ấy khá là đáng sợ, đến mức chỉ cần nhắc đến nó tự khắc phải hạ thấp giọng. Chúng ta nói rằng trong lúc ông sắp nói thì Goaycuru, tiến lên phía trước, ôm chặt lấy cánh tay ông. Ông ta liền lùi lại một bước.

- Thưa ông chủ, con nghe thấy – người Anhdiêng nói rõ nhanh.

- Cái gì? - Ông ta hỏi và trở nên linh hoạt như một con mèo

- Thưa ngài, con cảm thấy.

- Cả hai người đều lặng thinh. Lúc ấy vọng đến tai họ một tiếng gầm xa xôi tựa như từ trong lòng đất chui ra, lẫn át tiếng mưa rơi rì rào trên những tàu lá. Hai người đưa mắt nhìn nhau hồi lâu.

- Đó là một con hổ – vị khách bộ hành nói một cách bình thản. Giọng nói của ông không hề run sợ. Bởi không còn nghi ngờ gì, một mối nguy hiểm có thực và đáng sợ sẽ xảy ra và do đó sẽ khiến người ta hoảng loạn nhưng ở những con người được rèn luyện tốt thì tiếng gầm ấy chỉ làm mạnh hơn tâm chí họ. Họ chuẩn bị chiến đấu với tất cả sức lực của mình.

Người Anhdiêng vẫn dõi tai về phía tiếng gầm đáng sợ ấy.

- Thưa ông chủ, con nghe hình như không phải tiếng hổ gầm.

Cả hai người lại im lặng và một lần nữa tiếng gầm ấy lại vẳng đến tai họ.

- Đúng thế. Không phải tiếng hổ mà là tiếng sư tử gầm – vị khách bộ hành nói – Nó đang phi đến đây.

Sau đó, ông nói rõ thêm:

- Có lẽ nó đang thềm thịch người.

- Nó đang đi theo hơi của mình đấy. Nó từ trong đường hầm đến đây – Goaycuru nói thì thầm.

Quả thật thế, lần này tiếng gầm nghe thấy rất gần. Một lát sau, vang lên một tiếng gầm nữa, rồi một tiếng gầm nữa và hai nhân vật của chúng ta, với sự quyết định nhanh chóng của những người thợ săn vốn quen nhận biết chính xác khả năng của họ đến đâu, đã hiểu rằng họ không thể làm gì được và sẽ bị mất mạng với con thú này.

- Tốt nhất không nên dùng súng lục...- Vị khách bộ hành thầm thì nói với giọng giận dữ mà bình tĩnh! Chú em có mang theo con rựa đấy không?

- Có ạ. Nhưng vô ích...Đó là một con sư tử đang thềm thịch người...Thưa ông chủ, hãy lẹ lên – bỗng người Anhiêng gào lên, cầm lấy một cánh tay ông ta – Nó đang phi đến đây. Nào chúng ta hãy trèo ngay lên cây Lapacho đi!

Rừng già vừa rung chuyển lên bởi tiếng gầm vang vọng đã kể bên. Con thú đói được hơi hướng người dẫn, đang chạy đến con mồi, vừa chạy vừa gầm rú đầy thềm khát.

Chỉ trong nháy mắt thôi, hai nhân vật của chúng ta đã leo lên đến chạc cây đầu tiên của cái cây có tán lá um tùm.

Cuộc chạy trốn của họ hết sức vô vọng vì sư tử leo tài hơn cả hổ.

Nhưng dù sao đi nữa thì sự tự vệ như thế là có thể được, trong khi nếu ở dưới đất thân xác họ sẽ bị vuốt sắc của con mãnh thú xé vụn từng mảnh.

Những tiếng gầm rú của con thú ngày một rõ hơn và con thú đã ở trước họ.

- Nó phi đến đấy – người Anhdiêng thì thầm nói mà tay cầm chắc chuôi con rựa. Đúng như họ dự đoán, tiếng cành cây bị khua động mạnh văng đến tai họ và một tiếng gầm, lần này rất gần khiến trái tim hai nhân vật của chúng ta đập liên hồi vì cái chết khủng khiếp đã gần kề, báo trước sự có mặt ngay tức thời của con thú. Và những nhân vật của chúng ta đã lấy lại bình tĩnh ngay sau khi vị khách bộ hành chăm chú nghe tiếng gầm của con thú:

- Ta quen cái tiếng gầm này...Goaycuru ơi! Cái cách gầm như thế...!

Rồi trước khi người Anhdiêng kịp đáp lời, vị khách bộ hành kêu lên một tiếng đầy phấn khích mà lấy tay vỗ vào trán mình:

- Chúng mình là một lũ ngốc, Goaycuru ạ! Chúng mình đã không nhận ra con sư tử này.

Thế là cả hai người cùng nhảy ngay xuống đất.

2

Người Anhdiêng hoạt bát hơn, từ nơi đứng nhảy xuống chỗ trống. Từ chạc cây xuống tới đất cách khoảng năm mét và cứ nhảy như thế ắt phải gây ra tai nạn. Nhưng sự hoạt

bát bầm sinh đã cứu anh ta thoát nạn: chỉ bị treo một mắt cá chân.

Vừa xuống đến mặt đất, vị khách bộ hành liền ót tay lại làm loa rồi đưa tay lên miệng gọi vào rừng già bằng một tiếng hú khàn khàn kéo dài. Tiếng hú này vang vọng một cách buồn bã ở trong rừng già, xua tan sự thống trị của thú dữ ở nơi đây. Một tiếng gầm rợn người ngay lập tức đáp lại tiếng hú của con người. Tiếng gầm rú rất gần, ngay kề bên khiến các nhân vật của chúng ta, dù có can đảm đi nữa, vẫn cứ phải rùng mình.

Sau đó một lúc, cành cây xao động, hai con mắt bùng sáng trong đêm mờ sương, rồi một bóng to nhảy đại đến trước họ: đó là một cú nhảy đầy vui sướng.

- Divina, yên nào, yên nào! – vị khách bộ hành bằng một giọng oai nghiêm thét con thú để cản bước tiến của nó. Con sư tử này vẫn gầm rú đầy thích thú và đang tìm mọi cách để ôm ghì ông chủ mình vào lòng.

Như mọi người đã biết rõ những cú cào nựng của sư tử cũng thật đáng sợ như khi nó giận dữ cào, vì rằng nó đang giờ vuốt về phía chủ với mục đích đáng yêu là để mừng ông. Đó là năm cái vuốt sắc, như năm cái lưỡi câu liềm, dù cho chúng có nhỏ đi nữa, khi cào vào người để nựng dĩ nhiên chúng sẽ cắm phập vào thịt da ông. Nhưng, vị khách bộ hành còn vui hơn cả tình yêu mến của con sư tử bộc lộ với mình, đã biết cách cẩn thận để phòng con thú đến gần.

- Thưa ông chủ, con thú này làm sao sống ra được? – người Anhđiêng hỏi. Anh ta vừa ngạc nhiên, vừa tiến đến gần. Nhưng con thú quay đầu về phía anh ta và nó lại gầm lên giận dữ.

- Cẩn thận chú em! – vị khách bộ hành thét – Chú mày đừng có đến gần nghe. Sau thời gian dài vắng chủ khi gặp bao giờ nó cũng ghen, ghen một cách khủng khiếp với người khác... Yên nào, Divina!

Trong ánh sáng bàng lằng, người ta thấy cái đuôi sư tử nằm ngang thẳng đuột. Vì thấy con thú với cái đuôi như thế, vị khách bộ hành nhận thấy nó đã sẵn sàng tấn công nên đã kịp thời thét nó đứng im. Ngay lập tức cần phải vỗ về nó. Vậy là con thú, sau phút mừng rỡ được gặp lại chủ, lúc này phủ phục ngoan ngoãn dưới chân ông. Hơn nữa nó còn để cho Goaycuru gãi gãi đầu. Nó cứ để cho anh ta gãi đầu và vì niềm vui còn lớn hơn là nỗi ghen tỵ thoáng qua ban nãy, con thú chấp nhận ngay tình bạn chân thành của người Anhiêng. Năm phút sau đó, cả ba người cùng đi trên con đường mòn trong tình thân ái.

Mưa, gió và sấm đã ngớt hẳn. Không khí thanh tịnh của rừng già lúc này dường như sâu lắng hơn, như thể nó bị chìm ngập. Chỉ còn chớp lạng lẹ, nhè nhàng đuổi nhau trên nền trời tối.

- Thưa ông chủ, còn con vật này làm sao sống ra được ạ?
- Goaycu ru hỏi lại.

Trong lúc ấy vị khách bộ hành kiểm tra lại cái vòng cổ to bự của con thú đang đi bên cạnh ông, rồi ông lại đi vào hàng sau khi đã kiểm tra xong.

- Ta không biết nữa - ông ta đáp lời - cái này vẫn nguyên vẹn như thế. Sợi xích buộc bị bẻ gãy, nhưng ta chịu không thể tự giải thích làm sao mất xích lại bị bẻ gãy. Nếu là một con chó thì ta sẵn sàng tin ngay rằng có ai đó đã bẻ mất xích. Nhưng ta không tin rằng có người nào đó vì quá

ư chán ngán cuộc sống của mình mà lại đến gần để tháo xích cho con thú này - ông ta kết thúc bằng một cú vỗ mạnh lên lưng con vật đang sung sướng vì được vỗ về. Cú vỗ ấy với sức mạnh khủng khiếp của vị khách bộ hành, rất xa với cú vỗ về nhẹ nhõm đầy thương mến. Nhưng rõ ràng con sư tử đã hiểu bởi vì nó ngẩng đầu lên nhìn chủ với vẻ yêu mến như muốn xin thêm một cú vỗ khác nhẹ nhàng hơn.

- Nó không đói sao, thưa ông chủ? – Goaycuru hỏi.

- Không. Sáng nay nó đã ngốn một nửa con hươu săn được từ ngày hôm qua. Tối nay, do không biết mình sẽ đi mất bao thời gian, ta thả nó vào rừng. Nhưng một lát sau nó lại trở về... Tốt hơn hết – Vị khách bộ hành kết thúc.

Con sư tử, như thế hiểu được rằng người ta đang nói về mình, với đôi mắt sáng lân tân, nhìn hết người này người kia trong lúc nó thong thả bước từng bước dài.

Đã được một giờ đồng hồ kể từ khi hai nhân vật lạ lẫm chúng ta và người bạn đồng hành còn kỳ dị hơn của họ cất bước đi trong rừng già và cái đêm đông tố ấy tưởng như lặng lẽ qua đi không có thêm chuyện gì nữa thì bỗng con sư tử đứng dừng lại.

Con vật đứng dừng lại ở trong rừng bao giờ cũng cần phải được con người chú ý nhất là trong trường hợp hiện tại. Sư tử sinh ra ở chốn rừng già và khi nó đứng lại canh chừng là để báo cho ông chủ nó có một cái gì khác thường xảy ra.

Hai người dừng lại.

- Cái gì vậy? – Vị khách bộ hành hỏi.

- Con không rõ – người Anhiêng trả lời – có lẽ nó đánh hơi thấy gì đấy!

Bọn họ lắng tai nghe, cố ghì hơi thở nhưng không nghe thấy gì hết. Tuy nhiên, con sư tử vẫn đứng im không nhúc nhích, vểnh hai tai lên rõ cao. Tập trung cao độ sức nhìn và sức nghe của những con vật đang rình rập, mà đối với những con vật này chỉ một tiếng động nhỏ của tàu lá cũng có thể là một dấu hiệu của sự sống hay của cái chết, con sư tử nhìn bên này rồi bên kia con đường mòn.

Nó cứ đứng yên như vậy trong một lúc. Bỗng nhiên, mắt con thú tập trung vào một điểm về phía bìa rừng. Nó nhướn đầu cao hơn nữa như để nhìn rõ hơn vật nó đã thấy, rồi nó từ từ hạ thấp đầu xuống ngang tầm mặt đất, rồi với cái mõm gi xuống đất nó găm lên một tiếng găm nghen ngào, thậm thiết đến mức khiến cho trái tim hai con người đi bên cạnh cũng thấy ớn lạnh.

- Ta không nhìn thấy gì hết – vị khách bộ hành nói – Có thể nó cảm thấy hơi...

- Hơi người sao?

- Không. Nếu là hơi người nó không găm như thế... Tuy nhiên.

- Thưa ông chủ, nó sợ...

- Đúng thế, nó sợ đấy. Và nếu là hơi người nó không cần phải găm lên... ông ta kết thúc bằng một nụ cười mỉa mai mà chúng ta đã thấy khi ông nói về con sư tử này.

Trong lúc đó, con sư tử bắt đầu tiến lên một cách thận trọng mà mũi nó cứ là là trên mặt đất và nó không ngừng rên ư ử...

- À, ta biết rồi – vị khách bộ hành thét - Divina, ở đây, Divina! Nó sẽ dọn cho mày bây giờ.

Người Anhdiêng rung mình sợ hãi.

- Đó là con rắn hổ mang đấy. Một tháng nay, ta nghe thấy nó từ xa rên rỉ với chính tiếng rên này, rồi khi trở về mồm nó sưng vù lên đến kinh khủng... Divina!

Hai người liền nhảy lên phía trước và bằng một cú đẩy con vật, vị khách bộ hành đứng ra bên cạnh con sư tử. Bọn họ đã đứng trên đường viền của bìu rừng và ở đấy, họ nhìn thấy một con rắn nhacanina nằm trên đất đỏ, vươn đứng cái cổ lên sẵn sàng lao bổ về phía kẻ nào dám tiến lên dù chỉ một bước nữa thôi.

Những con rắn nhacanina, thân dài hai mét, thậm chí có con dài ba mét, đều dữ tợn và không biết sợ gì cả. Khi cảm thấy mình bị tấn công, chúng lao bổ đến kẻ tấn công chúng, bất kể là người, là chó hay là thú dữ. Và không chỉ có thế mà thôi, chúng còn đuổi theo, trườn nhanh như gió theo sau kẻ đã chọc tức chúng và nó tự nấp kín rất tài. Những con rắn đen này là quý khách đáng sợ của rừng già.

Làm thế nào cũng không ngăn được con sư tử. Nó không chịu bỏ cuộc chiến, chủ nó lo đến hết hồn, cố giữ nó lại vì chỉ cần tiến lên một bước nữa thôi thì con Divina của ông sẽ làm cho con rắn bổ nhào đến và không một thứ thuốc nào chữa được nọc rắn.

- Goaycuru, hãy đưa con rựa đây. Ta không thể giữ được con sư tử thêm nữa.

Người Anhdiêng hiểu. Loáng một cái anh rút phát con rựa và đã đứng ngay khoảng giữa ông chủ với con rắn. Anh

ta tiến lên một bước và cái cổ ngồng của con rắn rung rung lên. Con sư tử, mà lúc này đang ở trong vòng tay của ông chủ, cũng giậm dứ gầm lên.

- Lẹ lên nào. Sư tử sẽ tuột khỏi tay ta bây giờ - ông ta vẫn còn kịp gào lên một cách thất vọng. Một phút sau đó, sư tử đã chồm lên trên con rắn. Nhưng người Anhdiêng, với sự bình tĩnh hiếm có đã tiến lên thêm một bước nữa về phía con rắn, và chính trong cái lúc con rắn như một viên đạn lao thẳng đến, anh đã múa cái cổ tay cầm con rựa. Anh làm động tác thật lẹ làng hầu như không để ai nhận thấy. Khi con sư tử đứng trên con rắn, người ta chỉ thấy thân rắn đen xì quấn chặt lấy chân con vật. Nhưng con rắn đã cụt mất đầu. Con rựa của anh đã chém đứt cái đầu con rắn mà anh chẳng phải vung vẩy, chẳng phải mất sức.

Cuối cùng hai nhân vật của chúng ta thở phào nhẹ nhõm. Họ đã được thoát khỏi cơn nguy hiểm đến rùng rợn lần thứ hai này trong cuộc hành trình ban đêm buồn bã ấy. Con sư tử, chỉ hai cú ngoạm, đã xé tung xác con rắn còn đang cựa quậy. Nó đã bình tĩnh trở lại với chủ và cả ba tiếp tục cuộc hành trình.

Giông tố đã qua rồi, nhưng bầu trời vẫn đen kịt mây. Những vị khách bộ hành không hề sợ đêm tối như mực trong rừng già. Họ cứ lần theo con đường mòn hiện ra mờ mờ mà đi và trước hết họ đi theo linh tính của mình.

Không hề do dự, họ cứ hành tiến trên con đường thẳng và ở phía xa, nếu ai đó đứng ngắm nhìn họ, hẳn sẽ thấy ở nơi hoang vắng của rừng già, hai đốm sáng xanh, hai điểm sáng quái đản của rừng già. Chính hai đốm sáng ấy đang dắt dẫn cuộc hành trình ban đêm của ba người đồng hành.

Trong lúc cuộc mạo hiểm này tiếp tục, thì chúng ta sẽ nói đôi điều về các nhân vật của chúng ta để hiểu rõ nguyên cớ của tám bi kịch rợn người sẽ xảy ra.

3

Có một chiều mùa hạ, vào lúc ba giờ, trong không khí nóng hầm hập, hai người đàn ông mồ hôi nhễ nhại, đứng bên bờ sông đợi ca nô đang ngược dòng nước chảy xiết. Đó là Duca Anvết, chủ của lâm trường dài bốn dặm dọc theo bờ sông và gã quản lý của y.

Khi ca nô dừng lại, một chiếc thuyền nán vào bờ chờ theo một vị khách mặc quần áo trắng lốp.

Khi con thuyền cập bến, Anvết tiến đến gần vị khách:

- Ông là Lôngghì phải không? - y hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha pha giọng Bồ Đào Nha.

- Đúng là tôi - người kia trả lời một cách gọn lỏn nhưng lại chăm chú nhìn bộ mặt khó chịu của ông chủ lâm trường.

- Tôi rất lấy làm hài lòng - y nói - Ông đã quen với công việc của mình rồi chứ?

- Đúng thế. ở vùng sông Mixiông, tôi đã mười bốn năm làm nghề nghiệm thu gỗ.

Anvết quan sát gương mặt xương xẩu của người mới đến làm việc cho mình. Đó là một gương mặt toát lên nghị lực phi thường và đức tính trung thực.

- Nếu như ông không có những đòi hỏi quá quắt, tôi hi vọng rằng ông sẽ hài lòng.

- Tôi cũng chỉ mong có thể thôi.

Sau bốn giờ họ đã về đến lâm trường. Làm việc nghiêm thu gỗ đã được đèo vó, ngày nọ qua ngày kia lặn lội trong rừng, đi hết chỗ nọ đến chỗ kia, chịu nóng và muỗi dến hành hạ, là một công việc cực kỳ nặng nhọc. Nhưng người mới đến nhận việc lại có một sức mạnh phi thường ẩn tàng dưới bộ dạng mảnh khảnh của cơ thể.

Thoạt đầu công việc đều ổn thoả cả. Nhưng rồi dần dần anh bắt đầu nhận ra những tội ác khủng khiếp đang ngự trị ở lâm trường. Những người vốn biết những tội ác đã xảy ra ở hầu hết các lâm trường, sẽ hiểu chính xác ngay cái tội ác ở đây đang được che đậy; còn những kẻ không hề biết gì tốt hơn hết là họ mãi mãi không hề nên biết.

Anvết đúng là một gã lòng tham vô đáy, hống hách, hèn nhát, tàn ác, và có ý chí rắn tựa sắt thép.

Sau tháng làm việc đầu tiên, Longghi hiểu ngay rằng mình sẽ không ở lại đây lâu được. Sau tháng thứ hai, anh biết chắc chắn rằng Anvết không bằng lòng anh và một chuyện chẳng lành sẽ xảy ra với mình. Quả nhiên là như vậy. Cuộc đụng độ giữa họ xảy ra vì mấy chiếc xà, theo ý của An vết, do không được chính xác.

- Tôi thấy dường như ông còn hứa hẹn hơn cả lúc ban đầu – Anvết nói một cách khô khốc.

- Có thể lắm – người kia điềm tĩnh trả lời.

- Trách nhiệm của ông là thực hiện tốt mọi công việc – Anvết cắt ngang, chặn lời Longghi.

Longghi nhìn thẳng vào mắt y và anh tái người đi.

- Trách nhiệm của tôi là làm những việc tôi có thể làm được – anh càng điềm tĩnh hơn.

- Trách nhiệm của anh là phải im mồm – Anvết giận dữ quát.

Người nghiệm thu gỗ, chậm chạp dút hai tay vào túi, vẻ mặt vẫn tái xanh, nhưng đó là cơn giận đi vào bên trong còn không khiếp hơn cả cơn giận bộc lộ ra ngoài. Rồi anh rành rọt nói từng lời cho Anvết nghe:

- Ngài Anvết, tôi thiết tưởng ngài nhâm to rồi đấy.

- ...?

- Tôi không phải là một người thợ.

- Sao?

- Cũng không phải là một kẻ làm mướn như những người kia.

Anvết làm điệu bộ, nhưng Lôngghi, mắt không rời khỏi y, báo trước cho y biết:

- ... Tôi xin thề với ngài rằng ngay từ cử chỉ đầu tiên hông rút súng lục của ngài, và xin thề với mẹ tôi rằng sẽ đập phọt óc ngài ra.

Người nghiệm thu gỗ không thêm làm động tác rút súng của mình ra để làm hậu thuẫn cho lời mình nói: cái nhìn của anh đã đủ rồi, Anvết cũng hiểu ra rằng y đã nhâm thật. Y sợ phát xám mặt mày, miệng lẩm bầm mấy lời rồi bỏ đi. Về phần mình, Lôngghi cũng hiểu cuộc chiến đấu của anh mới chỉ bắt đầu thôi và Anvết sẽ không dừng lại ở đây đâu.

Quả nhiên, sáu ngày sau đó, thăm kịch được dự tính trước đã rơi xuống đầu Goaycuru và người nghiệm thu gỗ, hay vị khách bộ hành của chúng ta.

Tất cả thăm kịch bắt đầu xảy ra vào lúc mười hai giờ trưa một ngày nọ, chung quy chỉ tại chuyện không đâu sau đây:

Giữa vô vàn phu gỗ của lâm trường có một người Anhdiêng tên là Goaycuru, vốn bị cha mẹ bỏ đói ở giữa chốn rừng rú và được một phu gỗ già đem về nuôi từ khi còn tấm bé. Thoạt đầu, anh chàng người Anhdiêng này - đã trở thành phu đốn gỗ cừ khôi - nhìn người nghiệm thu gỗ mới với con mắt ngờ vực. Điều này hoàn toàn có thể giải thích được. Nói chung bọn nhân viên nghiệm thu gỗ thường đo gian gỗ, thường ăn bớt gần một nửa số gỗ dẫn được của phu. Ví dụ cây gỗ dài bốn mét thì chỉ còn hai mét rưỡi, đáng lẽ số gỗ họ dẫn được là sau mười *piê quýp* thì chỉ còn lại năm mươi thôi. Phu đốn gỗ không thể bảo vệ sản phẩm của mình có được nhờ phải tốn nhiều công sức chống chọi với cái nóng, với muỗi, với rắn độc trong rừng già. Khi phu lên tiếng bảo vệ quyền lợi của mình thì lập tức nhân viên nghiệm thu gỗ cười gằn và báo trước rằng nếu cứ làm phiền thì họ sẽ đập cho bể đầu. Thế là phu đốn gỗ ngậm đắng nuốt cay và cứ như thế nộp những cây gỗ tiếp theo. Họ có thể làm gì được. Đôi lúc xảy ra hành động trả thù bị tổn thương nhưng nỗi sợ ông chủ lại là quá lớn trong lòng phu gỗ.

Rồi bạn đọc sẽ hiểu. Lôngghì là một con người khỏe mạnh thừa sức hiểu những thủ đoạn ăn cắp. Những thủ đoạn ấy càng ranh ma quỷ quyết và hèn hạ hơn khi chúng được dùng để chống lại một phu đốn không được ai bênh

vực, người phải đổ mồ hôi sôi nước mắt để kiếm lấy một túi mỡ hoặc túi đậu hạt. Lôngghì biết rõ điều này. Vậy là chỉ mười lăm ngày sau, anh đã chinh phục được thiện cảm của các phu đồn gỗ, đã phá tan mọi hiềm nghi của họ đối với anh. Những phu đồn gỗ này vốn hiểu rõ lòng lang dạ sói và những thủ đoạn bóc lột của bọn nghiệm thu gỗ. Phu đồn gỗ tin tưởng rằng chân lý của họ là hiển nhiên nhưng chân lý ấy đã bị những thủ đoạn bịt bợn che lấp mất. Lôngghì nhận ra ngay rằng đám phu đáng thương này có lí khi họ không tin tưởng anh và tự đẩy lòng mình, anh thương họ.

Bao giờ cũng vậy, người Anhdiêng là nạn nhân trước tiên của bọn nghiệm thu gỗ lòng tham vô đáy. Trong điều kiện bị chà đạp và khinh thị đến cùng cực của chủng tộc mình, bao giờ phu đồn gỗ người Anhdiêng cũng bị ăn bớt một nửa số gỗ đồn được. Lúc nào bọn nghiệm thu gỗ cũng bảo gỗ của họ không được đẽo vuông vức hoặc giả gỗ của họ bị mọt hoặc bị ải do đồn vào mùa mưa – nghĩa là lúc nào bọn nghiệm thu gỗ cũng kiếm ra được những cái cớ để trừ gỗ của người Anhdiêng. Người Anhdiêng chỉ còn biết âm thầm chịu đựng bao bất công để làm việc với đồng lương đủ cho họ ăn cầm hơi. Họ đã phải chịu đựng cảnh khổ cực này hai mươi năm trời.

Vì vậy, nổi ngạc nhiên của họ trước cách đo gỗ của người nghiệm thu gỗ mới không hề ăn gian của họ dù chỉ một centimét gỗ, là vô biên. Cũng như những phu đồn gỗ khác, người Anhdiêng này tin rằng cái lối đo gỗ của người nghiệm thu gỗ mới chẳng qua chỉ là một thủ đoạn đen tối nhằm trước tiên thu phục lòng tin, nhưng khi giao nộp hết cây gỗ này đến cây gỗ khác anh ta thấy tất cả đều được đo

đếm chính xác. Thế là một ánh sáng thiêng liêng của lòng tin gần như mù quáng được đặt vào một con người đã từ từ xâm chiếm cái tâm hồn u tối của con người thuộc chủng tộc còn ở trình độ man rợ kia.

Chuyện cũng không chỉ có thế. Có một buổi chiều nọ, vào lúc đo xong một súc gỗ tròn và trong lúc người phu Anhdiêng đang nhìn mình thì Lôngghi ngược mắt lên nhìn thấy người Anhdiêng đang run bần bật, cái đầu so rụt lại giữa hai vai:

- Cậu làm sao thế? – anh hỏi – Sốt phải không?

- Vâng ạ. – Người kia run rẩy trả lời rồi lảng đi nơi khác. Trong cái nhìn của anh ta, có nỗi buồn tê tái, ủ ê của một căn bệnh không thể chữa lành và lúc này anh tựa như một con chó ốm.

- Vì sao không uống kí ninh?

Người Anhdiêng không trả lời.

- Cửa hàng không bán kí ninh à?

- Có bán – người Anhdiêng trả lời – nhưng họ bán đắt lắm ạ!

- Bao nhiêu tiền?

Người Anhdiêng hạ thấp giọng đáp lời.

Người nghiệm thu gốc thốt lên giọng đầy căm phẫn:

- Sao họ đã man thế – Anh thốt lên trong cái nhìn con người đang bị cơn sốt hành hạ và cảm thấy tự trong trái tim mình nảy sinh tình thương mến đối với con người khốn khổ kia. Sau đó anh bỏ đi không nói thêm một lời. Còn Goaycuru, với con mắt hài hước nhìn anh ngày một đi xa hơn:

- Cũng y hệt như tất cả những ông nghiệm thu khác.

Nhưng ngày hôm sau, người Anhtiêng rất đỗi ngạc nhiên khi nhìn thấy người nghiệm thu gỗ đang xăm xăm đi đến túp lều tranh của mình ở sâu trong rừng.

- Đây, kí ninh của cậu đây – Anh chia ra cho người Anhtiêng một chiếc hộp căng phồng – Cậu hãy uống một lần hai viên trước cơn sốt một giờ. Bốn mươi viên kí ninh cả thảy đấy. Nếu không dứt cơn sốt thì báo cho tôi biết ngay nhé.

Người Anhtiêng cầm lấy hộp thuốc kí ninh mà không nhìn người nghiệm thu và không nói một lời.

- Thôi nhé, tôi về đây – Người nghiệm thu gỗ chân thành nói rồi quay đi. Khi anh đi được một cuadra thì anh cảm thấy có người đang theo mình và khi quay đầu lại thấy người Anhtiêng đang đi về phía mình. Lòng mảy anh ta nhúu lại như thể anh ta đang khổ tâm.

- Thưa ông chủ, tôi muốn được biết số thuốc này hết bao nhiêu tiền ạ? – Anh ta hỏi mà giọng như nghẹn lại.

- Cậu không phải trả tiền – Người nghiệm thu gỗ trả lời.

Người Anhtiêng càng nhúu mảy hơn mà nhìn hết móng tay này sang móng tay khác.

- Không phải là thuốc độc chứ? -- Anh ta thì thầm hỏi và còn nhìn trộm anh nữa.

Người nghiệm thu gỗ hiểu hết những đau khổ bất công và cả những hoài nghi từng làm chua xót lòng người Anhtiêng đến mức khiến anh ta ngờ vực ngay cả hành động giản dị của lòng từ thiện.

- Bậy nào, không phải thuốc độc đâu – Anh xằng giọng để khẳng định lòng tốt của mình. Vì thấy người Anhdienh vẫn cúi đầu, anh ta lại tiếp tục đi nhưng mới bước được hai bước thì cảm thấy bàn tay mình bỗng được một cái miệng hôn thật mạnh và anh nghe thấy những lời nói đứt quãng chen giữa tiếng khóc nức nở:

- Thưa ông chủ, ngài thật là người tốt bụng, ngài là người tốt bụng.

Lôngghì rút bàn tay mình lại mà cười để giấu nỗi xúc động đang dâng lên mạnh mẽ trong lòng mình.

Kể từ giờ ấy trở đi, không có lòng trung thành và lòng tin nào lớn hơn lòng trung thành, và lòng tin của người Anhdienh. Đối với anh ta, người nghiệm thu gỗ là một người cha, một thượng đế mà anh đã hiến dâng tâm hồn cô đơn của mình với tất cả lòng thủy chung son sắt.

Và chính lòng yêu mến dành cho người nghiệm thu gỗ này, vốn được thể hiện qua những thiện cảm mà đám phu gỗ biểu lộ rõ rệt đối với anh đã khiến cho Anvết tức đến bầm gan tím mật và y rắp tâm trả thù anh bằng cách nỗ lực làm tan thân xác Lôngghì. Mỗi hiềm khích của y đối với người nghiệm thu gỗ, vốn bắt đầu từ những ghen tức của y trước thái độ ứng xử nề vì của đám phu gỗ đối với Lôngghì, đã bùng nổ dữ dội khi y biết Goaycuru yêu kính Lôngghì biết nhường nào và trước hết khi y biết Lôngghì không do gian để lấy gỗ của phu. Hiển nhiên là y có thể đuổi vô tội vạ kẻ dưới quyền không biết vừa lòng mình; nhưng y không làm thế. Ngoài việc y trả lương cho Lôngghì thấp hơn thường lệ ra, y còn muốn trả thù Lôngghì.

Và thế là một chiều nọ đã xuất hiện cái cớ không đầu vào đầu để trả thù Lôngghì.

Từ ngoài bãi sông Anvết cười ngựa trở về gần tới lâm trường thì y bắt gặp Goaycuru. Anvết dừng ngựa lại.

- Thằng kia, mày làm gì ở đây vào giờ này hả? Mày lảng vảng trên đường hẻm này để làm gì? Y hỏi.

- Thưa ông chủ, con không làm gì bậy bạ cả ạ! Con đến cửa hàng để mua bột – Người Anhdiêng đứng lại, run rẩy trả lời.

- Bột hả ! Thế mày đã không lấy bột từ hôm thứ bảy rồi sao?

- Thưa ông chủ, con đã lấy. Nhưng bột ấy bị mưa ướt hết rồi ạ.

- À, ra bột của mày bị ướt. Thằng khốn nạn. Thế mày đã nộp gỗ chưa?

- Thưa ông chủ, con đã nộp rồi!

- Bao nhiêu.

- Một cây lapachô ạ.

- Dài bao nhiêu?

- Thưa, dài mười hai piê ạ.

Anvết nện ngay một gậy thật lực lên đầu người Anhdiêng.

- Ủ, mười bốn piê cũng nên.

Người Anhdiêng càng cúi đầu hơn, nói run run:

- Hôm thứ bảy con đã nộp...

- Tao cần gì phải biết là mày đã nộp gỗ vào hôm thứ bảy... Điều tao muốn là mày phải làm việc. Nghe rõ chưa

thằng kia? Hãy theo tao! Nào hãy thử đi xem cái cây gỗ tuyệt vời của mày.

Bọn họ cùng đi. Anvết không nói năng gì nhưng mặt y cứ nhăn nhó hoài. Khi đến nơi, y xuống ngựa, ném mạnh dây cương xuống đất mà tin chắc rằng sẽ có khoảng mười người thì nhau đến tranh giành cái dây cương để dắt con ngựa của ông chủ vào tàu, rồi y đi ra bãi gỗ cùng với người Anhđiêng. Y xét nét cây gỗ của người Anhđiêng và cuối cùng y ngẩng cao mặt lên dọi vào mắt Goaycuru cái nhìn nẩy lửa báo trước trận lôi đình của y sẽ trút lên đầu anh:

- Đây là cây gỗ mày giao nộp phải không? – Y hỏi trong lúc chân y đạp nhẹ vào cây gỗ.

Người Anhđiêng, sợ đến run người, không dám mở miệng.

- Ai nghiệm thu nó hả?

- Ông chủ Lôngghi ạ!

- Ở đây chỉ có một mình tao mới là ông chủ thôi nghe chưa, quân chó má! – Y quát, mặt đỏ tía tai. Mày đã nghe thủng chưa, thằng kia. Tao, tao chỉ có tao là ông chủ duy nhất ở đây thôi. Còn tất cả những đứa khác, tất cả chúng nó đều là quân ăn hại đái nát. Mày đã hiểu chưa. Tất cả lũ chúng nó...

Lời nói cuối cùng này y nhằm vào những phu đồn gỗ và những người giúp việc khác của y vốn là những người nghe rất rõ vì họ đứng cách không xa lắm. Đó là cái cách nhìn ra oai để đe nẹt người mà Anvết vẫn thường dùng đối với người của y khiến không một ai dám ngẩng cao đầu trước sự hiện hữu của y. Các phu đồn gỗ lấm lét nhìn nhau còn

các tay giúp việc thì làm ra vẻ là ông chủ nói người khác chứ không động đến mình. Nhưng đó là những tiếng sấm nổ quá mạnh đến mức ánh chớp không loé chớp ở gần.

- Ông chủ Lôngghi...? Anvết tiếp tục cơn thịnh nộ – Ta không biết đích xác là khi ở nước mình hẳn có là ông chủ không? Nhưng cái thằng nghiệm thu cây gỗ là một thằng ăn hại đái nát. Cho dù đó là Lôngghi hay bất kỳ đứa nào. Cái thằng...

Y định nói tiếp, nhưng y nhận thấy con mắt của tất cả những người có mặt đang hướng về phía con đường ở phía sau lưng mình. Và thế là y quay mặt lại và thấy Lôngghi đang bình thản từ trong rừng đi ra. Dù cho anh ở cách đây một nửa cuadra, thì cũng khó mà tin rằng anh không nghe thấy điều Anvết vừa nói, nhưng anh vẫn làm thỉnh để cho khung cảnh thêm vẻ tĩnh mịch của nó. Những tay giúp việc đưa mắt nhìn nhau. Nhưng Anvết đã đổi sắc mặt: từ đỏ tía sang tái nhợt. Khi nhìn thấy Lôngghi, y dừng lời và trong khoảng hai phút đồng hồ, người ta có thể nhận thấy trên gương mặt y sự vật lộn giữa nỗi sợ và lòng đố kỵ đối với Lôngghi. Lòng đố kỵ đã thắng.

- Ai nhiệm thu cây gỗ này hả? – Y hỏi và nhìn khắp mặt bọn giúp việc làm như thể mình chưa hay biết gì.

- Tôi! – Lôngghi đáp mà tin chắc rằng lần này sẽ là cuộc chiến đấu sống mái và do đó anh dứt tay vào túi để tự ghìem lòng mình hơn.

- Ông hả? – Anvết hỏi rồi từ từ quay đầu về phía anh – Vậy thì ông không có hiểu biết gì về cây gỗ cả.

- Tuy nhiên, tôi tin rằng tôi nắm vững các tri thức về gỗ. – Lôngghì bình tĩnh trả lời – Vậy cây gỗ này thế nào? - Anh nói rồi đi đến gần cây gỗ.

- Chẳng sao cả! Chỉ có điều là nó đã bị một đục rỗng cả bên trong rồi.

Lôngghì khom lưng, gõ ngón tay lên những chỗ khác nhau của cây gỗ.

- Tôi không thấy nó bị một đục ở đâu cả.

- Ông không thấy gì! Điều tôi cảm thấy rất rõ là ông đang ăn hại lương của tôi. Điều ấy thì tôi nhận rõ.

Những người giúp việc, do nhớ lại vụ chạm chán trước đây giữa Anvết và Lôngghì, đều thấy rung mình kinh sợ và mở to đôi mắt để không bỏ qua một chi tiết nào của câu chuyện sắp sửa xảy ra.

Nhưng Lôngghì lại cúi người xuống như để kiểm tra kỹ hơn cây gỗ. Khi anh đứng thẳng người lại, mặt anh vẫn tái nhợt vì giận dữ.

- Ngoài ra – gã người Braxin tiếp tục nói – cách đánh quýp đúng không. Có lẽ ở xứ sở ông thì đó là cách đo mét khối, còn ở đây, những người chân chính không đo như thế. Ông hiểu chưa.

Lần này, với những câu nói ấy làm cho lòng tự chủ của Lôngghì dường như đã vượt quá giới hạn. Nhưng Lôngghì vẫn khom lưng cúi xuống ở đầu cây gỗ để nhìn kỹ hơn và suy tính. Anh lại đứng thẳng người. Lần này anh bình tĩnh hơn.

- Xin lỗi ông chủ – anh bình tĩnh nói - súc gỗ này được đánh quýp khá chính xác đấy ạ.

- À, ngài tin rằng nó được đo đúng hả? - Y gào lên - Ngài là một tên bợm... rất bợm...

Nhưng rồi chuyện giữa hai người không thể dừng lại ở đây. Lôngghì, với tiếng thét khản cổ bộc lộ hết nỗi giận dữ cho đến lúc này không còn ghìm được, thụi quả đấm rõ mạnh vào mặt Anvết. Quả đấm này nổ đánh bộp vào mặt Anvết. Vội đưa tay lên bưng cái miệng toé máu, Anvết loạng choạng, lùi lại phía sau và ngay lập tức tay y lăm lăm khẩu súng lục. Y chìa mũi súng vào ngực Lôngghì và cười ha hả.

- A! A! Hình như đã đến lúc chấm dứt mọi chuyện rồi phải không? Đường như lúc này chúng ta chỉ còn lại ít phút được tính trước rồi phải không? Đồ bợm! Đồ bợm!

Lôngghì, hai tay lại dút túi áo, đứng im, mặt trắng như tờ giấy, chăm chú nhìn kẻ địch của mình.

- Ngài là thằng hèn! Anvết lại gầm gừ bộc lộ cơn giận trong lòng y đang bốc lửa - Ta sẽ giết mày như giết một con chó. Thằng bợm kia, nghe rõ chưa!

Khi nghe lời thóa mạ được nhắc lại nhiều lần này, hai tay Lôngghì động đậy và đối với cử động này, Anvết đã đáp lại ngay tức thời bằng cách chìa khẩu súng lục. Người ta có thể nhận rõ điều đó qua bộ mặt của y đang nhăn lại. Y đã siết cò súng và viên đạn sắp bay ra khỏi nòng thì giữa lúc ấy Goaycuru, như con hổ, nhảy bổ đến Anvết và đấm một phát vào cổ tay làm cho khẩu súng bay ra khỏi tay y.

Thế là lần này câu chuyện lại xoay ngược sang người khác chứ không nhắm vào Lôngghì nữa.

- Trối cổ thằng phản chủ này lại - Anvết gào.

Các phu đồn gỗ, vốn lừng khùng chưa biết nên xử sự như thế nào đối với người nghiệm thu, lập tức ào đến vây chặt lấy anh thanh niên Anđiêng. Trong nháy mắt họ đã đè anh ta ra và trói ghì anh ta lại.

- Bây giờ, hãy trói thẳng kia cho ta mau? Anvết gầm gừ ra lệnh chỉ về phía Lôngghi, người lúc này vẫn đút hai tay trong túi áo. Không một phu đồn gỗ nào dám động dấy.

- Đồ hèn mạt cả một lũ – Y lại gào mà hai mắt y lóng lánh nước mắt giận dữ vì bất lực, y chạy bổ tới gần khẩu súng lục rơi cách Lôngghi một khoảng chân.

Nhưng trong lúc sắp cầm được khẩu súng thì Lôngghi thông thả đưa chân lên dậm lấy khẩu súng lục đồng thời tay nắm lấy vai Anvết, vặn người y đẩy ra xa. Anvết lao đảo rồi ngã xuống đất.

Thật khó mà tả được bộ dạng Anvết khi y đứng dậy? Những giọt nước mắt thất vọng đầy giận dữ lẫn cả từ mắt y chảy ra.

Rất thần nhiên thôi. Lôngghi cúi xuống nhặt khẩu súng lục rồi ném về phía chân Anvết. Y nhặt vội lấy khẩu súng rồi với tiếng hét đặc thảng, y vẩy khẩu súng lục về phía những phu đồn gỗ, ra lệnh:

- Chúng bay hãy trói cổ thằng này lại cho tao. Đứa nào đứng ý ra tao bắn cho bể sọ!

Những phu đồn gỗ tiến về phía Lôngghi. Anh liền nhún vai rồi rút súng lục của mình ra, bình thản nói với đám phu đồn gỗ.

- Các anh chớ có ngây thơ như con nít. Các anh hãy đứng im. Các anh không việc gì phải...



Một tiếng súng nổ cắt ngang lời anh và tiếp theo tiếng nổ này là tiếng kêu đau của Longghi. Khẩu súng lục rời khỏi tay anh và máu từ bàn tay ấy phọt ra. Anvết, con mắt nhắm của y lúc ấy đã không phản lại y, vừa bắn rụng ba ngón tay Longghi và bằng cách ấy đã tước mất vũ khí của anh.

- Lẹ lên! Hãy trói cổ nó lại cho ta mau – Anvết găm gù, tay lăm lăm khẩu súng lục chìa vào đám phu gỗ

Trước khi Longghi nằm xuống, anh thấy mình bị đám phu đồn gỗ vây chung quanh, hai mươi bàn tay ghì chặt lấy anh và sau đó anh bị họ trói chặt.

- Hãy mang hai thùng bọm này về giếng cũ cho ta mau! Đám phu đồn gỗ, hãy còn run sợ, khiêng hai người bị trói, bắt đầu đi.

- Ngài Longghi ơi bây giờ chúng ta sẽ cùng nhau xem – Anvết ranh ma nói – Xin ngài đừng sợ vì đó là cái giếng cạn mà... Nhưng ở đây có những cái còn đáng sợ hơn kia – rồi y hỏi đám phu đồn gỗ: - ở đây lúc nào cũng có kiến kên phải không bọn bay?

Chỉ nghe hỏi vậy thôi, tất cả đám phu gỗ đã sợ run, mặt mày xanh xám. Tuy nhiên bọn họ vẫn khiêng hai người bị trói đi trên con đường rộng cho đến ngã ba đầu tiên, cách lâm trường bộ bốn trăm mét.

- Dừng lại – Anvết ra lệnh – Hãy đặt hai thùng ấy xuống đất đã nào.

Đám phu gỗ đặt Longghi và người Anhdiêng nằm trên bãi đất đỏ rồi đợi lệnh mới của chủ. Cần phải nói thêm rằng kể từ khi Anvết chìa súng lục lần thứ hai vào ngực

họ, tất cả sự lương lự của họ – dấu ấn của lương tri và lòng nhân đạo trong tâm hồn họ - đều đã bay mất. Thái độ hăm dọa cùng tiếng thét giận dữ vốn quen biết của Anvết đã đánh thức bản năng nô lệ thường có trong lòng họ, và giờ đây họ là những cỗ máy chỉ còn biết mù quáng vâng theo lệnh của Anvết.

Trong họ những thiện cảm đối với Lôngghì đã tiêu tan. Đối với họ, trên thế gian này chẳng có gì khác ngoài những mệnh lệnh của ông chủ. Bằng cách này họ đã trở thành những kẻ đồng loã và tòng phạm của tội ác rừng mình.

- Chúng bay hãy xem giếng có nước không? – Lão chủ người Braxin ra lệnh. Nếu có nước chúng bay hãy tát cạn đi và hãy lấy cát đổ xuống để cho lòng giếng khô nghe chưa. Ta không muốn làm cho ngài Lôngghì đây chết cứng.

Đám phu đồn gỗ đi đến bên giếng nước. Một cái giếng sâu bốn mét, vì không có nước, từ lâu không ai dùng. Khi có mưa, dưới đáy giếng có ít nước. Bọn họ cúi xuống nhìn giếng cạn khô.

- Tốt lắm – Anvết nói – càng đỡ phải mất công tát nước! – Rồi y thì thầm ra lệnh cho tay chân. Bọn phu gỗ quay về lâm trường để khi trở lại mang theo cuộc chim, kíp mìn và một cái thùng gỗ vuông. Anvết mở cái thùng này rồi quay về phía Lôngghì đang nằm ngửa:

- Ngài Lôngghì này! – Y nói mà chân đạp vào đầu người nghiệm thu gỗ – Lẽ nào ngài chưa biết cái của này?

Lôngghì, mắt nhắm lại vì ánh mặt trời chói chang, không hề động dậy.



- Như thế là không tốt. Ngài Lôngghì ạ, không tốt một tí nào. Nếu ngài dám mở mắt ra ngài sẽ thấy cái của này là mình... Ngài Lôngghì ạ, mình đấy... Lúc này y nói năng về lịch thiệp hơn.

- Thôi được. Sau đó chúng tôi sẽ mở mắt cho ngài vậy... Thế còn tổ kiến vẫn đầy kiến đấy chứ, bọn mày?

- Thưa ông chủ, đầy kiến ạ... một phu đồn gỗ trả lời y.

- Tốt. Bây giờ đến lượt ta ra tay.

Vừa nói dứt lời, y đã trèo xuống lòng giếng.

- Dẫn cho ta một cây bương thật to - từ dưới đáy giếng y ra lệnh - dài chừng mười mét nghe chưa.

Một lát sau, cây bương được đưa xuống. Anvết tự tay trồng cây bương và sau đó y bò lên, người dầm dìa mồ hôi.

- Tốt rồi. Bây giờ bọn bay hãy lên đá cho ta. Nhớ là đá to thì đưa xuống trước... Cẩn thận đấy... Làm ăn chu đáo cho ta, bọn bay nghe chưa.

Khi mọi việc đã xong xuôi, một mình Anvết lại chui xuống giếng, tự tay nhét mìn vào trong lòng cây bương, rồi tra kíp mìn và buộc dây cháy chậm rồi y lại bò lên. Hai phu đồn gỗ làm nốt việc lên đá giếng trong sự trông coi của Anvết và nửa giờ sau đó giếng cạn đã bị lấp đầy đá.

- Bây giờ đến lượt thằng Anhdiêng khôn kiếp – Anvết nói – Hãy lột trần truồng nó ra cho ta, bọn bay.

Trong nháy mắt, người Anhdiêng đã bị lột trần truồng.

- Hãy chuẩn bị tổ kiến cho ta, bọn bay.

Hai phu đồn gỗ đi về phía người Anhdiêng và trong lúc bọn họ sắp mở tổ kiến, Anvết đã kịp ngăn họ lại:

- Gượm đã, nghe chưa. Chúng bay hãy về kho lấy cho ta chai rượu to có nhãn xanh ấy.

Khi người phu trở lại mang theo một chai rượu, thì Anvết lại quay về phía Lôngghi, miệng nở một nụ cười đắc thắng.

- Ngài Lôngghi hãy nhìn này. Đây là rượu Trêmêrina. Kiến rất khoái thứ này... Khi uống vào chúng nó say, mất trí sinh ra nhảm lẫn và cắn rất điên, ngài Lôngghi ạ...Goaycuru người bạn chí thiết của ngài, sẽ nhớ đời cái đòn kiến đốt lần này đấy.

Đám phu lấy gậy đập thật lực vào tổ kiến vùng mạnh nó khắp bốn phía. Màu xám của chiếc tổ ngay lập tức chuyển thành màu đen: Hàng triệu con kiến từ trong tổ bò ra đi tìm kẻ thù phá tổ. Anvết tưới rượu Trêmêrina vào đám kiến, còn đám phu buộc chặt các nút trời người Anhđiêng.

Bỗng nhiên Lôngghi, vẫn không nghe thấy tiếng nói trong một lúc lâu, nay lại nghe thấy tiếng kêu dầy dàu dớn và anh cảm thấy rừng mình kinh sợ. Lại vang lên tiếng kêu một lần nữa. Lần này mạnh hơn nhiều. Đó là tiếng kêu thương trước nỗi đau dớn khủng khiếp mà con người không còn chịu đựng được.

- Ngài Goaycuru ạ, thế là rất tốt, rất tốt - Lôngghi nghe thấy Anvết nói - Đây là đòn trừng trị cần thiết để ngài học cách tôn trọng các ông chủ.

Mặc dù Lôngghi có sức chịu đựng phi thường, ấy thế mà trán anh vẫn toát mồ hôi lạnh.

Đòn trừng phạt lúc này mới được khởi sự. Người Anhdiêng bị lật trần truồng ném vào đám kiến cuồng điên, đang quần quai đau đớn. Cơ thể anh đầy kiến đen bầu nên nó đen tựa như một cục than. Những con kiến này sau khi uống Trêmêrina đang điên cuồng cắn anh như thể muốn ăn tươi anh ngay.

Được độ một phút – một phút trong lúc này dài tưởng vô tận – Lôngghi lại nghe thấy tiếng nói của Anvết:

- Bây giờ hãy tạm dừng lại. Hãy lùi thàng ấy ra khỏi đám kiến cho ta.

Người Anhdiêng được lùi ra khỏi đám kiến. Tiếng kêu la của anh dần dần nhỏ lại để chuyển thành tiếng khóc nức nở, tiếng nức nở vì bất lực, vì nỗi đau đớn khủng khiếp, tiếng khóc nức nở của con người mà sức kháng cự của anh ta đã bị bẻ gãy.

Lúc nào Lôngghi cũng nhắm nghiền mắt lại. Anh nằm yên không hề nhúc nhích một ly. Nhưng trong tâm hồn anh thì khác hẳn: Đó là biển đang dội trào giận dữ. Nhưng lúc này họ trừng phạt anh.

- Bây giờ đến lượt ngài, Lôngghi ạ - Anvết nói – Bây giờ tôi sẽ dạy ngài một trò chơi mà có lẽ ngài chưa hề biết tới. Hình như ngài vẫn chưa biết bay phải không?

Lôngghi không đáp lời.

- Ngài Lôngghi này, xin ngài chớ nên vô lễ như thế – Anvết nói mà chân y đạp lên đầu anh – Tôi đang nói chuyện với ngài đây mà.

Gương mặt của Lôngghi vẫn thản nhiên. Chỉ có sắc mặt tái tái, cái sắc mặt này Anvết vốn quen biết rồi, hiện rõ

trên gương mặt anh. Khi Anvết nhận ra sắc mặt ấy thì lập tức y mỉm cười đầy vui sướng:

- Được, cái sắc mặt ấy chứng tỏ rằng ngài đang nghe tôi nói. Bây giờ ngài Lôngghi ạ, tôi đề cập đến chuyện bay mà. Chỉ trong nửa giờ nữa thân thể ngài sẽ bay trên không trung. Đó là điều chưa bao giờ ngài nghĩ tới. Ngài sẽ bay cao và xa tới mức có lẽ không trở lại nữa, ngài nghe rõ chưa. Vậy thì, vốn là chỗ quen biết nhau, chúng ta hãy từ biệt nhau nào, ngài Lôngghi nhé.

Rồi y vung cây gậy lên quật thật mạnh vào mặt Lôngghi.

- Đó chính là lời từ biệt của ta, đồ mặt mọt ạ - Y găm lên quên mất cả phép lịch sự, trong khi đó một rãnh máu chảy rỉ rả trên mặt Lôngghi.

- Hãy mang theo kỷ niệm này của ta nhé! – Y nhìn đám phu đồn gỗ - Bọn bay hãy khiêng thàng này đặt lên miệng giếng cho ta nào!

Đám phu dựng Lôngghi dậy, khiêng anh đến đặt trên cái giếng đã chôn mìn. Khi lên đá xuống giếng, bọn họ còn để chừa lại một chỗ lõm xuống để người nghiệm thu gỗ nằm vừa, dù anh có muốn lăn đi cũng không thể. Đó chính là một cái huyệt cho Lôngghi. Một cái mồ sống, nếu có thể gọi như vậy, vì nằm trong đó Lôngghi sẽ đếm từng giây từng giây đang trôi đi trong cái khoảnh khắc cuối cùng của đời mình trước khi thân anh bị nổ tung xác pháo.

Giây phút cuối cùng sẽ đến sau khi Anvết tiến đến cái giếng rồi châm dây cháy chậm. Dây cháy chậm bén lửa nổ lép lép rồi sau đó nó cứ lạng lẽ, chậm chạp và khủng khiếp bén dần bén dần...



- Sau đây, khi chỉ còn năm phút nữa mìn nổ – Anvết nói trong lúc rút chiếc đồng hồ quả quýt ra – chúng bay hãy đặt thẳng cha Andiêng kia vào tổ kiến cho ta. Ngài Lôngghi trước khi sang thế giới bên kia cần được nghe âm nhạc mà.

Tiếng tim đập chậm chạp, vình hàng cử qua đi khiến Lôngghi có cảm giác cuộc sống của mình sắp bị cắt đứt.

Bỗng tiếng kêu đau thương như xé ruột xé gan của người Anhdiêng đang bị trừng phạt phá tan bầu không khí tĩnh mịch.

- Hãy còn thiếu năm phút nữa – Lôngghi thì thầm nói.

Tiếng kêu ngày càng thảm thiết. Lôngghi nghe thấy tiếng chân người xa dần xa dần.

“Chúng đã đi rồi – Anh nói với mình – Trong vòng một phút nữa thôi, mình sẽ không còn sống”.

Và lần đầu tiên, khi nghĩ tới bà mẹ, Lôngghi cảm thấy nghẹn ngào đau khổ.

- Khốn khổ cho mẹ mình quá đi mất – Anh rên rỉ nói – Mẹ không thể nào hình dung được thảm cảnh của con mẹ! Nếu mẹ...

Một tiếng nổ vang trời dậy đất. Đá từ trong lòng giếng phụt lên cao kéo theo thân xác người nghiệm thu gỗ. Thân xác anh bay lơ lửng trên cao rồi rơi xuống bụi mây song ở bên cạnh, làm giập gãy những dây mây, dây song chẳng chịt để cuối cùng rơi hẳn xuống đất.

4

Mười một giờ đêm. Một luồng gió mát chạy theo dọc con đường mòn và rừng già, vốn tỉnh mịch đến rợn người, bỗng sống dậy náo nức với tiếng mèo gào, tiếng chân chạy của hươu nai và tiếng gầm của lợn rừng. Có tiếng người rên rỉ, vang lên một cách bất ngờ, đã dập tắt bản hợp xướng của rừng đêm. Lát sau, một tiếng nói khàn khàn gọi thầm thì

- Ông chủ Lôngghì ơi!

Không một tiếng trả lời.

- Ông chủ Lôngghì ơi! – Cái tiếng nói khàn đặc vì đau khổ, lại gọi Lôngghì. Một bóng người hầu như không thể nhìn rõ trong đêm đen đang chậm chạp bò về phía cái giếng. Chiếc bóng dừng lại độ nửa giờ, sau đó lại bò về phía bìa rừng. Thật không thể ngờ được một con người từng chịu đựng bao đau đớn trong đòn trừng phạt lại có thể còn bò được như vậy. Bỗng chiếc bóng ấy chạm phải một bàn tay và nó run bắn người. Cái bàn tay ấy đã giá lạnh, cứng đờ đờ.

- Ông chủ ơi, ông chủ Lôngghì ơi – người Anhdiêng nức nở khóc, không cần giấu giếm tất cả tình yêu thương của mình dành riêng cho người duy nhất anh ta yêu. Anh ta sờ mặt, sờ cơ thể cao thượng của người nghiệm thu gỗ và khóc tuyệt vọng trong đêm vắng lặng.

Ngày hôm sau, một phu đồn gỗ đến báo tin cho Anvết biết rằng: người Anhdiêng và Lôngghì chưa chết. Anvết theo anh ta và bắt gặp hai người, người nọ nằm bên cạnh người kia. Dù tâm địa của y thật hiểm độc, nhưng khi nhìn người Anhdiêng y cũng ớn lạnh cột sống hơn. Thân xác người Anhdiêng lúc ấy không còn là thân xác con người



nữa: nó sưng vù và bầm máu. Kiến độc đã ăn sống anh ta, Anvết bước lại gần hơn rồi y chú ý quan sát cơ thể bất động của Lôngghi:

- Thằng này đã chết rồi – Y nói

- Thưa ông chủ, hắn chưa chết ạ! – Người phu đồn gỗ đáp – Tim hắn hẳn còn đập.

- Lạ thật. Làm sao mà hắn thoát chết được nhỉ – Anvết tự nói với mình, rồi y hỏi:

- Vậy thì nó có việc gì không?

- Thưa ông chủ hình như hắn bị gãy xương sườn ạ!

Anvết nghĩ ngợi một lát rồi y trở về trụ sở lâm trường.

- Hãy khiêng hai thằng này về cho ta – Y ra lệnh.

Khi nhìn hai người ngắc ngoải, hai con người khỏe mạnh, lực lưỡng mà hai giờ trước đây hành động tội ác của y đã biến họ thành hai cục thịt thảm hại, đôi mắt y ánh lên niềm vui đắc thắng. Chiếc xe kéo lắc lư mạnh trong lúc khiến cho người Anhđiêng mê man thêm thì đã khiến Lôngghi tỉnh lại. Anh mở mắt nhìn Anvết rồi nhắm mắt lại ngay.

- Tốt, tốt lắm – Anvết bình thản nói – Ngài Lôngghi, ngài đã rút ra bài học cho mình rồi đấy. Tôi hy vọng rằng sau đây ngài sẽ nhớ mãi nó và biết cách tôn trọng những người không làm hại ngài. Tôi nghĩ rằng khi đá bắn tung ngài lên trời thì chắc ắt hắn ngài đã chết. Nhưng sự thực là tôi không hề muốn chung sống với một người nghiệm thu gỗ ăn cắp. Thực tình là như thế đấy, ngài Lôngghi ạ. Vậy ngay lúc này, tôi sẽ cho chúng nó chở ngài ra bến tàu và để

ngài ở đó. Nếu trong tám ngày nữa mà có tàu đến thì ngài gặp may đấy.

Sau đó một lát, Lôngghì đã bất tỉnh nhân sự lại được đưa lên xe kéo và được đưa xuống nơi không phải là bến tàu mà là nhà của người đánh xe vốn thương anh, bất chấp Anvết sẽ nổi cơn thịnh nộ. Khi nghe người đánh xe này kể lại việc làm của mình, Anvết nhún vai, bĩu môi nói:

- Thằng ấy sẽ không sống nổi hai giờ nữa.

Nhưng Lôngghì đã sống và sáu tháng sau, sự kiện này buộc Anvết phải đau đầu đối phó với Lôngghì. Nhưng lần này y sẽ không gặp may như lần trước.

Sự thể ra sao? Chúng ta sẽ xem xét ngay mà.

Thoát chết trong vụ nổ mìn ấy, Lôngghì bị gãy xương sườn và bị chấn thương mạnh ở cột sống. Hơn nữa anh còn bị Anvết bắn cụt mất ba ngón tay. Ông già, vốn là phu đồn gỗ đã chăm sóc anh như cha chăm sóc con, và Lôngghì trải qua hơn hai mươi ngày đêm vật lộn với tử thần. Nhưng cơ thể cường tráng của anh đã thắng. Vào một buổi sáng kỳ diệu nọ, anh đã có thể bước ra khỏi nhà để ngồi trên một thân cây gỗ... Anh vẫn còn yếu lắm, nhưng khung cảnh yên tĩnh và mặt trời tỏa nắng vàng ôm lấy núi đồi đã đến với anh như một niềm an ủi của một cuộc đời mới và lần đầu tiên sau hai tháng sốt li bì, anh đã có thể suy nghĩ một cách mạch lạc. Trong suốt hai tháng ấy, hình ảnh Anvết đã chiếm vị trí hàng đầu trong sự suy nghĩ của anh.

Anh nhìn rõ mình bị trói chặt chân tay, nhìn thấy Anvết cười và đạp chân vào đầu mình. Sau đó anh nhớ chiếc gậy phang vào mặt mình, nghe rõ tiếng kêu nhức nhối của người Anhdiêng. Tất cả những thứ ấy sống lại



dần vật anh, khiến lòng anh cay đắng. Không thể nào quên được. Lòng anh đang thêm khát một sự trả thù đích đáng. Ôi! Cần phải bắt hán chịu đau đớn trong một phút, một giây tất cả những đau đớn anh từng chịu đựng trong hai tháng qua. Anh mơ ước sẽ buộc Anvết phải chịu đựng hình phạt khủng khiếp hơn là hình phạt bắt người cho kiến đốt. Một hình phạt vừa róc thịt y vừa tra tấn tâm hồn y... Tiếng gầm của thú rừng...

Chính ở chỗ này, anh dừng lại trong suy tư của mình.

- Đúng thế! Anh lắm bầm nói – Tại sao lại không nhỉ? Những tiếng gầm gào của thú dữ...A! Đúng rồi, Anvết, chúng mình sẽ gặp lại nhau. Già Hoan ơi! – anh gọi cụ già đón gỗ mà buổi sáng ấy đang lên cơn sốt, ngồi run rẩy bên bếp lửa.

- Gì thế ông chủ!...

- Cụ hãy nói cho tôi biết: đã lần nào cụ được nhìn thấy con hổ được thuần dưỡng chưa?

- Chưa bao giờ, không thể thuần phục được hổ đâu. Nhưng sư tử thì có. Tôi đã thấy sư tử được thuần dưỡng đấy.

- Đúng thế! Tôi biết rồi. Nhưng cụ đã tận mắt nhìn thấy sư tử được thuần dưỡng rồi chứ?

- Tôi đã tận mắt thấy mà! Không chỉ một con thôi mà nhiều con đấy. Nhưng vì sao ông lại muốn biết.

- Chẳng vì sao cả, chẳng qua là tôi tò mò thôi.

Người phu đón gỗ già chăm chú nhìn anh.

- Ông bạn Xipriano của tôi hiện có một con đấy – Cụ già nói rõ thêm.

Lôngghì cử động mạnh và cái sắc mặt tái tái của anh trước đây từng buộc Anvết phải nao núng rồi chịu nhịn nay lại hiện lên trên gương mặt anh. Nhưng có điều lần này mặt anh xanh tái đi là vì sức khỏe của anh tồi quá. Anh cúi mặt và ngay sau đó anh hỏi:

- Nó lớn rồi phải không?
- Chưa. Hãy còn nhỏ mà.
- A!

Anh lại im lặng. Bỗng nhiên, người nghiệm thu gỗ đứng dậy, gồng gượng đi đến chỗ ông già ngồi sưởi. Anh đặt tay lên vai cụ già:

- Già Hoan này, tôi muốn được ông bạn của già nhượng lại cho tôi con sư tử ấy.

Tiếng nói của anh vẫn còn khản nhưng ánh mắt anh đã lại mạnh mẽ và trầm tĩnh như trước.

- Bây giờ tôi không có gì để trả cho ông ấy. Già biết rõ hoàn cảnh của tôi. Nhưng tôi hứa là tôi sẽ trả đủ số tiền.

- Thưa ông chủ, tôi hiểu mà - Già Hoan nói với tất cả lòng tôn trọng của mình - Ông chủ không cần phải nói với tôi điều ấy.

- Tốt hơn hết là cứ phải nói thật điều đó. Già có muốn tôi phải gặp ông bạn của già và nói với ông ấy rằng hãy nhượng lại con sư tử cho tôi không?

Ông già đón gổ ngược đôi mắt trù mẩn và tin tưởng nhìn thẳng vào mắt Lôngghì:

- Bạn tôi và tôi không lấy tiền của ông chủ đâu. Ông chủ đối xử với chúng tôi khác hẳn những người khác. Con sư tử ấy là của ông chủ rồi đấy.



- Cảm ơn già! Khi nào thì tôi có nó?

- Tuần sau, chính ông bạn tôi sẽ dẫn nó đến đây.

Thứ hai tuần sau con sư tử được dẫn đến cho Lôngghì. Nó là con sư tử cái đã cao lớn. Lôngghì đã làm sẵn một cái cũi chắc chắn. Anh nhốt con vật vào cũi và con vật này gầm gào khi nhìn thấy chủ nó ra đi.

Tháng hai nó còn là con sư tử con. Tháng sáu con sư tử đã trưởng thành thật sự và không lúc nào chịu rời chủ mới.

Lôngghì đã phải nhẫn nại và có ý chí cao mới thuận phục được con vật. Với tình thương và ý chí kiên quyết anh đã làm cho con thú trở thành con chó ngoan ngoãn. Lôngghì đã dành được kết quả mà mọi người dạy thú đã giành được: khiến con thú phải im lặng. Chỉ một tiếng sứt khê thôi con thú đã phải nín thinh. Nhưng để đạt được kết quả ấy, hai lần, Lôngghì suýt phải bỏ mạng. Trên vai anh vẫn còn lại năm vết sẹo do vuốt sắc con vật cào phải.

Một đêm tháng tám, nghĩa là sáu tháng sau kể từ ngày Anvết buộc Lôngghì phải trả giá đắt cho việc anh đối xử công bằng với anh em phu đồn gỗ, Lôngghì đang dừng lại ngay trên con đường trung tâm để đợi chờ một người. Thỉnh thoảng, từ phía xa vọng lại cái tiếng kêu này là tiếng gầm gừ như nghẹn lại ở phía bên phải Lôngghì. Anh vội vàng trở lại rừng và miệng thối sáo sứt chó. Tiếng gầm gừ ấy lập tức biến mất.

Sau đó một lát, Goaycuru xuất hiện trên con đường ấy. Người Anhdiêng bình phục sau Lôngghì rất nhiều. Đó là bốn tháng trời người Anhdiêng này phải chịu đựng những cơn đau đớn dai dẳng, những cái mụn không lành miệng. v.v... Ngay từ lúc chưa bình phục hẳn anh ta đã phải thăm

lặng làm việc trong sự đe dọa của Anvết sẽ lại khiến cho kiến đốt nếu anh ta phạm một sai lầm nhỏ.

Vốn thận trọng, Lôngghi chưa muốn đến gặp người Anhdiêng này. Nhưng lúc này kế hoạch trả thù Anvết anh đã nung nấu kỹ và chín muồi, bởi vậy anh cần phải gặp ngay Goaycuru. Anh đã nhờ cụ già gọi Goaycuru hộ.

Họ mới vừa nhìn thấy nhau đã cảm động khôn tả. Bốn mắt nhìn nhau và chỉ một lát sau Lôngghi lại cảm thấy những làn môi nóng bỏng của người Anhdiêng đang hôn tay mình. Giờ đây, hai người cùng chung một tâm trạng: cả hai cùng bị Anvết hành hạ và cả hai đều khao khát muốn trả thù Anvết.

Hầu như hai người vừa mới bắt đầu câu chuyện thì một tiếng gầm gừ rợn người vang lên cách họ độ hai mét làm cho Goaycuru phải giật thột.

- Hư nào!- Lôngghi giận dữ quát trong lúc quay về phía rừng....- Mà làm sao thế hả?

- Ai vậy, thưa ông chủ?

- Không có ai cả. Đó là một con sư tử cái.

Nói xong anh luồn vào lùm cây. Ngay sau đó Goaycuru nghe thấy tiếng nói giận dữ của Lôngghi. Sau đó, con sư tử cái bước ra.

Bây giờ chúng ta quay lại phần đầu của câu chuyện này, ấy là trong đêm mưa bão. Lôngghi, Goaycuru và con sư tử cái đi về phía túp lều của ông già làm nghề đốn gỗ.

Lôngghi đã giao cho Goaycuru qua già Hoan báo cho anh biết những tin tức về chuyến đi đầu tiên của Anvết ra bến tàu. Buổi chiều hôm đó, già Hoan đã báo tin lại cho



Lôngghì. Buổi gặp gỡ ban đêm ấy có mục đích thi hành thắng lợi cái kế hoạch đã được vạch ra.

Khi về tới túp lều của già Hoan, họ nói chuyện một lúc lâu, và khi đêm chuyển già sáng, Goaycuru lại ra con đường mòn là nơi Lôngghì đợi anh. Có thể Anvết sẽ qua đây để ra bến tàu.

Đen lạnh và sáng trắng rất thuận lợi cho kế hoạch của Lôngghì. Trăng soi sáng con đường và biến nó thành một vạch trắng giữa cảnh núi đồi âm u.

- Chú em có chắc rằng Anvết sẽ qua đây vào lúc một giờ sáng ngày mai không? – Lôngghì hỏi.

- Đúng thế. Vào lúc một giờ sáng. Tàu thủy đã lên thượng nguồn từ chiều hôm kia. Và sẽ xuôi qua đây vào lúc một giờ sáng ngày mai. Ông ta còn bảo không chịu bỏ lỡ chuyến tàu này mà.

- Y sẽ đi với ai?

- Với Raimundô. Anh ta sẽ mang vali mà.

- Lặng nào! – Lôngghì nói nhỏ – Tôi nghe rõ có tiếng động.

Cả hai cùng nín lặng để nghe rõ hơn.

- Không có gì cả! – Sau đó Lôngghì nói – Bây giờ còn những ba mươi phút nữa mới đến ba giờ. Y không qua đây trước lúc ba giờ.

Con sư tử đang rét cóng muốn đi tìm hơi ấm.

- Chớ có tìm hơi ấm đi mày! – Anh thầm thì nói với con vật.

Phút nọ tiếp phút kia đi qua một cách chầm chậm và cuối cùng tấm thảm kịch đã xảy ra. Từ phía xa, rất xa, vọng đến tiếng vó ngựa lộp cộp đập trên đá.

- Nhanh lên! – Lôngghì nói to trong lúc tập trung sức nghe - Chú em sẽ nấp ở trong rừng. Nếu thấy con ngựa không hất ngã Anvết thì chú mày nhảy ra ngay. Tôi đứng chờ ở đây.

Người Anhdiêng, như một bóng ma, chạy dọc theo đường rồi sau đó mất hút trong rừng. Bằng cách hai tay nâng mồm nó lên như xưa nay vẫn làm để nó hiểu hơn điều anh nói, Lôngghì thậm thì nói chuyện với con sư tử rồi sau đó anh cùng với nó lẩn vào rừng cây.

Kéo cổ áo khoác cho trùm kín tai, Anvết đi trên con đường theo nhịp bước của chú ngựa. Theo sau y là một phu đồn gỗ đội trên đầu chiếc vali căng phồng.

- Tiên sư cái rét! – Anvết rửa mà cảm thấy cái rét tê tái châm vào tai mình – Có lẽ nhờ tàu mát!...Nào, nhanh chân lên nào! – Y giục người đi theo. Thế là cả hai cùng thúc ngựa phi.

Bỗng một tiếng thú dữ gầm ngay bên cạnh hai người. Tiếng gầm thật rợn người vang trong rừng. Anvết và người đi theo cùng hoảng hốt thét lên. Hai con ngựa vô cùng hoảng sợ liền giơ hai vó trước lên quay cuồng hoảng loạn.

- Raimundô! – Anvết vừa hoảng hốt gọi tên người theo hầu vừa cố ghì cương ngựa.

- Thưa ông chủ, con không thể...!

Lại vang lên một tiếng thú gầm. Tiếng gầm này khiến cho rừng già cũng phải run rẩy theo và do đó khiến cho

lòng người cảm nhận tất cả nỗi đau khổ vì biết rằng mình sắp bị thú rừng vô song.

- Thưa ông chủ! Đấy, nó đấy! Nó đấy! Nó sắp lao ra đấy!
- Người theo hầu hoảng hốt nói.

Anvết nhận ra ngay con ngựa vì sợ hãi đang cố phi trên đường. Y cầu chúa và rút súng lục ra. Nhưng ngay lúc ấy một tiếng gầm chuyển đất vang lên rồi lại một tiếng, một tiếng gầm nữa. Và thế là con ngựa của Anvết mất lòi ra và mình đâm ùa mồ hôi lạnh, ngã lăn quay xuống đường. Anvết cũng ngã theo.

- Đồ hèn! - Anvết vẫn cố ý thét, định vùng dậy.

- Nó không hèn, nó đã hành động rất tốt - Y nghe thấy có tiếng người bình thản trả lời mình.

Anvết cảm thấy tóc mình bỗng dựng ngược lên.

- Cái giọng nói ấy...

- Đó là giọng nói của tôi, chỉ có thể thôi - Y lại nghe thấy tiếng người ấy nói.

Và thế là Anvết bỗng nhìn thấy trước mặt mình hình bóng đứng im hai tay rút túi quần của Longghi. Trán y lấm tấm mồ hôi.

- à, nhưng bóng ma có bao giờ nói đâu - Y nói lảm bảm rồi tìm khẩu súng lục. Nhưng một lần nữa, y lại nghe thấy chính cái giọng nói ấy:

- Tốt hơn hết là ông không nên rút súng ra.

Anvết nhìn thấy ở bên cạnh Longghi có hai đốm sáng xanh, thứ ánh sáng xanh lạnh lẽo của núi rừng. Anvết không còn sức để kêu cứu và đứng đần người ra vì sợ.

- Hãy vứt súng đi, ngài Anvết! – Y lại nghe thấy cái giọng nói ấy ra lệnh cho mình.

Anvết cầm lấy khẩu súng để ném đi. Nhưng khi cầm khẩu súng thuận trong tay rồi, thì bỗng nhiên miệng y mếu xệch đi và giờ khẩu súng ra để bắn.

-Ngài Anvết, tốt hơn hết là hãy vứt súng đi.

Trước tiếng nói đồng dạng ấy, Anvết nhận ra đời y đã hết rồi. Y nhận rõ rằng giờ tận số của y đã đến. Thế nhưng y vẫn cố thét lấy được:

- Đồ buồn lậu. Quân ăn trộm. Ta đã phạm sai lầm là không xé sống thân mày. Đồ ăn trộm. Đồ ăn trộm.

- Goaycuru ơi! - Lôngghì gọi làm ra vẻ không nghe thấy lời Anvết nói.

Người Anhdiêng từ phía đường bên kia chạy đến và đứng ở sau lưng Lôngghì.

- Ngài Anvết này! – Lôngghì quay về phía Anvết nói bằng một giọng bình thản phù hợp với quang cảnh nghiêm trang của núi rừng dưới ánh trăng suông...Ngài Anvết hãy nghe tôi nói đây. Cách đây năm tháng, một con người khỏe mạnh đã đến lâm trường của ngài những mong được làm việc và sống hòa thuận. Nhưng ngài, ngài Anvết ạ, ngài đã ngăn cản anh ta làm điều tốt mà một người lương thiện có thể làm ở lâm trường ngài. Ngài đã căm ghét, rình mò và tra tấn người ấy và nếu người ấy còn sống đến bây giờ là vì người ấy có một chức phận khác ngoài chức phận ăn cắp gỗ của ngài, theo như lời ngài nói. Con người ấy không có khả năng trả thù. Nhưng đời thật lắm nỗi éo le đến đáng lòng và nếu như



nửa giờ chịu nhục hình và hai tháng trời rông đã chịu bao đau đớn cái con người ấy lại muốn tránh cho hơn hai trăm phu đồn gỗ ở đây khỏi bị tra tấn, đánh đập hàng ngày, cái con người ấy chỉ thực hiện chức phận của mình mà thôi. Ngài Anvết, ngài được sống thêm một ít phút.

Anvết thất thần, quỳ gối:

- Hãy tha lỗi cho tôi – Y gào lên.
- Hãy xin lỗi cả Goaycuru nữa.
- Tôi sẽ không xin lỗi ai ngoài ngài.

Lôngghì thân nhiên cười.

- Goaycuru, chú hãy lại gần cho ngài Anvết nhìn thấy mặt chú đi.

Nhưng bỗng Anvết bật đứng dậy:

- Đồ buôn lậu cả nút! Ta vẫn chưa chết. Thằng Anhdiêng kia có nghĩa lý quái gì với ta nhỉ. Nó là một tên ăn trộm gỗ của ta thôi.

Nhanh như cắt, y chộp lấy khẩu súng lục rồi chia về phía Lôngghì. Nhưng vì y run rẩy nên khi bóp cò viên đạn đi chệch đích.

- Ngài Anvết, ngài hãy bước ra giữa đường cái – Lôngghì giận run người nói.

Trong giọng nói ấy đã để rõ ý chí sắt đá của anh và Anvết chỉ còn cách ngoan ngoãn vâng lời.

Lúc sau y đã bị ngã vật. Con sư tử, theo hiệu lệnh của Lôngghì đã nhảy xổ đến Anvết đè ngựa y ra, giữ chặt y. Hai tay rút túi quần, Lôngghì đứng bên cạnh.

- Nó giết tôi mất. Nó giết chết tôi mất – Anvết nói.

- Chưa đâu – Lôngghi bình thản nói – Trong vòng mười lăm phút nữa, nó mới giết ngài.

Anvết nằm dưới vuốt sắc của con sư tử mà đôi mắt sáng xanh lạnh lẽo của nó cách gang tay đang dõng vào mắt y, đã cảm nhận, đã sống hàng triệu thế kỉ đau đớn trong khoảnh khắc mười lăm phút đồng hồ này.

- Còn một phút nữa – Lôngghi nói.

Anvết đã khản cổ không thể kêu cứu được nữa.

- Còn mười giây nữa! – Cái giọng tỉnh khô ấy lại nói.

Trong mỗi giây cuối cùng, Anvết đã đền tội của y trong ba mươi năm qua. Bỗng Lôngghi vỗ vào lưng con sư tử và trong không gian thanh tịnh cái tiếng kêu rảng rác của cái đầu Anvết vừa bị vỡ ra giữa hàm răng của con sư tử vang lên trên con đường tắm ánh trắng suông lạnh lẽo.

Được chủ vỗ vào lưng lần thứ hai, con sư tử buông con mồi của nó ra, kêu gầm gừ. Lôngghi vẫn đứng im, nhìn một lúc cái xác chết của Anvết và sau đó anh bỏ đi. Goaycuru và con sư tử cùng đi với anh.

Lôngghi và Goaycuru đứng ở trên bến đợi tàu thủy. Khi nhìn thấy ống khói con tàu từ phía xa xa, Lôngghi bước vào rừng và buộc con sư tử lại. Anh nói gì với nó? Lẽ nào anh lại không cảm thấy mùi lòng khi phải xa con vật nuôi của mình, một con vật mà cuộc sống của nó đã gắn bó mật thiết với cuộc sống của anh trong năm tháng qua.

Anh bước ra với vẻ mặt nhăn nhó. Con tàu đã đến và Lôngghi ra hiệu cho nó dừng lại. Một con thuyền men vào bờ rồi Lôngghi chuẩn bị trèo lên nó.



- Tạm biệt ông chủ nhé! – Goaycuru nói mà mắt anh nhìn xuống đất.

Nhưng Lôngghi đầy xúc động ôm chặt anh vào lòng. Hai người từ nay sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau. Anh trèo lên thuyền. Một lát sau con thuyền đưa anh tới bến con tàu và con tàu lại tiếp tục lộ trình của nó.

Lôngghi vẫn dõi dõi con mắt vào bờ, nơi người Anđiêng vẫn đứng lặng im, vẻ đau khổ, cho đến khi không còn nhìn thấy nữa. Thế rồi, trong lúc con tàu cứ chạy, anh dựa lưng vào boong tàu, bằng cách nhìn về phía rừng già mà sống lại tất cả những đau khổ trong năm tháng qua, mà nhớ tới người bạn trung thành và con sư tử đang đau thương gầm rú vì bị chủ nó bỏ lại.

Nguyễn Trung Đức dịch

HỔ ĂN THỊT NGƯỜI

Horacio Quiroga

Tôi là Rahá, hổ chúa vùng Bêgala, tôi sẽ kể bằng tiếng người câu chuyện tôi đã giết ông chủ dạy thú Kimbeclêy của tôi.

Tôi là Rahá, một con hổ hiền từ! Và đây cũng là cái sai của ông chủ. Rất thoả mãn thấy tôi hiền lành để bảo, ông ta dám cả gan chui đầu vào miệng tôi. Nhưng trước hết tôi phải kể tôi bị săn bắn như thế nào và điều đó sẽ giải thích lòng khao khát trả thù và nỗi ô nhục giày vò lòng tôi trong năm năm trời bị giam giữ.

Tôi sinh ra bên bờ sông Ramahan, cách Ganhe năm dặm, điều ấy có nghĩa nó ở trung tâm vùng núi Bêgala. Cha tôi là niềm kiêu hãnh của bà con nhà hổ trong vùng, do vậy cho nên tôi cũng có tiếng tăm trong giống người. Ba mươi người đã rời bỏ thế giới này khi gặp cha tôi. Nói đúng ra cha tôi đi tìm bắt họ. Và ngay từ nhỏ tôi rất kiêu hãnh về dòng giống cao quý của mình. Hy vọng lớn nhất của tôi là làm được điều mà cha tôi đã làm, tức là trở thành hổ ăn thịt người. Điều này có nghĩa đánh giá cao lòng dũng cảm, sức mạnh và giá trị của chúng tôi. Trước kia toàn bộ vùng rừng núi này là của chúng tôi. Sau đó con người kéo đến. Vì sao họ đến vùng rừng núi này? Chúng tôi có đi xuống vùng đồng bằng đâu? Và do thức ăn của chúng tôi và người giống nhau nên giữa hai loài không thể hòa bình.

Thời ấy cha tôi ở tuổi sung sức, là chúa tể vùng rừng núi Bêgala, và không một ai kể cả chó sói, người nông



dân, hay thợ săn lại không run sợ hoảng hốt khi đột nhiên thấy xuất hiện hình bóng khủng khiếp của cha tôi. Đôi lần họ mở chiến dịch chống cha tôi, và mặc dù cha tôi hầu như thoát khỏi vòng vây bọn người lòng sục, song có một lần cha tôi phải đập bằng lớp thợ săn dưới làn mưa đạn. Kết quả hai thợ săn lìa khỏi cuộc đời này và cha tôi chỉ còn một con mắt.

Nhưng đổi lại, con người kính trọng và run sợ cha tôi biết bao! Tôi lại càng hãnh diện và cha tôi lại càng coi thường bọn người hèn nhát nhất thế gian này.

Việc coi thường đó làm cha tôi mất, và cả chúng tôi nữa.

Lúc đó tôi mới bốn tháng tuổi. Cha tôi rất bằng lòng với tôi, nhiều lần cha tôi mặc dù có găm gù, nhưng người vẫn cho phép tôi dùng móng vuốt yếu ớt cào lên lớp lông vua chúa của người.

Ba tháng sau cha đã mang tôi đi theo, và lúc đó các cuộc đi săn không phải tấn công thú lớn nhưng đối với tôi nó là trường học tuyệt vời.

Một hôm, cha tôi dẫn tôi đi suốt, cha tôi đột nhiên dừng lại găm gù. Tôi cũng dừng lại, và thấy cha tôi toàn thân đứng im, đầu từ từ quay các phía. Đó là đợt báo động đầu tiên cho tôi, và thú thật tôi sợ. Đối với chúng tôi, một tiếng động, một dấu chân lạ chúng tôi vẫn phải cảnh giác như là phải đánh nhau với một con trâu.

- Con nhìn kỹ cái này - cha tôi nói - đây là dấu vết con người - Rồi cha tôi chỉ lên nền đất ẩm ướt một vết chân dài, rộng khá giống vết chân chúng tôi, nhưng dài hơn nhiều.

Tôi nhìn dấu vết kẻ thù, tim đập mạnh. à đây là của con người! Của những ông chủ thế giới này! Và của tất cả...của tất cả...! Nhưng không phải của cha tôi!

Hết kẻ này đến kẻ khác cha tôi đã loại ba mươi người trong bọn người anh hùng ấy. “ Ba mươi người”. Một tia kiêu hãnh loé lên trong mắt tôi.

- Cái này cũng vậy phải không cha? – Tôi đi về phía cha tôi – tên này sẽ là thứ ba mươi một hả cha?

Trước những câu hỏi, cha tôi chỉ thu đuôi dưới bụng, dùng mũi ngửi vết chân này đến vết chân khác và găm giữ. Chúng tôi trở về ngay, cận thận không gây tiếng động.

- Tôi đã thấy vết chân người ở suối – cha tôi nói khi vào hang.

- Người ta đã thấy ông à? Mẹ tôi lo lắng hỏi.

- Ô không! Nhưng họ đã phát hiện thấy chúng ta. Vết chân kéo đến gần hang một trăm mét. Ngày mai họ sẽ đến đây.

Cha tôi từ lâu là kẻ săn bắt, và bị săn bắt, nên người không nhầm chuyện này, song loài hổ chúng tôi thấy chắc chắn nhất là không nên rời khỏi hang, chỉ đến khi thấy mình thực sự bị tấn công. Do vậy chúng tôi không động dậy.

Sáu giờ sáng, tiếng thét đầu tiên vang lên. Mẹ tôi ngủ, tôi chắc như vậy, nhưng nhìn kỹ tôi thấy mắt mẹ lướt dưới đất và chăm chú nhìn ra phía cửa hang.

Tiếng xì xồ không xa lắm, vượt qua rừng đến tai chúng tôi. Cha tôi đột nhiên đứng dậy, và mẹ tôi cũng bắt chước ngay. Tôi quay mắt nhìn cha tôi dò hỏi.

- Đúng bọn họ – Cha tôi đáp với giọng gầm gừ tác nghẹn. Tiếng cha tôi vang vọng trong hang một lúc lâu.

Kẻ thù đã đến gần, tiếng gào thét của bọn lòng sục ngày càng rõ, và một lát sau, tôi đã nghe tiếng thanh la, tiếng mõ, tiếng tù và khua dữ dội.

Thế là bọn lòng sục, quây vòng tròn, khua gõ hò hét, tiến lên ngày càng siết chặt vòng vây, cố bắt chúng tôi trong tầm lưới lớn.

Bị kích động mạnh, mẹ tôi cứ đi đi lại lại từ trong hang ra cửa hang. Mỗi lần dừng, lại dỏng tai nghe và há mồm nhe răng ngáp.

Vòng vây ngày càng siết chặt. Đã có thể nghe thấy tiếng những người khua mõ chửi rủa cha tôi.

- Ê ông hổ ơi, ông trốn kỹ mà không thấy ngược à!
- Bác hổ còm ơi, bác hèn hơn con chuột.
- Ê đồ bẩn thỉu, ranh mãnh ác độc hãy đợi chúng ông nhé!

Mẹ tôi rất lo lắng cho tôi:

- Chúng tôi sẽ làm gì? – Bà hỏi
- Cô đi đi – cha tôi nói – cô mang cả con theo nữa, tôi ở lại.

Nhưng mẹ tôi không quyết định.

- Nhanh lên! Một lát nữa cô không thể phá được vòng vây đâu.

Lúc đó mẹ tôi đi phá vòng vây, và tôi theo người. Nhưng từ cửa hang, mẹ tôi quay đầu lại, thấy cha tôi nằm xoài, đầu dè trên tay, và chắc chắn đang tập trung toàn bộ sức

sống tuyệt diệu của mình để đấu tranh sống mái với kẻ thù. Lúc đó tôi thấy trái tim non nớt của mình trở nên cứng rắn nhờ lòng dũng cảm ấy.

- Con ở lại – tôi nói với mẹ.

Mẹ tôi găm gờ giận dữ quay đầu lại có thể cào xước đứa con búng bình của mình.

- Nhanh lên, nhanh lên – mẹ tôi giục - Để cha ở lại!

Lúc đó tôi thấy mắt mẹ sáng lên. Mẹ nhìn chăm chăm khá lâu vào đôi mắt táo tợn của tôi.

Mẹ tôi nhanh chóng đánh hơi đám cỏ lau rồi lạng tai và chạy nhanh vào bụi tre.

Mẹ tôi chạy thoát. Lúc đó, cha tôi dướn cổ găm thét làm rung động cả hang. Đó là lời cha tôi thách thức bọn thợ săn.

Sau tiếng gầm, tiếng gào thét, tiếng thanh la, tiếng mõ khua vang như đáp lại. Từ lúc đó cha tôi không ngớt gầm gừ. Đó là tiếng gầm vang từ toàn bộ phổi khoẻ mạnh được tinh thần bất khuất hỗ trợ. Hang động rung lên và trí óc tôi được khí thế chiến đấu thức tỉnh mình là dòng giống quật cường, cũng rung theo tiếng gầm bất khuất ấy.

Tiếng ồn ào đột nhiên tắt hẳn và cha tôi cũng im lặng. Trong yên tĩnh vang lên tiếng nói:

- Nó ở đây trong cái hang này.

Đó là giọng viên chỉ huy. Không ai trong họ dám bước thêm. Nhiệm vụ của họ thế là xong, và phần việc còn lại dành cho đám thợ săn.

Lúc đó tôi nhìn thấy từ khoảng trống trong rừng trước hang có một người đàn ông đang tiến lên. Đây là con người



đầu tiên tôi nhìn thấy. Chàng trai rất trẻ, trông như trẻ con. Khi chàng trai đến cách hang ba chục mét thì có một tiếng thét khàn khàn vang lên:

- Này hoàng thân Abécdalê, cậu diên rồi à, không được đến gần quá. Khi con thú dữ không gầm nữa là sắp có chuyện xấu đấy!

- Cháu rất muốn nhìn nó – chàng trai đáp, chân vẫn bước tiếp.

- Này hoàng thân Abécdalê, vì tất cả những con hổ vùng Ramahan! – Tiếng thét khàn khàn lại vang lên – Nó sẽ xé xác cậu đấy! Cậu chưa biết nó là một con hổ đã ăn thịt người. Cậu hãy đợi các bác, lạy chúa!

- Được – chàng trai đáp, và cậu dừng cách chúng tôi hai mươi mét – các bác tiến nhanh lên!

Lúc đó tôi mới nhìn kỹ chàng trai hoàng tộc. Như tôi đã nói, cậu ta trông rất trẻ, mặt trắng tỏa ra vẻ hiền dịu, ngọt ngào, đôi mắt đen, buồn buồn trông rất đẹp.

Chàng trai tiến về phía hang, ánh mắt tin tưởng, chân bước nhẹ nhàng như biết chắc tim mình không run. Và nếu chàng trai biết mình đang tiến về một con hổ chúa xứ Bêngala, một con hổ đã ăn thịt người, một con hổ đang bị vây trong hang, thì chàng sẽ hiểu bản lĩnh trái tim trẻ của mình.

Là một con hổ bị bao vây, song tôi cũng không khỏi ngưỡng mộ lòng dũng cảm thể hiện trên khuôn mặt xinh đẹp. Đồng thời cũng thức tỉnh trong lòng tôi một tình thương triu mến. Vì sao ư? Tôi không biết, có lẽ chàng trai quá trẻ.

Lúc đó hai người đi săn khác đã xuất hiện. Một người cao, gầy, râu hung rậm. Người kia là người ấn Độ, có thể là hoàng tử. Tôi nhìn toàn bộ nhóm săn ba người tiến lên, và vỗ kịch sấp kết thúc. Một bên chúng tôi ép mình trong hang sâu, lặng lẽ tập trung hết sức lực. Bên kia ba người cũng lặng lẽ tập trung sức lực sủng chắc trong tay cùng nhau tiến lên.

Cuối cùng người râu hung nắm cánh tay chàng trai:

- Đây hoàng thân Abécdalê! Chuyện diễn rõ như thế là đủ rồi. Chúng ta đứng cách hang chỉ có mười lăm mét, và con thú chỉ cần nhảy một cái là có thể đến bên chúng ta rồi. Cậu biết tôi đã săn rất nhiều hổ, cậu nên nghe lời tôi. Chúng ta dàn hàng ngang và nếu cậu cho phép, tôi đi giữa.

- Nếu các bác cho phép cháu sẽ đi giữa – Chàng trai đáp giọng êm dịu ngọt ngào – Bác Huntê, bác là thợ săn giỏi, cháu nợ bác món quà này.

- Không nói chuyện quà kiếc gì ở đây! – Cậu có thừa sức từ chối thú vui này...vì cậu biết câu phương ngôn: người ta ngắm bắn hổ bằng trái tim chứ không bằng đôi mắt.

Hoàng thân Abécdalê đứng vào giữa ba người, sau khi kiểm tra lại vũ khí họ cùng nhau tiến lên. Bác Huntê biết rõ khi đã trốn trong hang con hổ sẽ không chạy ra cho đến khi có thể vọt một phát vào người đi săn. Niềm tin này cho phép họ nói chuyện và cẩn thận xem lại vũ khí.

Trong lúc đó cha tôi bò nép mình bên trái hang. Bọn thợ săn vừa bước thêm một bước thì toàn hang rung lên dưới tiếng gầm của cha tôi. Tôi thấy bọn thợ săn lùi nhanh và đeo súng vào vai. Niềm kiêu hãnh lóe trong mắt tôi và đến lượt tôi gầm lên ngắn gọn.



- Thằng hư thân! – Cha tôi gầm gừ nhìn tôi.

Do trên không vẫn còn vang tiếng gầm của cha tôi nên bác Huntê đánh giá sai giọng tôi.

- Cẩn thận nhé! Bác ta thét và lùi lại – Có hai con đấy.

Hoàng tử ấn Độ run cầm cập. Hoàng thân Abécdalê không nháy mắt, chỉ nhanh chóng nhìn khẩu cácbin rồi lại bình tĩnh nhìn vào hang như không có nguy hiểm gì. Cha tôi nhìn chàng trai, tay chỉ anh ta bảo:

- Con phải cẩn thận với hấn nhé! Nếu có mười người như hấn ở đất ấn Độ này, thì họ nhà hổ chúng ta sẽ tuyệt giống.

- Hoan hô! – Tôi thầm thốt lên trong khi cha tôi thu hết sức lực để nhảy. Nhưng khi đổi thế, bác Huntê đã nhìn thấy mắt cha tôi sáng lên từ trong hang.

- Chú ý!

Bác ta thét lên và giương súng. Trước khi viên đạn bay ra, một bàn tay chụp lấy nòng súng bác ta.

- Xin lỗi bác Huntê - chàng trai nói giọng nhẹ nhàng – Nhưng cú bắn này bác dành cho cháu.

- Cậu Abécdalê, cậu tưởng lúc này là lúc giải trí vui đùa sao – Bác ta hầu như gầm lên

Chàng trai mỉm cười, trong ánh mắt lên vẻ kiêu kỳ.

- Bác Huntê, bác nói xấu cháu rồi – chàng trai ngọt ngào đáp. Rồi chàng tiến lên hai bước, dần dần hạ nòng súng cácbin. Một tiếng gầm khủng khiếp, cha tôi nhảy lên.

“Thế là hết”, tôi thầm nhủ và lòng buồn rười rượi nghĩ tới chàng trai dũng cảm. Nhưng một phát súng vang lên,

tiếp theo là tiếng gầm ghê rợn. Đó là cha tôi bị trúng đạn Abécđalê, đau đớn lăn lộn gầm thét.

- Hoan hô Abécđalê, hoan hô - hai người thợ săn kia reo hò trong khi cả khu rừng vang lên tiếng thét mừng vui chiến thắng của những người lưng sục tay gồ mọi thứ.

- Con thú đã chết rồi! Nó đã...Này bác Nami Dân, cẩn thận đấy! Bác Huntê hốt hoảng ngắt lời.

Nhưng muộn mất rồi. Cha tôi cố hết sức và như một tia chớp, người lao mình lên hoàng tử ấn Độ đang lăn trên đất.

Hai tiếng súng nữa lên. Đạn xuyên qua ngực cha tôi. Cha tôi đã chết khi rơi xuống nhưng cổ họng vị hoàng tử kia xuất hiện năm tia máu. Ông ta cũng chết.

Những người khua mõ vây quanh khung cảnh đau thương, lòng đầy hoảng sợ. ở giữa cha tôi nằm xoài, bác Huntê và hoàng thân Abécđalê đang cố gỡ cổ kẻ bất hạnh khỏi móng vuốt cha tôi. Đột nhiên bác Huntê vội vợ lấy súng:

- Chúng ta đừng quên, còn một con nữa!
- Đó là con hổ con – chàng trai đáp không ngược mắt lên
- Chúng ta để...

Một tiếng gầm cắt ngang giọng nói của chàng trai. Hai người thợ săn yên lặng nhìn nhau. Đây không phải là tiếng hổ con gầm: Những người vây bắt cũng hốt hoảng thét lên và bỏ chạy tán loạn.

- Bà vợ của ông hổ đấy.
- Hổ cái, hổ cái.
- Hổ mẹ



Một tiếng gầm nữa vang lên trong bầu không khí yên tĩnh rợn người và cách họ ba mươi mét mẹ tôi xuất hiện. Do không phá được vòng vây, mẹ đã ở lại rình xem cho đến khi cha tôi gần chết.

Mẹ tôi dừng lại, kiêu hãnh và đau đớn nhìn thân thể cha tôi nằm trên đất. Và với tiếng gầm thét vang dội chứa chất nổi tức giận và lòng ham muốn trả thù, mẹ tôi nhảy bổ vào hai người thợ săn.

Bác Huntê tái xanh mặt, vì một con hổ đang chạy rất khó bắn, và cần phải bắn một phát vào tim nó hay là chết, và bác ta giương súng im lặng đợi chờ con hổ đến cách năm mét. Bác ta còn có thời gian nhìn hoàng thân Abécdalê cũng đang giương súng, và bác ta nhanh miệng nói:

- Không được! Lần này đến lượt bác!

Mẹ tôi nhảy lên người bác ta. Người thợ săn bình tĩnh đợi bóng mẹ tôi che mắt mới nổ súng.

Một tiếng gầm và một tiếng thét ngất ngỏi cùng vang lên. Mẹ tôi hung dữ vừa xé rách từ ngực đến bụng bác Huntê và lao vào hoàng thân Abécdalê. Chàng trai bắn vào giữa hai mắt mẹ tôi nhưng không cản được người. Thế là một cuộc chiến đấu ác liệt xảy ra. Hoàng thân Abécdalê thấy hổ chạm vào người mình, liền vụt khẩu súng, giờ đây trở nên vô dụng và trong khi tay trái cầm cú tát đầu tiên của mẹ tôi và mặc dù tay bị nát, tay phải rút rừ sườn ra chiếc dao sắc nhọn. Lúc đó tôi nhìn thấy hai thân thể lăn lộn trên đất và cánh tay chàng trai giơ lên hạ xuống bụng mẹ tôi. Mỗi cú đâm có tiếng gầm rú, và mỗi tiếng gầm rú lại một cú cào xé lên thân thể hoàng thân đã bị tan nát. Dần dần tiếng gầm yếu đi, đồng thời cánh tay hoàng

thân Abécđalê gơ lên bột mạnh mẽ. Và đến lúc tiếng găm chỉ còn là tiếng kêu tắc nghẹn, đau đớn và ngắc ngoải, thì con dao cũng không gơ lên được nữa. Tôi biết nanh vuốt mẹ tôi đã đâm sâu dần với tất cả sức tàn phá còn lại, và lưỡi dao của hoàng thân Abécđalê cũng đâm ngập cán với hơi thở cuối cùng của chàng trai dũng cảm.

Tôi rùng mình đau đớn bò ra khỏi hang, cái yên tĩnh chết chóc bao trùm lên cả khu rừng. Và trên khoảng trống khu rừng này, hôm qua, còn vang tiếng găm hùng tráng của cha tôi, thì hôm nay chỉ còn xác kẻ ăn thịt người, ba viên đạn trúng tim và cách đó mười lăm mét, xác mẹ tôi đầy vết thương cũng chìm theo vĩnh viễn, khung cảnh còn tối tăm hơn: xác ba người đàn ông nằm trên chiến trường, nạn nhân của lòng háo hức tiêu diệt, và cái chết của họ trả giá cho việc rừng xanh mất hai chúa rừng. Và sau tiếng găm thét, tiếng súng bắn ồn ào trước đây, bây giờ chỉ còn tôi, đứa con của chúa rừng, chân run run mặc dù rất cố sức.

Tôi từ từ đến từng xác chết và người. Trước xác hoàng tử ấn Độ tôi không thể kìm mình, tôi tức giận mím môi, găm lên và cắn những chiếc răng nanh còn non nớt vào thân thể ông ta. Tôi cũng làm như thế với xác bác Huntê, người thợ săn râu hung, và điên cuồng với vị thịt người – tôi đến bên hoàng thân Abécđalê. Chàng nằm ôm mẹ tôi thành một khối đầy máu và vết thương. Nhưng khi tôi ngoạm vào xác chàng thì thân chàng rung lên làm tôi giật mình đứng im.

Đúng, chàng trai vẫn còn sống! Hai mươi cú cào xé của mẹ tôi lên người chàng, cũng không thể giết chết cuộc đời



tươi trẻ sung sức của chàng. Thân thể chàng bị rách xé chỉ chút nhưng chàng vẫn sống. Khuôn mặt màu trắng như đá cẩm thạch của chàng nhìn trời, và dưới bầu trời, rừng núi thân yêu, nhìn cảnh người hùng không có gì bảo vệ, trái tim tôi tràn đầy tình thương mến. Cha tôi, mẹ tôi, anh em tôi, toàn thể gia đình tôi đã bị giết. Tất cả đã biến mất trước cái vẻ đẹp và lòng dũng cảm của chàng trai mười tám tuổi, người đại diện cao quý nhất của một giống đáng ghét. Hình như ở chàng trai này tập trung tất cả những đức tính cơ bản của con người: dũng cảm, thông minh, đẹp, nổi bật nhất là đẹp.

Tôi còn món nợ trả thù, mà bây giờ, do non yếu tôi không làm được, và lúc này đây tôi thể qua năm tháng lòng dũng cảm của tôi được tôi luyện, tôi sẽ nhắc nhở cho giống địch biết tôi là con trai của hổ ăn thịt người, để tiếng gầm hùng dũng của cha tôi, lòng kiêu hãnh và lòng mong muốn trả thù sẽ âm vang mãi mãi.

Tôi lại chuyển mình lướt trên thân thể người anh hùng. Chắc chắn chàng trai sẽ chết, lúc đó lòng buồn vô hạn, tôi nằm luôn bên cạnh. Tất cả chẳng có gì quan trọng đối với tôi. Tôi không nghĩ gì và không thể làm gì.

Tôi tình cờ chạm vào một bàn tay tan nát và thấy lạnh lạnh. Một cơn buồn khác đau nhói tim tôi, và không để ý đến việc mình làm, tôi bắt đầu liếm bàn tay xinh đẹp, dùng cảm và may mắn đó.

Điều sau đó xảy ra rất nhanh. Đột nhiên tôi nghe tiếng reo hò rất to. Từ bốn phía những người lưng sục vác gậy hò hét xông tới.

- Đó là con hổ con!

- Nó đang ăn thịt hoàng thân!
- A giống tí tiện ăn xác người chết.
- Chạy nhanh lên.

Tôi ngẩng đầu đứng đưng nhìn họ chạy lại. Tất cả chẳng có gì là quan trọng. Lần cuối cùng tôi liếm bàn tay trắng trẻo và lúc đó tôi thấy ngực đau khủng khiếp như ai đó rút mạnh gan ruột mình. Máu tuôn trào, bóng đen trùm lên mắt và tôi ngất đi.

Hôm nay, chuyện tôi bị bắt đã được năm năm, nhưng tôi vẫn nhớ như in. Tôi nhớ khi tôi tỉnh dậy tôi đã ở trong một cái chuồng sắt chắc chắn. Tôi thấy toàn thân đau ê ẩm, tôi định ngẩng đầu, song tôi đau quá, tôi chỉ rên lên một tiếng.

- A, a – bên tai tôi vang lên một tiếng nói châm chọc – Hình như hần ta tỉnh rồi! Hình như hần ta không có thời gian ăn xác chết.

Tôi mở mắt và thấy một người đàn ông đang nhìn mình. Chắc chắn trước đó ông ta đã đứng chờ ở đây để xem tôi hồi phục. Ông ta có khuôn mặt gầy gò, vàng vọt, toàn thân tỏa ra vẻ độc ác. Khi nghe ông ta nói, tôi đứng đưng nhìn ông ta và nhắm mắt lại.

- Được, được – một người khác đứng dậy và thốt lên – Nay cu cậu hay ngủ, người anh em hết mơ màng rồi chứ?

- Hần hết ngất rồi à? Tôi nghe một giọng khác hỏi.

- Vâng, không có gì đáng sợ. Đại úy định làm gì? Nó chưa đến bốn tháng tuổi...

- Nếu được cứu sống.



- Ai, con hồ con à? Ngài không biết cuộc sống của những con thú này. Tôi xin cuộc chiếc khăn quần đầu lấy đôi dép cũ là trong vòng mười ngày nữa, nó sẽ vẫy vùng trong chuồng.

- Thực ra điều... Và các anh đã đến đúng lúc. Có chắc là nó đang ăn thịt hoàng thân Abécđalê không?

- Từ tay đến chân.

Khi nghe cái tên ấy tôi mở mắt ra.

Ồ, hình như mày đã nhớ, đồ ác độc – người có khuôn mặt tàn ác nói với tôi – Tao chắc mày phải cắn ngập răng vào nhà đại quý tộc! Nhưng chẳng mấy chốc mày sẽ được trả giá, nhóc con ạ!

- Và hoàng thân, - người kia tiếp tục – theo điều người ta kể lại thì ngài đã có hành động rất dũng cảm.

- Đó là trái tim được tôi luyện tốt nhất. Và với khuôn mặt thần thánh...nhưng ngài không thể qua đêm nay... Thật đáng thương: ngài rất giàu, ngài là...

- Và trông y như một cậu bé.

Đến đây giọng nói im bặt, một lúc sau tôi thấy đau nhói ở ngực và lại hôn mê. Thế là ba mươi ngày đã trôi qua, tôi chịu đựng. Ngoài vết thương của mình, hàng ngày tôi còn bị người đàn ông có giọng nói khàn khàn chửi rủa, đánh đập, đối xử tàn tệ. Không có người ấn Độ hèn hạ, hay người châu Âu xấu xa nào lại không đến chuồng trêu chọc tôi. Tôi biết đoàn người đi săn có ba người thợ săn chết - đã bán tôi cho đại úy Kimbéclêy. Ông chủ của một gánh xiếc châu á nổi tiếng, mà lúc đó đêm đêm thu được những chàng võ tay giòn tan ở Cancuta. Thế là ba mươi ngày ấy, trong chiếc

chuông đáng thương tôi bị lắc liên tục cho đến khi xe đến Cancuta, cách khu rừng quê hương tôi tám mươi dặm.

Tất cả đến với tôi như một giấc mơ. Đột nhiên tôi bước vào một cuộc đời mới. Cuộc đời mới của tôi mang theo tấm hộ chiếu đẫm máu. Từ đó về sau, tôi mang dòng chữ sau đây “ Rahá, hồ chứa vùng Bengala, con trai của hồ ăn thịt người xứ Ramahan và để bắt nó, thiếu úy Huntê, thợ săn số một của nước Đế quốc ấn Độ, Nami Dân con trai hoàng đế Marahat dê Duisa đã bỏ mạng, và góp một phần cái chết của ngài Abécdalê, hoàng thân nước Anh”.

Đây là bức áp phích chữ to màu đỏ Kimbecclêy đã treo ở rạp xiếc ngày tôi biểu diễn. Như các bạn đã biết ngài Abécdalê không chết và khi biết được chuyện đó tôi cảm thấy có mối quan hệ thân thiết, sâu sắc không gì phá vỡ nổi đã gắn liền tôi với hoàng thân cái ngày khủng khiếp ấy. Vận mệnh đã dành cho chúng tôi cái gì để ném trái tim hoàng thân vào trái tim tôi?

Một năm rèn luyện đè nặng lên lưng, lên bụng và lên cái đói, cái khát của tôi. Rõ ràng tôi biết chỉ phí rèn luyện tốn khá nhiều thì mới biểu diễn xiếc được. Và tất cả sự tàn bạo khủng khiếp này chỉ có trời mới biết được, nó tập trung trong lòng tôi nổi uất hận, để một ngày nào đó...Ồi lúc đó thì gã dạy thú sẽ...

Tôi biết tất cả những người dạy thú đều theo một hệ thống luyện dạy giống nhau. Đối với tôi, gã Kimbecclêy đã dùng tất cả mọi biện pháp tra tấn hành hạ khốc liệt để đạt điều tôi không mong muốn. Dòng máu quật cường trong tôi phản kháng điều bỉ ổi đó.

Ngọn lửa trả thù ngày càng rực cháy trong tôi.



Tuy vậy trong thời gian rèn rũa, ý chí người ta đặt vào chúng tôi rất mạnh, và ít khi chúng tôi lấy lại được ý chí của mình, mặc dù hàng giờ liền chúng tôi sống với người dạy thú. Cho đến một hôm chính những việc làm bất công của hắn đã giải phóng được tôi.

Một tối, chúng tôi biểu diễn thú. Tám bạn tôi và tôi trong một chuồng sắt lớn dùng để biểu diễn. Các bạn tôi là hai chú hổ vùng đảo Xảy Lan, ba sư tử, hai báo đen và một con báo xừ Pênháp. Bài diễn thú là bài cả nhóm thường tập. Các bạn báo đen, báo vàng và một bạn sư tử đứng yên trên bốn cột xếp hàng ngang, trước mặt họ là hai bạn sư tử đang chơi bập bênh. Các bạn hổ vùng Xảy Lan lượn tròn ngược nhau trên con đường xếp bi gỗ, tôi nằm dài trên sàn, trong khi người dạy thú ngồi trên thân hình tôi đặc ý phát cờ.

Đó là đêm thứ hai không có biểu diễn và chúng tôi tập dưới ánh sáng một chiếc đèn pha cực mạnh. Và đột nhiên ánh sáng tắt, toàn bộ mất điện, trong chuồng lại càng tối hơn. Cảm giác đầu tiên của chúng tôi là rất ngạc nhiên, sau đó sợ hãi. Tiếp theo là một tiếng gầm vang trong đêm tối. Tôi nhìn thấy hay đúng hơn là cảm thấy các bạn báo, sư tử đang lạng lẽ bò xuống cột, bập bênh thôi kêu cọt két, và viên bi gỗ dừng lại. Ai nấy đều cảm thấy trên sàn tiếng các thân thể nhẹ nhàng và lạng lẽ lao xuống, và nhanh vuốt sẵn sàng.

Tôi rùng mình và thấy bên cạnh tôi tiếng chân rút nhanh. Cái gì sẽ xảy ra?

Trong tâm hồn những con vật bị đè nén nhiều, giờ đây ánh lên tia chớp trả thù.

Đột nhiên một tiếng quát danh vang lên. Đó là chiếc roi tuyệt diệu của gã dạy thú kêu vun vút trong không khí và hấn quát chúng tôi: “Đứng im”. Lần này không phải là tiếng gầm gừ mà là tiếng gầm chung đáp lại lời đe dọa ấy. Không có điện. Tất cả là của chúng tôi. Kimbecley cũng cần phải hiểu điều đó, vì từ lúc ấy hấn không ngớt quát roi về phía chúng tôi. Và từng bước, từng bước, mõm quét sát đất, tâm hồn rực cháy ngọn lửa trả thù, chúng tôi tiến đến gần hấn.

Chiếc roi quát ngày một mạnh, cố gắng chặn lại một cách vô vọng cái địa ngục nanh vuốt và răng nanh chảy dài đang tiến về phía hấn. Từng giây từng giây gã dạy thú cảm thấy tiếng thở khát khao đang tiến lại gần, và hấn hiểu nếu có chuyện không may chiếc roi tuột khỏi tay thì đời hấn sẽ đi tong.

Trong lúc đó một tình cảm kỳ lạ xâm chiếm lòng tôi, khi tôi nhìn thấy một mình hấn với chiếc roi chống lại tám con thú dữ. Tôi không có một tý gì thương cảm với một kẻ đáng thương loại ấy. Nhưng có một cái gì đó như lòng tự trọng đã thúc đẩy tôi. Tôi sẽ làm gì đây? Những móng vuốt của tôi sẽ thêm thắt được gì vào năm mươi sáu vết cào xé cắm vào da thịt hấn.

Do vậy tôi rút lui khỏi những kẻ tấn công, rồi vòng ra phía sau gã dạy thú và nằm dựa vào các song sắt chuồng. Chính ngay phía trên tôi có một máy chỉnh lưu dòng điện, đại úy Kimbecley dùng để phân phối một số đèn, và tất nhiên cả cái đèn pha của chuồng thú này. Tôi đã nằm thoải mái ở đây và điều đó có nghĩa tôi bỏ cuộc. Tiếng thở hồng



học của các con thú ngày càng mạnh và chiếc roi quất ngày càng nhanh. Điều này xảy ra trong hai phút.

Đột nhiên một tia chớp lóe lên và tiếp theo là tiếng nổ vang. Đó là khẩu súng nạp thuốc nổ mà bất cứ người dạy thú nào cũng mang bên hông mình để phòng bất trắc. Và tôi nói bất trắc vì chỉ lúc cần thiết lắm mới dùng, vì nó cực kỳ nguy hiểm. Các con thú gầm lên và giận dữ lao vào Kimbecly. Nhưng hần có thời giờ nhìn thấy tôi phía sau hần và hần cầm hờn nhìn tôi, rồi nhả đạn ba lần nữa vào miệng những con liều lĩnh nhất. Ngay lập tức với cố gắng cuối cùng hần tới máy chỉnh lưu dòng điện và mở khóa. Cả chuồng thú tràn ngập ánh sáng chói chang.

Thời cơ đã đến! Trong khi các con thú loá mắt lù lại phía sau gầm gừ, Kimbecly mở cửa chui ra và đóng ngay lại. Đó là việc cuối cùng hần có thể làm. Người hần tái nhợt, trắng bệch như người chết vì thần kinh căng thẳng, và hần ngã lăn ra đất.

Bọn coi thú, bọn phục vụ và gã đại úy tất cả đều kết án tôi chỉ huy cuộc tấn công.

- Vâng chính hần đây: không còn ai khác: - Tên coi thú hèn hạ hung ác thét lên.

- Chính Rahá đưa con mất dạy của hổ ăn thịt người! – một tên khác quát trong khi tất cả thò gậy sắt vào trong chuồng xua những con thú đang gào thét. Các con thú xông vào gậy sắt, giận dữ cắn, những gậy sắt tròn trượt khỏi miệng và nanh vuốt chúng. Bọn coi thú quật túi bụi vào các con thú bất kham lông lộn tức giận. Chuồng thú vang lên tiếng thú gầm và tiếng hò hét.

- Cần phải trừng trị hắn để làm gương! – Một tên coi thú khác tức tối rít lên và cầm gậy sắt tìm tôi – không cần thận một ngày nào đó hắn sẽ giết hết chúng ta!

- Đồ rắn độc có chân, đồ ranh ma quỷ quyết!

- Thế là đủ rồi – gã dạy thú nghiêm giọng quát và cố gắng đi lại phía tôi.

Tất cả người và thú lúc ấy yên lặng. Hắn rất xanh xao như người chết và dừng lại trước chuồng giương mắt nhìn tôi. Tôi nằm trong góc chậm chạp co chân lại, lặng im mắt không rời khỏi hắn. Trong chốc lát, tôi thấy trong mắt hắn lóe lên tia hằn thù ác độc.

- Lại mày! – hắn nói với tôi giọng run run chứa đầy tức giận – mày là kẻ chỉ huy bọn cướp! Mày, đứa con của hổ ăn thịt người, có nghĩa là một con hổ dũng cảm. Mày đi nấp sau tao, để giết tao, trong khi những đứa khác tấn công tao phía trước. Đồ hèn mặt!

Lời buộc tội thật hết sức vô lý làm tôi tức giận gầm lên.

- Đúng là đồ hèn nhất: Kimbeclye quát và đứng thẳng người.

Lúc đó bọn coi thú nhao nhao lên tiếng.

- Đúng ngài đại úy đã nhìn thấy nó.

- Nó định nhảy vào ông ta!

- Đúng là một kẻ hèn nhất.

Nhưng một giọng khác rụt rè vang lên.

- Nhưng có phải tấn công ngài đại úy không...?

- Yên lặng nào – Kimbeclye nạt – Tao đã nhìn thấy con Rahá rình sau tao, định nhảy vào người tao! Còn mày –



hắn nhìn thẳng vào tôi – mày phải trả món nợ này đồ mất dạy, chẳng lâu đâu!

Chấn chường và tức tối trước chuyện bất công và bạo ngược tôi đứng thẳng dậy, mắt nhìn chăm chăm vào hắn và ném tới hắn tiếng găm khinh bỉ chất chứa trong trái tim hổ chúa trước mưu mô hèn hạ và tàn bạo của hắn.

Kimbecley cũng cảm nhận được tất cả điều ấy. Mặt gã càng tím thâm căm giận.

- Đúng, ngay bây giờ! – gã thét lên – Này, các anh hãy xua tất cả những con thú ra khỏi đây, chỉ để lại Rahá thôi. Chỉ để chúng tôi ở lại với nhau thôi!

Thế là mọi người dẫn thú đi mất chỉ còn tôi và gã đại úy.

Lúc đó tôi ấp ủ hy vọng điên cuồng là hắn sẽ trừng trị tôi bằng súng lục, dao găm, súng cạcbin hay bất cứ cái gì và tất nhiên hắn sẽ lại vào đây.

Tất cả không phải như vậy. Kimbécley đưa tay vào cửa chuồng trước niềm vui lạ lùng ánh lên trong mắt tôi, hắn hiểu điều tôi muốn nói.

- A, không đâu anh bạn cũ ạ - Lão cười khả ố - đã qua thời đó rồi. Bây giờ chúng ta làm việc hơi tách biệt.

Tất cả các chủ dạy thú quý trong cuộc đời mình và cuộc đời kẻ khác đều mang một lò điện có khả năng nung đỏ que sắt tra tấn trong chốc lát. Họ biết thú dữ chỉ dừng lại trước que sắt nung đỏ như thế. Trong khi dạy thú, chỉ cần gi nhẹ que sắt nung đỏ vào chân con thú là nó sợ hết hồn.

Thế là khi thấy hắn cầm một que sắt và mang một máy chỉnh lưu dòng điện, tôi không nghi ngờ điều sẽ xảy ra. Tuy nhiên, tất cả lòng dũng cảm, nổi căm hờn và ý chí của

tôi không có thể tránh rùng mình khi thấy que sắt được cho vào miệng lò trong lúc tôi bất lực vô vọng găm lên.

- Ha ha – hấn cười khả ố và quay đầu lại – Hình như chúng ta đã than thở với nhau rồi? Quá sớm phải không? Không đâu, anh bạn của tôi ơi! Còn thiếu một chút thôi...gần ngàn độ. Khi đến một ngàn hai trăm độ thì được. Hãy kiên nhẫn nhé!

Nói tóm lại: ba mươi, bốn mươi rồi năm mươi lần que sắt đỏ chói và toé lửa gí vào da thịt tôi, không nhanh mà rất từ từ, và đó là một biện pháp tra tấn khủng khiếp. Hấn tìm những điểm xung yếu dễ cảm nhất, và quay lại gí vết thương vừa hở miệng. Nó cấu xé da thịt tôi.

Tôi nằm trên hai chân trước, đầu cúi gục, mắt nhắm nghiền lạng lẽ cố nuốt nỗi đau khủng khiếp trên mỗi vết thương. Cuộc tra tấn tiếp tục ở dưới bụng và những lời ngọt ngào:

- Trong cuộc đời làm gì có chuyện bất công với kẻ yêu mình!

- Anh bạn cũ ơi, anh đừng tin tôi làm cái này vì chuyện xấu của anh.

- Ô dây đau ít thôi. Rahá, can đảm lên nhé!

- Một tí nữa ở cùng chỗ này. Đau hơn đấy, nhưng nó giúp cậu khỏi bệnh khó chịu.

- A, đau lắm hả! – một tiếng rên đánh từ ngực tôi vang lên – Thế thì làm lại! Thật đáng buồn ta phải tấn công một người bạn...!

Đó là cái cuối cùng tôi nhìn thấy. Bị đốt khắp người, tôi trở thành một vết đốt sống, tôi gục đầu và ngất đi.

Ai có thể đánh giá được người hay thú vật có khả năng tìm mình trước thúc giục của bản thân, để che giấu hai năm liền dưới khát vọng trả thù dưới mặt nạ rất hiền lành, ngoan ngoãn.

Sau trận tra tấn tôi nằm liệt góc chuồng một tháng trời, người đau ê ẩm. Và cuối cùng, khi có thể đứng dậy được tôi thấy người mình bị đốt, bị biến dạng như một tên ăn mày khốn khổ. Một lần sóng chua xót, dồn đau đè lên thân hình tôi, và tôi ngã bẹp một góc. Ta là gì? Ta sống lê lết quần quai trên bốn chân run rẩy tha cái thân tàn ma dại này để làm gì?

Tất nhiên tôi sẽ trở lại là Rahá, sức khỏe sẽ hồi phục, và tấm da di truyền của dòng giống sẽ trở lại như cũ. Ôi, tôi cảm thấy rất hạnh phúc và trong thâm tâm tôi thể với cha tôi và dòng máu vua chúa trong tôi là tôi sẽ cố gắng tập trung toàn bộ sức lực cho hy vọng duy nhất là đập vỡ sợ hãi, cắn nát đầu hân.

Lúc này bắt đầu trận tra tấn khác. Trong hai năm tôi là con thú hiền lành, ít găm giữ trước ngọn dùi của hân. Không có chửi rủa, đánh đập bằng gậy sắt nào mà tôi không đáp lại bằng tiếng găm giữ khe khẽ. Giả vờ thật là khó, bởi vì hiền lành ngoan ngoãn quá sẽ thức tỉnh sự mất lòng tin. Và thế là trong hai năm tôi cần phải đấu tranh chống lại sự mất lòng tin của hân.

- Ông cẩn thận đấy! Họ nhắc nhở hân – Con thú này rất hay thay đổi. Nó tỏ ra hiền lành ngoan ngoãn để lấy lòng tin đấy.

- Đúng, tôi đã biết – Kimbeclyê đáp – tôi không rời mắt nó.

Dần dần tôi lại tập luyện.

- Cần thận đấy – Một lần nữa họ lại nhắc nhở – Con hồ không bao giờ quên điều ông làm đâu.

- Để xem, để xem!

Thế là mặc dù không bao giờ hấn rời mắt khỏi tôi, nhưng hấn vẫn tiếp tục cho tôi tập luyện với các bạn tôi.

Rõ ràng có thể hấn nghi ngờ nhiều hơn là không tin tưởng và vì qua kiêu ngạo trước sự ngoan ngoãn của tôi, hấn không để ý đến chuyện đó nữa. Hấn tin ảnh hưởng cá nhân của hấn có khả năng điều khiển một con thú đã bị tra tấn khủng khiếp.

Tuy vậy đôi lần hấn giương mắt xem tôi có thực sự ngoan ngoãn không và hấn đã sơ suất thực sự đối với tôi. Có một lần hấn giơ roi quất mạnh bạn sư tử trong khi tôi đi sau lưng hấn. Và ta biết như thế rất nguy hiểm. Tuy vậy tôi đã kìm mình, nghiêng rằng đến nỗi nó kêu lên ken két để khỏi nhảy tót vào lưng hấn và ánh mắt đắc thắng khi thấy hấn quay lại là một bù đắp thực sự cho tôi.

Qua chuyện ấy tính kiêu căng làm hấn lóa mắt. Hấn không thềm nghe lời bạn bè. Một hôm hấn liêu mình thử trò quyết định thể hiện lòng táo tợn cao quý nhất của người dạy thú và tính hiền lành ngoan ngoãn của con thú: cho dầu vào miệng thú.

Cuối cùng điều tôi mong ước đã đến, điều này tôi luôn mong mỗi đến đau đớn cả người! Từ đó tôi vạch ra kế hoạch. Một đêm biểu diễn thật đông, và khi thắng lợi của đại úy Kinbeclây làm vang lên tràng vỗ tay thì đêm ấy: tờ rách...! Không ai có thể đánh giá được nếu không là hổ và

không thật căm thù, điều mà tôi cảm thấy khi thưởng thức trước tiếng náo hấn vỡ tan...!

Cuối cùng ngày ấy đã đến. Các báo chí đã tuyên truyền rùm beng chiến công mới của Kimbecclêy, vua của các nhà dạy thú.

Tối hôm nay chiến công chưa từng thấy của đại úy Kimbecclêy.

Một thử thách rất nguy hiểm!

Chủ nghĩa anh hùng ở đỉnh cao nhất!

Đại úy Kimbecclêy

Sẽ chui đầu vào miệng Rahá

Đứa con của hổ ăn thịt người vùng Ramahan

Rahá, vua của các thú dữ!

Thế giới thượng lưu luôn say sưa với những cảm xúc mạnh mẽ đã đáp lời kêu gọi. Rạp xiếc đèn sáng choang soi rõ những bông hoa của thế giới thượng lưu Cancuta. Dân chúng ai cũng biết chuyện hổ ăn thịt người. Chuyện này làm giảm giá mâm non vua chúa của tôi. Đứa con của kẻ anh hùng lấy lòng hèn hạ, ngoan ngoãn để cho cái đầu chui vào miệng. Cần phải đi xem chuyện này!

Chính tôi cũng muốn xem chuyện ấy! Vào lúc 11 giờ đêm sau một hồi giải lao dài, càng làm khán giả háo hức, trên sân khấu xuất hiện đại úy Kimbecclêy đang kiêu hãnh tiến ra giữa sân khấu. Ở đó hấn chụm chân với chiếc roi dài và chào khán giả. Những chàng võ tay hoan nghênh vang lên. Một lúc sau, hấn cùng bảy người bạn của tôi bước vào chuồng diễn. Các tiết mục giống nhau như cũ nhưng dân

chúng rất háo hức. Tất cả hình như quá nhàm: họ muốn xem tôi.

Cuối cùng đến lượt tôi. Tôi xuất hiện với những tràng vỗ tay nồng nhiệt mới. Kimbecley hãnh diện ra hiệu, và dân chúng im lặng. Lúc đó hẳn nhanh chóng mở cửa chuồng bước vào.

Dân chúng ngưỡng mộ chuyện dùng roi dẫn con thú vào chuồng. Lúc đó con thú gầm lên như sẽ xông vào người dạy thú và cảnh này gây ấn tượng mạnh trong khán giả. Tuy vậy trò này không kém phần nguy hiểm, và người dạy thú biết rõ điều đó với điều kiện “chiếc roi không chạm vào người con thú”. Nếu roi chạm vào vì sơ suất thì nguy hiểm to.

Tất nhiên, một trong các cái tài của nhà dạy thú là giả vờ thật khéo. Chiếc roi quất trong không khí chỉ cách con thú đang gầm một vài centimét. ảo giác hoàn toàn và gây xúc cảm cho dân chúng.

Sau khi dùng tay vỗ yêu tôi, Kimbecley mở miệng tôi và dưới ánh đèn sáng choang dân chúng thấy những chiếc răng sắc nhọn, khỏe mạnh của tôi trông như những mũi dao chết chóc, và họ lặng im phăng phắc. Lúc đó Kimbecley nhẹ nhàng nghiêng đầu, và chiếc đầu biến mất trong miệng tôi, trong miệng hổ chúa Rahá và tôi hoàn toàn sẵn sàng.

Như nham thạch núi lửa trào dâng, tâm hồn tôi hồi tưởng những trận tra tấn khủng khiếp. Cuối cùng tất cả là của tôi, của tôi tất cả.

Tôi biết chắc mình không run, không có biểu hiện nhỏ ý định trả thù trào sôi trong lòng tôi. Một lát sau, khi Kimbecley muốn rút đầu ra thì vấp phải răng nanh của tôi.

Trái lại tôi thấy hấn rùng mình. Hấn lại nhẹ nhàng ấn đầu vào để một lúc rồi rút ra. Đầu hấn lại vấp phải răng tôi.

Dân chúng tiếp tục theo dõi hình ảnh rùng rợn đó, và lần thứ hai họ tin rằng cái đầu đó không ra được vì đường ra đã bị chẹt. Một tiếng thét sợ hãi vang lên trong khán giả, và ngay lập tức những người coi thú ra hiệu yên lặng.

Để hiểu rõ chuyện này cần phải có lời giải thích. Nói chung những con thú bị nhốt, đặc biệt voi và thú dữ, có một lúc nào đó chúng thay đổi tính cách, và nổi cơn điên khủng. Điều biến đổi khủng khiếp này xảy ra, mặc dù trước đó không có chuyện gì. Con thú hiền lành dễ thương với chủ đột nhiên tức giận điên cuồng lao vào chủ, và từ lúc đó đến khi chết nó thực sự trở thành một con thú dữ. ở voi chuyện này thường xảy ra. Tuy vậy ở sư tử và hổ chuyện này ít hơn. Do vậy người dạy thú luôn luôn cảnh giác nhất là khi có một con sư tử đi sau lưng mình. Chuyện ấy là một chiến công, cũng như việc làm giờ đây đối với tôi rất nguy hiểm. Đúng thế, có lúc cái đầu chui vào và đột nhiên con thú trái tính trái nết...

Có lẽ bọn coi thú tin như vậy, và yên lặng sẽ trấn tĩnh lòng tôi.

Ồ không! Tôi không điên khủng tí gì cả, và tôi hoàn toàn biết điều tôi làm! Và tôi cũng biết khi tôi dữ thế này thì không ai dám chống tôi, và tôi thích thú thưởng thức cảnh hấn ngắc ngoải trong miệng tôi.

- Giữa lúc công chúng kinh hoàng sợ hãi vang lên một số tiếng gào:

- Hãy giết nó, phải cho nó một phát đạn.

- Không được, cẩn thận đấy, còn tính mạng người dạy thú nữa!

- Đúng, đúng.

- Không thể được. Yên lặng nào!

- Một người thợ săn, một người bắn giết.

- Không có ai à?

- Không, không.

Một phút trôi qua, trong miệng mình, tôi cảm thấy cái đầu lạnh cứng của Kimbeclê treo lơ lửng trong họng tôi, trong khi thân hình bất động của hắn co rúm lại vì khắc khoải cái chết. Một phút tra tấn này bằng ba mươi phút tôi bị tra tấn với que sắt nung đỏ. Trong khi tôi sắp đập nát các đốt xương sống để kết thúc kẻ đáng thương này, thì tôi nhìn thấy khuôn mặt trẻ đẹp tái đi từ một ban công nhìn tôi. Tôi rùng mình lần thứ nhất, trước cái nhìn nghiêm nghị của khuôn mặt đó. Tôi rùng mình lần thứ hai khi tôi cảm thấy đôi mắt đen đó nhìn mình. Một biển hồi ức ập đến với tôi từ thời niên thiếu xa xưa, và đột nhiên tôi thấy lại hình ảnh hoàng thân Abécdalê tiến tới cha tôi và chăm chú nhìn vào ánh mắt khủng khiếp của cha tôi. Đúng rồi, đây chính là chàng trai trẻ hồi nào! Rồi đột nhiên tôi nhìn thấy cảnh khác, chàng trai nằm cạnh mẹ tôi, người lạnh và sắp chết. Đúng là chàng trai ấy.

- Những tiếng gào thét lại vang lên.

- Một người thợ săn.

- Đúng, có hoàng thân Abécdalê!

- Hoàng thân Abécdalê! Chỉ có ông ta mới có thể làm chuyện này.



- Ông ta biết nó đấy! Ông ta đã giết bố, mẹ nó! Đó chính là con hổ định ăn thịt ông ta! Nó là Rahá!

Tất cả các con mắt quay về phía Abécdalê, nhà quý tộc danh giá người anh đã có mặt làm vinh dự cho rạp xiếc tối hôm nay.

Chỉ ông ta mới có đủ khả năng với chiến công như thế này.

Tôi thấy ông ta ra khỏi ban công, vẻ tức tối và tiến vào sân khấu với vẻ lịch thiệp cao thượng. Ông ta tiến tới chuồng, tay đeo găng mở cửa, và ông ta dừng lại trước tôi lòng không thể dứt khỏi trạng thái mê hoặc.

Lúc đầu toàn rạp xiếc vang lên tiếng thét kinh hoàng khi nhìn thấy hành động điên rồ gần đó – hay hành động vô cùng dũng cảm của hoàng thân Abécdalê. Nhưng ngay sau đó là yên lặng khắc khoải bao trùm lên tất cả.

Mặc dù không ai biết chuyện hoàng thân nước Anh đã nhận từ Đế quốc Ấn Độ những lời hoan hô tán thưởng nhất bởi lòng dũng cảm tuyệt vời trong cuộc đi săn, song hành động mới này vượt qua giới hạn cho phép anh hùng là con người.

Về phần mình tôi chịu ảnh hưởng lòng dũng cảm và tính nghiêm nghị sáng chói đó. Trong trạng thái ngất ngây tôi thấy Abécdalê đặt tay lên vai Kimbecly và nhìn tôi không có vẻ gì thù hằn cả.

- Hãy thả hấn ra! – Cái nhìn ông ta nói với tôi – Cậu làm như thế thì hèn hạ quá đấy!

Rõ ràng không ai nghe thấy lời nào nhưng tất cả mọi người tin rằng tiếng của tôi gừ gừ đã trả lời điều tôi hiểu. Dân chúng ngạc nhiên thét lên:

- Nó nói chuyện với ông ta, nó đang nói với ông ta.
- Ô, ông ta hiểu được đấy!
- Chắc phải có một sức mạnh thần kỳ.
- Đúng ông ta hiểu được nó.

Tôi không thể kiềm chế tiếng gầm gừ khác, nhưng lần này là do sự ngốc nghếch của đám dân chúng ấy. Rất đơn giản là điều hoàng thân trẻ này có mà một số người khác không có đầy đủ: đó là lòng dũng cảm, kiên nghị và tin tưởng ở mình một sức mạnh to lớn đã được thể hiện trong ánh mắt. Ngoài ra là trí thông minh. Không có con thú nào, bằng cách nào đó lại không hiểu điều người ta nói với nó, rằng con người luôn luôn có tôi luyện. Nó không hiểu ý nghĩa câu nói, nhưng lại hiểu giọng nói, và qua giọng nói nó biết các sắc thái: triu mến, căm ghét, yêu thương... Các nhà dạy thú dạy ta câu châm ngôn này “không bao giờ được để cho con thú, qua giọng nói biết ta sợ nó”. “Giọng nói hạ lệnh, chỉ huy phải nghiêm nghị, để con thú không bao giờ nghĩ rằng nó có thể không vâng lời!”. Cái ngày một con hổ, con sư tử biết rằng ý chí của nó mạnh hơn ý chí người dạy thú, thì coi như anh ta đã mất.

Tuy vậy, mặc dù trong giọng nói của hoàng thân có sức mạnh nghiêm nghị, tôi vẫn còn phản kháng. Một tiếng gầm gừ xuất hiện từ cổ họng tôi, nhưng tôi phải khép mí mắt, vì lại trông thấy ánh mắt ông ta nói với tôi:

- Có một lần mày có thể ăn thịt tao và mày đã không làm điều đó. Lúc đó tao đã mất hết sức lực nhưng giác quan thì chưa. Mày cố khơi dậy trong tao cuộc sống mà tao đã cắt của bố mẹ mày, và tao biết mày được bồi đắp gì. Bây giờ mày đừng làm ô danh hành động đó với một chuyện giết người không xứng đáng với mày – mà lúc trẻ thơ mày đã thấy những hành động dũng cảm hơn, và tao cũng rất ngưỡng mộ mày.

Ô đúng rồi! Chúng tôi đã quen nhau trong một tình thế khác thế này, và không cần thiết nhắc lại với tôi chuyện ấy! Nhưng chính cái quá khứ ấy đã làm tôi hèn hạ như bây giờ, nên tôi lại vùng chống lại ảnh hưởng to lớn của hoàng thân. Tôi không muốn bỏ cái đầu trong miệng, tôi bấp chấp.

Hoàng thân Abécdalê nghiêng người, cầm lấy chân tôi và tôi thấy ông ta tái người.

- Không phải mày - ông nói mặt tái nhợt – là con hổ con hy sinh tự do đã cứu sống tao...!

- Hãy bỏ hấn ra! – Lần này hoàng thân hạ lệnh.

Trong năm giây, tôi cố gắng vô vọng để chống lại ánh mắt ông ta. Tôi cảm thấy tắc nghẹn, bị chinh phục, co rúm người lại trước ý chí lấp lánh ở hai con mắt đen ấy!

Tôi há miệng, và từ cái miệng mở rộng đầy dài, cái đầu của gã dạy thú cụng vào nền nhà. Hấn ngất lịm.

Hoàng thân Abécdalê vứt cái roi đã vô ích và không thèm nhìn tôi một lần nữa, ông ta bỏ ra khỏi chuồng, lấy tay phủ bụi.

Chưa bao giờ dân chúng vỗ tay nhiệt liệt tán thưởng như thế trước một hành động với ý chí siêu nhân. Đèn điện

rung lên bởi tiếng reo hò và dòng dõi quý tộc đã ngăn dân chúng tung hô hoàng thân lên trời. Buổi biểu diễn kết thúc với cảnh gần như bi kịch. Trong khi bọn coi thú cầm gây sát vôi vàng vào chuồng thú giải thoát cho Kimbéclê, thì hoàng thân Abecdalê bỏ rạp xiếc, mặt không biểu lộ tí gì chuyện vừa xảy ra. Và dân chúng theo ông ta đi ra. Bị gây sát dồn vào một góc chuồng, giờ đây tôi găm giữ không nguôi cho thất bại của mình và thắng lợi mới của gã dạy thú, trong khi tâm hồn tôi cháy bỏng mong muốn trả thù chưa được thỏa mãn.

Kimbéclê trải qua mười lăm ngày giữa cái sống và cái chết vì bị tác động thần kinh. Hắn hôn mê liên tục, miệng gào thét xin người ta cắt cổ hắn, hơn là để hắn phải chịu đựng thêm một giây trận tra tấn khủng khiếp ở trong cái miệng tôi. Cuối cùng thân thể cường tráng của hắn đã chiến thắng và một tháng sau cái đêm khủng khiếp đó tôi nhìn thấy Kimbecle bước vào khu nhốt thú, và hắn khó nhọc tiến gần tới tôi tay vịn song ngang chuồng thú.

Khi nhìn thấy hắn với vẻ tức giận, ác hiểm tiến lại gần, đầu óc tôi bốc lửa. Quá khú hiện lên. Tôi lao về phía hắn găm giữ và cả chuồng rung lên.

Kimbecle mỉm cười giảo quyết.

Không, không! – hắn ra hiệu trấn tĩnh tôi – chúng ta còn chưa thanh toán được, vì tao còn yếu và tao muốn có đầy đủ sức lực để đánh giá đúng giá trị chuyện mày nghĩ về trò chơi mới – mà tao sẽ cho mày biết không lâu nữa đâu. Đúng, tao báo cho mày biết là mày sẽ không có dịp nào trả thù nữa đâu, vì mày hèn nhát và thiếu sót lớn. Này Rahá nghe đây! Mày không dám cắn nát đầu tao, mày



không xứng chống lại một con người – cho dù người đó là hoàng thân Abecdalê - đã cầm roi dọa nạt mây như dọa một con chó hèn hạ. Đó là điều mây cần biết. Và tao thể với mây là không bao giờ tao tạo dịp như lần vừa qua để mây trả thù, và sau đó tao qua tin vào cái tên đẹp đẽ của mây, để mây có những hành động hèn hạ làm nhor bản dòng họ.

Rahá, mây hãy suy nghĩ kỹ đi, mây hãy cố gắng làm chủ tính yếu hèn nhút nhát của mây. Tao sẽ cho mây một thử nghiệm mới hiệu quả hơn nhiều, và mây sẽ thích nhiều hơn trò chơi lò điện.

Ôi, hần ta đúng là Kimbecly! Hần ta vừa tàn bạo vừa ngọt ngào. Lời cầu xin của ta sẽ vô vọng và khủng khiếp lắm đây?

Ngày hôm sau có hai người vào chuồng. Tôi giạt mình và tìm tôi đập gáp: trước mặt tôi là hoàng thân Abecdalê. Kimbecly cùng đi với hoàng thân và hần tỏ thái độ kính trọng và hãnh diện được ở bên cạnh người quyền quý.

- Ngài Milô, Rahá ở đây! – Kimbecly nói và dừng lại. Lúc đó hoàng thân Abecdalê nhìn tôi và tôi cảm thấy toàn thân rung lên cảm động rõ ràng có cái gì đó làm ông ta nhớ lại qua khứ xa xôi mà cũng là điều tôi nhớ lại.

- Đúng – cuối cùng hoàng thân nói – nó thay đổi rất nhiều...Đã lâu chúng tôi không gặp nhau – rồi ông mỉm cười.

Kimbecly tránh nhìn tôi.

- Tôi tin rằng – hoàng thân Abecdalê nói tiếp – sau chuyện vừa rồi ông không thể giữ nó được...Tôi muốn có nó.

- Ngài ư, ngài hoàng thân? Nhưng nó là con thú thích trả thù và tàn bạo không thể tưởng tượng nổi.

- Không nhiều đâu! – hoàng thân lại mỉm cười – Hơn nữa tôi có một số dịp để không tin chuyện ấy – Hoàng thân nói thêm và thò tay xoa đầu tôi.

Kimbecclê tái xanh mặt sợ hãi và ghen tức khi thấy tôi không cần nát tay kẻ liêu lĩnh.

- Cần thận đấy, ông hoàng thân ạ! – hấn thốt – nó là một con thú hèn hạ!

- Có thể với ông...Tôi mua nó, ông Kimbecclê – hoàng thân nói thêm.

Với bản chất tham lam, mặt hấn rạng rỡ sung sướng trước món tiền lớn, nhưng đồng thời hấn phải đấu tranh với lòng mong muốn trả thù tôi cùng những món dòn tra tấn mới, mà hấn cần phải bỏ nếu mất tôi.

- Thưa hoàng thân, một con thú đã thuần dưỡng giá trị cao lắm!

- Bao nhiêu – hoàng thân Abecdalê hỏi.

- Tôi không biết...! Thưa hoàng thân, nhiều lắm ạ!

- Thì bao nhiêu? – hoàng thân hỏi và nhìn hấn.

- Thưa ngài, có lẽ một nghìn đồng bằng Anh... có thể hơn.

- Vậy. Hai nghìn bằng đủ chứ. Ông làm ơn đi đến nhà bằng Anh quốc cách đây hơn một giờ đường, đến đó tôi sẽ đưa ông tất cả. Nhưng với một điều kiện, số tiền sẽ cao hơn số ông đưa ra một ít, ông thông cảm cho, bởi vì bọn coi thú có thể không cần thận, nên chính ông hãy đưa nó đến ngôi nhà của tôi ở Ramahan. Ông không thấy quá phiền chứ?

- Tôi xin cố gắng – Kimbeclyê ngạc nhiên và kính cẩn đáp lại – thưa hoàng thân, toà lâu đài Abecdalê không phải là một ngôi nhà nhỏ.

- Xin cảm ơn ông Kimbeclyê quý mến...thế chúng ta thoả thuận chứ?

- Tôi đồng ý, thưa ngài hoàng thân. Khi nào tôi phải đi?

- Ngay tối hôm nay...Tôi sẽ cùng đi.

Hoàng thân Abecdalê đi ra. Lúc đó gã Kimbeclyê tức giận giơ cái gậy dọa tôi

- A, con thú chết tiệt này, mày trốn chuyện tao trả thù, mày được thằng quý tộc khỉ gió, quý sứ tạo ra bảo vệ mày...tao không hiểu sao nó lại có quan hệ với mày! Nhưng trước khi ra khỏi đây tao sẽ cho mày một bài học nhớ đời ông đại uý Kimbeclyê này.

Hắn gọi bọn coi thú, và mặc dù tôi kháng cự chúng cũng tròng vào cổ tôi một vòng dây thép có dây xích buộc vào cuối chuồng.

Tôi buộc phải đứng im, không thể tiến lên một bước và bốn chân không thể vươn ra. Bên lề giới hạn đó Kimbeclyê trên ghế, tay cầm chiếc roi. Thế là trong khi tôi cố sức dướn người chỉ năm phân thôi để xé xác hắn, thì gã Kimbeclyê liên tiếp quất roi vào mặt tôi.

- Ôi, thất vọng vô cùng! Chỉ vài phân thôi là tôi có thể chồm tới hắn thế mà tôi phải ngồi đây chịu những đòn quất nhục nhã, trong khi gã Kimbeclyê ngồi vắt chân chữ ngũ tay dựa thành ghế cầm roi quất đại vào mặt tôi. Chưa có ai phải chịu cảnh lăng nhục như cảnh thằng hèn hạ khốn kiếp này bắt tôi phải chịu.

Cuối cùng hắn đứng lên và nói:

- Thôi đủ rồi! Bây giờ mày có thể sống với ông bạn mới nhé. Mày sẽ không bao giờ quên ông đại úy Kimbecclêy đã đối xử với mày như thế này.

Lúc đó tôi muốn chết ngay.

Buổi tối chúng tôi khởi hành. Cuộc hành trình trên xe lửa này không xảy ra chuyện gì, toa xe khê rung lên, nhưng đối với tôi lại có ý nghĩa trọng đại. Hai chốt khóa chuồng thú đã rơi ra, không có người gác nào biết, kể cả tôi. Tôi được chuyển đi đường cái, rồi theo đường rừng để tới các nhánh núi của dãy Himalaya hùng vĩ. Hoàng thân Abecdalê cùng bầu đoàn đi ngựa khá xa phía trước. Kimbecclêy và bọn coi thú cùng tôi đi trên một chiếc xe bò.

Đêm thứ hai tôi mới nhận thấy chốt khóa bị tung. Ôi sung sướng quá: rừng núi, tự do, tôi không thấy gì quan trọng, nhưng gã Kimbecclêy, đúng quan trọng lắm! Tôi cảm thấy trên mặt những cú roi quất hên hạ! Những chấn song hồng sẽ trả lại những cú roi quất, và sẽ trả lại hoàn toàn.

Trời bắt đầu hé rạng. Khi tôi dùng móng tách một chấn song, thanh sắt kêu ken két và tôi cảm thấy có người chạy vội về phía tôi. Không được để mất thời gian, tôi liền bẻ thanh sắt thứ hai. Tên coi thú có khuôn mặt tàn ác xuất hiện trước tôi. Hắn hầu như không đủ thời gian nhìn chuyện gì xảy ra và kêu cứu...

Tôi găm lên lao vào người hắn, và biến mất trong rừng. Phía sau tôi, tên coi thú nằm lòi ruột, và bọn Kimbecclêy la hét. Tôi còn nghe Kimbecclêy la hét đi báo chuyện này cho hoàng thân Abecdalê. Có người bắn súng và tôi không nghe gì nữa.

Tôi đứng nấp bên vệ đường mòn mà bọn đuổi bắt sẽ lọt vào.

Ồi, không khí quê hương, bầu trời trong xanh, hương thơm thân quen tôi hít thở hồi còn nhỏ. ở đây, trong khung cảnh ngời ca dòng máu quật cường của tôi, tôi phải hoàn lại mối thù gã Kimbecclêy đã đánh tôi, ngồi vắt chân chữ ngũ trước tôi! Một giờ trôi qua. Đột nhiên tôi cảm thấy có tiếng bước chân lại gần, và tôi nghe tiếng một người bản xứ nói:

- Tôi không thể vào sâu hơn... Đường mòn đến đây là hết, và không có người khuja mỗ, không nên mạo hiểm vào sâu.

Tôi cẩn thận ló đầu ra khỏi thân cây đổ, và nhìn thấy người bản xứ và gã Kimbecclêy đứng lại cách tôi hai chục mét

Một tiếng găm sát mặt đất, và không thể đoán được khoảng cách làm chúng giật mình. Kimbecclêy mặt tái nhợt.

- Được rồi – hấn thì thăm với người bản xứ – bây giờ...mày quay lại báo hoàng thân Abecclalê tao đợi ông ta ở đây...

Người bản xứ vội vàng chạy trốn, trong khi gã Kimbecclêy háo hức nhìn khắp nơi.

- Ta sẽ cho chúng nó biết – tôi nghe hấn lắm lắm – Hơn nữa chắc Rahá sẽ thanh toán lão hoàng thân... và ta sẽ nhận thêm hai ngàn đồng bằng Anh từ gia đình lão ta...ta nên trèo lên cây.

Hấn không đủ thời gian. Tôi đột nhiên găm lên, và nhảy cách hấn mười lăm mét toàn thân dựng đứng. Lúc đó,

lần đầu tiên gã Kimbecclê nhìn thấy một con hổ dữ trong rừng già Bengala. Người dạy thú không bắt buộc là người săn thú vì nó đòi hỏi trước hết phải kiên trì và dũng cảm. Hắn không phải là hoàng thân Abecdalê!

Khẩu súng trong tay hắn run run và tôi tiến thẳng về phía hắn, mắt nhìn chăm chăm vào mắt hắn.

Tất cả: bộ mặt, quần áo, mùi hôi của hắn làm hiện lên trước mắt tôi lò điện, trận tra tấn ngọt ngào điển hình, roi quật, và nhất là cảnh hắn ngồi vắt chân chữ ngũ trước mặt tôi!

Ánh mắt tôi truyền cho hắn một ít dũng cảm và hắn giương súng. Tôi thấy đau nhói ở lưng, và trong tích tắc, tôi đã đứng trước hắn. Khi nhìn thẳng vào mặt tôi, hắn hốt hoảng, sợ hãi và lần này tôi đã tự do! Khẩu súng tuột khỏi tay, hắn gào thét trong khi tôi há miệng ngoạm đầu hắn.

A, thật may mắn, người làm chuyển biến sâu sắc tình cảm thơ ấu của tôi bằng hành động dũng cảm – không có ở đây!

Tâm hồn tôi tràn ngập sung sướng được rửa nhục.

Nhưng số phận của tôi đã được an bài. Một tiếng động mạnh rung chuyển mặt đất vang tới tai tôi. Đó là một chiếc xe ngựa. Một lúc sau, ở chỗ đường quật, hoàng thân Abecdalê xuất hiện, đầu trần, mặt tím tái xúc động do không đến kịp.

Tôi thấy ông ta nhảy xuống ngựa, tay cầm súng tiến về phía tôi. Tôi nghe ông ta quát:

- Thả ra! Ông ta giờ súng tiến về phía tôi nghiêm giọng.

Nhưng lần này thì không được! Ông ta không biết mọi chuyện tôi bị tra tấn thường xuyên trong năm năm trời, và một viên đạn vào lưng!

Và mắt nhìn chăm chú hoàng thân Abecdalê, tôi nghiêng hàm, và rồi rắc...

Trong khi tấm thân cụt đầu của Kimbeclê rơi khỏi miệng tôi thì tôi nhìn thấy một bóng đen chạy qua khuôn mặt đẹp của hoàng thân Abecdalê, một tiếng nổ, và tôi thấy đau nhói ở ngực. Tất cả quay tròn xung quanh tôi, và tôi ngã gục.

Bây giờ trong khi nhớ lại những chuyện đau lòng ấy, tôi nằm trên chiếc chiếu mát, bên cạnh tôi, hoàng thân Abecdalê đang đọc sách, tay thỉnh thoảng vuốt ve đầu tôi. Phía sau chúng tôi, dãy núi Himalaya hùng vĩ đen sẫm chìm trong mây trắng bồng bềnh. Phía trước, sau những cây cọ, vườn hoa, là khu rừng quê hương đang gửi tới tôi hương sắc đậm đà. Tôi hạnh phúc lim dim mắt và trong khi hoàng thân Abecdalê mắt không rời khỏi quyển sách, lại đưa bàn tay trắng muốt, và tôi cảm thấy tay người truyền vào tôi dòng điện rần rạt. Tôi liếm nhẹ bàn tay người anh hùng và lấy làm hạnh phúc được làm người của ông ta.

Hoàng Đình Trực dịch

CHỜ ĐỢI

Judith Hermann (Đức)

Stein tìm được nhà hồi mùa đông. Anh gọi điện cho tôi, hồi đầu tháng Chạp thì phải: “A- lô”, rồi im luôn. Tôi cũng im. Anh nói: “Stein đây”, tôi nói: “Biết rồi”, anh nói: “Khỏe không?”, tôi nói: “Anh gọi có chuyện gì?”, anh nói: “Anh tìm được rồi”, tôi chẳng hiểu gì cả: “Tìm được gì cơ?”, còn anh thì nói giọng bức dọc: “Nhà! Anh tìm được nhà rồi”.

Nhà à, tôi nhớ ra rồi. Stein và chuyện xung quanh một ngôi nhà, ra khỏi hẻm Berlin, nhà ở nông thôn, của một gia đình điền chủ ngày xưa, liền với trang trại, hàng cây đoan trước nhà, phía sau là bụi hạt dẻ, bầu trời trên cao và hồ nước, ít nhất cũng vài ba mẫu đất, giở bản đồ ra, đánh dấu, xuôi ngược tìm tòi hàng tuần lễ. Lúc quay về trông anh rất buồn cười, và mọi người nói: “Đúng là rồi hơi. Để xem có ra trò trống gì không”. Không gặp anh là tôi quên ngay chuyện ấy. Như quên luôn cả anh.

Tôi bất giác châm một điếu thuốc, cũng như mọi khi gặp Stein và tôi không biết làm gì cho phải. Tôi ngập ngừng hỏi: “Anh mua rồi à?” và anh hét toáng lên: “Ừ!”, rồi ống nghe rơi tuột khỏi tay anh. Chưa bao giờ tôi nghe anh hét lên như thế. Rồi anh lại xuất hiện bên kia đầu dây và hét: “Em phải đến xem ngôi nhà ấy đã, không thể tin nổi, rất hoành tráng, tuyệt vời!”. Tôi không hỏi tại sao chính tôi lại phải là người đến xem nó. Tôi chỉ lắng tai nghe, kệ cho anh im lặng một hồi lâu.

Rồi anh cũng nói tiếp: “Em đang làm gì thế?”, giọng anh nghe đầy vẻ cợt nhả. “Chẳng làm gì cả”, tôi nói. “Em đang ngồi nhà và đọc báo thôi” – “Anh đến đón em nhé. Mười phút nữa”, Stein nói và đặt máy.

Năm phút sau anh đã tới nơi, không ngừng lấy ngón cái nhấn chuông mặc dù tôi đã mở cửa cho anh từ lâu. Tôi nói: “Stein, anh làm trò gì thế, thôi bấm chuông đi nào”, kỳ thực tôi định nói: “Stein, ngoài trời rét bỏ mẹ, tôi chẳng muốn đi ra đường với anh làm gì, biến đi cho rảnh mắt.” Stein ngừng bấm chuông, ngoẹo đầu, định nói gì nhưng lại thôi. Tôi mặc quần áo. Chúng tôi xuất phát. Taxi của Stein hôi mùi thuốc lá. Tôi quay cửa kính xuống và thò mặt ra ngoài gió lạnh.

Cái mà người ta quen gọi là quan hệ giữa tôi và Stein đã diễn ra hai năm trước đó. Không dài, và chủ yếu là chúng tôi cùng nhau đi trên chiếc taxi của anh. Anh chở tôi đến một buổi lễ và đi trên đường cao tốc anh ấn một cassette nhạc của Transam vào máy. Lúc đến nơi, tôi nói là lễ hội này ở nơi khác, và chúng tôi lại đi tiếp, đến một lúc nào đó anh ngắt đồng hồ đếm tiền. Anh cùng về nhà tôi. Đặt mấy cái túi nylon ngoài hành lang rồi ở lại ba tuần. Stein chưa bao giờ có một căn hộ riêng cả, anh vác mấy cái túi nylon đó đi khắp thành phố và qua đêm lúc chỗ nọ lúc chỗ kia, còn nếu không tìm thấy chỗ nào thì ngủ luôn trong taxi. Anh không giống như những người vô gia cư mà người ta vẫn tưởng tượng ra. Anh sạch sẽ, ăn mặc tử tế, không bao giờ lười thôi, anh có tiền vì vẫn làm việc, chỉ có điều là không có nhà ở, cũng có thể là anh không muốn.

Trong ba tuần mà Stein ở cùng, chúng tôi đi ngang dọc trong thành phố trên chiếc taxi của anh. Chuyển đầu đi đến tận cùng đại lộ Frankfurt rồi quay lại. Chúng tôi nghe nhạc Massive Attack, hút thuốc và đi xuôi đi ngược đại lộ Frankfurt có lẽ đến một tiếng liền, cho đến khi Stein hỏi: “Em có hiểu không?”.

Đầu óc tôi hoàn toàn trống tuếch, tôi cảm thấy trong người trống trải và như trong trạng thái lơ lửng kỳ quái, đường phố trước mặt rộng và ướt nước mưa, hai gạt nước quẹt đi quẹt lại trên tấm kính chắn gió. Những tòa nhà hai bên đường xây kiểu thời Stalin trông sừng sững, lạ lẫm và đẹp. Thành phố không phải là thành phố mà tôi quen biết nữa, nó tự tại và vắng bóng người. Stein nói: “Như một con thú khổng lồ đã tuyệt chủng”, tôi nói là tôi đã hiểu anh, tôi đã ngừng tư duy.

Về sau chúng tôi hầu như toàn phóng taxi đi lung tung. Cứ mỗi đoạn đường Stein lại có một loại nhạc riêng. Ween cho đường ngoại thành. David Bowie khi đi trong thành phố, Bach cho các đại lộ, Trans Am chỉ khi lên đường cao tốc. Chúng tôi hầu như toàn đi đường cao tốc. Khi có những bông tuyết đầu tiên, đến bãi nghỉ nào Stein cũng trèo khỏi xe, chạy ra cánh đồng phủ tuyết và biểu diễn những động tác Tae- kwon – do chậm chậm và tập trung, cho đến khi tôi vừa cười vừa tức phải hét lên là anh hãy quay lại, tôi muốn đi tiếp, lạnh quá.

Một lúc nào đó tôi ngán hết mọi chuyện. Tôi xếp mấy cái túi nylon cho anh và nói là đến lúc anh phải đi tìm nơi ở mới. Anh cảm ơn rồi đi khỏi. Anh xuống ở với Christiane dưới tôi một tầng, sau đó đến chỗ Anna, rồi Henriette,

Falk, rồi những cô gái khác. Anh ngủ với tất cả bọn họ, chuyện không khác được, anh khá đẹp trai, Fassbinder còn sống chắc là khoái anh lắm. Anh có mặt. Và cũng không. Anh không thuộc về họ nhưng vì lý do nào đấy mà vẫn trụ lại. Anh ngồi làm người mẫu trong xưởng vẽ của Falk, kéo cáp điện tại các buổi hòa nhạc của Anna, nghe các buổi đọc sách của Hein ở Salon Đỏ. Anh vỗ tay trong nhà hát nếu chúng tôi vỗ tay, uống nếu chúng tôi uống, chích hút khi chúng tôi chích hút. Anh cùng tới các buổi liên hoan và cùng có mặt khi chúng tôi đi về nông thôn chơi mùa hè, đến những ngôi nhà ở chốn quê từng tiệm, vẹo vọ và nhỏ bé mà dần dần ai cũng mua một chiếc, treo trên hàng rào mục nát nguệch ngoạc dòng chữ “Đuổi cổ bọn Berlin!”. Thỉnh thoảng một cô trong bọn chúng tôi lôi anh vào giường, và thỉnh thoảng một cô ngồi ngắm họ làm tình.

Tôi thì không. Tôi không thích lặp lại. Tôi không biết tại sao - đó không phải là tính cách của tôi. Tôi cũng không nhớ nổi chuyện làm tình với Stein ngày xưa ra sao nữa.

Chúng tôi và anh lê la ngồi với nhau, ở vườn nhà của những người chẳng dính dáng gì đến mình. Ngày trước công nhân, nông dân hay những người làm vườn nghiệp dư đã sống ở đây. Họ ghét chúng tôi và chúng tôi ghét họ. Chúng tôi tránh mặt dân địa phương, cứ nghĩ đến họ là mọi chuyện hết vui luôn. Chuyện chẳng ăn nhập gì cả. Chúng tôi lấy đi của họ cảm giác “người trong nhà với nhau”, làm biến dạng làng xóm, đồng ruộng và ngay đến cả bầu trời. Họ cảm nhận điều đó chứ, và ngửa mặt khi thấy chúng tôi lơ ngơ đi lại như lũ hippie, bung đầu mẩu thuốc tẩm cần sa vào luống hoa trước nhà họ, nghênh ngang xô

đẩy nhau. Nhưng thấy kệ, chúng tôi vẫn thích ở đó. Chúng tôi lột giấy dán tường trong những căn nhà cũ xuống, vứt hết những đồ nhựa - đó là công việc của Stein - chúng tôi ngồi ngoài vườn, uống rượu vang, mất lơ dờ ngắm những bụi cây đầy muỗi vo ve, chuyện trò về Castorf và Heiner Muller và vụ Wawerzinek mới lộn cổ ở nhà hát Volksbuhne ra sao. Stein xong việc thì ra chỗ chúng tôi. Anh chẳng biết nói gì. Chúng tôi dùng ma túy, Stein cũng tham gia. Toddi loạng choạng trong bóng chiều hôm và sờ vào đầu cũng lẫu lẫu gì đó có chữ " xanh", Stein cười vui vẻ một cách cường điệu và không nói gì. Anh không có được ánh mắt soi mói, diên dỏ và tàn tạ như bọn tôi, cả khi anh cố làm theo; thường thì anh chỉ ngắm mọi người, tựa như chúng tôi đang diễn trên sân khấu vậy. Có lần tôi ở một mình với anh, hình như trong vườn nhà Heinze ở Lunow thì phải, những người khác đã bỏ đi hút lúc mặt trời lặn. Stein dọn dẹp ly chén, gạt tàn, chai lọ và ghế. Anh làm việc đó cẩn thận. Một lát sau không còn dấu vết gì của những người kia nữa. "Em uống vang không?" anh hỏi. Tôi nói: "Có", chúng tôi im lặng uống và hút thuốc, mỗi lần ánh mắt chúng tôi gặp nhau là anh mỉm cười. Có thể thôi.

Tôi nghĩ "có thể thôi" lúc ngồi trong taxi cạnh Stein, trên đại lộ Frankfurt đi về phía Prenzlau, đang tầm chiều. Trời mù và lạnh, không khí bụi bặm, bên cạnh là những người lái xe khác đang nhìn ngu ngơ, tầm tối, chửi rủa, mệt mỏi. Tôi hút một điếu thuốc và tự hỏi tại sao mình lại đang ngồi đây cạnh Stein, vì sao anh lại gọi điện cho tôi - vì tôi là một khởi đầu của anh chăng? Vì anh không gặp Anna hay Christiane hay Toddi? Vì sao chẳng ai trong bọn

họ muốn đi cùng anh? Và tại sao tôi lại đi cùng? Tôi không tìm ra câu trả lời. Tôi vút đầu mẩu thuốc ra ngoài xe, tăng lòe câu phàn nàn của người lái xe bên cạnh. Trong taxi lạnh ngắt. “Lò sưởi có chuyện gì thế Stein?”. Stein không đáp. Từ hồi ấy đến giờ, hôm nay là dịp đầu tiên chúng tôi lại ngồi bên nhau trên xe của anh. Tôi dụ giọng: “Stein nhà trông ra sao? Anh trả bao nhiêu tiền?”. Stein lơ đãng ngó vào gương chiếu hậu, vượt cả đèn đỏ, liên tục đổi làn đường, rít đầu thuốc đỏ đồng dọc đến sát môi. “80.000”, anh nói. “Anh đã trả 80.000 Mark. Trông đẹp. Nhìn thấy là anh biết ngay - đó chính là nó”. Mặt anh nổi đầy những vết đỏ. Anh đập lòng bàn tay lên còi xe trong khi cắt đường ưu tiên của xe buýt. Tôi nói “Anh lấy đâu ra 80.000 Mark?”. Anh thoáng đưa mắt qua phía tôi và trả lời: “Em đặt câu hỏi lạc đề”. Tôi quyết định không nói gì nữa.

Chúng tôi ra khỏi Berlin, Stein rời đường cao tốc xuống đường làng, tuyết bắt đầu rơi. Tôi thấy hơi mệt, lần nào đi ô tô cũng thế. Tôi chăm chú ngắm cái gạt nước, nhìn tuyết xoáy thành những vòng tròn đập ngược vào kính chắn, nhớ lại những lần đi xe với Stein trước đây hai năm, nhớ niềm phấn khích kỳ cục, nhớ sự bằng quan và lạ lẫm. Stein đi cẩn thận hơn, thỉnh thoảng liếc nhanh qua tôi. Tôi hỏi: “Máy cassette không chạy nữa à?”. Anh mỉm cười: “Có chứ. Anh không nhớ là...Nếu em vẫn thích”. Tôi nhướng mắt: “Tất nhiên là em vẫn thích” và mở băng Callas mà Stein ghi khúc đơn ca của Donizetti hai mươi lần liền nhau. Anh cười: “Em vẫn nhớ à?”. Callas hát, bổng và trầm, Stein tăng tốc và đi chậm lại, tôi phì cười và khẽ chạm tay vào má anh. Không quen da mặt anh lởm chởm râu. Tôi nghĩ:

“Thế nào là quen”, Stein nói: “Thấy chưa”, và tôi nhận ra là anh hồi hận tức thì.

Qua Angermunde anh rẽ khỏi đường làng và phanh gấp trước lối vào một ngôi nhà mái bằng xây hồi thập kỷ 60, khiến tôi lao đầu vào kính chắn gió. Tôi hỏi, thất vọng và bức xúc: “Đây à?” Stein vui vẻ lướt đi trên nền bê tông đóng băng trơn một cách cường điệu, đến chỗ một bà mặc tạp dề nhà bếp vừa bước ra cửa. Một đứa nhỏ nhọt nhọt và gầy gò bám chặt lấy tạp dề. Tôi quay cửa kính xuống, nghe giọng anh hồ hởi thân thiện: “Chào bà Andersson!” - Đó là kiểu xã giao của Stein với những người hạng này mà tôi luôn căm ghét – thấy anh chìa tay cho bà và bà không bắt mà thả vào tay anh một chùm chìa khóa to tướng. “Không có nước ở nhiệt độ âm”, bà ta nói. “ống nước hỏng rồi. Nhưng tuần sau họ nối điện cho”. Đứa bé đang bám vào tạp dề khóc ré lên. “Không sao”, Stein nói, lướt trở lại ô tô, dừng lại trước cửa kính mà tôi quay xuống, lắc mông điệu đà và dậm dăng: “Come on baby, let the good times roll”. Tôi nói: “Stein, bỏ trò ấy đi” và thấy mặt mình đỏ lên. Đứa bé thả tay ra khỏi tạp dề, ngạc nhiên tiến một bước về phía chúng tôi.

“Ngày xưa họ sống ở đó”, Stein nói khi khởi động lại máy; anh cho xe lùi lên đường làng, tuyết rơi dày hơn, tôi quay lại nhìn người đàn bà và đứa nhỏ trong khung cửa sáng đèn cho đến khi ngôi nhà khuất sau khúc rẽ. “Họ tức vì bị dọn khỏi nhà hồi năm ngoái. Nhưng đâu phải anh đuổi họ ra, mà là chủ nhà ở Dortmund. Anh chỉ mua lại thôi. Nếu có quyền thì anh cứ cho họ ở đấy”. Tôi sững sốt: “Bọn tởm thật”, và Stein nói: “Thế nào là tởm” rồi quăng

chùm chìa khóa lên lòng tôi. Tôi đếm chìa khóa, hai mươi ba chiếc, nhỏ xíu và rất to, chiếc nào cũng cũ kỹ và có vòng diêm dúa, tôi khe khẽ hát: “Chìa khóa chuông bò, chìa khóa tầng mái, chìa khóa cửa, chìa khóa kho, phòng khách, phòng vắt sữa, hòm thư, tầng hầm, nhà xe”, và đột nhiên – thật sự không chú ý – tôi hiểu Stein, hiểu tại sao anh phấn chấn, khắp khối và hồi hộp. Tôi nói: “Stein, chúng mình cùng nhau đến đó là hay đấy”, và anh nhất quyết không nhìn tôi: “Gì thì gì, từ hiên nhà có thể thấy mặt trời lặn xuống sau tháp chuông nhà thờ. Đến nơi ngay rồi đấy. Hết Angermunde là Canitz, nhà ở Canitz”

Canitz còn tồi tệ hơn Lunow, tệ hơn Templin, tệ hơn cả Schonwalde. Nhà cửa xám xịt, thấp lè tè dọc hai bên đường làng cong cong, nhiều cửa sổ đóng ván kín, không có cửa hiên nào, không có hàng bánh mì, không có quán ăn. “Stein ở đây lắm tuyết” tôi nói, và anh nói: “Đĩ nhiên”, cứ như anh mua nhà là mua luôn cả tuyết. Nhà thờ làng hiện ra bên trái, đẹp bất ngờ, đồ thắm, tháp chuông tròn - đúng lúc Stein bắt đầu lẩm nhẩm một âm thanh gì là lạ, như một con ruồi mùa hè va vào cửa kính. Anh lái xe vào một đường rẽ ngang, phanh lại, đồng thời buông tay khỏi bánh lái với một điệu bộ dứt khoát: “Nó đấy”.

Tôi ngó qua cửa sổ ô tô và nghĩ: “Nó chỉ còn đứng năm phút nữa ở đấy”. Ngôi nhà nom như bất kỳ lúc nào cũng lặng lẽ và đột ngột sụm xuống được. Tôi xuống xe và đóng cửa thật nhẹ nhàng, tựa như mỗi rung chuyển đều có thể gây ra tai họa, và cả Stein cũng rón rén trên đầu ngón chân đi tới nhà. Nó là một con tàu. Nằm bên cạnh đường làng Canitz như một con tàu kiêu hãnh bị mắc cạn từ thời

xa lắc xa lơ. Một ngôi nhà điển chủ hai tầng lớn, xây bằng gạch đỏ, mái bốn chiều trơ xương, có hai đầu ngựa bằng gỗ hai bên, hầu hết các khung cửa sổ đã mất kính. Hàng hiên xiêu vẹo, chỉ còn giữa cho khỏi đổ bởi giàn thường xuân rậm rạp, những vết nứt trên tường đứt lọt ngón tay. Một ngôi nhà đẹp. Đó chính là ngôi nhà Stein tìm. Và là một đồng hoang tàn.

Stein toan gỡ tấm biển “Bán nhà” từ cánh cửa xuống, nhưng nó thờ dài nảo nuốt đồ lẫn ra. Chúng tôi giậm lên đi qua, rồi tôi dừng bước, giật mình khi nhìn vẻ mặt của Stein, và thấy anh biến mất sau giàn thường xuân. Lát sau, một khung cửa chớp rớt khỏi tường, khuôn mặt nóng bừng của Stein hiện ra sau tấm kính vỡ lởm chởm trong ánh sáng một ngọn đèn dầu.

“Stein!” tôi gọi. “Ra khỏi nhà đi! Nó đổ ngay bây giờ!”

“Vào đây!” anh gọi lại. “Nhà của anh đấy!”

Đó không phải là lý do để yên tâm, tôi thoáng nghĩ, rồi lò dò giậm lên những túi rác và mảnh vụn đi tới hiên nhà. Ván gỗ kéo kẹt, giàn thường xuân nuốt hết ánh sáng, tôi ghê người đẩy những dây leo sang bên, rồi bàn tay lạnh như đá của Stein kéo tôi vào hành lang. Tôi nắm lấy tay anh, đột nhiên không hề muốn đánh mất sự đụng chạm ấy nữa, lại càng chẳng muốn mất ánh sáng của ngọn đèn dầu nhỏ xíu; Stein ư ử hát, và tôi theo chân anh.

Anh đẩy hết các cửa chớp mở ra phía vườn, và chúng tôi thấy những tia sáng cuối cùng của ngày qua những miếng kính vỡ màu đỏ trong khung kính cửa ra vào. Chùm chìa khóa nặng trĩu trong túi áo khoác của tôi thật ra hoàn toàn thừa, mọi cánh cửa đều mở toang hoác hoặc đã mất hẳn.

Stein soi đường, chỉ trở, giải thích, hỏn hển dừng lại trước mặt tôi, toan nói gì nhưng lại thôi, lúi tôi đi tiếp. Anh nhẹ vuốt lên tay vịn cầu thang và nắm đấm cửa, gõ vào tường, nhón tay bóc giấy dán tường và ngạc nhiên nhìn lớp vữa bụi bặm hiện ra đằng sau. Anh nói: “Em thấy chưa?” và: “Sờ mà xem!” và: “Em thấy thế nào?”, tôi chẳng cần đáp lời vì anh tự nói với mình. Trong bếp anh quỳ xuống sàn, lấy tay chùi lớp bụi bẩn trên gạch men và lẩm bẩm điều gì; suốt buổi tôi nép sát vào anh và như không tồn tại nữa. Bọn trẻ con để lại dấu vết trên tường – “Hãy đến với nàng và thả cho điều bay lên. Ta đến đây. Maltis. No risk, no fim” – tôi nói: “Hãy đến với nàng và thả cho điều bay lên” đột nhiên Stein lảng dăng quay lại phía tôi và nói: “Gì cơ?”, tôi nói: “Không có gì”. Anh nắm cánh tay tôi và đẩy tôi đi trước, lấy chân đạp cửa sau vườn và đẩy tôi xuống chiếc cầu thang nhỏ. “Đây”.

Tôi nói: “Cái gì đây”.

“Tất cả” Stein nói, tôi chưa thấy anh trơ trẽn như thế bao giờ. “Hồ nước, hạt dẻ ngoài sân, ba mẫu đất, bọn em tha hồ trồng thuốc phiện quý quái của mình, và nấm, và gai dầu, của nợ gì cũng được. Đây chỗ, em có hiểu không! Anh làm cho bọn em một phòng khách, một phòng chơi billard và một phòng hút thuốc, mỗi người một phòng riêng, một chiếc bàn to sau nhà tha hồ tiệc tùng đập phá, xong rồi em có thể đứng lên chạy ra sông Oder và hít cocain cho đến khi đầu nổ bung ra thì thôi”, anh thô bạo xoay đầu tôi về phía ruộng, trời đã tối, hầu như không còn thấy gì nữa, tôi bắt đầu rét run.

Tôi nói: “Stein. Xin anh. Thôi đi”.

Anh ngừng lời. Im lặng. Chúng tôi nhìn nhau, thở hụt hơi và gần như cùng nhịp. Anh chậm chậm đưa tay lên mặt tôi, tôi giật mình lùi lại, anh nói “Thôi được. Thôi được. Thôi được. Không sao”.

Tôi đứng im. Chẳng hiểu gì cả. Tôi hiểu chút gì đó xa xăm, nhưng nó còn quá xa. Tôi mệt rũ người và vầng vất đầu óc, tôi nghĩ đến những người kia và thoáng thấy bức bối rằng họ để tôi ở đây một mình, không ai ở đây, không có Christiane, không có Anna, không có Heinze để bảo vệ tôi trước Stein. Stein đi đi chân trên nền đất và nói: “Xin lỗi”.

Tôi nói: “Không có gì. Qua rồi”.

Anh cầm tay tôi, tay anh lúc này ấm và mềm, anh nói: “À, còn mặt trời sau tháp chuông”.

Anh quét tuyết khỏi bậc thang ngoài hiên và gọi tôi ngồi. Tôi ngồi xuống. Rét đến tê người. Tôi lấy điều thuốc mà anh đã châm và đưa cho, hút, ngó chòng chọc tới tháp chuông chắn phía mặt trời đã lặn rồi. Tôi có cảm giác tội lỗi, thấy phải nói gì đó hướng tới tương lai và lạc quan, tôi cảm thấy mất phương hướng, tôi nói: “Có lẽ đến hè nên cắt hết thường xuân, không thì chẳng nhìn thấy gì cả nếu muốn ngồi đây uống vang”.

Stein nói: “Anh sẽ làm”.

Tôi tin chắc là anh đâu có lắng nghe. Anh ngồi cạnh tôi, trông mệt mỏi, nhìn ra đường vắng ngắt phủ tuyết trắng lạnh; tôi nghĩ tới mùa hè, tới lúc ngồi trong vườn nhà Heinze ở Lunow, ước gì Stein lại nhìn tôi một lần nữa như anh nhìn tôi ngày ấy, nghĩ đến đó tôi lại ghét chính mình.

Tôi nói: “Stein, anh nói với em chuyện gì đó được không? Anh giải thích cho em chuyện gì đó đi?”

Stein búng mẫu thuốc xuống tuyết và nói, mắt không nhìn tôi: “Nói gì với em bây giờ. Đây là một cơ may, một trong nhiều cơ may. Em có thể nắm lấy, hoặc cho nó trôi đi. Anh có thể nắm lấy hay bỏ qua và đi chỗ khác. Cả hai chúng mình có thể cùng nhau nắm lấy hay làm như chưa bao giờ gặp nhau cả. Chẳng sao. Anh chỉ muốn chỉ cho em xem, thế thôi”.

Tôi nói: “Anh đã trả 80.000 Mark để chỉ cho em một cơ may, một trong nhiều cơ may? Em hiểu thế có đúng không, Stein? Thế nghĩa là sao?”

Stein không phản ứng. Anh vươn người tới, chăm chú ngó ra đường, tôi nhìn theo ánh mắt anh; ngoài đường trời nhập nhoạng, tuyết phản chiếu ánh sáng cuối cùng làm chói mắt. Phía bên kia đường có bóng ai đó. Tôi nheo mắt và đứng dậy, bóng người đó cách chừng năm thước, quay đi và chạy vào bóng tối giữa hai tòa nhà. Có tiếng đập của một cánh cửa vườn, tôi tin là đã nhận ra đứa bé ở Angermunde, đứa bé nhọt nhọt và dần dần bám chặt vào tạp dề của người đàn bà.

Stein đứng dậy và nói: “Ta đi thôi”.

Tôi nói: “Stein. Đứa bé ở Angermunde. Vì sao nó đứng ngoài phố và quan sát chúng mình?”.

Tôi biết là Stein không trả lời. Anh mở cửa xe cho tôi, tôi dừng trước mặt anh, tôi chờ gì đó xảy ra, một cái chạm tay, một cử chỉ. Tôi nghĩ: “Anh là người luôn muốn ở gần cả bọn”.

Stein nói lạnh nhạt: “Cảm ơn em đã đi cùng”.

Và tôi lên xe.

Tôi không nhớ trên đường về đã nghe nhạc gì. Mấy tuần sau đó tôi ít khi thấy mặt Stein. Những hồ nước đóng kín băng. Bọn tôi mua giày trượt băng, đốt đuốc đi đêm xuyên rừng ra mặt băng. Nghe Paolo Conte từ cái đài to tướng của Heinze, dùng thuốc lắc và đọc cho nhau nghe những đoạn hay nhất trong cuốn *American Psycho* của Bret Easton Eli, Falk hôn Anna, Anna hôn tôi, còn tôi hôn Christiane. Đôi khi Stein cũng đi cùng. Anh hôn Henriette, và những lúc ấy thì tôi quay đi. Chúng tôi tránh mặt nhau. Anh không kể với ai là rốt cuộc đã mua ngôi nhà, anh không kể với ai là đã cùng tôi đến đó. Tôi cũng chẳng kể. Tôi không nghĩ đến ngôi nhà, song thỉnh thoảng đi taxi của anh về thành phố và khi ném giày trượt lẫn đuốc vào cốp xe thì tôi thấy trong đó giấy dầu, giấy dán tường và sơn.

Tháng Hai. Toddi bị tụt qua lớp băng ở hồ Griebnitz. Heinze đang lao như tên bay trên đôi giày trượt băng, giương cao ngọn đuốc và hét: “Thích quá, thích không chịu được!” cô ta say bí tỉ, và Toddi nổi theo sau. Chúng tôi gọi: “Nói xanh đi Toddi! Nói đi!”. Đúng lúc đó tiếng nứt răng rắc, và Toddi biến mất.

Chúng tôi đứng im. Heinze há to miệng và trượt một vòng tuyệt đẹp, tiếng băng mài rìn rít, sập rỏ phụn phụt rơi từ đuốc xuống. Falk chạy và vấp, Anna tháo khăn quàng cổ ra, Christiane lấy tay che mắt một cách ngờ ngẩn và rú lên. Falk bò xoài trên băng, Heinze biến đâu không rõ. Falk hét lên gọi Toddi, và Toddi gọi lại. Anna ném khăn, Henriette bám lấy chân Falk, tôi đứng im. Stein

cũng đứng lại. Tôi nhận điều thuốc đã châm do anh đưa, anh nói: “Xanh”, tôi nói: “Lạnh”, rồi chúng tôi cùng cười phá lên. Chúng tôi cười lăn lộn trên mặt băng, nước mắt giàn giụa trên mặt; chúng tôi cười không dứt được nữa, cả khi mọi người đưa Toddi lại, ướt đầm và run bắn, và Henriette nói: “ác cậu có điên không đấy”.

Tháng Ba. Stein biến mất. Anh không có mặt hôm sinh nhật thứ ba mươi của Heinze, không đến buổi công diễn đầu tiên của Christiane và vắng mặt trong buổi hoà nhạc của Anna. Anh biến mất. Và khi Henriette kín đáo hỏi ngớ ngẩn, Stein đâu, mọi người đều nhún vai. Tôi không nhún vai, nhưng tôi im lặng. Một tuần sau tôi nhận được bưu thiếp đầu tiên. Một bức ảnh chụp nhà thờ ở Canitz, và mặt sau viết:

Mái đã kín. Đứa nhỏ chùi mũi, không nói gì, luôn có mặt ở đây. Mặt trời rất đáng tin cậy, anh hút khi nó lặn xuống, anh đã trồng mấy thứ mà em có thể ăn được. Khi nào em đến anh sẽ cắt cây thường xuân đi, em biết đấy, em còn giữ chìa khóa.

Sau đó bưu thiếp tới thường xuyên, tôi ngóng đợi, hôm nào không có thiếp là tôi thất vọng. Lúc nào cũng là hình nhà thờ và lúc nào cũng bốn hay năm dòng, như những câu đố nhỏ, lúc thì hay, lúc thì khó hiểu. Stein hay viết nếu em đến. Chứ không viết: “Đến đây đi”. Tôi quyết tâm đợi chữ “Đến đây đi” thì sẽ lên đường. Tháng Năm không có bưu thiếp nào mà chỉ là một bức thư. Tôi ngắm hàng chữ viết tay to cộc và vụng về của Stein trên phong bì, chui lại vào giường với Falk. Falk còn đang ngủ và ngáy. Trong phong bì là một bài báo cắt ra từ tờ báo Angermunder Anzeiger,

Stein nguyệt ngoạc ghi ngày trên mặt sau. Tôi đẩy người Falk ấm hùm lấy chỗ, mở bài báo ra rồi đọc:

Tin địa phương

Đêm rạng ngày thứ Sáu ở Canitz, ngôi nhà điền chủ ngày xưa cháy đến sát nền. Chủ sở hữu, một người Berlin trước đây nửa năm đã mua lại ngôi nhà xây từ thế kỷ 18 và tu sửa lại, từ sau vụ cháy được coi là mất tích. Nguyên nhân vụ cháy chưa rõ, cho đến nay cảnh sát không loại trừ khả năng bị đốt.

Tôi đọc ba lần. Falk cự mình. Tôi đọc ra nhìn từ bài báo sang dòng chữ viết tay của Stein trên phong bì rồi quay lại bài báo. Dấu bưu điện trên tem là từ Stralsund. Falk thức giấc nhìn tôi một hồi một cách vô cảm rồi nắm lấy cổ tay tôi, hỏi với vẻ ranh ma khó chịu của kẻ ngu si:

“Gì thế?”

Tôi rút tay lại, trèo khỏi giường và nói: “Chẳng có gì”.

Tôi vào bếp và đứng lơ ngơ trước bếp lò. Chiếc đồng hồ treo trên bếp kêu tích tắc. Tôi đi tới phòng góc, kéo ngăn kéo bàn viết ra và xếp phong bì vào cùng những bưu thiếp khác và chùm chìa khoá. Tôi nghĩ: “Đợi xem đã”.

Lê Quang dịch

SONJA

Judith Hermann (Đức)

Sonja là người mềm dẻo. Tôi không định nói “mềm như liễu, nghĩa là không nói về thân hình cô. Sonja mềm dẻo ở trong đầu. Khó có thể giải thích quá. Có thể nói vì cô cho phép tôi quy chiếu ra sao cũng được. Cô cho phép tôi tưởng tượng mọi thứ như ý về cá nhân mình, cô có thể là một người lạ, là nàng Thơ, là người phụ nữ nào đó mà ta gặp ngoài đường để rồi nhiều năm sau vẫn hồi tưởng với cảm giác để vượt khỏi tay một cơ may ngàn vàng. Cô có thể ngu ngốc và lương thiện, cay độc và thông minh. Cô có thể tuyệt vời và xinh đẹp, có những phút giây hạnh phúc cô là cô bé nhọt nhọt trong chiếc áo măng tô nâu và thật sự tâm tâm; tôi tin rằng cô mềm dẻo vì cô chẳng là cái gì cả.

Tôi gặp Sonja trên chuyến tàu từ Hamburg đi Berlin. Tôi vừa đi thăm Verena và trên đường về nhà; tôi ở chỗ Verena tám ngày, và tôi yêu nàng say đắm. Verena có miệng như trái anh đào, mái tóc đen nhánh như mực mà mỗi sáng tôi tết thành hai bím dày nặng, chúng tôi đi dạo ở cảng, tôi nhảy nhót quanh nàng, gọi tên nàng, xua lũ hải âu, thấy nàng thật tuyệt vời. Nàng chụp ảnh xướng đồng tàu, tàu chở hàng và quây điểm tâm, nói nhiều, luôn cười nhạo tôi và tôi hát “Verena, Verena”, hôn lên cặp môi anh đào của nàng và chỉ thích đi về nhà và làm việc với mùi hương của tóc nàng trong tay.

Tháng Năm. Tàu băng qua miền đất Mark Brandenburg, và đồng cỏ xanh mượt trong bóng dâm cuối chiều đồ dài.

Tôi ra khỏi khoang ngồi để hút thuốc, và Sonja đứng ngoài lối đi. Cô đang hút thuốc, chân phải ép vào hộp gạt tàn; lúc đó tôi lại gần, cô bất giác vươn vai ra phía trước, có gì đó không ổn ở cô. Tình cảm bất thường – lối đi hẹp trên chuyến tốc hành ở đâu đó giữa Hamburg và Berlin, hai người tình cờ đứng bên nhau vì cả hai đều muốn hút thuốc. Nhưng Sonja thì chăm chú nhìn ra cửa sổ với sự lì lợm khó tin, đáng cô cứ như trong tình trạng báo động đỏ. Cô hoàn toàn không thể gọi là xinh đẹp trong cái quần bò và áo sơ mi trắng cộc cộn, mái tóc vàng hoe đuôi thẳng dài chấm vai, mặt cô vừa lạ vừa lỗi một như một bức tranh Đức Bà thế kỷ 15, hẹp ngang, hơi quắt. Tôi nhìn cô từ bên cạnh, cảm thấy không ổn và bực mình vì nó phá đi hồi tưởng của tôi về sự phồn thực của Verena. Tôi châm điếu thuốc và vừa hút vừa đi dọc lối đi, tôi chỉ muốn thì thào một câu tục tĩu vào tai cô. Lúc tôi quay lại để trở về ngăn của mình thì cô nhìn tôi.

Có gì trở trêu thoáng hiện trong óc tôi, đại khái như cô ta dám liều mạng nhìn tôi, tàu hỏa chạy xình xịch, một đứa trẻ khóc trong ngăn ghế phía cuối toa. Mắt cô không có gì đặc biệt, hình như màu xanh lá cây, không to lắm và khá gần nhau. Tôi không nghĩ ngợi gì, tôi nhìn cô, cô nhìn lại, ánh mắt không khôu gợi, không mơn trớn, không dịu dàng, nhưng nghiêm túc và thẳng thắn đến nỗi tôi chỉ muốn nện vào mặt cô. Tôi tiến hai bước lại phía cô, cô thoáng mỉm cười. Tôi vào đến ngăn của mình và đóng cửa thật mạnh sau lưng, gần như hựt hơi.

Tàu dừng ở ga Vườn thú lúc trời đã tối. Tôi xuống tàu, thấy trong lòng thanh thoi một cách khó hiểu và cố

tưởng tượng là đã ngủ thấy hơi thành phố. Trời ấm, sân ga nghẹt người, tôi đi thang cuốn xuống tàu điện ngầm, và tuy không để ý tìm nhưng tôi phát hiện ra cô ngay. Cô đứng cách tôi ba, bốn mét, tay phải cầm một hộp đựng mũ nhỏ màu đỏ; tấm lưng cô làm tôi khó quay mặt đi được. Tôi cắn răng lờ cô đi. Tôi dừng ở quán cà phê bán báo để mua thuốc lá và báo buổi chiều, đúng lúc cô đến cạnh tôi và nói: “Em đợi”.

Cô không hỏi, chỉ nói thẳng tưng và mắt nhìn xuống đất, giọng không lúng túng, mà đĩnh đạc và hơi cứng. Cô trẻ lắm, khoảng chừng 19 hay 20, sự khó chịu của tôi tan biến, nhường chỗ cho vẻ kẻ cả. Tôi nói: “Ừ”, dù không rõ tại sao, trả tiền thuốc lá và báo, sau đó chúng tôi sóng đôi ra tàu điện ngầm. Tàu đến, chúng tôi vào toa; cô im lặng, đặt cái hộp mũ ngó ngẩn xuống đất, và trước khi tình cảnh trở nên khó xử thì cô hỏi: “Anh người ở đâu?”. Bây giờ đúng là câu hỏi thật sự. Lẽ ra có thể nói là vừa đi thăm bạn gái ở Hamburg về, nhưng chẳng hiểu vì sao tôi lại nói: “Anh đi câu với bố”.

Cô nhìn miệng tôi chằm chằm, tôi không rõ liệu cô có chú ý nghe hay không, nhưng tôi đột nhiên nhận ra là chắc chắn cô thích tôi. Có lẽ cô đã từng nhìn thấy tôi ở đâu đó rồi, có thể ở Hamburg, có thể ở Berlin. Cô đã biết tôi trước khi tôi lần đầu để ý đến cô, và khi tôi ra đứng cạnh cô để hút thuốc thì cô vươn vai ra trước vì cô bắt đầu ra tay. Cô đã hoạch định tình huống ấy, đã biết trước sự việc xảy ra như thế, giờ thì tôi thấy ngại ngại cô. Tôi xốc ba lô lên vai và nói: “Anh phải xuống đây”. Cô rút rất nhanh một cây

bút ra khỏi hộp mũ, viết gì đó lên mẩu giấy và ấn vào tay tôi: “Anh có thể gọi điện cho em”.

Tôi không đáp, cứ thế xuống tàu không từ biệt, nhét mẩu giấy vào túi áo khoác chứ không vứt đi.

Tháng Năm này ấm áp và nhiều nắng. Tôi dậy sớm, làm nhiều việc trong xưởng họa, viết vô số thư cho Verena. Ít khi nàng viết trả lời, nhưng đôi khi nàng gọi điện, kể cho tôi nghe vài chuyện gì đó, lúc đó tôi tận hưởng giọng nói và sự thanh thoát bay bổng của nàng. Ở sân sau, cây đoan đã nở hoa, tôi chơi bóng với lũ trẻ Thổ Nhĩ Kỳ và nhớ Verena da diết, tuy không đau khổ. Tối đến là tôi ra khỏi nhà, thành phố như trong cơn say, tôi uống và nhảy, có những phụ nữ làm tôi thích, song tôi nghĩ đến Verena và về nhà một mình.

Hai tuần sau, tôi tìm thấy mảnh giấy của Sonja, trong túi áo khoác. Cô viết số điện thoại của mình bằng thứ chữ to tròn, dưới đó chỉ viết tên riêng, tôi khê đọc lên: “Sonja”. Sau đó tôi gọi điện cho cô. Cô nhắc máy, tựa như hai tuần qua chỉ ngồi cạnh điện thoại và chẳng làm gì khác ngoài đợi tôi gọi. Tôi không phải giải thích, cô biết ngay tôi là ai, và chúng tôi hẹn gặp nhau tối nay ở một quán cà phê bờ sông.

Tôi đặt máy, không chút áy náy, gọi điện cho Verena và hét vào máy là tôi yêu nàng đến phát điên lên. Nàng cười khúc khích và nói là ba tuần nữa nàng sẽ tới Berlin; rồi tôi bắt tay vào làm việc, huyết sáo theo điệu Wild Thing và ra khỏi nhà lúc chập tối, hai tay đút túi và chẳng hồi hộp tí nào.

Sonja đến chậm nửa tiếng. Tôi ngồi ở quầy bar và đang gọi ly rượu vang thứ hai thì cô vào quán. Cô mặc một chiếc áo dài nhung the cực kỳ cổ hủ màu đỏ, và tôi bối rối nhận ra rằng cô làm mọi người chú ý. Cô đi lại phía tôi, lênh khênh trên đôi giày quá cao, nói “Hello” và “Xin lỗi” tôi chột muốn nói là tôi không chịu được cô, cách ăn mặc, sai giờ hẹn, cả người cô. Nhưng rồi cô mỉm cười leo lên ghế quầy bar, lục thuốc lá từ cái ba lô tí xíu ra, và nổi bực mình của tôi biến thành niềm vui thú. Tôi uống ly vang, cuốn một điếu thuốc, cười đáp lại và bắt đầu nói.

Tôi nói về công việc của mình, về bố mẹ tôi, thú vui câu cá, cậu bạn Mick và nước Mỹ. Tôi nói về những người vào rạp phim còn sốt soạt bóc kẹo, về Francis Bacon và Anselm Kiefer. Tôi kể chuyện Đan Mạch, về lũ trẻ người Thổ trong khu nhà tôi ở và về người yêu của mẹ tôi trước đây mười năm, cách chế biến thịt cừu và thịt thỏ, chuyện bóng đá Hy Lạp. Tôi kể chuyện Kios và Athens, chuyện những lớp sóng dội vào bờ biển Husum và cá hồi đẻ trứng mùa hè ở Na Uy. Tôi có thể nói cho Sonja ù tai mà cô không chống cự. Cô chỉ ngồi đấy, chống đầu lên tay, ngắm nhìn tôi, không ngừng dốt thuốc và chỉ uống mỗi một ly rượu vang. Cô nghe tôi nói chuyện bốn tiếng đồng hồ dằng dặc. Tôi tin chắc là trong thời gian đó cô không nói lấy một câu. Cuối buổi tôi trả tiền cho cả hai, chúc cô ngủ ngon, đi taxi về nhà, ngủ một mạch tám tiếng li bì không hề mộng mị.

Tôi quên đi Sonja ngay. Tôi chuẩn bị triển lãm cá nhân, tháng Sáu đã đến rồi, và Verena tới Berlin. Nàng đem trả chai không của tôi mua, mua hàng núi đồ ăn, cắm tử đinh hương đầy gian bếp và lúc nào cũng sẵn sàng lên giường.

Nàng hát trong phòng khi tôi làm việc, cọ rửa kính, gọi điện hàng tiếng cho các bạn nàng ở Hamburg và chốc chốc lại chạy vào xưởng vẽ kể cho tôi nghe gì đó. Tôi chải đầu cho nàng, chụp ảnh nàng từ mọi phía và bắt đầu nói đến đề tài con cái và cưới xin. Nàng khá cao, ngoài đường đàn ông đều ngoái cổ lại nhìn, nàng thơm phưng phức, tôi nói nghiêm túc đấy.

Tôi khai trương triển lãm vào cuối tháng. Verena ra ga đón các bạn nàng, và tôi chạy đi chạy lại trong gallery, đổi vị trí treo bức tranh cuối cùng, bán cả lên. Gần bảy giờ Verena quay về, lôi các bạn lướt qua các tranh của tôi, và tôi ra khỏi gallery để có năm phút một mình. Tôi qua bên kia đường, và Sonja đứng đó, trong một lối vào nhà. Cho đến hôm nay tôi vẫn không biết là cô tình cờ đi qua hay bằng cách này cách khác mà biết đến triển lãm, vì cô chỉ biết tên riêng của tôi và tôi không kể cho cô nghe về triển lãm. Cô đứng đó với vẻ cảm tức vô hạn, cảm tức gần như vô lý, rồi cô nói: “Anh nói là sẽ gọi điện. Nhưng anh không gọi. Em muốn biết lý do, vì thế là không tốt”.

Tôi thật sự sửng sốt vì thái độ trớ tráo ấy, tôi bực mình và lúng túng, tôi nói: “Bạn gái của anh đang ở đây. Anh không thể, và anh không thể xé đôi mình ra được”.

Hai chúng tôi đứng đối diện nhau, nhìn nhau chằm chằm. Tôi thấy cô khiếm nhã. Khóe miệng cô bắt đầu run lên, tôi linh cảm có cái gì đó đang tan vỡ. Cô nói: “Em vẫn vào xem được chứ?”. Tôi nói: “Được” quay lưng lại và đi vào phòng tranh.

Hai mươi phút sau cô vào triển lãm tranh lúc này đã đông kín. Không ai chú ý đến cô, song tôi nhìn thấy cô

ngay. Cô đi vào với vẻ mặt rất căng thẳng và cố giữ vẻ kiêu sa. Trông cô nhỏ bé và yếu đuối. Cô tìm tôi, tôi nhìn cô rồi ngó sang Verena đang đứng cạnh quầy bar. Sonja dõi theo ánh mắt của tôi và hiểu ngay. Tôi không sợ có chuyện gì rắc rối, hoàn toàn không có cơ gì để sinh bê bối cả. Mặc dù vậy tôi biết điều đó có thể xảy ra, đồng thời cũng biết là nó không thể xảy ra được. Tôi nhìn theo Sonja đang đi đi lại lại trước các bức tranh; điểm duy nhất tiết lộ về cô là trước bức tranh nào cô cũng dừng chân nửa tiếng. Tôi ngồi trên ghế, theo dõi cô và uống rất nhiều rượu vang, Verena cũng có lúc chạy lại và nói là cô “tự hào về tôi” hay tương tự. Tôi rất khoan khoái, nhưng trong thâm tâm tôi thấy có gì đó bất ổn lạ lùng. Sonja không nhìn tôi lần nữa. Sau khi dừng lại 15 phút trước bức tranh cuối cùng, cô dứt khoát ra cửa và đi thẳng.

Tháng Bảy. Verena trở về Hamburg. Tôi không may mắn như tôi tin chắc là sẽ sống cả đời với nàng được, nhưng sau khi nàng đi khỏi thì những bó tử đinh hương trong bếp khô quắt lại, chai lọ rỗng lại chất đông, bụi bay đầy xướng vẽ và tôi chẳng thấy thiếu nàng. Thành phố ngập trong ánh sáng vàng vọt hàng tuần liền, tiết trời nóng bức vô cùng, tôi nằm trần truồng hàng tiếng liền trên nền gỗ và ngó trần trần lên trần nhà. Tôi không thấy sốt ruột, không chộn rộn, tôi mệt mỏi và trong một tình huống vô cảm kỳ quái. Có thể vậy mà tôi gọi điện cho Sonja lần nữa, thật ra mọi sự đối với tôi đều vô vọng, nhưng trời ạ, đang tiết hạ chí, trong sân là mấy bà người Thổ ngồi nhặt lông ngỗng, lông vũ trắng chấp chới bay lên tận cửa sổ phòng tôi; tôi quay số điện của

Sonja và đề chuông reo mười hay hai mươi hồi. Cô không có ở nhà, hay ít nhất là không nhắc máy. Tôi gọi đi gọi lại nhiều lần, với thú vui kẻ cả muốn hành hạ cô, bắt cô phải đau khổ. Sonja biến mất tăm.

Cô biến mất gần bốn tháng. Mãi đến tháng 11 tôi mới nhận được một bưu thiếp gửi qua địa chỉ gallery, một bức hình đen trắng của một hội Chekhov nào đó, mặt sau là giấy mời đến dự liên hoan.

Tôi đáng giày, lưỡng lự mãi giữa áo da và áo măng tô, rồi chọn áo da và ra khỏi nhà lúc nửa đêm; tôi thấy bối rối, vì tôi biết mình chẳng quen ai ở buổi liên hoan đó. Tôi tìm đường rất lâu trong khu công nghiệp nơi Sonja sống ngày đó. Nhà cô lọt giữa xưởng ép xác ô tô và một nhà máy sát bờ sông Spree, một ngôi nhà thuê cũ kỹ xám xịt, tất cả đều tối mờ, trừ khung cửa sổ tầng bốn sáng đèn. Tôi lập cập leo lên cầu thang, đèn hành lang bị cháy, vừa nghe tiếng cười đùa nhí nhố vừa thấy bức dọc, đột nhiên tôi thấy tất cả chỉ như một sự áp đặt. Nhưng rồi tôi cũng lên đến nơi, cửa phòng mở rộng, ai đó kéo tôi vào hành lang và Sonja đang đứng ở đó. Cô dựa lưng vào tường, trông đã hơi chệnh choáng, cô mỉm cười với tôi đầy vẻ đắc thắng, và lần đầu tiên tôi thấy cô đẹp. Cạnh cô là một phụ nữ nhỏ nhắn trong chiếc áo dài màu xanh rêu với mái tóc đỏ bồng bênh dày kinh khủng, và Sonja chỉ vào tôi: “Anh ấy kia kìa”.

Có lẽ cô mời khoảng 50 khách, tôi tin trong số đó chẳng mấy ai thực sự là bạn thân của cô. Nhưng cách quần tụ của đám khách khứa, những khuôn mặt và cá tính ấy làm cho ngôi nhà cũ kỹ bên bờ sông Spree một lúc nào đó tựa như tách rời khỏi thực tại. Những cảm nhận kiểu này kỳ

thực không quen thuộc đối với tôi, nhưng đôi khi – rất hy hữu – có những bữa liên hoan mà ta không quên được, và buổi vui này của Sonja đúng như thế. Nến thấp trong ba hay bốn phòng. Tom Waits hát ở đâu đó, tôi hoàn toàn không say, vậy mà mọi thứ xung quanh bắt đầu chập chờn. Tôi vào bếp lấy một ly vang, rồi đi qua các phòng của Sonja, nói một nghìn chuyện kỳ quái với một nghìn người kỳ quái. Tựa như ở đâu cũng có mặt Sonja. Bất kể tôi đang ở đâu, cô cũng đứng ở đâu kia căn phòng, hoặc tôi luôn ở chỗ nào đang có mặt cô. Cô đã mời đến đây hàng đồng người si mê cô, ít nhất thì thấy cô luôn thay đổi đám đàn ông trẻ tuổi vây quanh mình, và hầu như luôn có cô gái tóc đỏ đứng cạnh. Cô uống những ly Vodka đầy, tay luôn cầm điếu thuốc; chúng tôi vừa trò chuyện với ai đó vừa nhìn nhau từ xa xuyên qua không gian căn phòng. Tôi nhớ là hầu như chúng tôi không nói với nhau lấy một lời duy nhất nào. Cũng không cần thiết. Sonja có vẻ thích thú sự hiện diện của tôi, và tôi tận hưởng thú vui được đi lại trong nhà cô và được cô theo dõi.

Một lúc nào đó, tôi thấy cô đứng cạnh cửa phòng với một người đàn ông rất cao và lòng không kỳ lạ, cô áp sát người vào anh ta, có gì nhói lên trong ngực tôi, khoảng nửa tiếng sau cô biến mất. Đơn giản biến mất.

ánh sáng ngả xám ngoài cửa sổ, tôi vào khắp các phòng để tìm cô, nhưng cô không còn ở đó nữa. Cô gái nhỏ nhắn tóc đỏ đi đến, nụ cười của cô cũng đặc thảng như Sonja cách đây mấy giờ, cô nói: “ Cô ấy đi rồi. Bao giờ cũng cuối buổi là biến mất”. Vậy tôi uống cạn ly vang, mặc chiếc áo da và cũng rời khỏi phòng. Trong thâm tâm tôi hy vọng là

cô đợi tôi bên dưới, co ro tí chút vì lạnh, tay thọc vào túi măng tô mùa đông, nhưng tất nhiên là cô không đợi. Dòng Sprees trong ánh sáng sớm mai trông như bằng thép, tôi loạng choạng đi dọc phố; trời rất lạnh, và tôi nhớ là tôi rất cảm tức.

Sau đó hầu như tối nào tôi cũng gặp Sonja. Tôi lại bắt đầu dậy sớm, uống hai ấm trà, tắm nước lạnh buổi sáng và bắt tay vào việc. Buổi trưa tôi ngủ mấy tiếng liền, sau đó uống cà phê, đọc báo trong ngày và làm việc tiếp. Tôi trong cơn say vừa cuồng nhiệt vừa lạnh lùng của hình ảnh và màu sắc; có cảm giác chưa bao giờ đầu óc tôi tỉnh táo đến thế. Tối muộn thì Sonja đến; đôi khi cô mệt đến nỗi ngủ gật ở bàn bếp, nhưng cô đến luôn luôn, và lúc nào cũng rất cương nghị. Tôi làm đồ ăn cho cả hai, chúng tôi cùng uống một chai vang, tôi dọn dẹp xưởng vẽ trong khi cô nhẹ nhàng theo tôi trên đôi chân xỏ tất.

Tôi không biết là đối với Sonja, được tôi cho vào nhà và xưởng, ngồi vào bàn ăn hay giữa những ghi chép của tôi, xem tôi rửa ảnh và vẽ những tấm tranh nhỏ là một tặng vật. Cô rất coi trọng tôi theo kiểu riêng. Cô đi vào xưởng vẽ với vẻ nghiêm trang gần như một người khách thành kính vào xem bảo tàng, và ngồi vào bàn ăn như được yết kiến linh mục. Cô không quấy rầy tôi, vì thật ra ngày đó tôi không ý thức được mọi chuyện. Tôi không bực mình về cô, vì cô quá buồn bã và cứng đầu. Tôi không nhận ra là Sonja bắt đầu bám rễ vào đời mình. Trong những đêm ấy Sonja là một cá nhân nhỏ bé, một mối và bị gì đó ám ảnh, cô bầu bạn cùng tôi theo một kiểu hy hữu, ngồi cạnh tôi,

lắng nghe tôi nói, đưa tôi cảm giác hãnh tiến rằng mình là người rất quan trọng.

Sonja không bao giờ mở miệng. Hầu như không bao giờ. Cho đến hôm nay tôi không biết gì về gia đình, thời thơ ấu, nơi sinh và bạn bè của cô. Tôi chẳng hề biết cô sống bằng tiền kiếm ra hay được ai nuôi, có mơ ước gì trong công việc muốn đi đâu và thích gì. Người duy nhất mà đôi khi cô nhắc đến là cô gái nhỏ nhắn tóc đỏ mà tôi thấy mặt đêm liên hoan. Ngoài ra cô không nhắc đến ai nữa, dần ông lại không, mặc dù tôi tin là số đó không ít.

Tôi là người nói trong những đêm ấy. Tôi nói như với chính mình, và Sonja lắng nghe, thường là cả hai im lặng, thế cũng hay. Tôi yêu niềm cảm kích của cô trước một số điều nhất định như bông tuyết đầu mùa làm cô phấn khích như một đứa trẻ, một bản nhạc của Bach trên đại phong cầm mà cô luôn nghe đi nghe lại trên máy quay đĩa, cà phê Thổ Nhĩ Kỳ sau bữa ăn, đi tàu điện ngầm lúc sáu giờ sáng, quan sát những gì diễn ra trong khung cửa sổ sáng đèn ở sân sau vào buổi đêm. Cô nhón trộm mấy đồ con con trong bếp như quả óc chó, phấn và thuốc lá tự cuốn, cất giữ chúng trong túi áo măng tô như những linh vật. Gần như tối nào cô cũng đem sách đến, đặt chúng lên bàn và khăn khoản đòi tôi đọc; tôi không đọc và khi cô hỏi thì nhất quyết không bàn luận gì về sách. Khi cô thiếp đi trên ghế, tôi để cô ngủ mấy phút rồi thản nhiên thức cô dậy như một giáo viên đánh thức trò. Tôi thay đồ rồi cả hai cùng ra phố, Sonja bám chặt lấy tay tôi và ngây ngất ngắm dấu chân của hai đứa, những dấu vết duy nhất trong lớp tuyết vừa rơi trên sân.

Chúng tôi ghé vào các quán bar mở đêm, uống Whisky và Vodka, đôi khi Sonja rời tôi ra ngồi một chỗ khác cạnh quầy bar và làm ra vẻ không biết tôi, cho đến khi tôi vừa cười vừa gọi cô quay lại. Cô luôn có người bắt chuyện, nhưng đều né tránh và hành diện quay về bên tôi. Tôi chẳng quan trọng chuyện ấy. Vẻ đẹp khác đời của cô làm tôi thấy được môn trốn, tôi quan sát cô với mỗi quan tâm gần như mang tính khoa học. Đôi khi tôi nghĩ đến chuyện, giá mà cô biến đi cùng với một trong những tay si mê nọ. Song cô luôn ở cạnh tôi cho đến khi trời sáng và chúng tôi rời quầy bar, mắt hấp háy trong ánh sáng xám chì và chấp chới của buổi sớm mai. Tôi đưa cô ra bến xe buýt và đợi xe đến. Cô lên xe, run rẩy và buồn rầu, tôi vẫy chào và đi tiếp, tâm trí đã ở mấy bức tranh.

Hôm nay tôi tin rằng có lẽ mình đã hạnh phúc trong những đêm ấy. Tôi biết là bao giờ quá khứ cũng lệch lạc và kỷ niệm thì êm dịu. Có khi những đêm ấy chỉ lạnh lẽo và vui vẻ một cách cay đắng. Nhưng hôm nay chúng hiện ra trong tôi một cách quan trọng và lạc lõng đến quận lòng.

Thời gian đó Verena đi du lịch, nàng đi du lịch Hy Lạp, Tây Ban Nha, Morocco, gửi bưu thiếp có hình bãi biển rợp bóng cọ và người A Rập cười lạc đà, thỉnh thoảng nàng gọi điện. Nếu Sonja tình cờ có mặt thì cô đứng dậy ra ngoài phòng; cô chỉ quay lại khi tôi gây tiếng động báo hiệu là cuộc trò chuyện đã kết thúc. Verena hét lên trong ống nghe, thường là rất bị nhiễu, có vẻ như tiếng sóng biển hay gió, và tôi dựa vào đó mà khóa lấp sự kiêu lời của mình. Tôi không quên Verena. Tôi nhớ nàng, tôi gửi thư và ảnh đến nhà nàng ở Hamburg, vui mừng chờ đợi nàng gọi điện.

Sonja không liên quan gì cả; giả sử ai đó hỏi tôi có yêu cô không thì nhất định tôi sẽ ngạc nhiên và quả quyết trả lời rằng không. Tuy nhiên Verena cho rằng tôi có thay đổi, nàng hét vào điện thoại là tôi chẳng có gì để nói với nàng cả, và hỏi xem tôi đã phản bội nàng bao nhiêu lần rồi! Tôi bật cười, và nàng đặt máy.

Tháng Giêng, một bưu thiếp đến từ Agadir báo tin Verena cuối tháng Ba quay về – em về vào mùa xuân, nàng viết, và sẽ ở lại lâu. Tôi đặt bưu thiếp lên bàn bếp và đợi đến khi Sonja đọc được. Tôi biết cô có thói quen giở hết các giấy tờ của tôi trên bàn, tuy không tọc mạch một cách trơ trẽn. Tối hôm ấy tôi đứng trong khung cửa nhìn cô đứng bên bàn, xem ảnh, lấy phấn vẽ nguyệt ngọc, cuốn diều thuốc rồi nhìn thấy tấm bưu thiếp có in mặt trước cảnh pháo hoa. Cô đọc và giữ nó trong tay; cô đứng im, rồi quay sang nhìn tôi, tựa như biết trước là tôi đứng đó quan sát cô.

“Thế đấy”, tôi nói. Cô không nói gì, chăm chú nhìn tôi, và tôi cảm thấy một nỗi sợ mơ hồ. Chúng tôi cùng ra phố, mọi thứ điều hồng cả, tôi thấy mình có lỗi và phát bần lên, cảm thấy phải cho cô một lời giải thích mà không rõ nên giải thích gì. Đêm hôm ấy lần đầu tiên cô ngủ lại. Tôi chưa hôn cô lần nào, chưa bao giờ chạm vào người cô, đêm nào chúng tôi cũng khoác tay nhau đi dạo, có thể thôi. Cô lấy một cái áo sơ mi của tôi mặc lúc tôi đang ở phòng tắm, khi tôi vào phòng thì cô ấy đã ngồi trên giường và rét run lập cập. Lạnh không chịu nổi, tôi vào giường với cô, chúng tôi quay lưng vào nhau, chỉ có lòng bàn chân lạnh ngắt là thật sự chạm vào nhau. Sonja nói: “Anh ngủ ngon nhé!”, giọng

cô khê và mỏng, tôi thấy mình được chăm chút và xúc động một cách lạ thường. Tôi hoàn toàn không bị kích động, bây giờ rõ ràng là chỉ nghĩ đến việc ngủ với Sonja song tôi tự ái khi nhận ra là cô đã thiếp đi trong hơi thở nhẹ nhàng và đều đặn. Tôi thao thức mãi, chân ấm dần, tôi khe khê cọ bàn chân mình vào chân cô. Tôi nhớ là lúc đó mà ngủ với cô, chạm tay vào ngực cô thì không khác gì loạn luân, tôi tự hỏi nếu hôn Sonja thì sẽ ra sao, rồi ngủ thiếp đi.

Sáng sớm cô đã đi khỏi, một mẫu giấy xé nhăm nhỏ nằm trên bàn bếp với lời chào, tôi quay về giường và chui vào chiếc sơ mi mà cô mặc đêm qua.

Thế rồi cô lại biến mất. Tối hôm sau, rồi hôm sau nữa cô không đến. Tôi đợi ba tối liền, sau đó gọi điện cho cô. Cô không nhắc máy, hay có thể là không có nhà thật. Tôi bắt đầu lang thang vào thành phố ban ngày, ngồi vớ vẩn trong các quán cà phê mà thỉnh thoảng cô từng nhắc đến, đứng hàng giờ trước ngôi nhà bên sông Spree; cô biến mất tăm hơi. Cửa sổ không bao giờ sáng đèn, nhưng trên cửa vẫn để tên cô, và mẫu giấy mà tôi dúi xuống dưới khung cửa để đánh dấu liên tục bị lệch chỗ. Cô tuột khỏi tay tôi bằng kiểu riêng ấy, và đến tháng ba thì tôi ngán chuyện đi tìm và bắt đầu chuẩn bị đón Verena.

Tôi dọn phòng và cố xóa dấu vết của Sonja để lại. Nói cho đúng là không có dấu vết gì. Ba tháng trời với Sonja mệt mỏi, bé bỏng và bị niếm thần chú chẳng để lại dấu tích gì; tôi mất công tìm tòi và bực bội với chính mình. Lần đầu tiên sau cả một thời gian dài tôi gọi điện cho cậu bạn Mick, chúng tôi đi chơi Billard và uống bia, nhẩy với mấy cô gái không quen và dành cả một tuần cần quét các quán bar

trong thành phố. Thỉnh thoảng tôi định kể về Sonja, rồi lại bỏ lửng – tự tôi cũng chẳng nhớ là định kể gì nữa.

Cuối tháng Ba, lớp tuyết cuối cùng trên các mái nhà tan hết và những con én đầu tiên đã trở lại. Tôi tặng bọn trẻ con Thổ một quả bóng mới và cắt tóc thật ngắn. Tôi chờ đợi gì đó, và một buổi tối, khi Verena đột ngột hiện ra trước cửa thì tình trạng đó cũng chấm dứt. Tôi đã cập bến. Tối tối tôi thiếp đi bên cạnh Verena, sáng hức dậy cạnh nàng, tôi tết tóc nàng thành hai bím và tặng nàng một chiếc máy xay cà phê. Có vẻ như nàng định ở lại lâu hơn, tôi cũng không hỏi bao lâu. Tôi làm việc, nàng dạo chơi trong thành phố; tối đến chúng tôi đi xem phim và vào những quán cà phê nhỏ ven sông. Verena treo đồ của mình vào tủ tôi và bắt đầu làm việc tại một quán bar nhỏ gần nhà; khi có chuông điện thoại thì nàng nhắc máy. Mick nói, có lẽ Verena là sắc đẹp tuyệt vời nhất mà cậu ta từng thấy, và tôi nhất trí. Ngày tháng đã đi vào nhịp điệu riêng và trôi chảy. Tôi cảm thấy thoải mái, có thể gọi là hạnh phúc, và chắc chắn bình yên. Hàng cây doan trong sân bắt đầu đơm hoa, những cơn đông mùa hạ đầu tiên đổ xuống thành phố, tiết trời nóng dần. Rất hiếm khi trên con đường tôi có cảm giác ai đó đi sau mình, tôi quay lại và chẳng thấy ai, nhưng cảm giác băng khuâng còn đây. Có những lúc tôi da diết mong mỗi chuyện gì mà chính mình cũng không rõ, có thể là một sự kiện, một dạng bút phá nào đó, một chuyển biến, song mong mỗi ấy cũng nhanh mất đi như lúc hiện ra.

Một buổi sáng tháng Sáu, chúng tôi đạp xe ra bể bơi ngoài trời gần sông Spree. Verena trả tiền cho cả hai, cam đoan là nàng phát điên lên vì muốn xuống nước và chạy

chân trần qua bãi cỏ chỗ người nằm phơi nắng để tìm một chỗ trống. Nàng đắc thắng dừng lại dưới bóng râm nhỏ tí tẹo dưới một cây bạch dương, trải khăn ra ngồi. Ngay bên cạnh nàng là Sonja.

Tim tôi đập loạn lên trong một tích tắc kỳ quái, tôi thoáng nghĩ rằng nhịp đập này chắc là sự thay đổi hàng mong ước, là những biến loạn theo nhịp. Tôi dừng chân, chăm chú nhìn từ Verena sang Sonja, và Sonja ngừng đầu từ trang sách đang đọc lên, cô nhìn thấy tôi, sau đó thấy Verena.

Tôi nói: “Verena anh không muốn ngồi đây”, rồi nhìn thẳng vào mặt Sonja đang lộ vẻ tả tơi kỳ dị. Cô đã để tóc dài, da rám nâu trong bộ đồ tắm xanh lam và rất gầy. Tất cả gây ra trong tôi niềm tiếc nuối kinh khủng; giọng Verena xa xăm: “Đây là chỗ tốt nhất trong bể bơi đây”. Có vẻ như cô không nhận ra điều gì, và tôi thấy mất bình tĩnh. Sonja chậm chạp đứng dậy chui vào cái áo dài đỏ như kẻ mộng du rồi đi khỏi. Verena nói gì đó mà tôi không hiểu. Tôi chỉ biết là trong giọng nàng không có chút nghi ngờ, vậy là tôi thả túi xuống cạnh nàng và cứ thế chạy theo Sonja. Tôi đuổi kịp cô ở cuối bể bơi. Cô đi nhanh và thẳng lưng, trông từ phía sau như một cây gậy đỏ mỏng mảnh. Tôi chạy gần như hụt hơi, lên đến cạnh cô và nắm lấy cánh tay cô.

Da cô nóng hừng hực vì nắng, cô quay sang tôi với khuôn mặt nghiêm nghị kinh khủng và nói: “Mình muốn gặp nhau hay không nào”.

Chất giọng cô vẫn thế, hết như lúc cô nói ngày xưa ở cạnh ga: “Em đợi”, tôi thấy mình như một thằng ngố và

lúng túng vô cùng, rồi tôi nói: “Có”, và cô nói: “Thế chứ”, giắt tay ra và đi qua cửa ra phố. Tôi ngó theo cho đến lúc không thấy cô nữa rồi quay trở về với Verena đang nằm ngửa phơi nắng và không hề biết chuyện gì xảy ra. Nơi Sonja vừa ngồi, cỏ bị ẹp xuống. Tôi chăm chú nhìn hai, ba mẫu thuốc mà cô để lại và cố chống lại cảm giác mình đã mất bình tĩnh.

Tôi không phải xua Verena đi – nhất định tôi cũng không làm chuyện ấy, và lên đi gặp Sonja – Verena tự rút lui. Nàng quả quyết là không muốn quấy rầy tôi trong giai đoạn làm việc, bất kể điều đó có nghĩa gì. Nàng gói đồ đạc, bỏ chỗ làm ở quán bar và quay về Hamburg. Tôi tin là sau một thời gian nàng thấy ngán tôi. Nàng muốn khẳng định chắc chắn là tôi yêu nàng, giờ thì biết rõ điều đó, vậy có thể ra đi. Tôi đưa nàng ra ga, cảm thấy trong người cạn kiệt và uỷ mị hiếm có, tôi nói: “*Verena, hôm nào nhé*”, còn nàng cười và nói: “Vâng”.

Mùa hè này là mùa hè của Sonja. Chúng tôi ra hồ bơi thuyền, tôi chèo thuyền chở Sonja trên mặt nước xanh màu sậy và lặng như gương cho đến khi mỏi rời tay. Vào bữa tối chúng tôi gọi ở các quán nhỏ miền quê món thịt chân giò và bia, má Sonja hồng lên và tóc cô sáng màu nắng. Chúng tôi đi tàu về nhà với bó hoa đồng nội trên tay, Sonja lấy hết về nhà mình. Tôi ít làm việc, chỉ nghiền cứu bản đồ vùng lân cận và muốn bơi ở tất cả các hồ tìm được. Sonja luôn vác theo ba lô đầy sách, đọc cho tôi nghe và ngâm hết bài thơ này đến bài khác. Buổi tối trời ấm, chúng tôi đếm những vết muỗi đốt, tôi dạy cô huyết sáo bằng ngón cổ. Mùa hè này là một chuỗi ngày sáng chói và xanh ngắt, tôi lặn ngụp

trong đó và không hề thấy ngạc nhiên. Chúng tôi qua đêm ở nhà Sonja, nhìn qua cửa sổ cao và rộng có thể thấy dòng Spree, chúng tôi không ngủ với nhau, không hôn nhau, hầu như không chạm vào nhau, đúng hơn là không bao giờ. Tôi nói: “Giường em là tàu thủy”, Sonja không trả lời – như mọi khi, nhưng cả mùa hè này trông cô như một kẻ chiến thắng nho nhỏ.

Cuối tháng Bảy, chúng tôi ngồi ở nhà ga Ribbeck nhỏ xíu không một bóng người và đợi chuyến tàu tối về thành phố. Sonja chợt mở miệng nói: “Một lúc nào đó anh sẽ cưới em”.

Tôi trở mắt nhìn cô và đập chết con muỗi đậu trên cổ tay. Bầu trời râm đỏ, sương mù xanh phủ lên rừng cây, và tôi nói: “Gì cơ?” Sonja nói: “Vâng, cưới. Rồi chúng mình sẽ có con, mọi việc sẽ ổn cả”.

Tôi thấy cô ngu vô kể. Trơ trên và ngu xuẩn, và đối với tôi không có gì vô lý hơn là kết hôn với chính Sonja rồi có con với cô. Tôi nói: “Sonja thật buồn cười. Em phải biết rõ hơn anh chứ. Mình làm sao có con được nhỉ? Thậm chí mình còn chưa ngủ với nhau cơ mà”.

Sonja đứng dậy, châm thuốc, đá một hòn sỏi và khoanh tay trước ngực: “Vậy thì, để đạt mục đích đó thì mình sẽ làm. Chỉ thế thôi. Em chắc là sẽ không có vấn đề gì”.

Tôi cũng đứng dậy, có cảm giác phải dậy bảo cho một đứa bé ngang ngạnh: “Sonja, em quá trốn rồi đấy, em nói chuyện linh tinh gì vậy? Sẽ không có vấn đề gì nghĩa là sao? Hiện không có vấn đề gì cả, nghĩa là mình sẽ không cưới nhau”.

Đường ray bắt đầu rung nhẹ, có tiếng rìn rít từ tận xa xa, nơi con tàu xuất hiện. Sonja giậm chân trái xuống đất, ném điếu thuốc đi và bước bình tiến về phía đường ray. Cô nhảy từ ke xuống, loạng choạng vấp trên nền đá học và rớt cuống đứng dạng chân trên đường ray. Tàu lại gần, tôi ngồi xuống, Sonja cầm phần thét lên: “Anh cưới em hay không nào?”. Tôi phì cười và hét trả lời: “Sonja yêu nhất ơi, có chứ! Anh cưới em bất cứ lúc nào em muốn!” và Sonja cũng cười, tàu lao vun vút, không khí có mùi sắt. Tôi gọi tên cô rất khẽ và lo lắng, rồi cô nhảy trở lại ke, tàu sầm sập lao qua, và cô nói: “Bây giờ em chưa muốn, anh biết không. Nhưng sau này. Sau này em sẽ muốn”.

Vào thu chúng tôi ít gặp nhau hơn, sau đó cô đi biệt một thời gian. Một sáng sớm cô đứng trước cửa phòng tôi, khoác măng tô mùa đông, và nói: “Anh yêu, em phải đi, cho em một tách trà”.

Tôi để cô vào phòng, đun nước, cô đi qua phòng, về tỉnh lặng. Tôi hỏi cô đi đâu. Cô nói là phải đi làm cả tháng, sau đó lại về; rõ ràng là cô không muốn kể, hết như mọi khi. Chúng tôi im lặng uống trà, sau đó cô đứng dậy, kéo tay tôi cùng đứng lên và ôm tôi.

Tôi ôm chặt cô, không thể cưỡng lại được hân vận nghiêm nghị của cô. Cô nói: “Anh hãy cẩn trọng”. Rồi đi.

Tất cả những gì xảy ra sau đó thì đều xảy ra do sợ. Tôi tin là tôi sợ Sonja, tôi sợ khả năng bất chợt hiển hiện là sống cả đời với một cá nhân nhỏ bé và kỳ dị, một cá nhân không nói năng, không ngủ với tôi, thường chỉ mở to mắt chăm chú quan sát tôi, một cá nhân mà tôi hầu như không biết gì mấy nhưng lại đem lòng yêu, nói cho cùng là có yêu.

Tôi có cảm giác là thiếu Sonja thì không muốn tồn tại nữa. Tôi chợt thấy cô cần thiết cho mình, và tôi thấy thiếu cô. Tôi sợ cô không bao giờ trở lại nữa, đồng thời cũng không mong mỗi gì hơn là cô hãy khuất mắt, vĩnh viễn khuất mắt tôi.

Khi hết tháng, tôi xếp một va li nhỏ và đi Hamburg. Tôi hỗn hển xin Verena, đang hoàn toàn bất ngờ, hãy cưới tôi, và nàng chấp thuận. Tôi ở lại đó ba tuần, đi với nàng về nhà bố mẹ và báo là tháng Ba năm sau sẽ cưới. Verena đặt chuyến trăng mật đi SantaFe, giới thiệu tôi với mẹ nàng đang thất kinh và thông báo cho tôi biết là nàng sẽ không mang họ tôi sau khi cưới. Không quan trọng. Tôi có cảm giác như kẻ chết đuối nhưng đồng thời cũng nhẹ người vô kể. Cứ như vừa thoát được một tai họa khủng khiếp trong gang tấc, nay được cứu thoát đến chỗ an toàn. Chúng tôi tranh cãi nhau một chút về nơi ở tương lai, Verena muốn tôi trở về Hamburg, còn tôi nói là theo tôi thì mọi sự nên tiếp diễn như hiện tại, bất kể cưới hay chưa, sau đó tôi quay về Berlin.

Trong hộp thư không có thư, trong xưởng – như từ xưa đến giờ – bụi phủ trên các bức tranh, cửa sổ chẳng đầy mạng nhện. Không có tí gì của Sonja. Tôi làm chủ tình thế, đã chặn được sự tệ hại nhất, giờ thì tôi muốn bao dung và hòa giải. Tôi đi xe đạp đến nhà cô, nhấn chân mạnh mẽ lên bàn đạp, lao vun vút lên thang gác, miệng huýt sáo. Cô đang có ở nhà, lẳng lặng mở cửa cho tôi, rõ ràng đang đợi một người khác, rồi cô mỉm cười hỏi: “Anh khỏe đấy chứ?”.

Chúng tôi ngồi vào một trong các phòng lớn trống trải. Sonja ngồi bên bàn giấy, tôi trên ghế bành cạnh cửa sổ,

ngoài kia dòng Spree màu nâu đặc quánh, những con hải âu lượn trên xương ép xác ô tô. Sonja không hỏi tôi đã ở đâu. Cô cũng không kể về chuyến đi của mình, cô ngồi thẳng và có vẻ hơi sợ sệt một chút, hút như điên hết điều này đến điều khác.

Tôi thoải mái kể chuyện thời tiết, kế hoạch của mình trong mùa đông, triển lãm nghệ thuật mới ở Phòng tranh quốc gia; tôi thấy vững tâm. Sonja nói về buổi liên hoan mà tháng 11 này sẽ lặp lại. Tôi nói, anh sẽ đến, và cô mỉm cười lễ độ. Chợt cô hỏi: “Anh có đi cùng em không, vào mùa xuân?” và tôi, đang suốt buổi ngong ngóng chờ được rút cuộc nói ra, chọn một câu đã chuẩn bị sẵn và nói to, mạch lạc, nhấn giọng, và quan trọng nhất là lịch sự: “Không được. Anh sẽ cưới Verena, vào tháng Ba”.

Cô tổng cổ tôi ra cửa. Cô đứng dậy, thẳng tay chỉ ra cửa và nói: “Cút”.

Tôi nói: “Kìa Sonja, sao lại thế, và cô nhắc lại: “Cút” với nét mặt không đổi. Tôi cười phá ra, tôi không chắc là cô thật hay đùa, và sau đó cô hét: “Cút” với giọng mà tôi chưa bao giờ từng nghe ở cửa miệng cô. Tôi ngập ngừng đứng lên, tôi không nhớ rõ là mình đã dự tính trước điều gì. Tôi hoàn toàn không muốn đi, tôi muốn chứng kiến Sonja mất bình tĩnh, tôi muốn thấy cô khóc lóc và hét lên và có thể đánh tôi và làm những thứ khác nữa chỉ có trời biết.

Nhưng Sonja lại ngồi xuống, xây lưng qua phía tôi và im phắc. Tôi đổi chân nọ qua chân kia. Im ắng. Dòng sông nâu đến khó chịu. Tôi hít hơi, vẫn không có gì xảy ra, rồi tôi ra đi, đóng cửa lại sau lưng, đóng tai nghe – không có

gi. Không có tiếng hét, không có tiếng khóc bị nén, Sonja không gọi tôi quay lại.

Tôi đạp xe về nhà, đi thật chậm; tôi - kinh ngạc. Tôi nghĩ, chuyện sẽ tiếp diễn, sẽ tiếp diễn, như thế nào đó.

Sonja không xuất hiện, ít nhất thì tôi cũng dự đoán đúng như thế. Đó là một cuộc chơi mà tôi thuộc luật chơi. Tôi đợi một tuần liền, sau đó tôi gọi điện cho cô. Tất nhiên là cô không nhắc máy. Tôi viết một lá thư, rồi lá nữa, rồi lá thứ ba; toàn chuyện vặt vãnh ngớ ngẩn và những lời xin lỗi vụng về. Tôi nhẫn nại, tôi quen rồi, tôi nghĩ bụng: “Hãy cho cô ấy thời gian”.

Đều đặn ba lần mỗi tuần tôi gọi cô, để chuông reo mười lần mới đặt máy. Tôi làm việc, nói chuyện điện thoại với Verena, đi chơi với Mick, quay số Sonja, giống như khi ta đánh răng hay sáng sủa ngó vào hòm thư. Tôi hứng thú và tự hào về Sonja, tự hào về tính ngoan cố của cô trong khi tránh né tôi; tôi chỉ nghĩ rằng cũng đã đến lúc dừng lại được rồi. Tôi có hứng gặp lại cô, trời trở lạnh, đã có tuyết đầu mùa. Tôi nhớ lại mùa đông năm ngoái, nhớ những đêm cô ngồi ở phòng tôi, và muốn có lại tất cả.

Tôi nghĩ: “Nào, Sonja, bắt điện thoại đi, mình cùng nhau đi dạo, anh sẽ sưởi ấm tay em, và tất cả sẽ lại như ngày xưa”.

Nhưng đầu tháng Mười hai trong hòm thư có lá cuối cùng mà tôi viết cho Sonja. Tôi ngơ ngác nhìn dòng chữ của chính mình viết và không rõ nên hiểu chuyện này ra sao, cho đến khi phát hiện thấy dấu đóng ở mặt sau “Người nhận đã chuyển nhà, không rõ địa chỉ”. Tôi đứng trong hành lang, không hiểu gì cả, rét run vì trời lạnh. Tôi cho

thư vào hòm và lập cập phóng xe đạp trên con đường phủ tuyết dọc bờ sông đến khu công nghiệp; tôi đạp xe từ từ và cẩn trọng, kiên quyết không nghỉ ngơi gì. Trước nhà Sonja tôi khoá xe vào cột đèn và nhìn lên các khung cửa sổ tối mò. Không rèm cửa, không ánh đèn, nhưng điều đó chưa nói lên gì cả. Cửa kéo kẹt khi tôi đẩy ra, trong hành lang vương mùi ẩm ướt và bụi than. Tôi luôn nghĩ là một mình Sonja sống ở đây, và căn nhà giờ đây trống trơn. Tuy nhiên tôi vẫn lên gác, tay vịn cầu thang trên lầu ba đã gãy, các bậc thang kêu rảng rặc đáng ngại. Tôi nhớ đến buổi liên hoan, tiếng mọi người ồn ã, Sonja đứng cạnh người phụ nữ nhỏ bé tóc đỏ trong chiếc áo dài màu rêu. Biển ghi tên đã bị bóc. Tôi nhấn nút chuông, không có tiếng gì. Tôi nhòm qua lỗ khóa vào hành lang sâu sơn trắng trống trải và biết cô đã đi mất.

Tôi tin chắc là ngôi nhà sắp bị phá đi. Tháng Hai rồi, tôi liên tục cho than vào lò nhưng không ấm lên được. Tôi không gặp lại Sonja nữa, cũng chẳng nghe gì về cô. Những cành cây đoan trụi lá trong sân đập vào cửa kính phòng tôi, đã tối lúc mưa cho lũ trẻ con Thổ một quả bóng mới. Tôi mong một hôm nào đó gặp lại cô gái nhỏ nhắn tóc đỏ để hỏi cô, bây giờ Sonja ở đâu và sống ra sao. Đôi khi trên đường tôi có cảm giác ai đó đi sau lưng mình, tôi quay lại và chẳng thấy ai, nhưng cảm giác băng khuâng còn đấy.

Lê Quang dịch

NGƯỜI ĐÀN BÀ LÀM ĐIỂM

Jean – Claude Mfou’ou (Cameroun)

“Năm giờ sáng!” Hình như tiếng cú cu con gà trống nói vậy. Anata khê trở mình và dụi mắt. Sáng nào cũng thế, cho dù tối thức khuya đến đâu vẫn cứ năm giờ là chị dậy. Chẳng biết có phải tại con gà nó gáy hay bởi một điều gì khác, nào chị có biết gì hơn. Với chị giấc ngủ thế là xong, xong hẳn rồi.

Ông khách đêm tình hãy còn ngủ nhưng nghe hơi anh ta thở, Anata biết anh ta cũng sắp dậy. Anh ta còn trẻ lắm. Nhiều lúc chị tự hỏi “Cái anh chàng này chừng bao nhiêu tuổi?” và chị lại tự trả lời: “Quá lắm cũng hai mươi là cùng”.

Anh ta bốc được chị tối qua – nói theo tiếng nói trong làng chơi – và về ngủ với chị. Anata khê nhếch miệng cười vui, nghĩ bụng: “Kể cùng kỳ thật, bỏ một ông khách sự trả giá một ngàn để về ngủ với anh chàng chỉ nói có tám trăm”.

Thế đấy... phần lớn thời gian chị về với một người đàn ông chỉ do một lẽ: anh ta đẹp trai, nhả giỏi và nói chuyện có duyên. Đương nhiên giá cả là điều phải tính đến nhưng đôi khi còn một điều khác không cắt nghĩa nổi làm nghiêng cán cân về kẻ gạ gẫm này hay kẻ gạ gẫm kia; cái điều khác nho nhỏ ấy, một người đàn bà bất kể là gái điểm hay gái chính chuyên cũng đều nhạy cảm như nhau...

Tên gọi anh chàng này là Silas. Trong suốt cuộc ái ân anh ta tỏ rõ một tay biết làm tình. Anata thích loại người

như vậy cho nên chị có ý sẽ chẳng lấy tiền của anh ta nếu như chị biết chắc anh ta chả có gì. Loại điểm khu Mvog Ada thường làm như thế. Họ có thể bán mình vì tiền nhưng với người đàn ông họ thích thì họ có thể yêu, và không đòi hỏi gì hết...

Anata vuốt ve người đàn ông nằm bên. Với cái tuổi ba mươi nhăm của mình, chị cảm thấy có phần ngưỡng ngưỡng... như thể đang nằm với con mình.

Anata biết mình đã đến tuổi phải sớm rời bỏ cái nghề này. Cứ mỗi khi ý nghĩ ấy nảy trong đầu chị lại tự hỏi: "Thế thì mình sẽ làm gì?...Sẽ về quê hay biết đâu lại chẳng có một ông Tây da trắng sẵn sàng đem theo mình về châu Âu?".

Tuy nhiên Anata vẫn hy vọng còn có thể tiếp tục hành nghề vài ba năm nữa, đủ thời gian để nuôi đứa em nhỏ Doudou và thằng em họ Colin học xong. Hai đứa đang là niềm kiêu hãnh và lý do tồn tại của chị, chị khao khát được thấy chúng trở thành ông nọ, ông kia. Khi nửa đêm về nhà cùng một ông khách, Anata thường bắt gặp Colin đang ngồi học, còn Doudou thì ngủ, mặt úp xuống quyển sách. Lúc ấy người đàn bà làm điểm này không nén được niềm tự hào cao độ, chị khóc ngay với khách trong buồng ngủ: "Hai đứa mà anh vừa gặp ở ngoài phòng là hai em tôi đấy, năm nay một đứa thi tú tài, một đứa hết tiểu học. Tôi nuôi chúng ăn học". Và chị hăng hái trao thân mình cho ông khách...

Quan hệ giữa hai cậu thiếu niên và Anata thấm đượm một tình thân thương vô cùng tế nhị. Cho dù biết rất rõ chị làm điểm, hai cậu vẫn một lòng yêu thương và quý trọng

chị. Chúng không thích việc chị làm nhưng lại hiểu rất rõ chính mình là những kẻ chủ yếu được hưởng những gì chị làm. Ngoài cách này ra, chẳng còn cách nào khả dĩ nuôi sống cả ba chị em nữa. Bởi vậy cuối cùng hai cậu đã quen với cảnh tối tối chị trở về với một người đàn ông khác. Đôi khi, Anata ngồi chuyện trò với hai em. Họ nói với nhau đủ chuyện chỉ trừ chuyện làm ăn của chị. Có lúc, chị thở dài bảo: “Hai em có thể sau này trở thành những ông lớn của nhà nước Cộng hòa, còn chị thì vẫn là một ả bụi đời”. Hai em im lặng nhìn chị. Một bầu không khí nặng nề trùm xuống đầu họ. Vị thần cai quản gái điếm đang lướt qua... Họ chuyển sang chuyện khác.

Bây giờ chị đang vuốt ve Silas. Cuối cùng thì anh chàng cũng trở dậy, ngáp thật to, âm ỉ. Họ mệt mỏi nằm lại với nhau một lát nữa. Rồi Silas bước xuống giường, với quần áo mặc trên đỉnh mặc vào, xong, anh ta quay lại với Anata lúc này còn nằm bất động trên giường. Chị cảm thấy anh ta có chiều bần khoản, má trái giãn giãn, mắt tròn tròn nhìn chị rồi nói giọng miễn cưỡng: “Anata ạ, xin nói thật với chị tôi chẳng có một đồng xu dính túi”.

Anata chậm chậm ngó Silas trong khi anh ta đứng trở mắt nhìn, bối rối, định nhìn chị sắp nổi xung lên. Song, Silas đã làm chị thích thú. “Sao anh ta không sợ mình nhiều tuổi?”. Chị nghĩ vậy, nhìn anh ta bước ra khỏi phòng sau khi đã dụ dằng hôn chị...

Anata trở dậy rồi sang phòng các em. Doudou và Côlin hãy còn ngủ. Chị đánh thức chúng dậy, cho mỗi em một tờ trăm franc. Bằng số tiền này chúng sẽ tự túc suốt cả ngày. Rồi, chiều về, thế nào chúng cũng thấy món súp lác chị đã

chuẩn bị để lát nữa nấu với nửa cân thịt chị lấy ở nhà một ông “bồ” về. Đó là ông hàng thịt Maguida. “Bồ” là một từ được dùng để chỉ những ông bạn đôi khi đã trợ giúp. Tất nhiên chẳng bao giờ họ cho không, các cô gái điểm rồi phải trả lại bằng hiện vật.

Anata cũng rất quý Maguida, thường ông ta cho chịu đến cân thứ mười mới nháy mắt nhắc khéo...

Anata lấy chiếc thùng xách ra vòi nước chung chỉ cách nhà có vài mét, chị phải nhanh nhanh tranh thủ vì may quá, sáng nay chưa có ai. Chị xách nước vào nhà tắm. Gọi là nhà tắm nhưng thực ra nó là một túp lụp xụp vừa làm nhà xí và nhà tắm. Có mỗi một mảnh tôn che miệng hố phân cho nên nó không đủ sức cản mùi hôi thối tràn ngập không khí. Ruồi nhặng bay lung tung khắp chỗ, đôi lúc đậu cả lên đùi lên ngực Anata đang đứng sát mảnh tôn và luôn luôn nơn nớp để mắt đến nó. Một bận, do sơ ý, chị đã chạm phải nó và thoáng một cái, chị đã thấy bàn chân mình chỉ còn cách miệng hố phân có vài li. Bây giờ nghĩ lại, chị vẫn còn rùng mình. Thật hú vía! Giá mà thật xuống cái hố ấy thì còn gì nhớ bản hơn cho một ả gái điểm, một con đi như người đời vẫn gọi. Liệu còn ai muốn một con đi đã sa xuống miệng hố phân?...Do vậy, Anata quyết từ nay sẽ coi cái miệng tôn này như một hiệu báo động, hễ thấy dưới bàn chân vướng phải cái gì lạnh lạnh là chị lùi ngay lại một cách thật kính trọng...Tắm xong, đang lau khô người, chị bỗng lại nhận ra những nốt mụn mà hôm qua lần đầu tiên chị đã thấy. Chị hoảng sợ thật sự... “Không lẽ nào như thế được”, xưa nay, chị vẫn chọn khách cơ mà, đâu có phải kẻ đàn ông nào chị cũng chung đụng! Nhưng vì sao thế này?

Có những mụn mọc lên đúng vào chỗ ấy! Các bạn chị đã từng nhắc: “Nếu thấy mụn lên ở đây một cái mụn lạ là mày phải cấp tốc đi chữa ngay”. Nhưng chị đã không nhìn nhận một cách nghiêm túc. Kể từ ngày bắt đầu hành nghề tới nay, cũng đã nhiều lần chị bị ốm. Một vài ông khách trở lại sau ít ngày phàn nàn đã mắc bệnh. Anata vội tới hiệu thuốc tây của khu vực Mvôg – Ada. Tại đây, chị quen một nhân viên của hàng, người này cấp cho chị đủ loại thuốc kháng sinh mà chả cần phải có đơn. Chị uống rất nhiều, cả sáng lẫn chiều, rồi nghỉ một ngày và cho thế là khỏi.

Tuy nhiên, người ta cũng đã nhiều lần cho chị biết còn có một căn bệnh tồi tệ hơn tất cả các bệnh khác. Nó có một cái tên thật lạ, nghĩ mãi chị mới nhớ nó là bệnh timla. Triệu chứng nó y hệt như hôm qua chị thấy trên cơ thể mình. Chị chăm chú nhìn thật kỹ: ngoài những mụn ấy còn có những mụn khác nhỏ hơn. Tim chị đập liên hồi như tiếng trống trong ngày lễ diễu hành. Chỉ phút chốc, một cô diêm vốn dẻo dẹo với bọn đàn ông là vậy mà sắp oà lên khóc.

Anata chẳng có tiền, bản thân khách làng chơi lúc này cũng đang trở xác ra cả vì gần hết tháng rồi, cái thằng Silas kia đã không có một xu nào trả cho mình đó sao?

“Đau đớn thay phận một con đàn bà làm diêm! – Chị tự bảo mình – chúng tôi đơn độc đương đầu với sự khinh bỉ của cái thành phố đạo đức giả này, cái thành phố cứ chiều chiều lại trút lên chúng tôi sự thèm khát hoan lạc của nó”.

Một niềm uất hận âm ỉ bấy lâu bỗng trào lên từ đáy sâu của tâm hồn Anata. Chị căm thù tất cả những ai mà chị cho rằng đã chịu trách nhiệm về những bất hạnh của



mình: “Trước tiên là cha mình”, chị nghĩ. Ông đã không bao giờ cho chị tới trường học vì, đối với ông, cái trường tốt nhất cho con gái là học cách nấu được một nồi súp lạc¹ thật ngon. Ông già Xakriax ấy khẳng định con gái chẳng cần hiểu biết nhiều. Còn lão dạy giáo lý Cơ đốc thì đã chẳng từng định nghĩa: “Một đứa con gái tốt là phải một ngày kia từ già cha mẹ mình và đi tìm một ý trung nhân, rồi cùng anh ta kết thành một cây thịt duy nhất?”

Thế là năm Anata mười lăm tuổi, ông già Xakriax gọi cô lại và rằng: “Mày đã là phụ nữ rồi, cần có một tấm chồng cho mày. Ông bạn già Exiximi của tao ở bộ tộc Yôvô, chủ nhân của bốn đồn điền ca cao, có sáu vợ, hôm qua nói với tao là ông ta rất yêu thương mày. Lấy được đám ấy thì thật tốt. Tao và ông ta, hai bên đã trao đổi với nhau hôm qua”. Anata bày tỏ ngay sự phản đối và thế là như một giọt làm tràn cốc nước.

Lê nào là một con chim nút mắt mà ông từng mớm ăn lại có thể chống lại ông? Ngay hôm ấy, ông bảo Anata: “Mày đã không vâng lời tao thì hãy cút đi, tao không bao giờ muốn nhìn lại mặt mày nữa”.

Anata bỏ ra đi và từ đấy bắt đầu cuộc đời cô làm điểm.

Lãng quên đi một lát ông bố, nỗi oán hờn của chị lại dâng lên với toàn xã hội, vâng, với toàn thể xã hội đã không bỏ hờ một dịp nào để nhìn những kẻ làm điểm bằng con mắt khinh miệt. “Thế mà - Anata nghĩ thầm - tất cả những gái điểm ở những căn nhà ổ chuột khu Mvô-ada và vùng lân cận này lại chỉ là những người nghèo cùng cực

¹. Súp lạc - món ăn đặc sản ở Camourrun (nam châu Phi)

đang cần biết bao sự cảm thông và giúp đỡ hơn là những câu chửi rủa và miệt thị. Chúng tôi làm điểm chỉ vì không còn cách nào khác. Đó là số phận của chúng tôi... Song, người ta không hiểu...". Chị thở dài, mặc quần áo và bước ra khỏi nhà tắm; vừa lúc có những tiếng tru tréo mà chị đã không chú ý đập vào tai mình. Mvô - ada vốn là khu bình dân, cho nên nghe thấy đủ loại tiếng.

Nhưng, tiếng kêu mỗi ngày một to, Anata bèn đi tới xem sao.

Từ xa, chị đã biết ngay là lại có chuyện ở nhà Đờbôra – một cô gái béo phịch phịch mà người ta quen gọi tắt là “con Đờ bô”, ở cách nhà Anata không xa, cô ta khét tiếng là hay đánh khách, một khi họ chạy làng. Gặp ông khách sòng phẳng thì không sao, ông ta cứ bình thản mà ra về, nhưng nếu vô phúc, ông ta chẳng có đồng nào thì Đờbô tỏ cho ông ta biết tay ngay. Thoạt tiên, cô ta la lên: “Sao hả? không có tiền hả?...Không có một xu nào hả?...Được, rồi sẽ biết!...Trả tiền tao!...Trả tiền tao!...” Rồi cô mếu máo gào lên: “Các anh, các chị ơi hãy cứu em!” Nghe tiếng kêu, ba người anh lực lưỡng nằm ở phòng ngoài nhảy bổ sang xông vào, quật ngã ông khách xuống đất và thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, đánh tới tấp. Đờbô chỉ còn chờ có thể, cô ta vỗ ngay chiếc khăn lau dơ bẩn chùi lên mặt ông khách, miệng bảo “ăn đi!”.

Dù chẳng muốn, Anata cũng bật cười. ở Mvô - ada này bọn gái điểm đều ý thức được việc làm cơ cực của mình để kiếm sống. Cho nên khách làng chơi phải trả tiền, nếu không thì chưa biết điều gì sẽ xảy đến với họ. “Thế mà vẫn

có những kẻ gặp may như cái anh chàng Silas nợ” – Anata thở dài thâm nghĩ.

Ông khách của Đờbô đành phải xì số tiền ít ỏi của mình ra trả. Tuy nhiên, cô ả vẫn cham chăm: “Muốn ăn thì phải trả tiền, muốn uống cũng thế, muốn bắt cứ cái gì thì phải xì tiền ra chứ. Hành con nhà người ta suốt đêm mà lại tính chuyện quýt. Hối còn ra thể thống gì không?...”

Trên đường về nhà, Anata lại trở lại với những suy nghĩ đang dần vật xoay quanh những chứng bệnh hoa liễu rất khó xử kia. Chị nhớ cô bạn thân Êva hình như đã mắc phải những “cái mầm gai nhọn” này. Đó là thứ mầm bệnh mà ngay thầy thuốc cũng cho là không thể nào chữa khỏi. Đã mắc phải thì chỉ có mà chờ chết. Êva đã chạy chữa đủ kiểu, từ những thuốc lá bản xứ đến những thứ kháng sinh cực mạnh hiệu nghiệm nhất. Song chỉ hoài công. Bây giờ Êva đã về quê, hy vọng ở đó vào một ông lang đặc biệt đã thể làm hết sức mình để chữa cho cô lành bệnh. Thế nhưng ai đó đã gặp Êva đều kể cô đang tàn tạ, người hôi thối như một xác chết và cuộc đời cô đang được tính từng ngày... Nghĩ vậy, Anata không tránh khỏi rung mình. Chị lẩm bẩm: “Hy vọng đây sẽ không phải là trường hợp của mình!”.

Chị bước vào nhà mình, lòng nặng trĩu suy tư...

*

Cảnh vật Mvôada vào lúc 16 giờ trông thật ngoạn mục. Mặt trời dọi thẳng xuống những tia nắng vàng. Thành phố Yaoundé với những trái đồi trùng điệp tắm ánh hoàng hôn như càng thêm rực rỡ. Đường phố gần trước cửa căn nhà ở

chuột của Anata tấp nập người và xe qua lại. Anata đứng trong nhà nhìn ra, lòng thêm muốn. “Giá như mình cũng có một chiếc xe nhĩ”. Người đàn bà làm điểm tự hỏi mình, khi thấy một bà rạng rỡ đẩy vẻ kiêu hãnh lướt qua, đầu ngẩng cao, tay trên vô lăng chiếc Mécxêdét...

Tiếp đến, lần này là một bà đi bộ mặc áo chên lông lấy rất ăn ý với khổ người, Anata lại nhủ thầm: “Sao có bộ quần áo đẹp đến thế!”. Bao giờ cũng vậy, cứ mỗi lần ngó ra phố là mỗi lần chị ném theo những cái nhìn thèm khát lên những người đàn bà xinh đẹp và đoan trang nhường vậy đi qua. Rồi, tự nhiên, chị cảm thấy tiếc cho mình đã không có một tấm chồng quan tâm săn sóc mình. Một người chồng..., từ ngữ ấy lúc này vang lên trong đầu chị như một từ chủ đạo quán xuyến lên tất cả. Bất giác chị nghĩ người chồng hẳn là một thứ nhựa hương ngào ngạt có khả năng chữa lành cho chị mọi khổ đau, làm tiêu tan đi mọi cơ cực... Nghĩ vậy, chị càng thấy mình thực sự đau khổ. Và chị lại nhớ đến những nốt mụn trên người. Chị quay vào buồng cởi ra xem lại mà lòng đau như thắt. Những nốt mụn thấy lúc sáng đã dẫu dẫu những gai màu vàng hết cả rồi, trong khi một mảng mụn nhỏ khác xuất hiện. Chắc chắn là mắc bệnh timla rồi. Chị làm dấu thánh như để xua đi cái số phận hẩm hiu và mặc lại quần áo. Chị đi tìm lại người quen ở hiệu thuốc. Người này hẹn chị đến hôm sau...

Họ từng người một bước vào hộp đêm El Đôđô - nơi làm ăn quen thuộc của Anata – như những con kiến bò vào tổ. Tối nay, El Đôđô hứa hẹn một đêm sầm uất.

Cũng như mọi khi, đoàn người bị xáo trộn bởi các cô điểm, cô nào cũng muốn ngồi ở chỗ dễ thấy nhất. Các cô

túm năm túm ba cười cười nói nói, thỉnh thoảng lại uốn éo trên vạch sàn khiêu vũ, mắt lăm lét rình những bậc mày râu lần đầu mới thấy. Phát hiện một đôi tượng đang đứng có một mình và có mẽ hấp dẫn – nghĩa là có tiền nhiều – là một trong các cô bút ra để tiến công.

Lúc này đang còn là “giờ đánh quả” – một câu các gái điểm hay dùng để chỉ quãng thời gian – chỉ có đồng tiền là đáng quan tâm hơn cả. Chính vì lẽ này mà các cô còn né tránh những ông tuy nhảy giỏi nhưng túi tiền lại lép hơn. Phải đến một , hai giờ sáng, khi cổng hộp đêm rục rịch đóng mới đến lượt các ông khách này, bởi vì tới giờ này thì không còn kén cá chọn canh được nữa, phải tìm được một ông sẽ bao cho mình khoản chi tiền chợ hôm sau.

Các cô hay tránh gặp những ông khách quen, vì những vị này cứ mỗi tối lại muốn cặp kè với một “con dī mới” như họ vẫn từng thích nói ra miệng. Trong số điểm mới có những cô mới toanh nhưng cũng có những cô từ các hộp đêm khác thỉnh thoảng tới làm ăn ở El Đôđô. Số chị em này rất dễ nhận ra vì họ thường đứng lẻ loi và hơi rụt rè ở những chỗ tối hơn mà những điểm cũ đã dành cho họ. Sở dĩ như vậy vì khách làng chơi chỉ thích những cô đứng ở chỗ sáng, họ cho rằng những cô mắc bệnh mới đứng trong góc tối.

Số đông khách thuộc lớp nghèo nhưng thân hoặc cũng có những bậc khá giả, những giáo sư, kỹ sư, sinh viên đại học lớn, những quan chức lớn và chuyện tức cười nữa là có cả những thầy thuốc. Người ta đặt câu hỏi: Các ông thầy thuốc đến tìm gì ở đây, trong cái mà các ông gọi là cái giếng vi trùng để chỉ những hộp đêm. Đời quả là một tấm

hài kịch rộng lớn với nhiều cảnh trình diễn khác nhau...ta chẳng nên trách họ...họ làm như mọi người cả thôi...

Tiếng nhạc nổi lên khắp chỗ, từng cặp ghép thành và tản ra.

Anata cùng ngồi với cô bạn thân Têcla ở ngay sát loa phóng thanh trung tâm. Đây là một góc rất dễ thấy nhất. Têcla cố làm cho bạn mình vui lên nhưng Anata vẫn rầu rĩ, chẳng buồn hoạt động gì hết. “Hãy ngồi xuống Anata – Têcla dịu dàng bảo bạn - Đây có phải lần đầu mày ốm đâu, chỉ cần một liều thuốc mạnh là hết thôi mà”.

Có thể là như vậy, nhưng Anata lại bận tâm quá nhiều đến những “cái mầm gai nhọn” dễ có thể nguôi đi. Vả lại, cứ mỗi khi cảm thấy mình mắc bệnh là tinh thần chị lại sa sút vô cùng, chị chẳng còn thiết gì nữa; bởi lẽ chị vẫn giữ được sự trong sáng trong nghề mình làm, không chịu lừa dối khách. Những lúc như vậy, chị không dám dẫn khách về nhà, chị coi là một tội lỗi thực sự nếu đổ bệnh cho ông ta. Khác hẳn với rất nhiều bạn bè, ở Anata có một tình thương cảm và sự tôn trọng đối với khách của mình. Chị tự nhủ: họ cũng chỉ là những con người đã không thể tìm được ở nơi khác cái vui thú mà họ tìm kiếm. Cho nên chị cố làm cho họ khỏi tiếc một đêm với mình. Nhiều lần, bầu bạn chế giễu những quan niệm của chị, gọi chị là “gái điếm có trái tim thần thánh”, nhưng chị không để tâm. Tối nay Anata muốn nghỉ ở nhà nhưng Têcla cứ nài ép, cho nên chị đã đến nhưng vẫn định bụng “nhất định chỉ trở về một mình thôi...”

Cuộc khiêu vũ đang ở hồi náo nhiệt nhất, song, để làm gì cơ chứ...Đã nửa đêm!...Mvôada nửa đêm! Giờ này là của

gái điểm và những người đi ngủ muộn chứ đâu phải giờ của các tín đồ tôn giáo! “Cần liều mạng với trời”, đó là khẩu hiệu chung của tất cả ai ai...

Một người đàn ông bước tới gần Anata mời nhảy; chị từ chối. Ông ta bỏ đi, miệng lẩm bẩm “Đồ con đi!...Tưởng mình là vàng ư? Ta trả tiền cơ mà!”. Anata đưa mắt khinh bỉ nhìn theo. Têcla bấu mạnh vào sau lưng Anata bảo: “Sao mày lại từ chối? Trông ông ta có đến nỗi gì chứ?...Còn mày, với những kiểu cách của một nữ tu sĩ mất trinh...Thật đáng ghét!...”. Vừa lúc một người đàn ông khác bước tới trước mặt Anata và đến lượt ông ta mời chị nhảy. Têcla tức thì đẩy chị vào sàn nhảy nhanh đến nỗi chị chưa kịp nghĩ thì đã rơi vào vòng tay ông khách. Điều nhảy lả lơi “Slovx” đang nổi lên, ánh sáng đèn dịu đi, Anata để mặc cho ông khách xiết mình chặt hơn một chút, ông ta nói nhỏ vào tai chị: “Cô biết đấy, tôi rất muốn với cô”. Câu nói chìa khóa này có nghĩa là “một người đàn ông muốn về ngủ với một cô điểm”. Anata đáp: “Tùy ông”. Khách nói tiếp: “Tôi có một ngàn năm trăm”. Anata không trả lời, nhảy thêm vài phút nữa rồi mới đáp: “Ông coi tôi như một con điểm một ngàn rưởi sao? Xin đừng nói với tôi như thế nữa, hãy giữ lấy những tờ giấy bạc còm của ông...”

Người đàn ông nói giọng làm lành: “Cô thừa biết là gần hết tháng rồi...” Anata quắc mắt lên đảo mắt: “Khi người ta không có tiền thì người ta ở lại nhà, người ta không đến quấy rầy những cái túi thùng...”.

Nói xong, Anata làm ra vẻ bức mình, nhích xa người đàn ông hơn một chút. Ông ta kéo chị vào ngực mình nói: “Cô em ác quá...anh trả thế này nhé...hai ngàn”. Anata

không ngờ sự thế lại có thể đi tới một bước ngoặt như vậy; nếu ông ta cứ đà này tiếp tục trả giá cao hơn thì có lẽ chị phải nhượng bộ mất. Nhưng chị chẳng muốn làm thế. Đúng là chị không muốn làm thế thật. Chị muốn mình vẫn trung thành với những nguyên tắc của mình là quyết đêm nay không về với bất cứ một người đàn ông nào, chị bèn bảo ông ta: “Tôi cần bốn ngàn cơ, nếu ông không có đủ thì xin hãy để cho tôi yên”. Nói xong, chị dừng, không nhảy nữa. Ông khách kinh ngạc nhìn Anata: “Bốn ngàn! ả này mất trí rồi. Hay cô ta tưởng chỉ có một mình mình trong cái hộp đêm này? Kỳ quái thật... Bốn ngàn!” Ông ta nhỏ toet xuống đất về phía Anata ngụ ý bảo: Con đi hãy xéo đi!

Anata bỏ ra về, đưa mắt tìm Têcla nhưng cô bạn đã đi rồi...

Trên đường về, mãi suy nghĩ Anata không nom thấy hai gã cảnh sát đứng bên cột đèn, hai chiếc mô tô ngạo nghễ ghéch dọc hè. Hai gã hợp thành một căn hỗn tạp: một trẻ chừng hai mươi, và một già xấp xỉ năm mươi. “Giấy tờ đâu?” – gã trẻ tuổi hách dịch hỏi, giọng nạt nộ. Trống ngực Anata đập thình thịch; khi rời nhà đi lúc chiều, đang hoang mang đến cùng cực nên chị đã quên không mang theo giấy tờ: “Hôm nay quả là một ngày bất hạnh cho tôi!” – chị nhủ thầm. Chị thừa biết những khoản phạt như thế nào: phạt một đêm giữ lại trong đồn cùng với bao khoản khác khi họ biết chị là một gái điếm.

Gã cảnh sát trẻ bước tới, lại hỏi: “Không có giấy tờ chứ gì?”. Chị không đáp. Hắn nắm vào vai chị, bảo: “Có thể thu xếp được đấy... nếu như cô em hiểu ra... Hắn cô biết rõ đêm nay đúng là đang rét lắm mà...”. Chị bỗng cảm thấy mệt rã

rời. Chị lạnh lùng đi đến quyết định: “Ai tìm ắt thấy” chị nghĩ bụng. Gã cảnh sát trẻ thế là đã tìm được cái mà hắn tìm trong khi tiến công các cô gái điểm đang một thân một mình về nhà giữa đêm khuya... Anata mỉm cười với hắn...

Chiếc mô tô lao hết tốc độ trên con đường rải nhựa, Anata và gã cảnh sát chẳng ai nói với ai. Trước lúc lên đường Anata đã chỉ cho hắn lối về nhà mình – “Ngay sát cổng xưởng mộc ông Gaxtông”, chị bảo. Hắn biết chỗ đó... Chỉ một đoạn ngoặt nữa là tới nơi. Họ vượt qua trước một cái sân để ngổn ngang những cây gỗ tròn lớn của xưởng mộc nhà Gaxtông. Còn cách chừng ba bốn chục mét là đến ngôi nhà ổ chuột của Anata. Đã từ lâu, chị luôn thắc mắc vì sao cái xưởng mộc bé tí tẹo này của ông Gaxtông lại xếp ở trước cổng lùm gỗ to không bao giờ dùng đến thế!...Phải chăng để người ta cho rằng việc làm ăn của ông ta chạy lăm đấy...Mãi nghĩ nào chị có hay đúng lúc này, gã đàn ông đeo chị đang không còn làm chủ được tay lái. Chiếc mô tô húc thẳng vào một cây gỗ tròn. Anata bị hất tung lên, đầu đập trúng giữa thân cây gỗ khổng lồ...Người ta thật khó chết ngay khi không biết vì sao mình chết. Bao giờ cũng vậy, thường có một thoáng giây lát cuối cùng người ta hoàn toàn cảm nhận được rằng sắp kết thúc hết cả rồi. Đó cũng là điều đã đến với Anata đúng vào lúc đầu chị đập vào cây gỗ. Ngay tức thì chị biết mình sắp chết, chẳng có cái gì trên đời này cứu nổi chị. Chỉ còn trong một ý nghĩ: nó tựu trung vào hai hình ảnh nhỏ bé của hai em mà chị đang nuôi dưỡng: Doudou và Colin. Ôi! Chị thẫn thốt lên: “Rồi đây chúng sẽ ra sao?”. Đó cũng là suy nghĩ cuối cùng của chị.

Cú va đập khủng khiếp. Chị chết không kịp một tiếng kêu, ở một chỗ chỉ còn cách nhà mình có vài mét.

Người đàn ông đeo chị đến phút cuối cùng đã may mắn nhảy ra được và rơi xuống đồng vỏ bào. Hắn đứng dậy quay lại chỗ xe đâm phải gỗ. Trước hết, hắn nghĩ tới chiếc xe của hắn... Đường như chiếc ghi đông hơi queo một chút nhưng khi hắn thử khởi động thì chỉ một cái giậm chân đầu tiên máy đã nổ giòn. Yên chí rồi, hắn mới sờ tay lên đầu Anata và rút ngay bàn tay nhày nhựa máu lại. Mọi việc xảy ra rất nhanh, hắn nhảy phốc lên mô tô và mở hết tốc lực phóng đi... Cả khu phố, chưa một ai thức dậy, mới ba giờ sáng, một đêm mát mẻ thế này thì ngủ vẫn là hơn... Tiếng xe máy chìm đi ở xa xa. Mvô - ada đây... Đêm nay, có một người đàn bà vừa mới chết... Ôi!... xin lỗi! Đúng hơn là một cô gái điếm vừa mới chết... Chà! một con điếm thôi mà!... Rút cuộc nào có gì thật quan trọng, một con điếm?

Trần Việt dịch

CÁI CHẾT KHÔNG BÌNH DẲNG

Katia Toure (Côte d'Ivoire)

Đất nuôi sống người và tiếp nhận người khi người chết. Song, kẻ đang sống trên đời này lại không mở được lòng đất để xem nó đã làm gì người chết. Giả như tôi có thể mở được ngôi mộ cha tôi thì tôi sẽ hỏi ông đã có những cảm nghĩ gì khi ở bên kia, rằng ông đã có được một chút hạnh phúc nhỏ nhoi mà ông từng ôm ấp lúc còn sống chưa. Vâng, tôi sẽ hỏi ông có phải mọi người đều bình đẳng trước và sau cái chết không?

Cha tôi vốn là một tiểu thương bán quần áo cũ, sống nghèo xơ nghèo xác, lần hồi bữa sớm lo bữa tối, cho nên lúc nào cũng nơm nớp bất chợt xảy ra những chuyện chẳng lành. Quả nhiên một bất hạnh thành linh giáng xuống thật: cha tôi bị ốm nặng. Trạm xá khu phố chả làm sao cứu nổi; phải cấp tốc đưa ông lên bệnh viện trung tâm. Khi chuyển ông tới nơi, ông được khám ngay, bác sĩ quyết định mổ gấp và ông phải nằm viện trong tám ngày.

Phòng mổ lúc này đang sẵn sàng. Cha tôi nhanh chóng được gây mê và bác sĩ phẫu thuật cũng đã mặc chiếc áo choàng trắng. Chúng tôi ngồi chờ ở bên ngoài. Bỗng một chiếc Mécxêdét to màu đen từ trên thành phố xóc thẳng tới ngoắt vào lối dành riêng cho xe bệnh viện trong những trường hợp thật khẩn cấp. Nó leo lên tầng hai. Nghe tiếng ồn ào, ông bác sĩ mở cửa bước ra xem có chuyện gì. Người ta chuyển từ xe ra một người đàn ông to béo bóng nhẫy mỡ. Ông ta được bốn gã cũng to như hộ pháp khiêng. Theo sau

là một phu nhân kiêu kỳ, nước mắt đầm đìa luôn mồm nhắc “Chồng ta đấy... chồng ta đấy... hãy cứu ông”. Chồng bà, một ông lớn giàu sụ trong đảng cầm quyền chẳng may bị bội thực sau một bữa tiệc linh đình do ngài G. chiêu đãi. Ông đã ăn hết một con trăn nuốt con linh dương, liên tiếp hết một góc tư con cừu thui lại đến một góc tư gà quay, nhưng ông quên mất rằng con trăn sau khi nuốt hết con linh dương phải nằm bất động cả một tuần để tiêu hóa. Đằng này, ông lại là một con trăn đại dột nên tan tiệc, về nhà nhớ đến món tôm rồng xưa nay thích ăn nhất, ông lại chén tiếp. Và thế là ông bội thực; bây giờ không mổ ngay thì ông chết mất.

Một phòng mổ thứ hai cũng sẵn sàng. Hiếm một nỗi bác sĩ phẫu thuật phòng này hãy còn đang ở nhà mà ngài đây lại là một ông lớn của Nhà nước, lẽ nào để tên nhà quê tầm thường kia hơn ngài được. Ông thầy thuốc nắm chắc nghề nghiệp của mình nhưng không nắm được số phận kẻ khác. Lá trên cây rung rung và rụng xuống là tại gió chứ đâu tại rễ. Ông ta đi từ phòng mổ này sang phòng mổ kia nhưng đã không cứu được “con trăn”. Rồi, trong lúc vội vàng và nôn nóng, đến lượt cha tôi, ông cũng không cứu được nốt. Thi hài hai người hầu như được đưa xuống nhà xác cùng một lúc và đặt ở hai ngăn gần nhau.

*

Bệnh viện nháo nhào cả lên. Những lá cờ tam tài buông rủ trên khắp các góc mái nhà. Từng đoàn xe hơi sang trọng chen chúc nhau trên bãi đỗ. Ai cũng muốn mình phải là người đến viếng sớm nhất vị quá cố lừng lẫy. Dân nghèo bị

cảnh sát xô đẩy thô bạo ra khỏi khu vực. Gia đình tôi chỉ mong sao lấy được xác cha mình về để được bình thần khóc và chôn ông theo tập quán dân tộc mình, nghĩa là muộn lắm cũng không quá ba hôm sau khi chết.

Nhưng người ta cấm chúng tôi bén bằng tới nhà xác. Một y tá cho biết chúng tôi chỉ có thể đưa thi hài cha mình ra sau khi thi hài ông lớn của quốc gia được chuyển đi rồi.

Tôi nhớ tới một vị bộ trưởng trẻ vốn là người cùng bộ tộc. Ông ta rất quen biết bố tôi vì bố ông ta với bố tôi vốn xưa kia là đôi bạn. Tôi tin chắc ông ta sẽ thông cảm nỗi đau thương của chúng tôi mà vui lòng can thiệp với bệnh viện. Con khỉ sinh ra và sống ở trên cây. Khi khỉ rớt từ cây xuống thì ai cũng biết nó chẳng thể làm gì khác được. Tôi cũng vậy.

Ông bộ trưởng tỏ ra rất xúc động trước cái chết của cha tôi. Ông nói “Các bạn thân thiết của tôi ạ, tôi rất hiểu các bạn nhưng đây là một việc không thể nào làm nổi. Bây giờ mọi người đang rối cả lên trước cái tang chung của quốc gia. Thậm chí còn ngờ đây là một vụ ám hại. Tôi chỉ có thể khuyên các bạn hãy đi mà lo mua áo quan và nơi chôn cất. Khi thi hài ông lớn được chuyển đi là tôi can thiệp ngay để người ta trao thật sớm cụ nhà cho các bạn”. Con khỉ phải tập cho quen với cái ngã của mình. Chúng tôi đành tuân theo.

*

Đất nước chúng tôi sản sinh ra nhiều gỗ. Nhưng gỗ lại vô cùng đắt đối với những kẻ sinh ra ở trong rừng và đã từng nuôi cây. Chúng tôi đi duyệt tất cả các quan tài, song hình như không một chiếc nào muốn nhận chạ tôi. Giá

quan tài quá cao. Chúng tôi quanh đi quẩn lại suốt gần một tiếng đồng hồ, đếm đi, đếm lại số tiền có trong túi. Chủ hiệu bắt đầu sốt ruột. Vừa lúc một chiếc Mécxêdét lớn vùn vụt lao tới. Một bà, đúng là bà đã khóc hôm rồi ở bệnh viện, bước ra khỏi xe. Bà ăn vận toàn đồ đen rất lịch sự, cổ đeo dây chuyền vàng, đính một trái tim to tướng gắn hạt kim cương giả. Trông bà, khó mà nhận ra được là bà chịu tang hay đang đi dự hội. Bà được tháp tùng bởi ba chàng trai trẻ cũng mặc toàn đồ đen gài một bông hoa đỏ trên ngực trái. Họ bước vào nhà hàng trong cảnh tung bừng và long trọng. Ông chủ quên khuấy ngay chúng tôi, ông ta bày tỏ niềm vinh hạnh được phu nhân cùng ba vị bộ trưởng hạ cố tới chọn chiếc quan tài cho đức lang quân lừng lẫy. Chủ hiệu vòng ra cửa sau, tuôn ra một vài mệnh lệnh. Tức thì các nhân viên ù té đi các ngả. Lát sau, họ quay lại với một chiếc áo quan tuyệt vời. Tôi những muốn mình chết giá như mình cũng được chôn trong cái thứ lộng lẫy nhường này. Chiếc quan tài đẹp thật. Nó được đóng bằng gỗ hồng sắc phủ một lớp formica. Trên nắp được khắc một tấm huy chương to tướng bằng bạc mang hình chúa Giêsu trên thánh giá. Chiếc áo quan riêng mình nó đã đủ sức uy hiếp lũ quỷ sứ. Nó được dùng làm hộ chiếu đi thẳng lên thiên đường. Bên trong quan tài rải một tấm nhung đỏ.

Trong lúc ông chỉ mắc bệnh bán cái trước tác của mình thì chúng tôi đã có đủ thời giờ để bàn lại với nhau. Giả thử chúng tôi được toàn quyền tự quyết thì chúng tôi sẵn sàng chôn cha mình mà chẳng cần đến áo quan. Làm như vậy, cơ thể ông sẽ được tiếp xúc thẳng với đất và nhanh chóng trở về với cát bụi. Linh hồn ông được siêu thoát cùng các

âm hồn khác bay lượn về phù hộ cho những người đang sống. Song, vì sự cần thiết phải có bằng được một chiếc quan tài để làm vừa lòng xã hội, chúng tôi buộc phải tự xoay xở bằng đồng tiền ít ỏi của mình. Chỉ cần một chiếc hòm chữ nhật bằng gỗ tạp chẳng phải bào nhẵn gì hết, một thứ gỗ của dân đen. Đó mới thật là chiếc áo quan hợp với thân phận của cha tôi. Chúng tôi chẳng có gì phải phàn nàn. Thượng đế đã nặn cơ thể mỗi chúng sinh có hai cái lỗ thào ra ngoài: một lỗ để đi ngoài, còn lỗ kia để đi tiểu và làm tình. Riêng loài chim thì chỉ có một lỗ vừa đại tiện vừa để làm tình. Cũng chẳng vì thế mà chúng phải than phiền.

*

Vào được nghĩa trang là cả một vấn đề. Người cai quản nó cho hay: lúc này cả nước và gia quyến ông Lớn đang dựng lên ở đây cho ngài một nơi an nghỉ cuối cùng. Cho nên nghĩa trang cấm cửa tất cả bọn hiếu kỳ và bần dân như chúng tôi. Có hai lính canh thường xuyên đi tuần tra trước cổng vào.

May thay, một trong hai lính canh đó lại là con em một nhà nghèo. Khi nghe chúng tôi khóc lóc trình bày cảnh ngộ, anh ta đồng ý giúp đỡ, tất nhiên đây là một việc liều lĩnh vì nó có thể nguy hại cho chính bản thân anh. Cần miễn sao đừng để ai trông thấy cả chúng tôi phải tâng lờ đi như chả có chuyện gì.

Nghĩa trang rộng mênh mông. Bên phải con đường trung tâm là khu dành cho các bậc giàu sang ở trên một quả đồi. Khu bên trái, đứng trên đường khó nhìn thấy, nằm sâu trong lũng là khu của những người chết nghèo.

Phu đào huyết cho khu này được tuyển trong số thất nghiệp hoặc lang thang, không có chuyên môn. Còn khu “văn minh” thì lại là những kiến trúc sư thật sự, những thợ nề, mộc, sơn thực sự. Các ngôi mộ nghèo đều một loạt giống nhau: một hố chôn chữ nhật với kích thước như nhau có thể tiếp nhận các cỡ người lớn cũng như bé.

Sau khi được sở hữu chỗ sẽ là nơi an nghỉ cuối cùng của cha tôi, - cái sở hữu duy nhất mà ông có được trên trái đất này - tôi đi lẫn vào đám thợ, sang xem ngôi mộ người “kình địch” của cha mình. Đối với tôi, ông lớn “con trăn” đó chỉ là một kình địch của cha tôi trong cái chết. Ông ta đã khước từ không cho tôi lấy được thi hài cha ra: ông ta nhạo báng cha tôi ở nhà dòn. Bây giờ, ở nghĩa trang, ông ta lại ngáng đường vào. Và tôi hiểu chưa phải đã hết những chuyện ông lớn nhà giàu này tranh với cha tôi con đường tới nơi an nghỉ vĩnh hằng.

Ồi, ngôi mộ mà người ta đang xây cho ông ta một kỳ quan thứ tám của thế giới này chứ chả phải chơi! Thật khó mà hình dung ra nổi. Giá đem khu vườn treo Babylon đặt bên cạnh nó thì vườn cũng chẳng có nghĩa lý gì hết. Nơi an nghỉ cuối cùng của ông lớn “con trăn” sẽ là tòa lâu đài sau rớt của ngài. Riêng cái hố chôn cũng đã có thể để ngài dùng làm phòng cơ mật và giữ được xác ngài đến một nghìn một đêm lẻ. Nóc hố là một pháo đài thực sự với một cây thánh giá chót vót mang hình một ông Giê su bằng bạc. Và thế là ông lớn lại đồng thời có thêm một nhà thờ riêng của mình.

Vấn đề chiếc xe tang lại còn gây cản hơn. Tiền thì cạn mà phải có một chiếc xe tang. Do vậy, chúng tôi lại một lần nữa đến nhà hàng đám ma. Tại đây có đủ loại xe tang cho thuê với giá khác nhau.

Chẳng cần mất công hỏi giá thuê các xe hòm nhỏ cổ lỗ từ thế chiến thứ hai khác nữa. Địa vị xã hội và cảnh ngộ đã mách chúng tôi chọn chiếc này. Việc ngả giá rất chóng vánh. Nhà hàng thuận sẽ đánh xe tới bệnh viện chuyển thi hài cha tôi về nhà - lẽ dĩ nhiên là khi đã được phép - rồi hôm sau lại đưa tiếp ông từ nhà đến chỗ ở cuối cùng.

Lúc còn sống, cha tôi là một tấm gương ngoan đạo. Ông là một trong những người đầu tiên tự nguyện đóng góp số tiền nghèo ít ỏi của mình và làm những việc chân tay không lấy công để xây dựng nhà thờ. Bởi vậy, cần có một sứ giả của Chúa đến làm lễ cho linh hồn ông.

Chúng tôi tới nhà thờ đúng vào cái giờ các tín đồ thường đến cầu nguyện tối cao xá tội. Thế mà cứ trống không. Chúng tôi vào thẳng chỗ các cha ở. Cha thứ hai có nhà nhưng chúng tôi cảm thấy cha đang vội sắp đi đâu. Cha cho biết tối nay trên khu những người văn minh có cuộc túc trực bên thi hài một ông lớn quốc gia (tôi hiểu ngay đó vẫn là cái ông kinh dịch của cha mình). Đức tổng giám mục cùng đoàn tùy tùng đích thân đến chủ trì buổi lễ với sự có mặt của vị đại diện ngài Quốc trưởng đang mắc bận và đông đủ các thành viên Nhà nước. Cha nhất xứ đạo chúng tôi đã đi trước rồi. Bây giờ cha phó của người chỉ còn chờ thỉnh xong hồi chuông lễ, buổi 19 giờ là đi nốt.

Biết thế nhưng tôi lại nghĩ rằng, là người của Chúa ắt cha hiểu kẻ nghèo. Hơn nữa đứng trước Chúa thì ai nấy

đều bình đẳng. Trong buổi lễ viếng ông lớn “con trần” đã có khối chức sắc giáo hội rồi, sự vắng mặt của cha nào có bổ bèn gì. Nghĩ vậy, tôi cứ yêu cầu cha tới nhà làm lễ cho cha mình. Tôi quên một điều là: trong trật tự giáo hội sự thăng chức cũng quan trọng như ở ngoài đời, cho nên muốn lên chức thì phải được lòng cha bề trên; một khi bề trên đã lệnh thì nhất nhất phải làm. Do vậy, người của Chúa đã khước từ.

*

Sáng hôm sau, chiếc xe tang tới đưa cha tôi đến nghĩa trang. Nhờ vào số tiền ít ỏi của bà con thân thuộc, chúng tôi thuê được hai xe tắc xi chở các cụ già, số còn lại đi bộ hết. Đám tang khởi hành từ nhà chúng tôi vào lúc 15 giờ. Khách dọc đường tò mò nhìn chúng tôi. Một số xe hơi do mấy ông tài nghèo lái dừng lại nhường lối cho đoàn đưa đám. Những xe sang trọng khác thì cứ phóng vèo vèo vượt lên.

Đường vào nghĩa trang bị quá nhiều xe làm tắc nghẽn. Nhờ có kinh nghiệm trong nghề, bác tài xế lái xe tang cha tôi lách được một lối đi. Nhưng rồi trước mặt chúng tôi dựng lên một hàng rào cảnh sát. Họ ra lệnh cho đoàn chúng tôi dừng lại. Một cảnh sát viên bước tới cho biết nghĩa trang đang cấm mọi sự ra vào cho đến khi chôn cất xong ông lớn.

Cha tôi được chôn rất vội vàng. Đất nuốt ông nhanh chẳng kém anh lính nuốt mẩu bánh ăn tạm giữa trận tiền. Cha xứ đọc liền lầu lối cầu nguyện.

“...Từ cát bụi mà ra, nay lại trở về với cát bụi, Chúa dạy thế, hồi đứa con tuổi tác vừa được hưởng sự an nghỉ vĩnh hằng, cầu Chúa hãy tiếp nhận con vào xứ sở của Người. Amen!”

- Amen!

Đọc xong kinh, cha xứ bảo tôi hãy nói nhanh nhanh mấy lời cuối cùng với người mất. Nước mắt lưng tròng, tôi bắt đầu câu nói như sau:

- Cha ơi, cha đã mỗ yên mả đẹp. Phải chăng con người ta đều bình đẳng trong cái chết. Đừng khóc cho phận nghèo của mình trên đời nữa cha ạ. Cha và ông nhà giàu mà người ta vừa chôn kia, cả hai cùng mất một ngày, cả hai sẽ được bình đẳng...từ nay.

Cha xứ hích khuỷu tay vào sườn tôi, chữa lại:

- Cả hai đã bình đẳng từ sau hôm nay rồi.

- Bình đẳng rồi ư, tôi nhắc lại. Vừa hồi, tôi vừa trông theo lớp đất đỏ người ta đang đổ xuống cha tôi và cùng ngược mắt lên cao nhìn ánh mặt trời hắt xuống ngôi mộ kẻ bên kia ở trên ngọn đồi của nghĩa trang...

Trần Việt dịch

NHỮNG ĐỒNG ĐÔ LA

Mohamed Berrada (Maroc)

Thỉnh thoảng nàng lại ngáp vì không được ngủ đầy giấc. Nàng đã phải “làm việc” không nghỉ, bởi khách qua đêm cứ hùng hục suốt đêm không ngủ. Sáng nay, ông ta tỏ ra tử tế, đã lái xe đưa nàng đến quán cà phê *Cát vàng* trước khi tới văn phòng. Còn nàng cũng không buồn cả chào bà chủ quán cà phê người Pháp, bàn tay giờ lên như thói quen.

Nàng đưa mắt nhìn dãy bàn trống, rồi ngấm ngấm những chai rượu, trước khi dừng lại ở chai Mác-ti-ni. Lưỡi nàng động dậy trong miệng, chút kỷ niệm về thứ rượu này mà nàng đã cùng nếm với người khách đêm qua. Trong trí tưởng tượng của nàng, hình bóng người khách bắt đầu tan biến đi, nàng chỉ còn nhớ được cái bụng và đôi môi tròn đầy của ông ta.

Bà chủ quán vừa mau mắn đem lại cho nàng tách cà phê vừa hỏi: “Phatini, khỏe chứ?”

Đã ba tháng trôi qua kể từ ngày nàng tới Cada, thế mà nàng luôn phải cố thích nghi với cuộc sống mới này: di chuyển thường xuyên, tốc độ của xe ô-tô và xe gắn máy, đèn nê-ông tắt rồi lại bật, những người cảnh sát cử động và dúi cuì ra hiệu; mọi cái đó thật khác với cuộc sống của nàng trước đây: căn lều, cánh đồng lúa mì, những ngày ở Xúc Lác-ba, tuổi thơ của nàng.

Nàng ngạc nhiên vì bị đột ý nghĩ ám ảnh ấy ủa tới, vì nỗi buồn nhớ quê hương tăng lên mang nàng trở về làng

quê. Nàng cố đập đi “tiếng nói của quá khứ”. Nàng nóng lòng mong cô bạn Rimu nhưng người ta trả lời là cô ta chưa tới...Nàng đưa mắt nhìn khắp nơi song chẳng thấy ai. Cà phê đã nguội, nàng nhấp vài ngụm rồi nhìn xa xa, về phía đám người náo nhiệt trên quảng trường.

Thân thể nàng đầy đặn, tóc và đôi mắt cùng một màu đen hài hòa, một vết xăm lộ ra trên cằm như một dấu chấm thăm màu. áo gi lê và chiếc váy nàng mặc khiến người ta nghĩ rằng nàng mới bước vào nghề, mới biết chút đỉnh về thành phố và...về phong lưu của nó. Song le, nàng có vẻ đẹp khá hấp dẫn mà khách làng chơi không lường lự: theo bà chủ, nàng là “một khuôn mặt mới”.

Trong cái đêm đầu của nàng ở thành phố này, một người đàn ông trẻ tuổi lái xe theo nàng, đề nghị nàng đến làm việc ở nhà anh ta: nàng leo lên xe không ngần ngại. Anh ta dẫn nàng vào một khách sạn. Nàng không thể chống nổi sự khôn khéo của người trẻ tuổi. Sáng hôm sau, anh ta biến mất, để nàng lại, trần trụi. Lại một lần nữa nàng không biết ở đâu, nhưng bà chủ khách sạn cho nàng ở một buồng nhỏ, để bù vào nàng trở thành con mồi của khách hàng của bà ta.

Bỗng nhiên nàng bị kéo ra khỏi mối suy tưởng vì giọng một người lính Mỹ chào bà chủ quán người Pháp và đến ngồi tít trong góc đối diện với nàng. Nét mặt anh ta có vẻ rất mệt mỏi: anh ta hẳn đã qua một đêm thức trắng, cứ nhìn vào mắt anh ta là đủ biết. Phatima tò mò nhìn vào người lính Mỹ, vì mặc dầu không đếm nổi số đàn ông mà nàng đã có thể biết trong khoảng thời gian ngắn ngủi, nàng cũng chưa bao giờ đi với một người lính Mỹ nào cả. Cô bạn Rimu của nàng rất

thán phục sự hào phóng của họ...Người lính Mỹ hút thuốc, về hồ hững, nhìn ra chỗ khác.

Người Mỹ từ xa tới, chắc như mình đã tới từ Xúc Lácba...ô, có thể xa hơn nữa bởi người ta bảo rằng họ đi bằng tàu biển. Mẹ anh ta đợi anh ta trở về, mình không thể hình dung một cuộc sống xa mẹ, xa anh em...Tính nông nổi của mình! Chính vì nông nổi nên mình đã bỏ trốn. Chẳng lẽ mình không thể kiên nhẫn hơn thế nữa hay sao?

Sáu tháng khổ khổ và bị hành hạ, sáng và tối nào cũng bị đánh. Ai có thể đoán được gã anh họ sẽ đối xử với mình như thế nào? Và nếu mình từ chối lấy hắn thì mọi người sẽ nói sao? Đây là số phận. Chắc chắn sau khi ly hôn, mình có thể ở lại bên mẹ, nhưng mình không chịu nổi những cái nhìn buộc tội và miệng lưỡi độc địa...Mình nghĩ tìm thấy ở đây một người chồng tốt, anh ấy sẽ bù đắp cho mình, cùng với anh ấy mình sẽ quay về gia đình để trả lại nụ cười cho mẹ. Một người chồng! Mình đã thấy một người chồng, chỉ trong một đêm duy nhất. Hắn đã ra đi, con người ích kỷ ấy, không để lại cho mình chút gì!

Nàng có cảm giác như chưa hề rời khỏi làng. Cuộc sống mới này chỉ là kết quả của trí tưởng tượng hoang đường. Quảng trường với sự nhộn nhịp, tiếng ồn ào, với những vị khách có sở thích và tính tình khác nhau, tất cả không thể làm nàng quên những kỷ niệm khiến tâm hồn nàng rạo rực...Trong chốc lát mẹ nàng sẽ đến, ôm hôn nàng và sẽ mang nàng đi cùng với bà về căn lều êm ái, dọn cho nàng ăn món cút – cút¹.

¹ . cút – cút (couscous) – một món ăn của người châu Phi

Người đánh giày bước vào và người Mỹ tiến về phía anh ta. Phatima nhìn cái đầu tóc vàng hoe ngẩng lên ra hiệu từ chối. Nàng thoáng nghĩ rằng người Mỹ mỉm cười với mình, nàng không rời mắt khỏi anh ta. Người Mỹ gọi nàng nhớ tới một chàng trai tóc vàng hoe ở làng bên mà nàng thường gặp ở chợ, họ đã trao những cái nhìn cho nhau. Nàng có ý nghĩ sẽ lấy người Mỹ.

“Nhưng anh ta không theo đạo Hồi, không nói tiếng Ả Rập, mẹ mình sẽ khó hòa hợp với anh...Nhưng quan trọng gì, mình sẽ làm cho anh ta quy theo đạo Hồi...Còn về tiếng của anh, mình có thể học được nhanh chóng và mình sẽ dịch lời của anh ta cho mẹ...Nhưng anh ta sẽ chẳng bao giờ bằng lòng đến sống trong làng mình, có thể là anh đề nghị mình đi cùng với anh về nước...Vấn đề thật đơn giản: căn bản là phải thoát ra. Ngày nào cũng lại những khuôn mặt và thể xác khác nhau...ánh mắt của anh ta có vẻ hiền hậu...Anh ta hẳn là dịu dàng...Nếu anh ta lấy mình, mình sẽ làm tất cả trong khả năng khiến cho anh vui sướng. Khi mình có con, mình sẽ đặt tên bé là Anta để nó có lòng dũng cảm”.

Nàng mỉm cười trong dòng mơ tưởng, kín đáo nhìn người lính Mỹ, bây giờ đến lượt anh ta có vẻ để ý nhiều đến nàng. Bà chủ quán nhìn Phatima và khích nàng nhảy vào nạn nhân...Nhưng Phatima cứ nhìn đầu đầu ấy: nàng mơ màng...Người lính ngộ nguỵ trên ghế, như để đứng lên. Anh ta do dự, rõ ràng là còn thiếu kinh nghiệm. Còn Phatima, từ khi nàng nảy ra ý định lấy người Mỹ thì nàng không chú ý đến vẻ bồn chồn của anh ta cũng như mọi cử chỉ của bà chủ quán nữa: nàng đang sống trong một trạng thái say mê. Nàng mơ tưởng đến Xúc Lácba: dân chúng vây quanh

nàng để nhìn nàng cùng chồng đi qua. Nàng thấy phụ nữ trong làng thóc mách và liến thoắng nhưng thận trọng, Le Fquih Hadj Abdeslam phần nộ và ngạc nhiên. Nàng không biết người chồng này sẽ làm mẹ nàng vui hay ngược lại, làm bà buồn. “Dù sao đi nữa, đám cưới sẽ hợp pháp và theo truyền thống. Minh sẽ không về làng thường xuyên, tốt hơn là mình sẽ mời mẹ đến ở Cadablăngca...”

Những giấc mơ, tất cả mọi giấc mơ hợp lại để dệt lên cái cảnh tượng đẹp đẽ ấy...

Người Mỹ bước về phía quây rượu, gọi một cốc rượu, châm thuốc hút. Anh ta hút thuốc có vẻ sốt ruột, dăm dăm nhìn khuôn mặt mơ mộng của Phatima. Vẻ khó khăn anh ta lại gần bàn nàng. Phtima nhìn chằm chằm vào đôi mắt xanh lơ của anh ta; nàng mỉm cười dễ thương như để khuyến khích anh ta nói ra cái lời đề nghị xiết bao ước muốn. Người Mỹ yên lặng, rồi anh ta hỏi một cách lạnh lùng: “Bao nhiêu?” Nỗi khao khát kết hôn với người lính Mỹ căng thẳng đến mức nàng không hiểu ngay được ý nghĩa câu anh ta hỏi; nàng vẫn dăm dăm dụi dằm nhìn anh. Anh ta nhấc lại, xòe các ngón tay giải thích sự thêm muốn của mình: “Bao nhiêu?”.

Cuối cùng nàng hiểu đây là chuyện mua bán. Một người khách như một người khác, chỉ có điều hơi sớm; nàng giơ bốn ngón tay và nói thêm: “...đôla”.

Đức Thảo dịch

BUỔI TRÀ CHIỀU

Cầu Sơn Sơn (Trung Quốc)

Diễn Mi dắt xe đạp ra, bất giác nhìn trời, những tia nắng ban mai xuyên qua làn mây mỏng tang chiếu rọi khắp nơi. Những đám mây dày đặc dường như đã được một bàn tay vô hình dần mỏng. Diễn Mi nghĩ, những ngày mưa gió âm u cuối cùng cũng đã qua. Lúc này, bánh trước của xe Diễn Mi bất ngờ chạm phải một vật gì đó. Nhìn xuống, hóa ra là một chiếc xe con, đó là một chiếc xe màu mận chín, rất đẹp. Một cái đầu thò ra khỏi xe bất mãn nhìn Diễn Mi. Cô thở phào, may mà mình đi chậm nếu không thì khó mà phanh kịp!

Người gác cổng ra hiệu, chiếc xe con dừng lại. Diễn Mi nghiêng người đi qua phía sau người gác cổng. Cô nghe một người ngồi trong xe bực bội nói, chúng tôi thuê phòng làm việc của các vị mà lại không có chỗ đỗ xe? Diễn Mi liếc nhìn thấy một khuôn mặt quen quen. Người đàn ông thấy cô chợt sống lại rồi nói mỉa: cung cách quản lý của các vị lạ thật, lại là một cơ quan văn hóa cơ đấy!

Diễn Mi hiểu ngay anh ta là người thuê văn phòng trong toà soạn báo của họ. Ngôi nhà 17 tầng này đã cho thuê mất 10 tầng, 7 tầng trên cùng là của Tòa soạn báo. Cô đưa xe vào nhà xe, khóa lại, trong đầu cứ lửng lơ vương mãi bởi cái nhìn của người đàn ông vừa gặp. Mình đã gặp anh ta ở đâu nhỉ? Chắc chắn là đã gặp rồi. Hay là...Diễn Mi dò dẫm cả người. Chiếc xe con của một vòng rộng lướt qua sát

cạnh Diễm Mi rồi chạy vào gara. Cô thấy người đàn ông xuống xe, đi thẳng vào tòa nhà lớn.

Trong thang máy họ lại gặp nhau. Diễm Mi càng đinh ninh là mình đã từng gặp anh ta. Đã nhiều lần cô gặp người quen mà không nhận ra, lần nào người quen cô cũng gọi tên cô trước, vì thế, lần này cô quyết định phải chủ động chào trước. Cô gật đầu nói: chào anh! Người đàn ông hơi bất ngờ nhưng cũng gật đầu và nói: chào cô. Người đàn ông lên đến tầng 7 thì đi ra.

Khi ra khỏi buồng thang máy người đàn ông chợt quay đầu lại hình như muốn nói điều gì đó, song lại thôi. Cửa buồng thang máy khép lại, và, trong cái tích tắc ấy Diễm Mi bất chợt nhớ ra người đàn ông đó là ai, đúng là anh ta, cụ thể hơn, đó là người đàn ông mà cô đã cự tuyệt mười mấy năm về trước.

Hồi đó Diễm Mi vừa từ đội sản xuất ở nông thôn trở về thành phố, hai mươi lăm tuổi, chưa có người yêu. Cha mẹ cô sốt ruột thúc cô lao vào cuộc truy tìm đối tượng cứ xoay tít như đèn cù mà mãi vẫn không có kết quả. Trong thời gian này Diễm Mi có cảm tình với một vài người, trong số đó có anh ta, người đàn ông mà cô vừa tình cờ gặp sáng nay.

Hồi đó, anh ta là một giáo viên trung học, dạy môn Vật lý. Phải nói rằng ở anh ta dường như hội đủ các điều kiện phù hợp với Diễm Mi, đúng hơn là thỏa mãn các tiêu chuẩn mà cha mẹ cô đặt ra: hơn cô hai tuổi -- tốt nghiệp đại học -- người cùng quê. Song chẳng hiểu sao, mỗi khi hai người gặp, chẳng ai nói với ai lời nào! Hồi đó Diễm Mi cho rằng: mới quen nhau mà chẳng nói năng gì, sau này thành vợ thành chồng thì còn

gì mà nói với nhau nữa, chẳng phải là câm sao? Thế là cô cự tuyệt. Người đàn ông cúi lằm, anh ta bảo, đối với hôn nhân, Điền Mi chẳng có tí đầu óc nào! Anh ta còn nói, tình cảm là thứ có thể nuôi dưỡng được. Có tình cảm tự nhiên sẽ có nhiều điều dễ nói với nhau. Điền Mi nghe vậy cảm thấy bị bất ngờ, trong lòng thoáng chút áy náy.

Hai năm sau Điền Mi lấy chồng, người chồng hiện tại của cô. Lý do để cô nhận lời lấy anh ta là anh ta nói chuyện rất có duyên và khá hấp dẫn. Cô đâu ngờ, lời nói có thể cạn dần. Và đúng như vậy, sau mười lăm năm chung sống với nhau, họ chẳng còn gì dễ nói với nhau nữa. Khi chẳng còn gì dễ nói với nhau một cách tử tế... thì chỉ còn lại sự giận dỗi, bực mình. Và rồi, họ ly dị nhau.

Đấy là điều Điền Mi không ngờ tới.

Vào bữa cơm trưa hôm sau, Điền Mi lại gặp lại người đàn ông đó trong nhà ăn tập thể. Anh ta đang mua cơm ở quầy, thấy Điền Mi liền gật đầu chào, rồi cùng một người đàn ông khác đến ngồi vào chiếc bàn cạnh cửa sổ. Điền Mi thoáng thấy thực đơn của anh giống cô. Trong tòa nhà này có một nhà ăn rất đẹp, do đầu bếp nấu ăn ngon nên khá đông người đến ăn ở đây. Mà nhà ăn theo nguyên tắc lợi nhuận nên rất hoan nghênh thực khách.

Do phải sửa bài, Điền Mi đến nhà ăn hơi muộn. Cô ngồi một mình, vừa ăn vừa xem lại bản thảo. Thực ra thì cô không buộc phải làm như vậy, có điều, cô thấy ngại ngùng, lúng túng trước người đàn ông nọ. Trong khi đó, ở bàn bên ngoài người đàn ông đang thao thao bất tuyệt, hình như nói về Công ty của anh ta!

Vì đã nhận ra anh ta là ai nên Diên Mi ngại chào hỏi trước. Ăn xong, người đàn ông cùng ăn với anh ta, chắc là trợ lý, mang bát đĩa đi rửa. Anh ta châm một điếu thuốc, quay lại nói chuyện với Diên Mi khá tự nhiên. Cô làm việc ở tòa báo à? Diên Mi gật đầu. Cô nghĩ, xem ra, anh ta cũng đã nhớ ra mình là ai rồi.

Người đàn ông nói, tôi thuê nửa tòa nhà phía dưới của Tòa soạn đây. Diên Mi gật đầu. Người đàn ông tiếp, lúc nào rồi mời cô xuống chơi. Diên Mi lại gật đầu. Ngoài việc gật đầu cô chẳng biết nói gì nữa.

Mọi người lần lượt ra khỏi nhà ăn.

Nhìn từ phía sau anh ta béo hơn trước nhiều.

Suốt cả buổi chiều ngồi trong phòng làm việc mà đầu óc Diên Mi như để đâu đâu. Phòng làm việc nhìn về hướng nam, ánh nắng chiều chiếu chênh chếch vào phòng khiến ta có cảm giác buồn buồn. Lúc này đây quán trà trên sân thượng chắc đã mát và hôm nay trời mới đẹp làm sao! Không biết cái bàn cạnh cửa sổ ấy đã có ai ngồi chưa nhỉ?

Nhiều năm nay, nói chính xác là từ khi chuyển tòa soạn báo về tòa nhà này, trong lòng Diên Mi luôn ao ước một ngày nào đó cô sẽ cùng một người đàn ông đến đó uống trà buổi chiều. Người đó tất nhiên phải hiểu về cô nhưng chưa đến độ hiểu quá tường tận; đương nhiên anh ta phải là người có văn hóa và biết cách nói chuyện. Họ sẽ nhâm nhi từng ngụm trà, nói chuyện phiếm với nhau và tận hưởng sự thanh thản, nhàn hạ trong một buổi chiều đẹp trời. Vậy mà, niềm ao ước nhỏ nhoi ấy, chỉ vì thiếu vắng người đàn ông nên chưa bao giờ thực hiện được!

Thực ra, trước đây cũng đã có người mời Diên Mi đi uống trà. Nhưng mỗi lần như vậy, cô đều thất vọng. Người đối ẩm biết rõ là Diên Mi đã ly dị chồng và thường buông lời tán tỉnh cô. Những cuộc hẹn hò như thế, có chút ngọt ngào đấy, nhưng không phải là không chua chát. Cô muốn có những cuộc hẹn hò hoàn toàn vô tư.

Và bây giờ, linh tính như mách bảo với Diên Mi rằng người đàn ông đó đã xuất hiện. Trên nhiều phương diện, anh ta khá hợp với cô. Anh ta biết cô nhưng chưa hiểu rõ hoàn cảnh hiện tại của cô. Vốn là một nhà giáo, có văn hóa, lại trải qua bao nhiêu năm lẫn lộn với cuộc sống, chắc phải là một người lịch duyệt.

Nhưng chẳng rõ anh ta có bằng lòng không? Diên Mi đã từng cự tuyệt anh ta, đã làm cho anh ta tức giận. Có điều, chuyện xảy ra đã mười mấy năm rồi, Diên Mi nghĩ, sự oán hận chắc không còn nữa. Như hôm nay thì rõ, chỉ ít là những biểu hiện bên ngoài. Con người ta trong lúc đặc chí thường độ lượng. Ngày hôm nay anh ta đã chủ động hỏi chuyện mình đó sao? Cô biết, dù không nói ra, anh ta đang muốn cô hiểu rõ hoàn cảnh hiện tại của mình và tỏ ra hối tiếc về chuyện chối từ ngày ấy. Ấu cũng là cái tâm lý thường tình của con người ta vậy.

Đương nhiên, ngày hôm nay thì chưa được, dù cho hôm nay trời thật đẹp. Vừa mới gặp lại, làm thế đường đột quá. Tốt nhất là hãy biết chờ đợi. Diên Mi tin chắc rằng, dù sao thì hiện tại họ đang làm việc cùng một tòa nhà, sẽ có nhiều cơ hội để gặp nhau. Đợi đến một ngày nào đó mình có đủ can đảm sẽ gọi điện thoại hẹn anh ấy. Trong lúc nghĩ như vậy Diên Mi chợt nhớ ra người đàn ông không để lại số

điện thoại cho cô mà chỉ nói có rồi mời đến chơi. Công ty của anh ta là gì, làm sao liên hệ với anh ta, Điền Mi cũng chẳng biết gì cả. Họ quên trao danh thiếp cho nhau.

Lúc đó, một cô gái mang một xấp thư đến cho Điền Mi, vui vẻ nói: chị Điền Mi ơi, chị có nhiều thư lắm.

Điền Mi đứng lên nhận thư, cười cười, rất tiếc là thư gửi cho biên tập viên Điền Mi, chứ đâu phải là thư của tôi!

Cô gái phản ứng rất nhanh, các anh chị nghe chưa, chị Điền Mi của chúng ta đang đợi thư đấy!

Điền Mi nói, không chỉ đợi thư đâu, còn đợi cả người nữa kìa. Mọi người cười vui. Ở đây lâu nay mọi người sống khá thoải mái bởi họ còn rất trẻ. Sau khi ly hôn, Điền Mi tự nhủ đừng để cho mọi người than phiền về sự cáu bẳn của người phụ nữ độc thân, vì vậy cô luôn cười đùa với mọi người. Dù có chuyện bực mình, Điền Mi cũng cố nén. Và, mọi người nhận xét rằng Điền Mi chẳng giống một người phụ nữ sau khi ly hôn chút nào.

Thế nhưng mọi người đâu biết, nhiều lúc Điền Mi đã phải khóc một mình.

Mấy hôm sau, cỡ hai hôm thì phải, Điền Mi lại gặp người đàn ông đó trong thang máy. Lần này tương đối đặc biệt, anh ta đi cùng với một cậu bé - Điền Mi hỏi, con anh đấy à? Người đàn ông lắc đầu, sau đó lại cười ý nhị, con tôi đấy!

Trong thang máy đông người, họ không nói gì thêm.

Theo ngữ điệu phát ra từ câu trả lời của người đàn ông, Điền Mi cho rằng dường như anh ta muốn nói: con tôi ư, tôi

chẳng thấy nó đâu cả; hoặc là, con tôi ấy à? Sao lại nhỏ thế?...

Điền Mi nghĩ bụng, thôi, chẳng nên bận tâm về chuyện này nữa. Tuy nhiên cô có cảm giác là gia đình anh ta hình như không được hạnh phúc. Anh vẫn thường ăn cơm ở nhà tập thể, kể cả buổi chiều. Lẽ nào vì công việc quá bận rộn? Vậy càng hay. Điền Mi chợt thấy vui vui. Nếu anh ta sống hạnh phúc thì làm sao lại cứ phải ăn cơm tập thể? Lần này gặp nhau, ngoài vài câu trao đổi về cậu bé, họ chẳng nói được gì nhiều, và cũng không trao danh thiếp cho nhau. Thời gian sau hai người vẫn hay gặp nhau trong thang máy và Điền Mi nhận ra người đàn ông đi làm rất đúng giờ. Họ chỉ nói được vài câu, có lúc chẳng kịp nói gì, chỉ gật đầu chào. Anh ta làm việc ở tầng 7, đi thang máy thoáng cái đã tới, mà Điền Mi thì chẳng có lý do gì để cùng đến tầng 7 bởi cô làm việc ở tầng 15. Vì lẽ đó, ý muốn của Điền Mi vẫn chưa thực hiện được.

Những ngày nghỉ cuối tuần đến thật nhanh.

Đối với Điền Mi, đây là những ngày cô phải bắt tay vào công việc khác: làm tròn bốn phận người mẹ. Cô con gái đang học lớp 6, thời kỳ này khá bận rộn đối với cô bé. Vì vậy, trong những ngày cuối tuần Điền Mi phải sắp xếp thời gian biểu cho con gái thật sát sao: tối thứ 6 học đàn, sáng thứ 7 học văn, chiều làm bài tập, sáng chủ nhật học toán, chỉ được nghỉ duy nhất một buổi vào chiều chủ nhật.

Để cô bé không quá mệt mỏi và chán nản Điền Mi thường chuẩn bị cho buổi nghỉ ngơi này thật thoải mái. Ngủ trưa dậy muộn, ăn nhẹ một chút gì đấy rồi hai mẹ con đi dạo siêu thị. Những lúc thế này Điền Mi thường mua

cho con gái tất cả những gì mà cháu muốn. Sau khi đi dạo khắp siêu thị, hai mẹ con đến nhà hàng hoặc ăn cơm, ăn ốc nướng hoặc cua rang ớt là những thứ mà cô bé rất thích.

Có điều, chủ nhật này Diên Mi không thể không đưa con đến toà soạn và sẽ ăn cơm ở nhà tập thể bởi cô phải biên tập một bài báo còn dang dở, đành phải làm ngoài giờ. Cô bé biết vậy, dù không vui song cũng không phản đối.

Hai mẹ con đến nhà ăn, nhà ăn vào những ngày cuối tuần rất vắng. Vừa mua xong cơm, ngồi xuống bàn thì người đàn ông đến. Diên Mi đang xé chiếc cánh gà cho con, tay dính đầy mỡ, cô bảo con lục túi xách tìm khăn lau. Cô bé tìm mãi không thấy, người đàn ông đi đến đưa cô một chiếc khăn giấy. Diên Mi ngẩng lên, thấy anh ta, vì bất ngờ nên ngay cả lời cảm ơn cô cũng quên nói.

Người đàn ông mỉm cười, đi mua cơm, sau đó đến ngồi cạnh hai mẹ con...Anh không hỏi “Con cô đây à?” mà chỉ nhìn nhìn, rồi hỏi, thế nào, ngày nghỉ cũng ăn cơm tập thể ư? Diên Mi đáp, vâng, ở đây sạch sẽ. Nhưng rồi cô lại nghĩ, chẳng lẽ đó lại là lý do? Muốn sạch sẽ thì ở nhà sạch sẽ hơn chứ. Cô nói thêm, tối nay tôi phải làm ngoài giờ. Rồi hỏi, anh cũng làm thêm à? Người đàn ông nói, chúng tôi, hễ khi có việc thì làm chẳng câu nệ lắm vào giờ giấc. Diên Mi nói, tôi thấy công ty anh không đông lắm thì phải? Đúng vậy, chúng tôi chưa đến mười người – Người đàn ông nói – Tôi không thích quy mô lớn...Rồi anh nói thêm có vẻ hơi tự phụ, tuy nhiên, chỉ từng ấy người thôi, hàng năm chúng tôi nộp thuế cho Nhà nước nhiều hơn khối công ty có đông người cơ đấy. Tuy nhiên cô không hề ghen tị, nơi cô làm việc cũng tốt chán. Cô hỏi, chắc công việc của anh bận rộn

lắm nhỉ? Đúng vậy, người đàn ông nói – Mọi chuyện đều phải tự mình giải quyết, như Mao Chủ tịch nói, khi cái chốt chưa đung đến thì ở đó bụi bặm vẫn còn!

Điền Mi cười, cảm thấy rất vui.

Cô con gái nhìn mẹ ngạc nhiên lắm, chẳng hiểu cái gì mà mẹ nó lại cười vui đến thế. Điền Mi còn muốn nói chuyện thêm nữa, chẳng hạn như hỏi anh ta đã lập gia đình chưa, nhưng con bé đã nói chen vào. Con bé tỏ ra rất cảnh giác đối với bất cứ người đàn ông nào nói chuyện với mẹ nó, nhất là với người đàn ông mà nó cảm thấy có thể làm cho mẹ nó xiêu lòng, nó càng cảnh giác hơn... Có lần con bé đã nói, mẹ ơi, con thấy mẹ đừng tìm người khác làm gì, tiền một mình mẹ làm ra cũng đã đủ lắm rồi. Theo con bé, mẹ nó muốn đi bước nữa chẳng qua là vì nguyên nhân kinh tế. Điền Mi rất buồn về chuyện đó, cảm thấy con gái không hề quan tâm gì đến đời sống tình cảm của mình. Thực ra thì cô cũng mới có bốn mươi tuổi. Nhưng rồi nghĩ lại, tình trạng hiện nay là do chính mình tự gây ra, cô cũng bỏ qua cho con gái.

Người đàn ông dường như hiểu rõ tâm trạng ấy, không nói gì thêm, ăn vội suất cơm rồi về trước.

Khi từ tòa soạn ra về, đã 10 giờ đêm. Điền Mi cảm thấy rất mệt. Cô con gái đã được cha nó đón đi. Điền Mi lại trở thành người cô đơn. Hầu như lần nào kết thúc những ngày cuối tuần, cô cũng cảm thấy vô cùng mệt mỏi, cả tâm hồn và cả thể lực như đã bị dốc cạn. Tình cảm của cô lúc này đặc biệt trống trải, cô rất muốn có một người nào đó để nói chuyện, để hôm sau có thể cùng đi uống trà chiều. Nhưng cô con gái trước khi đi với cha

đã hỏi, mẹ ơi, có thật mẹ phải làm thêm không? Không phải là mẹ hẹn với ai đấy chứ? Điền Mi hơi bực, hẹn với ai thì đã sao? Con học ở đâu cái kiểu can thiệp vào cuộc sống của mẹ thế? Và cô khóc. Nó sợ mình hẹn hò, nhưng mình đã có ai để mà hẹn hò đâu!

Phía ngoài tòa nhà, Điền Mi bất ngờ thấy người đàn ông đó đang đứng trước cửa gara nói chuyện với một người nữa. Điền Mi rất muốn bắt chuyện với anh, nhưng khi lời chào sắp buột ra khỏi miệng, cô nhớ ngay mình chẳng biết gọi anh là cái gì cho phải. Gọi tên thì không thích hợp lắm, họ chưa thân nhau đến mức ấy. Tốt nhất là gọi giám đốc...như thế vừa tôn trọng lại vừa giữ được khoảng cách cần thiết. Thế nhưng Điền Mi lại không nhớ họ anh là gì, chỉ nhớ anh là một võ sĩ, như hồi ấy mọi người vẫn gọi đùa, vì bố anh là một người rất mê võ thuật và muốn hướng anh vào con đường võ nghiệp. Đại khái, tên thì còn nhớ, nhưng họ lại quên. Cô cố lục lọi trong trí nhớ. Võ sĩ gì nhỉ? Chu võ sĩ? Không phải. Triệu võ sĩ? Không phải. Tôn võ sĩ? Cũng không phải. Hay là Dư võ sĩ? Cũng không phải nốt. Vì không nhớ ra họ của anh ta, Điền Mi đành bỏ qua ý định bắt chuyện. Cô lặng lẽ đi ra cổng, cảm thấy thật uể oải, rất muốn có một ai đó đưa cô về nhà. Và, cô thở dài.

Đi được vài bước Điền Mi bỏ luôn ý định đi xe bus, cô vẫy taxi, quyết định tận hưởng chút cảm giác có người đưa mình về tận nhà, dù đó là một người không quen.

Ngày lại ngày trôi qua, Điền Mi và người đàn ông ấy vẫn gặp nhau nhưng quan hệ giữa họ chưa có gì tiến triển. Hình như anh ấy không muốn quan hệ với mình, Điền Mi nghĩ thế. Nếu không như vậy thì sao anh ấy lại

không chủ động đưa cho mình một tấm danh thiếp? Có lẽ anh ấy vẫn còn hận chuyện cũ? Cũng phải thôi, một người đàn ông từng trải lẽ nào lại phải làm lành trước với một phụ nữ đã từng cự tuyệt mình? Dù thế nào đi nữa, làm thế vẫn không hay.

Điền Mi rất hiểu điều đó, tuy nhiên cô vẫn có chút khó tâm mà mỗi lần gặp nhau cô đều chạm phải: rất cục, anh họ gì? Cho đến hôm nay, Điền Mi đã thử điểm lại trên 20 họ, vẫn không có họ nào đúng cả. Một lần cô tưởng như đã xác định được anh là “Tôn võ sĩ”, nhưng đến khi giáp mặt anh cô lại tự phủ nhận nó. Điền Mi giận mình sao không có quyển “Danh mục trăm họ” để tra cứu.

Bởi không sao nhớ nổi họ của người đàn ông, cái ý nghĩ mời anh ta uống trà chiều cũng không còn nữa. Điền Mi cảm thấy hơi vô duyên nếu uống trà với một người mà mình chưa biết họ anh ta.

Nhưng một hôm, chuyện đó, cuối cùng dường như đã thay đổi. Sự thể là thế này. Trưa hôm đó hai người gặp nhau trong nhà ăn. Anh đến trước, Điền Mi đến sau. Điền Mi nhìn thấy anh, theo thói quen, gật đầu chào. Anh mua cơm rồi chủ động đến ngồi đối diện với cô.

Anh mở lời, có chuyện tôi muốn hỏi cô. Điền Mi hỏi chuyện gì. Người đàn ông hình như có chút do dự. Điền Mi nhạy cảm nghĩ, chắc là hỏi vì sao ngày ấy lại cự tuyệt anh ta. Chuyện đó khó có thể nói rõ trong một vài câu. Trong khi nghĩ như thế, Điền Mi đột nhiên nhớ tới cái điều mà mình từng mong, bèn nói, trên tầng thượng của tòa nhà chúng ta đang ở đây có một quán trà tuyệt lắm, chúng ta lên đó nói chuyện, được không anh? Người đàn

ông đồng ý ngay. Và họ hẹn sẽ gặp lại nhau vào 4 giờ chiều tại quán trà.

Chiều hôm ấy, tuy chưa hẳn đã là một buổi chiều đẹp trời nhưng cũng tương đối phù hợp với những gì mà Điền Mi thích: những áng mây mỏng, ánh mặt trời thì thoảng xuyên qua làn mây tỏa nhẹ lên mọi vật. Song chẳng hiểu sao trong lòng Điền Mi không hề thấy háo hức chờ đợi như cô vẫn nghĩ, ngược lại, có điều gì khiến cô thắc thỏm. Không biết anh ta sẽ hỏi chuyện gì? Hay là anh chỉ muốn nói chuyện phiếm cho vui? Mà chuyện phiếm gì nhỉ? Chuyện ngày xưa hay chuyện bây giờ?

Điền Mi nghĩ, tốt nhất là anh cũng giống cô, chỉ muốn có người cùng uống trà mà thôi.

Dù sao, Điền Mi cũng quyết định phải đến sớm một chút để được ngồi vào chiếc bàn cạnh cửa sổ. Buổi trà chiều trong tưởng tượng của cô, cái bàn cạnh cửa sổ ấy là một vị trí đẹp.

Có điều, khi ngồi vào đúng vị trí ấy và đối diện với anh ta, Điền Mi không hề có cảm giác gì cả. Đầu óc cô bị một điều rất cụ thể chi phối: anh họ gì? Và cô quyết định, khi chưa làm rõ điều này thì chưa thể nói chuyện cởi mở với nhau.

Cô tiếp viên đến hỏi họ dùng trà gì. Điền Mi hỏi ý anh, anh lại hỏi cô, cô gọi một ấm bích hoa xuân.

Người đàn ông nói, hình như những người làm báo các cô ai cũng thích trà?

Điền Mi đáp, vâng.



Người đàn ông hỏi, những năm qua cuộc sống của cô thoải mái chứ?

Diễn Mi nói, cảm ơn anh, bình thường.

Bình trà được mang đến. Trong chiếc cốc pha lê trong suốt, những cánh trà cuộn tròn, ánh lên một màu xanh nhẹ. Diễn Mi nâng chiếc cốc trên tay hứng lấy tia nắng mặt trời, những chiếc lá trà xao động, từ từ mở ra và cô cảm thấy tâm hồn mình thanh thản. Cô nói, tôi rất thích ngắm những cánh trà giũ ra trong nước và những cái bọt li ti nổi lên như thế này. Nghe cô nói thế, người đàn ông cũng bê cốc trà lên nhìn, đang định nói gì thì chuông điện thoại di động reo. Anh nói, xin lỗi rồi nghe điện thoại.

Diễn Mi chợt không còn hứng thú nữa. Uống trà chiều quả là không nên có điện thoại gọi tới. Nhìn qua cửa sổ, những tòa nhà lô nhô nối tiếp vào nhau thành một mảng màu xám xám. Dẫu là ánh nắng chiếu chiếu vào cũng không làm cho chúng sáng lên. Diễn Mi nghĩ bụng, hãy chờ anh tiếp điện thoại xong cô sẽ đề nghị, chúng ta nên tắt máy di động trong những dịp như thế này...Nhưng cô nghe giọng nói của người đàn ông có gì đó không vui, hình như ở công ty đã xảy ra điều gì đó không ổn.

Người đàn ông tắt máy điện thoại áy náy xin lỗi. Diễn Mi hỏi, có việc gì xảy ra vậy anh? Anh nói, vấn đề không lớn, ở công ty có chuyện. Diễn Mi đành thôi không yêu cầu tắt điện thoại nữa. Cô chợt nói, chúng ta vẫn chưa trao danh thiếp cho nhau. Người đàn ông gật đầu, ừ nhỉ, tôi quên mất. Anh lục ví tùm, tiếc quá, danh thiếp của tôi hết rồi. Thôi được, tôi viết cho cô vậy.

Anh xé một tờ giấy, ghi số điện thoại văn phòng công ty và cả số điện thoại di động. Nhưng cái họ của anh, điều mà Diên Mi hy vọng thì vẫn chưa được viết ra. Cô giả vờ nói, còn quý danh của công ty và anh? Người đàn ông lại cúi xuống viết. Vừa ghi xong tên công ty, đang định viết tên mình thì chuông điện thoại lại reo. Lần này, người đàn ông ngay cả lời xin lỗi cũng không kịp nói, vội nghe điện thoại và nhúu mày liên tục. Diên Mi nhận ra, vẫn là chuyện đang làm cho anh đau đầu. Cô bưng ly trà lên nhìn thật lâu. Những cánh trà giũ ra hết, những chiếc gân lá li ti hiện ra rất rõ. Hình như mặt trời đã xuống núi.

Trà ngon thế này, dành uống một mình vậy!

Trà Ly dịch

HỌC SINH MỸ VÀO HAVARD

Nhiep Đạt Giáp (Trung Quốc)

Mấy năm trước, Ramon - con trai của Powell thi đỗ vào trường đại học Havard. Vì có thành tích học tập cao và nhiều kinh nghiệm xuất sắc trong các hoạt động xã hội nên Ramon đã giành được học bổng toàn phần. Đối với gia đình họ, đây là điều vô cùng hạnh phúc. Với tư cách là đồng nghiệp của Powell, chúng tôi cũng thấy mừng thay cho anh ấy.

Một hôm, Powell nói với mọi người rằng, con trai anh chuẩn bị lên đường nhập trường, anh vừa bàn với sếp, dự định thứ 4 tuần sau sẽ mời mọi người ăn trưa ở công ty, hôm đó anh sẽ đưa cậu con trai đến để mọi người chúc mừng. Anh nói: "làm như thế vừa không ảnh hưởng công việc, mọi người cũng cảm thấy thoải mái, thân thiện. Hơn nữa, một bữa tiệc chúc mừng giản dị như vậy cũng sẽ không ảnh hưởng gì xấu đến con trẻ!". Mọi người đều tỏ ý tán thành, riêng tôi lại thầm thắc mắc: tổ chức ăn tiệc ở công ty thì bày biện thế nào nhỉ? Không biết ăn kiểu gì? Người Mỹ làm việc lạ thật đấy!

Hôm đó đi làm, vừa bước vào phòng làm việc tôi đã nhìn thấy Powell, anh nhìn tôi cười ha ha và nói: "Đừng quên trưa nay ăn cơm cùng nhau nhé". Tôi hỏi con trai anh đâu, anh bảo, nó đang ở trong bếp chuẩn bị bữa trưa.

Ở Mỹ, rất nhiều công ty làm việc ngay bên cạnh phân xưởng, trong phòng làm việc có một cái bếp nhỏ để tiện cho mọi người hâm nóng đồ ăn trưa. Người Mỹ rất xuề xòa trong bữa trưa, một chiếc bánh Sandwich hoặc một chiếc

xúc xích, hâm nóng lên, uống thêm một cốc cà phê, có cô chỉ ăn một chiếc kem ốc quế là xong.

Sau một hồi bận rộn, đầu óc rồi bời, nhìn đồng hồ thì đã đến mười rưỡi, tôi định ra ngoài đi loanh quanh đầu đó mười phút. Bất giác, tôi chợt nhớ rằng Ramon đang ở trong bếp, và thế là lòng hiếu kì đã thôi thúc tôi vào bếp xem cậu ta đang làm gì. Vào đến nơi thì tôi thấy cậu ta đang bận rộn chuẩn bị bữa trưa, mặc dù bận nhưng rất đầu vào đấy, cậu còn hơi mỉm cười. Thấy tôi vào, Ramon liền hồ hởi chào tôi. Dĩ nhiên, tôi đã chúc mừng rất nhiệt tình việc cậu ta được vào trường Havard.

Ramon hỏi tôi ở trong bếp bao lâu, tôi nói năm phút. Ramon nói với vẻ ngượng nghịu: “thời gian thế là đủ, cháu sẽ giới thiệu cho chú biết các món của bữa trưa!” Tiếp đó Ramon nói, vì sức khỏe nên món sa lát phải là sa lát rau tổng hợp, món canh là món hầm thịt bò, hình như Ramon cũng nhận ra được vẻ nghi hoặc của tôi, cậu ta chỉ vào một dụng cụ rất to giống dáng chiếc nồi cơm điện và bảo “trong nồi đây này, cháu đang hầm. Tôi nhìn thấy chiếc nồi đang bốc khói nghi ngút. Ramon nói: “chú mở ra ngửi thử xem, thơm lắm. Cái nồi này cháu thuê hết hai đô đấy”. Sau đó, tôi nhìn thấy trên trên chiếc bàn kê cạnh bếp có một chiếc nồi to đựng đầy bát tết bò đã chế biến, một lò nướng bánh mì, trên đó còn bày rất nhiều bánh mì ý vừa mới ra lò... Mọi thứ đều khiến tôi cảm thấy vô cùng ngạc nhiên, tổ chức liên hoan tiễn một cậu bé đi học trường Havard nhưng lại để cậu bé này vào bếp làm đầu bếp. ở Trung Quốc, nếu một đứa trẻ thi đỗ vào trường đại học nổi tiếng, thì chắc chắn bố mẹ chúng sẽ tổ chức một bữa tiệc thịnh soạn ở khách sạn mời mọi người đến ăn uống linh đình.

Ngoài sự thán phục và khen ngợi đối với cậu bé Ramon này, tôi còn có một thắc mắc: tại sao vẫn còn hơn một tháng nữa mới đến ngày khai giảng mà Ramon đã lên đường nhập trường? Và thế là tôi hỏi Ramon vấn đề này, Ramon trả lời: “cháu dự định sẽ vay bố cháu 500 đô, trên đường đi cháu sẽ bắt nhờ xe, dọc đường cháu sẽ làm một số cuộc điều tra xã hội ở một số khu dân cư, cháu chủ yếu sẽ vừa làm thêm một thời gian ngắn ở các quán ăn, vừa điều tra chi phí ăn uống của các đối tượng khác nhau, như thế cháu cũng sẽ có một ít thu nhập. Nếu vậy thì rất có khả năng là cháu không phải mất một đồng nào mà vẫn đến được trường”.

Khoảng gần 12 giờ, mọi người tập trung lại để ăn trưa, ai cũng nhiệt tình chúc mừng Ramon và khen cậu khéo tay. Jessica – cô bạn đồng nghiệp khá ngốc nghếch của tôi còn thắc mắc hỏi tại sao Ramon không thi vào trường dạy nấu ăn mà đi học ở Havard...

Hai tháng sau, Powell cầm một xấp ảnh của con trai anh gửi từ trường về cho chúng tôi xem và khoe với chúng tôi bằng giọng rất tự hào rằng: “Ramon đã đi hết 32 ngày trên đường, làm được rất nhiều điều tra xã hội, bản báo cáo điều tra của nó được thầy giáo đánh giá rất cao. 500 đô đó nó không tiêu một hào nào, trừ hết mọi khoản chi tiêu trên đường, nó còn kiếm được 100 đô”. Ảnh Ramon chụp trên đường, phần lớn đều là ảnh chụp chung với các đối tượng được anh điều tra. Nhìn vẻ thật thà, hiền lành, non nớt hiện trên gương mặt Ramon, tôi cảm khái muôn phần, đây chính là sinh viên của Havard!

SỢI DÂY CHUYỀN PHA LÊ

Lữ Tân Kiến (Trung Quốc)

Welter là thợ kim hoàn ở một thị trấn nhỏ. Giống như việc “con anh thợ may không có quần để mặc”, Welter không có món đồ trang sức nào ra hồn. Dĩ nhiên, nói từ góc độ khác, vì là dân ông nên Welter không để ý lắm đến chuyện này, nhưng vấn đề là ở chỗ, Welter rất yêu Anna vợ mình. Cách đây không lâu, Welter đã trịnh trọng hứa với Anna rằng, đúng vào dịp kỉ niệm ba năm ngày cưới của họ, anh sẽ tặng cô một sợi dây chuyền pha lê. Khi Welter hứa điều này với vợ, anh đã nghĩ đến việc trong thời gian tiếp theo, ngoài khoản tiền kiếm được để dành cho việc chi tiêu trong gia đình, anh sẽ lén giữ lại một ít để thực hiện kế hoạch đã định. Chỉ cần những ngày tiếp theo kinh doanh bình thường, hoặc nếu có thể khá hơn đôi chút là anh đã có đủ khả năng mua sợi dây chuyền pha lê trị giá 500 bảng Anh tại tiệm đồ trang sức Hoa hồng đen có tiếng trong thị trấn về tặng vợ.

Thế nhưng, thực tế thường đi ngược với những nguyện vọng tốt đẹp của con người. Sau hôm Welter hứa với vợ, đã có một gánh xiếc Nga về thị trấn biểu diễn. Có lẽ mọi người đã dồn mọi sự chú ý đến gánh xiếc hấp dẫn đó, nên những ngày sau đó, công việc kinh doanh của Welter vô cùng ảm đạm. Kết quả là, trước khi kỉ niệm ngày cưới một hôm, Welter chỉ tiết kiệm được 380 bảng.

Hôm nay là ngày kỉ niệm ngày cưới tròn ba năm của Welter và Anna. Buổi sáng, Welter tranh thủ thời gian,



đem số tiền không lấy gì làm nhiều 380 bảng đó đến tiệm đồ trang sức Hoa hồng đen, anh hi vọng có thể thương lượng với ông chủ Wells, ghi nợ 120 bảng rồi đem sợi dây chuyền pha lê 500 bảng về nhà.

Nghe Welter ấp úng tâm sự, Wells gật đầu lại lắc đầu, ông ta nói: “ngài Welter, ngài cũng biết đấy, tôi đã đưa ra quy định: không bao giờ cho chịu! Dĩ nhiên, tôi cũng rất hiểu tình cảm mà ngài dành cho vợ, thế này nhé, ngài xem sợi dây chuyền này có được không?”

Nói rồi ông Wells lấy từ trong tủ và đưa cho Welter một sợi dây chuyền giống hệt sợi dây anh định mua.

Welter cầm lên xem thì biết đó là một sợi dây chuyền hàng nhái, nhưng công nghệ của nó cũng rất tinh xảo, người ngoài không thể phân biệt được thật giả.

“Giá của nó là 80 bảng Anh, nếu ngài không ưng ý, khi nào có đủ 500 bảng, ngài lại có thể bán nó cho người khác, ít nhất là bây giờ ngài có thể thực hiện lời hứa với vợ mình...” Wells rụt rè đề nghị.

Nghe lời đề nghị của ông chủ tiệm trang sức, mặc dù không được như mong muốn, nhưng cuối cùng Welter cũng đành bỏ ra 80 bảng để mua sợi dây chuyền pha lê hàng nhái đó về nhà.

Chiều hôm đó, Welter đang ngồi trước bàn làm việc thì bà Andrew – vị khách quen của anh liền cười tươi bước vào.

Bà Andrew lấy từ trong chiếc túi xách tay xinh xắn ra một túi lụa nhỏ và đặt trước mặt Welter rồi hỏi: “Welter, anh có thể xuyên chúng lại được không?”

“Không có vấn đề gì, chỉ 20 phút là xong thôi”. Welter vừa nói vừa mở ngăn kéo bàn làm việc và bắt đầu tìm dây khâu hợp với sợi dây chuyền. Đột nhiên, bàn tay anh chạm phải một vật – sợi dây chuyền pha lê hàng nhái đó, bất giác tim anh đập thình thịch...

Lúc này, vẫn như mọi bận, bà Andrew lấy ra một cuốn tiểu thuyết và ngồi trên chiếc ghế bên cạnh chăm chú đọc. Một năm trước đây, vì dăng trí nên bà đã đánh rơi chiếc nhẫn kim cương trị giá 5000 bảng ở cửa hàng của Welter, Welter đã nhặt được và chủ động gửi trả lại bà, từ đó trở đi bà Andrew rất tin tưởng Welter. Bà không bao giờ giống các vị khách “không yên tâm” khác, thích chăm chú quan sát thợ kim hoàn làm việc, chỉ sợ anh ta giở trò gian lận. Hơn nữa lúc này đây, Welter đang xuyên hạt pha lê cuối cùng, mặc dù vẻ mặt Welter rất “bình thường”, nhưng tim anh đang đập rất mạnh. Cuối cùng, Welter vẫn không thắng nổi sự cám dỗ của sợi dây chuyền, trước khi đưa cho bà Andrew sợi dây chuyền đã khâu hoàn chỉnh, Welter đã “khéo léo” đổi sang sợi dây chuyền hàng nhái mà anh đã mua cho vợ ở tiệm trang sức hoa hồng đen.

“Xong rồi. Bà Andrew, bà nhìn xem, thế này đã được chưa?” Welter cố gắng giữ vẻ bình tĩnh và đưa cho bà Andrew sợi dây chuyền hàng nhái, nhưng giọng anh vẫn hơi run run.

Bà Andrew liếc về phía Welter rồi nhìn chăm chú vào sợi dây chuyền và cất lời khen: “Thật đúng là giống hệt như lúc vừa mua, Welter, anh khéo tay lắm, à đúng rồi, hết bao nhiêu tiền nhỉ?”

“30 bảng”. Welter khẽ trả lời. Anh cố gắng né tránh ánh mắt của bà Andrew.

“Welter, tôi biết anh cần tiền, anh không phải ưu đãi cho tôi như vậy đâu, thôi tôi cứ gửi anh 40 bảng, tôi biết những người thợ kim hoàn khác đều lấy giá này”. Bà Andrew trả lời với vẻ hào phóng, bà cẩn thận bỏ “sợi dây chuyền pha lê” vào chiếc túi lụa rồi đặt vào túi xách tay.

“Không, không, bà Andrew, 30 bảng là đủ rồi, từ trước tới nay bà rất tạo điều kiện cho công việc làm ăn của tôi, tiền công lúc nào cũng trả rất hào phóng...” Nói đến đây, lòng Andrew tràn ngập mâu thuẫn: mình lừa bà Andrew, vậy mà bà lại đối xử tốt với mình như vậy, thật không nên chút nào...Cuối cùng, Welter hạ quyết tâm và nói: “Xin lỗi bà Andrew, bà có thể đưa lại cho tôi sợi dây chuyền một lát được không, tôi quên chưa lau bóng cho nó”.

“Đương nhiên!” Bà Andrew nói với vẻ vui mừng, rất nhanh bà lại đưa lại cho Welter sợi dây chuyền đó.

Welter giả vờ ra vẻ lau bóng sợi dây chuyền. Tranh thủ lúc bà Andrew không chú ý, anh đã lén đổi lại sợi dây chuyền thật.

Khi Welter đưa cho bà Andrew sợi dây chuyền, bà Andrew nở một nụ cười nhẹ nhõm. Đột nhiên, như sự nhớ ra điều gì, bà lại nói với vẻ ái ngại: “Welter, lúc đi tôi quên mang theo ví tiền, 30 bảng tiền công ngày mai tôi gửi lại anh được không?”

“Đương nhiên là có thể, chỗ bà là quá tin tưởng rồi”. Lúc này Welter cảm thấy vô cùng thanh thản.

“Anh tin tưởng tôi, tôi cũng không thể không làm việc theo nguyên tắc. Thế này nhé, tôi cứ để sợi dây chuyền này ở lại tiệm của anh, ngày mai, đợi khi tôi mang tiền công đến, anh lại trả nó cho tôi”. Bà Andrew đặt sợi dây chuyền pha lê lên bàn làm việc của Welter. Welter vội xua tay nói: “Bà Andrew, bà không phải làm như vậy đâu...”

Nhưng bà Andrew vẫn kiên quyết để lại sợi dây chuyền, sau đó bà nhìn Welter và nở một nụ cười đầy ẩn ý rồi rời khỏi cửa hàng.

Một điều nằm ngoài dự đoán của Welter là, hai tiếng sau, bà Andrew đã phái quản gia đến. Welter tưởng vị quản gia đến trả tiền công và đem sợi dây chuyền pha lê về, nhưng viên quản gia chỉ đưa cho Welter một bức thư do chính bà Andrew viết.

Welter vội vàng giở thư ra xem, trong thư bà Andrew viết:

Ngài Welter, khi ngài đọc được bức thư này, sợi dây chuyền pha lê tôi để lại trong tiệm của ngài sẽ mãi mãi thuộc về ngài.

Thực ra, từ mấy hôm trước, chồng tôi đã quyết định chuyển nhà đến một thị trấn khác, tôi đã có dự định trước khi rời khỏi chốn này, tôi sẽ tặng ngài một người thợ chân chính một món quà nhỏ làm kỉ niệm. Sáng nay, khi tôi đến tiệm hoa hồng đen để thử lắc chân, vô tình tôi đã nghe trộm được cuộc đối thoại giữa ngài và ông Wells. Và thế là tôi nghĩ có lẽ sợi dây chuyền pha lê thật sẽ là món quà kỉ niệm tuyệt vời nhất.

Tuy nhiên, một điều không may là, khi tôi đem sợi dây chuyền pha lê đó về nhà, chưa kịp tặng cho ngài thì thằng



cháu ngoại nghịch ngợm của tôi đã lấy kéo cắt đứt nó. Một điều không may hơn là, tôi tìm đi tìm lại, 48 hạt pha lê cuối cùng chỉ còn tìm thấy 47 hạt. Bất kể thế nào, cuối cùng tôi vẫn quyết định tặng nó cho ngài. Và thế là tôi liền đến tiệm của ngài...

Thực lòng mà nói, trong lúc đó, mặc dù ngài tỏ ra rất bình tĩnh, nhưng tôi đã nhận ra vẻ căng thẳng trong hành động, bất thường trong giọng nói của ngài, rất khác với ngài lúc bình thường. Tôi muốn xem rốt cuộc ngài định làm gì. Kết quả tôi đã phát hiện ra rằng, “sợi dây chuyển pha lê” mà ngài đưa cho tôi đã dư ra một hạt, từ 47 hạt biến thành 48 hạt... Lúc đó tôi thực sự vô cùng thất vọng, thậm chí tôi còn định vạch chân tướng của ngài, nhưng tôi lại nghĩ, có thể là do ngài quá yêu vợ mình – và tình yêu thì bao giờ cũng vô tội, và thế là mặc dù trong lòng không được vui, nhưng tôi vẫn tự an ủi mình, coi như không có chuyện gì xảy ra. Một điều may mắn là, kì tích đã xuất hiện trong giây phút cuối cùng, ngài đã bất ngờ thay đổi ý định của mình, dùng cơ “lau bóng” để đổi lại những ấn tượng tốt đẹp mà từ trước đến nay tôi vẫn dành cho ngài...

Ngài Welter, điều cuối cùng tôi muốn nói là, con người khó tránh khỏi những lúc bị tà niệm cám dỗ, điều quan trọng là biết sai để sửa. Tôi rất vui mừng vì cuối cùng đã có thể tặng cho ngài sợi dây chuyển pha lê thật, rất mong nó sẽ đem lại niềm vui và niềm hạnh phúc cho ngài và vợ ngài trong ngày kỉ niệm đáng nhớ này.

Trần Quỳnh Hương (dịch)

TIỂU TRƯƠNG

Nhất Doanh (Trung Quốc)

Tiểu Trương là một người thợ xây bình thường đến từ nông thôn. Nghe nói hiện nay Bắc Kinh có 850 nghìn thợ xây, thợ hồ từ tỉnh lẻ đến, điều đó có nghĩa là Bắc Kinh hiện có 850 nghìn “Tiểu Trương”.

Hôm đó, tôi và người yêu nắm chặt chùm chìa khóa mới tinh nóng hổi trong tay. Đó là chùm chìa khóa mà công ti đầu tư và phát triển nhà đất mới bàn giao, và tất nhiên nó được chúng tôi nắm chặt đến phát ấm, tôi có cảm giác nó nhẹ như một chiếc lông vũ hạnh phúc đồng thời lại nặng tựa như núi Thái Sơn.

Năm năm đã trôi qua, cuối cùng thì chúng tôi đã có một căn nhà ở Bắc Kinh. Mặc dù món nợ mấy chục nghìn Nhân dân tệ vẫn như ngọn núi đè nặng trên đôi vai nhưng cuối cùng thì thành phố này đã không còn lạ lẫm đối với chúng tôi. Tôi và người yêu dựa vào vai nhau đứng dưới lầu dơi Tiểu Trương, lòng tràn trề hạnh phúc. Tiểu Trương là cai thầu của một nhóm thợ xây do bạn tôi giới thiệu đến.

Tiểu Trương gầy guộc, yếu ớt đến mức cậu ta đến gần sát chúng tôi, chúng tôi mới chú ý đến sự tồn tại của cậu. Giống như một cây củ khô, mặt mày cậu ta vàng rớt, bụng beo, mái tóc lưng bùng dính đầy vôi vữa, mùn cưa, chiếc áo com lê sờn bạc mỏng manh được cậu ta quấn chặt vào người. Phía dưới là chiếc quần bạc phếch dính đầy vết sơn lâu ngày, hai ống quần rộng thùng thình như trùm lầy hai thanh củi khô, mỗi khi gió thổi nó lại bay phất phật như

hai cái túi vải mà người ta thường thấy trong cửa hàng xay bột vỡ đổ.

“Thành thật xin lỗi, tôi đến hơi muộn”- Cậu ta cúi đầu tỏ ý biết lỗi, miệng cố nặn ra một nụ cười đồng thời mồm ho khù khụ.

“Cậu là Tiểu Trương?” – Tôi hỏi với vẻ đầy kinh ngạc. “Cậu không thấy lạnh à?” - phản ứng đầu tiên của tôi khi nhìn thấy cảnh cậu ta run rẩy, cố gắng túm lấy cái áo rách đã mất hết cúc để cho gió khỏi thổi tung.

“Không sao”. - Tiểu Trương cười vẻ hiền lành. “Tôi đi bộ đến, đi bộ một lát sẽ ấm lên ngay”.

Chà, thảo nào, cậu ta đi bộ từ Mẫu Đơn Viên tới đây, gần chục cây số, gió lại ngược chiều, không đến muộn mới là lạ.

Chỉ có điều, sao cậu ta lại đi bộ nhỉ? Đây xe buýt, tàu điện ngầm sao không chịu đi? Tôi cũng hơi ngại hỏi. Tiểu Trương cúi đầu lặng lẽ đi theo sau chúng tôi lên phòng. Đứng trong cầu thang máy bóng loáng, cậu ta cố bịt chặt mồm để ngăn cho những cơn ho khan không phát ra, vì cố gắng nhin nên gương mặt vàng bủng kia trở nên đỏ gay.

“Cậu ốm à?” - Bạn trai tôi hỏi.

“Không, đâu có”- Tiểu Trương vội vàng lắc đầu quấy quấy, cố nén chặt cơn ho đang chuẩn bị bật lên. “Bụi quá, bệnh nghề nghiệp ấy mà, hi, nghề của chúng tôi người nào chẳng vậy”.

Tôi cười. Chỉ có điều nghe thấy tiếng cậu ta cứ ho sù sụ bên tai, lòng tôi không khỏi lo lắng. Nhưng rồi tôi cũng không nói gì, nói nhiều sợ cậu ta lại phải suy nghĩ. Chúng

tôi nhanh chóng bắt tay bàn mọi công việc có liên quan đến việc trang trí, sửa sang căn hộ. Giá tiền công mà Tiểu Trương đưa ra rẻ đến bất ngờ, hoàn toàn nằm ngoài sự dự đoán của chúng tôi. Trước vẻ lo lắng, không thật sự an tâm của chúng tôi, cậu ta chỉ cười hiền và nói với giọng quả quyết: “Giao việc cho tôi, anh chị không phải lo đâu”.

Hôm sau, Tiểu Trương dẫn thêm ba cậu thanh niên nữa vận chuyển đồ nghề đến căn hộ của chúng tôi. Chỉ trong chốc lát, căn phòng trống trải biến thành công trường thi công ồn ào. Ban ngày bọn họ ai cũng ướt sũng mồ hôi đi đi lại lại trong các ống xi măng, vôi vữa bụi đến mờ cả mắt hay đóng mùn cửa bay tứ tung, ngoài ra còn cả những tiếng cưa, khoan đinh tai nhức óc để làm việc. Ban đêm, họ nằm co ro trong tấm chăn bông vừa mỏng vừa cứng như sắt trên chiếc “giường” được ghép bằng mấy tấm bìa cứng để ngủ. Bình thường thì nhà mới xây thô không thể ở được, không lò sưởi, không ga, không có các thiết bị vệ sinh, nhà chủ nào ghê gớm còn có thể cắt nước, cắt điện. Thế nhưng bọn họ như những con gián trong thành phố có một sức sống mãnh liệt, thích ứng với mọi cảnh u ám, nghèo nàn.

Có hôm tôi hỏi bọn họ đêm có lạnh không? Họ cười rất vô tư và nói rằng đối với họ như thế là hạnh phúc lắm rồi. Người khổ nhất là những thợ xây chuyên đổ mái cho các công trình, đêm ngủ trong những căn nhà chưa có mái, gió rét căm căm. Mỗi lần tuyết rơi thì cả gáy và cổ đều dính đầy tuyết. Họ còn nói mặc dù là con nhà nông thôn nhưng ở nhà cũng được cha mẹ yêu thương, nâng niu chiều chuộng, chỉ có điều sau khi vào thành phố làm thuê thì

phải tự mình rèn luyện khả năng chịu đựng gian khổ, chai lì trong mọi hoàn cảnh.

Nhưng rồi Tiểu Trương không làm được điều đó. Bệnh ho của cậu không hề thuyên giảm, thính lực của cậu cũng ngày càng kém đi, có thể là do hàng ngày phải tiếp xúc quá nhiều với những tiếng cưa khoan inh đầu chói tai. Nhìn cảnh cậu ta vừa ho sù sụ vừa chui trong đồng xi măng bụi mù lòng tôi không khỏi lo ngại.

Nhiều lần tôi khuyên Tiểu Trương nên nghỉ ngơi vài ngày, dành thời gian đi khám bệnh. Nhưng mỗi lần nghe tôi nói vậy cậu ta đều tỏ vẻ căng thẳng và gặt phăng đi: "Bệnh nghề nghiệp, chẳng sao đâu", sau đó lại ra sức nhin ho. Tôi biết, do sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành xây dựng, việc ít người nhiều nên cậu ta sợ nếu báo ốm chủ nhà sẽ hủy hợp đồng. Và thế là tôi không khuyên cậu ta nữa mà chỉ thỉnh thoảng mua cho cậu ít thuốc chống ho, đưa vài cái khẩu trang hay một ít áo rét.

Trước sự quan tâm của tôi, Tiểu Trương tỏ ra rất hồ hững, không quan tâm, thậm chí ngay cả lời cảm ơn cậu ta cũng không hề nói. Chỉ có điều sau lưng tôi, cậu ta lại kể với bạn bè rằng chúng tôi là những chủ nhà tốt nhất mà họ gặp ở Bắc Kinh.

Tôi không thích từ "bà chủ", bảo cậu ta gọi bằng "chị" nhưng cậu ta không chịu, lí do rất đơn giản, đối với cậu bà chủ vẫn là bà chủ.

Giống như rất nhiều những người thợ xây thợ hồ khác, Tiểu Trương lúc nào cũng áo quần luộm thuộm, trên người luôn bốc ra một mùi hôi khó chịu, mặt mày khắc khổ, hốc hác, giống như những quả táo héo queo héo quắt, trông rất

đáng thương thậm chí rất nực cười. Điều này khiến cho người thành phố có quá nhiều lí do để khinh thường họ.

Thời gian thi công đã trôi qua, một số gia đình bắt đầu lục tục chuyển đến phòng mới để ở. Một vài ngày sau, những ông bà chủ "cao thượng" tuyên bố xanh rờn với các nhân viên quản lí: "Đuổi hết bọn thợ xây ra khỏi nhà". Lí do của họ là, những người thợ dân nông thôn này thuộc tốp các phần tử nguy hiểm của xã hội.

Và thế là bọn họ lại khăn gói quả mướp ra đi. Giữa mùa đông lạnh lẽo ở phương Bắc, họ giống như đàn chim sẻ bị lạnh cóng, cố gắng tìm một mái ngói nào đó để tránh gió tránh mưa.

Nhân tình thế thái tựa hoang mạc, "uống nước không quên người đào giếng", thật không biết ban đầu ai là người trang trí, hoàn thiện, biến những căn nhà mới xây thô của họ thành tổ ấm sạch sẽ, gọn gàng? Chúng tôi không để Tiểu Trương phải rời đi ngay mà an ủi bọn họ rằng đây là nhà của chúng tôi, các cậu cứ yên tâm mà ở.

Thế rồi, vào một đêm trời rét cắt da cắt thịt, chúng tôi đang ngủ say thì bỗng có tiếng chuông điện thoại reo vang. Tiểu Trương gọi đến và bảo với chúng tôi rằng họ bị các nhân viên quản lí tổng cổ ra khỏi nhà, lúc này họ đang ở dưới cầu thang và không biết sẽ phải đi đâu.

Chúng tôi lập tức bắt xe đi thẳng đến đó. Xe chưa vào đến chân cầu thang nhưng từ xa tôi đã nhìn thấy bốn bóng người lênh khênh đó đang đứng co rúm ở dưới đất.

Chúng tôi tức điên người, người yêu tôi nổi trận lôi đình, vừa đập bàn của mấy nhân viên bảo vệ, giọng gằn lỏn: "Bọn họ là anh em của tôi, các anh dám đối xử với chủ

hộ thế à!" Vừa nghe nói là họ hàng của chủ hộ, mấy nhân viên bảo vệ liền rồi rít xin lỗi và hứa hẹn lần sau sẽ không làm như thế nữa.

Tiểu Trương vừa nghe cuộc cãi vã vừa ho khù khụ, tôi cũng cảm thấy rất áy náy vì chuyện này. Nhưng Tiểu Trương an ủi và nói với tôi rằng những chuyện thế này họ đã trải qua quá nhiều rồi. Được quay về phòng mới để ở là hạnh phúc lắm rồi, có nhiều lần còn phải ngủ ở ngoài vệ đường và nhiều lần còn bị mọi người cho là mấy gã lưu manh.

Cùng là con người, cùng sinh sống trên một mảnh đất, tại sao lại có những số phận hoàn toàn khác nhau?

Tôi ngẫm lại thấy câu Tiểu Trương nói rất đúng: "Giao việc cho tôi anh chị cứ yên tâm".

Bạn bè tôi thường phàn nàn kêu ca, mất ăn mất ngủ thậm chí còn phải ra tòa kiện cáo vì chuyện thuê nhân công. Nhưng giữa chúng tôi và Tiểu Trương lại chưa từng xảy ra chuyện đó. Cậu ta không bớt xén, không ăn trộm, không lười nhác, không cố tình kéo dài thời gian. Nhiều lúc nhìn bọn họ vất vả mệt mỏi, tôi khuyên bọn họ nên nghỉ ngơi vài ngày để lấy lại sức. Nhưng Tiểu Trương lại bảo, người làm thuê làm gì biết đến chữ "nghỉ ngơi".

Thế rồi một hôm bọn họ nghỉ ngơi thật.

Một buổi chiều trời chập choạng tối, tôi đến thăm nhà mới để xem tiến độ thi công, ngoài sự dự đoán của tôi, tốp thợ của Tiểu Trương không miệt mài làm việc như mọi bận mà ngồi tùm tùm quanh đĩa lạc rang và mấy chai rượu trắng, trông bọn họ đều trong tình trạng ngà ngà say. Nhìn

thấy tôi đến họ không đứng dậy mà nhìn tôi với vẻ mặt lạnh băng, ánh mắt dò dẫm.

Tiểu Trương không uống rượu, cậu ta ngồi trầm ngâm một mình trên ban công. Khi tôi hỏi đã xảy ra chuyện gì, cậu ta chỉ buông một câu: "Trong lòng không được vui".

"Vì sao?"

"Vừa có người chết".

"Cái gì? Người chết?"- Tôi kêu lớn.

"Vâng. Chết buổi trưa nay, ngay tòa nhà đằng trước. Một ông đồng hương nhảy từ giàn giáo xuống tự tử vì không lấy được lương, bản thân không còn mặt mũi nào về nhà ăn tết".

"Tại sao không nhờ báo chí? Nhà báo đâu, phóng viên đâu? Truyền hình rồi cả mạng sao chẳng thấy đưa tin?" – Tôi kêu bằng giọng đầy bất bình.

Gương mặt cậu ta bình tĩnh đến phát sợ: "Bà chủ, chết một người thợ xây thì có gì là to tát? Trước kia tôi làm ở các công trình, thường xuyên xảy ra chuyện đánh người trọng thương thậm chí còn đánh chết, có ai quan tâm đâu?"

Tôi chẳng thể nói gì.

Tôi cứ tưởng rằng Tiểu Trương đã bị thành phố băng giá này tôi luyện thành một con người có trái tim sắt đá. Nhưng thật không ngờ, cho tới một ngày, tôi đã khám phá ra một trái tim nhân hậu ẩn trong vẻ bề ngoài chai sạn kia.

Buổi chiều hôm đó, tôi và Tiểu Trương đến siêu thị nội thất để xem ít vật liệu và đồ dùng trang trí. Trên đường

quay về, khi ngang qua cửa hàng Mc Donald đèn nhạc náo nhiệt, cậu ta đột ngột dừng chân lại.

Cậu ta nhìn chăm chú vào cửa kính của hàng rồi rụt rè hỏi tôi: "Bà chủ, Mc Donald là cái gì vậy?"

"Ba thứ vớ vẩn ấy mà".

"Vậy hả? Những gì vậy?"- cậu ta hỏi với vẻ đầy hứng thú.

"Khoai tây rán, Hăm bơ gơ – tức là bánh mì nóng kẹp thịt gà, thịt bò hoặc cá rán ấy; ngoài ra còn có cánh gà rán, các loại đồ uống, kem...". Rồi tôi tổng kết: "Không ngon bằng khoai nướng và ngô nướng ở quê các cậu đâu".

Và Tiểu Trương đã được vỡ lẽ thế nào là Mc Donald, cậu cười hiền lành. Lúc này tôi mới phát hiện, khi cười trông cậu ta khá đẹp trai.

"Sao cơ? Cậu có thích ăn không?"

"À không, không"- cậu ta vội xua tay. "Tôi chỉ muốn hỏi thế, Tiểu Mai bảo tôi viết thư kể cho cô ấy nghe".

"Tiểu Mai?"

Tiểu Trương nở một nụ cười bên lên, nghĩ một lát rồi cậu ta lôi từ trong chiếc áo sơ mi bên trong ra một tấm ảnh. Đó là một tấm ảnh nghệ thuật, trong ảnh là một cô bé tóc dài đội mũ công chúa, tay cầm vành mũ cười duyên dáng.

"Xinh thế, "hoa hậu làng" của các cậu đúng không?" – Tôi khen rất thật lòng.

"Ấy, sao bà chủ lại biết?" – Tiểu Trương nhìn tôi với ánh mắt kinh ngạc. Rồi cậu ta nở một nụ cười ngượng ngịu, "Hiện giờ cô ấy đã là vợ chưa cưới của tôi".

"VẬY HẢ, DỢI KHI NÀO CÔ ẤY ĐẾN BẮC KINH, CHỊ SẼ MỜI HAI NGƯỜI ĐI ĂN MC DONALD" – TÔI HỨA HẸN.

CÁC CÔNG VIỆC TIỂU TRƯỞNG LÀM ĐỀU RẤT HIỆU QUẢ. CHỈ TRONG VÒNG MỘT THÁNG, CĂN NHÀ XÂY THÔ NHAM NHỎ CỦA CHÚNG TÔI ĐÃ ĐƯỢC TỐP THỢ CỦA TIỂU TRƯỞNG TRANG ĐIỂM THÀNH MỘT NÀNG CÔNG CHÚA XINH ĐẸP.

TÔI KHÔNG BAO GIỜ QUÊN ĐƯỢC KHOẢNH KHẮC KHI VỪA MỞ CỬA, TẤT CẢ CÁC BÓNG ĐÈN ĐỀU ĐƯỢC BẬT SÁNG, LỚP BẢ MA TÍT TRỘN BA MÀU TÍM NHẠT, HỒNG NHẠT VÀ VÀNG NHẠT TRÊN TƯỜNG NHẪN BÓNG; NỀN NHÀ TRẢI THẨM HOA NHÃ NHẬN DÂY VẼ ÁM CÚNG; BAN CÔNG TREO TẤM MÀN TRÚC DÂY VẼ LĂNG MẠN; CỬA SỔ BAY LẤT PHÁT NHỮNG BÔNG HOA NHỎ LÌ TÌ...

TÔI MỪNG RÊN CẢ LÊN, DÁ GIÀY SANG MỘT BÊN, TÔI CHẠY HẾT PHÒNG NÀY SANG PHÒNG KHÁC. VỪA CHẠY VỪA REO: "TIỂU TRƯỞNG, CẬU ĐÚNG LÀ MỘT NHÀ ẢO THUẬT, BIẾN ĐƯỢC CĂN HỘ ĐẸP QUÁ!"

TIỂU TRƯỞNG CŨNG RẤT PHẤN KHỞI. CĂN HỘ NHỎ CỦA CHÚNG TÔI TỪ CÁI ĐÌNH, CON ỐC ĐẾN MIẾNG GỖ ĐỀU ĐÃ ĐƯỢC CẬU DỒN HẾT MỌI TÂM HUYẾT. CẬU TA ĐẾN GÓC NỌ, NGÓ GÓC KIA VÀ ĐƯA BÀN TAY THÔ KỆCH SÚT SẼO XOA LÊN TƯỜNG, XOA XUỐNG NỀN, XOA CỬA SỔ. CUỐI CÙNG, CẬU TA VƯỢN THĂNG NGƯỜI VÀ NÓI BẰNG GIỌNG BUỒN BUỒN: "ĐÚNG LÀ RẤT ĐẸP. TUY NHIÊN ĐẸP RỒI THÌ CŨNG ĐẾN LÚC BẠN TÔI PHẢI ĐI".

Sau khi nghiệm thu mọi thứ xong xuôi, Tiểu Trương bắt đầu thu dọn đồ nghề. Đi vào ban công, cậu ta nhìn thấy một đồng gỗ miếng đang vút ngổn ngang, đột nhiên cậu ta nói: "Chị Doanh, chỗ này còn ít gỗ vụn, bỏ đi thì tiếc, để em làm cho chị chiếc ghế con".

Lòng tôi trào lên một cảm xúc khó tả, suýt nữa thì hai tiếng "chị Doanh" làm tôi cảm động đến trào nước mắt. Cuối cùng thì cậu ta không còn gọi tôi bằng hai tiếng xa lạ "bà chủ" đó nữa...

.....

Và chúng tôi đã để một tháng cho mùi sơn trong phòng bay hết rồi chuyển đến nhà mới. Sau khi mọi thứ đã dọn dẹp xong xuôi, cũng như mọi nhà chúng tôi đã thay toàn bộ khóa mới.

Tôi cũng thường xuyên nhắc đến Tiểu Trương, nhưng vì bạn nên cũng không gọi điện thoại hay liên lạc gì.

Tết đến, tôi nhận được một tin nhắn của Tiểu Trương: "Người tốt vạn sự bình yên".

Tôi không nhắn lại. Tết đến tin nhắn nhiều vô kể, tin nhắn của Tiểu Trương cũng chẳng có gì thật sự nổi bật để tôi phải bận tâm.

Có lúc ngồi trên xe buýt, nhìn thấy những người thợ xây đầu bù tóc rối, tay xách cua điện, đồ nghề là tôi lại nghĩ: Không biết giờ này Tiểu Trương thế nào rồi?

.....

Thu đã qua đi, đông lại đến. Chỉ có điều, mùa đông năm nay không phải mùa đông năm ngoái.

Một hôm, trong lúc thu dọn chạn bếp, đột nhiên tôi phát hiện trong góc có một gói gì đựng trong một túi ni lon. Mở ra xem, hóa ra là một chiếc ghế con! Mặt ghế màu trắng, chân màu tím, bốn mặt chạm khắc bốn bông hoa khiến ngư màu tím viền trắng, tràn đầy sức sống...

Tôi hết sức ngạc nhiên, vội tìm số điện thoại của Tiểu Trương và bấm số.

Chuông điện thoại reo vang, rất lâu, và rồi, một giọng trầm khàn vang lên: "A lô, tìm ai?"

"Xin hỏi Tiểu Trương có ở đó không ạ?"

"Tiểu Trương nào?" Tôi ngớ người ra, nghĩ một lát tôi mới biết mình không biết tên đầy đủ của Tiểu Trương. Và thế là tôi cố gắng miêu tả tướng mạo, tầm tuổi và một vài đặc điểm khác của cậu.

Cuối cùng thì người nghe điện thoại cũng đã hiểu ra, ông ta hét lớn: "Biết rồi, khỏi kể nữa, chết rồi."

"Chết rồi!" – Tôi không tin nổi tai mình, ngồi phịch ngay xuống đất.

"Chết rồi! Ung thư phổi. Đầu năm thấy ho ra máu, sau đó phát hiện ra ung thư phổi nên về nhà ngay, chẳng bao lâu thì chết..."

"Làm sao có thể thế được?"

"Làm sao không thể thế được? Cả đời sống chung với xi măng, làm sao lại không thể được".

Máy điện thoại rời khỏi tay tôi và rơi xuống đất. Người tôi mềm ra, tôi quy xuống.

Tôi mân mê chiếc ghế con trong tay rất lâu và ngấm nhìn bốn đóa thiên ngư hết sức bình dị nhưng tràn đầy sức sống. Trong ánh mắt nhòe mờ của tôi, Tiểu Trương vẫn đầu tóc rối bù, trên môi nở nụ cười tươi và đang tiến về phía tôi.

.....

"Chị Doanh, giao việc cho tôi, anh chị cứ yên tâm".

"Chị Doanh, Mc Donald có mùi vị thế nào?"

"Chị Doanh, nếu tôi mở được công ty chuyên trang trí nội thất thì sẽ có thể cưới được Tiểu Mai".

"Chị Doanh, trên hàng rào trước cửa nhà tôi mọc đầy loại hoa khiến ngưu tím viền trắng này..."

Tiểu Trương, cậu gọi nhầm rồi. Trong thành phố, chỉ có "bà chủ", không có "chị" đâu.

Và tôi, ngày ngày vẫn ngược xuôi quanh Bắc Kinh - thành phố phồn hoa đô hội chỗ nào cũng có các tòa nhà cao tầng lộng lẫy. Mỗi ngày lại có vô số những tòa nhà cao tầng mới được mọc lên; mỗi ngày lại có vô số những con người "cao thượng" tấp nập chuyển vào nhà mới. Nhìn những gương mặt tràn ngập hạnh phúc của họ, tôi lại nhớ đến bóng dáng Tiểu Trương.

Trần Quỳnh Hương dịch

BỨC THƯ HẠNH PHÚC

Clare Boylan (Anh)

Cuộc sống của chị thế nào? - bà Camilia Lee hỏi người quản gia của mình, giọng trẻ nãi.

- Kinh khủng lắm, thưa bà - người quản gia trả lời.

- Nhưng cụ thể là chuyện gì mới được chứ, chị Dana? - bà chủ vẫn không rời mắt khỏi tờ báo.

- Số phận của tôi thật chẳng ra gì.

Lúc này thì bà Camilia ngược mắt lên, tỏ vẻ quan tâm hơn tới lời than vãn của người quản gia.

- Lại có chuyện gì xảy ra vậy?

- Đã hơn nửa năm nay tôi toàn gặp những chuyện chẳng ra gì. Lúc nào tôi cũng có cảm giác là những điều chẳng lành đang rình rập quanh tôi. Tất cả chỉ tại bức thư này thôi. - Bà Dana lục trong túi áo và đưa cho bà chủ một tờ giấy gấp tư. Bà Lee chăm chú nghiên cứu những dòng chữ nguệch ngoạc như gà bới. Bức thư có kể về thánh Juda và liệt kê những việc thiện, những điều thần kỳ mà ngài đã làm. Trong đó còn kể ra những phần thưởng vật chất xứng đáng dành cho các môn đồ trung thành của người, nào nhà lầu, xe hơi, nào những số tiền trúng thưởng lớn. Người viết yêu cầu người nào nhận được bức thư này hãy tiếp tục gửi nó cho một người khác. Cuối thư là những lời đe dọa: "Nếu bạn không gửi bức thư này đi thì bạn sẽ gặp phải những bất hạnh khôn lường."

- Đây là bức thư hạnh phúc - bà Lee vừa vò nát lá thư vừa cười - toàn là chuyện tầm bậy tầm bạ. Để tôi ném nó vào thùng rác. Thôi, uống cà phê đi, nguội hết cả rồi.

Sáng nào hai người đàn bà trung niên này cũng ăn sáng cùng nhau. Ngoài tuổi tác ra giữa họ không hề có gì chung. Quan hệ của họ dựa trên sự thông tỏ của bà Dana về tủ quần áo của bà Lee và sự hiểu biết kỹ càng của bà Lee về đời tư của bà Dana.

Số phận của người quản gia thật hẩm hiu. Bà có một ông chồng cục cằn và những đứa con bất trị. Bản thân bà ta thì lúc nào cũng ngầy ngất vì thuốc an thần và nicôtin đến nỗi khả năng bốc hỏa từ con người bà cũng hiển hiện như sự vô tích sự của bà với tư cách của một người giúp việc. Đôi khi bà Lee cũng tự hỏi mình không hiểu sao lại đi thuê một người giúp việc như thế. Có lẽ vì khi bà Dana ở bên cạnh thì bà Lee có thể so sánh thân phận của hai người vì người hầu có một cuộc sống đối lập hẳn với bà. Bà Lee đã có một cuộc hôn nhân hết sức mỹ mãn và ngày càng trẻ, đẹp ra. Theo bà Lee thì trong cuộc sống con người không nên chỉ trông đợi vào sự may mắn mà còn phải biết cách điều khiển nó. Và bà là người biết điều khiển cuộc sống của mình một cách hết sức hợp lý.

Sau những thành công nho nhỏ của mình ở công ty bà Lee tự thưởng cho mình một bữa trưa thịnh soạn, tuy không có rượu vang vì bà còn phải đến dự một bữa tiệc khác ở nhà đồng nghiệp. Khi buổi tiệc tan, trời bỗng đổ mưa to. Khi bà đang sắp phát điên vì đợi mãi không có taxi, thì có một chàng trai trẻ trong đám khách đã đề nghị được đưa bà về nhà.

- Thế thì tốt quá. Cảm ơn anh! - Camilia nói. Thực ra trong lòng bà cũng không nghĩ như vậy. Biết đâu hẳn lại chẳng đang để ý đến gia tài kếch xù của bà. Hẳn là Kim Taylor, trẻ và có một thân hình khá hấp dẫn. Bà thích khoe miệng đầy cá tính của anh ta. Còn những phụ nữ trẻ hơn chắc hẳn sẽ cho rằng hẳn có một khuôn mặt thật gọi tình. Trong suốt quãng đường đôi mắt màu xanh lam sắc sảo của hẳn luôn nhìn về phía Camilia làm cho người đàn bà trung niên không khỏi thốn thốn, băng khuâng. Tuy nhiên Camilia vẫn tin rằng anh ta chỉ muốn nhanh chóng thoát khỏi một mụ già như bà để đến với người con gái trẻ trung nào đó. Nhưng ý nghĩ ấy không hề làm bà buồn. Camilia ý thức rất rõ ràng về những thế mạnh của mình. Bà là một người đàn bà thành đạt và có một tài sản rất lớn mà đây là điều có thể hấp dẫn được bất cứ người đàn ông nào.

Chiếc xe lao vào màn đêm tĩnh mịch, mỗi người nghĩ về những điều khác nhau và tự bằng lòng về mình. Bà Camilia nghĩ đến chiếc giường ấm êm, đến ông chồng già Federic của bà chắc giờ này cũng đã ngủ. Họ không có con, nhưng bà Camilia lại thấy thế thật hay. Chắc gì bọn trẻ đã hiểu được rằng cuộc sống của những người già cũng có những điều thú vị riêng. Bà không hiểu người đàn ông trẻ tuổi đang nghĩ gì. Bỗng anh ta quay lại và khẽ đưa tay chạm nhẹ vào má bà. ánh sáng của những chiếc xe khác vụt tắt trong bóng tối.

- Chị rất đẹp - giọng người đàn ông thì thầm.
- Thật là nực cười - Camilia ngượng ngùng nói.

Như thường lệ bà Lee bị đánh thức bởi những âm thanh hỗn tạp, nghe đến chói tai, giống như tiếng còi tàu thủy rúc trong màn sương mù dày đặc. Bà Dana cũng đã đến, đang trút bỏ tấm áo mưa đã cũ mèn. Ông Federic đã đi làm từ vài giờ trước lúc trời vừa hửng sáng. Trong căn nhà thoang thoang hương cà phê quyến rũ. Đối với bà Lee thì đó là dấu hiệu của một ngày đã mới bắt đầu. Sáng hôm nay bà đặc biệt cảm thấy sảng khoái vì đã lâu lắm rồi chưa có ai nói với bà rằng bà còn rất đẹp. Thực ra hình như bà chưa bao giờ là người đàn bà đẹp thì phải. Nhưng những từ dịu ngọt ấy lại cứ vang vẳng bên tai như những tiếng chuông trong treo. Thật nhảm nhí!

Buổi trưa bỗng có tiếng chuông điện thoại.

- Tôi là Kim đây.

- Xin lỗi Kim nào thế ạ? - Camilia hỏi lấy lệ chứ thực ra trái tim của bà đang đập theo một vũ điệu điên cuồng.

- Hãy đi xem vở nhạc kịch cùng tôi, được không? - hấn đề nghị - Tôi đã lấy vé ngày mai rồi đấy.

- Tôi không thể đi được. Ngày mai tôi có một cuộc hẹn quan trọng. - Camilia thở dài, giọng lịch sự - Cảm ơn anh đã nhớ đến tôi.

- Tôi hy vọng rằng chị sẽ thay đổi cuộc hẹn sang ngày khác. - Hấn cố nài nèo - Tôi sẽ gọi lại vào sáng ngày mai - rồi gác máy nhanh đến nỗi Camilia không kịp phản ứng gì.

Camilia không thể tưởng tượng được niềm hạnh phúc khi được ngồi bên cạnh một người đàn ông trẻ trung, đẹp trai và nghe những bản nhạc tuyệt vời. Trong sự ung dung tự tại của anh ta có một cái gì đó hết sức gợi tình.

Đôi khi thay vì nghe nhạc, anh ta né tránh rất khéo những ánh mắt đau đầu hướng về phía anh của những phụ nữ trẻ trong phòng hòa nhạc. ánh mắt dịu dàng của anh chỉ dành cho Camilia.

“Mình đáng tuổi mẹ anh ta” - Camilia nghĩ thầm.

Trên đường đưa bà Lee về nhà bỗng hấn dừng xe lại.

- Hãy nói cho tôi biết, anh thực sự muốn gì ở tôi? - Camilia hỏi

- Tôi muốn em - không hiểu hấn tự cho mình cái quyền chuyển cách xưng hô từ khi nào.

- Thật nực cười!

Những ngón tay thanh tú của hấn lướt nhẹ trên má và môi của Camilia, đoạn quay xe và phóng về phía nhà Camilia, không nói thêm một lời nào nữa.

Suốt đêm hôm đó bà Lee muốn phát điên lên vì sung sướng.

Sáng hôm sau bà Dana đến với một bộ mặt sầu thảm. Hôm qua chồng bà ta lại say xỉn và thượng cẳng chân hạ cẳng tay, nhưng chuyện đó chẳng có gì đáng nói so với tin thứ hai, đứa con gái mười lăm tuổi của bà có bầu với một thằng cà trồn nào đó.

Nhà bà Lee ở trong một tình trạng rối ren. Bà Lee muốn cho bà giúp việc nghỉ ngơi vài ngày để thu xếp việc nhà nhưng bà Dana lại từ chối:

- Liều thuốc tốt nhất đối với tôi bây giờ là công việc. Bà không hiểu luôn phải sống trong sự chờ đợi một cái gì đó khủng khiếp sẽ xảy ra thì rùng rợn thế nào đâu. Tôi

luôn nghĩ rằng sẽ có một chuyện gì đó hết sức kinh dị sẽ đến với tôi.

Nói rồi bà Dana móc trong cái túi đen mà bà vẫn quen gọi là túi xách ra một tờ giấy nhàu nát.

- Nhất định tôi sẽ phải gửi bức thư này đi thôi. Nếu tôi không làm chuyện đó thì số phận tôi sẽ không thể lường trước được. - Bà Dana nói, giọng quả quyết.

- Đây là một chuyện hết sức ngớ ngẩn, chị biết rõ điều đó mà - bà Lee nghiêm khắc nói với người giúp việc của mình. Bà cũng dùng những lời tương tự như vậy để nói với Kim Taylor.

Hắn viết: "Tôi muốn gặp em". Và cứ như thế ngày nào cũng có những bức thư, những lời ve vuốt mà chắc hẳn sẽ làm xiêu lòng các cô gái mười chín đôi mươi.

- Kim, tôi thực sự muốn chuyện này chấm dứt ở đây. Tôi là một phụ nữ đã có chồng - áp chặt tai vào ống nghe Camilia nói, - anh có biết không, tôi nghĩ rằng sẽ hay hơn nếu chúng ta gặp nhau, cùng uống một chút gì đó và nói chuyện.

Camilia run run đặt ống nghe xuống. Trời ơi, chỉ chút nữa thôi là anh ta đã trượt khỏi tay mình.

Khi đã ở trong nhà hắn, có một khoảnh khắc mơ hồ nào đó Camilia chợt nghĩ rằng mình đã đánh mất một cái gì đó hết sức quý báu.

"Mila thân yêu - hắn viết, (chưa có ai gọi nàng bằng cái tên rút gọn âu yếm như thế) - suốt đêm qua tôi đã nghĩ đến thiên thần của lòng tôi. Em mới đẹp làm sao khi em run lên vì sung sướng..."

Đó thực sự là những lời phỉnh nịnh. Tất nhiên không ai tin đó là sự thật. Song những chiếc kẹo ngọt ngào mà hần gửi cho Camilia lại nói lên tình cảm chân thành. Camilia đã hoàn toàn thay đổi. Bà trở nên dịu dàng hơn. Camilia hạnh phúc đến nỗi bà muốn ban phát cái cảm xúc trào dâng ấy cho người khác, bà muốn mọi người cũng hạnh phúc như bà. Ví dụ như phải đối xử tốt hơn với bà giúp việc chẳng hạn, biết đâu bà ấy sẽ cảm thấy bớt bất hạnh hơn. Nghĩ vậy Camilia bèn cho bà Dana một bộ váy khá đắt tiền mà bà chẳng mấy khi mặc đến:

- Tôi thấy chị cần phải sắp xếp lại cuộc sống của mình. Chúng ta không nên nghĩ rằng chỉ có thể nhận được từ cuộc đời này những gì mà Thượng đế đã định sẵn, ngược lại chúng ta hoàn toàn có thể nhận được những gì mà chúng ta đòi hỏi. Phải biết giá trị của mình. Và chúng ta hoàn toàn có thể tránh khỏi những nỗi bất hạnh nếu chúng ta muốn.

Không biết giọng nói đầy thuyết phục hay sự tự tin, vẻ hấp dẫn hết sức mới lạ của bà chủ đã làm cho bà Dana cũng thấy rằng đúng là đã đến lúc phải thay đổi lại cuộc sống của mình. Việc đầu tiên mà bà làm là đàm đơn ly dị ông chồng cục cằn, thô lỗ, mặc dù thỉnh thoảng họ vẫn gặp nhau để giải quyết "chuyện ấy". Việc tiếp theo bà bỏ rượu và vứt hết những viên thuốc ngủ. Thậm chí bà còn ghi tên đi tập tại câu lạc bộ Yoga. Bà thường xuyên hỏi ý kiến bà chủ về cách chọn mỹ phẩm. Một lần Camilia suýt ngất khi nhìn thấy bà quần gia xịt lọ nước hoa yêu thích nhất của mình. Channel số 5 mà bà ấy xịt như phun nước cứu hoả mới khiếp chứ.

- Này, cầm lấy đi, tôi cho chị đây, chị Dana - nói rồi Camilia đưa cho người quản gia lọ nước hoa hảo hạng còn đến hơn một nửa.

- Cám ơn bà, nhưng lọ nước hoa này đã mất mùi rồi - bà quản gia nói- hơn nữa bây giờ tên tôi là Rôzita, thưa bà.

Khi tỉnh dậy Camilia mong nhìn thấy hình ảnh của mình trong gương giống như những mỹ từ mà hần đã dùng để gọi nàng: hấp dẫn, tuyệt mỹ. Và trẻ trung nữa chứ. Từ trước đến nay chưa có ai theo đuổi miệt mài và nói với Camilia những lời như thế. Những người khác không hiểu được rằng nàng đã quá mệt mỏi trong lớp vỏ bọc của một nữ doanh nghiệp thành đạt và tự chủ. Hần đã tái sinh Camilia, hần đã thách thức mọi pháo đài đạo đức tàn khốc để cứu thoát một người phụ nữ lâu nay bị chôn vùi nơi địa ngục tối tăm của sự nhầm chán. Camilia đã chán ngấy lúc nào cũng phải đấu tranh, giành giật. Nàng chỉ muốn được nâng niu và yêu thương. Những sự nồng nàn hơi bột phát của những ngày đầu tiên đã qua đi nhường chỗ cho một sự uể oải. Nàng chợt nghĩ rằng phải chăng Kim đã vắt hết cái phần cứng nhắc ở nàng và để lại một thân thể mềm yếu. Giờ đây Camilia thả tóc xuống và giọng nói của nàng trở nên dịu dàng hơn. Khi họ nói chuyện với nhau qua điện thoại thì giống như những tiếng thì thầm.

- Em nên nghỉ ngơi đi, một tuần em về muộn đến năm ngày, - ông Federic âu yếm, không nên để công việc hút hồn như thế! Trông em kìa, dạo này xanh xao quá đấy!

Nghe lời chồng Camilia nghỉ ở nhà vài ngày. Ông Federic mời bác sỹ đến khám cho Camilia, tuy nhiên ông

này không tìm thấy bất cứ bệnh gì, chỉ khuyên Camilia nên nghỉ ngơi yên tĩnh, có lẽ tại làm việc quá sức. Chỉ có một mình Camilia biết là nàng đang mắc chứng bệnh gì. Nàng đang yêu! Kim không để cho nàng yên, hầu như ngày nào Camilia cũng nhận được những bức thư của Kim. Những dòng chữ dịu ngọt như là thuốc phiện cứ ngấm dần, ngấm dần vào Camilia.

Camilia ra đường sau một tuần nằm bẹp. Nhìn vào gương Camilia chỉ thấy đôi mắt trũng sâu, bờ mi thâm quầng. “Hình như ta đã già thật rồi!”

- Hãy chúc mừng tôi đi! Cô ấy tên là Helen - Kim hân hoan thông báo với Camilia.

Trời ơi, hóa ra từ bấy lâu nay hán dùng nàng để giành lấy tình yêu của một cô gái trẻ trung xinh đẹp năm nay mới mười chín tuổi. Hán vờn quanh nàng chỉ để chọc tức cô gái kia, làm cho cô ta phát điên lên vì ghen tuông. Vậy mà Camilia đã tin là nàng được yêu...

“Có lẽ đã đến lúc ta phải thay đổi thực sự cuộc sống của mình.” - Camilia nghĩ. Nhưng nên bắt đầu bằng chuyện gì đây? Có lẽ phải đuổi việc bà Dana.

Thật kỳ lạ nhưng bà Lee lại thấy nhớ bà giúp việc Dana. Hai người giúp việc bà thuê sau này đã thay nhau ra đi, và giờ đây một mình bà phải cáng đáng công việc nội trợ chưa kể những công việc bộn bề tại công sở.

Ông Federic nói đúng: dạo này bà đã làm việc quá sức. Vào một ngày đẹp trời bà đã làm đơn xin thôi việc. Hình như tất cả mọi người đều rất thông cảm với bà. Chỉ trừ ông Federic. Lúc bà trở về nhà thì thấy ông đang

đứng trong phòng ngủ, tay cầm một bức thư. Ông nhìn bà như nhìn một con người xa lạ.

- Tôi đã tìm thấy cái này - giọng ông lạnh lùng pha chút đe dọa.

Bà Camilia có cảm giác như đất dưới chân bà sắp sụt lở. Có một cái gì đó ở bên trong như bóp nghẹt lấy bà, bà cảm thấy khó thở và đầu óc quay cuồng. Lạy chúa, bà đã quên không đốt bức thư của Kim (Ôi nàng tiên của anh! Thiên thần của anh...!)

Ông Federic thậm chí không thêm nhìn bà.

- Tôi vẫn biết là bà có chuyện gì đó không ổn, nhưng đến nước này thì... - ông Federic nói giọng pha chút mệt thị - tại sao bà có thể tin vào những chuyện nhảm nhí như thế cơ chứ?

Trong giây phút này bà nhận thấy rằng thế giới quanh bà giờ đây thực sự là thế nào, không người tình, không người giúp việc, không có công việc và không có cả người chồng mà dường như hàng trăm năm nay sinh ra để yêu thương, che chở và chịu đựng bà.

- Federic! - bà quỳ xuống dưới chân ông, giọng thì thầm.

Ông Federic nhìn bà đầy lo âu.

- Hãy đứng lên bà xã tội nghiệp của tôi. Hãy bình tĩnh lại, tôi mang cho bà một tách cà phê nhé!

Ông Federic đưa tay nâng vợ đứng dậy:

- Thật ra cũng chẳng có chuyện gì phải khiến bà lo lắng như thế. - Vừa nói ông vừa vò nát tờ giấy và vứt vào

sọt rác - Chỉ có điều lạ là tại sao một chuyện vợ vẫn thế này lại có thể làm điên đầu một người đàn bà thông minh, sắc sảo như bà. Chẳng lẽ bà không biết rằng chỉ có lũ trẻ con ngớ ngẩn mới tin vào những “*Bức thư hạnh phúc*” hay sao?

· Hà Việt Anh dịch

NHƯ MỘT GIẤC MƠ

Alaberto Buitrago (Tây Ban Nha)

Đã tám giờ sáng rồi. Vậy mà mình vẫn nằm ườn trên giường. Trời ơi, mình thật là vô tâm. Hôm nay là ngày 15 tháng 8. Ngày lễ kỷ niệm cơ mà!”

Marta muốn đánh thức Frank bằng một nụ hôn như mọi ngày, nhưng Frank không có ở bên cạnh và nụ hôn của cô rơi vào khoảng không... Frank không có nhà. Marta không nghe thấy bất cứ tiếng động nào ngoài phòng tắm cũng như trong bếp.

“Chắc là anh ấy ra ngoài mua báo và bánh nhân táo mà mình vẫn thích đây. Hôm nay là ngày 15 tháng 8 mà...”

Marta nằm quay lại và trườn sang phía giường còn hơi ấm của Frank. Bao giờ cô cũng nằm sang phần giường của Frank khi anh vắng nhà. Frank biết thế nên trước khi ra khỏi nhà anh đã để lại trên phần giường của mình một phong bì thư. Marta giật mình khi thấy má mình chạm vào một tờ giấy. Cô với tay bật công tắc đèn. Thì ra đó là một phong bì thư dày cộm. Bên trong đó có rất nhiều tờ giấy với nét chữ của Frank. Marta bắt đầu đọc:

Madrid, ngày 15 tháng 8 năm 1993

Em có nhớ không, em yêu? Vậy là đã tròn mười năm rồi đấy... Thời gian trôi mới nhanh làm sao! Chúng ta đã nói chuyện rất nhiều, đặc biệt là về cái ngày đáng ghi

nhớ ấy. Vậy mà hình như cả hai chúng mình đều chưa thực sự hiểu điều gì đã xảy ra vào ngày này mười năm về trước. Đó là một tình yêu từ ánh mắt đầu tiên: ta chẳng biết chuyện gì đã xảy ra mà cũng biết tất cả, ta chẳng tin điều gì cả nhưng cũng tin mọi chuyện, phải không em yêu?

Anh sẽ về ngay. Yêu em!

Frank.

Marta mỉm cười. Đôi mắt màu xanh lá cây của cô long lanh hạnh phúc. Cô cứ mãi miết đọc...

Madrid, ngày 15 tháng 8 năm 1983. Frank đã ở Tây Ban Nha được hơn một tháng để học tiếng. Giờ đã đến lúc anh trở về nước.

Nhà ga xe lửa Chamartin. Ba giờ chiều. Trời nóng. Nóng kinh khủng. Và đông người nữa, rất đông. Frank lết chiếc vali nặng trĩu trên sàn. Anh đã mua rất nhiều quà tặng cho bạn bè, người thân.

Phía trước các cửa bán vé là những hàng dài dằng dặc. Có cảm giác như những hàng đó tiến lên rất chậm. Giọng cô phát thanh viên cứ văng vẳng trên loa phóng thanh không ngừng nghỉ. Frank không hiểu gì cả. Anh nghĩ rằng ở Tây Ban Nha mọi người rất thích nói và nói suốt ngày không biết chán thì phải. Và khi nghe những người Tây Ban Nha nói chuyện thì người nước ngoài khó lòng mà nghe kịp. Không những thế anh có cảm giác là người dân ở đây thường hét thay vì nói.

Frank kéo chiếc vali và xếp vào hàng mà anh thấy có vẻ ngắn nhất. Vừa tiến dần lên gần phía cửa bán vé, anh vừa lết chiếc vali đi theo, và anh nghĩ trong đầu xem sẽ phải nói thế nào để mua được vé:

"Buenos días"⁽¹⁾ hay là "Buenas tardes"⁽²⁾ - Frank nghĩ - Người Tây Ban Nha thường chỉ dùng "Buenas tardes" sau giờ ăn trưa. Thường thì họ ăn trưa vào lúc 3 giờ chiều. Có lẽ mình phải dùng "Buenos días" vì mình đâu có biết người bán vé đã ăn trưa hay chưa? Mình còn phải nói: "làm ơn"⁽³⁾ nữa. Và sau đó: "tôi muốn"; "cần thiết"; "tôi thích"... Những cấu trúc câu này thật là phức tạp. Trời ơi, tại sao trong tiếng Tây Ban Nha lại có nhiều động từ khác nhau để chỉ cùng một hành động đến vậy. Đây là chưa kể đến các danh từ dùng để chỉ cái loại vé khác nhau: vé xe buýt, vé xem phim, xem triển lãm... Trong khi hầu hết trong các tiếng khác người ta chỉ dùng một từ "vé". Và bây giờ sẽ đến đoạn "kính dị nhất". Mình phải dùng giới từ gì để nói mình muốn đến Pari đây?⁽⁴⁾ Biết dùng giới từ nào đây? Câu trả lời nằm trong cuốn sách giáo khoa. Mà cuốn sách lại nằm dưới đáy vali. Và bây giờ mình không thể mở vali ra vì sau đó khó lòng có thể đóng nó lại như cũ được... Chỉ có một giải pháp duy

⁽¹⁾ Buenos días! - Chào buổi sáng (Tây Ban Nha)

⁽²⁾ Buenas tardes - Chào buổi chiều

⁽³⁾ Por favor (Tây Ban Nha)

⁽⁴⁾ Trong tiếng Tây Ban Nha có hơn 5 giới từ dùng để chỉ đích đến và người mới học tiếng Tây Ban Nha sẽ rất dễ dùng sai giới từ.

nhất là lắng nghe xem người đàn ông đứng trước mình nói như thế nào và mình sẽ bắt chước y hệt như thế.

Marta mỉm cười. Cô cười vì nhận thấy rằng khi câu chuyện được viết ra nó hấp dẫn hơn rất nhiều khi kể. Và còn vì một lý do khác nữa. Cô cười vì cô đã biết rõ sau đó chuyện gì đã xảy ra... Sự thật là cô rất hạnh phúc. Frank viết tiếng Tây Ban Nha mới giỏi làm sao! Mười năm về trước anh ấy còn chưa biết nói một câu trọn vẹn bằng tiếng mẹ đẻ của cô.

Người đàn ông trung niên phía trước Frank tiến sát đến cửa sổ bán vé. Frank cố đứng sát hơn một chút vào ông ta để nghe cho rõ. Thế nhưng người đàn ông đó lại chẳng nói gì cả. Ông ta chỉ lúc lắc cái đầu, lên trên rồi xuống dưới, xuống dưới rồi lên trên. Ông ta lôi từ trong túi ra một tấm ảnh quảng trường Trung tâm ở thành phố Salamanca và đưa qua cửa sổ cho người bán vé xem.

- Hai. Đi và quay về đây. Không hút thuốc. Cám ơn.

Người đàn ông trả mười ngàn peseta và lấy hai chiếc vé. Ông ta nhìn tấm ảnh Salamanca và mỉm cười. Ông ta lại gật đầu lên, xuống và bước đi mãn nguyện.

Một người phụ nữ đang ngồi chờ ông ta ở hàng ghế đợi. Bà ta cũng là người Nhật.

Đã đến lượt Frank. Anh cúi thấp xuống một chút. Anh nhìn người đàn ông ở phía trong cửa bán vé và nói một mạch không nghỉ lấy hơi:

- *Buenos dias por favor me gustaria entrar a Paris?*⁽¹⁾

Người bán vé ngỡ ngàng.

- *Anh nói gì vậy?*

Frank lấy hơi và lại nói rất nhanh:

- *Buenos dias por favor quisiera entrar a Paris.*⁽¹⁾

- *Anh nghe này, đây không phải rạp chiếu phim, người bán vé trả lời.*

- *Xin lỗi... Tôi không hiểu... - Frank lắp bắp.*

- *Tôi nói với anh rằng đây không phải là rạp chiếu phim. Rằng anh không thể mua vé xem phim ở đây.*

- *Tôi không hiểu... Xin lỗi...*

- *Anh phải dùng từ "billete"*⁽²⁾ *chứ không phải "entrada"*⁽³⁾

Frank vắt óc ra nghĩ. Anh cố gắng giải thích và lần này thì anh phải dùng đến đôi tay mình:

- *Tôi hiểu. Vâng. Xin lỗi... Chào buổi sáng.*

- *Anh phải nói: "Chào buổi trưa" và tôi đã ăn trưa rồi...*

Frank tức điên lên. Anh cần nhân điều gì đó bằng tiếng mẹ đẻ. Người bán vé mỉm cười và hỏi:

⁽¹⁾ Chào buổi sáng, làm ơn, tôi thích một vé xem phim đến Paris. (Frank dùng nhầm từ vé xem phim thay vì vé tàu).

⁽²⁾ Chào buổi sáng, làm ơn, tôi muốn một vé xem phim đến Paris (Frank dùng nhầm từ vé và thay giới từ khác).

⁽³⁾ Trong tiếng Tây Ban Nha vé tàu là billete

⁽⁴⁾ Trong tiếng Tây Ban Nha vé xem phim, xem kịch là: entrada

- Sao vậy?

- Không. Không có gì... Chào buổi trưa!... Làm ơn... tôi muốn một vé đến Paris.

- Thế chứ. Tốt lắm. Anh mua vé hai chiều hay một chiều? Khoang hút thuốc hay không hút thuốc?

- Tôi không hiểu...

Rất nhiều người Tây Ban Nha nghĩ rằng người nước ngoài bị ngễnh ngãng. Họ nghĩ rằng phải hét thật to thì người nước ngoài mới hiểu họ định nói gì. Người bán vé tàu chính là một trong số những người như vậy. Ông ta hét một thôi thật dài sau đó nhắm hai mắt lại và bắt đầu hét:

- Vé hai chiều hay một chiều? Khoang hút thuốc hay không hút thuốc?

- Tôi không hiểu...

- Tôi hỏi anh muốn mua vé hai chiều hay một chi...ê...ê...u? - người bán vé lại hét lên một lần nữa.

- Tôi không hiểu...

- Vậy thì tôi xin chịu. Tôi không thể hét to hơn được nữa.

- Tôi không hiểu...

- Tôi không thể nói to hơn được n...ư...ừ...a...

- Ông phải nói chậm rãi hơn chứ không cần to hơn. Chàng trai này là người nước ngoài chứ không phải bị điếc. Anh ấy nghe rất rõ những gì ông nói - có ai đó đứng đằng sau Frank cất lời.



Frank quay lại nhìn. Xếp hàng ngay đằng sau anh là một cô gái có mái tóc vàng óng ả. Cô gái cao và có đôi mắt màu xanh lá cây. Trông cô không giống người Tây Ban Nha. Cô ấy đẹp, rất đẹp...

Marta không thể đọc tiếp được nữa. Những con chữ cứ nhòa đi trong mắt cô như ánh trăng in trên mặt nước.

"Anh kể linh tinh gì vậy, anh yêu?" - Marta vừa đứng dậy khỏi giường vừa nghĩ thầm - Khi trở lại giường cô cầm theo một chiếc bút bi, rồi cô dùng bút viết vào lề của trang giấy:

"Frank quay lại. Anh muốn nhờ ai đó giúp đỡ. Đứng ngay đằng sau anh là một cô gái tóc vàng, dáng người cao. Anh nhìn cô ngờ ngàng. Cô gái mỉm cười. Rồi cô tiến lên cửa bán vé và nói với người đàn ông ngồi bên trong đó:

- Ông cần nói chậm hơn chứ không cần to hơn. Anh ấy là người nước ngoài chứ không phải người điếc.

Frank tỏ ra bối rối:

- Tôi không hiểu... - Frank nói với cô gái.

- Bình tĩnh. Không có chuyện gì cả. Anh đi đâu?

- Đi Paris.

- Đi và quay về?

- Đi. Không quay về.

- Khi nào?

- Bây giờ, 18 giờ 20 phút.

- Anh có hút thuốc không?

- Không, cảm ơn.

Người bán vé dí sát mặt vào cửa sổ để nghe.

- Anh này muốn mua một vé một chiều đến Pari, khoang dành cho người không hút thuốc trên chuyến tàu 18 giờ 20 phút chiều nay. Ông có thấy đơn giản không nào?

Người bán vé mở to mắt đầy thán phục nhìn Marta.

- Này, cô ơi, tôi có thể hỏi cô một câu được không?

- Vâng, đương nhiên là được, thưa ông.

- Tại sao anh ta hiểu cô nói gì mà khi tôi nói thì anh ta lại không hiểu gì vậy?

Cô gái không trả lời, chỉ mỉm cười tinh nghịch. Frank không thốt nên lời.

- Cảm ơn. Cảm ơn nhiều cho⁽¹⁾ tất cả! - cuối cùng anh cũng thốt nên lời.

- Không có gì đâu. Chỉ có điều anh phải nói là: "Cảm ơn vì tất cả"⁽²⁾

- Cảm ơn vì tất cả.

- Tạm biệt!

- Tạm biệt!

Frank rời cửa bán vé. Lát sau anh thấy cô gái cũng xách chiếc vali đi ra với một chiếc vé trên tay. Anh nhìn

⁽¹⁾ Gracias para todos. (Frank dùng giới từ "para" ở đây là sai) (tiếng Tây Ban Nha) - ND.

⁽²⁾ Gracias por todo. (Tiếng Tây Ban Nha) - ND.



theo cô đau đầu. Một ánh mắt ngơ ngác. Anh đã phải lòng cô. Phải lòng một người con gái vào lúc này ư? Khi chỉ còn vền vền có ba tiếng nữa là anh sẽ trở về Pháp - quê hương của anh. Và không trở lại nữa... ừ, thì cứ cho là sẽ còn quay lại vì cũng có thể đây không phải là lần cuối cùng anh đến Tây Ban Nha, nhưng khi ấy thì đâu còn có ý nghĩa gì nữa.

Anh đã phải lòng một người con gái tại một sân ga. Phải lòng một cách thật bất ngờ không hẹn trước. Phải lòng một người khi chưa kịp biết tên người ấy. Phải lòng một người con gái mà không hề hay biết rằng cô ấy cũng đã thâm yêu anh.

Marta không nhận thấy rằng cô đã khóc tự lúc nào.

Có một điều buồn nhất đó là cảm giác cô đơn: cảm giác ấy thường gặp khi đứng ở sân ga hay ở sân bay. Chẳng đón ai và cũng chẳng từ biệt ai. Và chính vào giờ phút này lần đầu tiên Frank cảm thấy cô đơn khủng khiếp.

Cô gái đã bước vào một quán cafe và ngồi gần cửa kính. Frank thì ngồi trên một chiếc ghế băng trên sân ga và nhìn cô mãi không thôi.

Không một giây phút nào Frank dám nghĩ rằng anh sẽ còn gặp lại cô một lần nữa. Frank thậm nghĩ những câu chuyện tình yêu thường đi ngang qua chúng ta, và chúng ta không hay biết gì cả. Đó là những mối tình để người ta mơ mộng, bàng khuâng... Đôi khi chúng ta cảm

nhận được những cuộc tình lãng mạn ấy và đó là những câu chuyện tình yêu đã viết thành những áng văn thơ.

Giờ đây Frank có đủ mọi điều kiện để viết nên một câu chuyện tình lãng mạn: một sân ga, một vé tàu hỏa tới Paris, đôi mắt màu xanh lá cây, một ánh mắt và một lời tạm biệt. Rất nhiều và rất ít. Tất cả và không có gì. Sự thật và ước mơ...

Những giọt nước mắt của Marta lại rơi xuống những trang giấy. Giờ thì cô đã hiểu vì sao Frank lại viết ra câu chuyện này. Có thật nhiều điều khó nói ra thành lời. Những điều mà người ta chỉ có thể viết ra mà thôi...

"Tàu đi Paris trên đường số 2, đường ray số 3. Tàu sẽ khởi hành sau 30 phút nữa. Xin mời hành khách đi Paris chuẩn bị lên tàu".

Giọng nói vang lên từ loa phóng thanh. Trong đó Frank chỉ hiểu vắn vắn có ba từ: "Tàu, Paris, 30 phút" Anh thấy còn lại khá nhiều thời gian trước giờ lên tàu.

"Biết đâu cô ấy cũng đến Paris thì sao? - Frank thầm nghĩ - Không, không thể thế được. Cô ấy mang theo mỗi một chiếc vali nhỏ gọn... Cũng có thể cô ấy chỉ đến Paris vài ngày. Không, chắc cô ấy không đến Paris đâu... Cô ấy vẫn đang ngồi trong quán cafe và chắc hẳn cô ấy đã quên mình rồi..."

Sân ga mỗi lúc một đông hơn và Frank càng cảm thấy cô đơn hơn, buồn hơn và băng khuâng hơn. Cô ấy vẫn ngồi trong quán cafe và ăn bánh sandwich. Hình như cô

ấy cũng đã uống cạn tách cafe. Và cô ấy vẫn không hề liếc nhìn về phía anh.

Marta lại cầm bút lên. Cô viết lên trên từ "bánh sandwich" từ "bánh nhân táo" và từ "trà" thay vào từ "cafe", thay đoạn "không hề liếc nhìn về phía anh" thành "nhìn về phía anh hàng nghìn lần"

"Tàu đi Paris sẽ khởi hành sau 15 phút nữa. Xin mời hành khách khẩn trương lên tàu - giọng của phát thanh viên vang lên.

Lần đầu tiên cô gái ngược nhìn Frank. Nói chính xác hơn là lần đầu tiên anh nhìn thấy cô gái tóc vàng nhìn về phía anh. Và đương nhiên là Frank hết sức bối rối. Anh không biết phải làm gì và ngưng ngưng nhìn đi chỗ khác. Anh nhìn về phía cái cột dán các bảng giờ tàu. Anh tìm tàu đi Paris. Còn 11 phút nữa thì tàu chạy. Chỉ còn đúng 11 phút nữa. Tất cả hoặc không có gì trong vòng 11 phút này. Anh lại nhìn về phía quán cafe. Cô ấy đã không còn ngồi ở đó nữa. Cô ấy đã đi rồi. Frank ngơ ngác nhìn chung quanh... Và anh đã tìm thấy cô. ở ngay gần nơi anh đứng. Rất gần.

Cô nói:

- Anh cũng đi Paris, đúng không?
- Đúng thế. Đi Paris.
- Anh có biết là tàu sẽ chạy sau 10 phút nữa không?
- Tôi không hiểu. Xin lỗi.
- Tàu hỏa, 10 phút, sẽ đi.
- Vâng... Cảm ơn vì tất cả.

- Không có gì. Tạm biệt. Đi may mắn nhé.

- Tạm biệt.

Lại một lần nữa Frank nhìn cô ra đi, nhìn cô bước xuống thang đi ra đường ray...

"Vây là hết - anh nghĩ - kết thúc một câu chuyện thơ mộng về tình yêu. Câu chuyện tình yêu chỉ kéo dài chưa đầy một giờ đồng hồ. Có khi thế lại hay hơn. Chẳng cần theo cô ấy làm gì. Đúng. Như thế lại hay hơn. Chẳng cần phải mơ mộng làm gì..."

"Hay thật đấy! - Marta nghĩ - Điều này anh ấy chưa bao giờ nói với mình cả". Rồi cô úp mặt vào lòng bàn tay và khóc.

Đoàn tàu đi Paris rất dài. Tàu đã bắt đầu chuyển bánh khi Frank tới đường ray số 3. Anh vội nhảy lên một toa tàu còn mở cửa. Cả tàu hình như đã chật ních. Chỉ còn lại duy nhất hai chỗ trống. Frank ngồi xuống một chiếc ghế còn trống.

"Chỗ còn lại là chỗ của cô ấy - Frank nghĩ - Mình tin chắc là như vậy... Có ai đánh thuế mình ước mơ đâu mà sợ. Hãy cứ tin là như vậy rằng đây chính là ghế của cô ấy"... Rồi Frank mơ. Anh ngủ thiếp đi lúc nào không hay và trong mơ anh thấy cô cũng ở trên chiếc tàu đó. Anh mơ thấy cô ngồi xuống chiếc ghế còn trống cuối cùng, ngồi xuống bên cạnh anh, dựa đầu vào vai anh ngủ. Frank còn mơ thấy chỉ có anh và cô trên chuyến tàu đó. Họ là hai hành khách duy

nhất. Anh mơ họ cùng đến Paris bởi vì hôm nay họ kỷ niệm mười năm chung sống...

Rồi anh bừng tỉnh giấc. Chỉ còn lại hai người trên tàu. Cô ấy gục đầu vào vai anh ngủ ngon lành. Có ai đó mở cửa khoang tàu. Đó là người đàn ông mặc đồng phục màu xanh.

- Làm ơn cho kiểm tra vé.

- Xin lỗi. Tôi không hiểu.

Đương nhiên đó chính là người soát vé và ông ta hét lên:

- Xin cho xem vé của các vị.

- Tôi không hiểu. Tôi là người nước ngoài. Tôi không bị điếc. Hãy nói chậm hơn chứ không cần to hơn.

Cô ấy bị đánh thức dậy. Cô nhìn người soát vé rồi nhìn Frank và nói:

- Hãy đưa cho tôi vé tàu của anh.

Marta thấm những giọt nước mắt và đặt bức thư xuống. Cô nghe thấy tiếng chìa khóa tra vào ổ. Frank đã về và đang pha cà phê ở ngoài bếp. Sau đó anh bung đồ ăn sáng vào giường. Hôm nay là ngày 15 tháng 8... Frank biết Marta đã thức. Anh hôn cô âu yếm.

- Chúc mừng em, tình yêu của anh. Marta làm bộ như vừa mới tỉnh giấc.

- Có chuyện gì vậy, anh yêu? Anh đang làm gì vậy?

- Ăn sáng thôi nào... Đừng có đùa anh. Em đâu có biết đóng kịch?

- Là vì... em lại vừa ngủ thiếp đi...

- Ủ, được rồi. Còn bây giờ thì ăn sáng nào kéo cà phê nguội hết cả rồi...

- Thế chúng ta sẽ bắt đầu bằng cà phê, bằng bánh nhân táo anh vừa mua về cho em hay là bằng việc mở quà nào, em yêu?

- Quà gì vậy anh yêu?

- Em hãy nhận lấy và mau mở phong bì này ra đi.

Marta hồi hộp mở chiếc phong bì mà Frank đưa cho cô. Trong đó có hai chiếc vé tàu khoang không hút thuốc, vé hai chiều. Tới Paris.

- Em biết không, người bán vé hôm nay chính là người đã bán vé cho chúng ta đúng ngày này mười năm về trước đây.

Hà Việt Anh dịch

CON CHÓ

N.Đumbatze

Nôđar Đumbatze (1928-1984) là nhà văn nổi tiếng người Gruzya (trước kia thuộc Liên bang Xôviết). Giải thưởng Đoàn Thanh niên Côm-xô-môn, Giải thưởng Lênin. Các tác phẩm chính gồm các tiểu thuyết: Quy luật của muôn đời, Những ngọn cờ trắng, Đừng sợ mẹ ơi, truyện vừa Kukaratsa, Tôi, bà tôi, Ilikô và Illarion, Tôi nhìn thấy mặt trời, Đêm có mặt trời và các tập truyện ngắn... Tác phẩm của Đumbatazê mang tính nhân văn và ý nghĩa triết lý sâu sắc, pha trộn giữa thực và ảo.

*

Câu chuyện bắt đầu từ tháng Tám năm một nghìn chín trăm bốn mươi một và kết thúc hai năm sau đó.

...Từ một tháng nay ngôi làng của chúng tôi đã biết thế nào là mùi tử khí của chiến tranh. Người dân vốn đã quen với cuộc sống kham khổ nhưng cũng không thể ngay lập tức hình dung hết mọi sự khủng khiếp đang xảy ra. Từ tháng Tám các kho chứa lương thực và thực phẩm của nhiều gia đình đã trở nên trống rỗng, còn trong gia đình chúng tôi đã hết nhẵn từ trước đó...

Ông nội Xpiridon khổ sở vì bệnh phù thũng nên cả ngày lẫn đêm không lúc nào rời lò sưởi. Mọi việc trong gia đình đều đặt hết lên vai tôi. Tôi gằn như sụn vai vì phải vác hàng đồng củi từ rừng về, không có củi sưởi ông tôi sẽ không qua nổi.

Ngày 25 tháng Tám, mẩu bánh mì cuối cùng trong nhà đã hết. Ông nội lấy từ trong tủ ra chiếc bình thủy tinh mười lít đựng rượu Vốtca được bao bọc rất kỹ và nói với tôi:

- Cháu hãy cho vào giỏ, mang ra chợ Chokhatauri đổi lấy một pud¹ bắp hạt. Nếu người ta trả rẻ hơn, cháu hãy đổ hết rượu Vốtca ra, đập vỡ chai rồi quay về...Rượu Vốtca lâu năm đây cháu ạ, tám mươi độ chứ không ít đâu!

Ông nội buồn rầu nhìn bình rượu lần cuối rồi nặng nề thở hắt ra:

-Đi đi!

...Tôi không phải đập vỡ bình rượu. ở chợ có người rất mê Vốtca, và chỉ trong chớp mắt đã đánh giá đúng chất lượng của mặt hàng. Không nhiều lời, người đó trút ngay vào giỏ cho tôi một pud bắp hạt vàng óng. Chẳng những thế ông ta còn nhét vào túi áo tôi tờ ba mươi rúp, rồi xoa đầu tôi và hẹn tuần sau gặp lại.

Phút sau tôi đã có mặt ở cửa hàng ăn trước chợ.

- Có thịt băm viên không?- tôi hỏi người bán hàng.

- Thế chú mày có tiền không?- người bán hàng hỏi lại.

- Có!

- Bao nhiêu?

- Ba mươi rúp!

- Đưa xem nào!

- Đây!

- Ngồi xuống đi, tôi sẽ mang ra ngay!

¹ Đơn vị đo trọng lượng của Nga, bằng 16.38 kg



- Ba suất đấy!- tôi nói thêm và đặt chiếc giỏ xuống cạnh bàn.

- Cậu làm sao thế, chàng trai?- người bán hàng ngạc nhiên thật sự.

- Không sao cả, chỉ đói thôi!- tôi giải thích.

- Cậu dùng với khoai tây hay mì ống?

- Hai suất với mì ống, một suất với khoai tây. Làm riêng ra.

- Có uống nước chanh không ?

- Ba chai!- tôi đáp và nổi thất lưng sẵn.

Người bán hàng nhìn tôi vẻ nghi hoặc nhưng không nói gì thêm. Sau khi đặt lên bàn tôi ba đĩa thịt băm viên và ba chai nước chanh, ông ta dịu dàng hỏi:

- Này chàng trai, cậu dấu tờ ba mươi rúp chỗ nào thế?

- Nó đây!- tôi hãnh diện đáp và chìa cho ông ta tờ ba mươi rúp.

Người bán hàng cầm tờ ba mươi rúp, sẫm soi, đưa ra ánh sáng ngấm ngấm, sau đó kéo chiếc tạp dề bẩn thỉu lên, nhét ngay đồng bạc vào chiếc túi quần còn bẩn hơn nữa.

- Ăn xong cậu có thể đi được rồi!- ông ta mỉm cười nói rồi bỏ đi.

Một con chó mực ồm nhom, dài ngoằng, hai bên hông nhoe nhoét bùn đất chạy vào cửa hàng. Nó đảo qua đảo lại vài vòng trong phòng, liếc xéo tôi, sau đó can đảm bước lại gần. Vì tiếc miếng thịt băm viên nên tôi chỉ ném cho nó một ít mì ống. Trong khi miếng mì ống còn chưa kịp rơi xuống đất nó đã dớp gọn. Tôi ném một miếng nữa. Một



phút sau, hình như để gây sự chú ý với tôi, nó bèn sủa một tiếng.

- Cút ngay! - người bán hàng hét con chó.

- Tên nó là gì? - tôi hỏi.

- Ma nào biết!

- Chó nhà ai thế?

- Làm sao tôi biết được, cả chủ lẫn chó chết quách đi cho rồi! Cút đi! - người bán hàng đuổi con chó.

Con chó cặp đôi chạy ra ngoài đường.

Ăn xong, tôi lấy giỏ định bước ra cửa.

- Ông không trả lại tiền thừa à? - để cho chắc chắn, tôi hỏi người bán hàng.

- Cậu còn muốn gì nữa? - người bán hàng nhăn mặt.

- Hết nhẫn à? - tôi vẫn không chịu thua.

- Thôi đi đi, chàng trai ạ.

Ra khỏi cửa nhà ăn tôi lại nhìn thấy con chó lúc nãy. Nó lo lắng nhìn quanh và tiến dần lại phía cửa.

Tôi chưa kịp bước mười bước chân đã nghe một tiếng rống khùng khiếp và tiếng sủa của con chó, rồi nó lao nhanh qua tôi, chui xuống gầm cầu và nhảy xuống nước. Nhưng rồi nó lại vội vàng lao lên bờ, sủa ăng ẳng và lăn trên cát.

Tôi quay lại cửa hàng và nhìn thấy người bán hàng đang đứng ở cửa với chiếc chảo trên tay. Từ trong chảo làn hơi nóng vẫn còn bốc khói nghi ngút.

- Ông làm bỏng con chó phải không? - tôi hỏi.



- Không, chỉ chút nữa là nướng đùi nó!- ông ta mỉm cười ngây ngô.

- Ông là đồ con lừa! Cả bố ông cũng là đồ con lừa! - tôi hét lên.

Người bán hàng sững người. Ông ta im lặng nhìn tôi trong giây lát, vẻ mặt tức giận. Sau đó ông ta đặt chiếc chảo xuống đất, xắn ống tay áo bên phải lên, từ từ tiến lại phía tôi.

- Đợi tao ở ngoài kia! - ông ta rít lên.

Tôi thản nhiên đặt chiếc giỏ xuống, nhìn quanh và nhặt một hòn đá to lên.

Người bán hàng sững lại như trời trồng. Ông ta đứng một lúc, sau đó lắc đầu rồi bỏ đi.

Con chó nằm dưới gầm cầu, dẫu mặt vào giữa hai chân trước và kêu ăng ẳng. Nhìn thấy tôi nó liền im bật sau đó rên khe khẽ. Tôi bước lại gần, quan sát. Chân phải của con chó cũng bị bỏng.

- Để tao ngắm mày một chút xem nào!- tôi nói rồi ngồi xổm trước mặt con chó.

“Ôi, các người đã làm gì tôi thế này!” - Con chó rên rỉ. Từ con mắt bên phải còn lành lặn của nó ứa ra những giọt nước mắt. Tôi cởi áo sơ mi ra, xé làm hai, nhúng xuống nước sau đó băng con mắt và chiếc chân bị thương của nó lại. Sau khi cảm thấy dễ chịu hơn, nó nhìn tôi bằng ánh mắt biết ơn và lại khóc. Đến lúc ấy không cảm lòng nổi, tôi ngồi bệt xuống đất và cũng khóc. Còn con chó - không phải là con vật vô ích: Nó biết thừa vì sao mà con người khóc.

Con chó đã từng nếm mùi cay đắng kia lết dần lại phía tôi rồi dịu dàng gếch đầu lên đùi tôi.

...Tôi nhớ có lần - dạo ấy tôi mười bốn tuổi - khi ông Gervaxi Dzabua gả cô con gái Tina cho chàng trai Arxen Xiamasvili ở làng Nabeglavi, thì cũng là lần đầu tiên tôi cầu chúa: “Lạy chúa, cho con lớn thêm sáu tuổi nữa và tay Arxen đừng bao giờ gặp người đẹp Tina...”. Và bây giờ tôi cũng cầu nguyện: “Lạy chúa tôi, hãy cho con sức lực để con có thể đấu với lão bán hàng, rồi có giết con đi cũng được!...”. Và không khi nào, không khi nào tôi mong ước mơ của mình trở thành hiện thực như bây giờ, khi tôi đang ngồi dưới gầm cầu ôm con chó hoang trong tay...

- Cái gì thế này? - Ông nội ngạc nhiên hỏi khi tôi lúi từ trong giỏ ra con chó bị bỏng.

- Con chó! - Tôi đáp.

- Đồ giẻ rách chứ chó gì thế này! - Ông nội nhổ một bãi nước bọt.

- Không phải giẻ rách đâu ông ạ! Người bán hàng làm nó bị bỏng đấy!

- Đáng đời lắm, đồ kẻ cướp!

- Nó đói quá! - Tôi bênh.

- Nào, tháo giẻ ra!

Tôi tháo lớp băng ra, ông nội xem xét kỹ con chó.

- Cái đồ dã man làm nó bị bỏng không đúng lúc chút nào cả! Trời nóng vết thương lâu lành lắm... Mang mỡ lại đây, ông sẽ bôi vào vết thương... Chân thì tự nó sẽ lành thôi, chủ yếu là con mắt...



Sáng hôm sau trong sân nhà chúng tôi vang lên tiếng chó sủa, mặc dù còn yếu ớt và chưa tự tin lắm nhưng đúng là tiếng chó sủa.

Mặc dù chúng tôi gọi nó bằng nhiều tên khác nhau, nào là Giếch, Đzunbar, Belắc, Myrka - nhưng con chó không hề phản ứng trước bất cứ tên gọi nào. Khi đó chúng tôi quyết định chỉ gọi nó một cách đơn giản là Chó. Một tháng sau chân Chó đã lành, vết thương trên mõm cũng lên da non, những chỗ bị bỏng đã phủ một lớp lông mới dày rậm. Và nó trở thành một con chó tinh nghịch và xinh đẹp nhất thế gian.

Thực lòng mà nói, Chó chẳng có tài năng gì xuất chúng, nhưng khả năng nhận biết thì không đến nỗi tồi: Nó không bao giờ đụng đến trẻ em và phụ nữ, trong số các gà mái trong làng nó nhận ngay ra con gà mái nhà chúng tôi, nhưng lại từ chối việc bảo trợ cho nó. Còn những gì liên quan đến giống dục - ngoài tôi và ông ra nó không thừa nhận bất cứ một người đàn ông nào khác trong làng. Tôi tin chắc rằng, mối căm thù giống dục đã bắt đầu nảy sinh trong lòng nó kể từ hôm người bán hàng làm nó bị bỏng một cách dã man.

Những người hàng xóm thường than phiền với ông:

- Có chuyện gì thế, ông Xpiridon! Muốn đến chơi với ông cũng không được nữa! Mà ông nhặt ở đâu ra cái con chó ghẻ ấy thế? Thậm chí nó cũng không để cho chim đậu trên cây nữa, đồ quỷ sứ! Ông hãy tống cổ nó đi cho khuất mắt, không thì cho nó một viên đạn, thế là xong!

Ông nội chỉ mỉm cười. Ông gần bó với con chó đến mức ông có thể đuổi tôi ra khỏi nhà chứ con chó thì không. Chó

cũng cảm nhận được điều đó. Đôi khi tôi phải vào rừng lấy củi, hay buổi tối ra cối xay bột nó đi theo tôi, khoảng thời gian còn lại nó nằm ngay dưới chân ông nội, nhìn ông với cặp mắt buồn rầu, thành kính chờ đợi bất cứ mệnh lệnh nào của ông. Chỉ cần một quả táo hay quả lê từ trên cây rụng xuống, Chó vội vàng bật dậy, vượt qua lũ heo, lao đến gốc cây, ngoạm quả chín và mang về cho ông nội. Ông dịu dàng vuốt cổ nó, rồi gọt trái cây ăn, vỏ thì cho nó. Nó ăn tất cả số vỏ táo, vỏ lê đó. Thế đấy, Chó rất biết vâng lời! Có lẽ nó là sinh vật duy nhất có thể nghe ông nói hàng giờ không chán và nghe đi nghe lại hàng trăm lần cũng chỉ một câu chuyện ấy. Câu chuyện càng dài thì Chó nghe càng chăm chú, còn cặp mắt của nó thì như muốn hỏi: “Lạy chúa tôi, ông có quên chi tiết nào không?”

Một lần tôi chứng kiến mẩu đối thoại thế này.

- Này anh bạn, giá mà không có cái cuộc chiến tranh khốn nạn này thì mày chẳng đến nỗi phải ăn lê thôi?!. Ông nội vừa lắc đầu vừa nói với Chó.

- Đúng thế!- Chó gật đầu.

- Khốn nạn, chắc mày đã quên mất mùi thịt?-. Ông hỏi.

- Phải, quên mất rồi!-. Nó thở dài.

- Không sao, mọi việc rồi sẽ qua thôi, ông an ủi. Chẳng bao lâu nữa thành Arxen, cha của Gogita sẽ về. Rồi nó sẽ quán xuyến mọi chuyện, mày nghĩ sao?-. Chó không biết cha tôi, nhưng nó vẫn gật đầu khẳng định, ông nội lại tiếp:- Cái cuộc chiến tranh đáng nguyên rủa này rồi sẽ kết thúc!.. Và bệnh tật của ta rồi cũng sẽ khỏi, sẽ khỏi thôi, đúng không?..

Người và Chó cứ ngồi hàng giờ như thế ở ban công, sưởi ấm dưới ánh nắng mặt trời và suy nghĩ: Ông nghĩ về việc kết thúc cuộc chiến tranh, con trai sẽ quay về, còn Chó... Chó, chắc hẳn nghĩ về miếng thịt...

Còn trong tất cả những việc khác Chó của chúng tôi xử sự cũng như mọi con chó khác trên thế gian này. Nó cho rằng mình có nghĩa vụ phải sửa đáp lại đối với tiếng gáy của gà trống, tiếng gầm gừ của mèo và tiếng tru của chó sói. Nó nhảy căng lên khi mặt trăng tròn vành vạnh như chiếc bánh xe nhô lên khỏi dãy núi Con Gấu. Nó cũng có những công việc yêu thích của mình: Nhấc một chân lên và tước vào luống cỏ tây xanh mướt trong vườn. Còn nữa, mỗi khi nghe thấy ở đâu đó tiếng phụ nữ than khóc và tiếng cầu nguyện trong đám tang của chồng con hay anh em là nó liền ngửa đầu lên và tru bằng một giọng thảm thiết.

Ngày tháng trôi đi. Và chúng tôi sống cũng như mọi người và mọi con chó khác trong thời kỳ chiến tranh...

Đêm 22 tháng Tám năm 1943 cả làng bị đánh thức dậy bởi tiếng chó sủa, tiếng cắn nhau và tiếng chó tru. Thời kỳ loạn lạc nên chẳng ai để ý đến chuyện ấy.

Sáng hôm sau Axlan Taberize nhìn thấy bên cạnh giếng làng xác một con chó đực bị cắn nát. Thời kỳ loạn lạc nên mọi người cũng chẳng mấy ai bận tâm. Xác chó được chôn đi.

Đến trưa có một người lạ xuất hiện trong làng. Ông ta đi tìm con chó của mình. Người ta bảo ông đến gặp Axlan. Tôi cũng có mặt ở đấy.

- Tôi là Kirille Mamalaze ở làng Khevi - Người lạ tự giới thiệu.

- Rất hân hạnh. Chúng tôi có thể giúp gì cho ông?- Axlan vốn vã hỏi.

- Tôi bị mất con chó... Người ta nói với tôi, hình như hôm nay anh vừa chôn một con chó nào đó...

- Đúng thế. Tôi và chàng trai này vừa chôn xong. Thế có chuyện gì vậy, chẳng lẽ không được chôn?

- Ồ không, cảm ơn anh đã quan tâm. Anh thế chỉ chỗ chôn nó được không?

- Xin mời.

Mamalaze đào xác chó lên, xem xét

- Chó của tôi! - Ông ta khẳng định chắc chắn.

- Ông có muốn mang hài cốt về không?- Axlan cười mỉm.

- Tôi chẳng còn tâm trí đùa cợt đâu!- Mamalaze phẩy tay. - Hôm qua nó vừa cắn con trai tôi rồi bỏ chạy. ở trạm phòng dịch người ta yêu cầu phải mang đầu con chó đến để làm xét nghiệm não. Nếu con chó bị điên thì phải tiêm chủng cho thằng bé bốn chục mũi. Anh hiểu chứ, bốn chục mũi tiêm! Trong khi thằng bé đứng còn chưa vững!

Mamalaze thở dài rồi lấy chiếc riu trong túi ra.

Tôi vội vàng ngoảnh mặt đi rồi bỏ về nhà.

Khi tôi kể cho ông nội nghe, ông nhăn mặt vẻ không hài lòng.

- Chuyện chẳng hay ho chút nào cả - ông nói và nhìn xuống con chó đang nằm vô tư dưới chân mình.

Buổi chiều, người láng giềng Badrya hỏi mượn ông tôi khẩu súng săn.

- Anh mượn súng làm gì thế, Badrya?- Ông hỏi.

- Bắn con chó nhà tôi.

- Nó phạm tội gì sao?

- Thế ông không biết à? Đêm qua có một con chó lạ cắn nhau với chó trong làng ta. Còn cậu, cũng nghe ông chủ con chó nói gì rồi đấy. Nó cắn con trai ông ấy.

- Nhưng ông ta có nói nó bị điên đâu!- Tôi bác lại.

- Đồ ngốc! Chẳng lẽ một con chó bình thường lại đi cắn con ông chủ?- Badrya vặn lại.

Tôi không biết nói sao.

- Nếu để làm chuyện đó thì tôi không cho anh mượn súng đâu!- Ông tôi cắt ngang.

- Vậy tôi sẽ giết nó bằng cách nào?

- Bằng gậy ấy.

- Ông nghĩ tôi là đồ cầm thú à?- Badrya tự ái.

- Nếu vậy thì tùy anh...

Badrya bỏ đi.

- Buổi tối nhốt con chó vào trong kho!- Ông nội ra lệnh cho tôi và dịu dàng vuốt đầu con chó.

Phát súng đầu tiên và tiếng tru thảm khốc của chó vang lên trong sân nhà Axlan Taberize.

- Hôm nay ngày bao nhiêu?- Ông nội hỏi

- Ngày hai mươi ba tháng Tám.

- Sắp đến ngày lễ thánh Vapholomei rồi. - Ông nói.

Sau phát súng thứ nhất tiếp đến phát thứ hai, thứ ba, thứ tư...Khắp nơi vang lên tiếng súng nổ, tiếng chó sủa, chó tru, tiếng la hét rên rĩ của đàn bà, tiếng khóc của trẻ con và tiếng gầm gừ của gia súc. Tiếng súng vang lên ở sân nhà lán giềng Badrya, sau đó ở nhà Alixtakhơ và cuối cùng vang lên ngay sát vách nhà tôi - nhà lán giềng Makarya. Tiếng chó tru làm tôi điếc đặc.

- Thật tội nghiệp lũ chó!... Trong lúc Makarya nạp đạn khẩu súng săn của mình để hành quyết con vật, ông tôi rên rĩ và run rẩy đưa tay lên bịt tai lại.

Cuộc hành quyết lũ chó một cách tàn khốc chưa từng có kéo dài suốt một giờ. Suốt một giờ cả làng sôi ráo lên. Và trong khoảng thời gian ấy con chó nhà chúng tôi bị nhốt trong kho vừa sủa vừa tru một cách điên cuồng, vừa cào cấu lên cánh cửa nhà kho đến bật móng.

Mọi việc dần dần yên tĩnh trở lại. Phát súng cuối cùng vang lên và bắt đầu một sự tĩnh lặng chết chóc.

- Ha-ha-ha-ha!- Đột nhiên một tiếng hét đầy vẻ chiến thắng của ai đó vang lên.

- Thế là hết. Mọi chuyện đã chấm dứt...Lạy chúa toàn năng, hãy tha tội cho chúng con... - Ông nội thở dài.

Sáng hôm sau.

Gà trống cất tiếng gáy.

Bò sủa rống lên.

Dê kêu be be.

Gà mái cục tác.

Mặt trời bắt đầu nhô lên khỏi đỉnh núi Konkhoulư.

Buổi sáng hôm ấy mọi việc vẫn bình thường, nhưng đã có một điều gì đó không bình thường.

Trong làng như thiếu một cái gì đó, một cái gì đó hết sức bình dị, giản đơn, nhưng gần gũi, thân thương. Và khi trên con đường làng, giữa những luống rau xuất hiện Axlan Taberize với chiếc rừ trên vai nhưng không có con chó tai cụp Tuzik của anh ta chạy theo sau là tôi chợt hiểu ra rằng, con chó chính là một phần máu thịt không thể chia cắt của làng, là người gác cổng bình dị của làng.

Từ buổi sáng ngày 24 tháng Tám năm 1943 làng tôi không có chó...

Suốt cả ngày Chó của chúng tôi không bước chân ra khỏi cổng, cũng không ăn, không sủa một tiếng. Nó nằm dưới chân ông nội, mắt nhắm nghiền, bốn chân duỗi thẳng. Nếu cái bụng của nó không phập phồng theo từng hơi thở có thể nghĩ nó đã chết.

- Nó thế nào rồi ạ? - Tôi hỏi ông.

- Cả đêm qua nó không ngủ - ông đáp.- Nhưng không sao, rồi nó sẽ quên ngay thôi. - Vừa nói ông vừa xoa đầu nó, nhưng nó vẫn nằm im không động đậy.

Gần chiều, Badrya lại xuất hiện, dáng vẻ say khướt.

- Chào ông Xpiridon!- Anh ta lên tiếng.

- Chào anh Badrya!- Ông tôi đáp nhưng không mời khách vào nhà.

- Ông Xpiridon ạ! - Badrya ấp úng. - Mọi người không...hài lòng...rằng...hôm qua trong sân nhà ông...không nghe thấy tiếng sủa...

- Thế à? Chẳng lẽ chiến tranh kết thúc rồi sao? Hay là thằng con trai Arxen của tôi đã trở về? Hay đêm qua là đêm giao thừa? Vậy lý do gì mà phải nổ súng?- Ông tôi hỏi.

- Ông Xpiridon ạ, không nên vì một con chó mà làm mất lòng cả làng...Hãy giết nó đi! Những con chó của chúng tôi đâu có thua kém gì chó của ông. Hay chỉ có mình ông là người nhân hậu?

- Không đâu Badrya ạ, chỉ có điều tôi không muốn đi sau quan tài của tôi mà không có con chó.

- Ông hãy cẩn thận, ông Xpiridon ạ! Nếu con chó của ông bị phát đại mà cắn lũ trẻ nhà tôi, tôi sẽ thiêu trụi căn nhà của ông và luôn cả ông đấy!- Badrya đe dọa rồi chệnh choạng bỏ đi.

Trời đã tối, nhưng tôi vẫn nhận ra khuôn mặt ông tái đi.

- Badrya!- Ông tôi gọi.

Badrya quay đầu lại.

- Nghe ta nói đây, đồ nhãi ranh! Hãy ăn nói cho cẩn thận, nếu không chính ta sẽ nướng mày trên đám tro tàn của chính căn nhà mày, hiểu chưa!

Tôi không biết Badrya nghĩ gì khi đứng sững lại, còn tôi nếu ở vào địa vị của anh ta chắc cả đêm ấy tôi không chợp mắt được: Mọi người trong làng ai cũng biết tính ông tôi - đã nói là làm.

Gần nửa đêm, bỗng có hai tiếng súng liên tiếp vang lên ở cuối sân nhà chúng tôi. Tiếp sau đó là tiếng chó sủa gay gắt. Tôi bật dậy khỏi giường, vợ lấy khẩu súng và chạy về



phía có tiếng súng. Có ai đó vội vàng lẩn vào bụi rậm. Sau đó tôi nghe thấy tiếng bước chân chạy xa dần.

Con Chó nằm bên bờ rào và rên khe khẽ. Tôi bế nó lên và chạy về nhà. Ông nội đã thắp cây đèn dầu và đang ngồi trên tấm da dê bên lò sưởi. Ông xem xét vết thương con Chó, lấy cồn rửa sạch, đắp thuốc lá lên và băng chặt.

- Không có gì nguy hiểm cả - ông nói - chưa đụng đến xương.

Ông nhìn con Chó với ánh mắt như muốn hỏi điều gì đó. Chó nhìn ông đầy biểu cảm.

- Ai bắn?- Ông hỏi tôi.

- Cháu không biết...

- Còn nó biết đấy! Biết, nhưng không thể nói được!- Ông lắc đầu và lau nước mắt cho con Chó.

Sáng hôm sau ông bảo tôi dìu ông ra ban công. Con Chó bị què lết theo và nằm dưới chân ông.

Ngôi nhà của chúng tôi nằm trên ngọn đồi. Giờ đây ông ngắm nhìn ngôi làng một cách chăm chú như lần đầu tiên ông nhìn thấy nó. Ông im lặng rất lâu, sau đó quay về phía tôi và nói nhỏ:

- Họ nói đúng, con ạ... không nên vì một con chó mà xúc phạm cả làng... Con hãy lấy súng rồi đưa con Chó đi... Chỉ có điều hãy đi ra khỏi làng để ta không nghe thấy gì cả...

- Ra khỏi làng rồi cháu sẽ làm gì?- Tôi hỏi và cảm thấy quái hàm run run còn môi méo xệch đi.

- Hãy làm như những người hàng xóm của chúng ta đã làm - ông đáp mà không nhìn tôi. - Đi đi con...

Tôi vào phòng lấy súng, buộc sợi dây thừng vào cổ con Chó và lôi nó đi. Chó đứng im không nhúc nhích.

- Đi thôi, Chó!- Tôi kéo dây lần nữa.

Chó nhìn ông với cặp mắt cầu khẩn.

- Hãy đi với nó đi, Chó!- Ông nói rồi úp mặt vào hai bàn tay...

Chúng tôi đi băng qua làng, rời khỏi đường cái và đi theo con đường mòn, dọc theo sườn núi, về hướng con sông.

Con Chó chạy cà nhấc theo tôi một cách cam chịu và trong suốt thời gian đó không một lần nhìn tôi.

Chúng tôi đến bờ sông. Tôi tháo dây buộc cổ con Chó ra và ngồi xuống tảng đá lớn. Tôi vã mồ hôi lạnh trên mặt, tim đập thình thịch. Sau khi đã bình tâm lại đôi chút, tôi lấy khẩu súng trên vai xuống. Chỉ đến khi ấy con Chó mới ngẩng đầu lên và nhìn tôi bằng cặp mắt thân ái buồn bã. Tôi quay mặt đi vì không chịu nổi ánh mắt của nó, rồi vội vàng tháo cả hai viên đạn từ khẩu súng ra và ném xuống sông.

Tôi có cảm giác như vừa trút xong một gánh nặng. Tôi đứng dậy, vươn vai, hít một hơi dài. Con Chó rụt rè tiến lại gần, liếm tay tôi, rồi đột nhiên nó bỗng lao xuống sông, ngụp lặn một hồi, làm nước văng tung tóe. Rồi nó lên bờ, rũ nước, mệt mỏi nằm xuống bãi cát. Máu rịn ra từ vết thương ở chân nó, cặp mắt ngân ngấn nước. Nhưng tôi xin thề - con Chó đang cười!

- Còn bây giờ, hãy đi đi, Chó ạ! Hãy lặng lẽ mà đi, đừng sửa, đừng găm gù với con người và nói chung là hãy tránh xa con người ra. Lỡ người ta tưởng mày là chó điên, họ sẽ



giết đấy! Chắc mày đã nghe ông nói rồi: Không nên vì một con chó mà xúc phạm mọi người! Không nên! Nhưng dù sao đi nữa tao cũng đành phải lừa dối ông! Còn mày gãy đi đi và đừng bao giờ quay về làng nữa! Có thể mày bị điên thật! Và đừng làm điều gì mang tội! Nào đi đi, Chó yêu của ta!...

Tôi không biết con Chó có hiểu tôi không, nhưng khi tôi quay đi nó vẫn cứ ngồi im một chỗ...

- Thế nào, cháu?- Ông hỏi khi tôi về.

Tôi lặng lẽ lấy súng từ trên vai xuống đưa cho ông. Ông kéo quy lát ra, hướng khẩu súng ra chỗ sáng và nhìn vào hai nòng súng.

- Ta nói với con điều này, con ạ: Nếu lúc nào con cũng sử sự như vậy, con sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống đấy...

Một tuần sau, ban đêm chó sói vào chuồng tha mất con dê nhà Ektime Xiraze.

Ba ngày sau cáo lại mò vào tận chuồng gà của nhà ai đó bắt mất hai con gà.

Rồi sau đấy có một kẻ nào đó đã khoắng sạch bồ lúa 10 pud của nhà Axlan Taberize.

Vào một ngày đẹp trời con bò cái nhà Berzenisvili vào vườn nhà tôi vặt trụi lá bốn cây non mới chiết - ông nội tái mặt vì tức giận.

Tiếp sau những sự việc ấy, lại xảy ra chuyện con bò sữa nhà Nina Đnhelaze và con bò giống nhà Xipito Matitasvili cũng biến mất khỏi làng.

Một đêm kẻ trộm đã đột nhập vào nhà kho của nhà Kirille Titmeri cuỗm mất 8 pud ngô giống.

Dân chúng như phát điên. Những tiếng la hét, mắng nhiếc nổi lên, người ta bắt đầu bóng gió nghi kị lẫn nhau, kể cả chữ bôi.

Sự náo loạn của làng đã lên đến đỉnh điểm.

Ngày 15 tháng Mười, trời bỗng đổ một cơn mưa rào lớn chưa từng thấy. Những chiếc cối xay nước nằm trên sông Gubazouli đã bị dòng nước hung hãn cuốn trôi cứ như là chưa hề tồn tại.

Ngày 16 tháng Mười, ông bảo tôi đến chỗ chiếc cối xay nước duy nhất còn sót lại trên sông Goraberezouli như có một phép màu.

Đến nửa đêm số ngô của nhà tôi đã xay xong. Tôi vác bao bột ngô trên lưng chuẩn bị ra về, đột nhiên cánh cửa cối xay nước bật ra và trên ngưỡng cửa xuất hiện Kirille Mamalaze.

- Chào, Têophan!- Ông ta chào ông chủ cối xay, nhưng không nhận ra tôi.

- Con của ông thế nào rồi?- Tôi hỏi ông Mamalaze.

- Con nào?

- Thì đứa bị con chó dại cắn ấy.

- À, hóa ra là chuyện ấy! Nó vẫn khỏe !

- Ông nói gì thế !?

- Có gì đâu, con chó không bị dại...

- Không bị dại à!..Thế mà ông...Còn họ...Thật đáng xấu hổ, nhục nhã, ông Kirille Mamalaze ạ!- Tôi buột ra và chết lặng như trời trồng rồi ngồi phịch lên bao bột.

- Têophan, thằng bé này con nhà ai thế? - Mamalaze ngạc nhiên hỏi ông chủ cối xay.

- Cháu con nhà ai? - Ông chủ cối xay hỏi tôi.

- Chẳng con nhà ai cả! - Tôi đáp cộc lốc rồi chẳng thèm chào, bước ra khỏi cối xay.

Suốt cả ngày 17 tháng Mười tôi cứ nghĩ mãi, có nên nói cho ông nội biết câu chuyện ở cối xay không. Cuối cùng tôi quyết định không nói gì cả.

Ngày 18 tháng Mười, ông nội không muốn dậy khỏi giường.

Ngày 20 tháng Mười, ông bảo tôi ở nhà.

Ngày 25 tháng Mười, chân phải và tay phải của ông bắt đầu bị phù lên.

Ngày 27 tháng Mười, ông gọi tôi lại và giao chìa khóa nhà cho tôi.

Ngày 28 tháng Mười, ông bảo tôi ngồi trên chiếc ghế thấp trước mặt và nói:

- Tất cả mọi thứ ở trên đời này đều có mở đầu và kết thúc, con ạ... Không ngày hôm nay thì ngày mai cái kết thúc của ta cũng sẽ đến... Đó là một điều khủng khiếp - đi mà không biết sẽ đi đâu. Và ta sẽ không nói dối, ta cũng sợ chết... Còn cháu, cháu đừng sợ!.. Nếu ở thế giới bên kia không có gì cả, thì chẳng có gì phải sợ! Còn nếu cái chết chỉ là một sự biến đổi của con người thì lại càng không đáng sợ. Ta trở về với thế giới bên kia, trở về dưới một hình hài khác - trong cỏ cây, chim muông, súc vật... Nhưng ta vẫn luôn ở bên cháu!.. Ta sẽ không bao giờ để cháu lại một mình! Cháu hãy biết, mỗi khi gặp chuyện vui buồn, thậm

chỉ chỉ thấy một viên đá bình thường, cháu hãy nhớ, đó chính là ta - người ông già nua của cháu đấy. Chính vì thế, cháu đừng bao giờ tự coi mình là cô đơn và đừng sợ sự cô đơn...Ta chỉ yêu cầu cháu một điều, không được rời bỏ ngôi nhà của chúng ta, không được để lửa tắt trong bếp lò!..Cha cháu sẽ trở về, cha cháu sẽ phải tìm thấy ở nơi đây ngọn lửa, miếng bánh mì và ly rượu. Những việc còn lại cha cháu sẽ tự giải quyết...Đấy, hơn tuần nay ta chỉ mơ thấy người chết mà không một lần mơ thấy cha cháu. Điều đó có nghĩa là cha cháu vẫn còn sống! Hãy giữ gìn cho cha cháu ngôi nhà thân yêu này và cái tên của dòng họ!..Chiến tranh rồi sẽ kết thúc! Chính con người đã gây ra chiến tranh thì cũng chính con người sẽ phải chấm dứt nó. Chiến tranh không thể đè bẹp con người được...Còn bây giờ, cháu hãy đi đi, hãy đi lấy thêm củi...

Cả đêm hôm ấy tôi không ngủ. Ông nằm im, cứ nhìn mãi vào ngọn lửa đang nhảy múa trong lò sưởi và mỉm cười về cái gì đó.

Ngày 29 tháng Mười, sức khỏe của ông rất xấu. Tôi đỡ ông ngồi dậy, dựa lưng vào gối.

- Nó đang đến, bình thản và rất chậm chạp...- Ông lên tiếng.

Ngày 30 tháng Mười, ông lại gọi tôi:

- Con hãy chuẩn bị đi... Ngày mai nó sẽ lên đến trái tim... Nhưng con đừng lo... Tất cả những gì cần làm, bà con hàng xóm sẽ giúp con... Chỉ tiếc là trong nhà chúng ta không có phụ nữ, chẳng có ai khóc ta cả.

Ngày 1 tháng Mười Một, vào lúc nửa đêm, ông nội lần ra khỏi giường và đứng giữa phòng.

- Gogita, ta đã nhìn thấy nó rồi!- Ông thốt lên bằng một giọng vô cùng đau đớn.

- Thấy cái gì hả ông?- Tôi bật khỏi giường và hỏi.

Ông nội đổ gục xuống chiếc bàn, rồi từ từ tuột xuống và ngã vật ra.

- Ông ơi! Ông ơi!- Tôi hét lên.

Ông nội đã ra đi.

Mọi việc xảy ra đúng như người ông nhân hậu và khảng khái của tôi mong muốn.

Tôi mặc quần áo, mở tất cả cửa sổ, cửa đi rồi bước ra ban công.

Đó là buổi sáng ngày mừng hai tháng Mười Một.

Những ngôi sao trên bầu trời lạnh lẽo và sáng như gương lần lượt tắt.

Tôi đi chân trần bước ra sân, băng qua bãi cỏ còn ẩm sương. Một cảm giác lạnh buốt chạy dọc sống lưng... Những thân cây bấp xào sặc trong gió... Ngang qua cây lê, như một cái máy tôi cúi xuống nhặt một quả, cắn một miếng và đến lúc ấy tôi mới nhận ra cổ họng mình khô khốc.

Tôi chậm rãi, bình thản mở cổng, bước ra đường, đi về phía hàng rào nhà láng giềng và gọi:

- Cô Margalita!

Không có ai đáp lại, trời còn sớm lắm. Tôi gọi to hơn.

Cửa mở ra, một người đàn bà còn ngái ngủ bước ra ban công.

- Ai đấy?

- Cháu là Gogita.
- Có chuyện gì thế?
- Cô lại đây, cháu có chuyện muốn nói.
- Cháu làm sao thế, xin ả?
- Ông cháu mất rồi...Không có ả khóc ông cả...Cháu xin cô...
- Cháu nói cái gì thế?
- Vâng, ông cháu mất rồi, cô ạ. Cháu xin cô đừng từ chối...

Cô Margalita không nói thêm lời nào nữa vội vàng bước xuống cầu thang, đầu tóc chưa chải, chân đất. Khi hai người đến gần nhà tôi, tôi để cô đi trước. Cô Margalita bước lên cầu thang, nhưng bỗng đứng lại, bối rối quay về phía tôi.

- Cô đừng sợ!- Tôi nói nhỏ rồi ngồi bệt xuống thăm cỏ ẩm ướt.

Cô Margalita bước lên ban công, quay mặt về phía làng và xoa tóc ra...Ông nội sẽ mai táng vào ngày chủ nhật, mừng bốn tháng Mười Một năm 1943.

Dân làng đến viếng sau buổi trưa. Họ đi thành từng tốp, theo quan hệ họ hàng hay hàng xóm láng giềng. Đi trước mỗi nhóm có hai người đàn bà khóc, đi sau là hai đứa bé khiêng vòng hoa.

Những người hàng xóm gần gũi với gia đình tôi tự nguyện đứng ra lo mọi chuyện tang lễ, chôn cất cho ông nội. Họ khóc cho tôi còn hơn là cho ông nội:



- Khốn khổ thằng bé, một thân một mình sống thế nào đây! Côi cút, đói nghèo!..

Tôi đứng bên cửa với chiếc băng đen trên cánh tay áo, không khóc lóc, rên rỉ và bắt tay những người đến viếng.

- Cháu hãy khóc lên một tiếng, khóc lên một tiếng, rồi sẽ thấy nhẹ nhõm hơn cháu ạ!- Cô Margalita nói nhỏ vào tai tôi. Tôi lặng lẽ gật đầu.

Mọi người đứng chật cả ban công, trong sân và cả ngoài đường. Họ đứng trò chuyện, tranh cãi, thậm chí có nhóm còn cười nữa...

Bỗng nhiên trong đám đông có một chuyện gì đó đã xảy ra. Thoạt đầu mọi người la lên, sau đó là một sự im lặng như tờ. Mọi người dân ra và tôi nhìn thấy con Chó, lông lá bù xù, bần thủ, bám đầy những chùm gai. Chó không nhìn ai, không để ý đến bất cứ người nào, nó băng qua sân, leo lên ban công và đi vào phòng của ông nội. Không tìm thấy ai ở đó, Chó chạy ra phòng khách, đến gần cổ quan tài, đứng trên hai chân sau, còn hai chân trước bám vào mép quan tài, rồi vươn cổ ra...và đứng lặng đi, nhìn mãi vào khuôn mặt bình thần, phúc hậu của ông nội. Sau đó nó quay lại, đi về phía tôi và lặng lẽ phủ phục dưới chân tôi.

- Chúa phù hộ cho nó!- Ai đó thốt lên.

Đến lúc ấy tôi không thể kìm lòng được nữa, liền ôm mặt và khóc rống lên.

Gần năm giờ chiều lại xảy ra một chuyện lạ lùng nữa.

Ông Badrya đến viếng. Vừa bước vào phòng, nhìn thấy con Chó nằm dưới chân tôi, ông bỗng giật mình nhưng nhanh chóng lấy lại bình tĩnh và với vẻ mặt phù hợp với

hoàn cảnh, ông bước lại phía tôi. Con Chó liền bật dậy, nhe răng và giận dữ tru lên.

Ông Badrya lùi lại, con Chó bước tới.

- Thôi, thôi, rút đi!- Ông Badrya tái mặt hét lên.

Con Chó nhìn ông ta với cặp mắt hung dữ.

- Mày hãy để tao khóc người quá cố chứ!- Ông Badrya mỉm cười lạnh lùng.

Con chó càng tru lên to hơn và tiến lại gần ông ta.

- Cháu hãy nói gì với nó đi chứ!- Ông Badrya bối rối quay về phía tôi.

"Nó biết đấy! Biết, nhưng không thể nói được!"- Tôi nhớ tới câu nói của ông nội, liền đáp:

- Ông Badrya ạ, ông hãy đi ra khỏi nhà tôi!

"Nếu lúc nào con cũng xử sự như vậy, con sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống đấy"- Tôi lại nhớ tới một câu nói khác của ông nội, nhưng tôi vẫn nhắc lại:

- Ông hãy đi ra khỏi nhà tôi, ông Badrya ạ!

Ông Badrya đành bước ra.

Buổi sáng tôi bị đánh thức dậy bởi những tiếng động lạ. Vẫn mặc đồ lót, tôi chạy ra ban công.

- Gôgita, cháu phải giữ con chó quý quái của mình lại chứ, chút nữa là nó cắn chúng ta đấy!- Hoá ra là những người hàng xóm sang nhà tôi để khiêng bàn ghế về.

...Tôi nhìn về phía ngôi làng thân yêu.

Những đám khói trắng mỏng manh đang toả trên những mái nhà.

Gà trống cất tiếng gáy.



Bò cái rống lên.

Lũ dê kêu be be.

Gà mái cục tác.

Mặt trời đang nhô dần lên trên dãy núi Konkhoulư.

Tôi cảm thấy toàn thân tràn ngập một làn hơi ấm, bên tai vang lên những tiếng chuông vui vẻ.

Trong sân nhà tôi có tiếng chó sủa.

Đào Minh Hiệp dịch

MẶT TRỜI

N.Đumbatze

Tưởng nhớ bạn Gundā Kaladze - người đầu tiên đã chỉ cho tôi thấy những tia nắng màu xanh lục của vầng thái dương khi đang lặn xuống biển.

Vào lúc sáu giờ sáng mặt trời hiện lên và đặt chiếc vương miện vàng chói lên đỉnh núi Esakhu.

- Xin chào, Esakhu!

- ồ Đáng tạo hóa! Anh ở đâu? Tôi đã quá mệt mỏi vì chờ đợi rồi!

- Tôi ở đây!- Mặt trời nói.

- Băng tuyết đè nặng lên người tôi, đầu tôi như muốn vỡ ra, không thể thở được nữa. Cả đêm tôi không chợp mắt! Giúp tôi với!

- Hãy kiên nhẫn!

Mặt trời lên cao hơn, vầng hào quang chói lòa, tỏa sáng khắp nơi, trong không gian bỗng xuất hiện một luồng hơi ấm và ánh sáng. Những đám băng tuyết trên Núi Esakhu bị nóng lên, xẹp xuống và... tan ra. Núi Esakhu bừng thức dậy.

- Vinh quang thay Đáng tạo hóa!- Núi vừa thốt lên vừa lau những giọt mồ hôi lạnh trên trán. Vầng dương mỉm cười. Xung quanh con mắt hùng vĩ của Mặt trời xuất hiện những nếp nhăn nhỏ.

- Vinh quang thuộc về anh! - Núi Esakhu nhắc lại rồi im lặng.

Mặt trời lên cao hơn. Trong các khe, hẻm, sườn, dốc của dãy núi Cápcazơ bắt đầu vang lên những tiếng động khủng khiếp. Những khối tuyết lở rít lên, tràn xuống như thác đổ đến chóng mặt. Một đám hơi nước và bụi tuyết bao phủ Núi Esakhu.

Sau đó màn sương mù tan dần. Trời sáng lên. Núi lau mắt và liếc về phía mặt trời. Mặt trời đã lên cao.

- Bắt đầu rồi! - Núi lên tiếng.
- Cái gì bắt đầu? - Mặt trời hỏi lại.
- Sự sinh nở!
- Của ai?
- Của con cháu tôi: Kôđôri, Pơsoi, Kelaxuri...
- Tất cả là con cháu anh?
- Của tôi và của các em gái tôi.
- chà, dòng họ anh sinh sôi nảy nở đông thật! - Mặt trời khen Núi.

Esakhu mỉm cười:

- Ồ không, Đáng tạo hóa ạ! Trong dòng họ chúng tôi mọi việc đều ngược lại: Con cái thì hằng hà vô số, các cháu thì ít hơn, các chất lại ít hơn nữa, và cuối cùng chỉ còn lại một đứa hậu sinh duy nhất - đó là Biển!

Biển vĩ đại, mệnh mông, rộng lớn đang bình thản nằm ngủ dưới chân dãy núi Cápcazơ.

- Biển! - Vâng thái dương lắm nhảm.

...Thằng bé đuổi con dê từ trong sân ra bãi chăn thả. Nó quay lại để đóng cổng và bỗng nhìn thấy mặt trời và núi Esakhu.

- Mẹ ơi!- Thằng bé kêu lên.- Mẹ nhìn núi và mặt trời kia!

Người mẹ đứng bên bếp lò đun sữa. Bà ngẩng đầu nhìn lên ngọn núi rực rỡ những tia nắng mặt trời, và đúng lúc ấy sữa trào ra.

- Ôi, đồ chết tiệt!- Người đàn bà hét lên và đuổi theo thằng bé.

- Bà làm sao thế, điên rồi à? Thằng bé vừa ngủ dậy thế mà bà đã rửa nó! - Người chồng lên tiếng.

- Ông hãy nhìn lên núi Esakhu - người đàn bà thì thào.

Người chồng đang xay bắp trong sân liền nheo mắt lại và nhìn lên cái điều huyền diệu từ lâu đã trở nên quá quen thuộc.

- Thời tiết tốt đấy, ông nói rồi tiếp tục công việc của mình.

Biển vẫn tiếp tục ngủ ngon lành, hàng lông mi trắng khê động dậy bên bờ cát.

- Rì rào...rì rào...

- Chúc buổi sáng tốt lành!- Mặt trời cất tiếng chào.

- Ô, mặt trời! Chào anh!

- Anh làm gì thế?

- Ba ngày trước có một người chết đuối trong lòng tôi... Rồi biến mất... Mọi thứ trong lòng tôi như sôi réo lên vì lo lắng! Không thấy anh ta đâu cả! Thế rồi cuối cùng cũng thấy. Chỉ đến khi ấy lòng tôi mới dịu lại,...

- Anh ta là ai?

- Tôi không biết... Chẳng ai đi tìm anh ta cả... Chính những con sóng của tôi đã mang anh ta lên bờ... Sau đó có hai người đến và mang anh ta đi.

- Đi đâu?

- Tôi không biết... Tôi không thể đi theo con người như anh được! - Biển mỉm cười.

- Bắt đầu rồi!- Mặt trời bỗng thốt lên.

- Cái gì thế?- Biển mở mắt ra hỏi.

- Con người đến rồi.

Con người ra biển có thể là một mình hoặc từng nhóm. Họ cởi quần áo ra. Chạy nhảy. Nhào lộn. Đuổi bắt. Ôm nhau. Ăn uống. Tìm nhặt những vỏ ốc vỏ sò màu sắc sặc sỡ. Đốt các mảnh gỗ, cành cây. Hoặc chỉ đơn giản đứng trên bờ và ném xuống biển những viên cuội nhỏ. Sau đó, khi mặt trời bắt đầu thiêu nóng, họ liền trốn dưới những chiếc dù hoặc lều bạt dựng tạm. Khi đó Mặt trời không nhìn thấy họ nữa.

- Lúc ta không có mặt, thì loài người ngóng cổ lên trời suốt cả tuần chờ đợi ta xuất hiện... Vậy mà chỉ cần ta lộ mặt ra là họ liền tìm cách trốn tránh ta dưới những chiếc dù, chiếc lều... Tại sao họ lại xử sự kỳ quặc như vậy?- Mặt trời hỏi.

- Vậy họ phải làm sao mới không kỳ quặc?- Biển hỏi lại.

Mặt trời càng lên cao nữa - cao nữa. Và từ độ cao ấy mặt trời thấy con người chỉ là những sinh vật bé nhỏ rất khó phân biệt...

Từ trong sân của ngôi nhà nhỏ xung quanh có tường rào xây bằng đá, một ông lão dáng vẻ hoảng hốt lao ra đường.

Chạy đến một ngôi nhà khác, ông đứng sững lại như trời trồng, sau đó ngồi bệt xuống tảng đá trước cổng nhà và la lên:

- Cứu tôi với! Con trai tôi sắp chết rồi!

Một người từ trong sân đi ra và an ủi người vừa tới:

- Đừng sợ!

- Sao lại không sợ nếu nó chết?

Khi ấy, con người vừa nhen lên niềm hy vọng kia liền chạy đi đâu đó và dẫn theo về nhiều người khác. Ba người trong số đó đến chỗ người bệnh.

- Các vị giáo sư đến rồi!- Ai đó thốt lên.

- Thế à?!

Một sự im lặng và niềm hy vọng bao trùm khắp căn nhà.

- Anh đau ở đâu?- Vị bác sĩ đầu tiên hỏi và ngay lúc ấy cảm thấy xấu hổ vì câu hỏi của mình: Người bệnh không còn sức để nói nữa...

- Anh ta bệnh đã lâu chưa?- Vị bác sĩ thứ hai hỏi người thiếu phụ còn trẻ đang tỏ ra rất lo sợ, và rồi chính ông cũng cảm thấy xấu hổ vì câu hỏi của mình: Người bệnh đã nằm liệt mấy năm rồi...

- Không khí!- Người bệnh thều thào.

Người ta mở cửa sổ ra.

- Đóng cửa sau lại! Gió lùa sẽ làm bệnh nhân bị cảm lạnh đấy!- Vị bác sĩ thứ ba lên tiếng vì sợ sau này sẽ bị trách móc nếu không nói gì cả. Và sau khi hiểu ra điều đó ông cũng cảm thấy xấu hổ vì câu nói của mình.

- Mở cửa sổ, cửa đi ra, phá bỏ các bức tường đi...Hãy cho tôi không khí!..Cho tôi thở... - Người bệnh bấu vào vai người vợ trẻ và người bạn thân vật vã, lẫn lộn, cào cấu và chỉ yêu cầu một thứ duy nhất là không khí.

Người cha gọi vị bác sĩ thứ nhất ra một bên.

- Vì chúa, xin bác sĩ hãy cho tôi biết nó làm sao thế?

- Tình trạng của anh ta, đương nhiên là rất nghiêm trọng, tuy nhiên nếu áp dụng kịp thời các biện pháp...- Bác sĩ nói dối.

- Còn ý kiến của bác sĩ thế nào ạ?- Người cha hỏi bác sĩ khác.

- Chà... Nếu nhanh chóng đưa anh ấy đi ngay Matxcova...- Vị bác sĩ này cũng nói dối.

- Thưa bác sĩ, cháu nó bị làm sao ạ? Bệnh này gọi là gì?- Người cha hỏi vị bác sĩ thứ ba.

- Gọi là cái chết!- Bác sĩ bật ra.

- Cái gì ạ? Ông nói sao?- Người cha kinh ngạc hỏi lại.

- Cái chết!- Bác sĩ nhắc lại.

- Thế...còn thuốc ạ? Dù sao...

- Liều thuốc duy nhất đối với căn bệnh này chính là cái chết.

Bác sĩ nói xong đội mũ rồi bước ra. Những người khác cũng bước theo.

- Thế nào? Họ nói sao hở cha?- Người vợ trẻ hỏi cha.

- Họ bảo, mọi việc sẽ tốt đẹp!- Người cha nói dối.

- Có chuyện gì ở đây thế?- Biển hỏi Mặt trời.

- Có người chết.

- Chết là sao? Thế các bác sĩ làm gì?
 - Các bác sĩ đi rồi!- Mặt trời thương hại nhún vai.
 - Anh hãy ở lại với người bệnh chút nữa!
 - Nhưng tôi không thể đứng chân lâu được!
 - Hãy ở lại với anh ta!- Biển nhắc lại.
 - Tôi có thể giúp gì được cho người bệnh một khi chính con người đã rời bỏ anh ta!
 - Con người!..Con người vẫn thường dễ dàng rời bỏ nhau...Nhưng anh có thể cứu được anh ta! Hãy ở lại với anh ta!
 - Tôi không thể...Điều duy nhất tôi có thể làm được là quay lại với anh ta vào sáng mai cũng đúng vào giờ này...
- Mặt trời rời khỏi căn phòng, bước qua lan can ban công rồi đi tiếp.
- Anh đi à?- Biển hỏi.
 - Tôi đi đây - Mặt trời không quay lại, đáp.
 - Tình yêu - đó chỉ là một thứ tình cảm về sự gần gũi đã trở nên quen thuộc, chỉ vậy thôi!- Chàng trai thốt lên và lấy chiếc khăn bông màu trắng che lên cái rốn của cô gái đang nằm ngửa bên cạnh.
 - Anh nghĩ thế à?- Cô gái vẫn nhắm mắt hỏi lại, và bằng một động tác rất điệu nghệ đưa cánh tay xinh đẹp hất chiếc khăn ra.
 - Xong rồi! Đã đủ năm calo! Bây giờ hãy nằm sắp lại!- Loa truyền thanh phát ra bằng một giọng rề rề.
- Cô gái xoay người.

- Không phải tôi nghĩ ra đâu, mà thực tế đúng như vậy!-
Chàng trai lấy tay run run xoa lên lưng cô gái, từ cổ đến
cái vùng căng tròn đẹp mê hồn.

Cô gái vội vàng bật dậy, nhìn chàng trai bằng cặp mắt
màu xanh nước biển có hàng lông mày kẻ mực đen.

- Ô, anh vội vàng quá đấy!

Chàng trai khẽ rùng mình khi nhìn thấy bộ ngực tròn
rám nắng và cái núm vú màu nâu của cô gái.

- Tôi... tôi à? - Chàng trai lắp bắp một cách ngu ngốc.

- Phải, anh! - Cô gái nhắc lại và nhìn lên Mặt trời.

Còn Mặt trời không cưỡng nổi trước sự quyến rũ, bèn
vươn cánh tay nóng bỏng của mình đặt lên vai và lưng cô
gái. Cô gái liền bực bội bật dậy về kích động. Khi đó Mặt
trời liền ôm lấy ngực cô. Cô gái run rẩy.

- Bỏ cô ta ra! - Biển kêu lên.

Mặt trời mỉm cười.

- Hãy để cô ta đến với tôi! - Biển đề nghị.

- Lấy đi! - Mặt trời nhẹ nhàng đẩy cô gái ra. Cô gái lao
xuống biển. Hàng trăm cặp mắt thêm muốn dõi theo như
muốn thiêu cháy cô gái.

- Chà, thế này mới đúng là cuộc sống! - Cô gái rên lên vì
sung sướng.

- Cuộc sống là thế đấy! - Mặt trời khẳng định.

- Ở đây, thưa cha, cởi quần áo ra đi! Chỗ này ít người
hơn...

Người cảnh sát ngồi xuống bãi cát, lấy ngón trỏ gạt
những giọt mồ hôi trên trán. Người mục sư trẻ nhìn quanh,

lấy chiếc mũ tím trên đầu ném xuống bãi cát, sau đó tháo cây thánh giá to bằng bạc trên cổ ra đặt bên cạnh chiếc mũ, rồi phủ lên bằng chiếc áo thụng màu trắng.

- Thà cứ ở lại bãi biển Xinốp cũng được, ở đây cũng chẳng nhiều người hơn ở đây.- Mục sư lâu bầu, nửa như tự ái, nửa như trách móc.

- Vào mùa này, không có biển nào mà không có người - người cảnh sát đập, rồi bắt đầu cởi quần áo, trong bụng thâm nguyên rửa cấp lãnh đạo “Đúng là vô công rồi nghề! Tự dưng lại phải ra đây phục dịch cho cha cô!..”

Người cảnh sát bước xuống nước.

- Nước ấm chứ ?- Mục sư hỏi.

- Như nước sôi! Cha xuống đi!- Người cảnh sát chuẩn bị lặn xuống nước.

- Đây, lạy chúa tôi, anh lại đây! - Mục sư gọi.- Anh hãy mang những thứ này đi, trông khó coi quá... - Mục sư đưa mắt về phía chiếc mũ cảnh sát và khẩu súng ngắn nằm bên cạnh chiếc áo thụng.

Người cảnh sát bắt đắc dĩ phải lên bờ. Suy nghĩ giây lát anh ta lấy quần phủ lên chiếc mũ, còn khẩu súng ngắn thì lấy áo tú lên.

- Thế này được chứ?

- Anh mang chúng theo làm gì?- Mục sư vừa lợi xuống nước vừa hỏi.

- Biết làm sao được, thưa cha? Cha có cây thánh giá, còn tôi có khẩu súng ngắn. Cây thánh giá của tôi là vũ khí!

- Đó là cây thánh giá của quý Xa tăng!- Mục sư làm dấu thánh rồi vội vàng vục đầu xuống nước. Phút sau mục sư trôi lên, vẻ rất thỏa mãn.

- Thế này mới đúng là cuộc sống!

Với cây thánh giá nhỏ bằng vàng trên ngực, bộ râu quai nón đen, mái tóc dài dẫm nước phủ xuống vai, trông mục sư giống như một tay chơi hip-pi. Còn người cảnh sát thì rất chừng chặc, râu ria nhẵn nhụi, tóc tai gọn gàng.

- Cha nhìn kìa, các cô gái đang để ý đến cha đấy!

Mục sư quay lại. Chỉ cách họ vài bước là các cô gái trần như nhộng đang trò chuyện vui vẻ và ném những cái nhìn khiêu khích về phía người mục sư trẻ.

- Hình như họ nghĩ tôi là thầy tu thì phải!

Người cảnh sát bật cười.

- Các cô gái chẳng khác gì những ả gà gô! Thưa cha, giá mà chúng ta được chén một bữa, hả?

- Hừm... tôi cũng chẳng từ chối đâu!- Mục sư mỉm cười.

“Một chàng trai tuyệt vời! Thế mà thằng chó con này lại ngu ngốc đi làm cảnh sát!”- Mục sư thâm nghĩ và lặn xuống nước.

“Một chàng trai tuyệt vời! Thế mà thằng chó con này lại ngu ngốc đi làm mục sư !”- Người cảnh sát thâm nghĩ rồi cũng lặn theo mục sư.

- Cha đã có gia đình chưa? Vợ, con?- Người cảnh sát bơi lại gần mục sư hỏi.

- Hiện giờ thì chưa.

- Cha làm sao thế, cha là thánh à?

- Trên thế gian này chỉ có một thánh!- Mục sư đáp và nằm ngửa trên nước.

- Thế mà người ta nói có tới ba vị thánh?!- Người cảnh sát cười mỉm.

- Ba là thế nào?- Mục sư vội vàng lật người lại.

- Thì thế đấy! Cha, con và thánh thần!- Người cảnh sát hãnh diện bác bỏ.

- Nó là thế này, đó là ba ngôi thần thánh, nghĩa là ba trong một, anh hiểu chứ?

- Không thể như vậy được, cha ạ!

- Có thể! Anh có nhìn thấy mặt trời không? Nó cũng là ba trong một: Quả cầu lửa, vầng hào quang và ánh sáng. Anh hiểu chưa? Đó là ba phần không thể tách rời trong một thể duy nhất! Hiểu chưa?

- Rõ rồi!- Người cảnh sát mỉm cười.

Mục sư lên bờ và nằm trên bãi cát nóng.

- Tên cha là gì?- Đột nhiên người cảnh sát hỏi.

- Nôđar. - Mục sư đáp và nhặt lên một chiếc vỏ ốc, đặt nó lên lòng bàn tay ngấm nghía rồi ném xuống biển.

Người cảnh sát bật dậy.

- Anh làm sao thế?- Mục sư hỏi.

- Tôi cứ nghĩ, tên cha là Onufri, là Lyca hay là cái gì đại loại như vậy...ít ra là Kalixtrat! Vậy mà cha...hóa ra là Nôđar.- Và người cảnh sát bật cười ha hả.

Nhìn người cảnh sát cười thích thú, mục sư cũng mỉm cười theo. Sau đó mục sư vỗ vai người cảnh sát nói:

- Thôi, mặc quần áo vào!



- Tí nữa đã, thưa cha!

- Tôi cũng rất muốn, nhưng sắp đến giờ khai mạc hội nghị rồi...- Mục sư bắt đầu mặc quần áo. Từ chỗ ngoặt xuất hiện một chiếc “Volga” đen.- Đây, xe đến đón rồi!

- Một lát nữa thôi, cha ạ!

- Tôi đã nói rồi, tôi cũng rất muốn ở lại đây cho tới sáng, nhưng tôi có bản tham luận ở hội nghị!.. Đi thôi!

Trong chiếc áo thụng, với cây thánh giá to tướng trước ngực, đi bên cạnh người cảnh sát trang phục chỉnh tề, trông mục sư như kẻ bị bắt.

- Quỷ thật, trời nắng như thiêu! - Người cảnh sát lầm bầm.

- Anh đang nói về mặt trời đấy à?

- Chẳng lẽ lại về mặt trăng!

- Anh hãy làm dấu thánh đi! Làm dấu thánh và xin chúa xá tội!- Mục sư ra lệnh.

Người cảnh sát ngạc nhiên nhìn mục sư. “Ông ta nghĩ mình là loại người gì thế nhỉ”- Người cảnh sát thầm nghĩ và sửa lại chiếc mũ.

Mục sư nhận ngay ra sự sai lầm của mình, liền vui vẻ nói:

- Không nên nguyên rủa vầng thái dương... Bởi lẽ đó là hình ảnh vĩnh hằng của đêm có mặt trời.

- Đêm có mặt trời là cái quái quỷ gì vậy, thưa cha?

Mục sư lặng người đi.

- Lạy chúa tôi, hãy tha thứ cho kẻ tội đồ kia, vì sự ngu ngốc mà anh ta chẳng hiểu mình nói gì!

- Không, tôi nói nghiêm túc đấy, cha ạ, đêm có mặt trời là cái gì?

- Là chúa!

- Nhưng tại sao lại có mặt trời và đêm tối?

- Đúng như thế. Có mặt trời, và ánh sáng của nó chói lòa đến mức trở nên tối đen trong mắt của con người. Chính vì thế mới có đêm.

Người cảnh sát mỉm cười vẻ không tin.

- Anh hãy nhìn lên mặt trời!- Mục sư ra lệnh.

Người cảnh sát ngược nhìn lên mặt trời đang chiếu sáng rực rỡ, nhưng chỉ một phút anh ta đành phải nheo mắt lại.

- Thế nào? Nhìn nữa đi chứ! Nhìn nữa đi chứ!

- Không thể được, cha ạ!

- Anh cứ cố nữa đi!

Người cảnh sát nghe theo. Những tia nắng mặt trời như những lưỡi dao sắc nhọn xuyên vào trong tròng mắt người cảnh sát, song anh ta vẫn cố chịu đựng.

- Thế nào, mặt trời có màu gì?- mục sư hỏi.

- Màu đồng.

- Hãy nhìn nữa đi!

Một phút sau, cặp mắt nhức nhối không chịu nổi, người cảnh sát đành lấy tay che mắt. Anh ta nhắm mắt lại và thốt lên:

- Tối đen, mặt trời tối đen, cha ạ!

Mục sư lặng lẽ bước về phía chiếc xe...

- Anh có nghe thấy gì không? - Biển hỏi.



- Có!- Mặt trời đáp.
- Đó là sự thật à?
- Chuyện nhảm nhí! Chẳng lẽ Con người hiểu được tôi?
- Nhưng chính anh đã tạo ra Con người!- Biển mỉm cười.

- Không phải! Tôi không không có vai trò gì trong việc tạo ra Con người! Con người đã tồn tại trước khi tôi xuất hiện, và không phải tôi mà chính là Con người đã tạo nên Con người! Tôi không biết Con người là ai, anh ta xuất hiện từ đâu và khi nào!

- Cá heo, Cá heo! Tôi là Hải âu! Phía bên phải các anh có một luồng cá lớn. - Tín hiệu radio từ trên máy bay trực thăng phát xuống tàu đánh cá.

- Cá heo đây! Chúng tôi hiểu rồi!- Tàu đánh cá đáp lại và ngay lập tức thả một dàn lưới khổng lồ xuống biển. Trên mặt biển màu ngọc bích xuất hiện những chiếc phao trắng dập dờn.

- Bơi xa ra, người ta đang đuổi theo các con đấy!- Biển cảnh báo cho luồng cá. Luồng cá lập tức đổi hướng ngay.

- Cá heo, nghe đây! Luồng cá đang bơi sang trái! Hãy định hướng đối diện về phía mặt trời. Tiến về phía đối diện với mặt trời! - Trực thăng nhắc nhở những người đánh cá.

Tàu đánh cá đổi hướng, chạy hết tốc lực về phía đối diện với mặt trời, cắt ngang hướng bơi của đàn cá đang bỏ chạy.

- Hãy bơi thấp xuống! Lặn sâu xuống!- Biển gào lên, nhưng đã muộn. Luồng cá đã nằm gọn trong dàn lưới.

- Xin chúc mừng!- Tín hiệu từ trên trục thăng phát xuống.

- Cảm ơn!- Tàu đánh cá đáp lại.

- Thế là hết!- Biển đau đón rên rỉ.

Dàn lưới được kéo lên và nước biển nhuộm đỏ bằng máu của những con cá bị ép lại trong dàn lưới do trọng lượng của chúng. Phía trên boong tàu từng đàn hải âu đối chao lượn, kêu la chí chóe. Trên bờ, những người mê cá đổ xô đến.

Mặt trời vươn cánh tay vàng rực rỡ của mình lấy ra từ trong dàn lưới một mớ cá và rắc xuống boong tàu như những đồng bạc trắng.

- Ngày nào của chúa cũng diễn ra như vậy!- Mặt trời vừa than phiền với Biển vừa vục cánh tay đầm máu của mình xuống nước.

- Phải, ngày nào của chúa cũng diễn ra như vậy!- Biển thở dài.

Trong khoảng thời gian từ một giờ đến bốn giờ, mọi người biến mất trên bãi biển, cứ như là đất đã nuốt chửng họ. Sau đó họ lại mò ra từ những hang hốc của mình và bắt đầu lặp lại những công việc mà họ vẫn thường làm từ sáu giờ sáng cho đến một giờ khuya.

Mặt trời nằm nghỉ trên những đám mây trắng bông bênh và ngắm nhìn thế giới.

Đến chiều, khi Mặt trời chuẩn bị đi nghỉ, Biển nói nhỏ:

- Người mà lúc sáng anh chia tay, đã chết rồi...

- Sao, kết thúc rồi à? Biển mất rồi à?- Mặt trời tối sầm lại.

- Không. Con người không biến mất mà cũng không kết thúc.

- Nếu vậy thì anh ta còn lại cái gì?

- Còn lại người cha bất hạnh và người vợ bất hạnh.

- Không còn gì hơn nữa?

- Còn lại bản phác thảo của một hình hài chưa hoàn toàn thiện. Một bản phác thảo nhỏ bé, chưa hoàn thiện...

- Hình hài ấy của ai?

- Tôi không biết. Nó chưa có đầu...

- Trông nó thế nào?

- Hình hài ấy có một vóc dáng cân đối, có cánh tay thon dài, đẹp. Nó hát, nó nhảy, nó bơi, nó chuẩn bị bay lượn hay là muốn ôm lấy ai đó, tôi không biết... Có thể nó đang vội đến với ai, hay là đang trốn chạy ai đó, tôi không rõ...

- Hình hài đó là ai?

- Về điều đó không ai biết. Con người ra đi đã mang theo những ý tưởng của mình.

- Chính con người cũng không biết mình muốn gì, - Mặt trời nói.

- Anh đừng nói thế!-Biến phản đối.

- Trước khi chết anh ta mong muốn điều gì?- Mặt trời hỏi.

- Không khi!- Biến đáp.

- Rồi sao?

- Người ta cho anh ta.

- Rồi sao nữa?

- Không đủ!
- Không đủ không khí?- Mặt trời ngạc nhiên.
- Không đủ!- Biển thở dài.

Mặt trời lặng lẽ trốn sau những đám mây.

Biển khẽ gợn sóng.

Trước khi đến với giấc ngủ, một lần nữa Mặt trời lại nhìn xuống Trái đất. Mặt trời đứng rất gần, có thể phân biệt được đàn ông và đàn bà trong số những người đứng ngắm Mặt trời lặn. Con người quả là rất giống nhau, họ nằm trên bãi cát và từ những cơ thể nóng ấm của họ bốc lên một làn sương mù mỏng tang.

Khi đó Mặt trời vươn cánh tay vàng của mình chạm khẽ vào một khúc gỗ trên bờ và hỏi Biển :

- Anh vừa mang nó vào đây, hay là nó đã có từ trước mà tôi không để ý?

Năm năm nay Biển đã nhìn thấy vật này nhưng không để ý đến nó. Giờ đây, khi nhìn kỹ hơn Biển liền bật cười:

- Đó không phải là khúc gỗ, Mặt trời ạ, đó là Con người !

- Hãy hỏi xem, anh ta làm gì ở đây?

- Không cần đâu... Mỗi khi tôi hỏi, anh ta đều đáp lại bằng một lời cầu xin... Niềm mong muốn của anh ta không có giới hạn...

- Thế anh ta cầu xin điều gì?

- Khi thì cầu xin thời tiết tốt. Khi thì xin củi đốt. Sau đó lại xin cá, xin cát, xin muối...xin đất...và suốt ba mươi ba năm qua anh ta cầu xin hãy trả lại đứa con trai cho mình. Tôi biết kiếm nó ở đâu ra bây giờ?!



- Một khi anh đã cướp đi của Con người đứa con trai của anh ta thì anh phải trả lại!

- Không phải tôi! Kẻ khác đã cướp đi đứa con trai của anh ta rồi đổ lỗi cho tôi!

- Hãy nói với Con người, tôi muốn nói chuyện với anh ta!

- Con người!- Biển đưa cánh tay dầm nước của mình chạm khẽ vào bàn chân trần của Con người.- Mặt trời muốn nói chuyện với anh!

Con người vẫn lặng im.

- Anh có nghe ta nói không, Con người? Ta là Mặt trời, ta muốn nói chuyện với anh!

- Nói đi, tôi nghe đây!- Con người khẽ liếc về phía Vầng thái dương, đáp.

- Anh có hiểu ngôn ngữ của ta không?

- Tôi hiểu cả ngôn ngữ của ông và của Biển.

- Tại sao anh không trả lời Biển?

- Tất cả những gì muốn nói, tôi đã nói hết với Biển vào những năm tháng trai trẻ của mình...Giờ đây, tôi chỉ cầu xin Biển một điều duy nhất là hãy trả lại con trai cho tôi!

- Anh cầu xin điều không thể thực hiện!

- Tôi không van xin lòng thương hại, tôi đòi lại cái của tôi!

- Anh là một kẻ ngạo mạn, Con người ạ!- Mặt trời nói.

- Phải! Ngạo mạn và mạnh mẽ!- Con người đáp.

- Anh có thể làm được gì?

- Còn ông?

- Ta làm được tất cả! Ta có thể thiêu cạn đại dương, đốt cháy thảo nguyên, biến những cánh rừng thành sa mạc, dập tắt sự sống...

- Gì nữa ?- Con người mỉm cười.

- Gì nữa à? Được, hãy nhìn đây!

Và Mặt trời bỗng biến thành một chiếc chậu nung đỏ rực, sau đó thành chiếc bình lật úp, rồi thành cây nấm, thành con thỏ, rồi thành chó sói nhai ngấu nghiến con thỏ, sau đó thành con voi, con hổ, con sư tử, rồi trong tích tắc Mặt trời biến thành chiếc vương niệm của Sa hoàng và cuối cùng lại trở lại thành Mặt trời.

- Ta sắp đi rồi và bóng đen sẽ nuốt chửng thế giới. Anh hãy biết, bóng đen cũng chính là ta! Ta là tất cả! - nói xong, Mặt trời mệt mỏi nằm xuống đường chân trời.

Con người mỉm cười.

- Tại sao anh cười?- Mặt trời hỏi.

- Vì tất cả mọi thứ trong thế giới này chính là tôi!- Con người đáp.

- Vậy à? Anh có thể chứng minh được không?

- Chỉ cần tôi muốn là ông sẽ phải biến mất, Mặt trời ạ! Ông chỉ tồn tại trong tôi. Một cử động nhẹ của tôi là ông không còn nữa! Nhìn đây!- Nói xong Con người đưa tay che lên mắt.- Thấy chưa, tất cả, kể cả ông nữa cũng không còn!

- Anh là đồ càn rỡ, con người ạ!- Mặt trời thốt lên.

- Phải!- Con người đồng ý.- Nhưng tôi vẫn chưa nói hết. Tôi còn có thể nghiền nát, cắt vụn ông ra thành trăm nghìn mảnh! Hãy nhìn đây!



Con người dùng hai ngón trỏ vạch mi mắt của mình ra và Mặt trời bỗng cảm thấy mình như bị cắt ra thành những mảnh nhỏ li ti lấp lánh trong mắt Con người. Mặt trời như ghen thối.

- Hãy thôi đi, Con người!- Mặt trời van vãn.

Con người lấy tay ra khỏi mắt.

Mặt trời thở phào nhẹ nhõm.

- Tôi đã nói gì với ông nhỉ? Vũ trụ này là của Con người và ông phải phục vụ cho Con người. Bây giờ ông rời khỏi tôi và đến với những người anh em của tôi cũng là Con người. Nhưng sáng mai ông phải quay lại đây để phục vụ tôi.

- Nếu ta không quay lại? - Mặt trời hỏi, không có vẻ tin chắc lắm.

- Sẽ phải quay lại! Đúng sáu giờ sáng ông sẽ phải quay lại đây và phục vụ tôi suốt cả ngày!

- Anh có nghe thấy gì không? - Mặt trời hỏi Biển bằng một giọng tự ái.

- Chắc chắn là nghe thấy!- Con người đáp thay cho Biển.

Biển đang mơ màng nhưng vẫn nghe tất cả, song Biển vốn lười biếng, không muốn trả lời và làm ra vẻ như đang ngủ.

Mặt trời tức điên lên, định quay lại trừng trị Con người. Nhưng Thời gian - một thế lực hùng mạnh, nghiệt ngã và đầy uy lực đối với tất cả - đã tỏ rõ sức mạnh của mình. Một nửa Vầng thái dương đã chìm xuống nước...Để nói hết những gì muốn nói, Mặt trời vội vàng thối lên:

- Con người! Tất cả vạn vật trên thế gian này đều có vị trí của mình! Con bò biết rằng nó sống là để cày ruộng; con cá heo cũng biết cuộc sống của nó là ở trong đại dương và

thức ăn của nó là những con cá khác; con chim có thể bay lượn và phải ngủ trên cây; loài bò sát phải bò bằng bụng và sống trong các hang hốc... Chỉ có nhà người - Con người kia, lúc nào cũng tìm kiếm, lang thang, phiêu dạt mà không tìm được vị trí của mình, không bao giờ cảm thấy an bình. Hãy bình tâm lại, Con người ạ! Hãy sống trên mặt đất, hay trên biển cả, hay trong không gian, tùy người! Nhưng nhà người là một sinh vật như thế nào? Từ đâu tới? Muốn gì?! Mục đích của nhà người là gì?!

Con người hầu như không nghe thấy Mặt trời nói nữa vì lúc đó Mặt trời đã gần lặn hẳn xuống đường chân trời.

Lần cuối cùng Vầng thái dương liếc nhìn về phía bờ biển vắng ngắt. Bên cạnh Con người có một sinh vật nhỏ bé khác cũng giống như Con người.

- Ông nói chuyện với ai thế? - Con người hỏi.

- Ông nói với chính mình, cháu ạ! - Con người đáp.

- Ông nhìn kìa! Mặt trời chiếu tia nắng màu xanh lục!

- Trong dân gian có một lời cầu nguyện như thế này cháu ạ: "Ai nhìn thấy những tia nắng màu xanh lục của Mặt trời kẻ đó là người hạnh phúc!.."- Con người nói và âu yếm vuốt lên đầu Con người kia.

Ở chính cái nơi Mặt trời vừa lặn vẫn còn vài ánh hào quang màu xanh lục lấp loáng. Nhưng ngoài đứa bé ra, không có ai trong số con người nhìn thấy cả...

Ngày hôm sau, vào đúng sáu giờ sáng Mặt trời lại mọc và đặt chiếc vương niệm vàng lên đỉnh núi Esakhu.

Đào Minh Hiệp dịch



LENA, ANH YÊU EM!

Lion Izmailov (Nga)

Bây giờ người ta vẫn than vãn rằng không còn tồn tại cái gọi là tình yêu chân chính nữa. Thời ngày xưa vì tình yêu người ta sẵn sàng làm mọi việc dù là lặn xuống đáy biển hay nhảy vào giàn lửa, còn bây giờ thì.... Nhân đây tôi muốn kể cho các bạn nghe một chuyện buồn.

Có một chàng trai trẻ, mà tôi không muốn nêu tên ra để các bạn không thể đoán già đoán non được gì, đã đem lòng yêu say đắm một cô gái. Cô ấy đẹp, rất đẹp. Chàng trai của chúng ta cũng không đến nỗi nào. Và thế là chàng trai yêu cô gái xinh đẹp đến mê đắm, yêu nhiều đến nỗi không còn sức lực để làm việc gì khác nữa. Còn nàng thì không mấy may quan tâm đến tình cảm của chàng, có chăng chỉ là một chút miệt thị, coi thường. Chàng thì chăm chỉ tặng hoa, cần mẫn viết thư. Còn việc gì mà chàng không làm vì nàng đâu! Sáng sáng chàng đưa nàng đi làm, chiều chiều lại đón nàng ở cổng cơ quan. Chàng yêu cuồng si đến nỗi còn dùng phấn viết ngay trên lối đi trước cửa nhà nàng dòng chữ: "Lena, anh yêu em!". Chàng viết như vậy để mong rằng ngày nào nàng cũng nhìn thấy dòng chữ ấy và biết đâu một ngày nào đó sẽ động lòng nghĩ lại.

Nước chảy mãi thì đá cũng phải mòn. Dần dần chàng cũng đạt được điều mong muốn. Nàng bắt đầu để ý đến thành ý của chàng. Rồi họ bắt đầu hẹn hò trong một thời gian. Tôi xin phép không liệt kê chi tiết những gì đã diễn ra với họ bởi đó không phải là việc của tôi và các bạn.

Chúng ta đâu có quyền phán xét họ. Chỉ biết rằng cuối cùng họ đã bàn đến việc làm đám cưới.

Nhưng rồi có một chuyện bất ngờ xảy ra, không hiểu vì một lý do nào đó mà họ lại cãi nhau. Các bạn có thể đoán được chuyện gì đã xảy ra không. Nếu có một người nào đó nói với bạn: “Mày là thằng ngốc” thì cũng chẳng phải chuyện gì ghê gớm lắm. Nhưng nếu điều đó được nói ra từ miệng của người yêu dấu thì điều đó là không thể chấp nhận được. Khi nghe thấy những điều đó thì chàng trai đã nói: “Nếu em đã nói như vậy thì anh sẽ chứng minh cho em thấy anh là người như thế nào” và thế là chàng bỏ đi. Và thế là thay vì bắt đầu một cuộc sống mới họ lại phải nếm trải những đau khổ, dằn vặt. Mỗi người đều sợ làm tổn thương đến lòng tự ái trong bản thân nên cả hai cùng im lặng. Đáng lẽ ra nàng nên đến gặp chàng và nói: “Thôi mà anh, chúng mình thật trẻ con!”, hoặc là chàng cũng làm như vậy. Thế là làm hoà, thế là xong nhưng cả hai vì quá kiêu hãnh nên đã chẳng ai chịu nhượng bộ. Hàng ngày chàng vẫn lướt qua, lướt lại quanh nhà nàng nhưng không dám vào. Buổi sáng chàng đi làm qua phía nhà nàng và vẫn nhìn thấy dòng chữ “Lena, anh yêu em!”. Lặng lẽ đến rồi lại lặng lẽ ra về. Vậy thôi.

Còn nàng cũng vậy. Vào ngày sinh nhật của chàng nàng không đến chúc mừng mà chỉ gửi một tấm bưu thiếp qua đường bưu điện. Vậy thôi.

Thời gian trôi qua và chàng đã chứng minh cho nàng nhiều điều. Trước đây khi học phổ thông chàng chỉ đạt điểm trung bình vậy mà để chứng minh cho nàng thấy khả năng của mình chàng đã tốt nghiệp đại học xuất sắc. Đáng

lẽ ra sau khi tốt nghiệp chàng sẽ mang tấm bằng đỗ đến gặp nàng và làm lành, nhưng không, chàng là người kiêu hãnh mà. Nếu là người khác có lẽ người ta đã kịp cập bổ với năm, sáu cô rồi và từ lâu đã quên đi mối tình xưa cũ nhưng chàng thì khác, chàng không thể làm như vậy được.

Rồi có một chuyện đã xảy ra. Một lần khi đang ngồi trên tàu điện ngầm thì chàng bắt gặp nàng bước vào toa tàu cùng với một người đàn ông khác. Bằng hoàng và bất ngờ như bị ai đánh chàng không thể cất lời chào xã giao được nữa. Chàng cứ đứng ngây người ra. Cả nàng cũng vậy. Cả hai im lặng nhìn nhau không thể rời mắt ra được. Suýt nữa thì nàng đã ngất xỉu. Khó khăn lắm họ mới giữ được bình tĩnh khi tàu đến bến tiếp theo. Ngay khi cửa toa tàu vừa mở chàng lao vọt ra ngoài. Không hiểu vì lý do gì mà chàng lại bước lên toa tàu đối diện và đi về hướng hoàn toàn ngược lại.

Sau chuyện xảy ra trên tàu điện ngầm hôm ấy đáng lẽ họ nên gọi điện và giải thích cho nhau hiểu. Nhưng không. Chàng thì cứ nghĩ rằng nàng sẽ ngồi ở nhà và đợi chàng đến. Còn nàng thì sao? Nàng là một cô gái xinh đẹp, trẻ trung. Nàng có hàng tá những người theo đuổi, si mê. Chẳng nhẽ một cô gái như vậy lại chịu ngồi ở nhà ư? Hơn nữa tuổi thanh xuân của người con gái trôi qua thật nhanh. Ngoảnh đi, ngoảnh lại nàng cũng hai mươi hai tuổi rồi còn gì. Tất cả các cô bạn gái đều đã lên xe hoa đi lấy chồng hết rồi. Thế là nàng đã đợi, đợi, và rồi khi không đợi được nữa đã đi lấy chồng. Để kiếm một tấm chồng tốt, chẵn chu cũng không đến nỗi quá khó. Đương nhiên là chuyện nàng đi lấy chồng cũng đến tai chàng. Chàng giận đing

người, chàng đau đớn đến cùng cực. Suốt một tuần liền chàng nằm lì trên di văng, không ăn, không ngủ, đau khổ và dần vật bản thân. Một thời gian sau chàng tỉnh tâm trở lại đăng ký một đề tài khoa học và nhanh chóng bảo vệ thành công luận án phó tiến sỹ.

Sau khi bảo vệ xong luận án, cơ hội công việc mở ra thật rộng lớn. Chàng đã làm việc cật lực và dành dụm được một số tiền, chàng mua một chiếc xe hơi và tự lái đến nhà nàng. Đã từ lâu chàng mơ ước đến điều kỳ diệu này.

Chàng đã thấy nàng đi dạo cùng với con. Rồi họ đứng đối diện với nhau, cách nhau khoảng hai mươi bước chân. Chàng đứng cạnh xe hơi còn nàng đứng cạnh đứa con. Hai người đứng lặng đi nhìn nhau không chớp mắt nhưng cả hai đều sợ không dám đến gần nhau. Bất ngờ chàng kiếm một mẩu gạch nhỏ và viết lên đường: "Lena, anh yêu em!" rồi ngồi vào ô tô phóng vụt đi. Nàng đứng nhìn theo chàng và khóc. Lúc bấy giờ giá như cô dám bước qua mọi thứ, vứt bỏ mọi thứ để gọi điện cho chàng và làm lành. Nhưng một lần nữa lòng kiêu hãnh giữ chân nàng lại. Rất có thể giờ đây khi đã yên bề gia thất nàng không còn cảm thấy phải làm như vậy nữa. Nhưng nếu quả là như vậy thì nàng đâu cần phải khóc tức tưởi như vậy. Còn chàng thì cứ ngồi đợi điện thoại của nàng. Đợi, đợi mãi và trong quãng thời gian ấy chàng đã kịp nghiên cứu xong một công trình khoa học nào đó, chắc là phải cao siêu lắm hoặc có tính ứng dụng cao lắm nên sau ba năm người ta đã công nhận chàng là tiến sỹ khoa học mà không cần phải bảo vệ luận án.

Chàng vẫn sống cô đơn trong khi đáng lẽ ra chàng phải lấy vợ từ lâu rồi. Nhưng chàng không thể. Sau đó chàng trở



nên nổi tiếng, liên tục xuất hiện trên vô tuyến truyền hình, trong các cuộc phỏng vấn của báo giới. Chàng được trao tặng rất nhiều giải thưởng, bằng khen phát minh sáng chế. Chàng vẫn tiếp tục làm việc “khắc định mình”, chứng minh mình với nàng một cách âm thầm. Chàng đã trở nên nổi tiếng nên tôi nghĩ chắc chắn các bạn biết chàng là ai, chính vì vậy ngay từ đầu tôi đã quyết định không gọi tên chàng ra.

Rồi chàng trở nên già yếu, muốn chết đi cho rồi. Chàng lại để năm tháng trôi đi và đến nhà nàng. Lại nhặt một mẩu gạch và viết lên đường: “Lena, anh yêu em!”

Lena lúc này đang đi dạo cùng những đứa cháu. Nàng chăm chú nhìn chàng run rẩy viết dòng chữ ấy. Chàng ngược mắt lên nhìn nàng, còn bản thân rất khó khăn tự đứng dậy được. Nàng giúp chàng và nói:

- Anh đã chứng minh được là anh không phải là thằng ngốc. Vậy bây giờ anh đã hài lòng chưa?

- Anh chẳng cần gì cả - chàng đáp – anh chỉ cần được nhìn thấy em, được nói chuyện với em thôi.

Nàng âu yếm vuốt mái tóc đã bạc trắng của chàng và nói:

- Anh thật là ngốc.

Suốt cả cuộc đời chàng đã làm mọi việc để chứng minh điều ngược lại. Vậy mà bây giờ khi ngồi bên cạnh nàng thì chàng lại thấy nàng nói đúng.

- Anh sẵn sàng đổi tất cả các giải thưởng, bằng khen để những đứa trẻ kia là cháu nội, cháu ngoại của anh và em.

Còn nàng không sao thốt lên lời nữa. Hai dòng nước mắt tuôn trào như suối.

Sau cuộc gặp gỡ ấy chàng thấy mình khỏe ra và không muốn chết nữa. Ngày ngày họ ngồi bên nhau trên chiếc ghế đá trong sân khu tập thể nhà nàng. Họ nói chuyện với nhau say sưa, tình cảm như chưa hề xa cách. Mà họ nói với nhau những điều gì nhỉ? Chắc hẳn là những điều mà đáng lẽ ra họ cần phải nói với nhau từ lâu lắm rồi mới phải .

Hà Việt Anh dịch



KHI NGƯỜI TA YÊU

Lion Izmailov (Nga)

Dáng đi của nàng cũng không được ổn cho lắm. Nàng đi lại cũng không mấy khê khàng, lúc va cái này khi đụng cái kia. Nhưng suy cho cùng thì tôi với nàng có đi trình sát đâu mà phải sợ. Mà khi ở nhà nàng đi lại thế nào thì đâu có ảnh hưởng đến ai.

Cách mà nàng nói ra những suy nghĩ của mình cũng rất đặc biệt, có nghĩa là không giống với những người khác. Hình như nàng không biết hết nghĩa của các từ nàng nói. Thỉnh thoảng từ sáng sớm nàng đã nói vài câu gì đó. Giả sử những người khác mà nghe thấy những câu đó thì chắc chắn sẽ rời xa nàng mãi mãi nhưng tôi thì không. Tôi kiên nhẫn nghe tất cả những điều nàng nói và suốt cả ngày tôi làm một điều gì đó. Tôi đi chợ mua thực phẩm, quét nhà, đóng đinh... Rõ ràng là trong những điều nàng nói phải có một ý nghĩa nào đó.

Kiểu tóc của nàng, tôi có thể nói là, hết sức kỳ dị: không phải là thuyền buồm cũng chẳng giống tàu ngư lôi. Một vài người còn hỏi không biết cô ấy đã tạo ra kiểu tóc đó ở tiệm làm tóc nào? Tôi đoán họ hỏi thế để không bao giờ lạc chân đến chỗ đó. Còn tôi thì biết là nàng chẳng cần đến thợ làm tóc nào cả. Kiểu tóc ấy là do chính nàng thiết kế. Và cho dù nàng có để kiểu tóc nào đi chăng nữa thì đâu có ảnh hưởng đến hoà bình thế giới? Thỉnh thoảng vào những ngày lễ tết nàng chải tóc thẳng và vén tóc mai qua tai. Nhiều phụ nữ từ lâu đã quên mất cách chải tóc như vậy nhưng nàng thì vẫn nhớ.

Dương nhiên là không phải nét nào của nàng cũng ổn cả. Đôi mắt nàng bé và đa nghi như mắt của bà gác cổng, cái mũi nhỏ, nhọn khiến cho đầu có thể quay tròn mỗi khi gặp gió to. Trên mặt nàng đầy tàn nhang. Thấy người ta bảo ở Paris đang là một lầm đấy. Nhưng khốn nỗi chúng tôi đâu có sống ở Paris kia chứ. Chính vì vậy không phải ai cũng cho rằng nàng xinh đẹp. Có chăng cũng chỉ là những người vừa từ Paris về.

Mà nàng của tôi còn hay hát nữa nhé. Nàng thuộc rất nhiều bài hát nhưng phải tội nàng hát chúng cứ na ná như nhau. Hàng xóm của chúng tôi cứ than thở rằng lời bài hát thì thấy quen quen nhưng không hiểu sao giai điệu thì cứ ngang phè phè.

Bạn bè của tôi thỉnh thoảng cũng bóng gió rằng có một chuyện tôi không được suôn sẻ và thành công như những người bình thường khác. Họ nói rằng nếu như tôi quyết tâm dứt bỏ được nàng, chấn chỉnh lại cách ăn mặc, cắt lại đầu tóc, thôi không nói những từ vô nghĩa học được của nàng hoặc là cách ly hai tháng không giao tiếp với ai thì chắc sau năm năm tôi lại có thể lấy được một cô vợ khác.

Và tôi đã ra đi, quyết định sống một mình trong một thời gian dài. Hai ngày. Vâng chỉ xa nàng được hai ngày là tôi lại sắp xếp đồ đạc vào chiếc túi ni lông và quay trở lại với nàng.

Còn nàng, khi nhìn thấy tôi đã bật khóc thành tiếng.

Mãi về sau thỉnh thoảng vẫn có người khuyên tôi: hãy bỏ người đàn bà đó đi, hai người không hợp nhau chút nào. Nhưng tôi lại nghĩ khác. Tôi vẫn thích nàng, tôi thấy nàng thật hấp dẫn. Và xin các người để chúng tôi được yên.



MẠNH HƠN CÁI CHẾT

A. I. Cuprin (Nga)

- Vĩnh biệt ...
- Đừng, anh yêu..., đừng nói câu vĩnh biệt. Tạm biệt !
- Vĩnh biệt ...
- Nghĩa là không bao giờ mình còn gặp nhau nữa sao ?
- Em cũng biết là thế rồi mà. Vĩnh biệt.
- ... Không bao giờ còn gặp lại ư ? - nàng thỏn thức.

Người đàn ông không thể trả lời được câu hỏi đầy trăn trở ấy. Thực lòng thì chàng mừng thầm vì đã chọn con đường rời khỏi thành phố, cắt đứt cuộc tình đầy đau khổ kéo dài suốt ba năm qua. Tuy nhiên giờ đây lòng thương hại không cho phép chàng trở nên quá tàn nhẫn, nghiệt ngã.

Hồi còi thứ hai vang lên.

Từ trên tàu chàng nhìn xuống sân ga, nàng đứng đó nhỏ nhoi, héo hắt với khuôn mặt buồn và bộ váy áo đã quá cũ mà chàng đã thuộc từng đường chỉ. Bỗng chàng nhớ đến một câu châm ngôn: "Thường thì trong tình yêu người chạy chốn mới chính là người chiến thắng."

Chàng nói vội vàng :

- Đã hàng trăm lần mình nói về chuyện này rồi mà. Hai chúng ta đều biết rằng cuộc chia ly này là không thể trì hoãn được.

- Vâng, anh...vẫn...muốn thế...mà.. - Tiếng nàng thì thào xen giữa những tiếng nấc.

- Chẳng lẽ em nghĩ khác sao? Từng ấy đau khổ và dằn vặt trong cái cuộc tình tay ba này còn chưa đủ ư?

Nàng im lặng. Chàng tìm thấy từ đáy mắt buồn của nàng ánh nhìn của một chú chó trung thành và thông minh vừa bị chủ rầy la vô cớ. Còi tàu lại réo lên một hồi dài, lặng đi giây lát rồi lại rúc tiếp ba hồi dồn dập báo hiệu giờ chuyển bánh.

Chàng vẫy tay ra hiệu cho nàng đi ra phía cửa toa tàu. Nàng nắm tay chàng bịn rịn và vén khăn voan lên để đón nhận nụ hôn chia tay cuối cùng. Bỗng một ý nghĩ bất ngờ vụt đến làm nàng sững lại.

- Anh thân yêu, - nàng thì thầm - anh yêu dấu nhất đời của em... em có thể cầu xin anh một điều cuối cùng được không?

- Điều gì vậy em ?

- Em hiểu là chúng ta phải xa nhau mãi mãi. Em cũng biết là anh không còn yêu em nữa... Nhưng em xin anh hãy dành cho em thêm một tiếng đồng hồ nữa... Anh nhìn kìa, bây giờ là mười một giờ kém mười lăm phút. Anh hãy hứa với em là đúng mười hai giờ đêm nay anh sẽ nghĩ đến em. Hãy hứa với em đi, việc đó có khó khăn gì đâu.

Chàng cười:

- Được thôi. Nhưng để làm gì?

- Đêm nay đúng vào mười hai giờ chính xác đến từng phút, từng giây em cũng sẽ nhớ đến anh, nhớ đến với tất cả trái tim tan nát và tình yêu rực cháy của mình. Để làm gì ư? Khi tâm hồn hai người hòa làm một sẽ không tồn tại

khái niệm không gian, thời gian và chúng ta nhất định sẽ gặp lại nhau.

- Em nói cái gì mà lạ thế...?

- Anh nhớ là anh đã hứa với em rồi đấy nhé!

- Anh nhớ, em đừng lo.

- Xin anh hãy nhớ lại tất cả những kỷ niệm đã có giữa hai ta, cả chuyện buồn lẫn chuyện vui nghe anh!

- Được, nhất định anh sẽ nhớ. Vĩnh biệt em!

- Tạm biệt anh yêu!

Đoàn tàu từ từ chuyển bánh, để lại phía sau một làn khói mù mịt và cả những giọt nước mắt ngậm ngùi, cay đắng. Người đàn ông thờ ơ nhìn qua cửa sổ. Rừng ngút ngàn và thành phố náo động đang lùi nhanh về quá khứ, cảm giác tự do dâng tràn trong tâm hồn anh tạm lắng xuống nhường chỗ cho nỗi trống trải vô bờ và một nỗi buồn không gọi được thành tên. Có một sức mạnh vô hình như muốn lật tung ký ức của người đàn ông, những kỷ niệm đầy thơ mộng, sâu lắng của cuộc tình đã qua lại hiện về rõ nét như mới hôm qua - cuộc tình mà anh vừa rũ bỏ nhẹ nhàng như đọc xong những trang cuối cùng của một cuốn tiểu thuyết. Câu thơ người yêu bé nhỏ đã từng đọc cho anh nghe lại văng vẳng đâu đây :

Trong hồn anh những ngày dĩ vãng

Như rượu nồng càng uống càng say

Nửa đêm.

Tiếng bánh sắt xiết trên đường ray, tiếng còi tàu rúc liên hồi và ánh sáng chói mắt của những ngọn đèn mỗi khi qua các ga xép làm người đàn ông không sao chớp mắt được. Mọi ý nghĩ của anh bay ngược không gian trở về với người đàn bà bé nhỏ tội nghiệp, hiu hắt nơi sân ga chia ly.

Giờ đây người đàn ông kiêu hãnh, yêu tự do kia sẵn sàng đổi tất cả, lòng kiêu hãnh, và cả sự tự do mà anh vừa giành lại chỉ để nhìn thấy dù trong giây lát người đàn bà vừa bị anh bỏ rơi. Bỗng người đàn ông choàng tỉnh dậy. Trong màn đêm nhập nhoạng anh bỗng thấy người đàn bà tội nghiệp xuất hiện trước mặt anh, đầu trùm một tấm vải trắng muốt. Người đàn bà im lặng nhưng đôi mắt ánh lên một tình yêu vô bờ bến và một nỗi trách cứ âm thầm.

- Người là ai? Sao người lại ở đây? - người đàn ông hét lên thất thanh.

Người đàn bà buồn bã lắc đầu, rồi bất ngờ tan biến như một làn khói mỏng manh.

Ngày hôm sau người đàn ông được tin đêm hôm qua người đàn bà ấy đã tự tử bằng thuốc độc lúc anh rời thành phố.

Hà Việt Anh dịch



MONG DỌI

F.s. Fitzgerald (Mỹ)

Chúng tôi nói chuyện về những tòa lâu đài cổ của Pháp, từ đó câu chuyện chuyển sang những hình phạt rừng rợn của thời Trung Cổ, kiểu như những lồng sắt hay giếng đá để giam những tử tù. Chính mắt tôi đã nhìn thấy những cái giếng đá khô khốc và sâu thẳm thẳm ấy. Những kẻ tử tù bị thả xuống đó và họ chỉ còn biết ngắc ngoải chờ cái chết đến. Đến giờ tôi vẫn nhớ cảm giác hãi hùng khi nhìn thấy những cái giếng sâu hoắm ấy và không có gì ngạc nhiên khi giờ đây khi ngồi trong cupe tàu hỏa tôi vẫn rớn gai ốc khi nhớ lại. Có lẽ bởi vậy mà tôi đã rất vui mừng khi nghe được câu chuyện mà ông bác sĩ - bạn đồng hành kể cho tôi nghe. Nói chính xác hơn là tôi đã rất phấn chấn với phần đầu của câu chuyện bởi đoạn đầu ấy chẳng có gì đáng sợ hãi như câu chuyện về những chiếc giếng sâu và những chiếc lồng sắt nhốt tử tù cả.

Bác sĩ kể rằng có một phụ nữ trẻ mà mọi người vẫn gọi là bà King⁽¹⁾. Cô rất hạnh phúc với người chồng của mình. Hai vợ chồng cô là những người giàu có và họ rất yêu thương nhau. Nhưng rồi thay khi sinh đứa con thứ hai cô đã bị hôn mê sâu trong một thời gian rất dài và khi tỉnh lại thì cô bị mắc căn bệnh tâm thần phân liệt,

⁽¹⁾ Mrs King - Ở Châu Âu, Mỹ và một số nước khác khi lập gia đình người phụ nữ mang họ của chồng và được gọi là quý bà ngay cả khi họ còn rất trẻ.

một bệnh thường gặp sau khi sinh nở khó khăn. Tuy nhiên bệnh tình cũng thuyên giảm nhanh chóng. Đến hết tháng thứ mười nằm viện cô cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và cô nóng lòng chờ các bác sĩ ký giấy xuất viện cho cô.

Cô vừa mới tròn hai mươi mốt tuổi. Có một nét gì đó trong khuôn mặt của cô rất non trẻ và dễ làm mỉm cười người khác. Tất cả các y bác sĩ ở bệnh viện đều rất quý mến cô. Khi thấy cô khỏe ra rõ rệt các bác sĩ quyết định để cô và chồng cô đi nghỉ một chuyến, coi như một phép kiểm tra xem cô đã hoàn toàn bình phục hẳn chưa. Và tin vui đó nhanh chóng trở thành chủ đề của mọi cuộc nói chuyện. Một y tá đã đưa cô đi mua một bộ váy mới ở Philadelphia. Cô còn kể cho mọi người nghe về lần đầu tiên hai vợ chồng cô gặp nhau trong chuyến du lịch đến Mêxicô. Đó là một câu chuyện cực kỳ lãng mạn. Các bác sĩ dự định để hai người đi nghỉ ở Virginia Beach năm ngày.

Thật thú vị khi quan sát cô sắp xếp đồ đạc để lên đường. Cô xếp vali mới kỹ càng làm sao! Nom cô cũng xinh đẹp hẳn lên, cô uốn những lọn tóc quăn và tỏ ra mừng vui với những điều nhỏ nhặt nhất. Nửa tiếng trước giờ khởi hành cô đã sẵn sàng và đến từng phòng bệnh chia tay với những người bệnh khác cùng tầng. Bộ váy mới của cô màu sóng biển, còn chiếc mũ thì giống như một đám mây nhẹ bồng sau cơn giông thẳng tắp. Khuôn mặt xinh xắn, thanh tú của cô ánh lên rạng rỡ hạnh phúc, mặc dù phảng phất đâu đó vẫn là nét buồn buồn, lo âu do bệnh tật để lại.

- Nghỉ ngơi và chẳng làm gì cả - đó là tất cả những gì mà tôi mơ ước. Ba ngày liền tôi sẽ ngủ thoải mái và thích dậy lúc nào thì dậy. Tôi sẽ chỉ đi ngủ vào lúc nửa đêm. Tôi sẽ tự chọn mua áo tắm cho mình và tự gọi bữa trưa - cô nói.

Khi đến giờ xuất phát cô quyết định không đợi chồng lên phòng đón mà tự đi xuống tiền sảnh đợi sẵn. Người phục vụ giúp cô mang vali xuống cầu thang. Vừa đi cô vừa giơ tay vẫy chào tạm biệt các bệnh nhân mà cô gặp và tỏ ra tiếc cho họ vì họ không được đi du lịch một chuyến tuyệt vời như thế này. Bác sĩ trưởng đến chúc cô lên đường may mắn. Hai cô hộ lý bịn rịn chia tay với cô và thấy quyến luyến không rời ra được. Niềm hạnh phúc của cô như cuốn hút tất cả mọi người.

- Bà King à, da bà sẽ tuyệt vời sau khi tắm nắng đấy!

- Bà đừng quên gửi bưu thiếp cho chúng tôi đấy nhé.

Gần như đúng vào lúc cô rời khỏi phòng bệnh để đi xuống tiền sảnh thì ở trên đường một chiếc xe tải đã đâm vào xe hơi của chồng cô khi anh đang trên đường đến bệnh viện đón cô. Chồng cô bị chấn thương nặng và theo chuẩn đoán của các bác sĩ thì anh không thể sống lâu hơn vài tiếng nữa. Tử thần có thể đến mang anh đi bất cứ lúc nào. Người ta đã báo tin về tai nạn cho bệnh viện của cô qua điện thoại. Người đầu tiên biết tin này là cô nhân viên trực điện thoại, lúc bấy giờ đang ngồi trong buồng trực nhỏ được ngăn cách với tiền sảnh bằng một tấm kính trong suốt. Cô nhân viên trực điện thoại nhìn thấy bà King qua lớp cửa kính và sợ rằng bà King có thể nghe thấy nên đã yêu cầu gấp y tá trưởng ngay. Y tá

trưởng vội báo ngay cho bác sĩ trưởng. Rất nhanh chóng họ đưa ra quyết định: chừng nào ông King còn sống thì bệnh nhân của họ không cần được thông báo bất cứ điều gì. Chỉ cần nói với bệnh nhân là hôm nay chồng cô ấy không đến được. Vậy thôi.

Bà King không thể giấu nổi sự thất vọng:

- Tự tôi cũng biết rằng bị kích động quá mức là không tốt - cô nói - Tôi đã đợi bao nhiêu tháng rồi bây giờ đợi thêm một ngày nữa có sao đâu. George hẹn là mai nhất định sẽ đến đón tôi, đúng không?

Y tá trưởng lúng túng không biết phải trả lời ra sao nhưng rồi cô cũng tìm ra cách an ủi cho bà King yên tâm và đưa bà King trở lại phòng bệnh. Sau đó y tá trưởng cử một cô hộ lý giàu kinh nghiệm nhất, ôn tồn nhất đến chăm sóc bệnh nhân và yêu cầu cô hộ lý từ sáng ngày mai tuyệt đối không được cho bà King đọc báo, nghe đài hay nói chuyện phiếm với những bệnh nhân khác. Mọi việc rồi sẽ tính sau.

Sáng hôm sau ông King vẫn sống và các bác sĩ tiếp tục chờ đợi và hy vọng. Gần mười hai giờ trưa một cô hộ lý gặp bà King ở hành lang. Bà King mặc đúng bộ hôm qua nhưng hôm nay bà King tự mang vali xuống.

- Chồng tôi đến đây bây giờ đây - cô nói - Hôm qua anh ấy bận việc, nhưng hôm nay anh ấy nhất định sẽ đến, đúng như giờ đã hẹn.

Người hộ lý vui vẻ tiễn bà King xuống tầng trệt. Bà King có quyền đi lại thoải mái trong tòa nhà của bệnh viện nên cô hộ lý không muốn dùng biện pháp mạnh ép bà phải về phòng bệnh. Cô cũng không dám giải thích điều gì vì sợ lỡ lại nói hớ ra điều gì. Khi hai người đã

xuống đến tiền sảnh, cô hộ lý ra hiệu cho người trực điện thoại để cô này hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Bà King ngấm mình lần cuối trong gương và nói:

- Tôi muốn lúc nào cũng đội chiếc mũ giống hệt chiếc này để lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc. Một phút sau y tá trưởng bước ra tiền sảnh:

- Có chuyện gì vậy? Ông King hôm nay cũng không đến được sao?

- Biết làm sao được, thưa y tá trưởng. Chúng ta phải kiên nhẫn chờ đợi thôi - cô trực điện thoại nói.

Bà King buồn rầu mỉm cười:

- Tôi đã rất mong cho George xem tôi mặc bộ váy áo mới đẹp thế nào.

- Rồi bà sẽ khoe ông ấy sau. Bà mặc đẹp lắm!

- Không sao cả. Ngày mai tôi lại mặc cho George xem. Tôi hạnh phúc đến mức tôi thấy xấu hổ vì mình buồn chỉ vì phải chờ thêm một ngày.

- Bà nói đúng lắm.

Đêm hôm ấy George King qua đời. Sáng hôm sau trong cuộc họp giao ban tại bệnh viện đã xảy ra một cuộc tranh luận gay gắt về việc phải hành động thế nào trong trường hợp này đây. Thông báo toàn bộ sự thật hoặc không thông báo bất cứ điều gì với bệnh nhân đều không được, cả hai cách đều nguy hiểm như nhau. Cuối cùng các y bác sĩ quyết định "cử" George King đi công tác ở một nơi rất xa và sẽ sớm quay về. Đến khi nào bà King đã quen với việc chồng không đến được thì họ sẽ nói cho quý bà tội nghiệp biết sự thật.

Các bác sĩ đã lục tục về phòng thì bỗng một người trong số họ gọi mọi người lại và chỉ về phía xa hành lang bên kia. Bà King xách chiếc vali và đi xuống cầu thang. Chắc bà lại xuống tiền sảnh đợi chồng đến đón.

Bác sĩ Piri - bác sĩ điều trị chính cho bà King thở dài sườn sượt:

- Tình trạng tôi tệ quá, chắc hẳn không thể tôi tệ hơn được nữa. Có lẽ chúng ta nên nói cho cô ấy biết sự thật ngay bây giờ. Làm sao ta có thể nói dối cô ấy là chồng cô ấy đi công tác khi mà cô ấy đã quen nhận được đều đặn một tuần hai lá thư của anh ấy dù cho anh ấy có ở đâu. Còn nếu nói là anh chồng bị ốm nặng thì nhất định cô ấy sẽ đòi được đi thăm anh ấy. Làm cách này cũng không được, cách khác cũng không xong. Tôi hết phải làm gì đây? Có ai muốn đổi chỗ cho tôi không?

Ngay sau cuộc họp giao ban ấy một bác sĩ đã đi nghỉ phép. Hai tuần sau ông trở về và vào đúng giờ đó ông nhìn thấy người lao công xách chiếc vali và người hộ lý tháp tùng bà King trong bộ váy màu sóng biển và chiếc mũ thẳng tưng.

- Xin chào bác sĩ - bà King nói - ông trở về còn tôi thì đi đây. Chồng tôi sẽ đến đón tôi bây giờ và đưa tôi đến Virginia Beach. Tôi xuống tiền sảnh chờ George để anh ấy khỏi phải mất thời gian chờ đợi.

Bác sĩ ngắm nhìn người phụ nữ. Đôi mắt của cô sáng rực và tràn đầy hạnh phúc như một đứa trẻ ngây thơ. Người hộ lý ra hiệu cho bác sĩ biết là mọi việc vẫn y như cũ nên bác sĩ chỉ cúi chào và nói rằng thời tiết bên ngoài thật đẹp.

- Đúng thế. Hôm nay quả là một ngày đẹp trời - bà King nói - Nhưng cho dù hôm nay trời có mưa dầm gió bắc đi chăng nữa thì đối với tôi nó vẫn là một ngày tuyệt diệu nhất.

Khi bà King đi rồi bác sĩ vẫn nhìn theo với vẻ tần ngần pha chút bức tức. Tại sao lại phải kéo dài sự dối trá này, ông nghĩ. Họ hy vọng vào điều gì nữa đây?

Khi gặp bác sĩ Piri ông chia sẻ ngay thắc mắc của mình.

- Chúng tôi đã cố gắng nói cho cô ấy biết sự thật nhưng cô ấy đã cười phá lên và cho rằng chúng tôi đang kiểm tra xem cô ấy đã khỏi bệnh thật chưa - bác sĩ Piri trả lời - Đây chính là ví dụ cho việc dùng từ "không thể tưởng tượng được" với nghĩa đen của nó. Nào cô ấy hoàn toàn từ chối tiếp nhận ý nghĩ về cái chết của người chồng.

- Nhưng chúng ta cũng không thể kéo dài mãi mãi tình trạng này được.

- Về lý thuyết thì không thể được. Mấy hôm trước sau khi thấy cô ấy lại sắp xếp vali để ra đi người hộ lý đã cố gắng ngăn cô ấy lại. Từ ngoài hành lang tôi đã theo dõi phản ứng của cô ấy. Cô ấy đã ở biên giới của sự khó chịu, giống như một quả bóng sắp muốn vỡ tung ra. Đây là lần đầu tiên cô có phản ứng như vậy trong suốt quá trình điều trị. Những cơ mặt của cô căng lên, mắt cô ánh lên sáng quắc, giọng nói trở nên khàn khàn nhưng quyết liệt. Bằng một giọng lạnh như băng cô ấy nói rằng cô hộ lý đã nói dối, đã bịa ra mọi chuyện. Tình hình trở nên nghiêm trọng, chỉ thiếu chút nữa chúng ta sẽ có một

bệnh nhân lên cơn kích động quá mạnh thay vì một bệnh nhân đã gần như bình phục hoàn toàn. Ngay lập tức tôi đã phải can thiệp và ra lệnh cho cô hộ lý đưa cô xuống tiền sảnh.

Người bác sĩ im lặng khi nhìn thấy phái đoàn gồm ba người đi đúng thứ tự như lúc đi xuống tiền sảnh. Họ đang quay trở lại phòng bệnh. Bà King nói với bác sĩ Piri:

- Chồng tôi lại bận công chuyện. Tất nhiên là tôi rất bức, nhưng anh George có nhờ người nhắn lại là nhất định ngày mai sẽ đến. Và khi có thể đợi được lâu thế rồi thì thật nực cười nếu tỏ ra cáu giận chỉ vì phải chờ thêm có mỗi một ngày, đúng không bác sĩ?

- Tôi hoàn toàn đồng ý với bà!

- Tôi phải về phòng thay quần áo đây. Tôi muốn ngày mai bộ trang phục mới này của tôi vẫn thơm tất như ngày hôm nay - nói đến đây cô bỏ chiếc mũ và mân mê nó - Bác sĩ nhìn này, có vết bẩn mất rồi. Hy vọng rằng tôi sẽ tẩy sạch được nó. Chắc anh George sẽ không nhận ra đâu, bác sĩ nhỉ?

- Anh ấy sẽ không nhận ra đâu, tôi cam đoan với bà đấy.

- Đúng thế, thưa bác sĩ. Và tôi hoàn toàn không buồn rầu vì phải đợi đến ngày mai đâu. Thời gian trôi nhanh lắm mà.

Khi chỉ còn hai vị bác sĩ đứng lại với nhau, vị bác sĩ trẻ hơn nói.



- Có thể... những đứa trẻ sẽ giúp được gì cho cô ấy chẳng? Cô ấy còn có hai đứa con cơ mà?

- Những đứa con cũng khó lòng cứu được cô ấy thoát khỏi tình trạng này. Khi cô ấy bị bệnh thì chuyển đi du lịch Virginia Beach này đối với cô ấy chính là dấu hiệu của việc sắp lành bệnh. Nếu chúng ta lấy đi hy vọng này của cô ấy thì mọi việc sẽ lại trở nên đen tối và chúng ta sẽ phải chữa trị lại từ đầu.

- Liệu cô ấy còn có cơ hội nào không?

- Điều này thì tuyệt đối không thể đoán trước được. Tôi chỉ cố gắng giải thích cho cậu hiểu vì sao tôi lại cho phép cô ấy xuống tiền sảnh ngày hôm nay.

- Thế còn ngày mai? Ngày kia thì sao?

- Biết làm thế nào được - bác sĩ Piri nói - chúng ta chỉ còn biết hy vọng rằng vào một ngày đẹp trời người chồng sẽ xuất hiện...

Kể đến đây người bác sĩ đột ngột dừng lại. Chúng tôi cố nài nỉ anh kể tiếp thì anh nói rằng chẳng còn gì để kể nữa. Bởi vì mọi sự cảm thông đều có giới hạn của nó, sớm hay muộn cũng đến lúc kết thúc mọi chuyện.

- Thế người đàn bà ấy hàng ngày vẫn xuống tiền sảnh chờ chồng à?

- Đúng thế. Chẳng có gì thay đổi cả. Tuy chỉ có điều giờ đây chẳng còn ai chú ý đến người đàn bà đó nữa, từ y bác sĩ đến những bệnh nhân mới nhập viện. Họ không coi đó là chuyện bất bình thường đáng chú ý nữa. Mỗi năm người ta lại thấy người đàn bà đó thay một chiếc mũ mới, còn bộ váy màu sóng biển thì vẫn y nguyên như

trước. Mỗi lần trở về phòng bệnh bà King hơi thất vọng một chút nhưng luôn cố gắng không thể hiện sự thất vọng ấy ra ngoài và tự an ủi bản thân. Theo nhận định của chúng tôi thì bà King không cho rằng mình là người bất hạnh. Còn với những bệnh nhân khác thì câu chuyện của bà King như một liều thuốc an thần. Thôi, đủ rồi. Lạy Chúa! Có lẽ chúng ta nên quay trở lại với câu chuyện hình phạt thời Trung cổ thôi, thưa các quý ông!

Hà Việt Anh dịch



TRÒ ĐUA MÙA HÈ

Alberto Morava (Ý)

Vào mùa hè nóng nực, có lẽ bởi vì tôi còn trẻ và chưa quen với vai trò làm chồng, làm cha của một gia đình, nên tôi luôn muốn chuồn đi đâu đó.

Vào mùa hè ở Rôma trong những nhà giàu có người ta thường đóng tất cả các cửa sổ và rèm che từ sáng sớm nên không khí mát lạnh của đêm được giữ lại trong những căn phòng thoáng đãng. Trong những căn nhà như thế tất cả mọi thứ đều được dọn dẹp ngăn nắp, sạch sẽ: những chiếc gương, nền đá hoa cương, đồ gỗ bóng loáng ánh lên trong bóng tối lơ mờ. Ngay cả sự yên lặng trong những ngôi nhà sang trọng ấy cũng mát mẻ, âm u và yên bình. Nếu bạn muốn uống một chút gì đó sẽ có người giúp việc mang một thứ đồ uống ướp lạnh ra cho bạn trên một chiếc khay bạc - nước chanh, nước cam được đựng trong những chiếc bình pha lê sáng loáng, những viên đá kêu lách cách vui tai mỗi khi chúng được khuấy đều lên và chỉ tiếng động của những viên đá thôi cũng đủ làm cho bạn thấy sảng khoái hơn nhiều rồi.

Còn ở trong những ngôi nhà nghèo nàn thì mọi việc lại khác hoàn toàn. Ngay từ ngày hè đầu tiên cái oi ả, nóng bức đã tràn vào những căn phòng chật hẹp, tù túng, và ở lại trong đó suốt cả mùa hè. Nếu muốn uống chút gì đó ư? Đấy, nước trong vòi nước ngoài phòng bếp ấy cứ việc vịn vòi ra mà uống. Nước nóng ran như nước trong nồi súp vậy. Trong phòng chẳng lấy chỗ đâu mà

quay đi quay lại cả. Có cảm giác như mọi thứ từ đồ gỗ, quần áo đến bát đĩa cứ nóng ran lên và nở trương ra. Tất cả mọi người đều không mặc áo vét, những chiếc áo sơ mi thì nhớp nháp mồ hôi. Nếu như đóng cửa lại để tránh cái nóng thì ngột ngạt khó thở vô cùng vì cái mát mẻ của buổi đêm không thể làm gì nổi với căn phòng chật hẹp lại có tới sáu người ngủ. Vậy là đành phải mở tung cửa để mặt trời chiếu vào mang theo tất cả các loại mùi của đường phố: mùi sắt bị nung nóng, mùi mồ hôi và khói bụi. Cùng với sự nóng bức tính tình của con người ta cũng trở nên tồi tệ hơn. Tất cả mọi người đều dễ dàng nổi cáu về những chuyện không đâu và sẵn sàng cãi lộn bất cứ lúc nào. Nhưng người giàu có trong những lúc thế này sẽ đi sang một căn phòng khác, cách xa nơi mặt trời chói chang. Còn những người nghèo thì đành phải ngồi lại với nhau trong căn phòng chật chội và oi ả trước những cái đĩa đầy mỡ và những chiếc cốc bẩn hoặc là chuẩn khỏi nhà cho hạ hỏa.

Vào một trong những ngày nóng nực như thế, sau khi cãi lộn với cả nhà: với vợ vì món súp quá nóng và quá mặn; với anh vợ vì anh ta đã bệnh vợ tôi, mà theo tôi thì anh ta chẳng có quyền làm như vậy vì anh ta đang thất nghiệp và ăn bám vợ chồng tôi; với cô em vợ vì cô ta bệnh tôi, nhưng điều đó lại làm tôi nổi giận vì cô ta mê tít tôi và đang làm bộ làm tịch; với mẹ vì bà cố gắng dỗ dành tôi; với bố vì ông đề nghị để cho ông yên ổn ăn nốt bữa cơm; và cuối cùng là với cô con gái vì nó cứ gào lên - tôi đứng phắt dậy, với chiếc áo vét mặc trên thành ghế và tuyên bố với cả nhà:

- Cả nhà có biết không? Tôi đã chán các người lắm rồi. Hẹn gặp lại cả nhà vào tháng mười khi thời tiết mát mẻ hơn.

Nói rồi tôi ra khỏi nhà.

Người vợ tội nghiệp của tôi chạy theo tôi, cúi gập người vào tay vịn cầu thang và hét to rằng vẫn còn món xa lát dưa chuột mà tôi rất thích. Tôi đáp: "Cô hãy ăn đi" - rồi đi ra phố.

Chúng tôi sống ở phố Ostienze. Tôi đi sang đường và không hiểu sao lại thả bộ về phía cây cầu được đúc bằng gang ở phía cảng sông của thành phố. Hai giờ chiều. Đây là thời điểm nóng nhất trong ngày: Bầu trời xanh thẫm như mắt ai đó thâm quầng lên vì bị đánh. Khi đến cầu tôi dựa vào những thanh vịn bằng sắt. Chúng nóng đến bỏng rát cả tay.

Cảng sông Tibre nằm kẹp giữa những đường bờ sông. Ở đoạn này nước sông đục ngầu nên cảng sông giống như một con mương thoát nước thì đúng hơn. Những đường ống dẫn ga trông như khung nhà bị cháy xém, những ống khói của nhà máy sản xuất khí đốt rồi những mái nhọn hoắt của trung tâm nhiệt điện như muốn xé rách bầu trời. Có cảm giác đây không phải là Rôma mà là một thành phố công nghiệp nào đó trên phía Bắc. Tôi ngắm cảng sông Tibre và ngạc nhiên tự hỏi người ta gọi đây là cảng thì thật buồn cười, nó đâu được như cảng Genoa hay Neapol nơi có những con tàu lớn ra vào. Nếu như tôi thật sự muốn chạy trốn thì từ cái "cảng" này xa lắm là tôi có thể đến được Fiumicino để ăn cá rán và ngắm biển là cùng.

Sau một lúc tần ngần bên cảng sông tôi lại đi tiếp. Tôi vượt qua cây cầu và đi về phía những miếng đất trống. Mặc dù sống ở ngay gần nhưng tôi chưa đến khu này lần nào cả. Tôi cũng không hề biết là mình đang đi đâu. Đầu tiên tôi đi qua con đường rải nhựa, hai bên đường là những bãi trống vút đầy rác thải. Sau đó con đường nhựa được tiếp nối bằng một con đường mòn và đến đây thì rác đã chất thành những ngọn đồi. Tôi nghĩ có lẽ mình đã lạc vào phần của thành phố nơi chứa rác của cả Rôma thải ra. ở đây chẳng có một ngôi nhà nào cả mà chung quanh chỉ toàn thấy rác rưởi, những vỏ đồ hộp hoen rỉ, thức ăn thừa. Mặt trời chiếu xuống đồng rác rưởi ấy làm mùi hôi thối bốc lên nồng nặc hơn. Tôi băn khoăn không biết nên làm thế nào: đi tiếp cũng không muốn mà quay lại cũng không đành. Bỗng tôi nghe thấy tiếng ai đó bập bập môi như gọi chó về nhà.

Tôi quay lại xem có con chó nào không, nhưng tôi chẳng trông thấy con chó nào cả mặc dù tôi nghĩ giữa những đồng rác và thức ăn thừa này chính là chỗ mà bọn chó hoang hay lẩn vẩn nhất. Thế thì âm thanh đó đúng là để gọi tôi rồi. Tôi nhìn về phía đã phát ra âm thanh kỳ lạ đó. Sau những đồng rác to tôi nhìn thấy một túp lều nhỏ xiêu vẹo với mái lợp bằng tôn sóng. Một bé gái tầm tám tuổi, có mái tóc bạch kim đứng trước cửa túp lều và ra hiệu cho tôi bước vào. Khuôn mặt của đứa bé nhợt nhạt, bần thủ, phía dưới mắt có những quầng đen như mắt của những phụ nữ trung niên, tóc nó bết đầy bụi, lông gà và rơm rác. Nôm đầu cô bé như đầu của một con

điều hâu vầy. Nó ăn mặc quá sơ sài: một chiếc bao tải gai đục thủng bốn lỗ cho hai tay và hai chân. Khi tôi đến nơi nó hỏi:

- Chú là bác sỹ à?

- Không - tôi đáp - Thế làm sao? Cháu cần bác sỹ à?

- Nếu chú là bác sỹ thì mời chú vào đây. Mẹ cháu bị ốm - nó nói.

Tôi không buồn nói với cô bé rằng tôi không phải là bác sỹ và bước vào túp lều. Đầu tiên tôi có cảm giác là mình đang lạc vào gian hàng của người buôn đồ cũ trong khu chợ Campo di Fiori: trên trần treo la liệt đủ thứ đồ cũ, quần áo, tất, giấy, đồ dùng nhà bếp, bát đĩa, giẻ rách. Nhưng sau đó tôi hiểu ra rằng những người sống ở đây vì không có tủ để đựng nên phải treo đồ lên những chiếc đinh trên tường. Vừa cúi thấp người xuống để khỏi đụng đầu vào những thứ treo lủng lẳng đó tôi vừa liếc nhìn xung quanh để tìm người mẹ của bé gái. Nó lén lút chỉ cho tôi thấy một đồng giẻ rách lùm lùm ở góc lều. Nhìn kỹ tôi mới thấy từ trong mớ giẻ rách ấy có một ánh mắt sáng quắc đang nhìn tôi chằm chằm, còn mắt bên kia thì bị che khuất bởi mái tóc bạc.

Dáng vẻ của người phụ nữ này làm tôi thấy hoảng sợ thật sự: trông cô ta như một bà già nhưng đồng thời cũng thấy rõ ràng cô ta còn trẻ. Bất gặp ánh mắt của tôi cô ta nói:

- Tất cả những người quen trên đời này rồi sẽ gặp nhau chừng nào họ còn sống.

Con bé cười phá lên như chuẩn bị có một màn trình diễn hài hước. Nó ngồi xồm xuống đất và chơi mấy cái vỏ đồ hộp rỗng.

- Nhưng, thật ra, tôi đâu có biết cô... - tôi nói - Cô là ai? Còn đứa bé này nó là con gái cô à?

Cô ta đáp:

- Tất nhiên nó là con của tôi... và nó cũng là con gái của anh nữa đấy...

Đứa bé lại cười rúc rích. Nó không hề ngẩng mặt lên nhìn tôi. Tôi nghĩ là họ nói đùa và trả lời:

- Có thể nó là con tôi, mà cũng có thể nó là con của người đàn ông khác.

- Làm gì có chuyện đó - người phụ nữ đứng dậy, vừa chỉ tay về phía tôi vừa nói - Đó chính là con gái của anh... và chỉ của riêng một mình anh mà thôi... Anh chính là đồ vô dụng, đồ lười nhác, đồ hèn hạ, đồ đểu cáng...

Nghe thấy người đàn bà nhục mạ, chửi bới tôi như vậy đứa con gái bắt đầu cười ha hả cứ như thể từ nãy đến giờ nó đang chờ để nghe thấy những điều ấy.

- Cô hãy ăn nói cho cẩn thận - tôi tức giận nói - tôi đã nói với cô là tôi không biết cô là ai.

- Á à, anh lại còn nói là anh không biết tôi là ai hả?... Anh không biết vậy mà anh còn bước chân về cái nhà này làm gì? Nếu như anh không biết tôi thì làm sao anh lại tìm thấy đường về nhà?

- Đồ hèn, đồ đểu cáng! Đồ hèn, đồ đểu cáng! - Đứa con gái nhại lại lời mẹ nó.



Tôi vã mồ hôi ra vì nóng và tức giận.

- Tôi chỉ vô tình đi ngang qua đây thôi - tôi nói.

- Thật là tội nghiệp quá - người đàn bà mĩa mai rồi quay về phía đứa con gái và ra lệnh - Đưa cái túi đây cho tao.

Đứa bé nhanh nhẹn với cái túi làm bằng vải nhung đen cũ kỹ, rách rưới treo trên cái đinh xuống và đưa cho mẹ nó. Người đàn bà mở túi và lôi ra một tờ giấy từ trong đó và nói.

- Đây là giấy chứng nhận kết hôn: Elvira Proetti là vợ của Ernesto Rapelli... Anh còn chối nữa chứ, Ernesto Rapelli?

Thật là trùng hợp. Tên tôi cũng là Ernesto. Sự trùng hợp này làm tôi thấy kinh ngạc.

- Nhưng họ của tôi không phải là Rapelli - tôi bối rối nói.

- Sao, anh không mang họ Rapelli ấy à?

Đứa bé lại hát nhại theo mẹ nó:

- Ernesto, Ernes-sto!

Người đàn bà lại đứng dậy. Tôi đã đoán đúng: Mặc dù tóc của cô ta bạc trắng, mặt đầy nếp nhăn và rụng hết răng nhưng rõ ràng là cô ta không thể già hơn ba mươi tuổi.

- À, hóa ra anh không phải là Rapelli à? - Cô ta đi về phía tôi, hai tay chống nạnh. Cô ta nhìn tôi trừng trừng và gào lên - Anh chính là Rapelli! Trước Chúa Trời và tất cả mọi người anh chính là Rapelli!

- Tôi hiểu cô - tôi nói - tôi biết là cô không được khỏe. Xin phép cô, tôi về.

- Không, anh hãy đợi một chút!... Không thể nhanh như thế được!

Đứa bé tỏ ra sung sướng, nó cứ lằng xằng chung quanh chúng tôi.

Người đàn bà lại cất giọng mỉa mai:

- Ernesto, ngài Ernesto... người đã bỏ vợ bỏ con, bỏ nhà và cả năm trời không thèm vác mặt về... Anh có biết rằng suốt thời gian qua khi anh bỏ nhà đi hai mẹ con tôi đã sống bằng gì không?

- Tôi không biết - tôi đáp xằng giọng - và tôi cũng không muốn biết. Hãy cho tôi ra khỏi đây.

- Mà hãy nói cho bố mày biết - người đàn bà hét lên - mày hãy nói cho bố mày biết là chúng ta đã sống như thế nào đi.

- Bằng của bố thí; - đứa bé trả lời trơn tru như có chuẩn bị sẵn. Vừa kéo dài giọng nói với tôi nó cũng tiến lại phía tôi.

Phải thú thật rằng tôi đã hoàn toàn bị rối trí bởi tất cả những sự trùng lặp này: tôi cũng tên là Ernesto, tôi cũng bỏ nhà ra đi, tôi cũng có vợ và con gái. Mọi chuyện rối tung này làm cho tôi có cảm giác như tôi không còn là tôi nữa, nhưng hình như tôi vẫn ý thức được mình là ai nhưng không giống như tôi của mọi ngày. Thấy tôi tỏ ra bối rối, lúng túng, người đàn bà lại hét vào mặt tôi:

- Thế anh có biết chuyện gì sẽ xảy ra với những người đàn ông bỏ gia đình không? Sẽ bị tù khổ sai đấy, biết chưa, đồ tội phạm?

Đến nước này thì tôi hoảng sợ thật sự. Tôi quay về phía cánh cửa định chạy cho thật nhanh. Có ai đó đang đứng ngay ngưỡng cửa và chăm chú nhìn chúng tôi. Đó là một người phụ nữ gầy còm, rõ ràng là cũng rất nghèo khổ, nhưng ăn vận sạch sẽ. Nhìn thấy khuôn mặt đầy bản khoăn và chán nản của tôi bà ta nói:

- Xin ông đừng nghe những điều cô ấy nói. Cô ấy không bình thường đâu. Cứ khi nào nhìn thấy đàn ông là cô ấy lại tưởng đó là chồng mình... Còn đứa bé lếu lảo này là con của cô ấy. Nó cố tình gọi những người qua đường vào đây để nghe mẹ nó chửi rửa, la hét... Tao sẽ cho mày biết thế nào là lễ độ, con quỷ độc ác này!

Nói rồi người phụ nữ gầy gò vung tay định bộp cho con bé một cái nhưng nó đã khéo léo tránh được và lại nhảy múa quanh tôi:

- Ông đã tin đúng không? Ông đã tin và sợ hết hồn... sợ hết hồn... sợ hết hồn...

- Elvira à, đây không phải là chồng của cô đâu - người phụ nữ gầy gò nói, giọng dịu dàng. Elvira im lặng, cúi đầu xuống tỏ vẻ vâng lời rồi đi về góc nhà, ngồi thụp xuống. Người phụ nữ gầy gò bới than trong bếp lò.

- Tôi vẫn nấu cho họ ăn - bà ta giải thích - Đúng là họ chuyên sống bằng của bố thí nhưng chồng cô ấy không hề bỏ rơi mẹ con họ, chỉ đơn giản là anh ấy đã chết rồi.

Với tôi thế là quá đủ rồi. Tôi rút trong túi ra một trăm liria và đưa cho đứa bé. Nó cầm tiền nhưng không thêm cảm ơn lấy một lời. Tôi ra khỏi đó và đi thẳng một mạch theo đường mòn, qua đường trải nhựa, qua cầu về nhà của tôi trên phố Ostienze.

So với túp lều bẩn thỉu và ngột ngạt thì giờ đây ở nhà mình tôi thấy mát mẻ như trong hang núi vậy, và mặc dù trong nhà tôi rất ít đồ gỗ và chúng cũng rất giản dị nhưng dù sao đi chăng nữa vẫn còn hơn những cái cọc mà những người bất hạnh kia treo những mớ quần áo giẻ rách của họ. Trong phòng bếp gọn gàng sạch sẽ. Vợ tôi đặt lên bàn món xa lát dưa chuột mà cô ấy cắt đi phần tôi. Tôi ăn xa lát với bánh mỳ, còn cô ấy đứng lên rửa đồng bát đĩa bẩn.

Ăn xong tôi đứng dậy, đến bên cô ấy, khẽ hôn vào cổ vợ và chúng tôi làm lành với nhau.

Sau đó mấy hôm tôi có kể lại cho vợ tôi nghe câu chuyện về túp lều và quyết định quay lại đó một lần nữa xem có thể làm được gì để giúp cho đứa bé khốn khổ và người đàn bà kia hay không. Giờ thì tôi không còn sợ người ta nhận xằng tôi là cái anh chàng Ernesto Rapelli nào đó nữa. Các bạn có tin hay không thì tùy nhưng tôi không sao tìm thấy được túp lều đó, cả người phụ nữ điên khùng, cả đứa bé gái cũng như người phụ nữ gầy gò vẫn nấu cho họ ăn. Suốt một giờ đồng hồ tôi lang thang giữa đồng rác rưởi dưới cái nắng cháy da cháy thịt và rốt cuộc đành ra về mà không tìm thấy ai cả. Tôi nghĩ có lẽ tôi đã lạc đường. Còn vợ tôi thì tin chắc rằng tôi đã bịa ra câu chuyện đó vì cảm thấy cần rút lương tâm khi muốn bỏ cô ấy mà đi.

Hà Việt Anh dịch

VIOLENTE

Jean - Pierre Chabrol (Pháp)

Đó là buổi sáng ngày 6 tháng 2 năm 1980, khi tôi đang kiểm tra thư, báo buổi sáng. Ở phía bên này của thung lũng người đưa thư không bao giờ xuất hiện trước mười giờ sáng. Tôi nói rõ như vậy là vì tôi muốn kể cho các bạn nghe câu chuyện của tôi thật cặn kẽ, chi tiết.

Có tiếng chuông điện thoại. Một giọng nói cất lên hỏi xem có phải là tôi không và xin lỗi vì đã làm phiền. Giọng nói hoạt bát, sôi nổi ấy làm cho tôi xúc động và không còn hiểu nội dung cuộc đàm thoại nữa. Tôi lại nghe thấy giai điệu thánh thót và quên hẳn việc phải hiểu ý nghĩ của những gì mình vừa nghe thấy.

- ...Em đã tìm mãi mới kiếm được số điện thoại của anh qua những người bạn. Đó là cả một câu chuyện dài. Em cho phép mình gọi điện cho anh vì việc rất gấp và quan trọng.

Đó chính là giọng nói của Violente.

- Anh sẽ đến Marcell chứ?

- Tuần sau anh sẽ đến, thứ tư nhé.

Ôi Violente!... Đã hơn ba mươi năm, mà không gần bốn mươi năm đã trôi qua... Vậy mà giọng nói của cô ấy không hề thay đổi. Tôi không tin vào tai mình nữa và thấy mình như bay bổng trong không trung.

- Thứ tư, mười lăm giờ có tiện cho anh không?

- Mình hẹn ở đâu?

- Gia đình em vẫn có cửa hàng ở khu Cảng cũ - bán phụ tùng tàu biển. Anh còn nhớ không?

- Đương nhiên là anh nhớ.

- Vậy, hẹn gặp lại vào thứ tư. Cảm ơn anh, cảm ơn anh nhiều!

Violente gác máy. Năm 1945 cô ấy bao nhiêu tuổi nhỉ? Mười bảy tuổi, vậy bây giờ cô ấy đã hơn năm mươi tuổi rồi. Thế mà cô ấy vẫn giữ được chất giọng nữ trung không hề thay đổi, những ngữ điệu gợi cảm mà tôi đã từng yêu say đắm. Ngơ ngác nhìn chiếc máy điện thoại, tôi không dám tin vào những điều mình vừa nghe thấy. Mặc dù vậy tôi đã bắt đầu nóng lòng bấm từng giờ cho đến ngày thứ tư tuần tới.

Ôi Violente! Tôi đã ở bên cạnh nàng vào hai giai đoạn hoàn toàn khác nhau của cuộc đời. Vào năm 1939, khi nàng mới lên mười và tôi là một cậu bé mười ba tuổi thì bố mẹ cô ấy - những thương gia thành phố Marcell đã đến vùng quê của chúng tôi vào kỳ nghỉ. Cho đến tận bây giờ tôi vẫn nhớ lần đầu tiên chiếc xe Rosali Citroen của họ xuất hiện trên đường làng tôi vào đầu tháng tám. Và nhớ cả cô bé nhảy từ cửa sau phía bên phải xuống đường nữa. Đôi giày buộc dây của cô ấy, những đôi tất màu trắng chiếc áo trắng cổ lá sen, cái đầu tròn với những sợi tóc màu hạt dẻ óng ánh xoắn tít bông bông nhảy múa xung quanh.

Tôi chỉ có thể nhìn rõ mặt cô bé vào giữa tháng tám - Chúng tôi đã mất không ít hơn hai tuần để kết bạn với nhau.

Đôi mắt của nàng không thể gọi là rất đẹp, nhưng ánh mắt thì sống động và linh hoạt như chính con người nàng vậy. Màu mắt của nàng thay đổi từ màu xanh thẫm sang màu xám sáng, nhưng tuyệt nhiên không bao giờ có một chút ánh xanh lá cây nào, mắt nàng chỉ có những ánh màu nước biển mà thôi.

Tên thật của nàng là Violena, một cái tên trong Kinh Thánh và rất hợp với tính cách của nàng. Chúng tôi đã cùng vui đùa với nhau, khám phá mọi góc ngách của thung lũng nhỏ bé, sau đó nàng bắt tôi phải chơi những trò người lớn hơn. Tôi đã dạy nàng câu cá bằng mồi châu chấu, thả dò chim sáo, còn nàng đã cho tôi xem nàng có gì dưới chiếc váy xếp nếp.

Hai mùa hè đã trôi qua như thế cho đến khi chiến tranh bùng nổ.

Rồi chiến tranh kết thúc. Năm 1945 tôi đến Marcell nghỉ đông. Tôi đã gặp Violente trên phố Paradise. Nàng đã trở thành một thiếu nữ mười bảy tuổi. Hai bím tóc màu vàng óng và khuôn mặt gầy hơn trước. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau và hôn nhau say đắm dù chưa kịp nói một lời nào.

Bố mẹ Violente là chủ một cửa hàng phụ tùng tàu thuyền trên phố Cảng cũ - cửa hiệu nằm phía bên tay trái nếu đi xuống từ phố Caneber. Cánh cửa hẹp và dãy kệ bày hàng: nào là những sợi dây neo, rồi những dụng cụ bằng đồng đỏ, la bàn, đèn pin và kính lục phân, nào là bộ quần áo lặn, rồi quả địa cầu có đèn báo hiệu. Cứ hai ngày tôi lại đi qua cửa hàng của bố mẹ nàng vào lúc hai giờ trưa. Qua lớp cửa kính có thể nhìn thấy Violente.

Nàng ngồi bên quầy thu ngân, trông giống như một chiếc ghế bành nhỏ được nâng cao lên và từ ba phía vươn lên những tay vịn bằng gỗ không cao lắm. Nàng trông cửa hàng khi bố mẹ nàng nghỉ trưa ở tầng trên. Trong cửa hàng rất tối nhưng những dấu hiệu mà nàng gửi cho tôi thì rất rõ ràng: Đầu tiên nàng chỉ ngón cái lên trần nhà, sau đó nàng xòe năm hoặc mười ngón tay để tôi hiểu rằng sau năm hoặc mười phút nữa tôi có thể vào được. Tôi đi tiếp và vòng một vòng rồi quay lại cửa hàng. Tôi chui vào nhà qua một cánh cửa chật hẹp. Căn hộ nằm ở tầng lửng.

Violente đã đợi tôi sẵn ở đó. Thậm chí nàng còn mở cửa trước khi tôi kịp gõ cửa. Nhưng nàng không muốn tôi ôm hôn nàng ngay: “Đầu tiên chúng mình ngắm nhìn nhau cho thỏa thích đã, hãy làm theo thứ tự nhé”. Để không phí thời gian một cách vô ích, trong khi chúng tôi nhìn nhau như muốn nuốt chửng lấy nhau, nàng rót cho tôi một chút rượu ngâm với quả mọng qua. Phòng khách và cũng là phòng ăn nhà nàng mang phong cách Art Decor nhưng rất gọn gàng: những đồ gỗ tiện tròn và bộ đi văng bọc da mềm mịn. Trong góc có một phòng nhỏ, được che bởi một tấm rèm cửa làm từ loại vải nặng màu hạt dẻ.

Ba bức tranh khắc dân gian mô tả những loại thuyền buồm khác nhau đang vật lộn với sóng biển. Chúng tôi đã làm tình với nhau trên đi văng trong buồng nhỏ được che bởi tấm rèm màu hạt dẻ.

Và tôi thì lúc nào cũng nơm nớp lo bố mẹ nàng sẽ lên đây qua lối đi của cửa hàng. Lần nào Violente cũng nói với tôi là cứ yên tâm không bao giờ có chuyện ấy đâu.

- Thế nhờ bố mẹ em cần lấy mấy cuốn catalogue này thì sao?

- Chúng cũ rồi. ở dưới nhà bố mẹ em có những cuốn mới cơ.

- Ai mà biết được. Nhờ đâu tự dưng hai bác cần uống một viên aspirin thì sao.

- Anh lo xa quá. Yên tâm đi, nếu cần mấy thứ linh tinh đó bố mẹ em sẽ chạy sang hiệu thuốc bên cạnh.

Sau khi ân ái, chúng tôi nằm trên đi văng tâm sự cho đến khi bố mẹ nàng dọn cửa hàng. "Này em, ít ra thì chúng ta cũng nên mặc đồ vào đi chứ" - tôi nói. Còn nàng thì đùa giỡn với tôi và diễn kịch nữa chứ: "Bố mẹ à, chẳng nhẽ bố mẹ không nhận ra anh ấy sao? Đây chính là anh bạn ở miền quê mà chúng ta vẫn về nghỉ hè hồi trước chiến tranh ấy mà. Anh ấy đi ngang qua và con mời anh ấy lên chơi một chút..."

Ở tuổi mười bảy Violente tràn đầy sinh lực. Nàng không muốn tiếp tục nghề buôn bán phụ tùng tàu biển của bố mẹ nữa.

- Em đã ổn cái đồng sắt vụn này đến tận cổ rồi. Nhìn mãi những thủy thủ đến mua đèn dù pháo sáng em cũng muốn một lần được nếm mùi mạo hiểm. Được đi đến năm châu bốn biển. Em muốn nhìn thấy Châu phi.

Mùa xuân năm 1945 tôi phải rời Marcell. Và từ đó tôi không biết tin tức gì về Violente nữa cho đến ngày hôm

nay - ngày 6 tháng 2 năm 1980, đúng 35 năm sau. Có nghĩa là bây giờ nàng đã ngoài năm mươi tuổi, nhưng giọng nói của nàng thì không hề thay đổi. Tôi đã nghĩ rằng mọi việc có thể còn tồi tệ hơn. Sự nóng ruột trong tôi lắng xuống một chút, thay vào đó là sự tò mò đang lớn dần lên.

Ngày thứ tư như đã hẹn hò tôi đến phố Cảng cũ. Cửa hàng bán phụ tùng tàu biển vẫn nằm ở chỗ cũ, giờ được sơn lại màu xanh lá cây sậm như toa tàu hỏa. Bộ áo lặn khổng lồ vẫn được bày trong tủ như mấy chục năm trước đây nhưng giờ thì không phải để bán mà nó đã trở thành đồ cổ trang trí cho cửa hàng. Những chiếc ròng rọc mạ ni ken, những mắt xích của dây neo, những sợi dây chèo nilông, những chiếc la bàn nhựa - giờ đây cửa hàng không chỉ bán phụ tùng thay thế cho tàu bè, dụng cụ đi biển mà còn kinh doanh cả những đồ mang tính lưu niệm nữa. Tôi nhìn vào bên trong cửa hàng qua cửa kính hẹp.

Violente vẫn ngồi sau quầy thu ngân, y hệt như ngày xưa. Tôi luôn nhìn rõ khuôn mặt cô ấy trong cửa hàng tranh tối tranh sáng. Tuy nhiên chỉ có một sự khác biệt duy nhất: đó là giờ đây mái tóc vàng óng ả của cô được buộc túm ra đằng sau. Tôi đứng im như trời trồng khoảng hơn mười phút rồi chậm rãi tiến đến phía cửa vào. Mặt trời chiếu thẳng vào lưng tôi và bóng của tôi như xuyên qua lớp cửa kính bước vào cửa hàng. Violente quay mặt lại phía tôi. Cô đưa ngón tay cái chỉ lên trần nhà rồi lại xòe năm ngón tay ra. Sự bối rối của tôi cho cô thấy là tôi không hiểu ý nghĩa của tín hiệu vừa rồi. Cô lặp lại hai tín hiệu một lần nữa. Tôi lại đi qua cửa hàng

và xem đồng hồ để ánh chừng năm phút như ngày xưa tôi vẫn thấp thỏm tính từng phút.

Cánh cửa giờ đây được đóng mở tự động bằng cách ấn vào nút điện tử. ánh sáng trên cầu thang cứ nhấp nháy tắt bật. Cánh cửa trên gác lửng đã mở ngay khi tôi vừa chạm vào. Violente đã chờ tôi ở bên trong, cô nâng tấm rèm nặng màu hạt dẻ lên. Khi cánh cửa đóng lại sau lưng tôi thì hai chúng tôi đứng ngây ra trước mặt nhau, chỉ cách nhau vền vền có hai mét. Tôi ngắm nhìn cô: Không một sợi tóc bạc nào cả, cái cổ cao thanh tú, cô mặc một chiếc áo trắng hở cổ, bên trong không mặc áo lót. Violente vẫn là cô gái mười bảy tuổi.

Tuy chỉ có nụ cười của cô ấy là khác. Lần này như hơi hộp hơn, hơi thoáng chút chua xót. Cô tiến lại phía tủ rượu lấy chai rượu mộc qua.

Những khung tranh dân gian vẽ hình ba con tàu, đồ gỗ từ năm 1925, buồng nhỏ kê đi văng phủ rèm - tất cả mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ cũ chỉ trừ chiếc đài bán dẫn xưa nay thay bằng chiếc vô tuyến. Trong căn phòng vẫn thoang thoảng mùi hương xưa - mùi véni lẫn với mùi mít hoa quả.

Từ Violente cũng tỏa mùi hương như mấy chục năm về trước.

Sau khi uống hết li rượu, tôi đặt tay lên vai cô để kéo cô vào lòng... Violente né tránh vòng tay của tôi.

- Bé con đấy à? Ông ấy đến chưa? Ông ấy đã ở đây rồi đúng không?

Một giọng nói cất lên từ phía sau bức rèm, từ trong phòng nhỏ kê di văng. Giọng nói của một người phụ nữ đã quá đau khổ vì đau đớn, hơi thở đứt quãng, khó nhọc.

- Vâng, đúng rồi bà ạ. Bà cứ bình tĩnh. Ông ấy đã đến. Ông ấy đang ở đây rồi.

Cô gái bảo tôi ngồi xuống chiếc ghế ngay sát tấm rèm che phòng nhỏ và nói thầm vào tai tôi:

- Ông đừng vén rèm lên nhé. Bệnh tật và tuổi già đã làm cho bà cháu thay đổi rất nhiều. Bà không muốn để ông nhìn thấy bà tàn tạ như thế. Chính bà đã là người nuôi cháu khôn lớn. Bố mẹ cháu đã mất trong một tai nạn xe hơi khi cháu mới được bốn tuổi. Bà đã nhiều lần kể cho cháu nghe về chuyện của ông và bà. Bà nói những khoảnh khắc tuyệt vời nhất của cuộc đời đã gắn bó bà với ông. Bà cháu đã yếu lắm rồi, chắc cũng không còn sống được bao lâu nữa... Ông làm ơn hãy nói chuyện với bà, hãy kể lại cho bà nghe về vùng quê ngày ấy, về cái mùa đông sau giải phóng khi hai ông bà bí mật lên căn phòng này...

Tôi không biết là đã bao nhiêu phút tôi ngồi kể chuyện trước tấm rèm. Tôi không rõ là mười phút hay cả tiếng đồng hồ tôi đã ngồi như vậy. Tôi đã phải nói to vì mấy lần cô gái cứ lấy tay chỉ vào tai ra hiệu cho tôi rằng bà cô ấy bị nghẽn ngang. Thật là khó khăn cho tôi khi phải kể lại những kỷ niệm xưa cũ với giọng nói gần như hét lên. Tôi nói chuyện với một cái xác không hồn, một người đang hấp hối những tiếng thở thều thào của người ấy cứ từng phút, từng giây nhắc tôi về sự tồn tại, hiện hữu.

Tôi hét lên:

- Em có nhớ không, Violente, cơn giông khủng khiếp hôm 15 tháng 8 năm 1939? Lúc ấy chúng mình đang ngồi bên nhau ở bờ sông. Nơi đó rất xa làng. Chỉ có anh và em. Chúng mình đã trú mưa trong nhà kho của cha Armohat, nhưng vẫn bị ướt như chuột lột và phải cởi hết quần áo ra: Em bị cồng và răng em đánh vào nhau côm cốp. Anh vì muốn sưởi ấm cho em nên đã dùng bó rơm để chà khắp người em. Da em đỏ rực lên. Em đã bật khóc vì đau. Thế là anh làm nhẹ tay hơn, dịu dàng hơn...

Cô cháu gái của Violente lùi ra phía gần cửa ra vào. Nhưng cô gái vẫn nghe thấy hết những gì tôi nói. Cô gật đầu ra hiệu cho tôi biết là cô rất mang ơn tôi, muốn động viên những nỗ lực của tôi và những việc tôi đang làm lúc này chính là điều mà cô chờ đợi ở tôi.

Tôi đã bắt đầu kể đến những buổi hẹn hò của chúng tôi sau giờ ăn trưa vào mùa đông năm 1945. Trong căn phòng nhỏ này, đằng sau tấm rèm, nơi bây giờ Violente yêu dấu của tôi đang ở giữa sự sống và cái chết.

- Có lần có tiếng gõ cửa phòng vào đúng cái lúc mà... mà... chúng mình đang... đang...

Ở đằng xa Violente trẻ tuổi mấp máy môi nhắc tôi "đang yêu nhau"

- Đúng, đúng lúc chúng ta đang yêu nhau. Có người gõ cửa và hét toáng lên "Tôi nghe rõ là trong đó có người". Anh giật bắn người vì lo lắng. Nhất định bây giờ ông ta sẽ xuống dưới nhà và gọi bố mẹ em lên. Nhưng em đã cất tiếng: "Tôi đang bận. Ông hãy làm ơn xuống nhà đi!".

Tôi dừng lời và rời mắt khỏi bức rèm. Violente trẻ tuổi vẫn ngồi nghe chăm chú. Sự động viên thầm lặng của cô như tiếp thêm cho tôi sức mạnh. Tôi lại cất vang giọng vui vẻ:

- ... Nhưng lần nào em cũng cứ nằm ườn ra đó chẳng chịu mặc ngay quần áo vào!

Tôi nhìn vào đôi mắt màu xanh của Violente trẻ tuổi để gợi nhớ lại hình ảnh của bà cô.

- Anh đã hôn lên đôi mắt của em. Chúng mình đã nói đùa rằng anh làm như vậy để làm thay đổi màu mắt của em.

Violente trẻ tuổi lại làm dấu hiệu khích lệ tôi. Tôi ngẩng nhìn cái cổ cao, thanh tú của cô và tiếp tục câu chuyện:

- Khi anh cắn vào gáy của em thì toàn thân em run lên. Em nói với anh rằng mỗi lần anh làm như thế là xương sống em lại rung lên bần bật, như những sợi dây đàn.

Sự hiện diện của cô gái mười bảy tuổi trong phòng làm cho tôi hưng phấn hơn. Và tình thế không còn được kiểm soát nữa. Tôi hét lên.

- ... Violente, em biết không, em là duy nhất, chỉ có một mình em biết yêu say đắm, yêu hết mình. Chẳng có một phụ nữ nào biết yêu như em cả, chẳng bao giờ có...

Tôi thấy mình đang đứng giữa phòng, một bên là căn phòng nhỏ che rèm và một bên là cô gái mười bảy tuổi...

- Được rồi ông ạ. Cám ơn ông rất nhiều. Bà cháu rất chóng mặt. Chắc là bà cháu đã ngủ và không còn nghe

thấy gì nữa đâu. Nhưng cháu tin chắc rằng bà đã ngủ thiếp đi trong niềm hạnh phúc. Cám ơn ông. Cháu mang ơn ông nhiều lắm. Ông cho phép cháu chứ?

Cô gái ôm tôi và hôn vào hai má tôi. Tôi cảm nhận được làn da mềm mại giữa mắt và bộ râu quai nón rậm rạp của tôi. Cô gái thì thầm:

- Bây giờ ông về đi. Như vậy sẽ tốt hơn.

Tôi cảm nhận được cơ thể ấm nóng và rạo rực của cô. Cô rời tôi ra đầy lưu luyến.

Tôi bừng tỉnh khi đã ra đến phố, đi trên cây cầu nhộp nháp. Mây mù che khuất mặt trời. Một ngày thật buồn đã qua.

Hà Việt Anh dịch

CHIẾC THÌA LƯU NIỆM

Roger Grenier (Pháp)

Sau khi Jean Pierre Durox và Mariza Curier làm đám cưới hai người đã đi nghỉ tuần trăng mật ở Venezia. Cô dâu mới cưới rất ngưỡng mộ tài hoa của những nghệ nhân thổi thủy tinh vùng Murano, nhưng cô lại không muốn mua cốc tách, lọ hoa, ly rượu hay đèn chùm. Cô cũng ghé qua vại cửa hàng giấy da nhưng cô thấy giấy ở thành phố này chẳng hợp với phong cách của cô chút nào cả. Mẫu mã và màu sắc của giấy da ở đây quá hẩm hố. Cuối cùng đồ lưu niệm duy nhất mà Mariza mang về từ thành phố Venezia cổ kính là chiếc thìa nhỏ bằng bạc cán chạm trổ hình con sư tử của nhà thờ San Marco.

Trên đường về họ đi ngang qua Florence và Mariza đã mua thêm một chiếc thìa bạc nữa có trang trí biểu tượng của Florence - bông huệ đỏ.

Họ đã bắt đầu bộ sưu tập thìa lưu niệm như vậy.

Jean Pierre làm việc trong một xí nghiệp chuyên sản xuất đồ phụ kiện cho những người thích hút thuốc lá, chính xác hơn là anh làm ở phòng kinh doanh. Thỉnh thoảng, hiếm khi lắm anh mới phải đi công tác ngoại tỉnh để dàn xếp một việc gì đó với khách hàng. Và mỗi lần như vậy Jean Pierre lại mua tặng vợ chiếc thìa lưu niệm với biểu tượng của các thành phố cổ. Và lại việc đó cũng đâu có khó khăn gì. Đa số các lần đi công tác anh không phải chạy đôn chạy đáo khắp các cửa hàng lưu niệm trong thành phố vì đa phần những khách hàng của



anh đều là những ông chủ của những tiệm bán đồ phụ kiện dành cho những người hút thuốc lá nơi bán đủ mọi thứ như bật lửa, hộp đựng xì gà, diêm, bao da đựng bật lửa... và những cửa hàng như vậy thực ra cũng là nơi bán đồ lưu niệm và Jean Pierre thế nào mà chẳng tìm được những chiếc thìa anh cần.

Vì Jean Pierre rất ít khi đi công tác nên bộ sưu tập của họ phát triển rất chậm. Nhưng dù sao đi nữa thì trong vòng mấy năm Mariza đã bắt đầu hành diện về bộ sưu tập đó. Cô xếp cẩn thận mười tám chiếc thìa vào những vỏ hộp sôcôla đã ăn hết được bọc nhung kẻ ở bên trong và bên ngoài.

Trước khi đi công tác ở Nime, Jean Pierre đã hứa là sẽ mang về cho vợ chiếc thìa bạc thứ mười chín với biểu tượng của thành phố là con cá sấu và cành cọ.

Anh đâu có biết trước được rằng chính chiếc thìa thứ mười chín này sẽ thay đổi toàn bộ cuộc đời anh.

Jean Pierre vừa tạm biệt khách hàng của anh - ông chủ của một trong những cửa hàng chuyên doanh cà phê thuốc lá lớn nhất thành phố, và chuẩn bị ra về thì có một phụ nữ với mái tóc đen cắt ngắn bước vào. Ông chủ cửa hàng làm quen hai người với nhau:

- Jean Pierre Durox... Bà Cesile Patre cũng như ông, bà Patre là một trong những nhà cung cấp của chúng tôi và từ lâu đã trở thành người bạn thân thiết.

- Có lẽ hai ông vẫn còn đang dở câu chuyện? - Người phụ nữ nói - Tôi sẽ quay lại sau vậy.

Cô ta không xinh lắm với cái mũi gọt cảm một cách quá mức. Song đôi mắt màu nâu sống động và làn da mịn màng làm cho cô ta hấp dẫn hơn.

- Không, không, tôi cũng chuẩn bị ra về rồi mà. - Jean Pierre chào tạm biệt ông chủ một lần nữa. Nhưng vừa bước được mấy bước anh bất ngờ dừng lại.

- Tôi xin lỗi... Suýt nữa thì tôi quên mất... Có thể sự xuất hiện của quý cô đây đã làm tôi bối rối... Tôi cần phải mua một món quà. Tôi muốn mua một chiếc thìa bạc có biểu tượng của thành phố Nime.

Người phụ nữ tóc đen cười phá lên.

- Cô cho rằng đó là một sở thích tầm thường? - Jean Pierre thận trọng hỏi.

- Ngược lại, đó là một sở thích rất tuyệt. Đó chính là sản phẩm mà tôi cung cấp.

- Cô sản xuất thìa bạc có biểu tượng của thành phố Nime à?

- Nime, Pontalie, Azhena, Strasburg, Camper,... tất cả các thành phố của nước Pháp, ngoài ra còn cả của Bỉ và Luxemburg nữa. Tôi đang đấu tranh để dành thị phần ở Italia, nhưng ở Redgio Emilis tôi đã gặp phải một đối thủ cạnh tranh đang làm tôi đau đầu, nhức óc đây.

- Ý cô nói là tất cả những chiếc thìa bạc người ta vẫn mua làm quà tặng khi đi du lịch, và trên mỗi cái thìa đều có biểu tượng của thành phố, đều được làm ở chỗ cô?

- Đúng thế. Tất cả những chiếc thìa lưu niệm ấy đều được sản xuất tại nhà máy của tôi tại Satilion su Banie.

- Như vậy có nghĩa là việc sưu tập những chiếc thìa ấy là có lý...

Có lẽ vì muốn làm giảm bớt sự thất vọng và cũng là muốn xin lỗi vì đã phá tan sự lãng mạn của Jean Piere, người phụ nữ tóc đen mở chiếc vali nhỏ bên trong đựng mẫu của những chiếc thìa và lấy ra một chiếc dưới cán thìa là biểu tượng của thành phố Nime - con cá sấu trắng men và cảnh cò đưa cho anh.

- Chiếc thìa này sẽ không phải là quà lưu niệm từ thành phố Nime mà là kỷ niệm về cuộc gặp gỡ của chúng ta. - Jean Pierre đáp rất lịch sự.

- Vậy là chiếc thìa này anh sẽ giữ lại cho mình? Vừa nãy tôi nhớ anh nói là anh muốn mua quà tặng ai đó mà.

- Đúng là tôi phải mua quà để tặng một người trong gia đình - Jean Pierre đáp vòng vo. Anh luôn là người né tránh nói đến cùng sự thật bởi anh cho rằng toàn bộ sự thật bao giờ cũng rất nguy hiểm.

- Tôi đoán chắc món quà này anh muốn mua tặng cho vợ của anh - Cecile Patre vừa nói vừa chỉ tay vào chiếc nhẫn cưới lấp lánh trên tay trái của Jean Pierre Durox.

Sau giờ ăn trưa họ cùng ra ga xe lửa, cùng đứng ở đường tàu chờ đi Pari. Vé của họ ở những toa khác nhau nhưng sau khi nói chuyện với người soát vé thì họ đã dàn xếp được chuyện này. Chẳng mấy chốc họ đã ngồi đối diện nhau trong cùng một cupê. Rồi người phục vụ mang đồ ăn tới đến cho họ. Bốn tiếng rưỡi đồng hồ trên đường trôi qua thật nhanh. Jean Pierre Durox biết được rằng Cecile Patre lấy chồng từ khi còn rất trẻ, rồi chẳng bao lâu sau chồng cô nhập ngũ và bị điều đi Angiêri và đã bị chết tại đó. Sau đó

không lâu bố mẹ cô cũng qua đời để lại cho cô chăm nom nhà máy - đó là sản nghiệp của gia đình cô. Chính vì vậy từ đó cô trở nên bận bịu, chẳng lúc nào có thời gian để nghĩ đến chuyện tình cảm.

Cuộc tâm tình thú vị này đã bị gián đoạn bởi tiếng còi báo tàu đã đến ga Lyon. Thật ra chuyến tàu đã đến quá sớm. Hai người đều cảm thấy lúng túng, bối rối. Một lúc sau Cecile lên tiếng trước:

- Nếu anh vẫn hứng thú với những chiếc thìa lưu niệm thì mời anh khi nào đó ghé thăm nhà máy của tôi.

Khi về đến nhà Jean Pierre tặng chiếc thìa với biểu tượng thành phố Nime cho vợ. Ngay lập tức Mariza xếp chiếc thìa ấy vào hộp đựng bộ sưu tập của cô. Sự cẩn trọng bẩm sinh đã khiến Jean Pierre chưa kể cho vợ nghe về cuộc gặp gỡ với Cecile và điều anh mới khám phá ra là tất cả số thìa lưu niệm về các thành phố của nước Pháp đều được sản xuất tại một nơi. Anh tự thuyết phục bản thân là tốt nhất không nên kể gì cả để khỏi làm hỏng niềm say mê sưu tập của vợ.

Jean Pierre cố chờ cho qua hai ngày sau đó tìm đến Satilion su Banie để viếng thăm cô chủ của nhà máy sản xuất thìa. Chuyến viếng thăm đó đã mở đầu cho quan hệ tình ái của hai người. Mỗi quan hệ này rõ ràng là đã mang đến hạnh phúc cho cả hai người nhưng cũng giống như tất cả những mối quan hệ bí mật khác dần dần họ cảm thấy chán nản, tủi giận, cảm thấy không thỏa mãn vì không được gặp nhau thường xuyên. Một trong những điều kiện kiên quyết của Cecile là thỉnh thoảng hai người nhất định phải ở chung với nhau qua đêm chứ không chỉ gặp nhau



lén lút vài tiếng giữa ban ngày. Jean Pierre đã hứa là sẽ làm như vậy nhưng anh cũng không biết là phải làm thế nào. Anh không muốn gây ra bất cứ tổn thương, đau khổ nào cho vợ. Mặc dù chính anh đã vô tình làm như vậy mà không hay biết. Anh dần lạnh nhạt với vợ, càng ngày càng ít dịu dàng và kiên nhẫn với Mariza.

- Hình như em đã làm anh chán ngấy rồi thì phải - có những lúc Mariza tội nghiệp than thở như vậy.

Đôi tình nhân thì đã đi đến giai đoạn khủng hoảng, cần phải tìm lối thoát cho hoàn cảnh này hoặc là phải cắt đứt quan hệ.

- Mọi chuyện dễ ợt, có gì đâu. Anh chỉ cần nói với vợ anh là từ giờ vẫn phòng thường xuyên cử anh đi công tác. - Cecile đề nghị.

Vậy là hai kẻ nhân tình kia đã nghĩ ra thêm mảnh khõe có một không hai để che đậy sự lừa dối tằm thường của họ.

Một thời gian sau họ không còn nhớ ai là người đã nghĩ ra sáng kiến trên: Jean Pierre hay Cecile. Hai người chúc mừng nhau như hai kẻ đồng lõa tin chắc rằng họ đã nghĩ ra một kế hoạch hoàn hảo. Jean Pierre lúc thì nói được cử đi công tác ở Grenoble, khi ở Brest, lúc là Carcason. Mỗi lần trở về từ những thành phố xa xôi anh lại mang về cho Mariza những chiếc thìa biểu tượng của thành phố nơi anh đến. Tần suất của những chuyến đi - những chuyến công tác ảo cứ tăng dần, và bộ sưu tập của Mariza chẳng mấy chốc đã nhiều lên trông thấy. Giờ đây mỗi lần Mariza lấy những chiếc thìa từ trong hộp ra ngắm nghía thì Jean Pierre đang ân ái với một người đàn bà khác ở biệt thự Satilion gần nhà máy sản xuất thìa lưu niệm. Thân hình

bốc lửa của người tình, đôi nhũ hoa với những núm vú đỏ tươi, đôi mắt màu nâu luôn cười rạng rỡ, nhưng đôi khi đã làm người khác rơi lệ.

- Anh chẳng quan tâm gì đến bộ sưu tập của em cả. Anh cứ mơ màng chuyện gì vậy? - Mariza trách móc chồng.

Một lần Jean Pierre nói với vợ là sắp cử anh đi công tác ở Dack. Anh đã có một buổi tối huyền diệu tại biệt thự ở Satilion. Người đàn bà tóc hung nữ giám đốc nhà máy sản xuất thìa rất thích nấu nướng cho anh ăn và sau bữa ăn họ diu nhau vào phòng ngủ nơi họ có những giây phút chồng vợ ngọt ngào thực sự. Buổi sáng trước khi chia tay, Cecile hỏi người tình:

- Anh đã đi công tác ở thành phố nào ấy nhỉ để em còn chọn thìa cho anh?

- Ở Dack.

- Tốt lắm, biểu tượng của Dack hình như là hai ngọn tháp và một con sư tử.

Hai người đi qua một cái sân đến nhà máy, lúc này hãy còn vắng người. Họ cùng nhau xuống nhà kho, nơi những chiếc thìa được xếp theo vị trí riêng, mỗi thành phố là một ô. Ô có ghi "Dack" trống không.

- Thìa dự trữ của em hết mất rồi. - Cecile Patre nói.

Mặt Jean Pierre bỗng tái mét.

- Làm thế nào bây giờ?

- Em cũng không biết. Nhưng em sẽ nghĩ ra một cách gì đó. Anh hãy lấy tạm bất cứ một chiếc nào khác. Anh xem này: Aix le Term, Aix và Dack cũng gần giống nhau mà.

Khi mở cửa cho Jean Piere, Mariza như mọi lần, không quên hỏi:

- Anh có mang thìa lưu niệm về cho em không?

Jean Pierre bắt đầu lúng túng rằng anh đã không tìm thấy (vẫn là chiến thuật nói một nửa sự thật. Quả là anh đã không tìm thấy cái thìa lưu niệm, nhưng không phải ở Dack mà là ở nhà máy Santilion).

- Không thể như thế được! Không thể nào có chuyện đó được! Không phải là anh muốn nói với em rằng anh không thể tìm thấy dù chỉ một cái thìa lưu niệm trong cả thành phố Duck đấy chứ? Không thể tìm thấy một chiếc thìa lưu niệm trong một thành phố du lịch ư?

Bí quá Jean Pierre lấp bắp:

- Có anh có tìm thấy một cái nhưng nó không được đẹp lắm nên, em hiểu không...

Nói rồi anh lấy từ trong túi ra chiếc thìa lưu niệm của thành phố Aix le Term.

- Không phải là anh đã đến thành phố Dack à? - Mariza ngạc nhiên hỏi.

- Thế anh còn đi đâu được nữa?

- Thế tại sao đây lại là thìa của thành phố Aix le Term?

- À, anh đã nói với em là Aix nhưng chắc em đã nghe nhầm là Dack đấy thôi.

- Nhưng không hiểu sao em vẫn cứ có cảm giác là anh đã đi đến Dack, đúng không? Anh còn nói là đến đó nhất anh sẽ ném thử món patê gan nữa mà?

- Patê gan á? Anh không thể chịu nổi món đó.

Tiếp sau đó là cuộc cãi cọ về những món ăn truyền thống của vùng Duck. Tóm lại là tai họa suýt nữa đã xảy ra. Cecile mắng nhiếc người phụ trách sản xuất một trận thậm tệ và để an toàn tuyệt đối cho những cuộc hẹn hò từ lúc đó Cecile nhận phụ trách phần giám sát cung cấp sản phẩm. Mỗi quan hệ tình ái của họ lại tiến triển đều đều mà không hề gặp bất cứ trở ngại nào.

Một lần khi Jean Pierre trở về sau một chuyến “công tác” ở Toulouz (con cừu non, tòa lâu đài, nhà thờ, hoa huệ tây - đó là tất cả những gì được nạm trên cán thìa lưu niệm của thành phố này); Mariza đã phấn khởi tuyên bố với chồng:

- Em có một bất ngờ cho anh.

Jean Pierre tỏ ra cảnh giác ngay. Tuy nhiên suy nghĩ của vợ anh lại hoàn toàn trong sáng:

- Chiếc thìa mà anh mang về cho em từ Toulouz là chiếc thứ năm mươi trong bộ sưu tập của em rồi đây!

Sau khi cùng uống hết chai sâm panh Mariza gạt nước mắt, nói:

- Thật là ngớ ngẩn nhưng không hiểu sao em lại cảm động quá. Tất cả những chiếc thìa này... chúng đã nói lên rằng anh luôn nghĩ về em.

Hai tuần sau đó Jean Pierre nói với vợ rằng sắp lại cử anh đi Belford. Khi anh hôn từ biệt vợ, bất giác Mariza nói, giọng hết sức nghiêm túc:

- Jean Pierre, anh nghe này. Em không phải là một con ngốc. Cuối cùng thì em cũng biết được rằng ở ngoài người ta nói là em đã làm anh phát bực mình lên vì những chiếc



thìa. Cho nên em quyết định chấm dứt bộ sưu tập này. Thế là quá đủ rồi! Hơn nữa năm mươi là một con số đẹp tuyệt vời. Em có một ý tưởng khác, anh yêu ạ. Từ nay trở đi, nếu anh muốn làm cho em vui, hãy mang về cho em những chiếc đĩa lưu niệm, anh nhé!

Hà Việt Anh dịch

BUỔI HẸN HÒ

J. Galsworthy (Anh)

Một lần khi đi dạo trong vườn Cansington tôi ghé vào một quán cà phê nhỏ nơi mà giới thượng lưu không bao giờ đặt chân tới. Tôi chọn bàn trong góc được che bởi một tấm màn cho đỡ nắng.

Cơn gió làm lay động những chiếc lá non trên những cành cây còn khẳng khiu.

Một vài chiếc bàn đã có người ngồi. Có một cậu bé gầy gò, mặt trắng bệch đội chiếc mũ rộng màu trắng, rõ ràng là không phải mũ của cậu. Bên cạnh cậu bé là một cô trông trẻ tràn đầy sinh lực và một người phụ nữ mặc bộ váy màu xám. Đôi mắt buồn rầu của bà nói lên rằng phải khó khăn lắm bà mới bình phục sau một căn bệnh nặng. Ở một chiếc bàn khác có hai người phụ nữ đang nhâm nhi bánh ngọt. Có lẽ họ là người Mỹ. Họ có khuôn mặt rám nắng với những đường nét thông minh, ưa nhìn. Ở góc xa kia có một cụ già vạm vỡ, tóc bạc đang hút thuốc lá. Xa xa vọng lại từ phía hồ vắng vắng tiếng chim công hót như hòa nhịp với tâm hồn mùa xuân.

Từ phía bên trái con đường lát sỏi một người đàn ông trẻ tuổi xuất hiện. Anh ta mặc một bộ cánh thời trang, đội chiếc mũ phớt và mang đôi giày bóng loáng. Anh ta có khuôn mặt hồng hào, với hàng ria mép xoắn, đậm màu và ánh nhìn sáng quắc. Anh sải bước đi như vận động viên thể thao. Đùi và bắp chân anh ta săn chắc toàn cơ. Anh ta đưa mắt nhìn bốn xung quanh với một vẻ

vô tư thái quá. Nhưng đằng sau thái độ nhớn nhoe của anh ta tôi nhìn thấy sự chờ đợi, sự thấp thỏm, sự khiêu khích. Anh ta đi ngược lại, có vẻ như đang tìm kiếm một ai đó rồi anh ta mất hút.

Một lúc sau anh ta quay trở lại, nhưng bây giờ đi cùng anh ta còn có một người phụ nữ. Ôi, nàng mới đẹp làm sao! Dưới tấm voan mỏng thấp thoáng một khuôn mặt e ấp dịu dàng như một bông hoa. Người phụ nữ đảo mắt một lượt khắp phòng, cố gắng giữ vẻ tự nhiên như một người rất tự tin vào bản thân và những việc mình làm. Nhưng đằng sau vẻ tự tin ấy lại ẩn chứa nhiều thứ cảm xúc đan xen: cảm giác lúng túng được che đậy, niềm hân hoan tội lỗi và nỗi lo sợ bị bắt gặp. Còn người đàn ông thì sao? Anh ta dường như đã thay đổi hoàn toàn! Trong ánh mắt của anh ta giờ đây không còn thấy sự pháp phởm, lo lắng mà ánh lên niềm ngưỡng mộ rụt rè, niềm si mê tôn kính. Vẻ vô tư lự, nhớn nhoe trên khuôn mặt anh ta cũng biến mất từ lúc nào.

Sau khi chọn một cái bàn cách không xa chỗ tôi ngồi, người đàn ông kéo ghế mời người phụ nữ ngồi. Tôi không nghe thấy họ nói gì nhưng tôi có thể quan sát họ. Không còn nghi ngờ gì nữa, theo nhận định chủ quan của tôi thì đây là buổi hẹn hò vụng trộm đầu tiên của họ. Lần hẹn hò đầu tiên mà họ không muốn bị người khác trông thấy chàng và nàng đi cùng với nhau. Hoặc chính xác hơn là cuộc hẹn đầu tiên khi mà họ cảm giác rằng không nên để bất cứ ai bắt gặp. Hai chuyện ấy hoàn toàn không giống nhau. Trong thâm tâm họ biết rằng hai người đã vượt quá cái giới hạn cho phép. Cái thời điểm có thể đã kéo

dài nhiều tháng - màn dạo đầu mà trong câu chuyện của mỗi tình yêu chỉ xảy ra một lần duy nhất.

Những ánh mắt của họ đã nói với tôi tất cả những điều ấy. ánh mắt của người phụ nữ luôn nhìn tất cả mọi người, theo dõi xem những gì đang xảy ra xung quanh rồi bất ngờ lại đắm đuối nhìn vào ánh mắt của người đàn ông. Còn người đàn ông thì cố gắng che giấu sự bồi hồi và sự ngưỡng mộ. Chắc hẳn các chuyên gia tâm lý sẽ rất thú vị khi được quan sát sự khác nhau giữa phản ứng của đàn ông và đàn bà trong cùng một hoàn cảnh như thế này. Trong sự hân hoan của cuộc hẹn hò vụng trộm người phụ nữ vẫn không ngừng quan sát những người xung quanh, cố gắng lấy lòng mọi người một cách vô thức cứ như thể đang nhận lỗi của mình trước tất cả mọi người; còn người đàn ông thì chỉ bận tâm đến chuyện phải cư xử sao cho không trở nên lố bịch, buồn cười trước mặt người tình, không tự hạ thấp mình. Đối với anh ta mọi ý kiến hay nhận xét của người khác chẳng có chút ý nghĩa nào vào thời điểm này, khoảnh khắc này - khi anh đang nhìn vào mắt người phụ nữ anh yêu.

“Mặc kệ” - người đàn ông nghĩ thầm. Còn người phụ nữ vẫn tiếp tục liếc nhìn những người xung quanh như con mèo nhìn một con chó thích đánh nhau. Và khi ánh mắt của hai người gặp nhau và trong giây lát, như bị cột chặt vào nhau thì tất cả những ai nhìn thấy cảnh tượng ấy đều thấy trái tim mình như nghẹn lại giống như khi nghe thấy tiếng kêu của chim công và mùi hương đầu tiên của hoa cỏ mùa xuân.

Tôi ngẫm nghĩ. Họ yêu nhau và họ hạnh phúc. Một người đàn ông và một người đàn bà, trẻ trung, mạnh mẽ, tự nhiên. Trong dòng máu của họ có nhịp đập mùa xuân. Họ giống như những chú cá hồi chập chững bơi ngược dòng và nhất định phải trở về với biển vào đúng thời hạn. ở đây mọi rào cản và định kiến đạo đức gần như không có tác dụng gì, có chăng chỉ giống như những bông tuyết nhẹ chưa kịp chạm xuống đất đã tan ra mất rồi.

Tôi thử hình dung xem điều gì chờ đợi họ. Người đàn ông với những giờ phút đợi chờ, khi trái tim như ngừng đập vì trần trở không biết nàng có đến hay không hoặc vì sao nàng hẹn mà không tới. Người phụ nữ với những giây phút hoài nghi: “Chẳng nhẽ anh ấy lại yêu mình thật sao?”; “Không, điều ấy là không thể, anh ấy đâu có yêu mình!” Những cuộc gặp gỡ chóng vánh khi niềm vui gặp mặt lại chuyển thành nỗi lo lắng về sự chia ly, rồi những cuộc chia tay thật sự khi mà bốn mắt khó rời nhau và một nỗi trống trải khủng khiếp đọng lại trong tim; và lại bắt đầu sự mong đợi mới. Còn những điều gì sẽ chờ đón họ nữa đây? Đối với người phụ nữ sẽ là nỗi sợ thâm kín và niềm hân hoan khi người đưa thư đến. (Để đảm bảo an toàn họ giao ước với nhau thời gian nhận và gửi thư); rồi những mẹo khác nhau để có thể ra khỏi nhà, để giữ kín bí mật hay để được ở một mình. Người đàn ông sẽ đi qua những ô cửa sổ nhà nàng khi trời sẩm tối, nhìn vào những ánh đèn để đoán xem chuyện gì đang diễn ra bên trong những ô cửa ấy. Rồi những dòng mồ hôi lạnh toát, những cơn ghen tuông và thất vọng điên

dại, những giờ đi dạo bộ để lấy lại bình tĩnh, những đêm thao thức mất ngủ vì khao khát...

Và sau đó sẽ là những giây phút vụng trộm gặp nhau bên bờ sông hay dưới những tán lá trong rừng. Và sắc mặt của người phụ nữ trên đường về, rồi đề nghị tự vẫn của người đàn ông để giải thoát cho người tình, rồi những giọt nước mắt làm lành và hò hẹn cho lần gặp gỡ sau đó. Và những cuộc hẹn hò cứ tiếp nối nhau như thế. Những niềm hân hoan, những đam mê nồng cháy, rồi những dằn vặt, giận dữ, những sự trốn tránh ghẻ lạnh, những lời xỉ vả, mắng nhiếc rồi kết cục là một trong hai người không đến điểm hẹn. Sau đó lại là những bức thư, những lời giải thích, những cử chỉ âu yếm, những nụ hôn làm lành...

Tất cả những thước phim ấy đã diễn ra trong trí tưởng tượng của tôi. Nhưng tôi đã nhận thấy bàn tay của hai người lén lút lồng vào nhau dưới gầm bàn và những hình ảnh tiên tri về một tương lai đen tối đều tan biến. Sự thông thái, kinh nghiệm và tất cả những thứ khác liệu có nghĩa gì so với sự vượt ve mơn trớn dịu dàng này?

Tôi đứng dậy để họ ngồi lại với nhau, rồi quán cà phê đi dọc theo hàng dẻ. Tiếng kêu của chim công cứ vang vọng bên tai tôi...

Hà Việt Anh dịch



TIỀN GIẢ

Trần Xương Bình (Trung Quốc)

Tân Vũ phát hiện tờ 100 tệ trong tay mình là một tờ tiền giả.

Mặt giấy màu hồng, mặt trước là hình ảnh cụ Mao hiền từ, mặt sau là cổng chính đại lễ đường nhân dân trang nghiêm. Giấy đã ngả sang màu vàng, hơi nhăn, cổ áo cụ Mao còn có một vết bẩn, thậm chí ở góc phải còn có vết xé nhỏ... nhìn bằng mắt thường, tờ tiền giả này không khác gì tiền thật – cũng có dây an toàn, cũng có bóng chìm hình cụ Mao, nhưng sờ bằng tay lại thấy có gì hơi bất thường.

Tân Vũ vội lấy ra mấy tờ tiền mới để đối chiếu với tờ 100 tệ khả nghi này. Đối chiếu thì thấy chân tướng của tờ tiền giả này đã lộ ra – bề mặt mềm, nhẵn, chữ in không có cảm giác nhám, mực biến màu ở góc trái có phần hơi mờ... về cơ bản đã có thể nhận định, đây là một tờ tiền giả!

Nó đã vào túi mình từ đường nào nhỉ? 100 tệ là tờ có mệnh giá cao nhất, rõ ràng không thể là tiền trả lại. Con đường duy nhất của nó là đến từ cơ quan. Tân Vũ là một viên chức làm công ăn lương bình thường, thời gian tham gia công tác chưa lâu, bản thân anh lại không có nguồn thu nhập nào khác, vì thế nguồn thu chỉ có một. Có nghĩa là, tờ tiền giả này rất có khả năng bắt nguồn từ tiền lương hoặc tiền thưởng.

Tân Vũ là người cẩn thận, trong túi có bao nhiêu tiền, bình thường anh đều nắm rất rõ. Trong túi anh thường có khoảng một nghìn tệ. Một nghìn tệ này là tiền chi tiêu

trong tháng của anh – ăn uống, tiền thuốc lá và tiền điện thoại di động. Chưa có bạn gái, cũng chẳng có nhiều sở thích khác, quan hệ, giao lưu bạn bè cũng không nhiều, tiền trong túi Tân Vũ thường tiêu rất chậm. Vì thế Tân Vũ cũng không dám chắc tờ tiền giả này là lương tháng này hay lương tháng trước, hoặc giả là tiền thưởng của tháng trước nữa.

Tân Vũ liền nghĩ ngay đến Tiểu Ngô.

Tiểu Ngô là thủ quỹ của cơ quan. Trong ấn tượng của Tân Vũ, công việc chính của Tiểu Ngô là phát lương. Mỗi lần đến ngày có lương, Tiểu Ngô liền ôm một bọc lớn, đuôi tóc sau gáy lúc la lúc lác, đến từng phòng phát lương. Công việc của Tiểu Ngô là công việc được mọi người thích, vì thế mỗi lần cô đến phòng, bao giờ cũng có người trêu cô vài câu – Tiểu Ngô, lại đem tiền đến hả? Tiểu Ngô, sao vẫn chưa kiếm người yêu đi? Tiểu Ngô thấy Tân Vũ phòng bọn anh thế nào?

Mỗi lần như vậy, Tiểu Ngô thường cười và nói, không được, Tân Vũ không phải là sếp, em phải tìm một anh có tiền cơ.

Thấy Tiểu Ngô nói như vậy, Tân Vũ cũng không giận. Anh mới đi làm chưa lâu, trưởng phòng của Tiểu Ngô liền tìm đến trưởng phòng của Tân Vũ, định làm mai cho hai người. Trưởng phòng vừa nhắc đến chuyện này, Tân Vũ liền từ chối khéo. Tại sao lại từ chối, Tân Vũ không biết. Tân Vũ đã tốt nghiệp được hơn một năm, anh còn đang do dự giữa hai lựa chọn thi nghiên cứu sinh hay đi nước ngoài. Đối với anh, tìm bạn gái là công việc được xếp sau hai việc đi nước ngoài hoặc thi nghiên cứu sinh.



Tân Vũ tìm gặp Tiểu Ngô, để cô giám định tờ tiền giả này. Tiểu Ngô cầm trên tay, vờ nhẹ bằng ngón cái và ngón trỏ rồi nói: “Tiền giả”.

Tiểu Ngô trả lời rất dứt khoát, không chút nghi ngờ, do dự. Điều này không những khiến Tân Vũ phải từ bỏ ảo tưởng, mà gần như nói thẳng rằng, tiền giả không thể qua được tay Tiểu Ngô. Tiểu Ngô từng làm việc ở trung tâm thu lệ phí, từng được nhận giải thưởng dành cho nhân viên thu ngân, trong mười vạn tệ phát hiện ra một tờ tiền giả.

“Em thử xem kỹ lại một lần nữa xem” – Tân Vũ nói.

Tiểu Ngô đưa tờ tiền giả ra ngoài sáng xem lại một lần nữa rồi soi tờ tiền giả dưới máy kiểm tra tiền giả và khẳng định bằng giọng quả quyết: “Đúng là tiền giả, loại tiền giả kiểu mới”.

“Ồ... ở đây còn có một hàng chữ nữa”. Đột nhiên Tiểu Ngô phát hiện ra điều gì đó trên tờ tiền giả, “người là một...”.

Tân Vũ cầm lên xem, mặt sau tờ tiền giả, quả nhiên giữa cây trụ nhà Đại lễ đường nhân dân có một hàng chữ nhỏ, nhỏ như hạt gạo. Tân Vũ tình mắt, chỉ chốc lát đã luận ngay ra được hàng chữ nhỏ này – “người là một thằng ngốc!”

Mấy chữ này được viết bằng nét bút chì rất nhỏ, không phải là chữ trẻ con viết nghiêng ngả, mà là nét chữ người lớn khá ngay ngắn. Nó không viết trên mặt giấy trắng mà viết trên nền tối giữa cây trụ, mang một vẻ cố ý trên người.

Tân Vũ kiểm tra lại ví tiền. Anh phát hiện ra còn có ba tờ khác có viết chữ, tất cả đều là các chữ số A rập – có lẽ là

số tiền lương hay tiền thưởng gì đó. Điều thú vị nhất là anh nhìn thấy trên một tờ tiền còn có hàng chữ “Tiểu Lệ, anh yêu em”, viết bằng nét bút bi xanh, đã hơi mờ.

Mặc dù Tân Vũ không giàu có, nhưng 100 tệ đối với anh cũng không là gì. Chỉ có điều hàng chữ viết đó trên tờ tiền – “người là một thằng ngốc” đã khiến Tân Vũ rất áy náy. Nếu trên tờ tiền này viết “em yêu anh” thì có lẽ chuyện này đã kết thúc ở đây. Tình hình hiện tại là, đây là một tờ tiền giả đã lưu hành đã lâu, không biết đã qua tay bao người sử dụng. Có thể, có người không biết đây là tờ tiền giả, nhưng chắc chắn phải có người biết đây là một tờ tiền giả... Tại sao lại bắt nó dừng lưu hành trong tay mình? Tân Vũ quyết định phải tiêu tờ tiền này.

Ai biết kẻ ngốc tiếp theo sẽ là ai? Tân Vũ áy náy nghĩ. Bước ra khỏi nhà, bất giác Tân Vũ đi đến sạp báo ven đường.

Anh đưa tờ tiền giả cho bà bán báo, “cho tờ thể thao”. Báo thể thao một tuần ra ba số là tờ báo hàng tuần Tân Vũ phải đọc.

Không có dáng vẻ đậm đà như những người phụ nữ trung niên bình thường khác, bà thím bán báo vừa nhỏ vừa gầy, gương mặt sạm đen vì nắng, xương gò má nhô cao. Tân Vũ không biết bà tên là gì. Hình như bà quê ở Hà Nam hay Hà Bắc thì phải, chồng làm thợ xây ở công trường, bà liền bày một sạp báo bên vệ đường, bán các tạp chí bìa toàn chụp hình mỹ nữ và một vài tờ báo khác. Bà thím thắt một chiếc tạp dề, trên chiếc tạp dề có một cái túi nhỏ, trong túi đựng tiền xu và loại tiền có mệnh giá

nhỏ. Bà phân loại chúng và buộc thành từng tập năm hào, hai hào, một hào bằng dây nịt.

Thấy Tân Vũ đưa ra tờ tiền to này, bà thím nói với vẻ ái ngại: “Tiền to quá, tôi không trả lại được”.

Đưa ra tờ 100 tệ để mua tờ báo 5 hào, xem chừng có vẻ hơi gây khó dễ... Hơn nữa, có lần Tân Vũ về nhà một tuần, lúc về, bà thím còn giữ lại cho anh ba tờ Thẻ thao.

Lúc này, bà thím nhét tờ Thẻ thao vào tay Tân Vũ nói: “Anh cứ cầm về đọc, tiền lúc khác trả cũng được”

“Không, không”. Tân Vũ vội vàng từ chối, đồng thời anh làm ra vẻ móc túi nọ túi kia, lấy ra được ít tiền lẻ mua tờ báo này.

Lúc cầm tiền, bà thím liên mồm cảm ơn, giống như được nhận tiền quyên góp của Tân Vũ.

Cầm tờ báo trong tay, Tân Vũ mở ra đọc lướt, phát hiện thấy giải bóng đá tuần trước lại xảy ra hiện tượng bán độ. Giải sắp kết thúc, bán độ liên tục xuất hiện. Một điều lạ là người hâm mộ nào cũng biết chuyện này, chỉ riêng cơ quan quản lý lại nói không có chứng cứ. Cái gì là chứng cứ? Không tìm thấy dao, người chết cũng mặc kệ hay sao? Tân Vũ sờ túi, thấy thuốc lá đã hết.

Anh tiếp tục tiến về phía trước, đi đến quầy hàng bán đồ tạp hóa đầu đường. Nhà Tân Vũ ở gần quảng trường 1.5, xung quanh có rất nhiều quầy hàng. Quầy tạp hóa là một gian phòng nhỏ tường bằng sắt, bên ngoài dán các áp phích quảng cáo của Cocacola và dầu gội đầu. Tân Vũ đứng ngoài cửa sổ, chưa kịp đợi anh nói gì, ông cụ bên trong đã cất tiếng hỏi lớn: “Ăn rồi à?”

Đây là câu chào đã lỗi thời từ lâu. Không đợi anh trả lời, ông cụ lại hỏi tiếp: “Trung Nam Hải?”

Ông cụ là chủ của hàng, nói lớn, người cũng cao to, ông đứng trong quầy, khiến quầy hàng càng trở nên chật chội.

Tân Vũ gật đầu. Đường như ngày nào anh cũng đều đi qua đây, thường mua thuốc ở đây, gần đây anh toàn hút “Trung Nam Hải”, loại có đầu lọc tốt.

Ông cụ khom người, lúi trong tủ ra một tút thuốc, nhướn mắt nhìn lên trên cặp kính lão, hỏi lớn: “Cậu mua mấy bao?”

Mấy bao? Tân Vũ nghĩ một lát, sáu tẹ một bao, sáu mươi tẹ một tút, thôi lấy một tút vậy. Tân Vũ định nói như vậy, bàn tay phải vẫn vờ sờ tiền giả trong túi nhưng không tài nào móc ra được.

Hồi đầu ông cụ sống ở gần đây, vì chuyện giải phóng mặt bằng đã phải đấu tranh với nhà đầu tư khá lâu, hình như cái chết của vợ ông cũng có liên quan đến chuyện này. Tranh cãi một hồi, hình như được đền bù thêm mấy nghìn tẹ, nhưng tiền đền bù vẫn không đủ để mua nhà, thế là ông cụ liền bày quầy hàng này ở đầu đường, chủ yếu bán thuốc lá, rượu, đồ ăn vặt. Quầy hàng của ông gần như mở cửa hai tư tiếng đồng hồ, vì buổi tối ông ngủ ngay trong quầy, bất luận muộn đến đâu, chỉ cần bạn gõ cửa sổ, đèn trong quầy chưa sáng đã có người lớn tiếng hỏi bạn mua gì... Lúc này đây, Tân Vũ không biết tại sao mình lại nghĩ nhiều đến vậy.

Anh biết mình đã phạm sai lầm, và đó là sai lầm mang tính phương hướng. Anh phạm sai lầm về thời gian và địa điểm, trước hết, không nên tiêu tiền này ngay quanh



khu vực nơi mình ở – thỏ còn không ăn cỏ quanh chuồng; thứ hai, thời gian cũng không nên chọn vào ban ngày... Nếu tiêu tờ tiền này ở chỗ bà thím bán báo và ông cụ bán hàng tạp hóa, trong số tiền kinh doanh ít ỏi của mình, họ sẽ rất dễ nhớ lại tờ 100 đó là của ai. Nay cậu, đây là tờ 100 tệ của cậu, đây là tờ tiền giả, cậu đổi cho tôi tờ khác... Nếu bị bà thím bán báo hoặc ông cụ bán thuốc lá nói như vậy thì mất mặt quá.

Nếu đã quyết định tiêu thì phải xóa hết mọi dấu vết. Nếu nói như vậy thì mình đã suy nghĩ chuyện này hơi đơn giản. Lúc này đây, Tân Vũ mới cảm thấy việc tiêu tờ tiền này không thể diễn ra trong một chốc một lát.

Tờ tiền giả đó bẩn quá, nhìn trông có vẻ giống thật nhưng lại dễ khiến người ta phải chú ý. Và thế là, Tân Vũ lấy tẩy tẩy qua một lượt cả hai mặt, tối đến trước khi đi ngủ, anh lại kẹp nó trong quyển từ điển Tân Hoa dày, trên quyển từ điển còn đặt một quả tạ. Hôm sau, quả nhiên tờ tiền sạch sẽ, phẳng phiu hơn nhiều, chỉ có hàng chữ chỗ cây trụ vẫn không thể xóa được. Ăn xong cơm tối, trời đã nhá nhem, Tân Vũ liền ra khỏi nhà.

Đứng ở đầu đường nhộn nhịp tấp nập, Tân Vũ đã phác thảo ra kế hoạch mới. Anh đi đến quảng trường 1.5, lại đi tiếp đến đầu kia của quảng trường, đứng bên vệ đường, giờ tay vẫy một chiếc taxi.

Anh cố tình ngồi ở ghế sau. Vị lái xe khá béo, phía sau gáy có một ngấn thịt khá dày. Xe chạy, lái xe liên bật đồng hồ tính tiền, hỏi một câu: “Đi đâu?”

“Đường Tây An”. Tân Vũ khẽ nói.

Anh thấy hơi ngọt ngạt, có lẽ là do hơi hồi hộp. Tân Vũ mở cửa sổ ra một nửa, ngắm nhìn cảnh tối bên ngoài.

“Thằng cha này cũng ăn hiếp người ta quá”. Vị lái xe ngồi trước mồm lẩm bẩm.

Tân Vũ không nghe rõ anh ta nói gì, anh tưởng anh ta đang gọi điện thoại. Lúc này, vị lái xe lại lẩm bẩm thêm câu nữa, anh ta còn ngoài đầu nói với Tân Vũ: “Ăn hiếp người ta quá, nó tưởng nó có tiền thì không có người tính số nó sao?”

“Ờ”. Tân Vũ ậm ờ một câu, anh không muốn chuyện trò với lái xe. Tay anh vẫn để trong túi quần, nắm chặt tờ tiền giả đó.

Thực ra vị lái xe không cần anh nói chuyện cùng, anh ta lẩm bẩm: “Trước kia tôi còn rất thích thằng Mỹ, có lúc nó cũng rất ra dáng đàn anh, nhưng đàn anh cũng không được làm càn, cậu xem, hiện giờ bọn nó đang cấu kết với nhau, rõ ràng là để đối phó với chúng ta!”

“Thằng Mỹ là ai nhỉ?” Tân Vũ không hiểu vị lái xe đang lẩm bẩm chuyện gì.

“Thằng Mỹ chính là nước Mỹ, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ ấy”. Vị lái xe nói lớn.

“Nước Mỹ... ăn hiếp người ta thế nào?”

“Không phải đó sao, Mỹ với Nhật ký với nhau hiệp định Mỹ Nhật gì đó, còn đưa cả Đài Loan của ta vào”. Vị lái xe chỉ vào chiếc radio, tỏ vẻ bất bình.

Chương trình thời sự của đài phát thanh đang nói về tình hình ở Đài Loan. Vị lái xe vừa nói vừa dấm tay vào tay lái. Tân Vũ vừa muốn hòa theo anh ta vài câu, vừa



muốn phản bác anh ta, nhưng tờ tiền giả trong tay đã nhắc nhở anh – nói ít thì hơn.

Phía dưới gương chiếu hậu có treo một chiếc chuông đồng nhỏ, dưới chuông có treo một tấm thẻ bằng gỗ. Trong xe hơi tối, nhờ ánh sáng bên ngoài, Tân Vũ đã nhận ra trên đó có viết bốn chữ Quốc thái dân an. Chiếc chuông phát ra những tiếng kêu vui tai như đang đệm nhạc cho lái xe.

Phát thanh viên và vị lái xe đang cùng nhau phân tích tình hình Đài Loan, nhưng Tân Vũ không nghe vào được gì. Lúc này, anh cảm thấy bàn tay cầm tờ tiền giả buông ra, một điều lạ là lòng anh cũng thấy thanh thản hẳn lên.

“Dừng xe”. Tân Vũ bất ngờ nói, anh nhòm người nhìn đồng hồ tính tiền, lấy tiền ra khỏi ví.

“Chưa đến đường Tây An mà”. Vị lái xe ngoài đầu lại nhắc anh.

“Tôi xuống ở đây”. Anh quyết định xuống xe - càng xuống xe muộn, tổn thất càng lớn.

Vị lái xe đang nói cao hứng, bị Tân Vũ ngắt lời bất ngờ, đành chầm chậm trả lại tiền, khiến Tân Vũ cũng thấy hơi áy náy.

Bình thường Tân Vũ rất ít ngồi taxi. Như hôm nay, hoàn toàn là do có nhiệm vụ. Nhiệm vụ chưa hoàn thành, taxi lại đưa đến nơi cách nhà khá xa. Sau khi xuống xe, Tân Vũ cảm thấy mình hơi kém cỏi. Không phải vì tự nhiên lại có một tờ tiền giả, mà là đứng trước tờ tiền giả, thái độ rụt rè đã khiến anh cảm thấy mình không ra dáng nam nhi.

Tân Vũ thấy hối hận vì lúc đầu mình kĩ tính quá, nếu không biết đây là tờ tiền giả thì đã có thể tiêu một cách thoải mái, giống như việc tự nhiên anh có tờ tiền giả này vậy. Vấn đề hiện nay là, Tân Vũ biết đây là tờ tiền giả, và tờ tiền giả này từ một tờ giấy mỏng đã biến thành bức tường dày. Giờ đây, anh vừa muốn vượt qua khỏi bức tường này, đồng thời lại muốn biết hướng đi của nó.

Buổi trưa mua phiếu ăn ở nhà ăn, anh nhớ đến tờ tiền giả đó;

Tiểu Trần tổ chức đám cưới, mọi người trong phòng góp tiền mừng, anh lại nhớ đến tờ tiền giả đó.

Hết giờ làm, mấy người trong cơ quan chơi tú lơ khơ cá độ, anh lại nhớ đến tờ tiền giả đó.

Tờ tiền giả đó đã làm đảo lộn cuộc sống của Tân Vũ, thậm chí có phần căng thẳng. Hàng ngày, mỗi lần phải tiêu đến tiền, dường như anh đều nhớ đến nó như một phản xạ có điều kiện. Anh không thể chịu được cảnh tờ tiền giả này theo mãi bên mình. Nếu lúc đầu anh còn muốn bù lại tổn thất do tờ tiền giả này gây nên, thì bây giờ Tân Vũ chỉ mong nó biến mất khỏi cuộc sống của anh. Anh phải tạo cơ hội, tìm cho tờ tiền giả đáng ghét này một chỗ ở mới.

Tân Vũ đi lang thang trên đường Thanh Ni. Đường Thanh Ni là trung tâm thương mại của thành phố này, một con đường đi bộ rộng rãi, kéo dài. Cứ đến cuối tuần hoặc lễ tết, con đường đi bộ này càng náo nhiệt hơn, các băng rôn quảng cáo giảm giá của các cửa hàng đua nhau chằng ra, kịch, nhạc rock, người mẫu biểu diễn, hát karaoke, vừa tạo bầu không khí vừa thu hút mọi người.



Tân Vũ chú ý thấy giữa “Viện ảnh áo cưới Roma và “Susi Hanshin”, có mấy người ngồi lặng lẽ sau hai chiếc bàn, hoàn toàn đối nghịch với khung cảnh xung quanh. Phía trước bàn có đặt một chiếc hòm. Một chiếc loa không to đặt trên bàn phát ra tiếng gì đó, nhưng âm thanh đó đã chìm trong những tiếng ồn ào náo nhiệt xung quanh.

Đây là một chiếc hòm thủy tinh trong suốt, phía trước có hình trái tim đỏ và bốn chữ màu đỏ “quyên góp tình thương”, dưới đáy hòm có một lớp tiền giấy và tiền xu, ít ỏi mà lạnh lẽo. Tân Vũ quyết định quyên góp tờ tiền giả này. ý nghĩ này vừa xuất hiện, anh liền cảm thấy vô cùng thoải mái và hưng phấn vì sắp được giải thoát. Anh bước nhanh tới chiếc hòm, thò tay và nhét tờ tiền giả vào hòm.

Trong khoảnh khắc đó, anh cảm thấy có một vệt sáng lóe lên trước mắt mình.

Tân Vũ ngẩng đầu, chỉ thấy bên cạnh có một người chụp ảnh, tay cầm một chiếc máy ảnh rất đen, rất dài đang ngấm về phía anh. Trước ngực anh ta có đeo tấm thẻ phông văn gì đó – chắc là phóng viên.

Tờ tiền giả nằm trên lớp tiền giấy dưới đáy hòm, dù là màu sắc hay diện tích đều rất bắt mắt. Tân Vũ đã nhìn thấy, tờ tiền giả đó là tờ có mệnh giá lớn nhất trong hòm.

“Anh đang... chụp ảnh cho tôi à?” Tân Vũ hỏi vị phóng viên. Anh nhìn thấy trên thẻ phông văn có ghi mấy chữ “Báo Bật Hải buổi sáng”.

“Đúng vậy”.

“Vừa nãy, tôi... tôi nháy mắt rồi”.

“Thế thì lại một lần nữa nhé”. Vị phóng viên nói với vẻ độ lượng.

Nhân viên bên cạnh nhanh chóng mở hòm, lấy ra tờ tiền giả và đưa cho Tân Vũ.

Tân Vũ cầm tờ tiền giả và đứng trước hòm quyên góp. Cùng lúc đó, vị phóng viên lại đưa máy ảnh lên. Lúc này, Tân Vũ giơ tay, ra hiệu cho vị phóng viên đợi một lát, sau đó đút tờ tiền giả vào túi, lấy ra một tờ tiền 100 tệ mới khác trong ví ra.

“Tờ này mới hơn”. Tân Vũ nói, hay tay vuốt góc, giống như các vị lãnh đạo trên truyền hình đi bỏ phiếu, nhằm thẳng vào miệng hòm.

“Ngẩng đầu, nào, cười đi”. Vị phóng viên nhắc.

Tân Vũ ngẩng đầu theo lời hướng dẫn, nhìn vào ống kính và cười.

Chiếc máy ảnh lóe sáng và kêu tách, Tân Vũ thấy hơi chói mắt, anh thả tay, tờ tiền rơi vào hòm. Tân Vũ cúi đầu nhìn xuống, nó nằm thẳng đứng trên đồng tiền lẻ, giống như cánh bướm màu hồng phấn đang giương cao.

Không phải đã mất hai trăm tệ rồi đó sao? Anh nhớ đến câu chửi trên cây trụ.

Trên trang cuộc sống xã hội của báo Bột Hải buổi sáng có một tấm ảnh to hơn hột hồ đào không đáng kể, mờ mờ không rõ. Trên ảnh có một người dáng thấp đang cười, tay đang bỏ tờ 100 tệ vào hòm quyên góp... chỉ có Tân Vũ biết người này là ai, và cũng chỉ có anh biết tại sao người này quyên góp. Mấy hôm sau, Tân Vũ ăn cơm ở nhà ăn, Tiểu Ngô ngồi xuống bên cạnh anh.



“Tờ tiền giả đó đâu rồi?” Tiểu Ngô hỏi khẽ.

Tân Vũ không thể nói đã tiêu rồi – như thế có phần hơi thất đức, cũng không thể nói chưa tiêu – như thế cảm thấy hơi kém cỏi. Đối với Tân Vũ, kém cỏi còn đáng sợ hơn thất đức. Và thế là anh liền làm ra vẻ đấng trí, nói: “Tiền giả nào cơ? Anh quên từ lâu rồi”.

Ví tiền của Tân Vũ hình vuông, chất liệu da bò đen rất chắc chắn, mở ra có hai ngăn. Anh nhét tờ tiền giả vào một ngăn riêng. Hiện giờ, tờ tiền giả đó đang nằm thoải mái trong “phòng riêng”, giống như một tên tội phạm được chăm sóc đặc biệt.

“Tại sao lại phải chịu thiệt thế?” Tiểu Ngô bất bình kêu lên.

Nghe thấy câu đó, Tân Vũ thấy hơi ấm lòng. Anh không biết có nên kể cho Tiểu Ngô nghe những cố gắng của mình trong việc đối phó với tờ tiền giả đó không.

“Anh đưa tờ tiền giả đó cho em”. Tiểu Ngô nói nhỏ.

“Đưa em làm gì?”

“Đã bảo đưa em thì cứ đưa đi” Tiểu Ngô nói với vẻ bí ẩn, “bạn em làm phòng tài vụ, kiểu gì cũng có cách xử lý”.

“Cảm ơn em, anh sẽ tự có cách”. Tân Vũ nhìn đĩa thức ăn trước mắt, thấy đồ ăn ở nhà ăn ngày càng tệ, lại còn đắt nữa.

Trước cửa đường ngầm di bộ, có một tấm áp phích quảng cáo phim Thiên hạ vô tặc rất lớn, dường như muốn thu hút ánh mắt của tất cả mọi người. Tân Vũ đứng trước tấm áp phích ngó một lát, biết đây là bộ phim mừng năm mới do Lưu Đức Hoa và Lưu Nhược Anh đóng vai chính.

Thiên hạ vô tặc ư? Mấy hôm trước báo chí và truyền hình còn đưa tin các vụ móc túi liên tục xảy ra trên xe buýt... Đột nhiên Tân Vũ cảm thấy tim hơi thót lại – mỗi lần vui mừng anh đều có cảm giác này.

Trong đường ngầm đi bộ có bày nhiều sạp hàng lưu động, hàng xem bói, hàng bán các loại dụng cụ lấy rầy tai, cũng có cả hàng bán đĩa lậu. Bước chân vội vàng của Tân Vũ từ từ bước chậm lại, anh đi đến một sạp hàng. Trước mặt người bán hàng bày một hộp giấy to, trong đó đựng các loại ví tiền to nhỏ. Ví màu đen, nâu, tất cả đều rất bóng. Thấy Tân Vũ đứng trước mặt, người bán hàng liền nhiệt tình giới thiệu, đây là Louis Vuitton, đây là Boss, đây là Dunhill, toàn thương hiệu lớn của thế giới. Người bán hàng vừa giới thiệu vừa ngo ngoé trước ngo sau.

“Bao nhiêu tiền?” Tân Vũ chỉ vào một chiếc ví đen.

“Năm mươi tệ”. Người bán hàng nói, “anh có con mắt quá, kiểu này bán chạy nhất đấy”.

“Năm tệ”. Tân Vũ trả giá.

“Tám tệ”. Người bán hàng lập tức trả lời.

“Năm tệ, thêm một xu cũng không lấy”.

“Năm tệ thì năm tệ, coi như mở hàng”.

Lúc rút tiền ra trả, Tân Vũ liền nghĩ đến tờ tiền giả trong túi. Nhưng nếu tiêu tờ tiền này đi thì còn mua cái gì này làm gì! Hơn nữa, hiện giờ Tân Vũ không còn muốn áp dụng biện pháp đơn giản nhưng mạo hiểm này.

Tân Vũ cầm chiếc ví mới tinh, cất tờ tiền giả vào trong đó và bước xuống tàu điện ngầm. Anh cố tình chen vào toa giữa – khu vực thường đông người nhất.



Tàu điện ngầm là phương tiện giao thông chủ yếu của thành phố này, trong toa người đông chen chúc, các biển quảng cáo thuốc bổ và giảm giá được dán khắp mọi góc ngách. Trong số các tấm biển màu sắc rực rỡ đó, Tân Vũ nhìn thấy có một số biển quảng cáo công ích “đề nghị bảo quản cẩn thận đồ dùng của bạn” và “cẩn thận móc túi”.

Điều này càng khiến Tân Vũ tin tưởng vào phán đoán của mình. Tân Vũ rút ví vào túi áo ngoài, anh còn nhét nắp túi vào phía trong của túi, như thế, đứng ngoài có thể dễ dàng nhìn thấy chiếc ví “hàng hiệu”.

Hiện tại đang là giờ cao điểm, người trong toa mỗi lúc một đông. Đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con, có công nhân, có dân làm thuê, có bộ đội, có sinh viên, có người gọi điện thoại, có người ngủ gật, có các đôi tình nhân khoác vai bá cổ, có người默默 nhai kẹo cao su tai nghe MP3...mùi mồ hôi, mùi thuốc lá, mùi kẹo cao su và bao mùi khác quện lại với nhau. Tân Vũ đoán thầm, người đông thế này chắc chắn phải có móc túi, và mục đích của anh là tạo điều kiện thuận lợi để tên trộm đó có thể hành động trót lọt giữa đám đông.

Lúc đầu Tân Vũ ngồi trên ghế. Sau đó anh nhường chỗ cho một phụ nữ có thai rồi đứng ra ngoài cửa toa. Anh bám chặt tay bám, ngửa đầu đưa mắt nhìn các tấm biển quảng cáo trên cao. Mỗi lần đến ga mới lại có người chen lấn xô đẩy, khiến người nhỏ con như Tân Vũ lại bị xô đi đẩy lại – thậm chí có một lần còn bị đẩy ra ngoài toa. Mỗi lần, khi tàu ra khỏi nhà ga và đi vào chỗ tối, anh đều làm ra vẻ vô tình sờ túi áo, kiểm tra ví tiền còn ở đó hay không.

Hình như anh đã từng xem một chương trình pháp luật nào đó, nói kẻ trộm thường móc túi vào lúc xuống xe.

Đã ngồi được một vòng, không biết đi qua bao nhiêu ga, Tân Vũ thấy hơi mệt, cũng hơi buồn ngủ. Anh bám chặt tay cầm, người lắc nhẹ theo tàu, thậm chí anh đã bắt đầu ngủ gật. Nếu nói lúc đầu ngủ gật là để tương kế tựu kế, thì bây giờ anh đã thực sự thấy buồn ngủ.

Bất ngờ phía sau lưng ồn ào hẳn lên, Tân Vũ quay đầu lại ngó, có mấy người đàn ông đang vật lộn gì đó. Nhìn kĩ thì thấy họ đang dồn bắt một đứa trẻ người thấp bé. Gương mặt đứa trẻ tỏ vẻ đầy hoảng hốt, và như nó sắp bật khóc. Lực lượng hai bên chênh lệch quá lớn, mấy cụ già bắt đầu tỏ vẻ bất bình. Mấy người đàn ông quay lại, quát lớn: “Chúng tôi là cảnh sát”.

Mấy viên cảnh sát lôi đứa trẻ dậy, cách – cộng số tám đã được khóa chặt. Một viên cảnh sát tóc để đầu đinh lôi từ trong túi đứa trẻ ra một vật và nói với Tân Vũ: “Đây có phải là đồ của anh không?”

Tân Vũ nhìn, đúng là ví tiền của anh. Anh chần chừ một lát và không nói gì.

“Chúng tôi đã theo dõi nó rất lâu rồi, tận mắt nhìn thấy nó móc từ trong túi anh ra”, “Đầu Đinh” nói lớn, giọng tràn ngập niềm vui vì thắng lợi.

“Đúng, đó là ví tiền của tôi”. Tân Vũ vội nói.

“Anh kiểm tra xem có thiếu gì không?”. “Đầu Đinh” đưa ví tiền cho Tân Vũ.

“Không thiếu, không thiếu”. Tân Vũ lật ví, thấy tờ tiền giả vẫn nằm an toàn trong đó, “cảm ơn các anh”.

“Đây là trách nhiệm của chúng tôi!” “Đầu Đinh” trả lời bằng giọng chắc nịch, giống như một câu thoại nổi tiếng. Câu trả lời của viên cảnh sát đã khiến mọi người xung quanh đều vỗ tay cổ vũ.

“Mời anh về đồn với chúng tôi để lấy lời khai”. “Đầu Đinh” nói bằng giọng hòa nhã.

“Cơ quan tôi có việc...” Tân Vũ áp ứng nói.

“Đây cũng là trách nhiệm của anh đấy”. “Đầu Đinh” nói với giọng thành khẩn, “hơn nữa, chỉ mất vài phút thôi”. Chiếc xe cảnh sát đã hú còi đưa Tân Vũ và tên trộm về đồn công an.

Không nhìn thấy súng và mũ cảnh sát, không nhìn lấy lựu đạn cay và quần áo chống đạn, càng không nhìn thấy AK 47 hay vật gì khác, thậm chí còn thiếu vẻ trang trọng và nghiêm túc, đồn công an giống như phòng tiếp dân ở khu dân cư, cảnh sát mặc thường phục và đồng phục đi lại, làm việc trong bầu không khí bình lặng có phần uể oải. Vật dụng duy nhất chứng tỏ đây là đồn công an là chiếc còng số tám bóng loáng đó, nó thông tên trộm từ bến tàu điện ngầm về đây. Hiện giờ cảnh sát lại dùng nó khóa tên trộm vào ống lò sưởi.

Nói như lời của “Đầu Đinh” là, tên trộm ngoan ngoãn cúi đầu nhận tội, thái độ tích cực, bây giờ cần một vài lời khai của Tân Vũ. “Đầu Đinh” hỏi, Tân Vũ trả lời, đều là các vấn đề liên quan đến vụ án như thời gian, địa điểm, nhân vật...

“Đầu Đinh” lật ví tiền ra, vẻ có vẻ hơi bất ngờ. Anh ta hỏi: “ví của anh chỉ có chừng này tiền ư?”

“Đúng vậy, một trăm tệ”. Tân Vũ trả lời.

“Đầu Đinh” lại mở chiếc ví ra xem một lần nữa rồi mới gập lại và nói với vẻ trách móc: “Anh cũng thật bất cẩn quá, trên chuyến tàu điện ngầm, anh biết có bao nhiêu tên trộm ngầm anh không?”

Tân Vũ lắc đầu, nói: “Tôi không biết”.

“Ít nhất là bảy tên”. Viên cảnh sát vừa ngoắc tay ra hiệu số bảy vừa nói.

“Sao các anh không tóm?” Tân Vũ hỏi.

“Đây đều là bọn trộm lành nghề. Bọn chúng kết bè kết cánh để gây án, có tên dò tìm mục tiêu, có tên phi tang, có tên che giấu tang vật, ít nhất là hai ba tên cùng hành động. Anh không biết phải không, bọn chúng đã bám theo anh từ rất lâu rồi. Đã có mấy lần chúng đã chuẩn bị ra tay, thậm chí có tên đã thò tay vào túi anh...”

“Thế tại sao các anh không ra tay?”. Tân Vũ nhớ lại, hình như luôn có mấy người bám theo anh.

“Bắt trộm phải tóm được cả tang vật. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải tóm gọn cả đối tượng móc túi kèm theo tang vật. Anh là cán bộ nhà nước mà không hiểu điều này hay sao?”

“Thế... tại sao dám trộm lành nghề không ra tay?” Tân Vũ thắc mắc.

“Chúng tôi cũng đang suy nghĩ chuyện này”. “Đầu Đinh” nói với giọng nghiêm nghị: “Thực ra, mỗi lần tóm bắt tội phạm, chúng tôi đều phải hóa trang, có thể có tên đã nhận ra chúng tôi.... hơn nữa, trông anh có vẻ rất thoải

mái, có thể chúng sẽ nghi ngờ anh đang dụ dỗ đánh lừa chúng chăng”.

Bất giác Tâm Vũ cảm thấy vô cùng chán chường. Anh thấy hành động hôm nay của mình vừa vô vị vừa kém cỏi, không những không giải quyết được vấn đề gì mà còn dây dưa đến tên nhóc này, giờ lại phải ngồi cả ở đồn công an.

“Đầu Đinh” ra ngoài đi vệ sinh. Tân Vũ liếc nhìn tên trộm. Trông nó cũng không giống kẻ trộm lắm: Người gầy gò như cậu học sinh cấp hai ít luyện tập thể thao, không biết do mặc phong phanh hay căng thẳng, nó không ngừng sụt sịt mũi. Tay bị khóa vào ống lò sưởi nhưng vẫn ngó nghiêng xung quanh với vẻ hiếu kỳ, giống như đứa trẻ được người lớn dắt tay đi dạo phố.

Trên bàn có mấy chiếc kẹo. Tên trộm nhìn một lát, nhòai nhanh người ra, với tay lấy một chiếc kẹo, nhanh nhẹn bóc giấy bằng một tay, đưa vào mồm, rồi nó còn cười với Tân Vũ với vẻ làm lành.

Lúc này, “Đầu Đinh” đã quay lại, tên trộm rụt cằm, nuốt cổ, nuốt chửng miếng kẹo xuống dưới.

“Và còn cái ví đó nữa, hàng hiệu đúng không?” “Đầu Đinh” vừa kéo khóa quần vừa nói lớn, đồng thời chuẩn bị bổ sung chi tiết này vào lời khai, “cái ví này bao nhiêu tiền?”

“Năm tệ”. Tân Vũ nói.

“Cái gì?” – “Đầu Đinh” hơi bất ngờ.

“Đây là hàng giả, chỉ có giá đó thôi”.

“Cái ví đẹp như thế... làm sao có giá năm tệ được?”

“Tôi mua nó dưới đường đi bộ ngầm, hàng nhái đấy”. Tân Vũ vui vẻ nói.

Vẻ mặt của “Đầu Đinh” tỏ ra không tin lắm, kèm thêm một chút thất vọng.

Tân Vũ rất muốn nói, tờ 100 tệ này của anh cũng là giả. Chỉ có điều anh không biết lấy trộm tiền giả có bị coi là tội trộm cắp hay không, anh cũng không biết việc mang theo tiền giả bên người sẽ gây ra hậu quả gì, hơn nữa, trên người anh vẫn còn một chiếc ví.

Nếu cảnh sát hỏi, tại sao anh có những hai chiếc ví thì trả lời thế nào? Ra khỏi đồn công an, trời càng tối hơn. Không khí trong lành, đường sá vắng vẻ. Tân Vũ đứng một mình trong màn đêm dày đặc, đầu óc trống rỗng.

Lúc này, một chiếc taxi không chở khách lướt đến trước mặt anh, xe khẽ phanh, thấy anh không có ý định lên bèn phóng thẳng và mất hút trong màn đêm.

Một lát sau, lại có một chiếc taxi không chở khách khác lướt đến trước mặt anh, xe khẽ phanh rồi từ từ dừng lại. Lái xe thò đầu, nhìn Tân Vũ rồi chậm thuốc rít một hơi dài rồi phả ra làn khói trắng.

Xe vẫn đang nổ máy, đột nhiên tim Tân Vũ đập mạnh. Lái xe vẫn chưa có ý định đi, hình như đang đợi Tân Vũ hạ quyết tâm.

Tân Vũ không hiểu sao lái xe lại làm như vậy, anh cảm thấy ánh mắt nhìn chăm chú của người lái xe như một sự thách thức, thậm chí khinh miệt đối với anh.

Anh chậm chậm đưa tay, mở cửa – trong khoảnh khắc này, anh tự nói với mình đây là cơ hội cuối cùng, anh biết mình bắt buộc phải hoàn thành nhiệm vụ.

Tân Vũ vẫn ngồi hàng ghế sau. Anh đã tính rồi, không thể để xe lái thẳng đến cổng khu nhà mình.

“Đi đâu?” Lái xe hỏi.

“Đi.... quảng trường 1.5”. Tân Vũ nhìn chăm chú về phía trước. Anh nói bằng tiếng phổ thông, anh muốn để lái xe biết vị khách này là người tỉnh khác.

“Đi đường Hoàng Hà hay đường Trường Giang?” Lái xe liếc Tân Vũ qua gương chiếu hậu.

Lái xe hỏi như vậy, chắc chắn là để “chặt” khách rồi, vì đi đường Hoàng Hà phải vòng rất xa. Tân Vũ mừng thầm trong bụng. Anh biết, hôm nay gặp được vị lái xe chơi xấu rồi.

“Đi thế nào?” Lái xe hỏi.

“Đường nào gần thì đi”. Tân Vũ thờ ơ trả lời.

Quả nhiên, lái xe bắt đầu đi đường vòng. Phàn nàn một hồi về tình hình giao thông của thành phố và giá xăng dầu tăng, đột nhiên lái xe hỏi: “anh đến đây du lịch hay đi công tác?”

“Đi công tác”. Tân Vũ vẫn trả lời bằng tiếng phổ thông.

“Thế tối đến không muốn đi chơi đâu đó à?” Lái xe hỏi tiếp.

“Chơi cái gì?”

“Xem anh thích chơi gì”. Lái xe dướn cổ, nhìn Tân Vũ qua gương chiếu hậu bằng một vẻ mờ ám.

“Hôm nay mệt rồi, ngày mai tính sau”. Tân Vũ nói bằng giọng mệt mỏi như vừa đi chơi. Một chai bia 50 tệ, một đĩa hướng dương 70 tệ, ngồi chơi cùng một lát 100 tệ... Anh từng đọc trên báo, có lái xe thường giới thiệu cho khách ngoại tỉnh các điểm vui chơi để kiếm tiền hoa hồng thậm chí vào hùa để lừa khách.

“Có muốn nghe nhạc không?”. Lái xe hỏi bằng giọng thân thiết.

“Được đấy”. Tân Vũ trả lời.

Nghe một lúc thì xe đi đến quảng trường 1.5, đồng hồ hiển thị 26 tệ. Tân Vũ đưa tờ tiền giả cho lái xe. Anh biết, bình thường chỉ hết 15 tệ là nhiều.

Vị lái xe cầm tờ tiền giả, bật đèn trong xe, nhìn một lát rồi nghiêng người móc ra một ít tiền, đếm xong mồm lẩm bẩm: “anh không có tiền lẻ à?”

“Không có”. Tân Vũ lắc đầu.

“Không có đồng lẻ nào?”

“Trong người tôi chỉ có tờ một trăm này thôi”. Tân Vũ nói bằng giọng quả quyết.

“Tôi đi mua bao thuốc để phá tiền ra đã, anh đợi một lát”. Vị lái xe liền đỗ xe bên vệ đường, sau đó chạy đi. Một lát anh ta lại chạy về.

Tân Vũ thở phào, một tờ tiền giả lại đổi được một sấp tiền – một tờ 50 tệ, một tờ 20 tệ và một tờ năm tệ. Lúc trả lại tiền lẻ, lái xe liền nói với vẻ hào phóng, thôi lấy anh 25 tệ. Mãi cho đến khi đèn hậu của chiếc biển mất ở góc rẽ đường xa, Tân Vũ mới khẽ huýt sáo, thanh thản bước về

nhà. Anh khẽ hát bài “chuột yêu gạo” nghe ban nãy. Anh cảm thấy giai điệu của bài hát này thực sự rất hay.

Đã rất muộn rồi, đèn đường không còn nhiều nữa, bốn xung quanh tối chẫm. ánh đèn lờ mờ trước cửa hàng tạp hóa đầu đường đã nhắc nhở anh trong túi không còn thuốc lá.

Anh bước đến gần quầy tạp hóa, thấy ông cụ đang tựa cửa xem xét gì đó.

“Trời ạ!” Ông cụ hét lên một tiếng thất thanh, tiếp đó lại kêu lớn: “Trời đất ơi, đây là tờ tiền giả!”

Tân Vũ khẽ chùng bước lại, anh đang suy nghĩ nên đi tiếp hay ở lại.

“Tôi bị lừa rồi, bị lão lái xe vừa nãy lừa rồi”. Ông cụ phần nộ kêu lớn, một tay cầm kính lão, tay kia run run với tờ 100 tệ.

“Để cháu xem nào”. Tân Vũ đã bước đến trước mặt ông cụ.

Ông cụ vội đưa ngay tờ tiền trong tay ra, mặt lộ rõ vẻ oan ức và đau khổ. Lúc này đây, Tân Vũ là đối tượng duy nhất để ông chia sẻ.

Tân Vũ cầm tờ tiền, một cảm giác không lạ lắm truyền vào tay anh. Anh lật tờ tiền, ghé vào sát ánh đèn, nhìn rõ hàng chữ quen thuộc đó ở mặt sau. Anh hạ thấp giọng nói: “đây không giống tiền giả đâu”.

“Sao lại không giống? Cậu xem đây này!” Ông cụ túm chặt cánh tay anh, lôi anh đến trước cánh cửa của hàng tạp hóa. Phía sau cánh cửa có dán tờ quảng cáo “cách phân

biệt tiền giả”, trên đó giới thiệu cụ thể các dấu hiệu phân biệt tiền thật, tiền giả.

“Hôm nay tôi làm không công rồi... hu hu”. Không ngờ ông cụ bắt đầu rưng rức khóc, bờ vai rộng không ngừng run rẩy, trong đêm tối nghe rất rõ.

“Đây là tờ tiền thật”. Tân Vũ nói.

“Gì cơ?” Ông cụ hỏi trong nức nở.

Ông cụ ngừng khóc, vệt nước mắt trên mặt lấp loáng trong đêm tối.

“Không tin? Cháu sẽ đổi cho cụ một tờ”. Tân Vũ rút ra một tờ 100 tệ mới tinh, đưa cho ông cụ, đồng thời anh rút tờ tiền giả đó và đút ngay vào túi, nói: “cụ tin cháu đi, cháu là ngân hàng đấy”.

Trần Quỳnh Hương (dịch)

CẢI NHAU

Lưu Sĩ Sương (Hong Kông)

Trên tường có ba cái đỉnh. Hai đỉnh không treo gì, cái còn lại treo một bức phù điêu làm bằng thạch cao. Đó là tượng Quan Vũ mặt bôi đỏ chóa, mắt lim dim nhưng thần khí uy phong lẫm liệt, bất khả xâm phạm, khiến người ta liên tưởng đến vở hí kịch “Quá ngũ quan” “Trảm lục tướng”. Ngoài ra, trên nền nhà ngổn ngang những mảnh vỡ đỏ có đen có chẳng thể nhận ra bộ mặt của những ai nữa.

Chiếc đèn treo trên trần nhà hình bánh xe, trên đó gắn năm chiếc đèn nhỏ, hai chiếc đã vỡ.

Trên trường kỷ có hai cốc thủy tinh vỡ. Những mảnh thủy tinh vỡ lẫn cả vào trà, đó là loại trà Long Tỉnh nổi tiếng.

Cây đèn đứng (loại chân cao để dưới đất) đổ nghiêng trên salon, kiểu dáng rất cổ, được làm bằng gỗ đỏ chạm hình một con Rồng, mồm ngậm bốn sợi dây đỏ, treo sáu chiếc chao đèn hình lục giác. Chao đèn làm bằng lụa, bên trên vẽ hình “Bát tiên quá hải”. Trên thanh ngang cây đèn có bốn dải tua cờ màu đỏ buông thõng.

Cây đèn tuy bị đổ nghiêng nhưng vẫn còn nguyên vẹn, bóng đèn trong chao không sao cả.

Chiếc bình hoa trên tủ ly thì đã vỡ. Đây là loại sứ cổ quý hiếm, mấy nhánh đường xương bồ vương vãi trên mặt tủ. Tủ ly là sản phẩm Bắc Âu dài 2,6 mét, cao 1,2 mét, hai bên có ngăn kéo, ở giữa có hai cánh bằng kính. Hai cánh cửa tủ ly cũng vỡ nứt, những mảnh vụn thủy tinh vương vãi trên nền nhà. ánh nắng mặt trời xiên qua cửa sổ chiếu lên sàn nhà

làm cho những mảnh thủy tinh ánh lên như đom đóm trong đêm. Cạnh đó là một chiếc làn tre hình chim Khổng tước, đặc sản của Malaixia. Bên cạnh chiếc làn tre là quyển tạp chí “Thời đại” xuất bản ngày 18/8, trang bìa in hình lá cờ nước Mỹ trên Mặt trăng và rất nhiều dấu chân xung quanh lá cờ ấy. Những hạt bụi trên mặt trăng giống như cát. Có lẽ nó chính là cát cũng nên. Cát trên Mặt trăng và cát trên Trái đất khác nhau, có dấu dấu chân thì không có gì khác cả. Ngoài ra, trên sàn nhà chỗ nào cũng thấy những mảnh báo cũ bị xé nát và một chiếc sơ mi bị kéo xấp te tua.

Trên bàn ăn là một khung ảnh không còn kính, tấm ảnh trên đó đã bị bóc đi. Đó là tấm ảnh hai người bị xé đôi, một bên là người đàn ông, bên kia là người đàn bà, cả hai đều cười rất tươi, phô cả hàm răng trắng bóng.

Trên bức tường sát bàn ăn có hai cây đèn tường bằng gỗ đỏ, giống hệt cây đèn cao chân đặt dưới đất; chao đèn cũng làm bằng lụa đỏ, nhưng hình vẽ lại khác: một chiếc vẽ “Thường Nga bồn nguyệt”, chiếc kia vẽ “Quý Phi xuất tục”. Bức họa “Thường Nga bồn nguyệt” đã bị hỏng nặng do bình nước trên bàn ăn đổ vào bởi chiếc bình này đã vỡ. Mảng tường xung quanh chiếc đèn tường bị thấm ướt. Bức tường được sơn màu mận chín cùng màu với bộ salon, sau khi bị vấy nước nó trở nên rất khó coi.

Ngoài vết thâm trên tường, chiếc khăn trải bàn ăn cũng ướt. Tuy nhiên tấm khăn bàn vẫn chưa hề xộc xệch, trái ngược hoàn toàn với cảnh tượng xung quanh.

Reng...reng...reng...

Chuông điện thoại reo, nhưng không có người nhắc máy. Tiếng chuông điện thoại vẫn đổ hồi song nó không



còn sức sống. Trong cái phòng khách này điện thoại vẫn reo lên liên tục. Máy điện thoại vốn đặt trên chiếc bàn nhỏ cạnh cửa, chiếc bàn bị đổ, điện thoại rơi xuống đất nhưng dây không bị đứt, ống nghe vẫn nằm trên máy.

Ti vi đặt ở góc nhà, không bị đổ vỡ, nhưng màn hình thì vỡ tan nên chẳng còn tác dụng gì nữa. Trên chiếc ti vi có hai con tò he Nhật Bản, làm bằng thứ chất liệu còn dễ vỡ hơn cả thủy tinh. Cạnh chiếc giá đỡ ti vi có cái chuông (đồ chơi) Nhật Bản, trên đó vẽ hình mặt mèo, khi chiếc chuông rung đưa, đôi mắt tròn xoe của con mèo cũng rung đưa theo. Lúc chuông đứng yên, đôi mắt mèo nhìn ngơ ngác hàng song sắt cửa sổ. Lúc này ánh mặt trời bên ngoài chiếu vòa chói chang.

Reng...reng...reng...

Tiếng chuông điện thoại lại reo. Đây là âm thanh tượng trưng cho sự sống, thâm nhập vào một không gian yên tĩnh dường như đã đông cứng lại giống như người ngoài hành tinh xâm nhập vào Mặt trăng tĩnh lặng.

Trên tường còn có một bức tranh sơn dầu được vẽ theo tám ảnh. Không có tính nghệ thuật. Giống một bức tranh quảng cáo. Trong tranh có hai người, một nam, đầu chải bóng loáng, mặc trang phục chú rể theo lối Tây; còn người nữ được trang điểm thành một cô gái nông thôn, mặc trang phục cô dâu xứ quê, thuần hậu, đáng yêu. Giống bức ảnh bị xé đôi, hai người trong tranh cũng tươi cười rạng rỡ, phô hàm răng trắng bóng và cũng bị dao rạch đôi.

Con dao nằm trên nền nhà. Quanh nó là một đồng bài mặt chược và bộ thẻ tính. Màu sắc các con bài mặt chược tuy tươi tắn nhưng cũng chỉ là một bộ bài bình thường như ta

vẫn thấy, bằng nhựa, khoảng sáu, bảy chục đồng một bộ. Bài mạt chược thì phải đặt trên bàn mạt chược, đằng này lại nằm vung vãi trên sàn nhà làm cho hiện trường càng thêm bừa bộn. Những con bài mạt chược này, bất luận là “trung”, “phát”, “bach” hoặc “đông”, “tây”, “nam”, “bắc” đều đã từng làm cho người ta vui sướng tột độ, cũng oán hận vô cùng. Khi nó được đặt trên bàn mạt chược, chúng không chế tình cảm con người, biến con người thành nô lệ của chúng. Nhưng hiện tại chúng đã mất đi vẻ kiêu căng ngạo mạn vốn có, vương vãi khắp nền nhà như một đồng rác.

Các thú vật dụng trong phòng khách trang trí theo kiểu Đông – Tây và cổ kim kết hợp. Bên cạnh salon Bắc Âu là cây đèn đứng bằng gỗ đỏ mang sắc thái phương Đông. Ngoài chiếc gạt tàn bằng thủy tinh của Tiệp khắc còn có cả những món đồ sứ cổ. Sự phối hợp thiếu hài hoà này có lẽ là đặc trưng của gia đình Hồng Kông. Có một số gia đình Hồng Kông treo trên tường phòng khách bức tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh trên cây thánh giá, đồng thời ở một phòng khác lại đặt khám thờ Quan Âm Bồ Tát. Tại phòng ăn của nhà này tuy không tồn tại mâu thuẫn đó song vẫn có sự đối nghịch khá mạnh mẽ : bên cạnh bộ bài mạt chược là bức tranh sơn thủy bị xé rách. Bức sơn thủy không để lạc khoản, có dấu triện, không xa với lối cổ xưa nhưng màu sắc lại tươi mới, chẳng giống bút tích thật. Đối diện với bức sơn thủy, ở bức tường bên kia lại treo một bức tranh phục chế thời Hy-La. Bức phục chế này chỉ hai, ba mươi đồng là mua được, có bị xé cũng không đáng tiếc, nhưng nó lại không bị xé. Hai bức tranh, cũng giống như việc đặt viên đá trước ngôi mộ cổ, có lẽ là sự cố ý sắp đặt của chủ nhà

nhằm tạo ra một không khí đặc biệt, thể hiện rõ thú chơi mới: kết hợp văn hóa Đông - Tây!

Ngoài các bức tranh còn có một bể cá nhiệt đới và một chiếc bình đựng nước bằng sứ trắng. Chiếc bình sứ giâm một cành tùng nhỏ, vốn được đặt trên chiếc tủ ly làm thành một vật trang trí, lúc này cũng đã rơi xuống đất. Chiếc bình vỡ làm đôi. Nhánh tùng dính vào chân tường cách chiếc bình vỡ khoảng 5- 6 tấc. Chiếc giá đỡ của bể cá cảnh làm bằng nhôm, dáng vẻ rất hiện đại, đặt cạnh chiếc bình sứ ngay trong phòng khách trông cực kỳ chối mắt giống như tấm ảnh chụp chung hai người, trong đó người đàn ông mặc đồ tây còn cô gái lại diện trang phục âm lịch.

Bể cá cảnh thực ra lúc đầu đặt trên chiếc trường kỷ bằng gỗ đỏ. Chiếc trường kỷ bị đổ, bể cá giống một binh sĩ bị thương, tựa nghiêng vào bộ salon đặt cạnh tường. Giá đỡ bể cá bằng nhôm sáng loáng, dù rơi xuống đất vẫn không hề hấn gì. Vấn đề là, bể đã vỡ, nước chảy lênh láng trên sàn nhà với những con cá cảnh hình dạng, kích thước và màu sắc khác nhau. Trước khi chết tất nhiên là chúng giãy giụa rất dữ.

Cảnh bữa bộn trong phòng ăn làm tiêu tan vẻ cao sang quý phái vốn có lại thêm mấy con cá phoir mình trên sàn khiến cho quang cảnh càng thêm thê thảm. Mấy con cá chỉ còn thoi thóp thở, đến tội !

Chuông điện thoại réo vang lần thứ ba. Âm thanh này xuất hiện ở một nơi hoàn toàn yên ắng làm cho nỗi sợ hãi càng thêm nặng nề, cứ như là một cô gái rơi xuống nước mà không biết bơi đang chới với kêu cứu.

Cũng như lần trước, tiếng chuông điện thoại lại rơi vào tĩnh lặng như tiếng kêu cứu thảm thiết của cô gái chìm vào biển nước, sự im lặng bao trùm như cũ.

Tiếng chuông điện thoại đột nhiên vang lên trong một không gian hoàn toàn tĩnh lặng cố nhiên là thật đáng sợ! Sự im ắng nặng nề đó khiến cho gian phòng dù cửa sổ đang mở vẫn có cảm giác tù đọng, chẳng ai dám xông vào hiện trường trống rỗng mà u ám ấy!

Trên chiếc salon dài có ba chiếc gối tựa, vỏ gối cũng có màu mận chín, không có hình vẽ. Ngoài ra, trên salon còn có cả táo, nho, chuối, lê...có mấy quả nho bị ném bệt vào tường còn lưu dấu vết. Trên mảnh tường này, những vết bắn do nước nho để lại màu tím bầm, chốc chốc nhỏ giọt xuống sàn nhà, trông như máu.

Đĩa hoa quả và chiếc gạt tàn thuốc lá giống nhau, đều bằng thủy tinh Tiệp Khắc. Vì bị ném vào tường vỡ tan nên những mảnh thủy tinh vung vãi khắp phòng, nhiều nhất là trên salon cùng với các loại trái cây linh tinh...

Phía trước chiếc salon này là chiếc bàn vuông, trên đó có mảnh giấy được chặn lên trên bởi một chiếc bật lửa. Mảnh giấy có những câu viết ngoáy như thế này :

“Tôi quyết định ra đi. Anh đã có người đàn bà khác, hà tất phải tìm tôi. Số điện thoại của mẹ anh biết rồi đấy, nếu anh đến Văn phòng Luật sư ký đơn li hôn, hãy gọi điện cho tôi. Trong nồi cơm có cả thức ăn, chỉ cần lấy ra đun lên một chút là có thể ăn được”.

HUYỆN KẾ Ô KHE NÚI MÙ SƯƠNG

Trịnh Ngạn Anh (Trung Quốc)

Trước đây mấy năm, vào một buổi chiều mùa thu khi mặt trời xế bóng, một đội thăm dò địa chất ăn gió nằm sương vừa xuyên qua khu rừng thâm u thì bất gặp một khe núi hiểm trở bao phủ bởi dải sương mờ ảo chắn ngang trước mặt. Lúc này ánh nắng le lói còn sót lại của buổi hoàng hôn rải những tia vàng yếu ớt lên ngọn cây rừng; từng đợt gió đẩy làn sương hun hút cuộn vào khe núi, màn sương mở bỗng sáng lên óng ánh. Những đỉnh núi cao trùng điệp qua màn sương hiện lên như gần như xa, cây rừng đá núi như ẩn như hiện giữa một khung cảnh thiên nhiên kì bí. Những người văn minh đến từ thành phố bị hấp dẫn bởi cảnh mê ly trước mắt, họ reo lên thích thú rồi hạ các thứ hành lý mang trên lưng xuống, vớ lấy chiếc máy ảnh duy nhất của đội, không bỏ lỡ cơ hội chụp ngay một kiểu. Bởi họ thường đi trong rừng nên biết rất rõ, cảnh sắc đẹp dễ của thiên nhiên nhiều khi biến đổi rất nhanh. Nhưng không ngờ màn sương lúc này lại trôi chậm chạp qua khe núi càng lúc càng hiện rõ vẻ đẹp kì lạ của màu xanh ngấn ngát. Cho đến khi màn đêm thực sự buông xuống, cảnh đẹp bị bóng tối nhấn chìm, họ mới nghĩ tới việc đốt lửa chuẩn bị bữa ăn tối. Các đội viên của đội thăm dò đều là người có học, khi ánh sáng của đồng lửa nhấp nháy lung linh trên gương mặt mọi người, họ chợt nảy sinh ý tưởng đặt tên cho cái khe núi chưa từng có dấu chân người này là Yên Khê (Khe núi Khói sương) và họ khơi đồng lửa bốc cao, vẽ lên tấm bản đồ khảo sát một nét mảnh

uốn khúc, chấm vào cạnh đó một điểm đen và ghi hai chữ Yên Khê.

Mấy năm sau, nét vẽ uốn khúc ấy trở thành tuyến đường sắt, còn điểm đen kia thành ba gian nhà ngói đơn sơ, là nơi ở của ba người đàn ông. Một người trong số đó dùng sơn đỏ viết lên tường dòng chữ lớn: *Khu bảo dưỡng đường sắt Yên Khê*. Từ đó ở Yên Khê có lẫn khói bếp, có tiếng nói của con người và tiếng va chạm của công cụ sinh hoạt. Xe lửa chưa bao giờ dừng lại ở đây, khi chạy qua phát lên tiếng động lớn, kéo theo một vòng gió xoáy, rồi dần dần yên tĩnh lại. Yên Khê chỉ còn có ba người và một khe núi ngoạn mục.

Ba gian nhà ngói ở Yên Khê thường bị sương mù che phủ. Xung quanh ngôi nhà mọc đầy rêu xanh mượt như nhung. Các bức tường chẳng bao lâu cũng bị rêu bám đầy, chuyển từ màu vàng của đất sang màu xám. Dòng chữ *Khu bảo dưỡng đường sắt Yên Khê* màu đỏ cũng bị lở tróc, mất đi nhiều nét cho đến khi không còn đọc được nữa thì có hai người ra đi, trong đó có chàng trai viết dòng chữ kia, lúc bấy giờ ở đây chỉ còn lại một mình Trương Nhị Côn, một trung niên có đôi cánh tay vạm vỡ. Trong ánh bình minh tỏa rạng, Trương Nhị Côn buông thông đôi tay chắc khỏe của mình, tiễn đưa hai chàng trai đã từng cùng anh ngắm mặt trời lên và đón tiếp hai chàng trai khác đến. Đây là lúc màn sương mờ như khói tỏa trên Yên Khê lung linh huyền ảo nhất. Bầy sắc cầu vồng rực rỡ hiện ra trôi bồng bềnh trên làn sương sớm. Hai chàng trai mới đến liên bị cảnh sắc nơi đây mê hoặc, sau khi xuống tàu, cứ đứng ngây người mà nhìn, vô cùng thích thú. Trương Nhị Côn vui vẻ bắt tay hai người,

nói: Các bạn còn được xem cảnh này dài dài, chỉ e là sẽ đến lúc các bạn chẳng buồn xem nữa!

Quả nhiên hai anh bạn trẻ mới đến rất chóng chán cảnh sắc ấy, bởi vì cảnh sắc dù tươi đẹp đến đâu cũng không thể thay được cơm ăn, nước uống; mà ở đây cảnh đẹp thì nhiều song lại không có xóm làng, cũng chẳng có cu dân trồng rau, trồng lúa. Lương thực thực phẩm cho *Khu bảo đường đường sắt Yên Khê*, tất tần tật đều trông chờ tàu cung ứng sinh hoạt mang đến theo định kỳ. Thực phẩm không thể tươi mãi, không thể có nhiều như ở đồng bằng với mỗi ngày ba bữa ăn ngon miệng. Nước suối thì trong vắt, tinh khiết đấy, nhưng phải băng qua cả biển sương mù xuống tận chân núi mới đưa được về nhà, mà lao động cả ngày khá mệt nên chẳng ai muốn đi lấy nước, vì thế thường không có nước uống. Trong khi đó, dải sương mù đẹp đẽ kia chỉ đem đến cho ngôi nhà đơn sơ của họ sự ẩm ướt khó chịu. Trong nhà luôn nhộp nháp, dưới giường, ở chân tường đâu đâu cũng đầy rêu. áo quần , chăn màn chẳng mấy khi khô ráo. Quanh năm suốt tháng họ phải mặc quần áo ẩm ướt, đắp chăn ẩm ướt. Điều đáng buồn hơn là, ở đây chỉ những lúc xe lửa đi qua mới có tiếng người, còn tuyệt đối chẳng có ai ngoài ba người họ. Sau một ngày làm việc mệt nhọc, ba người nhìn nhau ngày nào cũng như ngày nào, lâu dần chẳng còn chuyện gì để nói với nhau nữa. Lúc ngủ, chăn chiếu ẩm ướt đuổi hết những giấc mơ của họ. Lúc ngắm cảnh, chính sương mù đã đem đến cho họ bao chuyện bực mình, vì vậy, với cảnh sắc ấy họ dần dần trở nên nhàm chán và phản cảm nặng nề. Thế là hai chàng trai mới đến trụ lại ở đây chưa

được ba năm, đã giống như hai người trước, khoác lên vai những đồ dùng ẩm ướt của mình già từ *Khu bảo đường đường sắt Yên Khê*.

Lại có hai chàng trai khác tới thay thế. Trương Nhị Côn có thêm một cháu bé, đó là con trai của anh – Trương Quốc Đống. Từ cái tên hàm chứa ý tứ ấy (Đống có nghĩa là trụ cột), rõ ràng là cha mẹ cháu đã ký thác nơi cháu biết bao là kỳ vọng! Nhưng người mẹ lại bỏ rơi đứa con ruột thịt của mình, phó mặc cậu bé cho Trương Nhị Côn.

Khi chị ta chia tay với cha con Trương Nhị Côn cũng là lúc tàu cung ứng sinh hoạt đưa mọi thứ đến cho những người ở đây. Hôm đó trời mưa tầm tã, Trương Nhị Côn không đưa tiễn vợ, chỉ đứng trong nhà nhìn chị ta ra đi. Lúc ấy Quốc Đống khóc thét lên chạy theo mẹ nhưng cha cháu đã giữ tay cậu con trai tội nghiệp của mình lại. Cậu bé vừa gào khóc vừa giẫm chân bành bạch. Người mẹ rời khỏi Yên Khê trong tiếng gào khóc thảm thiết của con trai cho tới khi tàu cung ứng chạy xa dần rồi mất hút. Trương Nhị Côn rời khỏi cửa sổ, cảm thấy khoẻ mắt mình ướt ướt, đưa tay lau qua.

Trương Nhị Côn không hề oán hận người phụ nữ đã đành đoạn lìa bỏ cha con anh. Trong thâm tâm anh thầm cảm ơn chị bởi mối tình nồng thắm mà chị đã mang đến cho anh suốt mấy năm trời và sinh cho anh cậu con trai thật dễ thương. Anh chẳng trách móc gì trước sự ra đi của chị, bởi vì đã nhiều lần chị bảo anh hãy xin đi khỏi Yên Khê. Chị trách anh không hề nghĩ tới chị, không hề nghĩ tới con ! Ở một nơi luôn ẩm ướt thế này, cái cơ thể non nớt của con rất có thể bị bệnh, mà đã bị bệnh thì làm sao trở



thành trụ cột? Vả lại, ở đây không có trường mà cậu bé lại sắp đến tuổi đi học, nó học ở đâu? Trương Nhị Côn hiểu rằng những gì vợ nói đều có lý cả, tuy nhiên anh không hề báo cáo lãnh đạo, thậm chí khi đồng chí Cung đoạn trưởng đến thăm Khu bảo dưỡng, anh cũng không nói gì, vì rằng Trương Nhị Côn là Lao động tiên tiến 7 năm liền của Cục Đường sắt. Một lao động tiên tiến kỳ cựu như thế làm sao lại có thể bỏ nơi gian khổ để đến chỗ tốt hơn, thuận lợi, an nhàn hơn được?

Ngày tối hôm người vợ ra đi, Trương Nhị Côn uống hết nửa bình rượu, uống đến say mềm rồi đi lòng vòng bên chân núi. Mãi tới khi mặt trời mọc, Trương Nhị Côn mới trở về phòng với đôi mắt đỏ ngầu. Cậu bé Tiểu Đống nằm trên giường sợ hãi im thin thít, lăm lét nhìn cha mang dụng cụ lao động ra khỏi phòng.

Từ hôm ấy trở đi Trương Nhị Côn thường xuyên uống rượu. Có điều, anh không bao giờ uống say, sau khi uống thường đi lang thang vào núi. Tiểu Đống cứ lớn lên trong nỗi buồn lặng lẽ của người cha. Suốt ngày cậu không thấy cha đâu, bởi cha cậu đi sửa đường, đi tuần đường trong núi nên không thể mang con theo được. Vì lẽ đó Trương Nhị Côn đành nhốt con ở nhà, khóa trái cửa lại, để một ít thức ăn nước uống trên bàn. Cảnh cô đơn buồn tẻ kéo dài khiến cho cậu bé không còn biết đến cảm giác cô đơn buồn tẻ nữa! Do vậy, việc cậu bị cha nhốt cả ngày trong nhà là chuyện bình thường, hết sức tự nhiên! Không ai nói chuyện cùng thì cậu tự nói chuyện với chính mình vậy! Thằng hoặc có con chim nào bay qua cửa sổ, cậu nhìn theo và bắt chước tiếng chim. Điều cậu thích nhất là con tàu khách chạy qua

bởi trên đó có người, dù chỉ lướt qua thôi, nhưng dấu sao thì cậu cũng nhìn thấy mặt người, lại có thể nghe tiếng nói của họ, nhắc lại vài câu thoáng qua mà cậu nghe được.

Vào mùa hè thứ bảy từ khi Tiểu Đống đến đây, trong một đêm oi bức, Trương Nhị Côn nhận được điện thoại của Cung đoạn trưởng, nói rằng, đã xin được 5 cháu vào học ở trường tiểu học Minh Xung cách đây 5 dặm, dành cho Tiểu Đống và 4 cháu khác con công nhân trong Cung đoạn.

Trương Nhị Côn vô cùng cảm động trước sự quan tâm của lãnh đạo, chẳng nói được lời nào, đặt ống nghe xuống và đứng ngây ra một lúc lâu, đoạn đến trước mặt Tiểu Đống đang ngồi trên giường, nhìn vào mặt con trù mến: “Ôi, con được đi học rồi, Tiểu Đống ơi!” – Anh thầm thì sung sướng. Nhưng Tiểu Đống lại hoàn toàn đứng đưng, đảo mắt nhìn cha lạ lẫm. Người cha ngỡ ngàng một lúc và chẳng nói gì nữa. Anh nghĩ, lâu nay do sợ con mình không được đi học nên chẳng bao giờ nói chuyện học hành với con, thêm vào đó, xung quanh đây chẳng có đứa trẻ nào đi học cả, cho nên chẳng lấy gì làm lạ khi Tiểu Đống tỏ ra không hề hứng thú trước sự kiện có thể làm thay đổi vận mệnh của nó như vậy. Trương Nhị Côn trong lòng thấy bứt rứt, muốn tâm sự với hai người bạn kia mà chưa nói được, bèn ngồi xỏm cạnh tường, bê bình rượu ra, quay lưng lại với con “Uống!”. Anh lăm lăm “Uống, hôm nay ta vui quá, uống”. Nhưng anh chỉ hớp một ngụm rồi đặt chén rượu xuống. Đây là lần đầu tiên kể từ khi Trương Nhị Côn thường xuyên uống rượu, anh chỉ uống một chén, bởi anh chợt nghĩ đến một khó khăn vừa đơn giản vừa thực tế là, chỉ mười hôm nữa Tiểu Đống sẽ phải đến Minh Xung học,

vậy ai sẽ đưa nó đi? Bản thân anh và hai bạn đồng nghiệp kia không thể đi được rồi. Công việc của ba người rất bận, không ai có thì giờ rồi, mà ở đây thì chẳng có thể thêm người thứ tư!

Trương Nhị Côn quay đầu nhìn Tiểu Đống, con, con có thể tự đi học được không? Tuy nhiên, anh chỉ nghĩ thầm như thế chứ chưa nói thành tiếng. Anh biết trên đoạn đường tới Minh Xung thường có chó sói, trong lúc đi tuần đường anh đã gặp chúng nhiều lần. ở cái nơi vắng vẻ này, chó sói không hề biết sợ người, nó không hề bỏ chạy, nhiều khi còn nhìn chằm chằm vào mặt người kia đấy. Mỗi khi gặp chó sói, con người thường cúi xuống lấy đá gõ mạnh vào thanh ray đường sắt, lúc đó nó mới lười biếng bỏ đi.

Trẻ con cũng biết gõ vào đường ray để đuổi chó sói, nhưng chó sói nhìn thấy con người bé nhỏ như thế, gõ vào đường ray như thế liệu nó có chịu bỏ đi không? Vạn nhất...Anh không dám nghĩ tiếp. Anh cũng không dám uống rượu nữa, mang một nỗi buồn man mác lưng chừng đi vào núi.

Mãi tới khuya Trương Nhị Côn mới về, tay cầm chiếc dây thông lọng, đầu dây là một con chó. Con chó ấy anh xin của một người bạn bên kia núi. Anh nghĩ, con chó sẽ thay anh đưa Tiểu Đống đi học.

Con chó đương nhiên là lạ nhà, lạ chủ, kêu lên ăng ăng, tiếng kêu hàm chứa sự tuyệt vọng như lời than khóc nào nề. Trương Nhị Côn vội lấy một miếng bánh bao cho nó ăn, nhưng nó chẳng thèm nhìn đến miếng bánh, chỉ sữa và sữa. Tiếng sữa trong đêm vang lên đến chói tai đánh thức hai chàng trai ở gian bên đang ngủ. Một người

hỏi vọng sang, muốn ăn thịt chó hả? Mùa hè đâu phải là lúc ăn thịt chó?

Trương Nhị Côn bèn giải thích, chó sẽ thay người đưa Tiểu Đống đi học. Hai chàng trai không nói gì, một lát sau anh nghe họ thở dài. Trương Nhị Côn dường như hiểu tiếng thở dài ấy. Anh hít một hơi dài, ngồi xồm trước mặt con chó : Mày muốn ăn thịt ư? Mày muốn ăn thịt tao cũng được, chỉ cần mày ở đây đưa con tao đi học thôi mà!

Trương Nhị Côn không ngờ cậu con trai đã dậy từ lúc nào, cười hì hì với con chó, đưa tay sờ vào cổ nó. Con chó nhe răng nhìn Tiểu Đống, nhưng cậu bé không hề sợ hãi, cứ vuốt vuốt lên mũi nó. Con chó hung hăng muốn tấp vào tay cậu bé. Trương Nhị Côn đang nắm một đầu dây xích buộc chó vội vàng kéo mạnh sợi dây siết chặt vào cổ, tiếng kêu của con chó yếu dần, bốn chân quẫy đạp liên hồi trong khoảng không. Tiểu Đống thét lên “Cha, cha, con chó nghẹt thở chết mất!” Trương Nhị Côn chưa bao giờ nghe tiếng thét của con như vậy, liền nới tay ra, thả con chó xuống đất.

Con chó vừa chạm đất, Tiểu Đống vội lao tới, ôm chầm lấy nó, cọ mặt mình vào đầu con chó, một tay xoa xoa vào cổ nó, chỗ dây xích vừa siết chặt. Tất cả những cử chỉ ấy đều rất tự nhiên và kịp thời. Trương Nhị Côn sắp kéo con ra thì Tiểu Đống cũng vừa làm xong những gì cậu cần làm. Điều khiến Trương Nhị Côn kinh ngạc là, con chó vàng to béo và hung hăng như thế không hề cắn Tiểu Đống, lại bị chính sự âu yếm đầy yêu thương của cậu bé cảm hóa, kêu lên mừng rỡ, cái đuôi vẫy vẫy đung đưa.



Trương Nhị Côn mỉm cười. Điều lo lắng của anh trong việc đưa con đi học đã được chính cậu bé giải quyết thật tốt đẹp. Nhìn thấy sự thân thiện giữa cậu con trai và con chó, Trương Nhị Côn nhẹ nhàng buông sợi dây xích, ngồi xuống cạnh giường. Anh nghĩ, con mình ít tiếp xúc với đồ vật, đối với các con vật sống thì lại càng ít hơn, cho nên vừa thấy con chó đã yêu thương nó ngay. Giả dụ, con vật anh đưa về nhà không phải là con chó mà là một con chó sói, chắc cậu bé cũng sẽ thân thiện với nó như thế. Thành bé không hề biết sợ. Ồi con tôi, thành con tội nghiệp của tôi!

Mười ngày sau, sáng nào Tiểu Đống cũng dẫn con chó vàng thân thiết của mình đi về sườn núi phía đông Yên Khê. Tiểu Đống đặt tên cho con chó của mình là Sói. Khi ánh bình minh rải vàng trên đỉnh núi, Tiểu Đống và con chó lặng lẽ ra đi. Cậu bé không có chất lãng mạn của những đứa trẻ ở miền xuôi, nên không biết hát vài câu và con chó cũng chẳng biết sủa vài tiếng để tăng thêm khí thế trên đường đi học. Khi mặt trời ngả về phía tây, đôi bạn lại xuất hiện trên đỉnh núi, im lặng trở về nhà. Sau khi về tới nhà việc đầu tiên của Tiểu Đống là tìm thức ăn, mà tìm được thì cậu cho con chó thân thiết của mình ăn trước, đợi cho nó ăn no rồi cậu mới ăn. Ăn xong thì ngủ, mà khi ngủ Tiểu Đống cũng không chịu rời con chó. Con chó ngoan ngoãn nằm trên giường, cạnh Tiểu Đống. Sáng ra khi cậu bé thức dậy, con chó vẫn nằm bên cạnh. Đến khi Tiểu Đống bước xuống giường mặc quần áo, con chó mới nhảy xuống theo, ngáp, vươn vai, nhìn Tiểu Đống vẫy vẫy đuôi.

Ngày tháng lặng lẽ và vô cùng đơn điệu trôi qua, mùa đông nối tiếp mùa thu, cho đến buổi tối ngày thứ bảy sau

đông chí, tuyết rơi đầy trời. Sáng hôm sau, khi Tiểu Đông và con chó vàng thân thiết của nó chuẩn bị đi học thì xung quanh ngôi nhà của Đội bảo dưỡng tuyết đã phủ dày hàng thước. Tiểu Đông mở cửa, nhìn thấy tuyết mịn mờ, cậu lưỡng lự một chút rồi cũng kiên quyết ra đi. Con chó vàng đứng cạnh, cọ mũi vào tuyết rồi lao theo cậu bé.

Lúc đó cha Tiểu Đông đang đi tuần đường, hai người kia đang ngủ. Khi tiếng bước chân của Tiểu Đông và con chó lao xạo trên tuyết, một người nói: “Đừng đi học nữa cháu, chó sói ăn thịt đấy!”

Tiểu Đông nhìn chú công nhân không nói gì. Chú công nhân vừa nói xong lại ngủ tiếp. Cậu bé vẫn cứ đi. Tuyết ngừng rơi, gió ngừng thổi, nhưng không còn thấy đường đâu cả. Con đường quá quen thuộc, thậm chí nhắm mắt lại Tiểu Đông vẫn đi được, song dù sao nó vẫn là con đường núi đồi lồi lõm, giờ đây đã bị tuyết phủ kín, chỉ cần sơ ý một chút là có thể sa chân xuống hố ngay. Vậy mà Tiểu Đông không lo lắng gì cả. Con chó vàng chạy trước, mặc cho tuyết phủ đầy người nó vẫn chạy nhanh hơn Tiểu Đông. Cứ chạy mấy bước con chó lại quay đầu nhìn lại, khi cậu chủ đi tiếp nó lại vui vẻ phóng lên.

Sáng hôm đó mãi đến 9 giờ 24 phút Tiểu Đông mới tới trường. Cậu vừa thở vừa chạy vào lớp, nghĩ bụng là mình đã trễ, thế nào cũng bị phê bình, không ngờ lại được biểu dương. Bởi vì, khi vào hẳn trong lớp Tiểu Đông mới thấy trong lớp chẳng có ai. Cậu nhìn ra cửa chỉ thấy con chó vàng đang rũ tuyết trên người nó. Thầy giáo bước vào lớp, nét mặt đầy kinh ngạc, hết lời khen ngợi Tiểu Đông. Cậu nhận ra, mình là người học trò duy nhất tới lớp hôm nay.



Tiểu Đồng mỉm cười sung sướng, quay người lại ôm con chó vào lòng.

Thầy giáo cho Tiểu Đồng về nghỉ nhưng cậu không chịu. Cậu nói, không dễ gì đến được đây, cậu xin ở lại để ôn tập bài hôm qua. Lời nói của Tiểu Đồng vừa mộc mạc vừa khản thiết. Cậu nhìn chăm chăm vào thầy giáo vẻ cầu khẩn, thầy giáo nâng mục kính lên nhìn lại cậu rồi lặng lẽ về phòng lấy sách vở và phấn viết đem ra. Thế là, trong phòng học vắng vẻ giữa bốn bề gió tuyết chỉ có một thầy một trò. Thầy giảng trò nghe, thầy giảng nhiệt tình, trò nghe hào hứng, cạnh chân cậu học trò là con chó vàng nằm khoanh tròn im lặng.

Buổi chiều, khi đôi bạn về nhà, tuyết trên đường đông lại thành một lớp cứng, giẫm lên cứ nghe lạo xạo. Trời lặng gió nhưng không khí lạnh hơn nhiều, hơi thở của Tiểu Đồng và con chó phả ra những làn khói trắng mờ. Con chó chạy trước, cậu bé chạy theo sau. Khi đi qua một mỏm núi, con chó đột nhiên tru lên. Tiểu Đồng bất giác ngược nhìn thì thấy một con chó sói ngồi xổm cạnh gốc cây tùng trường trường nhìn về phía trước. Tiểu Đồng phát hiện ra rằng con sói rất gầy, có lẽ bị đói đã lâu. Dưới ánh sáng màu tuyết trắng lông con sói vừa dài vừa rối, chứng tỏ nó là con sói đói đã kiệt sức. Tiểu Đồng không hề sợ hãi, bởi mấy tháng nay cậu không gặp chó sói, bây giờ gặp, cả hai đều muốn tránh xa nhau. Vậy mà con chó sói lại không chịu bỏ đi, cũng không có vẻ gì là sợ hãi, cứ ngồi lì bên đường. Mặc dù, Tiểu Đồng biết là con chó vàng thân thiết của cậu sẽ không hề do dự nhảy bổ vào con sói để bảo vệ chủ, nhưng cậu cũng biết là, chó sói đói sẽ rất hung dữ, con chó vàng chưa

chắc đã địch nổi. Vì thế Tiểu Đống đứng lại và gọi khẽ “Sói!” để cho con vàng bình tĩnh chạy tới cạnh mình.

Con chó vàng được cậu chủ thân thiết gọi là Sói dường như không muốn là kẻ nhu nhược trong lúc này, nên dẫu bị buộc phải đứng lại, nó vẫn tỏ ra lo lắng không yên, cứ dùng đưa thân mình, găm găm ống quần Tiểu Đống muốn cậu chủ phát lệnh để nó xông vào con chó sói dám đứng chắn đường kia! Vậy mà Tiểu Đống vẫn im lặng. Cậu kiên trì ra hiệu cho con chó ngồi trước mặt mình, còn cậu thì đứng im bất động trên tuyết lạnh, bởi cậu biết, nếu cậu chạy lui trở lại con chó sói sẽ lập tức xông tới. Còn như cậu cứ đi về phía trước thì không thể tránh khỏi cuộc đụng độ rất khó bề dự liệu thắng-thua. Tốt nhất là cứ giữ thế giằng co thế này, con chó sói đói sẽ không chịu đựng nổi và sẽ bỏ đi.

Nhưng Tiểu Đống thật bất ngờ, con chó sói không có ý định bỏ đi. Trời tối dần, chỉ một lát nữa là tối hẳn, khi đó con chó sói đói tru lên, chắc là một bầy sói sẽ lao tới!

Ngay lúc đó Tiểu Đống linh cảm rằng: nếu cậu và con chó cứ đi thẳng, nếu con sói dám xông lên thì con chó sẽ vô nó, còn cậu sẽ dùng chiếc cặp sách đánh con chó sói, nhất định nó sẽ thua. Thế là Tiểu Đống lấy trong cặp sách ra sợi dây xích tròng vào cổ con chó, dắt nó theo sát chân mình, từng bước đi về phía con chó sói.

Con sói gương mặt nhìn Tiểu Đống, Tiểu Đống nhìn lại nó cho đến khi cậu thấy rõ những sợi râu trên mép con sói; con chó vàng sủa lên mấy tiếng, con sói lừ lừ đứng lên, nó có thể bỏ đi mà cũng có thể xông tới. Tiểu Đống lo lắng giữ chặt chiếc cặp sách trên tay.

Đúng như dự đoán của Tiểu Đống. Con sói sẽ không dễ gì chịu bỏ đi khi mà nó còn cách cậu bé khá gần. Đột nhiên con sói chồm lên lao vào Tiểu Đống. Con chó vàng lao lên phía trước. Tiểu Đống không nhớ là mình đã thả sợi dây xích ra như thế nào. Khi con chó quần nhau với con sói, Tiểu Đống vung mạnh chiếc cặp sách mấy lần nhưng không dám đánh vì sợ trúng con chó thân thiết của mình. Con sói đột ngột bỏ chạy khỏi con chó trước những động tác dây về giận dữ của cậu bé, nhưng lại lao thẳng vào Tiểu Đống. Đúng lúc đó, chiếc cặp sách trên tay Tiểu Đống giáng trúng vào lưng con sói. Tiểu Đống đánh rất chính xác, bởi cha cậu và hai chú công nhân đã dặn, đánh chó sói thì phải đánh vào lưng và chân nó. Cú đánh khá mạnh khiến con sói ngã lăn ra đất, ngay lúc đó con chó vàng đã kịp lao tới cắn vào cổ nó.

Không ngờ, vì quá cố sức, Tiểu Đống lao đảo ngã xuống đất, thực ra là một cái hố sâu, vừa ngã xuống cậu bị thụt xuống luôn, chưa kịp phản ứng gì, toàn thân Tiểu Đống bị kéo tuột xuống đáy hố, cậu chỉ còn nghe tiếng động của con chó đang cắn nhau dữ dội với con chó sói ở bên trên. Tiểu Đống không dám cử động mạnh, đây là kiến thức thông thường mà cha cậu và hai chú công nhân từng bảo cho cậu biết, bởi vì trong hố tuyết nếu cử động mạnh, tuyết sụp xuống, rất có thể bị chôn vùi vào tuyết làm cho ngạt thở, đầu kéo lên được cũng khó bề sống nổi. Tiểu Đống đành nằm im trong hố tuyết. Tuyết bắt đầu đông cứng lại. Nơi Tiểu Đống rơi xuống thực ra là một hang sâu, luồng ánh sáng yếu ớt lọt qua miệng hang và âm thanh cuộc “chiến đấu” trên mặt đất cũng vọng vào theo. Cậu rất muốn lên

khỏi hang để hỗ trợ cho con chó, khổ không sao lên được; cậu muốn nhìn thấy con chó để khích lệ nó nhưng cũng lại không sao nhìn thấy được. Tiểu Đống đành phải nghe ngóng tiếng động bên trên để phán đoán; thế nhưng tiếng cắn nhau, tiếng gâm gừ mỗi lúc một xa dần và cuối cùng thì chẳng còn nghe thấy gì nữa. trái tim Tiểu Đống đập thình thịch, cậu bé thầm kêu lên: “Sói ơi! Sói thân thiết của ta!”

Trời tối hẳn, Tiểu Đống nhìn mảnh trời xám xịt trên cửa hang lo lắng, có cảm giác mình sắp đông cứng lại. Cậu hà hơi vào đôi tay, nhưng cũng chẳng ấm lên được tí nào. Cậu nhìn vào đôi bàn tay mình, tự hỏi : “Ta sẽ chết ư?” Nhưng cậu không trả lời mà lại nghĩ đến con chó vàng của cậu. “Sói ơi”, trái tim Tiểu Đống thầm gọi, “Sói ơi, nếu phải chết, chúng mình cùng chết nhé!”

Vừa lúc đó Tiểu Đống nghe tiếng con chó, lòng mừng vô kể, dẫu tiếng con chó rất yếu ớt, dù sao nó cũng đã thắng con sói, nó vẫn sống và đi tìm cậu; dù khắp thân thể nó có thể đầy thương tích, nó vẫn trở về bảo vệ cậu! “Sói ơi!”, Tiểu Đống cảm động kêu to lần nữa “Sói ơi...oi...oi...!”

Con vàng đáp lại tiếng gọi của Tiểu Đống. Rõ ràng là con chó đã nghe được tiếng gọi của Tiểu Đống và dường như điều đó đã cho nó thêm sức lực. Thế là, cậu bé gọi một tiếng, con chó đáp một tiếng. Tiếng gọi rất thân thiết, tiếng đáp rất nồng nàn. Trong khe núi tối đen, tĩnh lặng, tuyết phủ mênh mông, tiếng gọi nhau vang lên dứt, nổi nghe đến não lòng. Tiểu Đống không hề chú ý tới những ngón tay tê cóng đến nỗi không duỗi ra được, cậu cũng hoàn toàn quên



cả sự buốt giá, mãi gọi theo con chó vàng thân thiết của mình đến khản cả giọng.

Mãi sau Trương Nhị Côn và một chú công nhân mới hốt hải chạy tới mang theo chiếc đèn pin lớn của những người tuần đường. Con chó vàng trông thấy Trương Nhị Côn liền rên lên thăm thiết, nhưng anh không hiểu nó, chỉ dựa theo kinh nghiệm bản thân, vội ném cuộn dây thừng xuống hang, kêu to lên để Tiểu Đống nghe thấy. Lúc này cậu bé mới nhận ra là tay mình tê cứng, đầu dây thừng lơ lửng ngay trước mặt mà không tài nào nắm được. “Cha ơi! Con không nắm được dây đâu cha ơi!” Và cậu khóc.

Chú công nhân đứng trên miệng hang giữ chặt một đầu dây, Trương Nhị Côn nắm đầu dây kia leo xuống hang, ôm lấy con và đưa Tiểu Đống lên.

“Sói ơi!”- Vừa lên khỏi miệng hang Tiểu Đống đã gọi ngay con chó thân thiết của mình và phát hiện ra là con chó đã bị con sói đáng ghét kia cắn vào chân sau bên trái và cắn đứt một mảnh tai bên phải. “Sói ơi!”, Tiểu Đống khóc ngất và cả hai ngã vào nhau., “Sói ơi!”...

Nửa tháng sau, đôi bạn lại xuất hiện trên đường đi học. Sức khỏe của Tiểu Đống vẫn chưa hoàn toàn bình phục, song con chó thì đã khỏe mạnh như trước, chỉ có điều tai bên phải vẫn bị mất một miếng, dấu tích nhớ đời của “cuộc chiến” một mất một còn với con chó sói nọ. Con chó mừng rỡ chạy theo Tiểu Đống, có lúc lại phóng lên phía trước như ngày nào. Điều khác trước là, trước đây khi đi đường Tiểu Đống thường im lặng, còn bây giờ thì cứ đi vài bước, cậu lại gọi “Sói ơi!” và con chó thân thiết nhìn cậu, chạy lại trước mặt cậu, rồi lại chạy vọt lên như có ý trêu đùa...

Sau đó là thời gian nghỉ đông, không phải đi học. Tiểu Đống và con chó vàng của cậu lại có thói quen mới. Hàng ngày, khi thức dậy cả hai thường đi dạo ngoài khe núi khi sương mù hây còn dày đặc, có lúc chúng đưa nhau đến cái mỏm núi mà ở đó con chó vàng và con sói hoang đã độ sức trong cuộc chiến vô cùng quyết liệt. Tiểu Đống nhìn con vàng, con vàng nhìn cậu rồi cả hai ngồi lên một mỏm đá im lặng hàng giờ.

Tết đến, đối với ba người đàn ông ở Yên Khê quả là chẳng có gì đáng nói, còn đối với Tiểu Đống lại càng mệt nhọc, buồn chán. ở đây chẳng có gì để vui chơi giải trí, ngày tết cũng chỉ là những ngày bình thường.

Vậy mà tết này bỗng nhiên những người bảo dưỡng đường sắt ở đây lại có được niềm vui, ấy là việc một người chủ của Tiểu Đống đến thăm, mang đến một chiếc ti vi màu. Để giải quyết vấn đề tín hiệu bị núi cao che chắn, chủ của Tiểu Đống còn mang theo một cuộn dây và chiếc ăng ten bằng nhôm. Đêm 30 tết những người ở đồng bằng tụ tập trước máy vô tuyến để xem văn nghệ thâu đêm suốt sáng, những người ở trong núi tự nhiên cũng muốn được như vậy. Trời chưa kịp tối hẳn, một chú công nhân đi tuần đường, Trương Nhị Côn mang cuộn dây và cột ăng ten leo lên núi còn Tiểu Đống và một chú công nhân nữa ngồi trước máy truyền hình. Khi nối dây ăng ten vào máy, trên màn hình nổi lên những chấm trắng loạn xạ như những bông tuyết và một thứ tạp âm lạo xạo, Trương Nhị Côn di chuyển cột ăng ten đến nơi có thể bắt được tín hiệu, màn hình sẽ hiện lên hình ảnh, Tiểu Đống và chú công nhân dán mắt vào màn hình, ở đó sẽ có những hình ảnh mà cậu

bé chưa từng thấy bao giờ. Ngay cả con chó vàng của Tiểu Đống cũng bị sự lạ này hấp dẫn, nhìn chăm chăm vào màn hình vô tuyến.

Trời sắp tối rất nhanh, những bông tuyết trên màn hình càng dày đặc, tạp âm càng nhiều hơn. Chú của Tiểu Đống nói, dấu hiệu tốt đấy, một thứ bóng tối trước bình minh, sẽ xem được thôi! Nói xong chú cầm đèn hiệu chạy ra ngoài. Trước khi Trương Nhị Côn lên núi, hai người đã giao hẹn, nếu ở đây thấy được hình ảnh thì sẽ phát đèn hiệu màu đỏ, Trương Nhị Côn sẽ chôn trụ ăng ten ở đó; nếu cần dịch cột ăng ten sang trái thì phát tín hiệu màu vàng, còn sang phải thì màu xanh.

Lúc này tuyết lại rơi, những bông tuyết bay lả tả, tuyết cũ vẫn chưa tan hết, tuyết mới lại phủ dày, ánh lên màu trắng bạc, lạnh buốt thấu xương.

Thời gian chậm chạp trôi đi, trên màn hình vẫn là những tín hiệu khiến mọi người nản lòng. Tiểu Đống sốt ruột chờ cha về, chờ lâu quá bèn năn nỉ với chú rồi dẫn con chó vàng lên núi.

Tuyết rơi bám đầy mặt chúng. Vừa chạy Tiểu Đống vừa phủi tuyết trên mặt. Con chó vàng chạy lên trước Tiểu Đống, vừa chạy vừa kêu ăng ăng, cuối cùng cả hai lên được đỉnh núi. Con chó chạy đến trước một khối màu trắng nhô lên, vẫy vẫy đuôi. Tiểu Đống lao đến đó, thì ra là cha cậu. Nguyên là, Trương Nhị Côn leo lên núi, vừa đi vừa rải dây ăng ten, một tay giữ cao trụ ăng ten, đi một đoạn quay đầu nhìn xuống dưới chân núi, nơi sẽ phát ra tín hiệu như đã giao hẹn trước, thế nhưng mãi vẫn không thấy gì, cho tới khi rải hết cuộn dây, dưới chân núi vẫn một màu đen thẫm

thì anh thất vọng mà nghĩ rằng, những tiết mục văn nghệ mừng xuân đêm nay chắc không thể nào xem được. Trong cảnh tuyết rơi trắng trời trắng đất, Trương Nhị Côn cảm thấy rất mệt, chán nản ngồi xuống để mặc cho tuyết phủ lên người, uể oải nhìn xuống chân núi cho tới lúc Tiểu Đồng chạy đến, anh cũng chẳng buồn đứng dậy.

“Cha!”, Tiểu Đồng gọi to rồi lao về phía cha mình. Trương Nhị Côn chẳng buồn lên tiếng, chỉ dang tay ra đón con. Tiểu Đồng hiểu ra tất cả, im lặng áp mặt mình vào mặt cha và cảm nhận dòng nước mắt nóng hổi đang trào ra trên mặt cha mình.

Tết qua đi, ngày lại ngày nối tiếp qua đi.

Khi những ngày tết sắp kết thúc, Tiểu Đồng nghe nói, có một vị lãnh đạo Cục Đường sắt đi kiểm tra dọc tuyến đường trên vùng núi cao, thăm hỏi công nhân, tìm hiểu những khó khăn gian khổ trong công việc và điều kiện sinh hoạt của họ, để rồi sẽ có một văn bản chỉ đạo riêng nhằm tháo gỡ khó khăn cho những người công nhân bảo dưỡng đường sắt ở những vùng núi cao hiểm trở. Sau đó ít lâu, vào một buổi chiều khi Tiểu Đồng đi học về, vừa vòng qua mỏm núi, cậu chợt thấy trên nóc nhà một vật giống như chiếc chảo lớn bằng sắt và mấy người lạ đi đi lại lại. Con chó thấy thế tỏ ra rất mừng rỡ vừa sủa vừa chạy vụt lên phía trước, Tiểu Đồng phải gọi nó mới chịu quay lại.

Về đến nhà Tiểu Đồng mới biết, cái vật giống chiếc chảo lớn trên nóc nhà là giàn ăng ten Parabôn. Buổi tối mọi người ngồi trong nhà có thể xem truyền hình rất rõ, không những bắt được đài Trung ương và đài các tỉnh lân cận mà còn bắt được cả đài Hồng Kông nữa. Tối hôm đó tất cả mọi



người ở Yên Khê đều không ngủ, ai nấy đều say sưa xem truyền hình cho đến khi ánh bình minh chiếu vào cửa sổ.

Hôm sau, trên đường đi học tiểu Đống rất vui, khác với ngày thường, cậu hát đi hát lại bài hát đã học thuộc ở trường; con chó vàng thì nhảy tung tung, phóng đi thật xa rồi cắm đầu chạy lại.

Tối hôm đó, khi trở về nhà, Tiểu Đống thấy dòng chữ bằng sơn đỏ loang lổ trên tường biến mất, thay vào đó là một hàng chữ in rất đẹp theo kiểu thời Tống : Khu công nhân bảo dưỡng đường sắt Yên Khê. Mặt Trương Nhị Côn đỏ lên vì rượu, anh lão đảo đi ra nói với con, trước đã có dòng chữ đó, giờ có lại thôi.

Cuộc sống nơi khe núi mù sương này đã có nhiều thay đổi. Một buổi sáng nọ, Tiểu Đống vừa thức dậy, cha cậu nói ngay, từ nay con đi học, không phải đi bộ nữa. Lãnh đạo thông cảm với điều kiện sinh hoạt ở đây nên đã điều một tàu cung ứng hàng ngày chở thực phẩm đến Yên Khê đồng thời chở Tiểu Đống và bốn cháu nhỏ khác trong Cung đường đi học.

Tiểu Đống vui quá cười hì hì vọt ra khỏi phòng, con chó vàng cũng mừng rỡ lao theo. Cậu vừa đến cạnh đường sắt thì đã thấy tàu đợi sẵn. Lúc này Tiểu Đống chợt hiểu rằng mình phải chia tay với con chó vàng, tối sẽ gặp lại! Cậu nhìn con chó, gọi một tiếng tạm biệt rồi nhảy lên tàu.

Con chó liền nhảy lên theo. Mấy chú bé trên tàu sợ hãi kêu lên. Chú lái tàu bảo Tiểu Đống cho con chó xuống. Cậu nhẹ nhàng đẩy con chó xuống, “Tạm biệt!”, Tiểu Đống nói với con chó thân thiết của mình, nhưng con chó không chịu về mà cứ chạy theo con tàu một đoạn rất xa, cho đến khi

con tàu băng qua mỏm núi, Tiểu Đống mới không nhìn thấy con chó nữa.

Nhưng thật bất ngờ, khi Tiểu Đống vừa xuống tàu ở Minh Xung thì con chó vàng đã chạy lại với cậu, lè lưỡi thở hổn hển. “Sói!”, Tiểu Đống mừng rỡ gọi và ôm con chó vào lòng.

Buổi chiều khi tan học, con chó ngồi chờ Tiểu Đống ở cửa lớp. Tiểu Đống lên tàu, tàu chạy, con chó chạy theo một đoạn rồi mất hút vào con đường riêng của nó. Đến khi Tiểu Đống xuống tàu, con chó lại lè lưỡi chạy đến với cậu. “Sói!”, Tiểu Đống gọi và vuốt ve khắp người con chó.

Trong lòng rất vui, Tiểu Đống ngồi vào bàn làm bài tập. Thông thường vào giờ này con chó chạy vào núi kiếm mồi, tới lúc Tiểu Đống làm xong bài tập, nó cũng vừa no, vừa liếm mép vừa chạy về với cậu. Tuy nhiên, hôm nay Tiểu Đống còn chưa làm xong bài tập thứ hai thì bên ngoài chợt vang lên tiếng kêu thảm thiết của con chó. Trái tim Tiểu Đống chợt thất lại, cậu bỏ bút xuống bàn, lao ra cửa. Người cha đang say khướt của cậu cùng với một chú công nhân quàng thông lọng vào cổ con chó kéo ngược lên cành cây. Lập tức toàn thân Tiểu Đống run lên – “Thả ra!” – cậu bé hét to và xông thẳng vào người cha. Trương Nhị Côn đẩy Tiểu Đống ngã chúi xuống đất, cậu liền bò dậy ôm chầm lấy chân cha van xin thống thiết: “Cha ơi, cha thả nó ra đi! Nó chết mất cha ơi! Sói ơi!”...

Trương Nhị Côn dừng tay nhưng lại bảo bạn mình kéo ngược con chó lên, còn mình thì nắm chặt tay Tiểu Đống, phả toàn hơi rượu vào mặt cậu bé: “Nhóc con, mày biết



không, bây giờ không cần tới nó nữa, để nó sống ngày nào, tồn thức ăn của chúng ta ngày đó...”

“Nói liều !”, Tiểu Đống chưa bao giờ tức giận với cha phát câu lên hét to. Cậu vùng vằng cố thoát khỏi tay cha, nhưng Trương Nhị Côn càng nắm chặt hơn. Nhìn con chó đang bị chú công nhân kéo ngược lên cành cây, hai chân hồng dấy, tiếng gào của nó yếu dần thật thê thảm, Tiểu Đống đột nhiên cắn mạnh vào tay cha, người cha bỏ tay ra, tát cậu bé một cái khiến cậu ngã dụi xuống đất. Tiểu Đống bò dậy lao về phía con chó, song cha cậu đã đứng chắn ngay trước mặt. “Sói ơi!”, Tiểu Đống khóc rống lên, cậu biết là không cách nào cứu được con chó thân yêu của cậu. May sao, đúng vào giờ phút nguy cấp ấy, sự thông minh chợt lóe lên, Tiểu Đống xoay người nhảy xuống dốc núi, nằm chắn ngang đường sắt: “Cha giết con chó, con cũng chết luôn đây!” – Tiểu Đống vừa khóc vừa thét lên đau đớn.

Hai người lớn không thể ngờ được sự thể lại như vậy. Họ biết chỉ còn ít phút nữa sẽ có đoàn tàu chạy qua. Họ đành thả con chó ra.

Con chó nhảy vọt xuống dốc núi, phóng đến trước mặt Tiểu Đống. “Sói ơi!”, đôi bạn quấn lấy nhau.

Trương Nhị Côn và chú công nhân đứng trên sườn núi, trong tay chú công nhân còn cầm sợi dây thông lọng.

Tiểu Đống nhìn cha và chú công nhân một hồi lâu, đoạn lặng lẽ dắt con chó bằng qua đường sắt đi vào núi.

- Quốc Đống ! Người cha gọi.

Cậu bé không trả lời.

-Quốc Đống ơi...ơ...ơ...ơ...Chú công nhân gọi.

Cậu bé cũng không quay đầu lại. Đôi bạn chầm chậm đi về phía xa.

Hai người đàn ông không gọi Tiểu Đống nữa. Trương Nhị Côn lau qua khuôn mặt đỏ gay vì rượu, nói: “Núi cao hiểm trở thế này, mày đi đâu được hả con? Cậu đừng lo, tối nó sẽ về xem ti vi thôi”.

Đêm xuống, ti vi đã mở từ lâu mà Tiểu Đống và con sói vẫn chưa thấy về. Quá nửa đêm Trương Nhị Côn mới hốt hoảng chạy tìm con nhưng chẳng thấy đâu. “Quốc Đống ơi! Quốc Đống ơi Quốc Đống!” – Người cha gọi hoài tên con trong núi “Quốc Đống ơi Quốc Đống!”... Mãi sau Trương Nhị Côn chợt gọi to: “Sói ơi, mày và Tiểu Đống hãy về đi Sói ơi! Ta sẽ không làm gì mày đâu, Sói à!”

Đúng vào lúc ấy, người cha của Tiểu Đống chợt nghe từ hun hút giữa rừng đêm tiếng đáp lại của Tiểu Đống và con chó vàng thân yêu của nó.

Trà Ly dịch



LAO THÂN VÀO CHỐN MỊT MỜ....

Hà Sơn Thụ (Trung Quốc)

Con tàu xuyên qua màn đêm thăm thẳm của phương bắc gào thét lao về phương nam. Trong toa, năm mươi mấy cô gái chuyện trò rôm rả.

Trước đó không lâu, ông Trương, giám đốc trung tâm dạy nghề Tứ Hải huyện Bảo An tỉnh Quảng Đông đã đến vùng nông thôn phía bắc tỉnh An Huy để tuyển nữ công nhân học nghề lắp ráp điện tử, lương khởi điểm mỗi tháng 300 tệ. Để phòng công nhân sau khi học nghề bỏ đi, mỗi người phải nộp trước 300 tệ, ba năm sau sẽ hoàn trả lại.

Ngồi tựa cửa sổ toa tàu là Du Phương Phi, một cô gái hai mươi hai tuổi, da mặt trắng hồng, chớp chớp đôi mắt bồ câu đen láy, nổi trội hơn hẳn các cô gái khác. Cô là giáo viên tiểu học ở làng, nhờ thông minh và chăm chỉ đã có bằng tốt nghiệp đại học hàm thụ khoa tiếng Anh. Con người ta ai cũng muốn vươn lên, vì vậy Du Phương Phi cũng muốn lên thành phố kiếm việc làm khá hơn.

Nhà Phương Phi rất nghèo, hơn hai mươi năm trở lại đây chỉ có hai mẹ con sống nương tựa vào nhau. Để có đủ tiền nộp, mẹ cô đã phải bắt mấy con gà mái để đem bán. Bà nói :

Chỉ cần sau này con sung sướng, có xuống xuôi vàng mẹ cũng vui lòng con ạ!

Mẹ ơi --Phương Phi cảm động ngả vào lòng mẹ, cô biết mẹ đã phải sống nửa cuộc đời lạng lẽ, khổ nghèo, giờ đây

càng khó khăn hơn – Làm ăn khấm khá lên một chút, con nhất định sẽ về đón mẹ!...

Trong màn đêm thâm u đoàn tàu tiến vào ga Quảng Châu. Vừa ra khỏi ga, các cô gái nông thôn phương bắc choáng ngợp, ngỡ ngàng : trên đường phố cơ man là người, xe ô tô các loại bật đèn sáng choang lao đi như mắc cửi.

Giám đốc Trương dùng tiếng phổ thông giọng lơ lớ, nói :
“Các cô lạ người lạ chốn, chớ nên đi lại lung tung. Ô tô từ Bảo An đến đón chúng ta đang đỗ ở phía đông quảng trường, tôi đi gọi xe lại bây giờ”. Nói xong, ông Trương xách túi hành lý mất hút giữa dòng người tấp nập.

Cây kim phút trên chiếc đồng hồ lớn ở ga quay đúng ba vòng vẫn không thấy giám đốc Trương đâu cả. Một nhân viên bảo vệ đến trước các cô, hỏi :

Khuya thế này, các cô cần về đâu?

Chúng tôi từ An Huy đến đây làm việc – Du Phương Phi nói thay mọi người – Rồi cô kể cho người bảo vệ nghe đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, người bảo vệ nói :

Thế là các cô bị lừa rồi!

Ông ta có giấy giới thiệu hẳn hoi mà!

Giấy giới thiệu giả đấy! Chuyện này đối với họ dễ như trở bàn tay.

Thật sao? Thế thì gay to rồi! Du Phương Phi kinh ngạc. Ước mơ của các cô bỗng chốc tan biến như bọt xà phòng. Nhiều cô bật khóc.

Quảng Đông đâu phải chỗ nào cũng có vàng để nhặt? Anh nhân viên bảo vệ nói – Thôi, các cô đi theo tôi. Anh ta dẫn các cô đến nơi nghỉ tạm. Sáng hôm sau người bảo vệ

lại đưa các cô lên tàu về quê miễn phí. Hẹn năm mươi cô gái ngây thơ ở An Huy còn chưa kịp ngắm nhìn thành phố Quảng Châu xinh đẹp đã phải ôm hận trở về...

Du Phương Phi! Đang ngồi trên tàu chợt nghe gọi, Phương Phi nhìn lại thì ra là Đường Tôn, giáo viên Hán ngữ của trường Sư phạm huyện. Hồi đó Du Phương Phi là hoa khôi của trường nên nhiều người biết đến, tuy đã ba năm không gặp, Đường Tôn vẫn nhận ra cô từ xa.. Sau khi nghe Phương Phi kể rõ hoàn cảnh của mình, Đường Tôn thẳng thắn nói:

Em đến xưởng tôi đi. Thời gian đầu chịu khó làm công nhân vậy, lương tháng 400 tệ, em thấy thế nào?

Ba năm trước Đường Tôn về Quảng Châu nhận thừa kế của bố vợ một khoản tài sản lớn, hiện là chủ xưởng đồ chơi Khang Tân. Phương Phi nhìn Đường Tôn, cô hơn bốn mươi tuổi, người tuy không cao nhưng ăn vận nghiêm chỉnh, tinh nhanh, phong độ, tỏ ra là người từng trải và thành đạt. Phương Phi như kẻ chết đuối vớ được cọc, việc gì phải đắn đo suy nghĩ nữa? Cô liền gật đầu cảm ơn.

Công việc của Phương Phi rất đơn giản : Đính mắt cho những con thú nhồi bông. Tuy mỗi ngày phải làm việc mười tiếng đồng hồ, nhưng bù lại, tiền lương hằng tháng, trừ ăn uống và tiêu vật, cô có thể gửi cho mẹ gần một trăm đồng.

Một hôm, một vị khách người Mỹ mũi lõ, mắt xanh tóc vàng đến xem hàng. Anh ta cầm con mèo trắng ngấm nghĩa, “xi lô xi la” một chập, chẳng may lúc đó người phiên dịch đang đi vệ sinh, Đường Tôn chẳng hiểu gì cả cứ vò đầu bứt tai mãi. Phương Phi vội nói:

Xưởng trưởng Đường, vị khách người Mỹ bảo, con mèo Ba Tư này tạo dáng rất đẹp, tuy nhiên, nếu thay đổi một chút, không để hai mắt màu hồng nữa mà một mắt hồng, một mắt xanh thì sẽ thú vị hơn!

Được được! Đường Tôn đồng ý ngay.

Phương Phi quay lại phía vị khách người Mỹ “xi lô xi la” một hồi, gã người Mỹ mỉm cười gật gật đầu. Và rồi một hợp đồng lớn đã được ký.

Hôm sau Đường Tôn điều Phương Phi lên Văn phòng làm thư ký riêng. Từ đó Phương Phi trút bỏ bộ quần áo công nhân, ăn mặc trang điểm rất một, cặp kè với Xưởng trưởng Đường tại các quán trà, nhà hàng, sàn nhảy...giữa bao nhiêu thương khách hào hoa lịch thiệp!

Sau tết, Đường Tôn đưa Phương Phi đến khách sạn Quảng Châu để đàm phán với khách hàng Hồng Kông và ký được một hợp đồng béo bở. Đường Tôn vô cùng phấn khởi, khui ngay một chai rượu Tây, nói: “Phương Phi, lần này công của cô lớn lắm, lại đây, ta phải uống mừng thắng lợi mới được!”

Hai chiếc ly chân cao sóng sánh màu hổ phách cụng nhau đánh cốc. Tửu lượng của Phương Phi không đến nỗi tồi nên cả hai cứ ngửa cổ “dô dô” mãi! Một lát sau Phương Phi thấy đầu nặng trĩu, mắt hoa lên, cô không đứng vững được nữa đổ người xuống ghế sa lon...

Khi mở mắt ra Phương Phi phát hiện mình đang nằm trên giường, áo quần bị cởi tung và đau buốt ở...Cô kinh hãi hiểu rằng trinh tiết của mình không còn nữa! Cạnh đó, Đường Tôn tựa người vào salon diêm nhiên hút thuốc. Phương Phi giận dữ lao đến trước mặt Đường Tôn, gí ngón

tay vào mũi hần gào lên: “Ông...ông là đồ súc vật!” Cô quay lại nằm vật xuống giường khóc rưng rức.

Đường Tôn vẫn điềm nhiên hút thuốc, chờ cho đến khi cơn sóng lòng cuồng nộ của Phương Phi dịu lại mới từ từ đến gần nắm lấy vai cô, giọng thiết tha nói:

Phương Phi, anh nói thực lòng, cách đây ba năm khi mới gặp em lần đầu, anh đã rất yêu em...

Đồ dối trá!

Không! Không phải như vậy! Vợ anh béo phì như thùng tô nô, lại kém văn hóa, thường ngày anh không bao giờ dám đưa bà ấy ra đường. Nếu em đồng ý, anh sẽ ly dị với bà ấy và lấy em làm vợ. Em trẻ đẹp thế này, lại tài hoa nữa, nhất định sẽ cùng anh làm cho xưởng của chúng ta ngày càng phát đạt!

Nghe Đường Tôn nói, Phương Phi lau nước mắt, nghĩ: “Đúng! Trinh tiết đã mất, không thể lấy lại được. Khóc mãi phỏng có ích gì? Gã Đường Tôn này mở xưởng, kiếm được không ít tiền đâu. Vả lại, anh ta cũng chưa già lắm...” Phương Phi nhìn sát vào mặt Đường Tôn, nói:

Thôi được! Anh đã nói vậy thì... Anh hãy lập tức ly hôn với vợ anh đi!

Đường Tôn nhúm mày:

Ly hôn ngay ư? Như thế sao được? Bà ấy đã sinh cho anh hai đứa con trai, hơn nữa, cha bà ấy lại là người rất có thế lực ở đây, dù là ông đã chết. Vội mấy cũng không thể húp cháo nóng được, em phải cho anh hai tháng để anh lo liệu, được không?

Cũng được! Cho anh hai tháng. Nếu lừa tôi, tôi không để anh yên đâu!

Hai tháng trôi qua, Đường Tôn vẫn không hề ly dị vợ. Phương Phi giục mấy lần nhưng lần nào anh ta cũng tìm cách thoái thác.

Chiến tranh Vùng Vịnh bùng nổ, việc buôn bán đồ chơi trên thị trường giảm mạnh, hàng tồn kho dồn đống như núi, vốn liếng khô đọng khiến cho Đường Tôn lo lắng mất ăn mất ngủ, sút gần chục cân thịt.

Một hôm Đường Tôn đưa Phương Phi đến Nhà hàng Minh Châu hội kiến với nhà buôn Ma Cao Dư Thuần Dương.

Dư Thuần Dương khoảng năm mươi tuổi. Một vết sẹo dài cỡ ba cen ti mét làm cho má trái ông ta bị lệch kéo cả con mắt trái lệch theo, khuôn mặt ông vì vậy trông già hẳn. Sống mũi ông Dư gãy, môi trên để râu hình chữ bát. Ông ta nhìn Du Phương Phi như bị hấp hồn, đôi tròng mắt chốc chốc đảo qua đảo lại. Đường Tôn nhận thấy ngay vẻ thèm thuồng của Dư Thuần Dương liền đẩy vào lưng Phương Phi, nói nhỏ:

Thằng cha này có vẻ mê em rồi đấy. Tối nay em hãy đến phòng hắn một lúc nhé!

Thế nào, ông định dùng mỹ nhân kế ư?

Đường Tôn nghiêm mặt nói:

Tôi không bảo cô ngủ với hắn mà là tiếp đãi hắn thân mật một chút. Nhưng nhớ là phải có giới hạn đấy! Nhân đó mà moi tin tức từ hắn!

Tin tức gì?



Tin tức về thị trường đồ chơi ở châu Âu, châu Mỹ những ngày gần đây. Hẳn có thể nhận hàng của chúng ta không, giá cả thế nào? Nét mặt Đường Tôn chợt trở nên thành thật – Anh và em sắp trở thành vợ chồng chính thức phải không nào, tiền anh kiếm được cũng là của em đấy thôi!

Nói nghe hay đấy! Phương Phi nhìn thẳng vào mắt đường Tôn – Thì thử xem! Nói xong, đánh mông bước đi.

Đêm đó Du Phương Phi trang điểm rất kỹ rồi đến khách sạn Thiên nga. Vừa đẩy cửa bước vào phòng Dư Thuần Dương, Phương Phi thấy lão đang dùng kim tự tiêm vào tay mình. “ á, lão ta chích thuốc phiện!”—Phương Phi kinh ngạc , nghĩ.

Chích thuốc xong, lửa dục bốc lên rùng rục, thấy Phương Phi xinh đẹp nồn nà bước vào phòng Thuần Dương liền lao đến ôm chầm lấy cô : “Ồi tiểu thư sắc nước hương trời, thế gian này hiếm có ai sánh kịp!” Phương Phi không ngờ lão lại trắng trợn đến thế , liền vùng khỏi vòng tay lão tông cửa đi ra. Khi cô ra đến cửa khách sạn thì có một người đàn ông ăn mặc rất lịch sự đuổi theo. Anh ta là Diệp Vũ Thanh, thư ký riêng của Dư Thuần Dương. Diệp Vũ Thanh đưa Phương Phi đến gốc cây hòe tây, hỏi nhỏ :

Cô Du, cô có muốn đến định cư ở Ma Cao không?

Phương Phi ngạc nhiên hỏi :

Anh nói sao? Định cư ở Ma Cao à ? Anh nói rõ hơn xem nào!

Là thế này, ông chủ của chúng tôi, vợ vừa mới chết ít lâu, rất cô đơn nên đang muốn tục huyền.

Cái gì? Anh bảo tôi lấy lão già xấu xí ấy à? Phương Phi nổi cáu hỏi.

Diệp Vũ Thanh cười nhạt :

Ông chủ tuy bề ngoài khó coi một chút, nhưng ở Ma Cao ông ta là người hùng cứ một phương, có danh giá, địa vị; nếu cô lấy ông ấy, chẳng phải sau một đêm cô đã là một phu nhân quý phái giàu có nhất Ma Cao đó sao ?

Thế...Không hiểu sao lửa giận trong lòng Phương Phi dịu lại. Thực ra đối với Diệp Vũ Thanh bản thân cô vốn có chút cảm tình, có lẽ do anh ta rất giống người tình của cô thời còn là học sinh trung học. Khuôn mặt trắng trẻo, dưới đôi lông mày rậm là đôi mắt to rất có hồn, đầy nam tính mà lại rất dịu dàng. Phương Phi nhìn lơ đãng ra khoảng không trong đêm. Một ngôi sao rơi bùng sáng lên rồi tắt lịm. “Mình sẽ nghĩ kỹ thêm!”, cô tự nhủ.

Đêm đó Phương Phi mất ngủ. Cô nghĩ miên man: Từ phương bắc lưu lạc đến Quảng Đông rồi bị Đường Tôn cưỡng hiếp. Gã ngụy quân tử này hiển nhiên là lừa gạt, chỉ coi mình như một thứ đồ chơi. Cô lại nghĩ đến chuyện tự chích thuốc phiện của Dư Thuần Dương ngay trong phòng ngủ. Phương Phi đã từng nghe nói, kẻ nghiện ngập đến mức phải chích ma túy vào người may ra chỉ sống thêm từ ba đến năm năm. Điều đó có nghĩa là, tấm thân ô nhục này, nếu lấy lão già ấy, chỉ ít năm nữa thôi, lão chết, cả cái gia tài đồ sộ của lão sẽ hoàn toàn thuộc về ta. Đến lúc đó thì...

Hôm sau Du Phương Phi đến phòng Dư Thuần Dương lần nữa. Dư Thuần Dương giương đôi mắt đục ngầu soi mói nhìn xoáy vào ngực Phương Phi, chậm rãi nói :

Người đẹp bé bỏng của ta, em nghĩ kỹ chưa? Lấy ta em chẳng mất gì mà bỗng chốc lại thành kẻ chiến thắng!

Em cần thỏa thuận với ông ba điều.

Vậy à? Ba điều gì?

Thứ nhất, Em đến Ma Cao trước để xem có thật là vợ ông đã chết? Ngộ nhỡ trong nhà có hổ cái làm sao em chịu nổi?

Được! Ta chẳng những không có vợ mà cả con cũng không có nốt.

Thứ hai, Ông phải làm giấy tờ nhập cảnh cho em trước, sau đó mới chính thức làm thủ tục kết hôn. Cho đến lúc đó, ông không được lên giường với em.

Được!

Thứ ba, Sau khi chính thức kết hôn ông phải đón ngay người thân duy nhất của em là mẹ em từ Đại lục sang đây.

Điều này...Dư Thuần Dương có vẻ khó xử. Lão im lặng hồi lâu rồi mới lên tiếng:

Thôi được! Ta chấp nhận ba điều kiện của em.

Đến đây Du Phương Phi mới hỏi:

Việc buôn bán đồ chơi ở thị trường Âu Mỹ dạo này thế nào, ông biết không?

Giá lên rồi. Ta vừa nhận được mấy hợp đồng lớn, đang cho người tìm hàng ở Đại lục đấy – Dư Thuần Dương đáp.

Tốt rồi. Chắc chắn là Đường Tôn chưa biết tin này. Ông ta đang tồn kho một lượng hàng lớn, bảo em đi nắm tình hình. Bây giờ em sẽ hành động ngay, báo giá rồi nhập hàng

luôn. Trong thâm tâm Phương Phi quyết trả đũa Đường Tôn cho bõ tức!

Tốt! Chúng ta đặt thông lọng cho hấn chui vào! Thuần Dương đắc chí nói.

Hai người bí mật bàn định kế hoạch. Phương Phi gi ngón tay vào mũi họ Dư nói :

Chuyến này ông phát to nhé !

Thuần Dương cười, đính chính :

Phải nói là chúng ta phát to chứ !

Hai người nhìn nhau rồi ngửa mặt lên trời mà cười...

Dư Phương Phi và thương gia Ma Cao Dư Thuần Dương lượn lơ bên nhau hai ngày rồi báo tin cho Đường Tôn: “Đồ chơi trên thị trường Âu Mỹ vẫn sút giá nghiêm trọng! Có điều, Dư Thuần Dương mê em nên đã đồng ý giữ giá cũ. Vậy là mình giải phóng được vốn rồi đó!” Được tin, Đường Tôn vội bảo Phương Phi thông báo cho Dư Thuần Dương và ký hợp đồng giao hàng giao tiền ngay!

Mấy hôm sau Đường Tôn mới biết, mình bày kế mỹ nhân, ngược lại, chính mình sập bẫy, tổn thất nặng nề. Gã tức giận tìm Dư Phương Phi nhưng cô đã mất dạng. Thì ra, hai hôm trước đó, Thuần Dương dùng tiền khai thông con đường thủy bí mật và Phương Phi đã về đến Ma Cao.

Chiếc tàu nhỏ chở rau quả cập cảng Ma Cao liền được cảnh sát thủy tiếp ứng, hộ tống Dư Phương Phi lên bờ. Một chiếc taxi đỏ đưa cô đến tòa biệt thự phía nam vịnh.

Tòa biệt thự tựa lưng vào núi nhìn ra biển, xung quanh là cây cối miên á nhiệt đới xanh um, cảnh sắc thật mê người. Phòng khách kê bộ salon da của ý loại đắt tiền.

Những chùm đèn thủy tinh trong suốt lóng lánh. Những con cá cảnh nhiệt đới đủ màu sắc bơi lội tung tăng trong bể nước. Phòng ngủ của Phương Phi đầy đủ tiện nghi được trang trí thật trang nhã, thi vị.

Dư Thuần Dương giữ đúng lời hứa, không vội sống chung với Phương Phi. Lão sai người lo các thủ tục cần thiết. Chưa đến mười ngày, mọi giấy tờ cần thiết do cảnh sát Ma Cao cấp cho Phương Phi đã hoàn tất. Dư Thuần Dương cũng không vội ép Phương Phi...

Tuy nhiên, sống một mình giữa xứ lạ, lại như chim trong lồng, Phương Phi biết lựa chọn thế nào đây? ở Ma Cao thiếu nữ lấy ông già hoàn toàn không có gì lạ. Cuối cùng thì Phương Phi cũng chấp nhận làm một vị quý phu nhân!

Hôn lễ được cử hành tại khách sạn Duyệt Khải, vô cùng long trọng!

Sau lễ cưới trở về, Dư Thuần Dương không kịp cởi quần áo, lao ngay vào Du Phương Phi như con hổ đói. Đêm ấy Du Phương Phi chẳng khác nào cái xác không hồn!...

Thuần Dương và Phương Phi sống với nhau khoảng một tháng thì có điện thoại của khách hàng Đài Loan, Thuần Dương liền bay đến Đài Bắc thương thuyết chuyện làm ăn. Phương Phi sống một mình ở biệt thự với ba cô giúp việc, nhàn nhã suốt ngày.

Một buổi tối Phương Phi tìm giấy bút viết thư cho mẹ, tình cờ thấy một xâu chìa khóa. Cô do dự một lát rồi tự nhủ: Ta và Thuần Dương đã lấy nhau vậy có gì là bí mật nữa? Và, tính hiếu kỳ khiến Phương Phi mở tất cả các ngăn kéo trong phòng ngủ ra xem. Khi mở ngăn kéo bàn

trang điểm bằng gỗ giáng hương, cô thấy chiếc cặp giả da màu lam, bên trong có một tấm ảnh đen trắng đã ố vàng. Nhìn tấm ảnh Phương Phi chợt giật mình kinh hãi.

Tấm ảnh cỡ 3 x 4, bên trái là một thanh niên nông thôn mặc may ô trắng, mặt mũi khôi ngô, miệng nở nụ cười hạnh phúc; bên phải là cô gái cắt tóc ngắn, mặc áo hoa đang bế một bé gái ngây thơ. Cô nhận ra ngay đây là bức ảnh “toàn gia hạnh phúc” chụp khi Phương Phi đầy tháng! Lẽ nào Dư Thuần Dương lại là người cha hơn hai mươi năm mình chưa hề gặp mặt? Đầu óc Phương Phi như nổ tung, tâm thần bấn loạn. Không thể như thế được! Cha thì đôn hậu thế kia còn Thuần Dương thì điều toa nhường ấy; khuôn mặt cha thì khôi ngô tuấn tú mà Thuần Dương thì xấu xí gớm ghiếc!... Suốt mấy ngày liên trái tim Phương Phi như bị vò xé và thiêu đốt, khắc khoải trông chờ Thuần Dương trở về.

Thuần Dương vừa về đến nhà, vất chiếc cặp lên bàn liền giang tay về phía Phương Phi :

Ồi! Báu vật bé bỏng của ta! Ta nhớ em đến chết đi được! Lại đây em!

Khoan đã! Phương Phi đưa tay ngăn lại.

Thuần Dương ngạc nhiên hỏi :

Phương Phi, hôm nay em làm sao thế?

Hãy trả lời tôi đi đã, ông có phải là Du Bân không?

“Du Bân”, cái tên này đã chết cách đây hơn mười năm giờ Phương Phi lại đào xới lên từ trong đồng hoang tàn của ký ức khiến ông ta kinh hãi trở mặt nhìn như ngây dại:

Sao cô biết cái tên này của ta?

Phương Phi như bị sét đánh ngang tai, mặt tái nhợt, người phát run lên hỏi:

Vậy, quê ông ở An Huy chứ?

Đúng, ở phía bắc An Huy.

Du Phương Phi ngồi phịch xuống giường thất thần lẩm bẩm “Trời ơi! Ác nghiệt! Ác nghiệt!” Cô lấy trong ngăn kéo ra tấm ảnh “Toàn gia hạnh phúc” mà Đư Thuần Dương cất giữ cùng với tấm ảnh của mình đưa đến trước mặt ông ta, bảo “Ông xem đi!” Cầm hai tấm ảnh lên, Thuần Dương càng kinh ngạc hỏi:

Sao cô lại có cả tấm ảnh này?

Phương Phi vừa như xấu hổ vừa ngại ngùng nói nhỏ :

Đứa bé trong tấm ảnh này chính là Phương Phi đấy!

Du Thuần Dương như bị trúng độc, toàn thân run bắn lên, vết sẹo trên mặt giật giật mấy cái :

Cô đừng hồ đồ, đứa bé trong ảnh là Ân Muội.

Hồi bé Phương Phi tên là Ân Muội, khi học tiểu học thầy giáo mới đổi thành Phương Phi.

Trong nỗi kinh hoàng tột độ, đôi mắt Thuần Dương càng dục ngẫu và bất động. Lão khụy người xuống salon, hai tay ôm lấy vầng trán ướt đẫm mồ hôi lạnh, thốt lên: “Ồi, cuộc đời sao ác nghiệt!” “Nghiệp chướng! Nghiệp chướng! Ta lấy cha để làm chồng! Trời ơi!” Trái tim Phương Phi tưởng như đang rỉ máu!

Từ trước đến giờ Phương Phi vẫn nghe mẹ kể, khi cuộc nội loạn mười năm sắp kết thúc, cha cô và Đội trưởng sản xuất Du Kiên, không hiểu vì sao lại đánh nhau chí tử rồi bỏ đi, không có tin tức gì nữa. Người cha trong tấm ảnh và

Dư Thuần Dương diện mạo hoàn toàn khác nhau làm cho Phương Phi thất sắc, nhưng Thuần Dương không vội giải thích. Lão nhìn chăm chăm qua cửa sổ, ánh mắt cực kỳ phức tạp. Rất lâu sau, Thuần Dương thở dài và kể : “ Tôi hôm đó, khi ta và Du Kiên đánh nhau, hấn dùng dao rạch mặt ta. Ta đập gậy lên đầu hấn, hấn ngã gục xuống chết. Hoảng quá ta bỏ chạy về phương nam. May mà ta đã từng học một ông thầy võ trong làng biết chút ít cây cỏ làm thuốc, ta hái chúng đắp vào vết thương. Thừa lúc hỗn loạn ta trốn sang Ma Cao làm vệ sĩ rồi Tổng quản cho Hạ Tân, ông vua ngành công nghiệp nhẹ giàu nhất Ma Cao thời ấy. Về sau, Hạ Tân chết do tai nạn ô tô, vì không còn ai thân thích, ta được thừa hưởng một gia tài lớn...”

Dư Thuần Dương kể đến đây chợt im lặng khá lâu và như vừa qua một cơn ác mộng, lão nắm tay Phương Phi hỏi: “Tại sao thư từ ta gửi về nhà đều bị trả lại? Mẹ con dạo ấy thế nào, có bị chính quyền làm khó dễ gì không?”

Nghe Dư Thuần Dương nhắc đến mẹ, trái tim Phương Phi chợt như có dòng nham thạch nóng bỏng đang phun trào, cô vụt kêu lên một tiếng thê thiết “ Cha!” đoạn ngã vào lòng người cha đã qua bao cơn đau khổ. Những giọt nước mắt xót xa của Dư Thuần Dương rơi lặng lẽ trên mái tóc Phương Phi...Mãi sau, cố nén xúc động, Phương Phi kể hết mọi chuyện ở quê nhà.Để xây đập thủy lợi , người ta đã biến vùng đất quê cô thành “ Hồ Bách Diểu”, dân trong thôn phải di dời đi nơi khác. Mẹ cô còn ở đó, chỉ một thân một mình vô võ, lại ốm đau luôn. Ông Du Kiên thực ra chưa chết, chỉ vì bị đánh trọng thương sợ não nên về sau thành kẻ phế nhân điên dại...

Nghe nhắc đến Du Kiên, Thuần Dương giật mình đánh thót, hần học hỏi “ Du Kiên chưa chết ư?” Lão nghiêng rặng, đôi mắt trùng trùng nhìn về phía xa xăm rồi từ từ quay lại xét nét nhìn chiếc sống mũi cao của Phương Phi một lúc lâu, đột nhiên đẩy cô ra, uể oải ngồi xuống ghế...

Du Phương Phi cảm thấy rất lạ, liền hỏi :

Cha, cha làm sao thế ạ? Chẳng lẽ cha không nhận ra con nữa sao ?

Ôi! Chuyện cũ như mây khói! Ngẫu nhiên mắc sai lầm, bạc tiền địa vị chỉ là giấc mộng mà thôi! Phương Phi, thời gian như dòng nước chảy cuốn trôi và nhấn chìm tất cả, từ nay cha sẽ đối xử tốt với con, bù đắp cho con bội phần! Giọng nói của Dư Thuần Dương phảng phất cả niềm ân hận.

_ Cha ơi, cha hãy mau đón mẹ về đây đoàn tụ đi cha!

Việc này cha đã sắp đặt cả rồi.

Trong lòng Du Phương Phi dâng trào một tình cảm nồng nàn ấm áp : từ nay cô sẽ được sống cuộc đời của một tiểu thư ngàn vàng trong một gia đình giàu có!

Suốt cả tuần lễ Thuần Dương đưa Phương Phi đi chơi khắp Ma Cao. Một hôm, Phương Phi nũng nịu :

Cha ơi, Ma Cao bé như cái lồng thế này, lúc nào cha mới cho con đi chơi xa đây?

Sắp Trung thu rồi, bây giờ đi châu Âu không kịp nữa. Cha muốn đưa con đi chơi Hồng Kông, Đài Loan trước đã, cha cũng có việc cần làm ở đó. Con gái ngàn vàng của cha, con đồng ý không?

Phương Phi nắm tay Thuần Dương, nói :

Con ư? Con xin phục tùng ý cha!

...Mây bay từ từ hạ cánh xuống sân bay Đài Bắc. Thuần Dương vừa đưa Phương Phi ra khỏi phòng đợi đã thấy Diệp Vũ Thanh được cử đi tiễn trạm đến đón.

Dư tiên sinh, Dư tiểu thư đi đường chắc mệt lắm?

Chiếc ô tô đỏ chạy như bay trên con đường rộng, bóng loáng. Những cây cọ, cây dừa xanh biếc hai bên đường lao vun vút về phía sau. Phương Phi liếc nhìn vào kính chiếu hậu, Diệp Vũ Thanh đang chăm chú lái xe, khuôn mặt thật ưa nhìn khiến lòng cô chột thấy nao nao.

Xe chạy không biết bao lâu, cuối cùng vòng qua hòn non bộ có suối nước quanh co rồi dừng lại trước tòa nhà tường hồng ngói xanh trắng lẹ, đèn huỳnh quang bảy sắc kết thành dòng chữ “Nhật nguyệt đàm tửu quán”.

Ăn tối xong, Thuần Dương âu yếm bảo Phương Phi: “Hôm nay đi đường mệt rồi, con cứ việc ngủ trước. Cha và anh Diệp có việc phải ra ngoài một lát”.

Anh trăng trườn dần lên những cây cọ cao cao rải vàng xuống mặt đất, những khúc tình ca réo rắt của thanh niên nam nữ dân tộc Cao Sơn và tiếng nước róc rách từ xa vọng lại. Gió núi mang mùi hương hoa cỏ nhẹ nhàng lay động tấm rèm cửa màu xanh nhạt. Trong bầu không khí ấm áp ấy Phương Phi ngủ thiếp đi và mơ thấy quê nhà. Trong mơ cô gặp lại người yêu đầu đời...và rồi...người ấy bỗng biến thành Diệp Vũ Thanh!

Đột nhiên Phương Phi nghe tiếng chuông cửa. Hai giờ đêm rồi, ai đến thế nhỉ? Phương Phi tự hỏi. Cô nhẹ nhàng bước xuống giường hé mở tấm chắn ô trống trên cánh cửa :

một khuôn mặt trắng trẻo khôi ngô, một đôi mắt nồng nàn hấp dẫn. Đó là Diệp Vũ Thanh! Phương Phi hoang mang hỏi:

Có chuyện gì vậy anh Diệp?

Diệp Vũ Thanh đưa ngón tay trở lên môi có ý bảo im lặng rồi chỉ về phía bên phải phẩy phẩy tay ngầm bảo đừng làm ồn kéo Thuần Dương ở phòng bên thức dậy. Anh ta nói khẽ:

Cô mở cửa ra đi, tôi có chuyện quan trọng muốn nói với cô!

Tim Phương Phi đập mạnh, tay run run vừa chạm đến chốt cửa, chợt hiện lên trong đầu hình ảnh cái đêm bị Đường Tôn làm nhục, cô vội rút tay lại :

Có chuyện gì để ngày mai hăng nói, bây giờ muộn quá rồi anh Diệp.

Nói xong, Phương Phi kéo tấm chăn lại. Ngoài cửa im lặng, một lúc sau có tiếng chân người bước đi xa dần. Phương Phi tựa vào cánh cửa, khuôn ngực phập phồng. Đêm tĩnh mịch, im ắng cả tiếng côn trùng mùa thu. Bỗng có tiếng chuông điện thoại. Phương Phi do dự mãi mới nhấc ống nghe, tiếng nói của Diệp Vũ Thanh gọi đến:

Cô Dư, cha cô sắp bán cô đấy!

Cái gì? Cha tôi sắp bán tôi ư? Sao anh hồ đồ vậy?

Tôi không hồ đồ! Ông ta sắp bán cô cho "Lam cung dạ tổng hội" đấy!

Sao anh biết? Có căn cứ gì không? Tại sao ông ta lại bán con gái mình chứ? Tại sao? Phương Phi dồn dập hỏi.

Việc này tôi cũng không rõ nữa. Cô biết đấy, ở vào địa vị của tôi, đối với chủ, tìm hiểu căn kẽ mọi chuyện là điều cấm kỵ. Thấy cô là một cô gái thuần phác ngây thơ, tôi thương tình báo cho cô biết vậy thôi.

Không! Không có căn cứ, không có lý do, một người cha lại đem bán con gái mình sau mấy chục năm gặp lại ư? Tôi làm sao tin được? Anh cho rằng tôi vẫn là một con bé ngây thơ sao? Anh Diệp, lòng tốt của anh thật hiếm có! Cảm ơn lòng tốt của anh! Phương Phi mĩa mai nói rồi lập tức dập máy. “Một kẻ khẩu phật tâm xà! Cô hẳn học tự nhủ – Cùng một giuộc với bọn đều cang cả thôi!”

Phương Phi mở cửa sổ, làn gió mát phả vào mặt khiến đầu óc cô tỉnh táo đôi chút. “Mình và Diệp Vũ Thanh tình cò gặp nhau, thấy có cảm tình chẳng qua chỉ do ấn tượng bên ngoài của anh ta!” Kinh nghiệm sống cảnh báo với Phương Phi: Hãy coi chừng bị mắc lừa! Trong công ty, Diệp Vũ Thanh ở vào cương vị dưới một người trên nhiều người, vậy mà anh ta lại tỏ ra đặc biệt quan tâm đến mình, chắc hẳn phải có ý đồ gì đây? Trong những ngày này cha ta rất yêu quý ta, quả thật ông đang thực hiện lời hứa “bù đắp gấp bội” đối với ta! Nghĩ đến đây Phương Phi chợt thở dài: “Cuộc đời thật hiếm ác!”

Phương đông sáng dần, mặt trời đỏ rực từ từ nhô lên trên mặt biển. Một đêm đầy âu lo sợ hãi trôi qua, Phương Phi dần dần bình tĩnh lại.

Tiếng chuông cửa lanh lảnh reo vang, Phương Phi ra mở cửa:

Cha, cha dậy sớm thế ạ! Gương mặt người cha tuy xấu xí khó coi, nhưng có ông ấy, Phương Phi cũng cảm thấy được an toàn.

Con gái nghìn vàng của ta, sao không trang điểm cho thật đẹp vào? Chúng ta ăn sáng rồi dạo chơi cho biết Đài Bắc.

Nghe cha bảo phải trang điểm cho thật đẹp Phương Phi rất vui và cảm thấy cha rất yêu mình.

Xe lướt êm như ru trên những con đường rợp bóng cây và thoang thoảng hương hoa. Phương Phi vô tư tin cậy tựa vào người Thuần Dương ngủ ngon lành. Khi xe đột ngột dừng lại, cô chợt tỉnh và nhìn thấy chiếc bảng hiệu với những đại tự màu đỏ: Lam cung dạ tổng hội!

Đây là đâu ạ? Phương Phi chợt dạ, hốt hoảng hỏi.

Đây là nơi cô phải đến! Đừng hoảng lên thế! Ngũ diệu của Thuần Dương kỳ quái như tiếng của tử thần.

Hai gã đàn ông hộ pháp đứng chặn trước cửa xe. Phương Phi van nài thảm thiết:

Cha ơi, sao cha nỡ đưa con gái mình vào chốn hang hùm miện rắn hả cha?

Cô Du! Đừng mơ mộng nữa, trong người cô không hề có giọt máu nào của ta! Ta nói thật cho mà biết kéo lại oán hận ta!

Thì ra, năm đó, gã Đội trưởng sản xuất Du Kiên muốn chiếm đoạt Quế Liên vợ Du Bán, hắn đã đẩy Du Bán vừa cưới vợ được ít ngày đi khai hoang nơi xa. Về sau Quế Liên mang thai sinh ra Du Phương Phi. Du Bán hoàn toàn không biết Phương Phi là con của Du Kiên. Khi đứa trẻ

đầy tháng, cả nhà đã chụp bức ảnh “toàn gia hạnh phúc”. Một đêm, Du Bân nhớ vợ con quá bèn trốn về thăm. Đến cửa Du Bân chợt nghe tiếng Du Kiên nằn nì trách cứ người vợ yêu của mình: “Em biết rõ đứa bé này là con của anh mà, việc gì em phải giữ trinh tiết với hần nữa? Hãy mau cởi áo quần lên giường với anh đi em!”, tiếp đến là tiếng nức nở nghẹn ngào của người phụ nữ. Máu nóng bốc lên ngùn ngụt, Du Bân lập tức xông vào phòng ngủ...

Tên vua con Du Kiên ấy đã dùng quyền lực của hần cướp vợ ta khiến ta đau khổ suốt đời. Không ngờ hơn hai mươi năm sau ta đã ngủ với con gái hần lại còn bán được mười vạn đô la ! Thật là trời có mắt! Ha ha ha...Thuần Dương gần như phát cuồng.

Nhưng ông không thể trút hết tội lỗi của Du Kiên lên đầu tôi được! Phương Phi thấy mình như con chim bé nhỏ trong móng vuốt của con ác quỷ, vừa hoảng sợ vừa bất lực.

Nhìn chiếc sống mũi cao của cô ta như thấy Du Kiên! Giống lắm! Cô giống hần lắm! Ta căm hận hần! Sống mũi ta gãy, còn sống mũi của cô thì...cô chính là hần! Cha vay thì con trả, hiểu chưa hả?

Phương Phi giãy giụa, gào thét nhưng vẫn bị hai tên hộ pháp lôi đi.

Mẹ ơi! Cứu con với! Mẹ ơi! Phương Phi ngửa mặt lên trời kêu cứu một cách tuyệt vọng.

Tiếng kêu “Mẹ ơi!” của Phương Phi dường như có một sức lay động kỳ lạ khiến Thuần Dương run lên : “Quế Liên ơi! Em hãy tha thứ cho anh!”...

Thế là Du Phương Phi bị đẩy vào Lam cung dạ tổng hội. Cô van xin rồi giãy giụa gào thét như một con hổ sa bẫy nhưng đáp lại chỉ là những cú đấm đá không hề thương xót. Cô hoàn toàn tuyệt vọng đang định cắn lưỡi tự vẫn thì một lão béo núc ra dáng ông chủ quát to: “Không thuận phục được con bé thì “tắm” cho nó một trận!” Lời nói vừa dứt, bốn năm gã lực lưỡng, mặt mày dữ tợn xông đến, cười nói hí hớ, giữ chặt người Phương Phi, chích cho cô một mũi thuốc...

Khi Phương Phi tỉnh lại, cô nhận ra mình đang trần truồng, toàn thân ê ẩm nằm trên chiếc giường sang trọng.

Cô Du, cô tỉnh rồi hả? Tiếng của Diệp Vũ Thanh. “Chắc hẳn đã làm nhục ta?” Phương Phi cố sức vùng dậy nhưng bị Vũ Thanh giữ chặt hai tay – Cô Du, cô đừng hiểu lầm. Tôi đến muộn để cô phải khổ. Hãy mau mặc quần áo vào, còn phải trang điểm cho thật đẹp mới được!... Rồi đột nhiên anh ta đổi giọng – Ngay lúc này anh là người khách thứ nhất của em. Ông chủ ở đây, anh quen. Hôm nay anh bao, hãy mau đi với anh!

Du Phương Phi thoát nghe không tin vào tai mình; nhưng vốn thông minh, cô chợt hiểu Diệp Vũ Thanh muốn chuộc mình ra khỏi Lam cung dạ tổng hội....

Chiếc xe con dừng bánh tại sân bay Đài Bắc. Diệp Vũ Thanh mở cửa xe, lịch sự nói: “Em được tự do!” Phương Phi bước xuống xe nhìn quang cảnh xung quanh một hồi lâu chợt ngã vào lòng Diệp Vũ Thanh như một đứa trẻ, khóc hu hu:

Anh Diệp ơi! Em rất hối hận vì đã không nghe lời anh. Đã đến nước này em còn biết đi đâu bây giờ hả anh?

Diệp Vũ Thanh choàng vai Phương Phi an ủi:

Đừng lo! Chúng ta sẽ nghĩ cách. Thử nghĩ xem, nếu lúc này Dư Thuần Dương biết em...Không đợi anh ta nói hết câu, Phương Phi ngẩng phắt lên, nghiêng răng nói:

Lão chó già ấy, hần chưa hết nợ với em đâu! Đừng một lát cô hỏi – Bây giờ lão ta đang ở đâu, anh biết không?

Dang ký hợp đồng buôn bán ở Hồng Kông. Ngày mai là Tết Trung thu, theo thông lệ thế nào lão cũng về Ma Cao, đóng cửa tự giam mình trong nhà không cho ai gặp.

Anh Diệp này, hôm nay anh cứu em, liệu có trở ngại gì cho tiền đồ sự nghiệp của anh không?

Theo một kẻ đốn mạt như thế, thực tình anh luôn cảm thấy lương tâm bị cắn rứt. Sớm muộn gì anh cũng bỏ lão ta thôi, mặc dù anh biết rời lão ra anh sẽ mất rất nhiều. Nhưng anh cảm thấy thanh thản. Đặc biệt là, trước khi bỏ lão ta anh còn có dịp giúp được em, anh vui lắm!

Du Phương Phi đắm đuối nhìn người đàn ông khôi ngô lịch lãm.

Anh Diệp này, anh hãy nói thật nhé, có phải là anh cũng thích em? Phương Phi ngượng ngùng hỏi nhỏ. Nhìn ánh mắt long lanh của Vũ Thanh, Phương Phi như nhận ra tình cảm của người đối diện.

Ngay từ lần đầu gặp em, anh đã yêu em rồi, yêu lắm Phương Phi!

Dương nhiên là Phương Phi đã có dự cảm ấy, song chính lời từ miệng Vũ Thanh nói ra vẫn làm cho cô thực sự xúc động: “Vũ Thanh, em cũng vậy!” Đôi tình nhân ôm

nhau, hôn nhau thật lâu. Chẳng hiểu là cay đắng hay ngọt ngào mà nước mắt Phương Phi cứ lặng lẽ trào ra?...

Hôm nay là Tết Trung thu, Dư Thuần Dương từ Hồng Kông về đến Ma Cao thì trời đã tối. Những người giúp việc cho lão, theo lời dặn qua điện thoại đã chuẩn bị mọi thứ để Thuần Dương thưởng trăng.

Tắm táp xong, một mình Thuần Dương lên tầng thượng ngắm trăng. Trên nền trời ngọc bích, mặt trăng tròn vành vạnh như một chiếc mâm lớn màu vàng tươi. Hai ngôi sao Ngưu lang và Chức nữ như đang đắm đuối nhìn nhau từ tít tắp xa trong giải ngân hà mờ ảo. Bầu trời đầy sao nhấp nháy như những đôi mắt đa tình. Thuần Dương thở dài, châm ba nén nhang, trong khói hương lan tỏa lão lặng lẽ mở hộp bánh trung thu và rót đầy ba ly rượu. Đoạn, ngửa mặt nhìn trời, nhắm hờ đôi mắt, lão lẩm nhẩm những gì không ai nghe rõ. Những thớ thịt trên mặt lão rung rung... Gió thu lành lạnh, Dư Thuần Dương chợt rung mình rồi ngáp dài. Cơn nghiện ập đến. Như thường lệ lão tự tiêm thuốc cho mình. Không lâu sau lão thấy người choáng váng, toé đom đóm mắt và dường như có một người phụ nữ xuất hiện. Người phụ nữ rất trẻ đó chính là Quế Liên, vợ yêu của lão ngày xưa. Trong khoảnh khắc ấy Thuần Dương như đang sống lại thời trai trẻ của mình, âu yếm thiết tha gọi mãi "Quế Liên! Quế Liên!" Vừa gọi lão vừa bỏ nhào về phía người phụ nữ. Cô gái tránh ra, cười nhạt :

Ông gọi mẹ tôi làm gì thế? Tôi là Du Phương Phi đây!

Không! Du Phương Phi đã bị ta bán sang Đài Loan rồi!

Đúng thế! Có điều , khi tôi lên máy bay ở Đài Bắc thì ông đang còn ký hợp đồng buôn bán với Hồng Kông!

Không, Quế Liên ơi em biết không – Thuần Dương lão đảo đứng dậy – Anh nhớ mãi những ngày chúng ta mới lấy nhau thật hạnh phúc biết bao. Đêm trung thu năm ấy, trong rừng trúc bên khe suối, em đã thành người đàn bà của anh, em nhớ không Quế Liên? Đến đây với anh đi Quế Liên! Lão điên cuồng lao đến ôm ghì lấy người phụ nữ. Đó là Du Phương Phi. Cô vùng vẫy, đập vào chân rồi đẩy lão ra. Thuần Dương ngã phịch xuống sàn nhà, chột như tỉnh mộng:

Ra là cô! Cô lại về đây à?

Đúng vậy! Tôi về để nhận thừa kế tài sản của ông!

Cái gì? Tài sản của ta ư?

Đúng thế! Ông sắp chết rồi, ông biết không? Tôi về trước và...lượng thuốc phiện ông tiêm vào người vượt quá hai mươi lần cho phép! Với lượng thuốc ấy được tiêm vào cơ thể, ông sẽ phải đi gặp Diêm vương ngay tức khắc! Phương Phi lúc này trông như một chú mèo sung sức đang vờn lão chuột già Thuần Dương!

Cô... - Bỗng Thuần Dương “ôi” lên một tiếng, run rẩy thều thào – Đúng là...ta ta không...còn sống...bao lâu...nữa! Ân Muội...Ân Muội ơi con...con hãy thay ta nói...với mẹ con rằng...trong đời ta có không biết bao nhiêu phụ nữ, nhưng hình ảnh đọng mãi trong tim ta thì chỉ có một, đó là mẹ con! Tết Trung thu năm nào ta cũng cho mua sắm những thứ mẹ con thích nhất, rót rượu ngắm trăng để hồi tưởng những ngày hạnh phúc ngắn ngủi ta được sống cạnh mẹ con!...

Nghe những lời này lòng Du Phương Phi chợt rung lên một niềm cảm thương bi thống. Một kẻ lòng lang dạ thú luôn đắm mình trong thế giới trụy lạc xa hoa lại có lúc nhớ thương da diết đến mẹ ta bằng tình yêu nồng nàn chồng vợ được sao? Phương Phi dờ dẫm vô hồn quì xuống cạnh Thuần Dương. Dư Thuần Dương ôm ngực thở dốc, cố nói tiếp:

Trước khi cưới ta đã hứa sẽ xây nhà mới cho mẹ con. Tháng trước nhờ địa chỉ con đưa, ta đã gửi cho Quế Liên mười vạn tệ, không biết đến khi nào bà ấy ...mới xây xong nhà mới? Ta cũng đã lo xong thủ tục di cư cho mẹ con...

Cha ơi! Cha! Cha nói đi! Có thuốc giải độc không cha? Phương Phi gào lên thảm thiết. Không kìm nén nổi lòng mình cô nâng khuôn mặt người cha đang hấp hối – Cha ơi cha! Tiếng kêu đầy xót xa ai oán. Bất chấp tất cả Phương Phi vội vã gọi bệnh viện cấp cứu. Dư Thuần Dương sùi bọt mép, quần quai trên sàn nhà. Khi xe cấp cứu đến thì hai chân lão đã cứng đờ, mắt trợn trừng trắng dã. Dư Thuần Dương tắt thở. Lúc này, những tình cảm phức tạp trong lòng Phương Phi trỗi dậy, cô gọi điện cho cảnh sát. Lúc cảnh sát đến nơi, Phương Phi đang phủ phục bên thi thể của cha, khóc ngất. Cảnh sát khám nghiệm tử thi, kết luận: tự chích thuốc phiện quá liều dẫn đến trụy tim, đột tử...

Vị luật sư do Diệp Vũ Thanh mời đã đến. Du Phương Phi là vợ hợp pháp đương nhiên là người thừa kế duy nhất toàn bộ tài sản của Dư Thuần Dương. Tổng số tài sản lên tới 550 triệu đô la.

Mọi thủ tục pháp lý đã xong, Du Phương Phi giao giấy tờ cho Diệp Vũ Thanh. Vũ Thanh vuốt nhẹ vào má Phương Phi âu yếm hỏi:

Sau này ta sống thế nào hả em?

Anh nói đi!

Phương Phi giống một nữ hoàng cao ngạo và đắc thắng muốn nghe ý của thuộc hạ.

Có hai cách để ta lựa chọn. Cách thứ nhất, quê anh ở Đài Loan, ở đó còn có tài sản của tổ tiên để lại, chúng ta bán đi rồi đến định cư ở Ma Cao.

Còn cách thứ hai - Lần này đến lượt Phương Phi - Chúng ta hãy bán toàn bộ tài sản ở đây rồi về Đài Loan định cư, được không?

Giọng Vũ Thanh thật âm áp và mềm mỏng:

Em là nữ hoàng của anh! Anh nhất thiết phải tuân theo phán quyết của em thôi!

“Ngôi biệt thự này chính là nơi mình đã bức chết Dư Thuần Dương! Sống ở đây thật đáng sợ! Huống hồ, Ma Cao là nơi xem ra khó có hướng phát triển”. Nghĩ vậy, Phương Phi nói:

Trước hết chúng mình về Đài Bắc làm thủ tục đăng ký kết hôn đã, sau đó em sẽ bán toàn bộ tài sản ở đây.

Diệp Vũ Thanh đồng ý. Hôm sau hai người bay đi Đài Loan. Nhờ bạn bè trong giới pháp lý giúp đỡ, chưa đến ba ngày hai người đã có “Chứng thư kết hôn”. Vũ Thanh và Phương Phi trở về Ma Cao bán toàn bộ tài sản của Dư Thuần Dương.

Dư Phương Phi một mình đến ngân hàng rút mười triệu tiền mặt, cho vào chiếc vali đen, khóa lại. Số tiền hơn 500 triệu còn lại được chuyển thành ngân phiếu. Trở

về tòa biệt thự, Phương Phi đưa hết số ngân phiếu đó cho Vũ Thanh, nói:

Anh hãy giữ số ngân phiếu này để lo liệu cuộc sống của chúng ta!

Diệp Vũ Thanh có ý thăm dò:

Anh có một người bạn châu Phi tên là Lahecman, chuyên buôn bán đá quý. Chiếc du thuyền xinh đẹp và tiện nghi của ông ta sắp rời Ma Cao đi châu Phi. Chúng ta theo nó đi du lịch một chuyến, em thấy thế nào?

Phương Phi nhìn ra xa ngoài cửa sổ. Những tảng mây trên mặt biển bị gió cuốn trôi, những con hải âu bay lượn trên bầu trời xanh. Chiếc cầu lớn như một cây đàn khổng lồ đang tấu lên khúc nhạc lãng mạn. Gió biển thổi miên man... Phương Phi chợt thấy hào hứng:

Được chứ! Ngồi trên boong tàu nhìn mặt trời mọc trên biển sẽ thú vị biết bao!

Và họ lên tàu đi châu Phi. Lahecman đón tiếp khá thân tình. Đó là một người da đen tuy gần bảy mươi nhưng còn rất tráng kiện. Ông dẫn hai người vào căn buồng sang trọng, những người da đen phục vụ lập tức mang điếm tắm và hoa quả đến.

Chiếc du thuyền vượt sóng gió đại dương thẳng tiến, từng bầy hải âu chao liệng quanh tàu. Đêm xuống, Phương Phi tựa đầu vào ngực Vũ Thanh nhìn những ngọn đèn của từng đoàn thuyền đánh cá xa xa, nghĩ, bao nhiêu gian nan khổ ải đã lùi về phía sau, chắc từ giờ ta sẽ hạnh phúc! Cô nũng nịu hỏi :

Anh Vũ Thanh ơi, khi em già anh có bỏ em không?

Đến lúc em già, anh chẳng đã già hơn em đó sao? Em giàu có như thế, lợi hại lắm, anh làm sao dám bỏ em? Vũ Thanh âu yếm nói.

Hai người vừa ăn uống vừa thăm thì trò chuyện. Rồi họ đưa nhau lên chiếc giường êm như mộng, đắm mình vào biển ái ân... Phương Phi đã mệt, chẳng bao lâu chìm vào giấc ngủ ngọt ngào. Hốt nhiên cô bị những tiếng lịch kịch làm cho tỉnh giấc và thấy Diệp Vũ Thanh ăn mặc chỉnh tề đang cố mở chiếc va li đựng tiền của cô.

Đến đâu rồi anh? Phương Phi hỏi và bước xuống giường.

Vũ Thanh không trả lời, mở cửa phòng bước ra ngoài. Phương Phi vội chạy theo. Cô đuổi kịp Vũ Thanh liền trách: “Anh tự ý mở va li của em làm gì vậy?” Thấy sự việc bị bại lộ Vũ Thanh nói toạc ý định của mình :

Tôi chuyển tàu về lại Đài Loan – Hấn chỉ chiếc cầu tàu đèn điện sáng choang gần đó, nói.

À, anh tự bỏ đi một mình, như vậy không phải là vứt bỏ tôi sao?

Đúng vậy! Ta sắp vứt bỏ cô đấy! Cô hãy đến châu Phi, Lahecman sẽ “chiếu cố” cô!

Anh nói gì? Chẳng lẽ anh cùng một giuộc với Thuận Dương sao? Có lẽ do lần thứ hai bị bán nên Phương Phi không còn quá hoảng loạn như trước nữa – Ông Diệp , ông bán tôi bao nhiêu vậy? Hãy nói đi, tôi muốn biết gã da đen giàu có kia có được bao nhiêu tiền? Tôi cũng muốn biết, sau khi ông có hơn 500 triệu đô la, ông còn cần bao nhiêu nữa? Phương Phi châm chọc, điệu cợt khiến Vũ Thanh giận tím mặt:

Ta nói cho cô biết, tấm thân nhơ nhớp của cô còn bán được cho Lahecman là phúc lắm đấy! Cô còn mơ làm nữ hoàng của ta nữa sao?

Ông Diệp, ông cho rằng tấm thân tôi không sạch sẽ, vậy sao còn làm hôn thú với tôi? Chẳng lẽ ông không nhận ra giá trị thực của loại trí thức quét rác các người sao?

Cô đừng tưởng bở, đó chỉ là tờ hôn thú giả, không hề có giá trị pháp lý.

Vậy ra ông đã sớm có ý định lừa gạt tôi? Phương Phi tức đến run người.

Đúng vậy! Ngay từ lúc mới gặp cô!

Ông chẳng đã nói yêu tôi từ lần gặp đầu tiên đó sao?

Yêu cô ư? Yêu một đứa con gái Đại lục quê mùa ư? Yêu một con điểm chuyên dùng thân xác mỗi chài đàn ông và sẵn sàng hạ độc giết cha ư? Ha ha ha ...Ta nói thực, trên thế gian này ta chỉ yêu mỗi một thứ duy nhất, đó là tiền! Có tiền, con gái đẹp bao nhiêu mà chẳng có! Diệp Vũ Thanh đắc chí huơ huơ tờ ngân phiếu, đưa lên môi hôn – Vì nó ta hao tổn bao nhiêu là tâm huyết!

Phương Phi cảm thấy như có hàng ngàn mũi tên xuyên qua tim mình, cô gắng sức chống đỡ để khỏi gục ngã, một tay vịn lan can thành tàu, một tay lẩn trong áo lót lấy ra tờ giấy.

Diệp Vũ Thanh, ông xem đi, đây mới là tờ ngân phiếu, thật 500 triệu đô!

Hả? Vũ Thanh há hốc mồm kinh ngạc.

Tôi đã đề phòng mọi việc có thể xảy ra, không ngờ nó xảy ra thật! Tờ ngân phiếu trong tay ông chỉ là ngân phiếu

giả! Phương Phi cầm tờ ngân phiếu giờ cao trước cặp mắt đỏ ngầu giận dữ của Vũ Thanh. Bất ngờ hấn lao tới như một mãnh thú say mồi, bị mất đà ngã dúi xuống chân Phương Phi. Hấn ôm chặt lấy chân cô gái định giật lấy tờ ngân phiếu.

Coi chừng tôi xé nó ngay bây giờ đấy!

Không! Không được đâu Phương Phi! Anh biết là anh sai rồi, anh sai rồi...Thôi em hãy vào trong khoang di, ngoài này gió to quá, em có thể bị cảm lạnh đấy Phương Phi!...

Đồ đểu! Thật ghê tởm!

Phương Phi bất động như một pho tượng, tinh thần cô hoàn toàn suy sụp. Đối với Phương Phi cuộc đời chẳng còn ý nghĩa gì nữa! Vậy thì giữ lại đồng tiền này liệu có ích gì đây? Cô tức tưởi khóc đoạn nghiêng răng xé tan tờ ngân phiếu thành những mảnh vụn, vắt tung xuống biển...

Du Phương Phi dờ dẩn ngửa mặt lên trời dõi về phương bắc xa xăm thẳng thốt gào to hai tiếng "Mẹ ơi!" đầy ai oán rồi nhún chân lao mình xuống biển đêm đen kịt. Sóng biển âm ào nhấn chìm tấm thân người con gái cô độc nơi góc biển chân trời. Tiếng kêu "Mẹ ơi!" thê thảm theo gió bay xa, hun hút...

Trà Ly dịch



PHẢI LÒNG

Andre Dubus

Ted Briggs trở về bảy năm trước khi cuộc chiến kết thúc. Hai năm sau cuộc chiến đó, vào một buổi tối chủ nhật mùa xuân, anh gặp Susan Dorsey trong bữa tiệc ăn mừng cảnh cuối cùng của một vở kịch được hoàn thành, tổ chức ở thị trấn nhỏ phía bắc Boston. Anh không muốn đi xem vở kịch cũng như dự buổi tiệc mà ngồi uống với Nick. Lúc bắt đầu buổi chiều chủ nhật muộn đó bên quầy rượu, trong một quán bán thịt rán, họ nhìn thấy một người đàn bà hiện lên trong tấm gương dài của quầy rượu, Nick nói: "Hãy đi với tôi. Em tôi giống cô ta lắm".

- Chị ấy đang đạo diễn vở kịch. Chị ấy khó chiều lắm.
- Vở kịch tên gì?
- Tôi quên rồi. Về một người Pháp nào đấy. Anh sẽ biết thôi.

Ted nhìn vào anh. "Có vẻ như một từ khác. Cái đó không phải là vấn đề. Bữa tiệc mới là vấn đề. ở những nhà hát này: Người xem không cần đến cuộc cải cách tình dục".

- Tôi không cần phải xem vở kịch mới ăn nằm với ai đó.
- Việc gì anh phải bực bội như vậy? Anh hành động mông muội quá. Anh luôn luôn đọc cái gì đấy; anh đi xem kịch đi". Nick ra hiệu cho người đứng quầy. Rồi vẫy tay về phía cô phục vụ đang đứng gần cửa ra vào. Khi cô nhìn về phía bọn anh, Nick ra hiệu bằng ngón tay trỏ và ngón giữa

xòe hình chữ V, rồi chỉ về phía những chiếc bàn sau họ. Ted nhìn các ngón tay anh ta và nói: "Như thế à?"

Nick hạ tay xuống thành quây hởi lại: "Như thế nào?"

- Cử chỉ hòa bình. Tôi đã từng dự tiệc với các nghệ sĩ. Mọi người cứ hỏi về cái chân của tôi. Tôi kể cho họ nghe. Bọn họ rất lịch sự.

- Lịch sự!

- Đó là một cố gắng.

- Vì họ.

- Đúng vậy.

- Đây, chúng ta là luật sư, họ sẽ ghét cả hai. Ted nhìn vào gương mặt hau hấu và tối sầm của Nick nói: "Chúng ta không thể để công việc giữ chân ở nhà chứ?"

- Mọi người thích chúng ta.

- Mọi người yêu chúng ta.

Ted Briggs là một người đàn ông cao to, ngực nở với đôi cánh tay rắn chắc và hàng ria nâu rậm. Susan Dorsey thấy mền gương mặt anh ngay khi anh vừa bước vào phòng tiệc, một phòng khách rộng, chật cứng người. Cô cũng vừa từ nhà hát về và đã làm việc rất hiệu quả để bây giờ đứng đây uống rượu gin và nước khoáng quinin, cô cảm thấy mình còn lớn hơn cả căn phòng rộng này. Cô không biểu lộ cảm xúc ấy cho ai. Cô cư xử nhã nhặn, phải phép. Cô mới hai mươi hai tuổi và say mê với nghề được bảy năm; cô biết rằng chỉ có thể bộc lộ niềm hân hoan, vui sướng với người nào thân thiện. Với bất cứ ai khác, đó chỉ biểu hiện ra ngoài như là lòng can đảm. Công việc của cô vô cùng nguy hiểm, trong suốt quá trình dàn dựng vở kịch cô đã hoá thân vào

Lucile với tất cả khả năng, và cô biết rằng những gì cô cảm thấy lúc này là lòng biết ơn chứ không phải sự tự hào. Cô cũng biết sự vẹn đầy có lúc sẽ xa rời cô, có lẽ chỉ trong ba ngày, để sau đó, vào một khoảnh khắc nào đấy, cô sẽ thấy mất mát và vô vị. Nhưng hiện tại cô uống, len giữa đám người về phía một người đàn ông với cốc rượu trên tay trái, tay phải buông thõng tựa nhẹ vào cây gậy, đôi bắp tay to nở làm căng phồng cánh tay ngắn của chiếc sơ mi xanh. Đứng cạnh anh ta là một người thấp và già hơn. Người này da ngăm đen, trên trán có vài múi tóc quăn. Cô dừng lại trước hai người đàn ông và chủ động giới thiệu tên mình. Lúc đó cô nhận ra ánh mắt họ đều nói lên rằng họ chưa xem vai diễn của cô trong vở kịch. Tên họ là Nick và Kakonis. Ted bỏ cây gậy tựa vào chân rồi bắt tay với cô. Cô nhìn thẳng vào mắt anh, hỏi: "Anh thích vở kịch chứ?"

- Chúng tôi vừa mới tới, - Nick phân bua, và Ted liền cướp lời: "Là gì vậy?"

- *Cuộc diễn tập*, của Jean Anouilh.

- Tên người đàn ông Pháp đấy Ted, - Nick nói.

- Tôi thích kịch của ông ta, - Ted nói. - Cô cũng có vai trong đó à?

- Tôi là Lucile.

- Chúng tôi lỡ mất rồi, - Ted nói có vẻ tiếc nuối.

Họ đã lỡ vì vodka rượu vang với thịt rán, và cả cognac; sau đó Nick đánh xe ra ngoại ô thành phố về phía Bắc. Một lần họ phải đi tiểu và Nick lái xe ra khỏi đường quốc lộ dừng bên một con đường nhánh thưa người. Họ đứng bên cạnh xe và tiểu tiện xuống bãi cỏ dưới chân. Nick đánh xe

trở lại đường cao tốc; họ nói về đàn bà và công việc, thời gian chả còn quan trọng. Văn chuyện, họ rời thành phố đến bữa tiệc. Nếu vở kịch bắt đầu đúng giờ thì lúc chiếc màn sân khấu kéo lên cũng là lúc họ đang lái xe ra khỏi Boslon. Lúc tới thị trấn và tìm được nhà hát, vở kịch đã mở màn một giờ năm phút trước đó, họ tạt vào quán ngồi uống cà phê. Qua cửa sổ, cả hai quan sát cửa ra vào Nhà hát phía bên kia con đường lát gạch. Khi mọi người đi ra Ted và Nick cũng đứng dậy bước về phía đó, và trong hành lang nhà hát, giữa đám người ra về. Nick gặp em gái, một người đàn bà cao to vạm váy đen. Cô ta có khuôn mặt to và đẹp, cô thốt lên với Nick: "ái chà".

Cô ôm chặt lấy Nick và bắt tay Ted. Cô tên là Cindy. Họ cùng rảo bước trên hè phố lát gạch tới căn phòng của ông giám đốc sân khấu, người giảng dạy kịch nghệ tại một trường đại học. Không khí trong lành đến nỗi Ted có thể ngửi thấy mùi biển; anh không cảm thấy say và biết đúng là vậy. Bên ngoài căn hộ, một ngôi nhà hai tầng cũ kĩ, anh nghe thấy giọng người nói và tiếng saxophone đơn độc. Ba người lên gác hai. Cindy giới thiệu họ với mọi người đứng cạnh cửa rồi để mặc họ. Ted và Nick bước tới chiếc bàn dài bày rượu và khay đá, tự rót cho mỗi người một ít Scotch vào trong chiếc cốc nhựa. Cả hai đứng tựa lưng vào cửa sổ. Ted ngấm nhìn người đàn bà tóc đỏ trong chiếc váy màu be đang bước lại gần anh, nhìn vào mắt anh và mỉm cười. Anh thở hắt ra và trong thoáng chốc không còn hít vào được nữa.

Cô ta lại gần, nhìn anh lặng lẽ; đôi mắt cô màu xanh, cô nhìn anh nói: "Susan Dorsey," và chìa tay ra. Ted dựa cây

gậy bên hông và bắt tay cô. Từ đó đến hết buổi tiệc anh chỉ ở bên cạnh cô, trừ những lúc đi vào phòng vệ sinh. Anh đến bên bàn rót rượu, khuấy đều cốc rượu của cô bằng con dao vừa dùng cắt lát chanh; tiến về phía Nick và nói: "Xin lỗi" tỏ ý xin phép với người đàn bà ngồi cạnh Nick; hay kéo Nick ra một góc hỏi thăm: "Thị trấn này có ga tàu chứ?"

- Nick vòng tay ôm chặt lấy Ted.

- Anh không cần ga tàu gì hết, - anh ta nói. - Cô ấy sống ở Boston.

- Sao anh biết?

- Cindy nói với tôi thế. Tôi phải đi về hướng Bắc một quãng có việc. Nhìn tôi thế nào?

- Anh trông khá lắm.

Vào lúc một giờ Susan mới dùng hết cốc rượu gin và nước khoáng quinin. Lúc Ted cầm lấy chiếc cốc định rót thêm thì cô nói: "Tôi dùng coca".

Cô sợ bị chết trẻ. Cô thông minh và mọi việc còn ở phía trước nên cô sợ lúc nào đó chúng sẽ biến mất. Nỗi sợ đến với cô bằng hình ảnh về cái chết trong ô tô hay trên máy bay. Nhạc không còn chơi nữa, mọi người đều nói chuyện lặng lẽ, từ đầu đó khoảng mỗi một giờ, khi vị giám đốc nhà hát nhắc nhở mọi người hãy giữ ý với hàng xóm của ông. Cô ngấm Ted khi anh đi về phía cô, trên tay trái là cốc của cô. Một quả đạn súng cối bắn tới, nổ tung và hất anh lên khỏi mặt đất. Anh rơi xuống mà vẫn sống. Cô muốn khoa thân, ôm lấy anh lúc đó cũng trần truồng. Cô nhận cốc coca và nói: "Tôi cần một giờ. Tôi không muốn lái xe trong tình trạng say rượu".

- Cô say rồi sao?

- Chưa hẳn vậy, sau khi làm cái gì đấy.

Ôtô của cô nhỏ, và khi họ lên xe, anh phải ngả chiếc ghế ra sau để lấy khoảng trống đặt chân. Cô cũng ngả ghế ra sau, quay về phía anh, ôm lấy anh rồi cả hai cứ thế hôn nhau trong xe. Cô thấy thú vị với sức mạnh toát ra từ đôi cánh tay anh lúc hai người ôm nhau. Cô khởi động máy và ngồi thế lái chiếc xe; chỉ có phần đầu bàn chân đặt lên cần ga. Cô lái xe ra khỏi thị trấn. Băng qua rừng nhỏ về phía đường quốc lộ. Một lúc sau cô nhận xét: Anh có đôi mắt buồn.

- Không phải lúc này.

- Ngay cả khi chúng long lanh. Anh muốn mình là một người nhái.

- Không hẳn như em nghĩ. Anh vào hải quân để đạt mục đích đó, trên một con tàu. Trước khi qua được đợt huấn luyện trên cạn, anh cảm thấy nó giống như một hành động né tránh. Sau đó anh đòi hỏi được là người nhái và gia nhập thủy quân. Một thời gian dài ở Khe Sanh, anh hy vọng mình chỉ gia nhập thủy quân thôi.

- Để anh có thể trở về?

- Gần như vậy. Em đóng khá chữ, trong vở kịch ấy?

Cô định trả lời vâng, nhưng đã không hé miệng. Cô với chiếc ví trên sàn xe, một tay ấn lên chân anh. Sau đó cô trở lại tay lái, nhìn con đường tràn ngập bóng tối của cây và nói: Em quên không mua thuốc lá.

- Một điếu *Con sóc*?

Anh đốt một điếu Lucky Strike rồi đưa cho cô. Cô đưa nó lên miệng, rít một hơi và cầm luôn điếu thuốc, nhưng thuốc cũng không chạm tới được điếu chất chứa trong lòng. Cô phả khói thuốc ra qua cửa xe và trả lời: Em rất thành công trong vở kịch.

Sau khi anh trở về từ cuộc chiến, việc làm tình đã trở nên dễ dàng. Anh gia nhập hải quân sau năm thứ nhất ở đại học Boston bởi vì trí óc anh không thể tiếp tục nhồi nhét thêm vào những cái vĩa, tranh luận anh từng tham gia với bè bạn, đa số chúng chỉ là những đứa trẻ, và với chính bản thân anh từ khi mới sáu tuổi. Một buổi sáng anh thức giấc với tàn tích của một cơn say bí tử tối hôm trước và theo bản năng anh dẫn xác tới phòng đăng ký tuyển mộ hải quân. Từ chiến trường trở về và sau tám tháng nằm trong bệnh viện hải quân ở Philadelphia, anh bị giữ ở đó do nhiễm trùng, anh trở lại đại học Boston và sống trong một kí túc xá. Anh đã yêu hồi còn ở trung học rồi ở đại học trước chiến tranh và lần đầu tiên với mỗi cô gái đều khiến anh ngạc nhiên, có cảm giác lạ lẫm. Sau chiến tranh mọi thứ chẳng còn lạ lẫm với anh. Anh còn hiểu được rằng nếu một cô gái đến phòng anh, hay mời anh sang phòng cô, hay hẹn anh một dịp nào đó, ngoài trường đại học, thả bộ trên đường phố Boston, cô ta sẽ làm tình. Có một vài cô chẳng cần biết đến bản thân anh bởi anh đã tham gia chiến tranh và chiếc gậy anh dùng chẳng khác mấy bộ quân phục. Rất ít trong số đó nói điều gì nhưng anh nhìn ra trong ánh mắt họ. Anh cảm thấy đau và tức giận nhưng chỉ giữ im lặng.

Bọn trẻ cũng vậy, và cả một số người lớn như thầy giáo của anh, những người anh chỉ muốn cho một trận. Trong

phòng riêng, anh đắm vào các túi nhựa cỡ trung bình và tập các bài tập để giữ trọng lượng. Vài lần say khướt trên giường với một cô gái, anh hỏi về điều này chò tới ứa nước mắt. Chả cô gái nào an ủi được bởi vì nguyên nhân khiến anh khóc không phải do chính anh. Anh khóc cho người đàn ông, người bạn anh biết trong chiến tranh, người anh đã băng bó, đã bảo vệ nhưng rốt cuộc lại không bảo vệ được; và cho người đàn ông ở nơi đó mười ba tháng mà không hề bị dính đạn, đạn súng cối, đạn pháo. “Những điều đó không phải trừu tượng quá đối với người khác”, anh nói vậy với một cô gái một đêm nọ; và, ghì chặt lấy cô ta, anh hét tướng lên tên một vài người; với anh rõ ràng những người này ở trong căn phòng tối tăm; nhưng không phải với cô gái. Sau đó nhìn vào mắt cô, anh thấy hình ảnh mình trong chiến tranh, cứu thương lại cứu thương và lại cứu thương, và bỗng khóc nức nở. Anh nói: khốn nạn làm sao nếu bạn cần được người khác căm ghét, bởi vì bạn đã làm một việc tốt mà không bị giết? Cô gái đã an ủi anh khi cô nói rằng cô ta thích giết một ai đó.

Lúc đó anh hai mươi tám tuổi và việc ấy vẫn còn dễ dàng; và có thể tin chắc được điều đó; anh chỉ cần mời một cô nào đấy đi uống hay đi ăn tối. Cô ta sẽ đồng ý tức thì và thường thì anh có thể thấy điều đó qua mắt họ ngay những phút đầu. Nếu cả hai cùng ước ao và đồng ý, họ sẽ làm tình. Susan là người như vậy. Mọi việc xảy ra nhanh chóng khi họ uống, nói chuyện hay liếc bản thực đơn. Nó kéo dài vài tháng, vài tuần hay đôi lần chỉ vài ngày. Anh vuốt nhẹ má Susan và nói: “Có lẽ anh nên theo đuổi tán tỉnh em. Mang hoa tặng em. Nắm tay em khi chúng ta ngồi xem

trong rạp hát. Đưa em đi ăn hàng hay đi nghỉ dã ngoại. Hôn tạm biệt em ngoài cửa".

- Thế anh có đến hai mươi phút còn gì. Mà có lẽ hai mươi nhăm phút ấy.

Nằm bên cạnh anh, gạt tàn vào chiếc gạt tàn anh để trên ngực, cô muốn cảm nhận được điều cô đang cảm thấy, điều cô trông chờ lâu rồi, sự trào dâng dồn dập của tình yêu đã kéo cô trở lại căn hộ nhỏ của mình, vào trong phòng tắm lấy chiếc bao tử cung cô đã dùng nhiều lần trong năm nay với vài người đàn ông. Nhưng lúc này cô thấy mãn nguyện, bởi vì điều đó đã không xảy ra hơn một năm qua và cô cũng không dám chắc đây là tình yêu đang dâng trào trong cô hay là vai diễn Lucile thành công và sau đó thỏa mãn với người đàn ông cường tráng nhưng yếu đầu gối, có đôi mắt đờm buồn này. Trong anh ta là cả một dòng lịch sử cô có thể cảm nhận được qua từng cái hôn. Khi họ làm tình cô còn thấy được cả mùi vị chiến tranh trong đó, thấy được anh đang đi lên từ những gì anh chứng kiến và những gì anh làm từ những lần bị hất tung lên vì pháo. Trái tim cô mách bảo cô đang yêu. Cô nói: Em rất thích anh.

- Nhưng sao cơ?

- Không gì cả. Nhưng em sẽ gặp lại anh chứ?

- Việc đó vừa xảy ra với em còn gì?

- Tất nhiên là vừa xảy ra. Em quá dễ dãi. Anh cũng vậy.

- Em sẽ còn gặp anh nhiều. Chúng ta đi ăn tối thôi. Thúc ăn Pháp - vì vở kịch.

- Vở kịch đã lỡ.

- Bọn anh không lỡ gì cả. Cả hai uống quá nhiều và nói cũng quá nhiều.

- Và cả hai đều gặp may.

- Anh nghĩ đã được nhận cái gì đó còn hơn là điều may mắn.

- Anh đã được vậy. Em hy vọng anh đã xem em.

- Anh cũng vậy. Anh sẽ xem vào dịp tối, hàng tối.

- Ở rạp hát Charles. Bọn em sẽ bắt đầu diễn tập hai tuần tới: Anh đặt chiếc gậy tàn lên chiếc bàn bên cạnh. Cô đặt tay lên ngực anh và nhìn sâu vào trong mắt anh - Sau đó em sẽ đi New York. Tháng trước em đã môi giới được với một người đại diện.

- Tốt quá. Đó là nơi em sẽ tới.

- Vâng. Em yêu nó, điện ảnh cũng vậy.

- New York như một con thoi.

- Em hy vọng không chỉ một mà còn nhiều hơn thế.

- Cô hôn và ôm chặt lấy anh.

Anh ăn trưa với Nick. Họ đều mặc Comle, Deo cravat. Anh đã tranh thủ ngủ hai giờ, thức giấc lúc bảy giờ sáng nhờ tiếng đài phát thanh của Susan. Anh tắt nó đi trước khi Susan kịp tỉnh giấc. Anh gọi xe và chờ bên lề đường. Anh về nhà tắm rửa, cạo râu, thay quần áo và sau đó cuộc bộ đến cơ quan. Chín giờ anh đã ngồi bên bàn làm việc. Bốn mươi phút sau Nick tới. Đứng lại bên cửa phòng Ted mỉm cười. Nhún vai và nói: “Ăn trưa?”

Bữa trưa Nick lại gọi một cốc Bloody May. Anh nói:

- Tôi ghét trận say hôm thứ hai quá. Cậu không uống gì à?

Ted chỉ dùng trà ướp lạnh.

- Không. Tôi say ngất ngưỡng lúc chúng ta về. Nhưng tôi không uống gì nữa và tỉnh táo đến tận năm giờ sáng. Từ lúc đó trở đi tôi hoàn toàn tỉnh táo.

- Chúng ta đã uống.

- Tôi thì chẳng bao giờ uống đến say. Tôi trị nó bằng cách luyện tập Susan chuẩn bị đi New York.

- Lâu dài?

- Không có gì lâu dài. Cô ấy là diễn viên.

- New York cũng chẳng xa là bao.

- Nhưng Hollywood thì xa đấy.

- Làm sao anh biết được cô ta giỏi đến vậy?

- Linh cảm.

- Đã xảy ra chuyện gì?

- Tôi ở với cô ấy cả đêm qua.

- Nhưng điều gì đã xảy ra? Mới hai tuần trước anh nói cần một cô gái anh gặp cuối tuần. Thậm chí nếu cô ta đến được Hollywood, người ta sẽ gạt cô ta ra khỏi hàng nghìn cô gái trẻ đẹp khác. Điều đó như là một ngày nghỉ cuối tuần đối với tôi.

- Tôi muốn cô ấy vào được Hollywood. Tôi muốn cô ấy có chỗ đứng ở Broadway. Và tôi muốn cả bản thân cô ấy.

Anh ở với cô hàng tối trước khi đợt diễn tập của cô bắt đầu họ cùng ăn trưa và uống rượu. Vì việc đó anh thường phải rời cơ quan hai giờ. Cuối tuần, anh và cô đã ngoại và lái xe ra bãi biển. Nước biển lạnh nhưng nắng mặt trời thì ấm nên họ mặc đồ lót và ngồi trên bờ. Tối họ ăn ở nhà

hàng, làm tình ở nhà anh hay nhà cô. Đến lúc phải đi diễn tập, cô không còn thì giờ cho bữa trưa. Anh làm việc ở cơ quan cả ngày và luôn chờ đợi để được gặp cô. “Em là người dễ dãi”, cô đã nói vậy và khi anh mừng tượng cuộc sống của cô ở New York, đóng vai một cô hầu, tập tành với bọn đàn ông, anh không chịu nổi. Anh biết cô yêu anh và tin cô muốn trung thực với anh, nhưng cô quá xinh đẹp, lại là người theo chủ nghĩa khoái lạc. Bởi thế nên có một gã nào đấy theo đuổi, tìm cách làm tình với cô là điều khó tránh khỏi. Khi đó trong cô chắc hẳn cũng có ý nghĩ gì đấy về người đó. Không hề lên tiếng, anh lẳng lặng để cô được tự do làm theo ý mình. Mặt khác anh cố hình dung ra một tình huống để bản thân có thể chấp nhận được, như kiểu: nếu một đêm ở New York khi cô đã say và việc ấy chỉ xảy ra vào đúng đêm đó.

Nhưng việc đó chẳng phải là một đêm với một người đàn ông. Tối lúc này anh đã thấy cô trong vở kịch mới. Cô đóng vai người em gái út, Beth, trong một đại gia đình tập hợp lại tại căn nhà của bà mẹ khi bà mất. Beth là người con đã không rời bỏ bà đi xa. Cô ở lại trong thị trấn nhỏ và sống cạnh bà mẹ già, trông nom bà lúc ốm đau, cũng như cô đã chăm sóc người cha. Những người con khác đều ở xa, công việc bận bịu và thường say sưa bù khú. Beth hai mươi chín tuổi, bởi vậy Ted cứ đoán chắc là người viết kịch bản đã sáng tạo vai diễn đó cho cô và việc cô không có lấy một người tình còn quan trọng hơn việc họ có xứng đáng hay không. Mặc dầu cô đã đóng vai Laura trong *Bầy thú thủy tinh*, nhưng Susan đã diễn xuất vai Beth đầy gợi tình, tuy đơn độc và dửng dưng. Bạn hẳn nghĩ Susan sẽ có một người



tình đúng lúc, khi cô đã sẵn sàng chọn lựa. Ted biết việc này sẽ xảy ra, trừ phi Susan là người không may mắn, cô sẽ làm việc ở New York và Hollywood. Bởi vậy không chỉ có một đêm say rượu với một người đàn ông; Susan sẽ tiếp bước trên con đường đó trong cả phần đời còn lại của cô.

Trong phòng mình cô có một chiếc bàn chải đánh răng, một chiếc váy dạ hội, một áo ngủ, một cuốn tiểu thuyết đang đọc dở. Hai tuần trước khi vở kịch kết thúc, cô có một vụ mua bán. Cô bán nhà và chuyển tạm đến chỗ anh. Căn hộ của anh rộng rãi và từ phòng khách có thể chiêm ngưỡng dòng sông Charles. Đến khi vở kịch hoàn tất, niềm đau trong anh bắt đầu. Nhưng anh cũng đã phấn khích bởi những đêm trong suốt một tuần, những ngày nghỉ cuối tuần ở New York và cả việc Susan đang đóng kịch ở đây. Anh nuôi niềm tin rằng trong cô có cả một sự vĩ đại và anh muốn được chiêm ngưỡng nó. Một buổi hoàng hôn chiều thứ sáu, hai người đứng bên cửa sổ, ngắm nhìn con sông và khu Cambridge. Cô nói: "Em phải làm việc gì đó trước khi đi New York. Em đã mang thai được sáu tuần". Anh nhìn vào mắt cô, và hiểu rằng những gì đang quặn đau trong anh sẽ không quặn đau nữa cho tới khi nó vỡ tan ra. Anh thốt lên: "Không"

- Không cái gì? Em không mang thai? Phải chăng anh nghĩ anh chưa làm được cái gì sao?

- Không, đừng làm vậy.

- Em mới hai mươi tuổi, em đang chuẩn bị đi New York, và anh lại muốn em nuôi dưỡng đứa bé chết tiệt ấy sao?

Vật đang rơi trong anh vụt rơi xuống và vỡ tan. Anh run rẩy nói: “Sao lại một đứa bé chết tiệt. Đứa bé của chúng ta, Susan. Con của chúng ta”.

Anh phải quay mặt nhìn đi chỗ khác, tránh điều chết chóc đang ánh lên trong mắt cô.

Cô nhìn ra con sông. Từ lúc chiều đi gặp bác sĩ đến giờ, cô cảm thấy cuộc đời mình sao lại gặp toàn vận rủi và buồn hơn bao giờ hết. Đến lúc này Ted nài xin cô tổ chức đám cưới. Từ trước đến nay chưa ai làm vậy với cô, chả có lời cầu hôn nào, thậm chí còn chưa ai có ý định đề cập đến việc đó. Chỉ có Ted là người duy nhất đòi hỏi. Cuối cùng cũng đến lúc cô nhìn thẳng vào anh, nói: “Cưới xin không dễ làm gì được. Thậm chí em còn chưa nghĩ tới việc đó. Em không muốn có con. Sao anh không hiểu điều đó nhỉ?”

- Vậy hãy làm việc đó đi. Hay ban cho anh một đứa con.

- Làm việc đó? Anh làm việc đó?

- Bảy tháng rưỡi thôi. Tất cả những gì anh cần ở em.

- Anh nghĩ nó là số học? Thứ lịch chết tiệt? Anh lại muốn em trải qua tất cả việc đó để rồi anh có được đứa bé? Hãy đi tìm người khác mà sinh con với anh.

- Anh đã tìm được em. Vậy mà bây giờ em lại định giết nó.

- Em chả muốn giết ai cả, bất kể thứ gì. Không phải bụng mang dạ chửa là điều duy nhất em muốn. Thêm nữa, ước gì em đã không làm tình với anh.

- Nhưng em đã làm. Lúc này cần một sự hy sinh. Được chứ? Có lẽ là một vết thương. Và có gì mới mẻ đâu nào. Chỉ có bảy tháng rưỡi. Cuộc sống của em với nó cũng khá quan trọng đấy chứ.

- Cô giờ tay định tát vào mặt anh, chặn đứng cái nhìn giọng nói của anh, nhưng lại thôi. Tất cả những rủi ro và buồn bã cô đã chịu đựng tới khi thông báo với anh việc thầm kín giữa hai người, và khuôn mặt anh tỏ rõ mọi điều, cô cảm thấy mình sao cô đơn đến vậy, cô đơn một cách lạ lùng. Cô chả còn thiết sống nữa. Cô bật khóc, đưa tay lên bưng mắt. Anh nắm lấy hai bàn tay cô, nhưng cô giật lùi vài bước, gạt nước mắt và mở mắt ra.

- Anh chả biết gì cả, - cô nói. Anh nghĩ rằng có thể có con nhưng không yêu nó. Anh mà lại ngu dốt vậy sao? Em không thể yêu trẻ con, ít nhất là bây giờ. Em nghĩ em có thể yêu anh. Thế là đủ.

- Em chả yêu ai cả.

- Đúng vậy, em không yêu ai. Và em cũng không có ý định nói rằng em ước gì không bao giờ làm tình với anh. Nhưng cũng sẽ không tiếp tục làm vậy. Anh hùng cuộc chiến với cây gậy trên tay. Sự hi sinh. Sự đau đớn. Đừng bao giờ nghĩ là em không biết những cái đó. Đừng bao giờ nghĩ rằng anh là người duy nhất phải đau khổ. Hãy làm cái gì đó vì em. Hãy tránh ra. Em sẽ đến chỗ Cindy. Em không muốn anh ở đây khi em gối đổ, luẩn quẩn, khóc lóc và yêu cầu em thay đổi cuộc sống của mình. Được chứ? Chỉ cần đi cho khuất mắt. Đi uống đầu đấy. Anh thạo việc đó lắm mà.

Cô muốn cái gì đó khác trước. Cô cũng không thể hình dung nó là cái gì? Một sự thay đổi nào đấy, của Ted, của cô, của thời gian. Anh nói: "Em đuổi người giỏi đấy".

Anh bước ra ngoài và cô nhắc máy gọi Cindy. Cô chỉ kịp nói: "Cindy?" rồi bật khóc nức nở.

ít lâu sau, cô đã ở New York nhưng sự trống vắng thì ăn sâu trong cô một thời gian dài. Nó như một sa mạc bao la, khô cằn và chẳng có gì trên đó cả. Một ngày nào đấy cô sẽ đi đặt vòng tránh thai, nhưng không phải bây giờ, có lẽ đến cuối hè, hay sang xuân. Việc trước mắt là cô cần phải làm để *vun tưới* cho cái sa mạc khô cằn đó.

Một buổi tối mùa hè, Ted và Nick cùng đi ăn tối. Sau đó, cả hai tới công viên Fenway xem ban nhạc Red Sox chơi bài *Những con chim hoàng oanh*. Buổi biểu diễn tuyệt vời diễn xuất điêu luyện và đầy xúc cảm và tới khi ban Red Sox đắm chìm trong quãng chín, với âm thứ đi vào nhịp ba và âm trưởng đi vào nhịp hai, thì nỗi đau của Ted càng trở nên sâu sắc; và chỉ là một trò tiêu khiển suông sẽ giống như đầu gối anh, cái đầu gối đẩy chân anh ra giữa lối đi. Anh đã uống rượu mạnh với Nick trước bữa tối. Trong bữa ăn họ lại dùng rượu vang và suốt buổi biểu diễn họ uống bia. Sau đó Nick rủ bộ cùng Ted về căn hộ của anh, họ đi thang máy lên tầng trên. Ted rót cognac, tay trái kẹp hai cốc rượu, tay phải khoác vai Nick sang phòng khách. Nick đứng lại gần cửa sổ, đưa mắt nhìn ra ngoài. Ted nói: "Lần cuối cùng tôi được ngắm cô ấy là ở chỗ đó. Chúng tôi đứng nhìn xuống dòng sông".

Anh thấy cảm giác, đầu gối chốc chốc như chực muốn khuỵu xuống và anh biết lúc này đã say rồi. Khi uống nhiều, anh cứ đứng thế mà uống. Đầu gối vô dụng của anh chỉ còn chức năng như một dấu hiệu, nhưng đầu gối còn lại thì đang cảnh báo. Tiếng động cơ ô tô từ dưới phố, tiếng người lao xao yếu ớt vang lên. Nick lên tiếng: "Nó đã làm gì. Một tháng rồi ư?"

- Đến tối nay là năm tuần.

Ted đặt cốc rượu lên ngang mặt, hít sâu một hơi cay xè rượu cognac, nhắm nháp mùi vị đó trước khi uống một ngụm. Anh uống. Anh quan sát Nick qua lớp thủy tinh trên miệng cốc và lại uống. Nhìn xuống làn ánh sáng mờ đục phản lên mặt sông, anh nói: "Sau đó cô ấy đến một lò mổ. Những người đàn ông đứng tuổi đều chết hết. Bọn trẻ còn lại thì âm à âm ừ ... Đứa bé bị lạnh cóng cho đến chết". Anh biết Nick đang theo dõi anh. Nhưng anh không thể cảm nhận được việc đó. Anh cũng cảm nhận ra sự minh bạch và sự hùng biện của nỗi sầu khổ tuôn trào hết ra khi uống. "Tôi cần có thời gian để tìm kiếm những đứa trẻ của tôi và xem là tôi có thể tìm được bao nhiêu. Cố nhiên cũng không loại trừ là tôi sẽ tìm ra chúng trong số đã chết ... Tôi mệt mỏi quá rồi. Trái tim tôi đang buồn đau khác khoải. Từ nơi mặt trời không còn tỏa sáng tôi sẽ không bao giờ thêm tranh đấu thêm nữa".

Nhắm mắt lại, anh thấy khuôn mặt Susan hiện ra. Anh đã nghĩ nếu mình có đột ngột mở mắt ra, nhưng chỉ vào lúc đúng nhất trong cả suốt buổi đêm, Susan sẽ ở ngay trước mắt anh; cô sẽ đứng ở ngay đây, vị trí này. Nick nói: "Điều đó là tốt, sếp Joseph ạ".

Ted mở mắt ra nói lại: "Tôi đã từng biết tường tận điều đó". Anh rời mắt khỏi dòng sông, quay sang Nick và gào thét lên: "Anh biết điều tôi nói chứ, Nick? Từ nơi mặt trời không còn tỏa sáng nữa, tôi sẽ không bao giờ thêm thưởng một người đàn bà, để rồi người đó lại giết đi đứa con chung của hai người". Anh nói vậy rồi lại lải nhải lặp lại lần sau càng to hơn lần trước, giải tỏa hết nỗi đau khổ dần vật,

như là một điều anh có thể nhìn thấy, sờ thấy, trong khoảng không ngay trước mặt. Bây giờ anh cảm thấy mình nổi cơn thịnh nộ, thấy sức mạnh và sự kết án nó mang theo. Nó thấm nhuần trong cơ thể anh, đôi cánh tay, cốc cognac và chiếc gậy vung lên cao. Miệng anh há ra khóc đầy đau khổ. Anh nhìn thấy Nick đang đứng cạnh cửa sổ, nhưng không nhìn thấy gì khác. Một lúc sau cơn thịnh nộ qua đi, nhanh chóng và gọn sắc như ngọn lửa nến bị thổi tắt. Và hơi thở nhẹ nhàng xua tan nó đi là hơi thở của một người đàn bà. Cô ấy là nhiều người đàn bà khác nữa. Cô là bất cứ người nào đấy mà mắt người đó, cái vuốt ve, giọng nói, đôi môi sẽ còn moi móc tâm hồn anh lần nữa. Anh khép miệng lại, hạ tay xuống và đầu không còn ngẩng cao như trước. Anh nhìn kẻ ăn không ngồi rồi Nick, và điều duy nhất trong suy nghĩ anh lúc đó là sự bất lực anh thấy thật đáng xấu hổ khi nhận ra một người đàn bà có thể kích động được mình. Cô ta kích động được anh bởi vì chính anh muốn vậy. Anh thấy tay Nick đặt lên sau gáy, bóp mạnh. Nick an ủi: "Anh phải tìm cách bắt đầu lại từ đầu. Lần này với người nào thì phải dùng thuốc thôi".

Ted nhìn thẳng vào anh ta, ném chiếc gậy lên ghế trường kỷ, ôm lấy đôi cánh lay Nick. Anh nói:

- Viên thuốc không phải là thứ triết lý. Tôi cần một triết lý để hòa nhập vào xã hội như thế. Anh hiểu không? Tôi không thể hòa nhập vào cái xã hội đó như một con gà trống với một trái tim. Có thể tôi cần một người vợ.

- Vợ là tốt. Tôi cũng muốn có vợ. Tôi đã hơn bốn mươi rồi. Anh có biết đến đầu thế kỷ tới, ở Hoa Kỳ một người đàn ông trung bình chỉ sống tới bốn mươi bảy tuổi? Với

người đàn bà đó là bốn mươi sáu. Có lẽ đúng là anh cần một người vợ.

- Tôi cần sự nghỉ ngơi.

- Anh mới ở với một người năm tuần còn gì.

- Không phải với đàn bà. Với đàn bà, đúng vậy. Tôi có ý nói hai tuần ở một nơi nào đấy. Mexico. Chỉ một mình thôi. Tôi không nói tiếng Tây Ban Nha. Tôi có thể gọi bữa ăn. Nhưng ngoài những thứ đó tôi chẳng hiểu gì hết. Tôi sẽ ở một mình. Tôi cần suy nghĩ thêm Nick ạ. Tất cả những gì tôi đã, đang và sẽ làm là cảm giác. Tôi sẽ tìm đến một ngôi làng gần sân bay; sẽ làm gì đó ở trên núi; sẽ mang theo vài quyển sách; chỉ một cốc trước bữa tối và có thể uống bia khi ăn, tất nhiên chỉ một thôi, ăn nấu và dạo chơi; giữ im lặng. Tỉnh táo để đối phó với con ma men.

Nick xoa cổ anh và chêm vào:

- Hãy uống nước đóng chai. Gọt vỏ hoa quả trước khi ăn. Đừng tự hủy hoại mình bằng những việc tạp nham.

- Nếu có vậy thì anh cũng chỉ nhìn thấy nước trong cốc của tôi thôi.

- Hãy dừng lại. Đó chỉ là điều mới xảy ra. Hãy bỏ con ma men lại đây. Anh nhìn ra vấn đề là được rồi.

- Không. Tôi chưa nhìn vào vấn đề. Tôi chỉ mới chửi rửa nó. Giờ đây tôi phải nhìn vào nó, tranh đấu với nó.

Nắm chặt lấy cánh tay Nick, anh nhắm mắt lại, ấn mạnh gáy mình vào đó.

QUẢ PHÁO .

Maxine Clair

Tôi còn nhớ chuyện xảy ra hai mùa hè trước. Đó là thời gian trước khi tôi biết đút từng đồng xu nhỏ vào rãnh máy bán vé của tuyết xe buýt Đại lộ thứ Năm để đến trường. Cuộc sống được đo bằng những mùa hè trôi qua sau đó và thành ngữ "Tôi đang tồn tại trên thế giới này nhưng không thuộc về nó" luôn lẩn vẩn trong tôi. ý nghĩa sâu xa của câu thành ngữ đó tôi không hiểu rõ, duy biết là nó hàm chứa những quan điểm cao cả nên chiêm nghiệm. Mùa hè đó nóng kinh khủng, cái nóng của tháng sáu. Và ông Calhoun vẫn dạo quanh trên chiếc xe tải rao bán thứ hàng muôn thuở của ông, đó là đá. Mẹ tôi thường mua hộ ông một cục lớn tướng đặt ở sân sau để chúng tôi liếm láp hay nghịch cho mát mẻ. Cũng mùa hè đó, dịch châu chấu tràn tới. Tôi đến không khí tràn ngập tiếng châu chấu rào rào lan dần từ đám đất phủ đầy cây hương bồ gần nghĩa địa, từ khóm hoa người ta lấy tết vòng hoa cô dâu đội trong lễ cưới và bãi cỏ, nơi thằng em họ Bea của tôi thường tới cắt để tết thành những dải bím như bím tóc, bên ngõ hẻm sát sườn nhà chúng tôi: Tôi có giấu một quả cherry bomb (như một loại pháo ở ta) và một quyển nhật kí có khóa dưới gầm cầu thang sau nhà, nơi Bea vì bị dọa là có ma nấp ở đó, sẽ không dám mò đến mà khám phá ra. Đây chỉ là câu chuyện dọa trẻ con mà bố tôi thường kể, rằng con ma lông lá thường lang thang tới nơi hắt muỗi vào ban đêm, còn ban ngày thì hắt ẩn nấp trong ngôi nhà màu vàng trên đại lộ Sherman, gần trường học chúng tôi. Suốt năm học, nếu

có nán lại đôi chút để vài đứa táo gan và thâm dò, chúng tôi sẽ thấy hẳn phía sau bức tường rào, dầu đội mũ len, râu ria gồm ghềnh, la hét những điều chúng tôi sợ đến mức không dám nhắc lại cho tới khi một bà giúp việc cổ quàng khăn hoa xuất hiện, kéo tuột hẳn vào sau cửa ngôi nhà có các ô cửa sổ sơn xanh nhạt, loại màu mẹ tôi nói là thanh nhã, hợp với người nào bị sốc về tâm lí.

Có hai thứ tôi vẫn còn giữ. Một là chiếc mulông rách rưới vật sở hữu của bà nội, người mà bố tôi coi như cả cuộc đời lúc bà mất. Thứ kia là chiếc áo jackét màu lòe loẹt bố tôi thường mang theo mỗi khi ông đi biển, tới tận nơi nào đó trên Thái Bình Dương; ở đó, theo lời ông, toàn những phụ nữ xinh đẹp, hừng hực như cốc rượu vang mùa hạ, ăn mặc thì đơn sơ mỗi miếng vải nhỏ. Nếu bạn từng phân biệt được hai nhân vật này thì bạn đã biết đến một nửa bí mật của tôi rồi. Còn nếu bạn nhắm mắt lại, nâng hai bàn tay vòng lên trên đầu, bước lên phía trước từng bước một cho tới khi đầu các ngón chân chạm phải lớp thảm êm mát, thoải nghiêng tới chỗ bạn phải chùng người xuống và đi lom khom, lết bằng cả đầu gối, lúc đó hãy nghĩ xem bạn sẽ thấy gì. Một hộp xì gà đầy mùi thơm. Chiếc hộp riêng tư cất vật riêng tư của tôi.

Đôi khi, hai em họ tôi, Bea và Eddey ở lại nhà tôi chơi. Ngày bốn tháng sáu hè năm ngoái, Eddey đốt một quả cherry bomb trong cái hộp thiếc đựng ngũ cốc của Libby và cổ tung nó lên cao vòng qua mái nhà sang ngõ hẻm cạnh đấy. Trước khi vượt qua được cổng, nó bỗng nổ rơi xuống và một miếng sắt tây bé xíu nhằm thẳng mắt Eadey bắn tới. Sau hè, năm học mới bắt đầu mà mặt Eddey vẫn mang một

vết rạch và một miếng che mắt. Tới khi tháo nó ra thì con mắt của Eddey đã bị cố định, chỉ nhìn chăm chăm vào một điểm phía trên đầu nó. Eddey đưa cho tôi một quả cherry bomb. Quả cuối cùng của nó. Tôi cất quả cherry bomb đó vào trong chiếc hộp xì gà giữ làm vật kỷ niệm về một thời tuổi thơ tươi đẹp. Thậm chí có muốn mang ra đốt, mẹ liền đe sẽ phạt nặng nếu bà phát hiện ra. Đây là vật đầu tiên người khác cho tôi, không kể tới các đồ mừng Giáng sinh.

Tuy nhiên, duy nhất quyển nhật kí mới thật sự là của riêng bản thân tôi, tất nhiên không có nghĩa là không còn cái gì khác. Thành Nick bạn Eddey cứ mở miệng lại tuyên bố rằng lúc nào tôi không còn là trẻ con nữa, nó sẽ đặt tay lên đùi tôi rồi mò mẫm, sờ soạng khám phá điều bí mật đó. Những điều này tôi đều viết vào quyển nhật kí. Cả cái bộ tóc hung đỏ đặc trưng vùng miền Nam của Nick tôi cũng ghi lại. Tôi viết về chiều, trên chiếc giường tôi và Bea luôn đẩy sát cửa chặt không cho ai mở. Tôi thường ngồi ghi ghi chép chép tới tận lúc bố tôi về, mang theo một đám bụi xi măng rũ ra từ chiếc áo khoác ngoài.

Một tối, sau bữa ăn, ba đưa Bea, Wanda và tôi rủ nhau ra ngồi trên bậc cửa gọi tên từng chiếc xe ngang qua, giống như bố thường chơi với chúng tôi trước kia. Tiếng động cơ, những cái bóng lấp loáng, tất cả đều nằm trong danh mục của nó cho tới khi xe của đứa bạn tới nơi. Buick Dynaow! Ford 53 ! Bea cầm hòn đá bột vạch vẽ trên bậc cửa tới tận khi Nick cho chiếc xe ghé lở của nó tới. Nghễ nghễ chênh vênh trên ghi đông, nó đạp xe trong tư thế quay đầu lại phía sau, một trong những tư thế sở trường của Nick. Nick có khả năng biểu diễn mọi tư thế trên xe đạp, cả cái cách

yêu thích do nó nghĩ ra và đặt tên là J.C. Đó là kiểu đi xe mà người ta điều khiển đạp nhanh cho xe chạy, rồi đứng thẳng trên yên, hai tay dang rộng giả hình Chúa Jesus bị đóng đinh câu rút.

- Cậu muốn thử không?

Hiển nhiên tôi muốn quá đi chứ, nhưng Nick thì chúa ghét thằng nào mó đến chiếc xe của nó. Việc này thì nó bủn xỉn thật, và tôi cũng biết rõ nó chỉ muốn trêu tức tôi mà thôi.

- Trời sắp tối rồi, nhưng nếu cậu thích, tớ sẽ chở cậu ra quốc lộ rồi chúng ta quay về.- Lần này nó nói có vẻ thật thà.

- Được thôi, nhưng đừng đi xa quá đấy.

Nói rồi tôi nhảy phốc lên yên sau, sát sau mái tóc hung đỏ của nó. Chúng tôi đã đạp được một dặm dưới bầu trời tranh tối tranh sáng, trên con đường dốc lên dốc xuống hút mắt. Được một lúc, hai đứa mỗi rã rời nên phải dừng lại. Chúng tôi ngồi nghỉ trên vách đá dốc đứng, phóng tầm mắt quan sát con đường rải nhựa lốm đốm ánh sao vàng vọt buổi chiều tà và đếm từng chiếc ô tô ngang qua. Bên kia đường về phía con sông, đằng chân trời, mặt trời đỏ ối đang tỏa ánh sáng yếu ớt cuối ngày. Đâu đó phảng phất mùi thịt nướng theo từng cơn gió nhẹ nhẹ đưa tới. Có lẽ từ căn nhà bên bờ sông.

- Sao, sao kìa, ngôi sao đầu tiên của buổi tối. Tớ ao ước tớ có thể... tớ ao ước tớ...

Nick chẳng thêm nhìn ngó, nó nói:

- Tớ chẳng thấy ông sao nào cả.

Tôi chỉ cho nó thấy :

- Đằng kia kìa, sao Bắc Đẩu đấy.

- Sao cậu biết?

- Mẹ tớ chỉ cho tớ biết.

Lần này thì Nick đã thấy. Nó nói:

- Tớ dám cá đó không phải là sao Bắc Đẩu.

- Tớ thì chắc đấy là sao Bắc Đẩu. Khi trời tối hẳn, nó sẽ hiện lên bên rìa của chòm Tiểu Hùng Tinh.

- Nếu tới lúc chín giờ mà nó còn đó, tớ sẽ cho cậu mượn chiếc xe đạp cả ngày mai. Nếu không, tớ phải được hôn cậu.

- ừ, ừ, Nick. Chỉ được cái lâu cá.

- Được rồi, được rồi, cô bé khó tính, cô bé vòng kiếng ạ - Nói rồi nó túm lấy cổ tay tôi, giở trò.

- Bỏ ra - tôi thét lên và đẩy tay nó ra. Nó lại tiếp tục và tôi lại hất lay nó ra.

- Tớ dám cược chưa có ai dám sờ "cái ấy" của cậu cả.

- Và chẳng có ai sẽ làm vậy.

- Hãy xem.- Nó nói là làm liên, nó đẩy tôi nằm vật xuống thềm cái lối mằn mằn vào mồm tôi. Các ngón tay nó mò mẫm vào trong chiếc quần. soóc cào cào khi chạm phải quần lót. Nhanh như cắt, ngón tay nó chọc thẳng vào.

Tôi thúi cho nó một quả rỗ mạnh, buộc nó phải ngừng cái trò bỉ ổi đó lại. Tôi đứng bật dậy và chạy, không quên cảnh cáo: "Tớ sẽ mách" Nó chộp được chân tôi. Bên tai tôi vang lên: "Đừng mách:..Tốt hơn cậu không nên mách" Trên đường về nhà, một câu nói luôn vang lên trong thâm tâm tôi: "Minh không sợ". Tối nhà, thằng Nick vẫn thản nhiên như không. Tôi nghe tiếng lớp xe rào rào trên đường. Nó

đang lượn lơ sau tôi, vẫn đứng thẳng trên yên, hai tay dang rộng kiểu Chúa Jesus.

Mẹ tôi lo lắng:

- Con gái con đi đâu đấy? Mẹ vừa bảo Eddey đi tìm con.
- Con ở nhà Janice, - tôi đáp.

Tối đó khi phát hiện thấy thứ nước màu hồng dính ở quần lót, tôi liền đổ một ít nước tẩy mạnh vào bồn tắm, hi vọng chưa có điều gì tồi tệ xảy ra. Mẹ tôi thấy, bà hỏi: “Con làm gì với thứ đó vậy?” “Mông gà” - tôi đáp lời. Những gì xảy ra tôi đều ghi vào nhật ký. Bên phần “Tôi đang tồn tại trên thế giới này” tôi viết: Nick: da cháy nắng, mái tóc hung mềm thơm mùi oải hương, bộ áo liền quần có duy nhất một dải buộc vắt lưng, bởi vậy tôi phải túm lấy đôi vai trần mặc dầu nó đâm mồ hôi”. Và bên phần “Nhưng không thuộc về nó”, tôi viết: Những mong ước tôi dành cho Nick rằng nó sẽ được giáo dục đầy đủ, đi lễ nhà thờ, xử sự cho đúng đắn, đừng bao giờ trêu chọc tôi nữa và phải học lại cái cách hôn hít đó. Tôi cũng viết về Eddey đang giả vờ là nhìn được bằng con mắt thủy tinh như thế nào, và làm sao tôi nghe được nó khóc đêm hôm đó vì nó muốn đi cùng với Wanda Cobes và con bé đã giều cợt lại bằng cách cứ dứ dứ tay trước mặt Eddey. Sáng hôm sau, lúc đưa cho bố phần thức ăn trưa với chiếc bình đựng nước mát, ra đóng cửa tôi thấy Nick đang đứng dựa cửa sổ nhà nó, nhìn qua cây mơ hình chạc ba trong con hẻm nhỏ ngăn cách hai nhà. Thật may, hôm đó là ngày phải giặt giũ quần áo nên tôi chẳng phân vân gì mà mặc kệ nó.

- Bồn đóng quần áo trước khi trời nóng, - mẹ tôi than vãn. Chúng tôi vẫn chiếc máy giặt từ cổng vào giữa bếp

bằng hai cái ống ở hai bên bàn làm việc của bố. Tôi lột hết chăn, trơ lại hai đứa Bea và Eddey trên giường.

Ga, chiếu đầy mùi thuốc lá của bố và mùi kem của mẹ. Dưới tấm đệm giường họ, lần nào tôi cũng đều thấy chiếc phong bì đựng vài tờ ngân phiếu cũ hồi còn chiến tranh và một quyển sách nhỏ kẹp đầy tem phiếu khẩu phần. Nhưng lần này, tôi phát hiện có thêm một quyển tạp chí. Sự lãng mạn thực sự, trong đó kẹp một tờ bưu thiếp in hình hoa hồng ở bìa ngoài và hàng chữ: "Người tôi yêu đang trưởng thành "không thấy kí tên. Thoạt đầu tôi cứ nghĩ là của bố viết cho mẹ hay ngược lại. Lúc chạy vào bếp tôi chợt phát hiện ra một điều, tôi nhớ tới cái hộp bí mật của mình. Tôi lặng lẽ quay ngược lên gác, vợ đồng đồ rải đầy trên sàn đi giặt.

Nick tỏ ra thật gan lì khi nó cứ đứng nguyên một chỗ chờ cho đến khi tấm ga cuối cũng được phơi lên đây. Tôi nhanh tay vớ cây sào chống cho dây phơi khỏi võng xuống và kịp che khuất Nick: trước khi nó kịp thốt ra một lời.

- Đã tìm được một cái bàn đạp mới cho chiếc xe của tớ rồi, Nick hét tướng lên. Tôi bước vào sau tấm kính, quay lại thấy nó đang trượt xuống khỏi cửa.

- Cậu cứ đạp cả ngày cũng được!- nó gào to xuyên qua cả lớp kính - Dạ, cháu chào cô Wilson!

- Cháu lông bông quanh đây sớm thế để làm gì?- Mẹ tôi hỏi.- Cô biết mẹ cháu có dặn cháu việc phải làm trước khi bà về ... mà nhìn kìa, chắc cháu còn chưa rửa mặt.

- Cháu đã làm xong mọi thứ, - Nick nói dối, bởi tóc nó còn trông rất bù xù.

- Vậy thì cháu hãy lôi thằng Eddey dậy giùm cô đi và hai đứa hãy đến cửa hàng mua bột về đây.

Câu nói đó kích thích được Nick : Nó lao vọt qua cửa, lên gác rồi thét vào tai Eddey : "Eddey, chúng ta đi nào!". Tôi đang gọi điện thoại thì hai thằng hồng hộc lao xuống tranh nhau vượt lên trước trên con đường hẻm không rải nhựa. Chúng nhặt đá ném vào những con chim trên đầu:

- Láo con gái, chúng ta tiếp tục,- mẹ tôi giục,- còn cả một đồng lộn xộn đây này.

- Vào những ngày tổng vệ sinh như hôm nay, khi mẹ nói mọi việc rồi sẽ xong thôi, hai mẹ con tôi lại nghỉ một lát, và ăn tất cả những gì cho bữa trưa. Trưa đó lúc mẹ giành giặt nốt đồng quần áo còn lại, tôi tập trung đoán xem điều bí mật về tấm thiệp in bông hoa hồng vừa nhặt được. Giá mà Nick cũng tặng tôi tấm bưu thiếp như vậy nhỉ! Nhưng tôi không hình dung ra mẹ khi bà ngấm nhìn bức ảnh người đàn ông đang ôm người đàn bà trên bìa quyển "Sự lãng mạn thực sự". Tôi làm hai chiếc bánh kẹp hành và mù tạt cho mình và Bea rồi đi quần quanh quanh sân phơi, chờ xem thằng Nick có thể luẩn quẩn quanh đó để lại làm bộ mặt kệ cho bố.

Khi mặt trời lên đỉnh, Eddey và Nick về, ủa vào trong bếp uống cốc nước mát. Nick nhe miệng cười qua vai Bea, lúc đó đang phàn nàn với mẹ tôi nó nóng làm sao nước con sông Missouri dâng lên bao nhiêu sau mấy trận mưa vừa qua đã tràn đầy cái ao. thậm chí không giọt nước đọng từ đầu hè và mặt nước êm lặng đến lúc nhìn thấy cả nòng nọc và cả những lời bố tôi cảnh cáo mặc dù ông vẫn thường bơi ở đó.

Lúc Eddey lên phòng, Nick nói tôi có thể đi bơi cùng nếu muốn. Tôi không bơi được, và tôi đoán Nick cũng biết rõ điều đó, bởi nó hỏi rất nhẹ nhàng, ý nhị.

Đêm qua tớ thấy chòm Đại Hùng Tinh. Cậu có thể đi xe của tớ ngày mai cũng được, hôm nay cậu giặt quá nhiều rồi.

- Tớ không cần xe của cậu. Việc cậu làm chả ra sao cả. Vả lại, bố tớ đang lắp cho tớ một cái, và đó sẽ là chiếc xe của con gái.

- Không thể có một chiếc xe cho con gái được – Nick nói. - Không có một cái khung nào kiểu đó ngoài bãi thải cả.

- Được rồi, các cháu có thể đi. - mẹ tôi nói - nhưng Nick nhớ phải trông chừng Eddey đấy. Mắt nó không còn sáng lắm đâu. Không được nghịch quá trớn dưới nước đâu đấy. Và tất cả phải về ăn tối nghe không?

Nick nháy mắt ra chiều hỏi tôi có đi không, nhưng tôi chỉ trợn tròn mắt đáp lại. Nó chả thèm hỏi thêm, đẩy Eddey ra ngoài cửa, rồi chúng nhảy thót lên chiếc xe của Nick phóng thẳng đến dòng sông Missouri.

Cece đứa bạn thân nhất của tôi, về thăm bà nó suốt từ đầu hè. Nhà xa nên chúng tôi chả gặp nhau được. Tôi đành rủ Wanda vậy, tuy nhiên tôi chẳng đại gì nói với nó những bí mật của tôi. Thực ra cái duy nhất tôi ghen tị với nó là mái tóc thẳng và dài được tết thành hai bím, Wanda còn làm cho mái tóc dài thêm bằng những chiếc kẹp nhựa màu ở đuôi tóc.

- Cậu đi chơi không? – Wanda hỏi qua cửa.

- Thu đông quần áo và gấp lại rồi hãy đi, - mẹ nói.

Tôi đặt tất cả vào sọt để là rồi chạy đi chơi với Wanda. Dưới gốc cây táo, hai đứa ngồi chà từng cục đá lên tay, lên chân. Đó là một buổi chiều êm ả.

- Tôi có một điều muốn nói với cậu, - Wanda thì thào.

- Gì vậy?

- Cậu hãy đoán xem, - nó nói nửa vờ.

- Chịu thôi.

- Có đấy, - nó nói và thọc tay vào túi quần. Rút mãi mới ra được, giơ lên nói: - Nhìn đây.

Đó là một quyển nhật kí dày nhưng nhỏ, màu nâu. Trên bìa nổi bật dòng chữ mạ vàng: "Cuốn nhật kí 5 năm". Nó lại thò tay vào túi và lấy ra chiếc chìa khóa, khéo léo mở quyển nhật kí ra. Hóa ra nó giống hệt quyển tôi có.

- Đọc xem, - Wanda nói.

Tôi cầm lấy quyển sách, nhận ra từng trang đều có một dòng để ngày viết trong năm năm đó. Đến giờ tôi mới biết Wanda người thậm chí không phải là bạn thân của tôi, cũng đã làm cái việc giống y hệt tôi đến cả những gì tôi đã làm cho Gray. Cô Gray là cô hàng xóm của tôi cô béo quá mức, béo đến nỗi không nâng hai tay vòng lên đầu được và tôi phải bôi dầu để chải và tết bộ tóc dày, dính xin xít của cô. Từ lúc cô không còn đi lại thoải mái được nữa tôi phải chạy ra cửa hàng mua lá và xúc xích chay, bởi vì cô đang kiêng khem để giảm cân. Đổi lại tôi thường được cô cho hai đôla tiền xu để mua báo – phương tiện tôi coi là gián tiếp ghi lại những kỷ niệm trong năm năm của đời mình.

Tôi thấy đọc những dòng nhật kí của Wanda đã quá đủ.

- Tôi không thể nào đọc chữ cậu được. - Tôi nói.

Wanda lấy lại quyển sách, và đọc cho tôi: “Ngày hôm nay tôi đã thành người lớn. Tôi chẳng cảm thấy điều gì khó khăn như mọi người thường nói. Giờ đây, tôi được đi giày cao gót, có thể mang tất dài đỏ, và biết rằng tôi đã đẹp bỏ mọi thứ trò trẻ con tôi thường làm. Tôi thực sự hạnh phúc”. Cậu hiểu chứ?

- Rồi, tuyệt vời.

- Tổ thì nghĩ bọn con gái nên viết nhật kí, đứa nào chẳng trải qua giai đoạn này mà. Đó là ngày ai cũng nên ghi nhớ. Cậu cũng phải có một quyển đi.

- Ừ - tôi đáp.

Trước khi bố về đến nhà, tôi đã phải cố gắng để thuyết phục Wanda rằng nếu đeo những chiếc kẹp uốn tóc trước khi đi ngủ, trông nó sẽ rất giống Lena Horne. Lúc đó trái với những gì tôi thấy, nó chỉ coi mái tóc của nó như một mớ tóc rối tung.

Đến bữa ăn tối, tôi đã chán ngấy Wanda và thấy như thoát được nợ khi chạy ra sông tìm Nick và Eddey. Mẹ dặn đi dặn lại Wanda phải đi cùng tôi. Hai đứa đi tha thẩn, nhảy lò cò trên những viên gạch lát đường cho tới lúc ra tới con đường xi măng. Chúng tôi chạy nhanh xuống con dốc trên quốc lộ, đợi lúc ô tô vãn, liền chạy ngang qua đường, thung lũng nhỏ lấm đầy bùn tới bãi đất trống tối, hành, măng, thêm chút nữa thì tới vùng cây cỏ dại thấp lè tè. Đứng đây chỉ còn nghe thấy tiếng sóng rì rào của con sông, tiếng vỗ ì oạp, ì oạp.

Phía bên kia khóm cây dại, Eddey đang nằm xoài trên đất tay dang rộng hứng hờ. Cái gì đó rần rạt chạy trong người làm tôi sờn gai ốc. Điềm gì chẳng? Tôi vội

vàng chạy bổ về phía đó. Tôi đứng cạnh nó một quãng vừa đủ nhìn được con mắt hồng của Eddey đang mở trừng trừng. Giật mình nó bật tỉnh con mắt còn lại này mới mở nốt. Trong khoảng khắc ấy tôi hiểu ra rằng chẳng phải từ khi gặp tai nạn với quả cherry bomb khốn kiếp tôi mới mù kính Eddey ngủ mở mắt, mà còn chưa biết là trước nó cũng như vậy.

- Mày làm gì mà nằm ngủ ở đây? Nick đâu rồi?

- Em mệt quá, còn Nick chưa muốn lên nó vẫn ở dưới kia -- Eddey đứng dậy nói, mặc áo lót vào rồi vớ ngay lấy xe đạp của Nick dựng bên cạnh.

Wanda và tôi tới sát bờ sông lớn tiếng gọi Nick. Chúng tôi gọi đi gọi lại "Nick! Nick! Bọn tớ đi về đây, mang theo chiếc xe của cậu nữa"

"Nick" tiếng Eddey vang lại từ phía bờ bên kia. "Nick!", nó gọi tiếp và lần này thì tôi sờn gai ốc lên. Tôi và Wanda không tự chủ được nữa.

- Nick! Lên đi nào! - Chúng tôi căng mắt nhìn xuống nước cũng không thấy gì ngoài lớp bùn màu xanh.

Chúng tôi chạy quanh bờ tới chỗ Eddey .

- Nick ở đâu? Khi mày lên thì Nick đang bơi ở đâu .

- Kia kìa, Eddey chỉ tay, - ở ngay giữa đó. Nick bơi cừ lắm. Đợi tí nữa xem nào, nghe xem có tiếng động không?

- Không được, - Wanda nói, - bọn mình phải tìm ngay thôi. Nếu việc gì đó không may xảy ra thì sao.

Tôi đã chán lắm rồi, chán hơn ai hết, hơn tất cả mọi thứ. Hãy đợi, - tôi lặp lại lời Eddey.

- Tổ đi đây,- Wanda nói và chạy vù đi - Tổ sẽ gọi bố mẹ mọi người. Mẹ tổ sẽ cứu mất. Tổ chả có việc gì ở đây cả.

Nick sẽ lên thôi! Nick sẽ lên thôi!- Eddey lẩm bẩm, mắt vẫn dăm chiêu nhìn xuống sông, hi vọng bắt gặp đầu đó ánh trắng đôi hàm răng và cái đầu rậm ló ra từ góc bụi rậm xung quanh, tiếc cái xe đạp chúng tôi cuôi về nhà. Trên đường, nếu gặp bố, tôi sẽ nói với ông rằng không sao cả, và giương mắt kiêu hãnh nhìn Wanda, dứa tôi cho là hợp hình, làm ra nó biết điều lắm.

Nick sẽ lên thôi. Khi tôi có được chiếc xe riêng, Nick sẽ không được mó đến, trừ phi nó thề rằng sẽ không tỏ ra khinh bạc coi chiếc xe như là đồ phế thải chả cần để mắt tới; trừ phi nó nói: "Chúng ta cùng đi nào" và xin lỗi tôi vì những hành động xấu xa của nó. Tôi đang tồn tại trên thế giới này, nhưng không thuộc về nó. Tôi đang tồn tại trên thế giới này.

Eddey và tôi kiên trì đợi đợi mãi vẫn không thấy Nick đâu. Mặt hồ đang dần chuyển màu xanh thẫm ánh nắng rọi xuyên qua đám lá như những đốm lửa. Bố tôi là người đến đầu tiên, mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt, đầu ông lắc lư, hai tay vung mạnh, vượt qua đám cỏ cao tiến về phía chúng tôi. Mẹ tôi tới sau đó vẫn trong bộ đồ nội trợ in hoa, lo lắng gọi tên từng đứa cứ như bà không thấy chúng tôi đâu cả. Tiếp đến là bà mẹ Nick. "Tôi tệ rồi" tôi nhủ thầm. Bà cứ khoác nguyên bộ đồng phục màu xanh xám xen lẫn đỏ chói của người điều khiển thang máy thẳng từ cơ quan chạy tới gào to: "Nick!" Cuối cùng là Bea, Wanda và bà Coles dắt theo Puddin, nửa đi nửa chạy rồi đứng trân trân phía ngoài. Mọi người hỏi nhau ầm ĩ cả lên. Mẹ Nick túm

lấy vai Eddey lay mạnh ra điều nó biết tất cả. Mẹ tôi kéo bà ra và bố cứ để nguyên cả bộ quần áo lao động nhảy ùm xuống nước. Mẹ Nick khóc vật vã làm mẹ tôi phải an ủi: "Nào, bình tĩnh - mọi thứ sẽ ổn cả thôi". Eddey thì nhắm chặt bên mắt không tạt của nó lại, còn, tôi thì thắm cầu Chúa phù hộ cho mọi người. Khoảnh khắc ngắn ngủi sau đó bố tôi nhô ra khỏi mặt nước cầu nhàu, lặn xuống rồi lại ngoi lên cầu nhàu. Ông hét lên "Đưa bọn trẻ ra khỏi đây! Đưa chúng về đi". Wanda - và bà mẹ chạy vội lên đường cao tốc, mẹ tôi bắt cả bọn lùi ra sau lùm cây. Mẹ Nick đẩy mẹ tôi ra lao lên như thể bà chực nhảy ùm xuống nước.

Lúc bố tôi đặt thi thể Nick lên cỏ, tôi thấy cánh tay nó gập cong, khó có thể nắn thẳng lại. Mẹ tôi dìu mẹ Nick lại gần và họ nắm chặt lấy hai cánh tay cong queo đó cho tới tận khi xe cứu thương đến. Họ phủ vải lên mặt Nick, khiêng nó đi. Hai bà mẹ đi cùng với họ. Mẹ Wanda chở những người còn lại về trên chiếc Dynaflo.

Đêm đó mẹ cứ ôm bụng khóc hoài. Eddey đẩy giường ra chèn cửa để không ai vào được phòng nó. Bố an ủi tôi bằng cách cho phép tôi thức đến bao giờ cũng được để tưởng nhớ người bạn, ông thì ngồi trên bục của đốt thuốc. Thỉnh thoảng tiếng đưa chân sột soạt vang lên và tôi biết ông đang ngủ gà ngủ gật, đôi lúc bừng tỉnh trong màn đêm. Bea miệng câm như hến, dường như nó không có ở đó nữa. Tôi ngồi thức trên giường nghĩ vẩn vơ, nghĩ về cái bất tận của thời gian, cứ như là bị kết án phải chờ đợi điều gì đó không bao giờ xảy đến. Tôi chả cảm thấy gì cả, ngay cả khóc. Duy nhất có cảm giác trống rỗng của hư vô, sự trống

văng khắc khoải và sợi dây ràng buộc đã thít chặt thêm tự lúc nào.

Dò dẫm trong bóng tối, tôi gạt riêng chiếc mutông và chiếc áo len rách rưới của bố duỗi hai tay ra và bò bằng cả chân lẫn tay xuống dưới chỗ cất chiếc hộp. Mặc dầu tháng hè vừa qua đã để lại trong tôi rất nhiều kỉ niệm, những kỉ niệm, không thể phải mờ trong tâm trí, nhưng tôi vẫn chả biết viết gì vào quyển nhật kí.

Tôi tìm được quả cherry bomb. Vào trong bếp, tôi vớ lấy hộp diêm trên giá treo ở trên cái lò nướng và trườn và ngoài sân. Lại tiếng chân sột soạt nhưng tôi vẫn lén đi qua sân ra đến con hẻm, tối tận bên sân nhà Nick rồi ra lề đường.

Từ vách đá mát rượi, tôi lắng nghe tiếng rì rào của con sông lẫn át tiếng ù ù của đàn châu chấu bay. Một dải ánh sáng bạc chệch Hằng rót xuống trải dài trên con đường màu xám và cong. Khi ngòì quả cherry bomb kêu xèo xèo, tôi ném nó lên cao, ra phía xa. Quả cherry bomb nổ tung mang theo cả mùa hè.

Tô Đức Huy (dịch)

DANH TRÁO

Ray Bradbury (Mỹ)

Đến tám giờ nàng đã sắp đặt xong những điều thuốc lá dài và mảnh, bày biện xong những chiếc ly uống rượu, và cái xô nhỏ bằng bạc đựng những viên đá vuông lạnh toát đang ướp một chai rượu màu xanh. Nàng đứng dậy, đưa mắt nhìn lại gian phòng mà mọi thứ đều toát lên vẻ gọn gàng, ngăn nắp, với những chiếc gạt tàn sạch sẽ được đặt ở những chỗ thuận tiện... Nàng sửa lại chiếc gối trên divăng, rồi lùi lại một bước để ngắm lại toàn bộ gian phòng một lần nữa. Sau đó nàng háp tấp chạy vào buồng tắm mang ra chai stricnin, nhét xuống dưới quyển tạp chí ở mép bàn, nơi có một chiếc búa con đã được giấu từ trước.

Nàng đã chuẩn bị xong xuôi.

Dường như đợi đúng lúc này, chuông điện thoại vang lên. Khi nàng nhắc máy, từ đầu dây bên kia vang đến giọng nói:

Lúc này anh ta đang đứng trong chiếc lồng sắt của thang máy đang lướt êm lên trên, mấy ngón tay mân mê hàng ria mép vừa xén tỉa gọn gàng. Trên người anh khoác một bộ com-lê mỏng màu trắng rất muốt, cổ thắt chiếc cà vạt đen... Có thể gọi anh ta là một người đàn ông tóc vàng thú vị, với mái tóc đã hơi điểm bạc. Người đàn ông quyền rũ chạc năm mươi tuổi này, đang đến với người phụ nữ ba mươi tuổi, trông vẫn không mất đi vẻ trẻ trung tươi tắn, vẫn uống rượu thoải mái và không xa lạ với mọi thứ khác.

Đồ dối trá, - nàng buột miệng nói khê đường như cùng lúc với tiếng gõ cửa của anh ta.

- Chào Marta, - anh ta lên tiếng.

- Anh định cứ đứng mãi ở cửa hay sao? - Nàng hôn nhẹ anh ta và nói.

- Chả lẽ người ta hôn nhau như thế - Đôi mắt anh ta hơi tối lại - Đúng rồi, phải như thế chứ! - Anh ta cũng áp chặt môi mình vào môi nàng rất lâu.

Nàng nhắm mắt lại và nghĩ: không lẽ mọi việc bắt đầu thay đổi từ tuần trước, tháng trước, năm trước? Nhưng điều gì đã khiến nàng nghi ngờ? Một điều vật vãnh nào đó. Nhưng không thể diễn đạt được, vì tất cả đều hết sức mong manh. Nhưng giờ đây sự thay đổi của anh ta đã rõ rệt đến nỗi trong vòng hai tháng trở lại đây những ý nghĩ không vui đã làm cho nàng không sao ngủ được. Đôi khi trong lúc nằm cô đơn trong bốn bức tường nàng bắt đầu mơ được bay trên chiếc trục thẳng ra đại dương rồi lại quay về để quên đi tất cả.

- Em có chuyện gì phải không, Marta? - Sau một nụ hôn anh ta hơi lùi lại, nhìn nàng với vẻ thăm dò và hỏi.

- Không, không có chuyện gì cả. - Nàng đáp, nhưng trong bụng nghĩ thầm rằng mọi chuyện không phải như vậy. - Chính anh đã không còn giống anh nữa. Chiều nay anh đã ở đâu, Leonard? Có phải anh đã nhảy với ai đó ở cách xa nơi đây, hay đã ngồi uống rượu trong phòng với ai đó ở đâu kia thành phố? Vì phần lớn thời gian anh không có mặt ở trong phòng này, nên em đã chuẩn bị quăng vào mặt anh những bằng chứng cho thấy những quan hệ bên ngoài của anh.

- Cái gì thế này? - Anh nhìn xung quanh và hỏi. - Búa à? Sao, em định treo tranh à, Marta?

Không, em định dùng nó để đập vào đầu anh. - Nàng nói rồi cười lớn.

- Phải, tất nhiên rồi, - Anh cũng cười hòa theo. - Nếu vậy, cái này có thể sẽ làm cho em thay đổi ý định.

Anh mở cái hộp bọc nhung bên trong có một chuỗi hạt ngọc lấp lánh.

- ôi, Leonard! - Nàng đeo chuỗi hạt với đôi tay run run, rồi sung sướng vì món quà bất ngờ, nàng quay lại phía Leonard. -

Anh thật tốt với em quá!

- Có đáng gì đâu, em thân yêu.

Vào giây phút ấy nàng gần như quên hết mọi nghi ngờ. Anh ta đang ở bên nàng, anh ta vẫn chu đáo với nàng, chả lẽ không phải như vậy? Tất nhiên là không. Anh ta vẫn tỏ ra tốt bụng, hào hiệp và quan tâm đến nàng. Chưa bao giờ nàng thấy anh ấy đến mà trong tay không mang theo món quà gì cho vòng cổ hay ngón tay của nàng. Vậy mà tại sao nàng vẫn cảm thấy không thoải mái khi có mặt anh ấy?

Mọi chuyện bắt đầu từ tấm ảnh đăng trên báo cách đây hai tháng. Tấm ảnh chụp anh ta và cô nàng Alisa Samers tại một câu lạc bộ đêm mười bảy tháng tư. Một tháng sau nàng mới tình cờ nhìn thấy tấm ảnh ấy và hỏi vặn anh ta:

- Leonard, anh không nói gì với em chuyện anh rủ cô Samers đến câu lạc bộ đêm mười bảy tháng tư.

Không có lẽ, Marta? Theo anh thì anh có nói rồi chứ.

Nhưng việc đó xảy ra vào đúng cái đêm mà chúng ta ở với nhau ở đây. Anh không hiểu tại sao lại có chuyện như thế được. Bọn anh đã cùng ăn tối, sau đó nghe giao hưởng và uống rượu đến tận sáng ở Câu lạc bộ.

- Em tin chắc là đêm hôm đó anh đã ở cùng với em, Leonard.

Em nhớ nhầm đấy. Thế em ghi nhật ký đấy à?

Em không phải là cô bé con.

- Thế là thế nào? Không nhật ký, không ghi chép. Chắc là đã ở với em vào tối hôm trước hoặc tối hôm sau đó, có thể thôi. Nhưng thôi, không nói đến chuyện này nữa. Marta, chúng ta nâng cốc nào.

Nhưng lời giải thích của anh ta không làm nàng yên tâm. Nàng sẽ lại không thể ngủ được khi không biết chắc anh ta có ở với nàng vào cái đêm mười bảy tháng tư không. Tất nhiên chuyện thật vô lý. Anh ta chẳng có lý do gì phải có mặt cùng lúc cả hai nơi.

Cả hai người cùng đứng, mắt nhìn vào cái búa để trên bàn. Nàng cầm nó lên và đặt xuống ghế.

Hôn em đi, - bất ngờ nàng nói. Bỗng nhiên ngay lúc này, hơn bao giờ hết, nàng muốn được anh ta tin. Anh ta ôm lấy nàng và nói:

Trước hết ta hãy uống một ly đã.

Không. - Nàng vẫn khẳng khẳng và ôm lấy anh hôn.

Phải, đúng rồi. Quả là có sự khác nhau. Không thể kể lại cho ai đó hoặc ghi lại chuyện này. Trong khi hôn đã xảy ra một quá trình hoá học không nắm bắt được. Đó không còn là nụ là nụ hôn của Leonard nữa. Nó giống nụ hôn của

Leonard, nhưng vẫn có sự khác biệt, đủ để đánh thức dậy trong tiềm thức của nàng mối hoài nghi. Nếu phân tích chất uơt ưôt trên cặp môi của anh không biết sẽ phát hiện ra điều gì nhỉ? Thiếu một vài loại khuẩn nào đó ? Rồi ngay cả chính cặp môi anh ta nữa, nó mềm hơn hơn hay cứng hơn nhỉ?

Có cái gì đó không sao nắm được.

- Được rồi, bây giờ ta uống rượu, nàng nói rồi mở chai rượu, rót đầy hai cốc. - Ôi, anh chạy xuống bếp lấy cho em cái khăn ăn đi.

Trong lúc tiếng bước chân của anh ta vang lên trong phòng bên nàng lén cho vào cốc của anh ta một ít stricnin. Anh ta quay lại, đặt khăn ăn dưới những cái cốc rồi cầm cốc của mình lên.

- Vì chúng ta.

Ôi, lạy Chúa, một ý nghĩ chợt loé lên trong đầu nàng, ngộ nhờ mình nhầm thì sao nhỉ? Nhờ đâu đây chính là anh ấy thì sao? Hay có thể mình là con mụ đàn bà dở hơi, bị bệnh tâm thần phân lập mà chính mình không biết?

- Vì chúng ta. - Nàng cũng nâng cốc của mình.

Như mọi khi, anh uống ực một ngụm hết cốc rượu.

- Ôi cha! - Anh nhăn mặt, - Khủng khiếp quá! Lẽm moi ở đâu ra thứ rượu này thế?

Ồ Modessti.

Bạn sau đừng mua ở đấy nữa. Tuy nhiên anh vẫn không từ chối nếu em rót cho anh cốc nữa...

- Anh cứ uống đi, em hãy còn trong tủ lạnh.

Khi nàng mang ra chai rượu mới, anh ta vẫn ngồi đó, khuôn mặt có vẻ tươi tỉnh hơn.

Trông anh phong độ lắm, - nàng nói.

- Anh cảm thấy rất khỏe. Còn em trông em đẹp lắm. Anh nghĩ rằng hôm nay anh yêu em hơn bao giờ hết.

Nàng chờ cho đến khi anh ta đổ nghiêng một bên, hai con mắt đỏ dần trộn trùng với vẻ kinh ngạc.

Thế nào, chúng ta tiếp tục chứ? - Giọng nói của anh ta vọng đến tai nàng. Anh ta mở chai rượu. Khi chai rượu cạn thì đã trôi qua hơn một giờ. Anh ta kể vài chuyện khôi hài, nắm tay nàng trong tay mình và hôn tới tấp lên đó. Cuối cùng anh ta nhìn thẳng vào mắt nàng và hỏi:

- Hôm nay sao em im lặng thế, Marta? Có chuyện gì xảy ra à?

- Không. - Nàng đáp.

Tuần trước có một tin trên truyền hình phát đi làm cho nàng hết sức lo lắng và khiến nàng quyết định phải làm sáng tỏ mọi chuyện, bản tin đã mô tả chính xác sự cô đơn của nàng bên cạnh anh ấy. Đó là tin về những con người giả. Những con người được cấp bằng sáng chế. Bản tin không nói là những con người giả ấy có tồn tại thật hay không, nhưng đang có những tin đồn, và cảnh sát đang truy lùng chúng. Những con người giả ấy cao bằng người thật, bằng cơ khí, được sản xuất bí mật bởi người thật. Trên chợ đen chúng được bán với giá mười ngàn đô la. Có thể đặt mua một người giả giống hệt mình. Sau khi tạo nên những nét mặt chính xác ta có thể gửi nó đến bất kỳ nơi nào ta muốn, và nó có thể thay ta uống rượu ăn sáng, trò

chuyện, chẳng hạn với cô Rainhart ở bên trái, ngài Simson bên tay phải, hoặc với bà Glenner ở đối diện.

Quý vị hãy tưởng tượng xem, có bao nhiêu câu chuyện ngu ngốc về chính trị ta có thể bỏ ngoài tai, có bao nhiêu vở diễn nhạt nhẽo ta có thể không bao giờ phải xem, có bao nhiêu chuyện tầm phào ta có thể không phải hao tổn thần kinh y về chúng. Và cuối cùng, có bao nhiêu người tình yêu quý mà đôi lúc ta có thể quên đi, trong khi vẫn không rời xa cô ta phút nào. ..

Cứ nghĩ đến cái mục cuối cùng này là nàng lại phát điên. Tất nhiên chưa có bằng chứng nào về sự tồn tại của loại người giả này, mà chỉ có những tin đồn bí mật loan truyền, nhưng như thế cũng đủ để làm cô gái nhạy cảm này lên cơn thần kinh.

Em lại đang mơ tưởng chuyện gì thế - Giọng nói của anh ta cắt đứt dòng suy nghĩ của cô. - Em đang nghĩ gì thế?

Ánh mắt của nàng chĩa vào anh. Thật ngu ngốc kinh khủng, bất cứ lúc nào thân thể anh ta cũng có thể lên cơn co giật và vĩnh viễn bị chết. Để sau đó nàng sẽ ân hận vì sự ghen tuông của mình.

Không suy nghĩ, nàng buột miệng:

Cái miệng của anh. Nó có mùi gì là lạ.

Lần đầu tiên anh ta lúng túng.

- Thật à? Vậy nhất định anh phải đi khám xem.

- Anh đừng để ý.

Nàng cảm thấy tim mình đập mạnh và người tự dưng ớn lạnh. Miệng anh ta. Thật ra, các nhà hoá học, dù có tài ba đến mấy, cũng không sao phân tích và tái tạo được cái

mùi vị chính xác như thế. Chắc là không. Nó là một thứ mùi rất đặc trưng. Nhưng mùi vị mới chỉ là một mặt của vấn đề. Còn mặt khác nữa. Nàng rất nóng ruột muốn kiểm tra sự nghi ngờ của mình. Nàng tiến lại phía tủ quần áo và lấy ra khẩu súng lục.

- Cái gì thế - Chàng nhìn vào tay nàng và hỏi. - súng lục à? Bị kích quá nhỉ!

- Tôi đã biết tổng anh là ai rồi.

- Là ai? - Anh ta nói, môi mím chặt, đôi mắt chớp chớp.

- Anh đã lừa dối tôi. Anh đã không có mặt ở đây tám tuần nay rồi, nếu như không phải là hơn thế.

- Thật vậy sao? Thế thì theo em, anh đã ở đâu?

- Anh đã ở với cô Alisa Samsers, tất nhiên! Tôi dám đánh cược cái đầu của tôi là lúc này anh cũng đang ở bên cô ta.

- Làm sao lại như thế được? - Anh ta hỏi.

- Tôi không biết cô Alisa, chưa bao giờ gặp cô ta, nhưng tôi sẽ gọi điện cho cô ta ngay bây giờ.

- Thì em cứ việc gọi. - Anh ta nhìn thẳng vào mắt nàng nói.

- Được tôi sẽ gọi.

Nói rồi nàng tiến lại chỗ điện thoại. Tay nàng run run, mãi một lúc mới quay được số. Trong lúc chờ đầu dây bên kia trả lời hai người nhìn thẳng vào mắt nhau, anh ta có vẻ như một bác sĩ tâm lý đang quan sát một hiện tượng không bình thường.

- Marta thân yêu của anh, - Anh ta lên tiếng phá tan sự im lặng. - Em cần phải . . .

- Anh ngồi im!

- Marta yêu quý, - anh ta vẫn không thôi, - Chắc em đọc được điều gì đó phải không?

- Tất cả là về những con người giả.

- Về những con búp bê ấy à? Trời ơi, Marta, anh thấy xấu hổ vì em. Tất cả những chuyện đó đều là nhảm nhí. Anh đã đến đó mà.

- Cái gì?

Ồ, tất nhiên rồi? Anh ta kêu lên một cách nhẹ nhõm. - Anh có rất nhiều quan hệ xã hội, thêm vào đó, như em đã biết, người vợ đầu của anh từ ấn Độ trở về và yêu cầu anh dành cho cô ta chút thời gian, và anh đã nghĩ, tuyệt biết bao nếu như mình có một người giống hệt mình để hấn ta đi chơi với cô ta và làm cô ta mất dấu của mình. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là mơ ước. Một trong những điều hoang tưởng thú vị, anh thể với em. Còn bây giờ em hãy đặt ống nghe xuống và chúng ta tiếp tục uống. . .

Nàng vẫn đứng nhìn anh ta. Nàng đã tin anh ta và định đặt ống nghe xuống thì cái từ "rượu" bỗng làm nàng thức tỉnh. Nàng lắc mạnh đầu và nói:

Khoan đã. Nhưng làm sao anh vẫn có thể nói chuyện với tôi được? Tôi đã bỏ vào trong rượu của anh lượng thuốc độc đủ để giết cả sáu người. Vậy mà anh không có chút dấu hiệu gì. Chẳng phải như vậy đã chứng minh điều gì đó hay sao?

- Điều đó không chứng minh gì cả. Nó chỉ chứng minh rằng gã bán thuốc đã nhầm, hẳn đưa cho em không phải chai thuốc ấy mà chỉ là chai giống như thế. Anh thấy tiếc vì làm cho em thất vọng, nhưng anh vẫn rất khỏe. Hãy bỏ ống nghe xuống và tỏ ra thông minh một chút.

Nàng vẫn giữ máy điện thoại trong tay. Từ chiếc máy vang lên giọng nói:

Số máy của quý vị là A-B-một-hai-hai-bốn-chín

- Tôi muốn kiểm tra, - nàng bảo anh ta

Tốt lắm, - anh ta nhún vai, - nếu như ở đây người ta không tin tôi thì e rằng từ nay tôi sẽ không đến đây nữa. Điều duy nhất mà cô cần, thưa tiểu thư xinh đẹp, là một bác sĩ thần kinh.

Tôi muốn kiểm tra, - nàng nhắc lại. - Có phải tổng đài không? Làm ơn cho tôi số A-B-một -hai-hai-bốn-chín.

Marta, thôi đi, - anh ta gơ tay thử lần cuối cùng, nhưng vẫn ngồi im.

Đầu dây nói bên kia vang lên những tiếng tút tút dài. Cuối cùng có tiếng trả lời. Marta nhìn anh ta chăm chú chừng một phút, rồi bỏ ống nghe xuống.

Leonard liếc nhìn nét mặt nàng và nói:

- Thế nào, em hài lòng rồi chứ?

- Đúng, - anh ta hét lên và đứng bật dậy.

- Ở đầu dây bên kia là giọng của anh, - nàng thông báo.

- Anh đang ở với cô ta.

- Em điên rồi. - Anh ta lại hét lên. - Trời ơi, em nhầm rồi, đó là người khác, chẳng qua em bị suy nhược nên tưởng ra thế.

Khẩu súng bắn hai phát, rồi ba phát.

Anh ta ngã xuống sàn.

Nàng đến gần và cúi xuống nhìn. Nàng bỗng thấy sợ, và dù cố kiềm chế, những tiếng nức nở vẫn làm toàn thân nàng rung lên. Việc Leonard ngã xuống chân nàng làm cho nàng ngạc nhiên. Nàng cứ nghĩ rằng người búp bê sẽ không ngã, hẳn chỉ cười giễu nàng vì hẳn không thể chết.

Mình đã nhầm. Mình điên rồi. Đây đúng là Leonard thật và anh ấy đã bị giết bởi tay mình.

- Anh ta vẫn nằm nhắm mắt, đôi môi khẽ mấp máy:

Marta, tại sao em lại không sung sướng khi có một mình, ôi, Marta!

- Em đi gọi bác sĩ, - nàng nói.

- Không, không, không, - Anh ta bỗng cười phá lên. Em cần phải biết điều này. Em đã gây ra chuyện gì? Với lại, anh là đồ ngu, lẽ ra anh phải đoán trước.

Khẩu súng rơi ra khỏi bàn tay đang nắm chặt.

- Anh... - Tiếng cười làm anh ta không nói được, - anh đã không có ở đây với em, . . . đã cả năm nay rồi. . .

- Cái gì?

- Một năm rồi! Mười hai tháng rồi? Phải, Marta, đã mười hai tháng rồi!

Anh nói dối. !

- A, bây giờ em lại không tin anh, phải không? Điều gì đã làm em thay đổi chỉ trong vòng có mười giây vậy? Em nghĩ anh là Leonard? Hãy quên đi?

- Vậy anh là người đang ở với cô Alisa?

- Anh? Không! Anh quen cô Alisa cách đây một năm, đó là lần đầu tiên anh rời bỏ em.

- Rồi bỏ em?

Phải, anh đã bỏ em, bỏ em. Anh ta nằm trên sàn vừa kêu to vừa cười sặc sụa. - Anh là con người mệt mỏi, Marta ạ. Trái tim anh rất yếu. Tất cả những cuộc chạy trốn này đã khiến anh phải trả giá quá đắt. Anh nghĩ cần phải thay đổi hoàn cảnh. Vì thế anh đã đến với Alisa, người mà sau đó ít lâu anh lại thấy chán. Rồi sau anh đến với cô Helen Kingsley, em còn nhớ cô ta, đúng không? Cả cô này cũng làm anh mệt mỏi. Anh lại đến với cô En. Montgomery. Và em này cũng không phải người cuối cùng. ôi Marta, ít ra anh có đến sáu người đóng thế vai anh, những gã người máy đạo đức giả, qua đêm trên giường với sáu cô gái ở sáu nơi khác nhau trong thành phố và làm cho họ hạnh phúc. Em có biết Leonard thực sự hiện đang làm gì không? Hiện anh đang nằm nhà và đọc cuốn sách mỏng của Montenia và uống sôcôla sữa. Chín giờ anh sẽ tắt đèn, và một tiếng sau sẽ ngủ giấc ngủ của đứa trẻ vô tư cho đến sáng. Và sáng ra khi thức dậy anh sẽ cảm thấy vô cùng tự do và sáng khoái.

Thôi đi? - Nàng rít lên.

- Anh cần nói nốt với em. Em đã làm đứt mất mấy sợi dây. Bây giờ anh không thể dạy được. Nếu các bác sĩ đến, thế nào rồi họ cũng hiểu ra mọi chuyện. Anh chưa được

hoàn chỉnh. Khá tốt nhưng chưa hoàn hảo. ôi, Marta, anh không muốn làm tổn thương trái tim em. Hãy tin anh, anh chỉ muốn em hạnh phúc. Vì thế nên anh đã hết sức cẩn thận khi rời bỏ em. Anh đã phải bỏ ra mười lăm ngàn đô la để đặt làm gã người giả để hấn phải hoàn thiện trong mọi quan hệ và trong từng chi tiết mà những chi tiết ấy thì rất nhiều: Chẳng hạn như nước bọt. Đó là một sai lầm tai hại. Chính nó đã khiến em nghi ngờ và em đã đoán ra. Nhưng em cần biết là anh rất yêu em.

Nàng cảm thấy đôi chân như sắp khuỵu, nàng như muốn ngã hoặc sắp phát điên. Phải ngăn anh ta lại.

- Rồi khi anh thấy nhiều phụ nữ khác cũng yêu anh, - anh ta thì thầm nói tiếp, mắt vẫn mở to, - anh buộc phải đặt làm thêm nhiều người giả nữa cho họ. Những cô gái đáng thương, họ cũng yêu anh. Và chúng ta sẽ không nói cho họ biết chứ, được không, Marta? Hãy hứa với anh là em sẽ không nói gì cả đi. Anh mệt mỏi quá rồi, giờ anh chỉ cần nghỉ ngơi, đọc sách, uống sữa và được ngủ nhiều hơn. Em sẽ không gọi điện cho họ và sẽ giữ kín tất cả điều bí mật này chứ?

- Suốt một năm qua em đã sống cô đơn một mình, đêm nào cũng một mình. - Nàng lẩm bẩm trong miệng, cảm thấy người lạnh từ bên trong. - Em đã nói chuyện với một gã người máy khuyết tật. Em đã yêu một gã đàn ông ảo? Em đã luôn luôn cô đơn, trong khi có thể sống với một người đàn ông thực!

- Anh vẫn có thể yêu em, Marta!

- Trời ơi? - Nàng hét lên và vớ lấy cái búa.

Đừng, Marta!

Nàng đập tới tấp vào đầu, vào ngực, vào chân tay của gã người máy. Chiếc búa tiếp tục giáng vào đầu gã cho đến khi cái lõi thép lộ ra dưới lớp da bị rách và bất ngờ một búi giầy điện bật toé lên như một chùm tia nước và những chiếc bánh xe răng cưa bằng đồng văng ra khắp phòng.

- Anh yêu em, - đôi môi gã vẫn thì thào.

Nàng lại lấy búa đập vào đó và từ miệng gã bật ra cái lưỡi. Đôi mắt thủy tinh cũng văng xuống sàn nhà. Như một người điên, nàng cứ thế đập búa vào cái cơ thể vừa ban nãy còn là Leonard, cho đến khi nó tan ra thành từng mảnh như những mảnh của một đồ chơi điện tử.

Trong bếp có mấy cái hộp cáctông cũ. Nàng nhét tất cả những búi dây, bánh xe răng cưa và những mảnh sắt vụn vào đó rồi lấy băng keo dán lại. . . Mười phút sau một chú bé con do nàng gọi đến đã chờ ở dưới nhà.

Mười bảy, phố Elm Drive, - nàng bảo rồi đẩy chú ta ra cửa. - Mang ngay tối nay. Hãy đánh thức ông ta dậy và làm cho ông ta mừng vì món quà bất ngờ từ Marta.

Hộp quà của bà Marta. - Cậu bé liên lạc nhắc lại.

Khi cánh cửa vừa đóng lại, nàng ngồi phịch xuống đi văng, tay vẫn cầm khẩu súng, vừa quay quay nó vừa lắng nghe tiếng gì đó âm thanh cuối cùng nàng nghe thấy trong đời là tiếng những hộp cáctông được kéo lê xuống dưới nhà, tiếng lan can của những bánh xe sắt, những mớ dây điện va vào nhau đang mỗi lúc một nhỏ dần.

Thái Hà dịch



BÔNG MA VỊ HÔN PHU

Robert hunt (Mỹ)

Cách đây đã lâu lắm rồi, ở vùng Coornwall, thuộc Boston, có một chủ trại tên là Lennie. Ông có một người con trai duy nhất tên là Frank, mà tính khí ngang bướng là thừa hưởng từ cả bố lẫn mẹ.

Trong số những phụ nữ làm việc ở trang trại nổi bật có một cô gái trẻ, Nensy Trenovet, giúp bà Lenme những việc trong nhà.

Nensy Trenovet là cô gái rất xinh đẹp và hoàn toàn không được học hành với cái nghĩa như chúng ta hiểu bây giờ. Song bù lại cô được trời phú cho sự tháo vát và trí thông minh. Cô nhanh chóng học được mọi sự tinh tế trong công việc, hơn nữa, bản thân cô cũng có ước muốn sau này có lúc được làm chủ một trang trại nhỏ. Cũng giống như bố mẹ, cô chưa khi nào đi xa khỏi làng quê Penzas của mình. Cái thế giới xung quanh cô chỉ giới hạn trong vòng vài dặm quanh làng. Và mặc dù cái bản đồ giới quen thuộc của cô rất nhỏ bé, nó cũng khiến cô hết sức kinh ngạc. Trái tim cô gái tràn ngập một niềm tin tôn giáo sâu được truyền từ người mẹ, mà lòng sùng tín bất nguồn chủ tu từ đức tin, vào những điều huyền bí mà bà cảm nhận được qua thế giới xung quanh mình. Bà Trenovet có một ảnh hưởng lá lớn trong những người phụ nữ nông dân; lòng tốt và sự chu đáo của bà khiến bà được cả giáo xứ kính trọng.

Mặc dù chỉ là một cô hầu, nhưng danh dự của Nensy không vì thế mà bị tổn thương chút nào. Trong cô gái có

nhiều đức tính tốt đến nỗi xét về nhiều phương diện cô giống như con gái của bà chủ hơn là người giúp việc. Vào thời đó không có những quy ước phân biệt đối xử giữa các ông chủ và người làm thuê như chúng ta bây giờ, nên không có gì ngạc nhiên là Frank và Nensy, từ chỗ chơi thân với nhau đã dần dần trở thành đôi tình nhân. Và mặc dù những người xung quanh ai cũng biết chuyện hai người đã dâng hiến cho nhau, song bố mẹ của chàng trai hình như không nhận ra điều đó, nên họ rất ngạc nhiên khi một hôm anh xin bố mẹ cho được cưới cô Nensy.

Từ trước đến nay ông bà Lennie vẫn cho phép con trai được sống một cách tự do tùy thích, vin cố cậu còn trẻ và chưa có kinh nghiệm, nhưng bây giờ, khi chuyện động chạm đến thanh danh của họ, thì họ nổi giận vì cậu đã không vâng lời. Ông già tuyên bố là nếu kết giao với nhà Trevonet thì đó là sự sỉ nhục với dòng họ Lennie, và ông kiên quyết ngăn cấm đám cưới mà không cần giải thích gì thêm.

Ngay ngày hôm đó Nensy bị gửi trả về cho bố mẹ cô ở Elshy-mill, còn Frank thì bị nghiêm cấm từ nay không bao giờ được gặp cô gái nữa.

Khi nói đến chuyện tình cảm, thì những ngăn cấm như vậy từ những người già thường là không bao giờ được thi hành. Trường hợp này cũng vậy. Hiếm có buổi tối nào mà Frank và Nensy không lén lút gặp nhau ở xa khu trại của người cha. Bây giờ nhiều tối liền người ta không biết Frank đi đâu. Ngôi nhà của Lennie bắt đầu thay đổi. Bóng tối bao phủ lên mọi đồ vật. Người bố hầu như không nói chuyện với con trai. Những cuộc to tiếng cãi cọ ngày một thường

xuyên hơn. Người mẹ đau khổ vì đứa con trai không nghe lời bố.

Hiếm có tối nào mà Frank và Nensy không gặp nhau. Con suối thiêng Holly-bell trở thành nơi gặp gỡ yêu thích của hai người. Bên bờ suối hai người thể thốt sẽ chung thủy suốt đời, và để khẳng định lời thề, họ trao cho nhau những món tóc của mình, còn chiếc nhẫn lấy từ tay người chết được bẻ làm đôi, mỗi người giữ một nửa. Một đêm kia họ dắt nhau lên đỉnh núi đá ở Trerin, và ở đó họ đã nhắc lại lời thề đáng sợ.

Cứ thế thời gian trôi qua không lấy gì làm hạnh phúc lắm, và cuối cùng điều gì phải đến đã đến: bố mẹ của Nensy phát hiện ra cái hậu quả tất yếu của những cuộc gặp gỡ lén lút của đôi trai gái bông bột; từ đó họ càng cố gắng gấp đôi để xin cưới Frank cho con gái mình.

Song việc thuyết phục ông Lenme là hoàn toàn không thể. Ông già cương quyết không chịu. Một tháng sau công việc đòi hỏi ông phải có mặt ở Plimut. Nhân dịp này ông đã mang Frank đi theo, với ý đồ sẽ gửi cậu đi một nơi thật xa, và bằng cách đó muốn dứt hẳn cậu ra khỏi mối tình ngu ngốc... Frank không đủ sức chống lại ý bố mẹ nữa nên cuối cùng đành phải phục tùng. ở Plimut chàng phải lên một con tàu sang Ấn Độ, và nói lời biệt cuối cùng với quê hương.

Chàng không thể viết thư về nhà, vì câu chuyện xảy ra vào thời kỳ mà thư từ đi lại hết sức khó khăn., vì thế Nensy không được tin tức gì về người yêu.

Đứa bé chào đời, và trong cái thế giới đầy lo âu và nguy hiểm này nó là niềm an ủi cho người mẹ. Quên đi mọi buồn rầu, Nensy sung sướng trước những lời bập bẹ của đứa bé,

còn Nensy thì buồn bã nhớ đến bố của nó. Nỗi đau khổ như tiếp thêm sức mạnh cho Nensy, cô thường nói rằng, dù Frank của cô ở đâu chẳng nữa thì cô vẫn luôn luôn ở cạnh chàng trong những ước mơ của mình. Dù những thách thức nào đang chờ đón chàng thì tình yêu của cô sẽ là chỗ dựa cho chàng. Lúc nào cô cũng tin rằng không khoảng cách nào có thể chia lìa hai tâm hồn họ và thời gian không thể nào xoá đi lời nguyện của hai người đã được đính chặt bởi chiếc nhẫn của người chết.

Ngày tháng trôi qua, những khó khăn thiếu thốn lại bắt đầu đến với nhà Trevonet, khiến Nensy lại phải bỏ nhà đi làm thuê. Việc trông nom đứa bé được giao lại cho mẹ cô, và bà đã mang đứa cháu về làng Kimiall, thuộc giáo xứ Thánh Paolo.

Cũng giống như mẹ, Nensy có tính cách mạnh mẽ, nên chẳng bao lâu sau cô đã ổn định ở nơi làm mới. Cô có nhiều bạn gái trong số các con gái của những chủ trại địa phương, song những sự quen biết ấy không thể trở thành tình bạn thân thực sự.

Mùa đông thứ ba đã trôi qua kể từ khi Frank rời bỏ quê hương. Người ta không nhận được tin tức gì của chàng; cả bố mẹ lẫn Nensy đều không biết chuyện gì đã xảy ra với chàng. Bây giờ ông bà Lennie không còn phản đối sự có mặt của hình ảnh con trai họ trong nhà mình, song ông bà Trevonet không muốn chia tay với chú bé. Hai ông bà Lennie cố tìm cách thuyết phục Nensy, nhưng cô đã từ chối một cách kiên nhẫn.

Vào ngày trước Ngày lễ các thánh, các bạn gái của Nensy khuyên cô nên đi bói bằng hạt cây gai mèo.

Nửa đêm các cô gái bí mật rủ nhau đi Kimiall. Các cô bạn tỏ ra nhút nhát hơn Nensy, nên cô đành là người ném hạt đầu tiên....Cô mạnh dạn bước lên một bước, rồi vừa rắc hạt vừa nói:

Hạt gai mèo, ta gieo người, người hãy mọc cho ta; ai là người yêu của ta, hãy hiện ra trước mắt ta!

Phải nhắc lại ba lần lời cầu, sau đó ngoái đầu lại. Nensy ngoái đầu qua vai trái và nhìn thấy hình ảnh chàng Lennie trẻ tuổi; Chàng nhìn nàng có vẻ giận dữ khiến nàng kinh hãi kêu lên một tiếng và vì thế làm hỏng quẻ bói. Một cô gái khác cũng mạnh dạn bước lên bói, nhưng cô ta không nhìn thấy gì, ngoài cỗ quan tài trắng. Thấy thế các cô gái... hoảng sợ và bỏ chạy khỏi bờ biển.

Tháng mười một đến cùng với những cơn bão dữ dội. Vào một đêm bão to có một con tàu lớn bị sóng xô vào một tảng đá vỡ tan thành từng mảnh... Trong số những thân thể bị sóng đưa vào bờ có Frank Lenme. Trong những lời trôi trắng trước khi chết chàng có yêu cầu người ta đi tìm hộ Nensy và một cha cố để làm lễ thành hôn cho hai người.

Chàng Lennie ngày một đuối sức được người ta chở bằng cáng đến Boston, song chàng trai bất hạnh đã nhắm mắt trước khi nhìn thấy được thành phố. Bố mẹ của chàng, do quá đau khổ trước cái chết của con trai, đã quên báo tin cho Nensy về sự trở về của người yêu của cô, thế là chàng Frank đáng thương không được nhìn thấy Nensy lần cuối, và đã yên nghỉ tại đây cuối cùng trong nghĩa trang cạnh hàng rào nhà thờ.

Một ngày trôi qua. Buổi tối, sau lễ mai táng, Nensy bước ra sân để khoá cửa. Như mọi khi, cô đứng lại một lúc trên thềm nhà ngó vào bóng đêm.

Bỗng cô nghe thấy tiếng một người đang cưỡi ngựa đến gần nhà gọi cô. Đó là Frank. Cô không thể quên được giọng của chàng. Nghe tiếng gọi của chàng, máu dồn bên trong các huyết quản của cô. Con ngựa chàng cưỡi cũng là con ngựa yêu quý của cô. Lennie thường cưỡi nó khi đến Elshy. Bóng đêm che phủ khuôn mặt người cỡi ngựa, nhưng vẫn nhận ra nét mặt chàng trông buồn bã và cau có, như cái chết.

Chàng nói với cô rằng chàng mới về cách đây vài ngày, và khi công việc vừa xong chàng vội cưỡi ngựa đến đây ngay để đón cô đi làm lễ cưới. Niềm sung sướng của Nensy lớn đến nỗi không khó khăn lắm để thuyết phục cô leo lên lưng ngựa ngồi sau chàng, để đến sáng, sau một đêm phóng ngựa như điên, họ sẽ đến gặp bố mẹ tương lai.

Một cảm giác ớn lạnh chạy khắp thân thể Nensy khi cô chạm vào vai Frank. Cánh tay cô lạnh buốt như băng khi cô choàng tay ôm ngang lưng Frank cho khỏi ngã. Lưỡi cô cứng lại không chịu nghe cô nữa. Mặt trắng ló ra và ánh trắng từ này vẫn bị che bởi mây đen chiếu xuống đất soi sáng mọi vật xung quanh. Con ngựa lao đi với một tốc độ nhanh kinh khủng, và khi sự mệt mỏi làm chậm bước chân của nó, một giọng nói trầm trầm của người cưỡi ngựa thúc giục, trả lại nó sức mạnh đã mất.

Từ lúc Nensy nhảy lên ngồi trên lưng ngựa không một lời nào được nói ra. Họ phóng đến gần Troub-bottom, nơi vào thời kỳ đó còn chưa có cầu, và trong đám mây bụi nước

họ phi thẳng vào dòng thác, ánh trăng soi rõ hình dáng hai người cưỡi ngựa. Trong ánh sáng phản chiếu Nensy nhìn thấy người yêu của cô quán trong tấm vải trắng. Bấy giờ cô gái mới hiểu ra người đang mang cô đi không phải là người sống, mà là hồn ma không thanh thản, nhưng cô đã không còn đủ sức chống lại nữa.

Con ngựa họ cưỡi vẫn tiếp tục lao đi với tốc độ điên cuồng cho mãi đến tận chỗ xưởng rèn cạnh nhà thờ. Qua ánh lửa hồng của cái lò đang cháy rực Nensy biết rằng dù đã khuya nhưng người thợ rèn vẫn còn làm việc. Giọng nói bất ngờ trở lại với cô gái tội nghiệp.

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!- Với hết sức lực cô gào lên.

Người thợ rèn cầm thanh sắt nung đỏ trong tay chạy ra, chờ đúng lúc con ngựa phóng qua, túm lấy váy của cô gái và kéo cô xuống. Nhưng xác chết cũng không ngủ, nó dùng một tay túm lấy khuỷu tay Nensy. Tay nó nắm chặt như một gọng kìm sắt.

Con ngựa phóng như điên kéo theo cả Nensy lẫn người thợ rèn cho đến tận chân hàng rào nhà thờ. Đến đây nó ngừng lại một giây. Lợi dụng đúng lúc đó, người thợ rèn lấy thanh sắt đốt cháy một mảnh váy của Nensy đang bị bàn tay lạnh lẽo của xác chết nắm chặt, và nhờ đó đã cứu được cô gái, lúc này đã bất tỉnh nhân sự vì quá sợ hãi, khỏi cái chết chắc chắn. Người cưỡi ngựa bay qua hàng rào và chui vào trong ngôi mộ - đúng cái ngôi mộ cách đây vài tiếng đồng hồ đã chôn Frank Lennie.

Người thợ rèn mang Nensy về xưởng rèn, sau đó đi gọi mấy người hàng xóm, và họ đã đưa Nensy về lại Elshi. Bà mẹ Nensy đặt cô lên giường rồi sai người đi gọi bác sĩ. Cho

tận trước khi chết cô gái mới yêu cầu người ta chạy đi gọi con trai đến, và yêu cầu sau khi cô chết hãy trả cậu bé cho ông bà Lennie. Còn bản thân cô muốn được chôn bên cạnh mộ của Frank. Cô trút hơi thở cuối cùng khi mặt trời còn chưa mọc...

Con ngựa đã bay qua hàng rào nghĩa trang như một viên đạn được người ta tìm thấy đã nằm chết ngay đêm hôn đó trong chuồng ngựa ở Bernovol-kliff: da nó ướt đầm bọt, lõi trương phình, còn đôi mắt thì lồi hẳn ra khỏi hai hố mắt. Trong ngôi mộ của Lennie người ta tìm thấy mảnh vảy của Nensy bị thanh sắt nung đỏ làm cháy sém.

Nghe nói rằng có một hoặc hai người thủy thủ sống sót sau vụ đắm tàu ấy; sau khi chôn cất Lennie, họ kể lại rằng vào đêm mồng một tháng mười một, anh chàng này như người bị điên, cứ chạy từ mạn tàu này sang mạn tàu kia, ánh mắt dờ dẩn vô hồn, nhưng sau một cơn kích động tột cùng, anh ta ngã lăn ra bất tỉnh và hôn mê suốt mười tiếng liền. Đến khi tỉnh lại, anh ta kể anh ta vừa đến làng Kimiall, rồi nói thêm rằng, đến khi nào cưới người con gái đã thể nguyên với anh ta, anh ta sẽ bắt cô phải chịu đủ những đau khổ của cái ngày dài vô tận, khi cô đã gọi hồn anh ta ra khỏi xác . . .

Cô Nensy tội nghiệp được chôn trong cùng nấm mộ với Frank, còn bên cạnh cô - không đầy một năm kể từ cái đêm hãi hùng ấy- yên nghỉ người bạn gái cùng đi bói với cô, cái cô đã nhìn thấy cổ quan tài trắng.



CAN ĐẢM

Sivasancara Pila (Ấn Độ)

Tôi đang thông thả bước trên đường, bỗng nghe có tiếng gọi: - Anh mới về đấy ạ?

Giọng nói nghe là lạ. Tôi quay lại thì trông thấy khuôn mặt tươi cười của một cô bé vừa bước sang tuổi thiếu nữ. Phải một lúc tôi mới nhận ra cô ta.

Đó là Malati, cô bé hàng xóm của tôi. Có bốn năm mà cô lớn nhanh quá! Mới hồi nào cô hãy còn là cô bé con chưa biết gì, những lúc đùa nghịch còn leo lên cả lưng tôi. Bởi cứ hình dung cô theo ký ức cũ nên tôi mang về làm quà cho cô một chiếc khăn con.

- Mẹ có nhà không? - Tôi hỏi.

- Có ạ!

Nói với mẹ chốc nữa anh sang nhé?

Nói rồi tôi tiếp tục đi. Đi được một đoạn, tôi ngoái đầu lại. Cô vẫn đứng nhìn theo tôi, đôi má thoáng ửng hồng, đôi mắt tròn, xanh thẳm, không còn là đôi mắt trẻ con ngây thơ hồi nào, là là đôi mắt sôi nổi, sáng long lanh, bắt đầu vương vấn những ước mơ của tuổi trẻ.

Mẹ cô là mẹ đỡ đầu của tôi. Chính bà là người đã cho tôi bú hồi tôi còn bé. Vì thế tôi gọi bà bằng mẹ, và bà cũng quý mến tôi như con đẻ.

Ăn cơm xong tôi sang nhà họ. Tôi mang sang biếu bà mấy miếng trầu, một cái váy xa-ri và năm rupi, còn quà

của Malati là một cái áo cánh rất đẹp mà tôi phải đặt may cấp tốc ngay sáng hôm đó.

Vừa trông thấy tôi bà mẹ ôm chầm ngay lấy reo lên:

Trời ơi, con lớn quá, mẹ không nhận ra nữa!

Nhưng anh ấy gây đi nhiều đấy, mẹ à? - Có giọng từ sau cửa xen vào.

Đó là Malati. Thân hình nàng cân đối, thon thả và tươi mơn mớn như một đoá hoa chớm nở, khiến tôi cứ ngẩn ra nhìn không chớp, mặc dù biết làm như vậy là thiếu lịch sự. Còn Malati thì cứ e lệ đứng nép sau cánh cửa. Khi nàng e lệ mắt nàng lại càng đẹp hơn.

Tôi ngồi chuyện trò với bà mẹ khá lâu, nhưng chỉ nghe được một nửa những điều bà nói, vì trong đầu tôi cứ xoắn xang những cảm xúc không đầu. Đôi mắt không chịu nghe tôi nữa. Tôi hướng chúng đi phía khác, nhưng chúng vẫn cứ quay về phía cánh cửa.

Không, tôi không được làm như vậy. Làm như vậy là trái với phép xã giao lịch thiệp.

Sáng hôm sau tôi ra đi.

Hai năm trôi qua. Tôi xin nghỉ phép về thăm nhà.

Bên cạnh con đường cái gần nhà tôi có một cái ao. Trên đường từ ga về, lúc đi gần đến ao tôi bỗng nhìn thấy bóng một người thiếu nữ. Nàng vừa tắm xong và cũng đang đi về nhà. Đó là một cô gái có vóc người cân đối khoẻ mạnh. Tôi chưa bao giờ trông thấy một thân hình nào thon thả cân đối như thế. Đôi gót chân nàng thon nhỏ, mớ tóc rất dày và dài. Một chiếc Mundu ốt quấn ngang hông bằng một cái



kep. Chiếc áo cánh và áo lót ướt cũng vắt ngang vai, ngực quấn một chiếc khăn bông.

Người thiếu nữ đang rảo bước. Vì đi nhanh, cặp mông của nàng đánh mạnh làm những nếp gấp mỏng trên chiếc mundu ướt bó sát lấy đùi nàng lúc ẩn lúc hiện.

Tôi cũng rảo bước theo. Nàng ngoảnh lại. Một khuôn mặt đẹp tuyệt trần nhưng không quen.

Nàng rảo bước nhanh hơn. Nàng bắt đầu chạy. Khi tôi đuổi kịp nàng thì cũng đúng lúc nàng về tới nhà, mở vội cánh cửa hàng rào và chạy vào sân cạnh nhà tôi. Bấy giờ tôi mới nhận ra: nàng chính là Malati.

Nàng chạy băng qua sân bước lên thêm, rồi lại ngoái lại nhìn. Nàng cũng đã nhận ra tôi. Đôi môi nàng nhoẻn một nụ cười dịu dàng. Đôi mắt đẹp của nàng sáng long lanh. Rõ ràng nàng có vẻ mừng khi thấy tôi về.

Tôi bước lại gần ngôi nhà của nàng, nhưng trên thêm không thấy ai cả. Tôi lên tiếng gọi mẹ nàng nhưng cũng chẳng có ai trả lời.

- Malati, mẹ cô đâu?

Giọng tôi hơi run run... tôi cũng chẳng biết vì sao. Một cảm giác khó tả xâm chiếm lấy tôi. Tôi chắc nàng chỉ quanh quẩn đâu đây, hoặc đang thay quần áo ở trong buồng. Tôi bước vào phòng khách. Bỗng có tiếng nói từ ngoài sân vọng vào:

- Anh trai mới về đấy ă?

Nàng đã thay chiếc váy khô. Nàng kịp thay lúc nào mà nhanh vậy?

Ừ tôi mới về. Mẹ đâu?

Nàng nhìn tôi có vẻ e lệ. Nàng đã là một cô gái hoàn toàn dậy thì và đang tràn đầy sức sống. Nàng biết rõ điều đó, cũng như biết rõ là mọi người chung quanh đều nhận thấy cái đẹp trẻ trung mơn mớn của nàng và ai cũng muốn ngắm cái đẹp ấy.

- Mẹ em đi đuổi bò.

Tôi cứ như người bị mất tiếng, không nói gì được. Khắp người tôi tràn ngập những cảm xúc kỳ lạ chưa thấy bao giờ.

Chúng tôi cứ đứng mãi như thế: Tôi thì ở trong nhà, còn nàng ở ngoài sân. Tôi đợi nàng bước vào nhà. Nhưng nàng không vào. Cuối cùng tôi hỏi:

- Tại sao cô không vào nhà?

Nhưng hỏi xong tôi lập tức nhận ra sự thiếu tế nhị trong câu hỏi của mình. Tại sao tôi lại muốn nàng vào nhà? Và tại sao giọng tôi bỗng khàn đi và run run như vậy? Tôi là người mà hồi bé đã đùa nghịch với nàng, đã cưng chiều nàng. Bây giờ tôi biết nhìn thẳng vào mắt nàng như thế nào đây?

Tôi nghe thấy nàng lớn tiếng gọi mẹ. Chắc hẳn nàng sợ tôi có hành động gì liều lĩnh. Vậy mà ngày xa nàng đã tin tôi biết bao! Tôi vội nhảy xuống sân rồi chạy thẳng, không dám ngoái đầu lại.

Nhưng tôi khao khát nàng quá. Tôi không thể đối xử với nàng như với cô bé con trước đây được. Cái thân hình nở nang quăn chặt chiếc thắt lưng vàng, đôi môi mọng nước, và nhất là cái vẻ e lệ ngượng ngùng của nàng...Biết



dâu cái về e lệ ấy chẳng qua chỉ muốn che giấu những khát vọng bùng cháy trong lòng mà nàng muốn dẹp đi?

Tôi hiểu rằng tôi không nên đến nhà họ thường xuyên, nếu không có thể tôi sẽ làm cho cô gái bị điều tiếng.

Nhưng tôi không kiểm chế được. Trong góc hiên nhà họ có một chiếc ghế bành. Ngồi ở đó có thể nhìn rõ căn nhà bếp. Malati đang đi lại trong đó. Tôi ngồi trong ghế và cứ mãi nhìn nàng. Nàng ra vẻ không để ý đến sự có mặt của tôi, nhưng thực ra không lúc nào quên nghĩ đến điều đó. Nhưng chúng tôi cứ lặng thinh, không ai nói với ai câu nào.

Có rất nhiều cơ hội thuận lợi, nhưng tôi chưa lợi dụng được một cơ hội nào: Có lúc hàng mấy tiếng đồng hồ chỉ có mình hai chúng tôi ở nhà, nhưng tôi cũng chỉ ngồi im lặng trên ghế. Cơ hội thuận lợi cứ qua đi và tôi tự rửa thẳm mình là nhút nhát. Một hôm, khi chỉ có hai người, tôi lấy can đảm gọi nàng:

- Malati, cô làm ơn cho tôi xin cốc nước.

"Hôm nay nhất định mình phải làm chuyện đó?" - Tôi tự nhủ như vậy. Tôi nhìn nàng tay bê cốc nước đang đi lại phía tôi mỗi lúc một gần hơn. Cuối cùng nàng đã ở ngay cạnh tôi, đặt cốc nước xuống, rồi bỏ đi. Còn tôi cứ ngồi ngây trên ghế như bị đóng đinh.

Không, tôi không thể chờ được nữa! Có thể tất cả chỉ tại cái tính nhút nhát thiếu cương quyết của tôi. Tôi phải lấy hết can đảm đến với nàng, đến sát gần nàng, nàng sẽ không đẩy tôi ra đâu vì nàng cũng chỉ là con người bằng máu và thịt, máu nóng và thịt mềm? Có khi chính nàng cũng muốn như thế mà không để lộ ra ngoài đó thôi, vì người con gái không bao giờ lại chủ động trong chuyện đó!

Tối hôm đó mẹ nàng đi vắng. Malati đang đứng chải đầu dưới gốc cây.

Tôi mạnh bạo bước lại phía nàng. Chúng tôi nhìn nhau. Nàng không chịu nổi và cúi mặt. Tôi cầm lấy tay nàng. Nàng vẫn đứng yên, không ngước mắt. Tay nàng khẽ run run trong tay tôi.

Chúng tôi cứ đứng như vậy không biết bao lâu. Có lẽ lâu lắm. Nàng khẽ rút nhẹ bàn tay. Tôi buông lỏng tay nàng. Nàng chậm rãi quay người rồi bỏ đi.

Trời đã tối hẳn. Nàng đã ở cạnh tôi lâu như thế... mà tôi ... Tôi thật ngu quá! Giá nàng có cười thầm trong bụng thì cũng chẳng có gì ngạc nhiên.

- Anh cứ đùa? - Nàng nói rồi bỏ đi. Ôi, cái khát vọng tha thiết của tôi mà nàng cho là đùa?

Nhân một cơ hội thuận tiện tôi lại van vãn:

- Anh rất khao khát em, Malati... Xin em đừng tàn nhẫn với anh như thế... .

- Hừ, lại thế rồi - Nàng xẵng giọng đáp. Rồi bỏ chạy.

Cứ thế nàng không trả lời thẳng cho tôi biết, mà cứ úp úp mở mở lửng lơ mãi. Cái vẻ e lệ ngượng ngùng có thể làm người ta phát điên lên ấy không những không làm nguôi đi, mà trái lại càng nung nấu thêm niềm khao khát của tôi. Vì nàng không nói thẳng với tôi là "không?".

Một hôm tôi bảo nàng:

- Tối nay em đừng cài cửa nhé, Malati?

Nàng lặng lẽ bỏ đi không nói gì.

Hay là nàng chưa nghe thấy?

Tôi lại nhắc lại yêu cầu.

Gần như suốt đêm đó tôi đứng cạnh cửa của nàng. Mặc cho tôi gõ nhẹ vào cánh cửa hay thậm chí xin nàng mở cửa, vẫn không ăn thua gì.

Tôi không biết cư xử thế nào nữa. Tôi đã thử làm tất cả nhưng đều vô ích. Thậm chí có lần tôi đã dọa tự tử, nhưng cũng chẳng ăn thua. Tuy vậy tôi vẫn thể bằng bất cứ giá nào cũng đạt được ý định.

Cứ chờ đấy, cô gái ranh ma quý quái ạ, thế nào cũng có ngày tôi đột nhập vào phòng cô cho cô biết tay!

Thế rồi một hôm, tôi đang đứng nép vào một góc nhà trong buồng Malati. Cửa mở, Malati tay cầm đèn bước vào. Nhận ra tôi nàng giật bắn người. Nàng tắt đèn quay ra phía cửa để cài chốt lại.

Nghĩa là nàng không đuổi tôi? Nghĩa là nàng đã thuộc về tôi! Tôi lặng lẽ lẩn trong bóng tối bước lại phía nàng. Nàng cầm lấy hai tay tôi kéo tôi ngồi xuống giường, rồi nàng cũng ngồi xuống.

Tôi cứ ngồi im, mặc cho nàng giữ tay. Thời gian trôi qua. Anh vào đây từ lúc chiều. - Tôi thì thăm bảo nàng.

Nàng một tay vẫn nắm chặt tay tôi, còn tay kia đưa lên bịt miệng tôi. Tôi không dám nói gì nữa.

Không sao, tôi có thể chờ bao lâu cũng được.

Hàng giờ cứ thế trôi qua. Đôi tay tôi vẫn ngoan ngoãn trong tay nàng. Xung quanh im ắng. Mọi người đã đi ngủ cả. Có tiếng gà gáy nửa đêm. Nàng thì thào vào tai tôi:

- Chẳng lẽ có thể làm như vậy được sao, anh?

Tôi không biết trả lời ra sao. Nàng lại tiếp:

- Em cứ tưởng anh trai của em khác hẳn kia?

Tôi thấy hơi yên tâm. Trong bóng tối tôi vẫn nhìn rõ mặt nàng.

Hoá ra anh chỉ muốn giải trí thôi. Và chắc anh cũng cho em là một cô gái nông nổi, nhẹ dạ và... - Rồi nàng im bật, không nói nữa. Phải, điều nàng nói mới đúng làm sao!

- Nếu mẹ biết thì sao? Anh có nghĩ đến chuyện đó không?

Nàng còn nói nhiều nữa. Nào là nhờ nàng có mang thì sao? Chả lẽ tôi không muốn nàng có một người chồng tốt hay sao. Chả lẽ nàng không có trách nhiệm giữ gìn danh dự của người con gái cho một người chồng tốt như thế và cho hạnh phúc họ hay sao? Và tôi sẽ nghĩ thế nào nếu người con gái mà tôi làm vợ đã làm chuyện như thế?

Những lời nói của nàng đã nhằm trúng đích. Tôi suy nghĩ mãi và hoàn toàn yên ngủ. Đúng, chúng tôi không được làm như thế. Làm như thế là không nên.

Bấy giờ nàng mới buông tay tôi và bảo:

- Còn nếu anh trai cứ nhất định muốn như vậy thì em sẽ chiều.

Tôi ngồi lặng thinh. Lúc này tôi chỉ còn muốn một điều: bỏ đi cho nhanh. Không có mọi người biết chuyện thì sao?

Em mở cửa đi? - Tôi thì thảo bảo nàng.

Anh về? - Nàng cũng thì thảo.

- Ừ anh về.

Nàng ra mở cửa. Tôi bước vội ra ngoài rồi cầm đầu thẳng.

Thái Hà dịch



CHUYỆN RỦI RO KHỦNG KHIẾP

Agatha Christie (Anh)

Tôi cam đoan với anh, đúng người đàn bà ấy đấy!
Không thể nhầm được?

Viên thuyền trưởng Hâyđôc nhìn khuôn mặt hốt hoảng của ông bạn và thở dài. Bao nhiêu năm làm việc trên chiếc tàu biển với cương vị thuyền trưởng, ông đã quen nhìn các sự vật một cách bình tĩnh và đúng bản chất. Và ông luôn cố gắng không can dự vào những việc không có liên quan trực tiếp tới mình.

Nhưng ông bạn Êvanxơ của ông, nguyên là thanh tra cảnh sát, lại là con người khác hẳn. Tuy về hưu đã lâu, nhưng cho đến giờ ông ta vẫn không sao thoát được thói quen nghề nghiệp.

Bất cứ khuôn mặt nào, chỉ cần nhìn một lần là tôi không bao giờ quên được, - ông ta nói với giọng tự phụ. - Bà Merôuden đây chính là bà Entôni. Tôi nhận ra ngay bà ta.

Viên thuyền trưởng Hâyđôc nhìn bạn với vẻ không tán thành. Gia đình Merôuden, cũng như gia đình Êvanxơ, đều là những hàng xóm thân thiết của ông, và ông không thích khi thấy ông Êvanxơ phát hiện ra bà Merôuden là bị cáo của một vụ án tai tiếng xảy ra cách đây đã lâu.

- Nhưng chuyện đó đã lâu lắm rồi, - viên thuyền trưởng phản đối với giọng không cương quyết lắm.

- Cách đây chín năm ba tháng, - ông Êvanxơ nhắc lại chính xác thời gian.

- Vậy mà ông vẫn còn nhớ đến vụ án này?

Tôi nhớ chứ? Người ta xác minh được việc ông Entôni thường có dùng chất thạch tín để làm thuốc, vì thế bà ta đã được thanh minh.

- Thế tại sao sau đó người ta không tuyên bố trắng án cho bà ấy?

Có chứ. Bà ta đã được xử trắng án một cách đúng luật. Vì người ta không chứng minh được tội của bà ấy.

- Nếu thế thì tốt rồi, - Hâyđôc thở phào. - Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao chúng ta phải bận tâm đến chuyện đó. Trong thời gian chưa được xóa cái án giết người, người đàn bà tội nghiệp ấy đã gặp bao nhiêu chuyện buồn phiền rồi.

- Xử trắng án - đó không phải là chuyện buồn phiền, - viên thanh tra ngắt lời ông và mỉm cười một cách bí ẩn.

- Ông cần hiểu đúng ý tôi, - viên thuyền trưởng cãi lại. Chính ông vừa nói người đàn bà này vô tội.

Tôi không nói là bà ta vô tội. Tôi chỉ nói rằng tội của bà ta chưa chứng minh được, vì thế bà ta được trắng án.

- Nhưng thế thì có gì khác nhau?

- Vậy mà có khi khác nhau đấy!

- Viên thuyền trưởng Hâyđôc uốn thẳng người trên ghế, nhồi thuốc vào tẩu.

Aha ! Té ra là như vậy! Thế ông cho rằng bà ta vẫn có tội?

- Tôi không nói như thế. Vì tôi không biết chắc chắn. Phải, ông Entôni thường xuyên có sử dụng chất thạch tín.



Người thường đưa thuốc cho ông uống là bà vợ ông. Một hôm ông đã dùng quá liều. Nhưng đó là lỗi của ông hay của bà vợ? Cuối cùng, do không chứng minh được tội, nên tòa đã buộc phải xử trắng án. Xử như vậy là đúng, tôi không chối cãi. Nhưng tôi vẫn muốn tìm hiểu vụ án này.

Viên thuyền trưởng lại mân mê tẩu thuốc.

Nếu vậy đây không phải là việc của chúng ta. - ông bình thản nói.

- Tôi hoàn toàn không tin như vậy, - ông thanh tra phản đối, - anh hãy nghe tôi một phút nữa. Cái ông Merôuden này cũng đang làm các thí nghiệm với chất thạch tín...

- Phải, ông ta có nhắc đến việc ông ta đang làm một thí nghiệm gì đó để nghiên cứu tội phạm. Nhưng, nếu như có chút nghi ngờ gì đó, tất nhiên ông ta sẽ không nhắc đến chuyện ấy. - Ông cho rằng nếu như biết chuyện của bà vợ thì ông ta đã không kể về chuyện này? - Thanh tra ngắt lời - ông nói rằng họ đã cưới nhau sáu năm nay, nhưng tôi cho rằng ông ta không hề hay biết gì về việc vợ ông ta trước đây là bà Entôni...

- Ít ra ông ta cũng không biết chuyện đó từ miệng tôi, - viên thuyền trưởng tuyên bố quả quyết.

- Ông lại ngắt lời tôi, - Êvanxơ nói. - Như vậy là ông Merôuden đang thí nghiệm với chất thạch tín và vài thứ chất độc khác. Chúng tôi, các nhân viên điều tra hình sự, cũng tiến hành các thí nghiệm với bọ giết người. Tên giết người ít khi bằng lòng với một tội ác. Chẳng hạn, người ta bắt giữ một người bị tình nghi giết vợ. Giả thiết rằng người ta không có được những bằng chứng rõ ràng. Nhưng nếu

bỗng nhiên người ta phát hiện ra hẳn có nhiều vợ và tất cả những người vợ đó đều bị chết một cách hoàn toàn không bình thường, thì điều đó sẽ làm tăng thêm mối nghi ngờ, tuy vẫn chưa phải là chứng cứ rõ ràng để buộc tội. Nhưng khi đó người ta sẽ bắt đầu những cuộc điều tra tích cực hơn để tìm bằng chứng - và thông thường là được Tất nhiên lập luận này không đúng với trường hợp người bị tình nghi phạm tội lần đầu, - người này thường là được trắng án, và sau đó sẽ sống dưới cái tên khác. Ông có cho rằng hẳn ta sẽ lặp lại tội ác của mình hay không?

- Một ý nghĩ lạ lùng! - Viên thuyền trưởng rõ ràng vẫn chưa tin vào những lập luận của ông thanh tra. - Nhưng dù sao điều đó vẫn không cho phép chúng ta có thể coi bà Merouden là một kẻ tội phạm.

- Thì tôi đã nói rằng lúc đó chúng tôi có nghiên cứu quá khứ của bà ta và không tìm được điều gì nghi vấn cả, - viên cựu thanh tra mỉm cười. - Song thực chất vấn đề là ở chỗ này! Người ta phát hiện ra một chuyện kì lạ về người bố dượng của bà ấy. Khi đó bà ta mới mười tám tuổi và đang yêu. Ông bố dượng phản đối cuộc hôn nhân. Nhưng một hôm trong lúc đi chơi trên núi cùng bà ấy, ông ta đã gặp chuyện rủi ro: Ông ta đến gần mép bờ quá và đã bị ngã xuống vực chết tan xác.

- Như vậy ông cho rằng. . .

- Đó là trường hợp rủi ro. Một trường hợp! Ông Entôni uống thạch tín quá liều - cũng là một trường hợp rủi ro! Ngay tòa án cũng kết luận đó là trường hợp rủi ro. Nhưng tôi đã nói với ông Hâyđôc ạ: khi nghĩ đến người đàn bà này,

không hiểu sao tôi cứ sợ sẽ xảy ra một trường hợp rủi ro mới!

- Tôi chỉ không hiểu làm cách nào ông có thể ngăn chặn trường hợp rủi ro ấy? - Ông thuyền trưởng nhún vai.

- Không ai biết được điều ấy. - Ông thanh tra nói với vẻ buồn rầu.

- Theo tôi, có lẽ chúng ta không nên can thiệp vào chuyện của người khác. - Ông thuyền trưởng nhắc lại phương châm của mình và bắt đầu chia tay với ông bạn già.

Nhưng Evanxơ là con người có tính kiên nhẫn và cương quyết. Một lát sau trên đường ra nhà bưu điện để mua tem, ông đã suy tính xem ông cần phải hành động như thế nào. Mãi suy nghĩ nên khi gần tới nhà bưu điện suýt nữa ông va phải chính đối tượng đang suy nghĩ của ông - Là giáo sư Gioocgiơ Mêrôuden.

Nhà hóa học là con người thấp nhỏ, điềm đạm và hiền lành, đầu óc lúc nào cũng mãi mê suy nghĩ. Hai người chào nhau và nói về những chuyện vặt vãnh hàng ngày. Và viên cựu thanh tra không khó khăn gì để lái câu chuyện sang vấn đề bảo hiểm.

Ông Mêrôuden gần như tự động kể về việc ông đang chuẩn bị mua bảo hiểm tính mạng cho vợ:

- Thời gian gần đây tôi có đầu tư vốn vào một vài công việc không thành đạt lắm, - Ông giải thích. Và rủi có chuyện gì xảy ra với tôi, bà vợ tôi có thể sẽ lâm vào tình trạng thiếu thốn. Trong trường hợp ấy số tiền được bảo hiểm có thể nuôi sống bà ấy.

- Thế vợ ông không phản đối ý định của ông ư? - Êvanxơ hỏi - Vì một số bà thường mê tin dị đoan và tin rằng việc mua - Bảo hiểm sinh mạng thường là điểm dở.

-Ồ không, bà Macgaret nhà tôi là phụ nữ thực tế lắm, - Ông Merôuden cười. - Thậm chí tôi cảm thấy hình như đó chính là ý của bà ấy.

Vậy là ông thanh tra đã thu được thông tin cần thiết. Ông giấu một nụ cười mỉa mai và vội vàng chia tay với nhà hóa học, Ông Entôni trước đây cũng mua bảo hiểm sinh mạng chỉ vài ngày trước khi chết!

Nhà thanh tra tin ở sự nhạy cảm của mình và cho rằng người hoài nghi của ông là có cơ sở. Nhưng làm cách nào ngăn chặn tội ác bây giờ? Ai sẽ giúp ông trong chuyện này?

Mấy hôm sau trong lúc đang đi dạo ông nhìn thấy ông bạn Hâyđôc đang trò chuyện với một người đàn bà nào đó. Khi đến gần ông nhận ra đó chính là bà Merôuden.

Merôuden là một phụ nữ có sức lôi cuốn, đôi lông mày sẫm mái tóc quăn sang trọng và nét mặt rất yêu đời. Bà ta mỉm cười với ông Êvanxơ, một nụ cười vui vẻ và thân thiện.

- Xin chào bà Etôni... ấy chết, quên... tôi định nói là Merôuden. - Ông Êvanxơ lên tiếng và liếc trộm thật nhanh xem phản ứng của bà ta ra sao. Ông thấy đôi mắt bà ta hơi mở tròn và trong giây lát bà ta như nín thở. Nhưng bà ta trấn tĩnh được ngay và hỏi lại bằng giọng đã hoàn toàn bình thản:

- Tôi đang tìm nhà tôi. Chẳng hay vô tình ông có nhìn thấy ông ấy không?

- Ô, tôi mới gặp ông ấy cách đây vài hôm, - Êvanxơ đáp hai người cùng đi về hướng cần thiết. Bà Merôuden nói chuyện với ông thanh tra rất tự nhiên, vui vẻ. Sự khâm phục của ông ngày càng tăng. Một người đàn bà bản lĩnh! Một phong thái thật kì diệu! Bà ta tự chủ thật giỏi! Nhưng đồng thời cũng là người đàn bà nguy hiểm biết chừng nào! - Viên thanh tra nghĩ thầm.

Ông hài lòng với mình vì đã để cho bà ta thấy rằng ông đã nhận ra bà ta. Nhưng làm gì tiếp theo bây giờ? Làm thế nào báo trước cho ông giáo sư biết?

Một lúc sau họ nhìn thấy ông giáo sư, ông này vui vẻ chào Êvanxơ. Bà Merôuden chớp ngay cơ hội:

Chúng tôi có thể mời ông về nhà uống trà được không, thưa ông Êvanxơ?

Ông cảm thấy có ẩn ý gì trong lời mời của bà ta.

- Cảm ơn bà Merôuden, tôi rất vui lòng, - ông đáp.

Rồi cả ba đi về nhà ông Merôuden. Trời nắng, gió nhẹ không khí có vẻ thanh bình và yên tĩnh.

- Hôm nay là ngày nghỉ của cô người làm, - bà Merôuden nói khi họ bước vào một ngôi nhà xinh xắn, bài trí đẹp đẽ. Bà đi đặt ấm trà lên bếp, rồi lấy trên giá xuống ba cái chén con, ba cái đĩa và hộp trà.

- Chúng tôi có loại trà tàu rất ngon, - bà ta nói. - Hôm nay chúng ta sẽ uống trà theo kiểu người Trung Hoa.

Bà đặt ba cái chén xuống bàn, lau cẩn thận rồi cầm lên một cái mang đi đổi cái khác và nói với ông chồng với giọng cáu kỉnh:

- Gioogior, anh lại lấy chén làm gì rồi! Bận sau anh không được làm thế nhé!

- Xin lỗi, - ông giáo sư lúng túng thanh minh. - Những cái chén này kích thước vừa vặn cho những thí nghiệm của anh.

Còn những cái chén thí nghiệm anh vẫn chưa nhận được.

- Có ngày anh sẽ đầu độc tất cả mọi người trong nhà mất, - vợ ông mỉm cười. - Cô Meri thấy cái chén trong phòng anh cô ấy mang ra đây, mà cái chén ấy anh lại dùng đựng chất *xianuakali*... - Sau đó bà nghiêm mặt. - Không, Gioogior như thế thật là nguy hiểm?

- Nhưng tại sao cô Meri lại dám vào phòng thí nghiệm của anh? - Ông Gioogior ngạc nhiên - cô ta cần gì ở đây?

Nhưng biết bao lần uống trà xong anh cứ để chén ở trong phòng - vợ ông giải thích - cô ấy phải vào lấy chút. Thôi, lần sau anh phải chú ý đấy?

Ông giáo sư lẩm bẩm câu gì rồi đi vào phòng thí nghiệm. Bà Merouden nở một nụ cười mê hồn rồi bắt đầu pha trà.

Ông thanh tra cảm thấy bối rối. Tại sao bà Merouden lại ngửa tất cả các quân bài như vậy nhỉ? Phải chăng bà ta thế để chuẩn bị cơ sở cho một "trường hợp rủi ro"? Và đã lo trước đến chuyện bào chữa? Hay bà ta muốn chính ông thanh tra sau đó sẽ là người làm chứng cho sự vô tội của bà? Nhưng như thế thật hết sức ngây thơ, ông thanh tra nghĩ. Một chén đặt trước mặt ông, một chén trước mặt mình, còn một chén đặt trước cái ghế Merouden thường ngồi. Khi bà ta đặt cái chén cuối cùng, Êvanxơ có cảm tưởng bà ta hơi nhếch môi cười.

Quả bà ta là một phụ nữ tuyệt vời, nhưng cũng cực kì nguy hiểm. Hành động rất nhanh chóng và không cần chuẩn bị gì đặc biệt. Cuộc đầu độc này sẽ xảy ra ngay bây giờ, ngay trước mắt ông, một nhân chứng tuyệt vời! Trước hành động táo tợn ấy ông Êvanxơ thậm chí muốn đứng tim.

Câu chuyện được xếp đặt một cách cực kì khôn khéo. Và ông sẽ không thể chứng minh được điều gì. Chắc chắn bà ta tin rằng ông không kịp nghĩ ngờ điều gì. Người đàn bà này thực hiện những kế hoạch của mình trước khi người khác nảy ra ý nghĩ ngờ!

Ông thở mạnh một cái rồi cúi người về phía bà ta:

Thưa bà Merôuden, thỉnh thoảng tôi hay có ý muốn lẩn trốn. Bà có thể chiều tôi một ý muốn nhỏ được không?

Bà ta nhìn ông với vẻ sẵn sàng chiều theo bất cứ ý muốn nào của ông. Êvanxơ đứng dậy, cầm cái chén đặt trước ghế của giáo sư đổi sang cái chén đặt trước mặt bà ta.

- Tôi muốn bà uống cái chén này.

Hai ánh mắt họ gặp nhau. Bà ta giơ tay đón lấy cái chén. Êvanxơ nín thở. Bà ta nâng chén lên môi. Nhưng đến phút cuối bà ta bỗng rùng mình một cái rồi hất mạnh chén trà vào chậu hoa. Sau đó bà ngả lưng ra ghế, nhìn thẳng vào mặt ông một cách khiêu khích:

- Bây giờ ông định làm gì? - Giọng bà thay đổi hẳn.

Viên thanh tra thở phào nhẹ nhõm.

- Bà là người đàn bà rất thông minh, thưa bà Merôuden, - ông nói. - Tôi nghĩ rằng bà hiểu tôi. Không thể có sự lặp lại được! Tất nhiên bà hiểu ý tôi muốn nói gì chứ?

Vẻ rất tự đắc, ông thanh tra hơi ngửa đầu ra phía sau. Phải, ông nghĩ, người đàn bà này chắc chắn không muốn bị đưa lên giá treo cổ.

- Chúc bà và ông nhà sống lâu. - Ông nói một cách đầy ý nghĩa và nâng chén lên môi, nhấp một ngụm trà.

Ngay lập tức ông cố đứng dậy để hét lên, nhưng đã muộn. Mặt ông trắng bệch, mấy ngón tay rời ra, cái chén rơi xuống đất và cả thân hình mềm nhũn của ông trôi tuột khỏi ghế. Bà Merouden cúi xuống xác chết. Trên môi bà nở một nụ cười giễu cợt. Bà nói khẽ, nhưng với vẻ đắc thắng.

- Ông đã phạm sai lầm rồi, ông thanh tra ạ. Ông nghĩ rằng tôi muốn giết chồng tôi. Thật ngu ngốc. Hết sức ngu ngốc!

Sau đó bà ngó một lúc nạn nhân thứ ba của mình. Nụ cười mỉa mai của bà càng lộ rõ. Bây giờ trông bà, ít ra là bề ngoài, giống như đức thánh bà. Sau đó bà cất tiếng gọi chồng:

Gioocgiơ! Gioocgiơ! Anh ra đây mau lên? Có chuyện rủi ro khủng khiếp quá! Ông Êvanxơ tội nghiệp...

Thái Hà dịch



PHÀ NGANG

I. Bachmann

Ingeborg Bachmann (1926-1973) là nữ văn sĩ nổi tiếng người Áo, viết truyện ngắn, thơ, tiểu thuyết, kịch bản sân khấu...đạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế, trong đó có giải thưởng Văn học Đức. Các tác phẩm chính: Thành phố không tên, Mblina (tiểu thuyết), Thời gian gia hạn, Lời kêu gọi của Gấu Lớn (thơ), Năm ba mươi (truyện ngắn)...Mùa thu năm 1973, nữ văn sĩ qua đời trong vụ hoả hoạn tại căn hộ của mình ở Rôma nơi bà đã sống những năm cuối. Sau khi bà mất, nhiều tác phẩm mới của bà đã được xuất bản, song theo di chúc, tư liệu cá nhân của bà chỉ được công bố sau năm 2025.

*

Vào giữa mùa hè dòng sông như một đàn hợp xướng với hàng ngàn giọng điệu khác nhau, vượt qua các thác nước, vang ra khắp xung quanh. Nhưng ở ngay bên sông lại tĩnh lặng hơn, khó nghe hơn, mọi âm thanh dường như lặn vào trong. Dòng sông rộng, áp lực của dòng chảy làm cho hai bờ đất phải tách ra như một cuộc chia ly. Phía bờ bắc, thung lũng trông có vẻ chật hẹp và u tối với những ngọn đồi nối tiếp nhau và những cánh rừng dựng đứng như treo trên mặt đất. Xa hơn nữa là những đỉnh núi cao hơn, vào những ngày đẹp trời chúng hiện lên thành một vòng cung mềm mại. Bên kia sông, thấp thoáng trong bóng tối của vạt rừng là ngôi biệt thự của ông chủ. Người lái phà Iôxip Poie mỗi

khi đưa khách và hàng hoá qua sông đều nhìn thấy rất rõ. Ngôi biệt thự ở ngay trước mặt, đập ngay vào mắt bằng màu vôi trắng toát của mình.

Cặp mắt Iôxip còn trẻ và tinh tường, bởi vậy anh nhìn thấy rất rõ từ xa từng cành cây trong bụi bị oằn xuống, phân biệt từng hành khách qua phà, dù đó là những người thợ bện giỏ sang bờ bên kia để lấy cành liễu hay là những người thợ thủ công. Thi thoảng cũng có người lạ, đôi khi có cả một nhóm, đàn ông thì cười nói luôn miệng, phụ nữ thì ăn mặc diêm dúa, nét mặt vui vẻ.

Xế trưa, tiết trời oi bức ngọt ngào. Chỉ có một mình Iôxip trên bến phà. Anh ngồi trên cầu tàu hẹp bắc từ bờ sông qua trảng cát dài và mịn. Bến phà được xây giữa những bụi rậm trên khoảnh đất cát mấp mô những tảng đá chạy tít vào nội cỏ và cánh đồng. Không thể quan sát được toàn cảnh bờ sông, ánh mắt lúc nào cũng bị che khuất bởi những bụi cây, còn những con đường mòn ít ghi dấu chân người cắt ngang bờ sông trông như những vết sẹo còn mới. Qua sự chuyển động kỳ quặc của những đám mây có thể dự đoán về sự đông đảo của một ngày bất an. Xung quanh là sự tĩnh lặng nặng nề, tiết trời nóng bức như đặt dấu ấn lên tất cả mọi cảnh vật.

Một lần Iôxip ngoái đầu lại, nhìn ngôi biệt thự của ông chủ bên sông. Từ ngôi nhà đến chỗ anh ngồi cách nhau cả một dòng sông, nhưng anh vẫn nhìn rõ ông chủ đứng bên cửa sổ. Iôxip có thể bình thản đứng hay nằm hàng giờ, có thể nghe tiếng nước sông chảy hết ngày này sang ngày khác. Nhưng ông chủ trong ngôi nhà trắng mà dân chúng đôi khi gọi là pháo đài kia, hình như có điều gì đó đang lo

láng. Ông ta đi đi lại lại từ cửa sổ này đến cửa sổ nọ, có lần đi từ nhà xuống bờ sông. Iôxip nghĩ là ông ta định sang sông, nhưng trong tiếng nước chảy vẫn có thể nghe thấy tiếng ông ta từ chối. Ông ta lang thang vô định dọc theo bờ sông rồi quay lại. Ông chủ rất có uy quyền, dân chúng xung quanh đều cảm thấy sợ sệt, bối rối, nhưng ông là người nhân hậu. Mọi người đều nói vậy.

Iôxip không muốn nghĩ về chuyện ấy nữa. Anh để ý quan sát xem có ai xuống phà không. Chẳng có ai cả. Anh bật cười. Giờ đây anh sẽ có một niềm vui nho nhỏ. Anh đã là một người đàn ông, nhưng vẫn còn thích tìm nhặt những viên cuội đẹp. Anh chậm rãi lần theo bờ cát ẩm và mềm mại, xem xét từng viên cuội trong lòng bàn tay, sau đó anh cong người xuống, vung tay ra, và viên cuội với một tiếng rít tinh nghịch lướt trên đầu những ngọn sóng, nhảy lên nhảy xuống ba lần rồi bay tiếp. Khi Iôxip thường xuyên tập luyện, có những viên cuội nhảy lên nhảy xuống đến tám lần. Chỉ có điều chúng phải có hình dạng tròn trịa.

Thời gian vẫn tiếp tục trôi. Người lái phà từ lâu đã trở thành một kẻ mơ mộng trầm lặng và kín đáo. Những đám mây bông bồng bênh trên những đỉnh núi xa xa mỗi lúc một lên cao hơn. Có thể chẳng bao lâu nữa mặt trời sẽ đi trốn và sẽ viền quanh những đám mây trắng kia những đường viền màu vàng. Có thể lúc ấy Marya sẽ xuất hiện. Cô ấy sẽ lại đến muộn với chiếc giỏ đựng quả rừng, hay mật ong và bánh mỳ cho ông chủ. Iôxip sẽ lại đưa cô sang sông và anh sẽ đứng nhìn mãi theo cô cho đến khi cô vào trong ngôi nhà trắng. Quả thật, Iôxip không hiểu tại sao Marya lại mang

những thứ ấy vào trong ngôi nhà ấy. Việc đó ông chủ có thể sai người hầu của mình làm.

Càng về chiều cảm xúc của anh càng trở nên phức tạp. Sự mệt mỏi làm tăng thêm mối nghi hoặc. Những ý nghĩ cứ đan vào nhau rối rắm như những con đường mòn bí mật. Ông chủ không còn trẻ nữa. Chắc gì trong con người ông còn có những niềm khát vọng cháy bỏng như Iôxip trẻ trung. Tại sao Marya lại phải quan tâm đến ông chủ khi mà cô không dám nhìn thẳng vào mặt ông ấy, sao cô lại phải suy nghĩ về những công việc to tát khi mà chúng quá phức tạp và khó hiểu đối với cô! Dù Marya có thường xuyên đến với ông chủ thì ông cũng chẳng để ý đến cô nếu như cô cứ im lặng. Cô ra về, âm thầm lặng lẽ, còn ông ấy không hiểu được đôi mắt cô nói lên điều gì. Ông ấy không hiểu về nỗi buồn của Marya, về tình yêu của cô ấy. Rồi mùa hè sẽ trôi qua, khi mùa đông đến, Marya sẽ khiêu vũ với anh, với Iôxip.

Lũ ruồi và muỗi mất bắt đầu vo ve, hoạt động náo nhiệt sau khi mặt trời lặn. Chúng chao lượn không biết mệt trong không khí, bình thản lượn những cung tròn cho đến khi bỗng tụm lại thành một đám. Rồi chúng sẽ tản ra và lại tiếp tục bay lượn cho đến khi mọi việc lại lặp lại. Đâu đó chim vẫn hót, nhưng âm thanh của chúng hầu như không nghe rõ. Tiếng nước sông vọng lên giống như một sự chờ đợi, lẩn át tất cả mọi thứ xung quanh - những âm thanh ồn ào, chứa đầy nỗi lo âu và sự kích động. Trời đã trở nên mát mẻ, nhưng những ý nghĩ thì vẫn u ám. Dù Iôxip có mù đi chăng nữa anh vẫn thấy trên bờ bên kia, lấp ló sau những hàng cây là những vệt tường trắng.

Chiều xuống. Iôxip do dự, nên về nhà chưa hay chờ thêm chút nữa. Thật là khó quyết định. Và đấy, anh đã nghe thấy tiếng bước chân Marya. Anh không quay lại và anh cũng không muốn nhìn. Tiếng những bước chân đã nói cho anh rõ tất cả. Cô chào anh, giọng bối rối, yếu ớt. Anh nhìn cô.

- Đã muộn rồi. - Trong giọng nói của anh toát lên sự chỉ trích.

- Anh không chờ nữa à?

- Tôi không biết, - anh đáp. - Muộn thế này cô còn định đi đâu nữa? - Anh vẫn kiên định một cách đáng ngạc nhiên.

Marya không dám trả lời, cô như bị hoá đá. ánh mắt của anh như một lời kết tội. Anh nhận thấy cô không xách theo cái gì cả. Không giỏ, không túi xách, thậm chí cả khăn choàng cũng không. Cô chỉ mang theo chính bản thân mình.

Đúng là một con ngốc. Anh sưng sờ, không thể hiểu nổi cô, thậm chí còn khinh bỉ cô nữa. Những đám mây đã được viền quanh bằng một đường viền đỏ như lửa. Dòng sông chậm chạp đẩy những con sóng của mình đi, chúng trở nên dài hơn so với ban ngày, các xoáy nước ở những chỗ nước chảy xiết trở nên thâm hơn và nguy hiểm hơn. Giờ này không ai mạo hiểm qua sông bằng thuyền. An toàn nhất là bằng phà.

Làn gió mơn man vằng trăn Iôxip, nhưng nó vẫn cứ nóng hừng hực. Những ý nghĩ ngọ ngoáy trong đầu làm anh bực bội, bối rối. Sợi dây cáp của chiếc phà là mối giây liên lạc giữa hai bờ, cũng là con đường thẳng không thể

chối cái nôi sang bờ bên kia, sang ngôi biệt thự màu trắng của ông chủ.

- Tôi không chờ nữa đâu, - anh từ chối.

- Anh không muốn chờ à? - Cô gái suy đoán, rồi lắc lắc chiếc ví nhỏ, vui vẻ thốt lên: - Tôi sẽ trả cho anh gấp hai!

Iôxip mỉm cười yên tâm.

- Cô không đủ tiền đâu. Tôi không chờ.

Cô còn chờ đợi gì nữa? Tiếng những đồng xu trong chiếc ví đã im bật. Nét mặt cô toát nên sự tin cậy và cầu khẩn. Nhưng anh lại càng tỏ ra lạnh lùng hơn.

- Ông chủ không thèm để ý đến cô đâu. Chiếc áo váy của cô không hợp mốt, đôi giày thô. Ông ấy sẽ đuổi cô ra. Ông ấy có những mối quan tâm khác. Ngày nào tôi cũng nhìn thấy ông ấy, tôi biết mà.

Anh dọa cô. Cô lặng đi, cặp mắt long lanh ngân nước.

- Mùa đông ông chủ sẽ không sống ở đây đâu. Ông ấy sẽ quên cô ngay thôi.

Dù Iôxip rất lo cho cô, nhưng anh là người không biết võ vè, an ủi. Nhưng nói gì thì nói, bây giờ anh cũng sẽ đưa cô qua sông. Sự bối rối càng lúc càng hiện rõ trên khuôn mặt anh. Anh cúi nhìn xuống chân, ở đó chỉ có đám cát hỗn độn, ngoài ra không có gì khác. Kế hoạch hoàn hảo của anh đã chui vào đám cát của sự thiếu kiên quyết và bế tắc.

Khi Marya chậm rãi quay người để ra đi, lần thứ hai trong buổi chiều nay Iôxip không thể hiểu nổi cô.

- Cô về à? - Anh hỏi.

Cô dừng lại, anh cảm thấy vui mừng điều đó.

- Tôi cũng về đây.

- Thế à?

Anh bắt đầu loay hoay buộc phà lại.

- Tôi nghĩ, đến mùa đông cô sẽ khiêu vũ với tôi chứ?

Cô nhìn xuống mũi giày của mình.

- Có thể... Còn bây giờ tôi muốn về nhà.

Lát sau bóng cô đã khuất dạng. Người lái phà Iôxip Poie ngẫm nghĩ, dầu thế nào đi nữa, có lẽ cô ấy cũng buồn. Nhưng đến mùa đông sẽ vui hơn. Anh nhặt một viên đá và ném xuống sông. Nước sông đục ngầu, và trong bóng chiều chạng vạng, lấp loá những vành bọt trắng màu bạc trên đầu những ngọn sóng. Điều đó không có gì khác hơn là dòng chảy màu xám sôi sục và mạnh mẽ kia đang kiên trì chia cắt đất đai ra thành những cuộc chia ly.

Đào Minh Hiệp dịch

TỘI ÁC KHÔNG TANG CHÚNG

M.Tournier

*Michel Tournier (sinh năm 1924) là nhà văn nổi tiếng người Pháp, thành viên Hội đồng Giải thưởng Goncourt, viết tiểu thuyết và truyện ngắn...đạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế. Các tác phẩm chính: tiểu thuyết **Thú sáu, Chúa tể rừng sâu** (Giải thưởng Goncourt), **Sao chổi, Eleazar...**và nhiều tập truyện ngắn.*

*

Mười lăm năm đã trôi qua, liệu khoảng thời gian ấy đã đủ để bây giờ lương tâm cảm thấy thanh thản? Tôi cố trấn an mình rằng, tôi đã phải khổ tâm thế nào với cảm giác tội lỗi khi biết về cái chết của thầy giáo Têobal Berte trên báo chí. Căn cứ theo toàn bộ sự việc thì ông là nạn nhân của một vụ giết người, mà mọi nghi vấn đang trút xuống đầu bà vợ Tereza và nhân tình của bà là Harri Pink. Vấn đề chính là ở chỗ đã có thời giữa tôi và bà Tereza Berte có mối quan hệ gần gũi và đáng buồn. Tôi vẫn nhớ mãi những kỷ niệm đó vì chúng liên quan đến thời thanh niên của tôi.

Đạo ấy tôi đang chuẩn bị thi lấy bằng ngữ văn và để kiếm sống tôi phải làm thêm công việc chần ngắt của người giám thị trong trường Alanson. Têobal Berte phụ trách hai lớp sáu và là giáo viên có bằng đại học đang dạy môn ngữ pháp bởi vậy mà ông có cơ sở để nhìn tôi bằng ánh mắt trịch thượng. Nhưng không, ông là một người rất hiền lành. Không thể hình dung có một sinh vật nào tẻ nhạt,

đơn điệu và vụng về hơn ông. Ông rất vui khi được phân phụ trách các em học trò nhỏ lớp sáu - được cho là dễ nhất - trong khi lũ trẻ đang ở độ tuổi giao thời nghịch như quỷ. Cũng có thể khi mới đi dạy ông đã phải trải qua những kinh nghiệm cay đắng? Tôi nhớ, mỗi khi chúng tôi trao đổi với nhau về công việc, về mối quan hệ giữa thầy và trò là ông liền im bặt. Có thể vì những lập luận của tôi - nội dung cụ thể tôi không còn nhớ nữa - đối với ông là quá lạc quan, nhưng dẫu sao thì tôi vẫn còn nhớ có lần với vẻ mặt tự ái, ông cứ lắc đầu và nhắc đi nhắc lại: “Ồ không, anh phải biết, lũ trẻ không hiền lành đâu, thậm chí còn rất độc ác nữa là khác, chỉ cần chúng nhận ra được thế mạnh của mình”. Mặc dù tôi cảm thấy thương hại và có đôi chút ghê sợ đối với ông Berte (tôi có cảm giác về mặt tuổi tác tôi cũng chỉ vừa mới trải qua giai đoạn trẻ con độc ác như ông nói), nhưng tôi không dám khinh thường ông. Những lúc hiếm hoi buộc phải lên tiếng, ông trở thành một người thông thái, am hiểu tường tận như lòng bàn tay về các tác giả La Tinh và Hy Lạp, về phong cách kiến trúc lãng mạn, về hội họa Barok, về âm nhạc và về phong trào “tiểu thuyết mới”. Và khi những người khác cảm thấy có điều gì nặng nề trong lòng, họ sẽ vung tiền vào những trò tiêu khiển thấp kém và bắn thủ để tìm chút khuây khoả trong cái cuộc sống tù đọng này, thì ông một mình lặng lẽ thu mình lại trong khu vườn của mình, nơi mọi thứ đều được chăm sóc, xén tỉa rất cẩn thận và tinh tế.

Nhưng có một điều hết sức nghịch lý là con người chẳng có gì đặc biệt này lại có một người vợ rất xinh đẹp, khoẻ mạnh, cuộc sống dư dả. Mối quan hệ giữa nữ thần chiến

tranh trẻ trung lúc nào cũng kiêu hãnh khoe bộ ngực ra phía trước với một người đàn ông thấp bé, tẻ nhạt và u ám có thể nói là rất lạ lùng. Nhưng những chuyện như vậy vẫn thường xảy ra hơn là ta tưởng. Có những người đàn bà uy quyền lại hài lòng với những ông chồng nhỏ thó, dễ bảo như những ông phỗng bằng sáp.

Tôi còn trẻ, ngây thơ và năng động. Chủ nhật nào tôi cũng tập thể thao tại nhà thi đấu của trường. Tôi muốn xua đi hình ảnh thấp kém của mình trong vai trò người giám thị bằng cách cố vượt qua đám học sinh ở các lớp lớn về môn chạy một trăm mét và môn nhảy cao. Vì mọi người quanh tôi đều mơ tưởng đến bà Tereza Berte xinh đẹp, nên tôi quyết định bằng mọi cách phải trở thành tình nhân của bà, một phần cũng vì thâm tâm tôi muốn thế, một phần là để tự khẳng định mình. Kế hoạch của tôi được thực hiện dễ dàng đến mức, mặc dù háo danh nhưng tôi cũng thấy rất lạ lùng. Ngược lại, Tereza lại làm tôi ngạc nhiên vì chuyện khác, ấy là mỗi khi chúng tôi hẹn nhau đi chơi bà luôn đưa chồng theo. “Như vậy mọi người sẽ chẳng có lý do gì để dâm tiếu”, - bà giải thích. Cũng có thể là như vậy, song như những người trẻ tuổi khác, tôi trở thành tù nhân của những thành kiến và khổ sở vì lâm vào cái mối tình tay ba kinh điển, tâm thường gồm: vợ, nhân tình và người chồng độ lượng. Chẳng khó khăn gì tôi cũng nhận thấy trong mối quan hệ của chúng tôi có điều gì đó không bình thường, không giống bất kỳ điều gì khác và rất đáng lo ngại, nhưng tôi không muốn thay đổi nữa. Tất cả mọi điều uẩn khúc phức tạp trong cuộc phiêu lưu này, mãi sau này tôi mới biết khi đã suy ngẫm kỹ lưỡng.

Nói một cách ngắn gọn, nếu xét theo quan điểm đạo đức, còn lâu chúng tôi mới là những con người hoàn hảo. Còn nếu theo quan điểm vật lý, chỉ cần một sự đụng chạm nhẹ là cơ thể chúng tôi như cháy bùng lên. Điều thứ hai có thể bổ khuyết cho điều thứ nhất nếu như không có sự việc thứ ba xảy ra làm phức tạp vấn đề lên. Tôi đã phải tiêu tốn cho những người bạn mới của mình không ít tiền, nhất là trong hoàn cảnh kinh tế eo hẹp đối với một người giám thị bình thường như tôi. Lẽ đương nhiên, khi ba chúng tôi đi chơi đâu đó thì tôi luôn là người phải thanh toán mọi chi phí. Mỗi khi hoá đơn được mang tới, ông chồng vụng về định rút ví ra liền bị Tereza nhanh chóng gạt ngay. Ngoài ra, Tereza còn mượn của tôi một khoản tiền lớn để mua xe ô tô vì theo như lời bà, các giao dịch bằng kỳ phiếu thực chất là một sự ăn cướp trắng trợn. Tôi quyết định không tỏ ra hà tiện khi “gặp một niềm hạnh phúc như vậy”, liền rút hết tiền tiết kiệm giao cho bà. Số tiền còn lại tôi dự định dành cho chuyến du lịch sang Hy Lạp vào dịp hè.

Mối tình kỳ lạ của chúng tôi kéo dài trong học kỳ - khoảng thời gian rất đáng yêu đối với các giáo viên. Từ năm đến bảy giờ chúng tôi vui chơi với nhau trong căn phòng ký túc xá của tôi, và cho đến lúc ấy không hề xảy ra bất cứ một sự cố đặc biệt nào. Một lần, cũng trong khoảng từ năm đến bảy giờ, trong lúc chúng tôi đang vui vẻ với nhau thì cánh cửa phòng bỗng bật mở. Quý tha ma bất, tại sao tôi lại có thể quên gài chốt cửa nhỉ? Mà có đúng là tôi quên hay ai đó đã mở ra? Trong phòng tối mờ mờ nên chúng tôi chỉ nhìn thấy bóng ông Têobal trong tư thế nhìn nghiêng lấp ló ngay trên ngưỡng cửa. Trông ông trông thật

thảm hại: hai cánh tay lòng không, vai phải cao hơn vai trái, cái đầu to tướng như bị gục xuống bởi chính sức nặng của mình.

Ông Têobal đứng như vậy một lúc lâu và tỏ ra rất bối rối, còn tôi thậm chí không thể động dậy vì bị Tereza kẹp chặt. Sau đó, ông Têobal lặng lẽ đóng cửa lại và chúng tôi nghe tiếng bước chân ông xa dần. Tereza bật dậy vội vàng mặc quần áo. “Ông ấy sẽ tự tử. - Tereza lắm bầm. - Ông ấy dám tự tử lắm”. Nói xong Tereza biến ngay như cơn lốc. Sáng hôm sau tôi bị Trưởng phòng giáo vụ, ngài Jiulen gọi lên. Đó là một người rất kỹ tính và tinh tế nhưng lại cố làm ra vẻ dân dã. Ông tiếp tôi với một sự vui vẻ suông sã, bóng gió nói đến mùa xuân, đến tuổi trẻ và những chiến tích của tôi đối với phụ nữ.

- Chỉ có điều, anh biết không, - ông nói thêm. - anh đã đi quá xa. Một trong số các đồng nghiệp của chúng tôi than phiền về mối quan hệ của anh với vợ ông ấy và chính bà vợ cũng đã xác nhận điều đó. Thậm chí có cả người làm chứng nữa. Những vụ xằngđạn như thế này không được phép xảy ra trong môi trường giáo dục. Anh sẽ là tấm gương như thế nào đối với các em học sinh! Nhất là trong thành phố Alanson của chúng ta...rồi còn danh dự của thầy cô giáo...rồi còn hội đồng phụ huynh học sinh

Nói tóm lại, ông Trưởng phòng giáo vụ buộc lòng phải yêu cầu tôi thử nghiệm tài năng của người giám thị - chuyên đi cảm dỗ phụ nữ - ở trường khác.

Tôi sẵn sàng ra đi ngay nếu như không vì số tiền tôi cho họ vay để mua ô tô. Tôi chỉ có thể đòi tiền gia đình Berte một cách hết sức nhẹ nhàng và tế nhị vì tôi biết mình rất



có lỗi với họ. Tôi trình bày yêu cầu của mình bằng một bức thư được gọt giữa chấu chuốt gửi qua đường bưu điện. Nhưng hoá vô đơn chí, khi sắp xếp đồ đạc trước khi ra đi tôi chẳng tìm thấy gói tiền mà tôi đã giấu trong mớ quần áo lót để dành cho chuyến du lịch sang Hy Lạp đâu cả. Có lẽ vì tôi đã quên khoá cửa phòng (không biết đã bao lần rồi).

Tôi còn trẻ, cuộc phiêu lưu đã để lại trong tôi những kỷ niệm đáng buồn, và như người ta vẫn thường nói, cái gì cũng có giá của nó. Chẳng những thế, tôi còn phải giấu kín trong lòng nỗi oán hận đối với gia đình Berte.

Tôi nhận được thư trả lời của ông Têobal. Tôi không đủ kiên nhẫn để đọc hết các trang thư được viết bằng một nét chữ lít nhít. Điều duy nhất làm tôi lo lắng là trong thư không có tấm séc nào cả. Tôi đọc lướt qua bức thư rồi ném vào góc ngăn bàn cùng với những giấy tờ khác. Vài tháng sau tôi gặp một đồng nghiệp cũ ở trường Alanson.

- Vợ chồng Berte à? - anh ta hỏi lại. - Chẳng lẽ cậu không biết gì sao? Cậu có nhớ ông Trưởng phòng giáo vụ, ngài Jiulen lịch lãm không? Vậy thì thế này, vào cuối học kỳ ba - khoảng thời gian rất đáng yêu đối với các giáo viên - ông Berte bắt quả tang vợ mình trong vòng tay của ông ta. Rất may là ông Berte không chỉ có một mình, cùng có mặt lúc ấy là Phó hiệu trưởng phụ trách công tác tổ chức. Và thế là sự việc vỡ lở. Ông Berte nộp đơn lên Hội đồng Giáo dục. Vấn đề càng trở nên phức tạp vì vụ việc lại xảy ra ngay trong trường. Cậu hiểu chứ, nhất là trong thành phố.

- Alanson của chúng ta, - tôi tiếp lời. - rồi còn danh dự của thầy cô giáo, rồi còn hội đồng phụ huynh học sinh... Minh biết rồi, mình biết rồi.

- Nói tóm lại, ông Berte hom hem đã cho nổ tung một quả bom vào mặt mọi người ở ngay ngoại ô Paris. Cậu có muốn tớ nói cho cậu biết tớ nghĩ gì về việc này không?

- Chính mình sẽ nói cho cậu nghe và nếu quan điểm của chúng ta không giống nhau mới là chuyện lạ. Bà Tereza là con ngựa cái tơ nếu cứ tiếp tục diễn trò tình ái để phục vụ cho đường công danh của ông chồng. Cậu sẽ không ngạc nhiên nếu sau này ông chồng xuất hiện ở Đại học Sorbonne hoặc College de France¹. ấy là mình chưa nói về chuyện tiền bạc mà bà vợ đã vợ được trong những lần đi đêm. Mặc dù như người ta vẫn thường nói, đi đêm lắm có ngày gặp ma, nhưng đối với đàn bà thì ngược lại.

*

Vậy là mười lăm năm đã trôi qua. Kể từ dạo ấy tôi không nghe nói gì về vợ chồng ông bà Berte nữa cho đến khi đọc được cái tin khủng khiếp kia trên báo. Xét về mọi mặt, ông Berte không thành công lắm trên đường công danh mà bà Tereza tài năng đã cố công vun đắp. Cái chết đột ngột ập đến với ông ngay trước ngày cầm sổ hưu với chức vụ hiệu trưởng một trường phổ thông trung học ở Paris. Còn kẻ tông phạm Harri Pink là một thực tập sinh còn trẻ người Anh, nhân viên hợp đồng cùng trường với ông Berte. Nếu như không có cái chết của một người và hai người khác đang ngồi sau song sắt hẳn tôi đã cảm thấy

¹ Các trường đại học danh tiếng ở Pháp.

lòng tự ái được xoa dịu hoàn toàn. Tuy nhiên, trong vụ này còn một số chi tiết đặc biệt. Trên các báo đều in ảnh của những đôi tượng có liên quan. Kể từ lần gặp gỡ cuối cùng giữa chúng tôi, ông Berte hầu như không thay đổi gì cả. Thật ra có bao giờ trông ông trẻ trung đâu. Ông thuộc vào típ đàn ông mà cùng với năm tháng sẽ biến thành một ông già ngay từ khi mới hai mươi tuổi và hình ảnh ấy cứ tồn tại mãi trong mắt mọi người. Anh chàng người Anh kia trông khá điển trai, có thể vì tôi bất giác so sánh anh ta với tôi là chàng thanh niên ngây thơ vào cái thời có quan hệ với cặp vợ chồng kỳ lạ kia, chỉ có điều anh ta ít may mắn hơn tôi. Trong một chuyến bay di trú vất vả anh ta đã bị gãy cánh vì dính vào chuyện tình ái với Tereza! Khi nhìn thấy ảnh Tereza trên báo, quả thật tôi bị bất ngờ. Nữ thần chiến tranh xưa kia với thân hình chắc lẳn giờ đây đã biến thành con sử tử mảnh mẽ và nhân từ. Một khuôn mặt bình thản, đầy tự tin và uy quyền đang nhìn thẳng vào tôi. Tuy nhiên trên má, trên cổ và dưới cằm đã thấy xuất hiện dấu hiệu của sự tàn tạ đang nổi gót theo sau vẻ sung mãn. Sự thay đổi lớn nhất là ánh mắt, trong đó không còn nhấp nháy ngọn lửa khêu gợi và niềm yêu đời từng làm nên sự quyến rũ của người phụ nữ này. Giờ đây, may lắm chỉ còn lại sự chờ đợi đầy lo âu và nếu tệ hơn nữa là sự mệt mỏi. Nhưng dù sao đi nữa thì nữ thần chiến tranh của tôi trông vẫn còn rất ấn tượng, và cũng dễ hiểu vì sao mà chàng trai người Anh đã bị đôi cánh tay tròn lẳn và cơ thể săn chắc kia đưa vào trông.

Tình huống dẫn đến cái chết của ông Berte, thoát đầu như lời khẳng định của bà Tereza là do tai nạn. Nhưng sau

khi người ta phát hiện thêm nhiều tình tiết mới, bà Tereza lại khai báo lung tung và bị đưa vào vòng nghi vấn. Thi thể của ông Berte được tìm thấy trong phòng tắm, sau đó người ta đã tìm ra nguyên nhân cái chết là do bị điện giật từ chiếc máy cạo râu. Nhưng kết quả điều tra cho thấy ông Berte chỉ dùng loại dao cạo thông thường mà người ta đã tìm thấy ngay bên cạnh. Còn chiếc máy cạo râu chạy điện là nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông Berte lại là loại dao cạo dùng cho phụ nữ và nó là của bà Tereza. Nhưng bằng chứng quan trọng nhất chống lại bà Tereza và nhân tình của bà chính là bức thư của ông Berte viết trước khi chết vài ngày gửi cho người em gái và người em đã kịp giao cho cơ quan điều tra. Trong thư, ông Berte kết tội vợ mình và chàng trai người Anh đang có âm mưu hãm hại mình. Bà Tereza đã ép ông ký bảo hiểm và trong trường hợp nếu ông qua đời thì bà sẽ trở thành quả phụ giàu có. Cũng trong bức thư này ông khẳng định, họ đã từng sắp đặt hai vụ tai nạn để gài bẫy ông, nhưng ông đã may mắn thoát chết. Tóm lại, ông Berte dặn trước cô em gái rằng nếu như có chuyện gì xảy ra với ông thì kẻ giết người chính là bà Tereza vợ ông và nhân tình của bà.

Tôi điểm lại toàn bộ các tình tiết của sự việc cùng với những hồi tưởng có liên quan rồi đặt mình vào vị trí của chàng thanh niên người Anh kia. Liệu điều đó có xảy ra với tôi cách đây mười lăm năm? Không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng quả thật tôi không nhận ra Tereza như trước kia tôi từng biết trong vai nữ tội phạm mà báo chí đã mô tả đầy ác cảm. Nào là tính háo dục - phải, điều đó là có; nào là niềm khát khao hành động không biết mệt mỏi - cũng

đúng; nhưng nói rằng bà là kẻ hoàn toàn vô đạo đức - chưa chắc đã chính xác. Bởi lẽ, theo tôi, nếu con người yêu cuộc sống, thì theo bản năng hẳn người đó phải dừng bước trước một số hành động, nhất là giết người. Tereza là người đàn bà chưa được thoả mãn trong cuộc sống, cho nên không một tình huống nào, dù đó là một tình huống tế nhị đến đâu có thể bắt bà lùi bước. Nhưng trước nỗi đau về thể chất, trước máu chảy bà sẽ phải dừng lại ngay, giống như con ngựa ngửi thấy mùi ông đồ tể. Tôi nhớ có lần Tereza tỏ ra khó chịu khi tôi nhắc đến chuyện một cô giáo sau khi có thai đã đến gặp bác sĩ để phá thai. "Không bao giờ!" - Tereza bật ra và đưa hai tay lên bụng như che chở cho cho cái mầm sống của mình trước những tên đao phủ mặc áo choàng trắng. Và tôi cũng nhớ lại câu nói mà Tereza đã bật ra ngay vào cái hôm chồng bà bắt quả tang chúng tôi đang nằm bên nhau rồi bỏ đi. Lúc ấy, vừa vợ vội quần áo, Tereza vừa thốt lên: "Ông ấy sẽ tự tử". Tự tử à? Khi có một cái chết xảy ra không theo quy luật của tự nhiên, có lẽ cũng cần phải xem xét đến phương án thứ ba bên cạnh cái chết do tai nạn và cái chết do bị giết.

Từ hôm ấy tôi theo dõi sát sao diễn biến của vụ ông Berte trên báo chí. Trên đầu Tereza treo lơ lửng những đám mây đen, sự việc rất có thể sẽ dẫn đến án tử hình. Riêng tôi, không hiểu sao tôi cứ bị ám ảnh về một ký ức mơ hồ nào đó đang cố hiện ra từ nơi sâu thẳm của sự quên lãng. Đúng rồi, bức thư! Chính là bức thư mà ông Berte đã viết cho tôi sau khi tôi rời khỏi trường Alanson. Thất vọng vì trong bì thư không có tấm séc và đoán rằng người ta không có ý định trả nợ cho tôi nên tôi chỉ lướt qua vài dòng

trong các trang thư dày đặc những con chữ lít nhít. Quý tha ma bắt ông ta đi cho rồi, đồ lừa đảo! Tôi cần gì những lời giải thích lòng thông ấy! Giờ đây, trong lúc cố nhớ lại nội dung của bức thư, tôi chỉ nhớ rõ được hai từ: “tự tử” và “trả thù”. Phải, ông Berte đã viết về việc ấy. Những gì còn lại trong bức thư như bị một lớp mây mờ che phủ. Nhưng các từ “tự tử” và “trả thù” có thể rơi lên một tia sáng bất ngờ về cái chết của ông Berte.

Tôi đã quảng bức thư ấy ở đâu nhỉ? Câu hỏi hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ tôi có thói quen lưu giữ tất cả mọi thứ, nhất là những bức thư, cho dù đó là những bức thư ngớ ngẩn nhất. Nhưng than ôi, cái thói quen ấy của tôi lại không đi cùng với sự ngăn nắp. Giấy tờ lưu trữ của tôi thường được xếp vào các cặp giấy và có trời biết chúng bị thất lạc ở đâu sau mỗi lần chuyển nhà.

Tôi bắt đầu đi tìm. Càng tìm kỹ bao nhiêu tôi càng thấy ít có hy vọng tìm lại được bức thư, nhưng lại càng tin chắc rằng nó sẽ là một tang chứng quan trọng trong vụ án. Vài ngày liền tôi như lên cơn sốt, vừa lo sợ, vừa căm giận chính bản thân mình. Nhân đây cũng cần phải nói thêm rằng, không có gì làm khổ thần kinh bằng việc đào bới vào những giấy tờ và thư từ cũ nát đến mức không thể đọc nổi. Nào là bụi bặm cùng với sự quên lãng, những mơ mộng hão huyền và những mối tình chết yểu! Có cảm giác như tôi đang lồi từ dưới huyết lên mớ hài cốt của chàng trai đã một thời là chính tôi để lục lọi khám xét nó; đôi khi nó gây thò đến mũi lòng, nhưng cũng không ít lần bốc mùi thum thum. Cuối cùng tôi hét lên vì sung sướng: bức thư của ông Berte nằm trong tập bản thảo viết tay của cuốn tiểu thuyết

tôi mới bắt đầu rồi bỏ dở. Đã có lần tôi định viết tiếp, nhưng cuối cùng bỏ quên luôn. Vừa đọc những hàng chữ nhỏ li ti trong các trang thư của ông Berte, tôi vừa nghĩ rằng những dòng chữ hoàn toàn không phải là hư cấu này còn sâu sắc và hấp dẫn gấp ngàn lần so với cuốn tiểu thuyết mà tôi có thể sáng tác, cho dù nhận xét này chỉ phù hợp với những người không cầm bút. Tuy nhiên giờ đây điều đó liệu có còn ý nghĩa gì nữa?

“Bạn đồng nghiệp thân mến!

Tôi viết cho anh hoàn toàn là vì giữa chúng ta có sự chênh lệch về tuổi tác. Tôi không thể giao tiếp với nhân tình của Tereza nếu người đó trạc tuổi tôi. Đối với tôi, anh chỉ đáng tuổi con, nhưng đối với Tereza thì không phải vậy. Tuổi trẻ của anh đã trối tay tôi lại, trong mọi trường hợp nó đã làm giảm nhẹ tội lỗi của anh trong mắt tôi, còn nếu nói về Tereza, về mẹ tôi, cha tôi và về cuộc sống nói chung thì sự kết án của tôi là không giới hạn. Chắc anh cũng có thể dễ dàng nhận thấy, tôi chẳng có gì nổi bật, kể cả về mặt thể xác lẫn sự nghiệp. Có lẽ, tôi bị dễ ngược, bằng cách ấy tôi như muốn chống lại ý muốn đưa tôi vào đời. Không bao giờ tôi cảm thấy hài lòng với cuộc sống này và tôi nóng lòng chờ đợi phút giây để quay trở về cõi hư vô mà tôi cho rằng mình chưa bao giờ chia tay với nó. “Thưa ngài, tôi đã từng sống trong cõi hư vô yên lặng và nhỏ mọn. Người ta lôi tôi từ đấy ra rồi ném tôi vào cái lễ hội hoá trang kỳ quái này” - ngài Test, một nhà Duy mỹ vĩ đại đã nói một cách giản dị và huých toẹt như vậy. Đối với tôi, đó không phải là một lễ hội hoá trang kỳ quái mà là một trò hề độc ác. Tôi sẽ không kể về những nỗi bất hạnh và sự sỉ nhục mà tôi đã

trải vào thời thơ ấu. Thậm chí ngay từ khi còn học tiểu học, những giờ ra chơi đối với tôi là cực hình. Điều trớ trêu chính là ở chỗ ghét của nào trời trao của ấy, nên tôi đã trở thành thầy giáo. Lạy chúa tôi, đó hoàn toàn không phải là do chí hướng gì đâu! Chẳng qua vì tôi không có khả năng làm một việc gì khác, hay thử sức mình trong lĩnh vực khác. Tôi đã nhiều lần phải thi lại và cuối cùng cũng đủ điểm để trở thành giáo viên môn ngữ pháp - một môn học không mấy người coi trọng. Được phân phụ trách các lớp nhỏ tôi như thoát ra khỏi tầm ngắm của của đám học trò lớp tám mà tôi đã có dịp ném đủ trò tình nghịch quỷ quái của chúng trong lần dạy thay cho một giáo viên bị ốm. Mỗi khi nhớ lại tôi vẫn còn cảm thấy khiếp sợ. Mỗi buổi chiều trở về nhà, tôi gần như phát điên lên vì sự huyên náo của chúng trong giờ học, toàn thân mệt mỏi rã rời, với một cảm giác ghê sợ khi nghĩ rằng ngày mai mình sẽ phải quay lại với cái đám quỷ sứ ấy. Anh cần phải biết tất cả những điều đó nếu như anh vẫn quyết định tiếp tục sự nghiệp giảng dạy của mình. Tôi có cảm giác, người thầy chỉ có một cách duy nhất để đứng vững trước hai mươi hay ba mươi đứa trẻ cả trai lẫn gái, tuổi từ mười bốn đến mười bảy - đó là phải chia sẻ với chúng những trò đam mê đặc trưng ở lứa tuổi chúng. Có thể làm được điều đó bằng cách đồng loã với chúng một cách mị dân. Còn có cách khác dễ dàng hơn, đó là những trò khiêu khích đơn giản đối với các cô bé và những chuyện tình dục đồng tính đối với các cậu trai. Điều quan trọng là phải trở thành một người đối thoại lớn tuổi về tình dục đối với chúng mà không ai có thể thay thế được, nhất là cha mẹ. Nhưng tôi lại hoàn toàn không thể làm được điều đó. Giữa tôi với các học sinh lớp tám có một

sự ác cảm không thể che giấu. Rất may là sang học kỳ sau tôi được trở về với các em học sinh lớp sáu thơ ngây.

Mối quan hệ giữa tôi với Tereza chỉ phát triển theo một chiều duy nhất, cô ta cần một người chồng như một công cụ để đạt được những mục đích cá nhân, để kiếm được một chỗ đứng dưới bầu trời này. Cha mẹ cô ấy vô cùng vui sướng khi biết con gái mình trở thành vợ của một công chức nhà nước, chẳng những thế lại là một nhà trí thức nữa. Cô con gái đã chia sẻ với cha mẹ sự thích thú ngây thơ khi trở thành người đại diện cho một đẳng cấp xã hội mà cô ấy cho là cao quý. Điều đó giải thích cho cảm giác kỳ lạ luôn thường trực và trở thành một câu hỏi bí ẩn đối với tôi. Chắc anh cũng nhận thấy, tôi gọi vợ tôi bằng “em”, nhưng bất chấp những lời nhắc nhở của tôi, cô ấy vẫn tiếp tục gọi tôi là “ông”. Bằng cách đó, cô ấy như muốn đồng thời khẳng định khoảng cách vị trí xã hội và khoảng cách về tuổi tác giữa chúng tôi, mặc dù cách nhau mười một tuổi không phải là lớn. Chưa bao giờ tôi cảm thấy mình là một người trẻ trung thực sự theo đúng nghĩa của nó, còn tất cả mọi thứ trong con người cô ấy - từ thể xác đến cử chỉ, đôi môi, cặp mắt - tất cả đều toát lên sự trẻ trung. Ôi, Tereza! Tôi rất yêu cô ấy! Yêu vô cùng! Khi chúng tôi xuất hiện trước mọi người, trông tôi rất vụng về, nức cười và dễ bị tổn thương bên cạnh cô ấy luôn tỏ ra rất tự tin! Mặc dù không cố ý, nhưng chỉ cần một cử chỉ hay một câu nói vô tình nào đó thốt ra là cô ấy đã làm cho tôi bị tổn thương, bị xúc phạm. Có một lần cô ấy đã xúc phạm tôi rất nặng nề, tưởng có thể chết đi được - chúng ta đang nói về cái chết, nhưng là một cái chết đã được gia hạn mà tôi không biết có còn lâu

nữa không. Khi đó chúng tôi còn là một cặp vợ chồng trẻ, dĩ nhiên nếu có thể gọi như vậy đối với cặp vợ chồng kỳ lạ như chúng tôi. Tôi không nhớ chính xác tại sao chúng tôi lại nói đến chuyện ấy, nhưng khi tôi vừa đề cập đến chuyện đứa con mà chúng tôi có thể sinh ra thì cô ấy đã sững người lại như lần đầu nhìn thấy tôi: “Con? Với ông?”. Cô ấy nhìn tôi soi mói, trong ánh mắt đầy vẻ khinh bỉ đến mức tôi không thể chịu đựng nổi phải bật dậy, bỏ đi.

Đứa con và cuộc sống, sự tiếp nối của cuộc sống, thậm chí chỉ là một sự sống sót - là những khái niệm đồng nhất. Tôi có cảm giác, nếu đứa con được sinh ra, nó sẽ như tình yêu của tôi đối với Tereza, sẽ ràng buộc tôi với cuộc sống, sẽ cứu tôi thoát khỏi những ý nghĩ về việc tự sát lúc nào cũng ám ảnh. Thế mà cái cánh cửa cứu rỗi kia bỗng nhiên đóng sập lại. Cuộc “phiêu lưu” đầu tiên của Tereza đã nhấn tôi lún sâu hơn vào bóng tối. Còn tôi, rất có thể tôi đã không ngại ra được nếu tôi không cảm thấy trong con người mình bỗng xuất hiện một năng lượng kỳ lạ và u tối, một hương vị mới đối với cuộc sống. Nó đắng ngắt và cay nồng nhưng rất mạnh, nó đã mở ra cho tôi một hướng đi: tôi đã biết về cái cảm giác ghen tuông và khát vọng trả thù, chúng không thể tách rời, như nhịp đập và khát vọng của một con tim. Tôi đã bị lừa dối, chế nhạo và xúc phạm. Tôi mong muốn được trả thù và để làm được điều đó cần phải tiếp tục sống.

Nhưng trả thù về cái gì và trả thù ai? Tereza đã gây cho tôi một vết thương không thể chữa lành khi từ chối không có con với tôi. Những ý nghĩ của tôi về sự trả thù chỉ xoay quanh chuyện có con. Phải thừa nhận ý nghĩ này cũng

chẳng có gì là độc đáo. Trong một xã hội được xây dựng trên những giá trị truyền thống, thì sự phản bội của người đàn bà sẽ bị trừng phạt rất nặng nếu người ta nghi ngờ về nguồn gốc của đứa con. Có thể tôi là người cổ hủ và nhạy cảm, nhưng tôi sẽ không bao giờ, không bao giờ thoả hiệp với việc Tereza có con với người đàn ông khác. Đối với anh, tôi đã tha thứ, bởi lẽ mối quan hệ thoáng qua giữa anh và Tereza đã chấm dứt mà không để lại hậu quả. Nhưng nếu mọi việc diễn ra khác đi thì tôi đã không để yên cho anh và cô ấy. Cô ấy biết rõ điều đó và đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đề phòng. Hơn nữa, tình mẫu tử của cô ấy mạnh hơn những người đàn bà bình thường khác và cô ấy không thể dè nén nó xuống. Vào cái ngày mà cô ấy nghe theo tiếng gọi của tình mẫu tử thì tôi sẽ phải đầu hàng. Nhưng anh hãy tin, tôi sẽ không ra đi một mình đâu. Thi thể của tôi sẽ như một hòn đá tảng buộc lên cổ, kéo Tereza cùng gã nhân tình của cô ấy và cái bào thai ghê tởm từ mối quan hệ truy lạc của họ đi theo tôi."

Liệu những dòng chữ trong bức thư kia đã đủ làm sáng tỏ mọi việc? Bằng chứng này đã đủ sức thuyết phục về sự tự sát của ông Berte - vụ tự sát đã được ông cẩn thận dàn dựng như một vụ giết người có chủ ý? Nếu như có điều gì đó còn nghi ngờ thì chỉ cần làm sáng tỏ một chi tiết nữa, chi tiết cuối cùng.

Tôi đã gặp và đưa bức thư của ông Berte cho luật sư của những người mà báo chí gọi là cặp tình nhân ma quỷ. Luật sư vội gửi Tereza đi xét nghiệm y tế và đúng là bà ấy đã có mang. Chắc là Tereza đã nói cho ông Berte biết điều đó mà không ngờ rằng mình đã khởi động một cỗ máy tai hoạ đã

được chuẩn bị sẵn. Ông Berte chết, nhưng ông đã báo thù. Ông đã dự tính một phát đạn giết được mấy con thỏ, nhưng ông đã quên mất những đồng chữ hùng hồn mà ông đã gửi đi cách đây mười lăm năm trước cho một đồng nghiệp trẻ. Đúng là một người thông thái, nhưng sự cuồng nhiệt trong nói năng và viết lách của ông đã làm đổ vỡ mọi kế hoạch khôn ngoan nhất.

Tereza được tha bổng vì không có chứng cứ kết tội. Sau khi được thả cùng với Harri Pink, việc đầu tiên bà ấy làm là gọi điện thoại cảm ơn tôi. Quả thật, cũng có cái để cảm ơn! Với tính cách nông nổi của mình, Tereza mời tôi dự bữa tiệc rượu nhân sự kiện đáng mừng đó, nhưng tôi đã từ chối. Nếu sau vài tháng nữa Tereza còn nhớ đến tôi, rất có thể tôi sẽ nhận làm cha đỡ đầu cho con bà. Tôi đưa ra lời đề nghị ấy và Tereza vội đồng ý ngay. Sau đó tôi không còn nghe nói gì về họ nữa.

Đào Minh Hiệp dịch



MỤC LỤC

Bạn bè chí cốt	5
Chu Tiên Quy	Trà Ly dịch
Người về đêm gió tuyết	10
Nhiếp Hâm Sâm	Trà Ly dịch
Những con thú đồng mưu	27
Horacio Quiroga	Nguyễn Trung Đức dịch
Hổ ăn thịt người	79
Horacio Quiroga	Hoàng Đình Trực dịch
Chờ đợi	117
Judith Hermann (Đức)	Lê Quang dịch

- Sonja132**
Judith Hermann (Đức)
Lê Quang dịch
- Người đàn bà làm điểm155**
Jean - Claude Mfou'ou (Cameroun)
Trần Việt dịch
- Cái chết không bình đẳng170**
Katia Toure (Côte D'ivoire)
Trần Việt dịch
- Những đồng đô la179**
Mohamed Berrada (Maroc)
Đức Thảo dịch
- Buổi trà chiều184**
Cầu Sơn Sơn (Trung Quốc)
Trà Ly dịch
- Học sinh Mĩ vào Havard 200**
Nhiếp Đạt Giáp (Trung Quốc)
Trần Quỳnh Hương (dịch)
- Sợi dây chuyên pha lê201**
Lữ Tân Kiến (Trung Quốc)
Trần Quỳnh Hương (dịch)



Tiểu Trương	207
Nhất Doanh (Trung Quốc)	
Trần Quỳnh Hương dịch	
Bức thư hạnh phúc	219
Clare Boylan (Anh)	
Hà Việt Anh dịch	
Như một giấc mơ	230
Alaberto Buitrago (Tây Ban Nha)	
Hà Việt Anh dịch	
Con chó	244
N. Đumbatze	
Đào Minh Hiệp dịch	
Mặt trời	269
N.Đumbatze	
Đào Minh Hiệp dịch	
Lena, Anh yêu em!.....	290
Lion Izmailov (Nga)	
Hà Việt Anh dịch	
Khi người ta yêu	300
Lion Izmailov (Nga)	
Hà Việt Anh dịch	

Mạnh hơn cái chết	298
A.I. Cuprin (Nga)	Hà Việt Anh dịch
Mong đợi	302
F.S. Fitzgerald (Mỹ)	Hà Việt Anh dịch
Trò đùa mùa hạ	312
Alberto Morava (Ý)	Hà Việt Anh dịch
Violente	322
Jean - Pierre Chabrol (Pháp)	Hà Việt Anh dịch
Chiếc thìa lưu niệm	333
Roger Grenier (Pháp)	Hà Việt Anh dịch
Buổi hẹn hò	343
J. Galsworthy (Anh)	Hà Việt Anh dịch
Tiền giả	348
Trần Xương Bình (Trung Quốc)	Trần Quỳnh Hương (dịch)

Cãi nhau 372

Lưu Sĩ Sương (Hong Kông)

Trà Ly dịch

Chuyện kể ở khe núi mù sương 378

Trịnh Ngạn Anh (Trung Quốc)

Trà Ly dịch

Lao thân vào chốn mật mờ..... 400

Hà Sơn Thu (Trung Quốc)

Trà Ly dịch

Phải lòng430

Andre Dubus

Tô Đức Huy dịch

Quả Pháo 449

Maxine Clair 449

Tô Đức Huy dịch

Đánh tráo464

Ray Bradbury (Mỹ)

Thái Hà dịch

Bóng ma vị hôn phu 478

Robert hunt (Mỹ)

Thái Hà dịch

Can đảm 486

Sivasancara pila (Ấn Độ)

Thái Hà dịch

Chuyện rủi ro khủng khiếp494

Agatha Christie (Anh)

Thái Hà dịch

Phà ngang504

I. Bachmann

Đào Minh Hiệp dịch

Tội ác không tang chứng511

M.Tournier

Đào Minh Hiệp dịch

NGƯỜI ĐÀN BÀ LÀM ĐIỂM
TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04 7 161 518 - 04 7 161 190 - Fax: 04 8 294 781

Email: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08. 8469859; Fax: 08 8483481

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN CÙ

Chịu trách nhiệm nội dung

NGUYỄN THỊ HẠNH

Biên tập: Phạm Thanh Điệp

Trình bày: Trần Thanh Bình

Bìa: Trọng Kiên

Sửa bản in: Bảo Trân

TỔNG PHÁT HÀNH
NHÀ SÁCH ĐỒNG ĐA
834 Đường Láng – Hà Nội
ĐT: (04) 7752939

NHÀ SÁCH MINH CƯỜNG
Số 2 Trần Quốc Hoàn
ĐT: 097.333.6886

In 1000 cuốn (khổ 14.5x20.5) cm tại Xưởng in Báo Thể Thao Việt Nam. Giấy
phép xuất bản số: 398-2008/24 - 44/VH . Do cục xuất bản cấp ngày 23/5/2008. In xong
và nộp lưu chiểu quý III năm 2008.

Người Đàn bà lạm

DIỆP

TUYỂN TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI

Phương Phi bất động như một pho tượng, tinh thần cô hoàn toàn suy sụp. Đối với Phương Phi một cuộc đời chẳng còn ý nghĩa gì nữa! Vậy thì giữ lại đồng tiền này liệu có ích gì đây? Cô tức tưởi khóc, đoạn nghiêng răng xé tan tờ ngân phiếu thành những mảnh vụn, vứt tung xuống biển...

Phương Phi dờ dẫm ngửa mặt lên trời dõi về phương xa xăm thẳng thốt gào to hai tiếng "Mẹ ơi" đầy ai oán, rồi nhún chân lao mình xuống biển đêm đen sẫm. Sóng biển ào ào nhấn chìm tấm thân người con gái cô độc nơi góc biển chân trời. Tiếng kêu "Mẹ ơi" thể thấm theo gió bay xa...

